

2012

Thông tin Giám sát Dinh dưỡng



LỜI CẢM ƠN:

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn tới Ban Giám đốc, Khoa Giám sát Dinh dưỡng, và các khoa, phòng, đơn vị có liên quan của Viện Dinh dưỡng đã hỗ trợ cho việc hoàn thành cuộc điều tra và báo cáo này.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn tới UNICEF Việt Nam và Dự án Alive & Thrive Việt Nam vì đã đóng góp về mặt kỹ thuật và tài chính cho việc triển khai, phân tích số liệu và viết báo cáo.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Sở Y tế và Trung tâm Y tế Dự phòng tại 63 tỉnh/thành phố trên toàn quốc và Trung tâm Dinh dưỡng Thành phố Hồ Chí Minh đã hỗ trợ, tổ chức quá trình thu thập số liệu.

Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn các bà mẹ, người chăm sóc trẻ và em nhỏ đã tham gia và làm nên thành công của cuộc điều tra giám sát dinh dưỡng năm 2012.

NHỮNG NGƯỜI THAM GIA:

Viện Dinh dưỡng

PGS TS Lê Danh Tuyên
TS Trần Thành Đô
TS Nguyễn Lân
CN Nguyễn Việt Luân
ThS Nguyễn Văn Khang
CN Nguyễn Việt Dũng
CN Nguyễn Duy Sơn
ThS Hà Huy Tuệ

UNICEF

ThS Roger Mathisen
ThS BS Nguyễn Đình Quang

Dự án Alive & Thrive

ThS Nemat Hajebehoy
TS, BS Nguyễn Thanh Tuấn
CN Trần Thị Ngân
CN Nguyễn Thị Thu Trang

Hướng dẫn trích dẫn:

Viện Dinh dưỡng, UNICEF, Alive & Thrive. *Thông tin Giám sát Dinh dưỡng 2012*. Hà Nội, Việt Nam, 2014.

MỤC LỤC

| | | | |
|---------------------------------------|-----|-----------------------------|-----|
| Lời cảm ơn | 2 | Quảng Bình | 147 |
| Mục lục | 3 | Quảng Trị | 151 |
| Tổng quan & Phương pháp | 4 | Thừa Thiên Huế | 155 |
| Toàn quốc | 7 | Đà Nẵng | 159 |
| Đông bằng sông Hồng | 11 | Quảng Nam | 163 |
| Vùng núi và cao nguyên phía Bắc | 15 | Quảng Ngãi | 167 |
| Bắc miền Trung và ven biển miền Trung | 19 | Bình Định | 171 |
| Tây nguyên | 23 | Phú Yên | 175 |
| Đông nam bộ | 27 | Khánh Hòa | 179 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 31 | Kon Tum | 183 |
| Hà Nội | 35 | Gia Lai | 187 |
| Hải Phòng | 39 | Đắk Lắk | 191 |
| Hải Dương | 43 | Đắk Nông | 195 |
| Hưng Yên | 47 | TP. Hồ Chí Minh | 199 |
| Hà Nam | 51 | Lâm Đồng | 203 |
| Nam Định | 55 | Ninh Thuận | 207 |
| Thái Bình | 59 | Bình Phước | 211 |
| Ninh Bình | 63 | Tây Ninh | 215 |
| Hà Giang | 67 | Bình Dương | 219 |
| Cao Bằng | 71 | Đồng Nai | 223 |
| Lào Cai | 75 | Bình Thuận | 227 |
| Bắc Kạn | 79 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 231 |
| Lạng Sơn | 83 | Long An | 235 |
| Tuyên Quang | 87 | Đồng Tháp | 239 |
| Yên Bái | 91 | An Giang | 243 |
| Thái Nguyên | 95 | Tiền Giang | 247 |
| Phú Thọ | 99 | Vĩnh Long | 251 |
| Vĩnh Phúc | 103 | Bến Tre | 255 |
| Bắc Giang | 107 | Kiên Giang | 259 |
| Bắc Ninh | 111 | Cần Thơ | 263 |
| Quảng Ninh | 115 | Trà Vinh | 267 |
| Lai Châu | 119 | Sóc Trăng | 271 |
| Sơn La | 123 | Bạc Liêu | 275 |
| Hoà Bình | 127 | Cà Mau | 279 |
| Điện Biên | 131 | Hậu Giang | 283 |
| Thanh Hóa | 135 | Hà Nội - Thành thị | 287 |
| Nghệ An | 139 | Hà Nội - Nông thôn | 291 |
| Hà Tĩnh | 143 | TP. Hồ Chí Minh - Thành thị | 295 |
| | | TP. Hồ Chí Minh - Nông thôn | 299 |
| | | Bộ câu hỏi | 303 |

TỔNG QUAN

Điều tra giám sát dinh dưỡng (GSDD) được Viện Dinh dưỡng Quốc gia cùng các Trung tâm Y tế Dự phòng tại 63 tỉnh/thành phố trên toàn quốc và Trung tâm Dinh dưỡng Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 7 cho đến hết tháng 9 hàng năm. Điều tra giám sát nhằm mục đích thu thập và theo dõi biến động của tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em, các chỉ tiêu cơ bản về thực hành nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ nhỏ, việc thực hiện các chương trình mục tiêu như phòng chống thiếu vitamin A, sử dụng muối iốt, tiếp cận thông tin về chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhỏ (IYCF). Những thông tin mà hệ thống GSDD cung cấp phục vụ cho việc theo dõi, đánh giá kết quả triển khai hoạt động của chương trình dinh dưỡng ở Việt Nam trong khuôn khổ của Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng mỗi thập niên, và cung cấp các thông tin lập kế hoạch cho hoạt động dinh dưỡng hàng năm ở các tỉnh.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Cỡ mẫu và chiến lược chọn mẫu

Đây là điều tra cắt ngang sử dụng phương pháp chọn mẫu cụm nhiều giai đoạn:

Giai đoạn 1 - chọn cụm: Viện Dinh Dưỡng chọn ngẫu nhiên hệ thống 30 cụm (xã/phường) cho từng tỉnh và thành phố, sử dụng phương pháp chọn mẫu xác suất theo tỷ lệ dân số (PPS). Riêng Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh chia thành hai khu vực: thành thị và nông thôn; mỗi khu vực lại chọn ra 30 cụm cũng tuân theo phương pháp PPS.

Giai đoạn 2 - chọn thôn/tổ: Tại mỗi xã/phường đã được xác định ở giai đoạn 1, 3 thôn/tổ được chọn ngẫu nhiên theo phương pháp bắt thăm ngẫu nhiên hoặc sử dụng phần mềm excel (hoặc phần mềm khác) để chọn số ngẫu nhiên.

Giai đoạn 3 - chọn đối tượng: Đội điều tra GSDD của tỉnh hoặc chuyên trách dinh dưỡng tiến hành chọn ngẫu nhiên 17 trẻ dưới 5 tuổi mỗi thôn theo phương pháp nhà liền kề (với trường hợp không có danh sách đầy đủ số trẻ trong thôn) hoặc sử dụng phần mềm excel để chọn ngẫu nhiên (với trường hợp có danh sách trẻ trong thôn). Đảm bảo cơ cấu dân số trẻ mỗi thôn theo tỷ lệ 2 trẻ 0-5 tháng, 5 trẻ 6-23 tháng, và 10 trẻ 24-59 tháng. Như vậy số trẻ được điều tra là:

- Mỗi cụm sẽ điều tra 17 trẻ x 3 thôn = 51 trẻ
- Mỗi tỉnh sẽ điều tra 30 cụm x 51 trẻ = 1530 trẻ
- Thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh sẽ điều tra 2 vùng x 1530 trẻ = 3060 trẻ
- Ước lượng tổng số trẻ điều tra toàn quốc sẽ là 1950 cụm x 51 trẻ = 99450 trẻ

2. Nội dung điều tra

Như đã mô tả ở đầu, hoạt động GSDD thu thập các thông tin cơ bản liên quan đến tình trạng dinh dưỡng dựa trên các chỉ số nhân trắc của trẻ em và bà mẹ, các chỉ số cơ bản về độ bao phủ các dịch vụ phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, các chỉ số chính về thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ. Các chỉ tiêu sử dụng được áp dụng các chuẩn chung của Tổ Chức Y tế Thế Giới về định nghĩa cũng như phương pháp thu thập nhằm tối ưu hóa tính đồng nhất của các chỉ tiêu giữa các năm, cũng như ý nghĩa sử dụng và so sánh số liệu khi cần (xem phần định nghĩa các chỉ số). Một bộ câu hỏi cụ thể được xây dựng theo các nội dung thông tin cần thu thập cùng tài liệu hướng dẫn chi tiết phục vụ cho các điều tra viên và giám sát viên.

3. Quá trình thu thập số liệu tại thực địa

Các thành viên cơ bản của mạng lưới điều tra GSDĐ bao gồm: nhóm kỹ thuật (Khoa Giám sát Dinh dưỡng, Viện Dinh dưỡng), giám sát viên (Tỉnh, Trung ương và Khu vực), phụ trách điều tra, đội trưởng, điều tra viên, và bộ phận nhập liệu (Khoa Giám sát Dinh dưỡng, Viện Dinh dưỡng). Điều tra viên là cán bộ của tuyến tỉnh thường là người của Trung tâm y tế dự phòng của tỉnh. Các điều tra viên thường được tập huấn kỹ thuật nhắc lại trước thời điểm điều tra bởi tuyến trung ương. Quy trình điều tra tại mỗi cụm bao gồm các giai đoạn sau:

3.1. Chuẩn bị xuống cụm điều tra

Quá trình chuẩn bị được tiến hành ngay sau khi kết thúc lớp tập huấn cho đội trưởng và điều tra viên. Ngoài ra, tất cả các bước trước đó như chọn cụm, chọn thôn, và có thể chọn ngẫu nhiên đối tượng đã phải hoàn thành.

Các bước bao gồm: thống nhất kế hoạch điều tra giữa các tuyến, chuẩn bị các giấy tờ, thủ tục hành chính cần thiết, và tổ chức hội nghị chuẩn bị triển khai điều tra (nếu có thể).

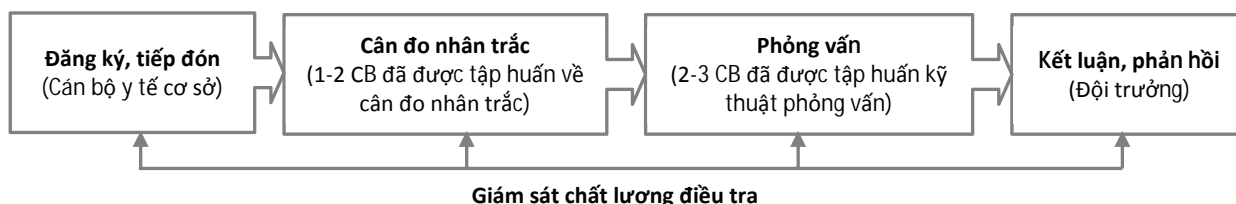
Trước khi đến điều tra cần liên lạc trực tiếp với huyện và xã nhằm khẳng định sự sẵn sàng của các đơn vị trên. Đồng thời, các thành viên phải tự chuẩn bị về mặt sức khỏe, tinh thần, các công việc gia đình và bàn giao công việc cơ quan trước khi đi điều tra.

3.2. Triển khai tổ chức điều tra sau khi đến cụm

Đội điều tra của tỉnh phối hợp với xã trong các hoạt động sau: chuẩn bị địa điểm điều tra, chuẩn bị mời đối tượng, lịch mời đối tượng, huy động sự hỗ trợ của cán bộ địa phương trong việc tiếp đón, gọi đối tượng, dẫn đường, phiên dịch, hỗ trợ điều tra.

3.3. Tiến hành điều tra đối tượng

Quá trình thu thập số liệu được tiến hành tại các cụm và được thực hiện theo 4 bước sau:



Ghi chú: CB = Cán bộ đội điều tra của tỉnh

3.4. Kết thúc điều tra tại cụm

Các bước cần thực hiện sau khi kết thúc điều tra tại cụm bao gồm:

- Tổng hợp tình hình điều tra và ghi lại các trường hợp không cân đo được;
- Kiểm tra cân thước;
- Tập hợp, kiểm tra và đóng gói, sắp xếp phiếu theo thứ tự cụm, thôn và mã bà mẹ;
- Thông báo kết quả cho địa phương dựa trên kết quả ban đầu về tình trạng dinh dưỡng của trẻ và cảm ơn về sự giúp đỡ.

4. Quản lý, phân tích, trình bày kết quả

Số liệu được nhập và kiểm tra sử dụng phần mềm Epidata ở tuyến trung ương. Sau đó, số liệu được quản lý trên phần mềm MS Access: tạo lập và định nghĩa các chỉ số theo theo bộ câu hỏi. Tất cả số liệu được phân tích bằng phần mềm Stata 12 (Stata Inc., TX, USA). Kết quả sẽ được tích hợp vào một biểu mẫu báo cáo chung được xây dựng trên MS Excel để tạo lập báo cáo cho toàn quốc, theo vùng sinh thái, tỉnh, và thành thị/nông thôn. Tùy từng năm, thông tin Giám sát Dinh dưỡng được in hoặc đưa trên website. Ngoài ra, diễn biến theo thời gian của một số chỉ số cũng được xây dựng trong bản Thông tin GSDĐ này.

5. Định nghĩa các chỉ số chính

Các chỉ tiêu nhân trắc chiều cao theo tuổi (HAZ), cân nặng theo tuổi (WAZ) và cân nặng theo chiều cao (WHZ) được tính toán theo chuẩn của Tổ chức Y tế Thế giới¹. Các chỉ tiêu về thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ được dựa trên các chỉ số IYCF mới nhất theo hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới².

| Chỉ số | Định nghĩa |
|---|---|
| Chỉ số nhân trắc | |
| SDD thể thấp còi | Được xác định khi chiều cao theo tuổi dưới -2SD |
| SDD thể nhẹ cân | Được xác định khi cân nặng theo tuổi dưới -2SD |
| SDD thể gầy còm | Được xác định cân nặng theo chiều cao dưới -2SD |
| Các chỉ số nuôi trẻ nhỏ (IYCF) | |
| Bú sớm sau sinh | Tỷ lệ trẻ dưới 24 tháng tuổi được bú mẹ trong vòng 1 giờ đầu sau sinh |
| Bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu | Tỷ lệ trẻ được bú mẹ hoàn toàn trong thời gian từ 0 đến 5,9 tháng tuổi |
| Bú mẹ chủ yếu trong 6 tháng đầu | Tỷ lệ trẻ từ 0 đến 5,9 tháng tuổi được bú mẹ là chủ yếu. Bú mẹ là chủ yếu có thể bao gồm một số đồ uống, nhưng không phải là sữa ngoài hoặc thức ăn lỏng |
| Tiếp tục cho bú mẹ cho đến 1 năm tuổi | Tỷ lệ trẻ từ 12 đến 15,9 tháng tuổi vẫn còn được bú mẹ |
| Tiếp tục cho bú mẹ đến 2 năm tuổi | Tỷ lệ trẻ từ 20 đến 23,9 tháng tuổi vẫn còn được bú mẹ |
| Khẩu phần đa dạng | Tỷ lệ trẻ từ 6 đến 23,9 tháng tuổi được cho ăn ít nhất 4 nhóm thực phẩm |
| Trẻ ăn đủ số bữa | Tỷ lệ trẻ từ 0 đến 23,9 tháng tuổi có số ăn bổ sung bằng hoặc lớn hơn số lần cho ăn tối thiểu theo tuổi |
| Khẩu phần đủ bữa và đa dạng mức tối thiểu | Tỷ lệ trẻ từ 6 đến 23,9 tháng tuổi có khẩu phần đủ bữa và đa dạng (không tính sữa mẹ) |
| Trẻ ăn thực phẩm giàu sắt hoặc được bổ sung sắt | Tỷ lệ trẻ từ 6 đến 23,9 tháng tuổi được cho ăn các thực phẩm giàu sắt hoặc thực phẩm bổ sung sắt được sản xuất dành riêng cho trẻ nhỏ, hoặc được chế biến tại nhà |
| Trẻ bú mẹ phù hợp theo tuổi | Tỷ lệ trẻ từ 0 đến 23,9 tháng tuổi được bú mẹ phù hợp theo tuổi |
| Trẻ không bú bình | Tỷ lệ trẻ từ 0 đến 23,9 tháng tuổi không được cho bú sữa từ bình có núm vú cao su |
| Các chỉ số dinh dưỡng của mẹ | |
| Thiếu năng lượng trường diễn (CED) | Tỷ lệ bà mẹ có chỉ số khối cơ thể BMI < 18,5 kg/m ² |
| Phụ nữ được bổ sung viên sắt trong vòng 6 tháng qua | Tỷ lệ bà mẹ đã uống viên sắt trong 6 tháng qua |
| Bổ sung viên sắt khi mang thai | Tỷ lệ phụ nữ đã uống viên sắt bắt đầu 3 tháng đầu, 3 tháng giữa hoặc 3 tháng cuối |
| Uống vitamin A sau sinh | Tỷ lệ số bà mẹ được uống vitamin A ngay sau sinh |
| Tiếp cận thông tin về chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ nhỏ | |
| Nguồn trực tiếp qua cán bộ y tế | Tỷ lệ tiếp nhận thông tin từ cán bộ y tế, cộng tác viên dinh dưỡng, cán bộ hội phụ nữ từ 3 tháng trước điều tra |
| Từ các phương tiện thông tin đại chúng | Tỷ lệ tiếp nhận thông tin từ các phương tiện truyền thông đại chúng như TV, loa, đài, báo, tạp chí, tranh tuyên truyền, internet... từ 3 tháng trước điều tra |
| Các chủ đề được tiếp cận | Các chủ đề về chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ nhỏ được tiếp cận từ 3 tháng trước điều tra |

¹ WHO Multicentre Growth Reference Study Group. WHO Child Growth Standards: Length/height-for-age, weight-for-age, weight-for-length, weight-for-height and body mass index-for-age: Methods and development. Geneva: World Health Organization; 2006.

² Daelmans B, Dewey K, Arimond M. New and updated indicators for assessing infant and young child feeding. Food Nutr Bull. 2009;30:S256-62.

Toàn quốc

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn ($BMI < 18,5 \text{ kg/m}^2$) là 16.2%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 80.9% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 86.6%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 26.7%, nhẹ cân là 16.2% và gầy còm là 6.7%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.8%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 60.1%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 22.3% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 73.6%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 88.4%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 75%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 85.2%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

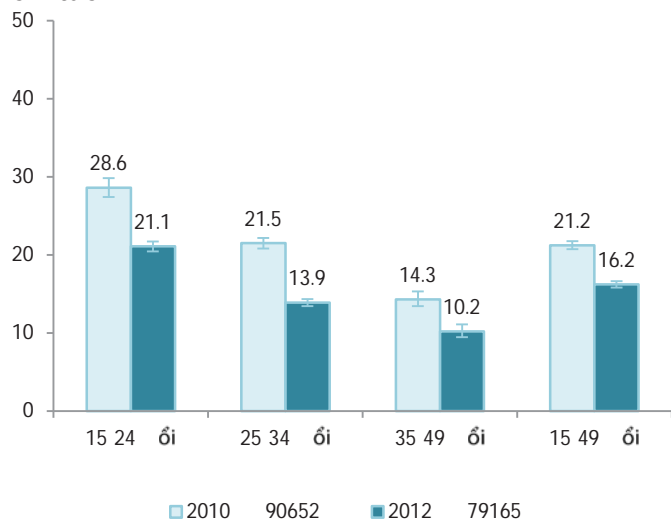
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|------------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 643 | Số bệnh viện | 966 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 11,111 | Số phòng khám đa khoa | 609 |
| Số thôn/bản | 125,618 | Số trạm y tế xã | 11,028 |
| Dân số | 87,610,947 | Số nhà hộ sinh | 79 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 7,115,606 | Số bác sỹ | 49,033 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 2,924,514 | Số y sỹ | 50,588 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 68,527 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 14.3% | Số nữ hộ sinh | 25,522 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 12.9% | Số y tế thôn bản | 100,834 |

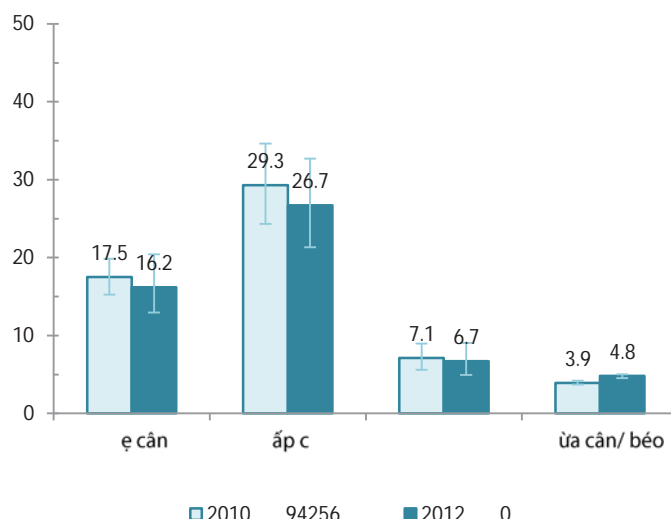
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

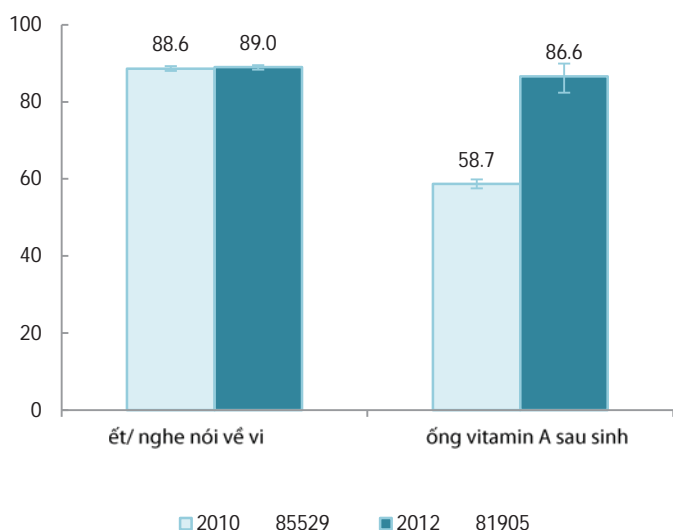
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



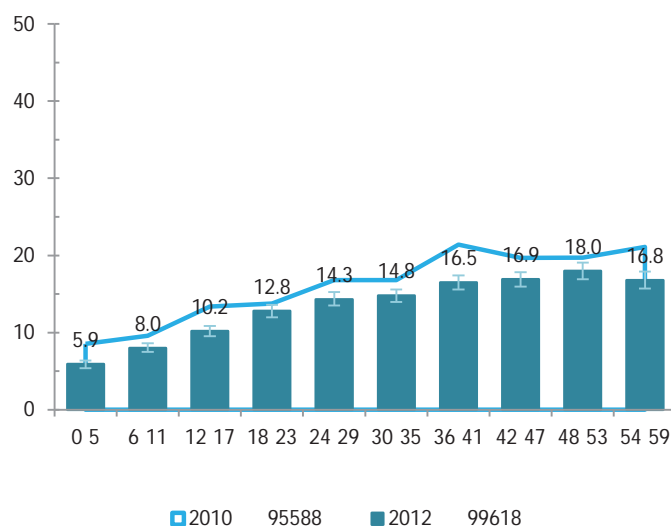
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



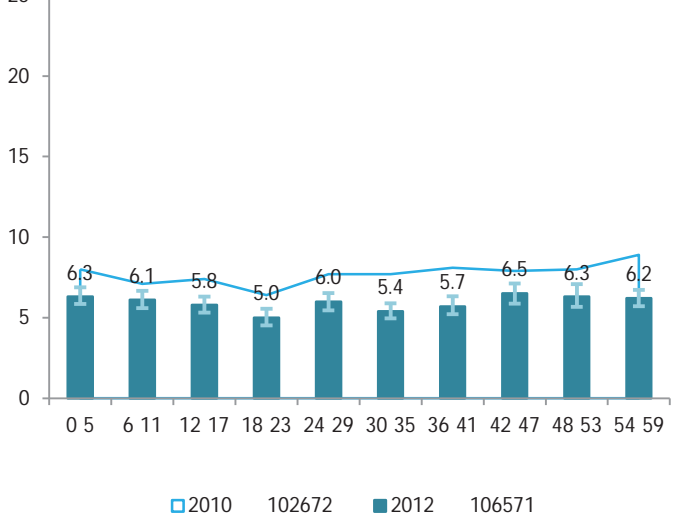
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



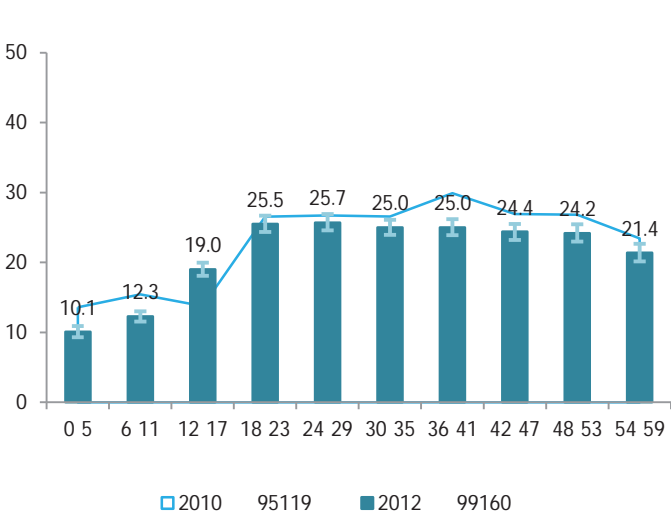
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



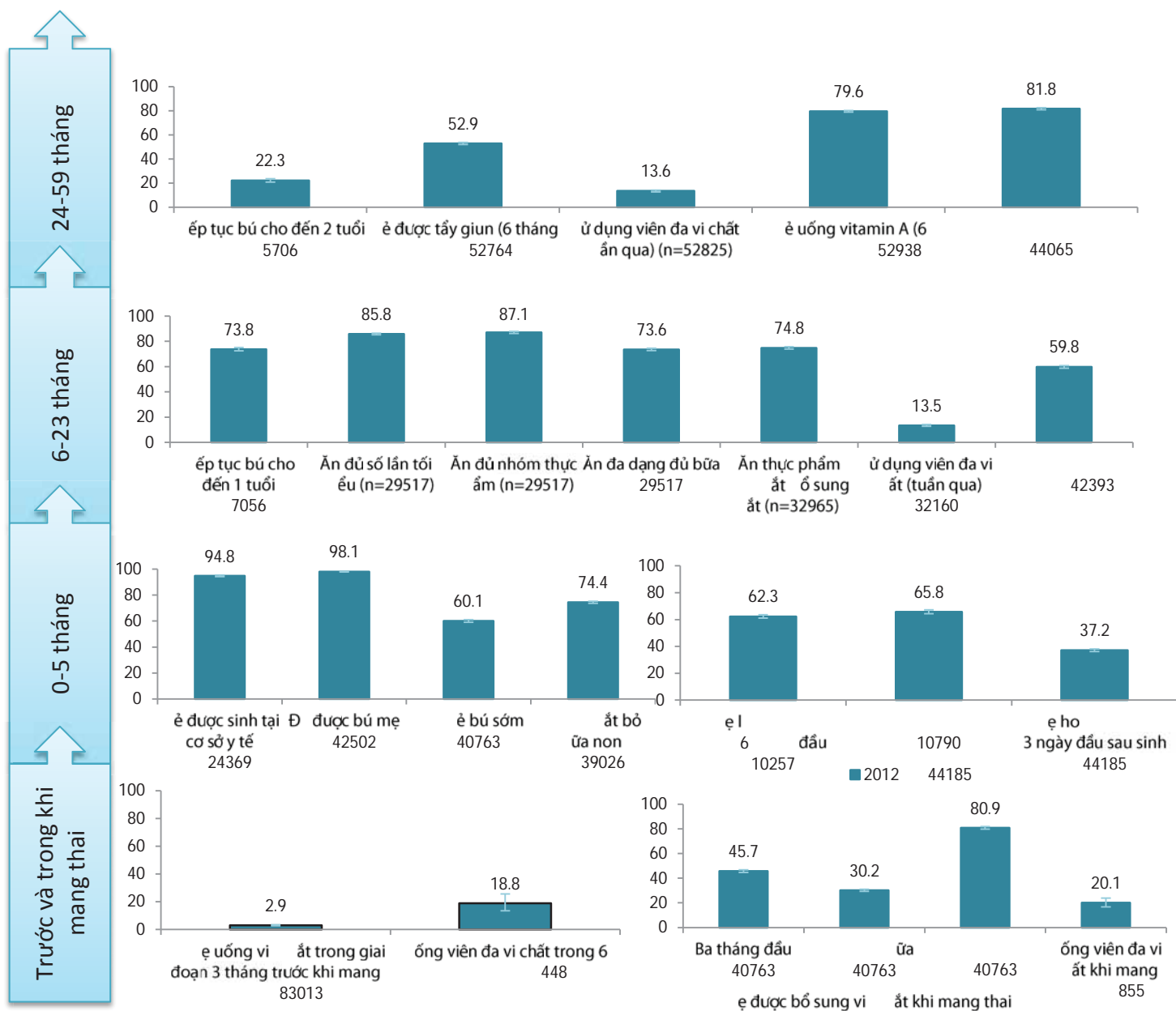
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



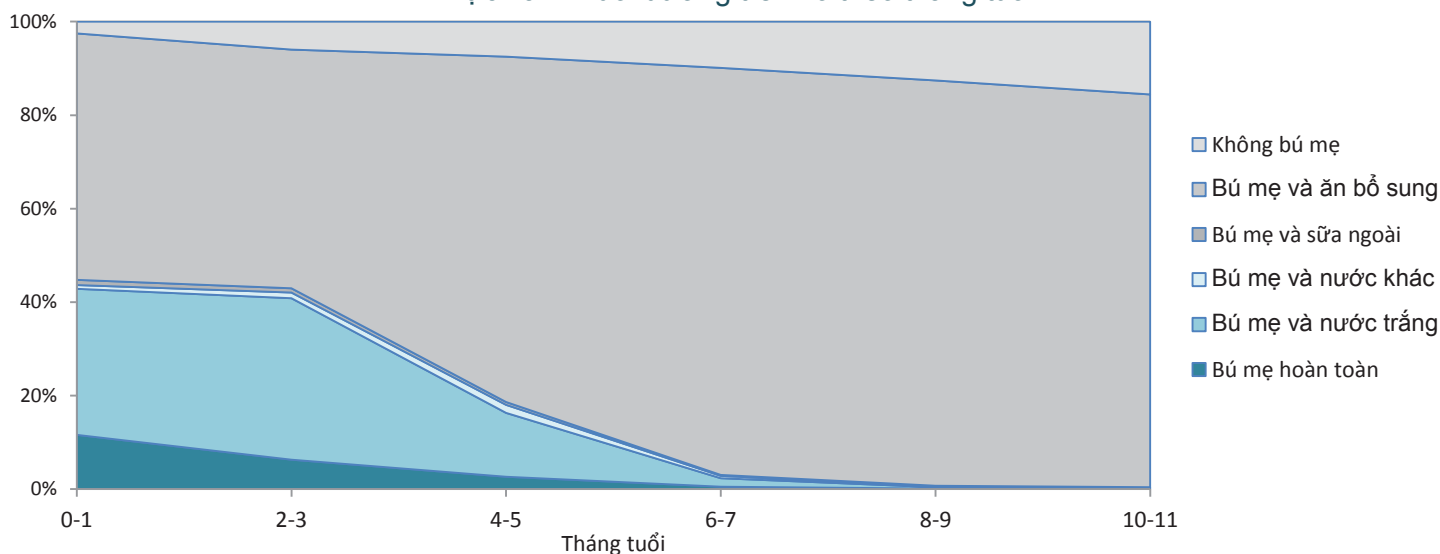
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



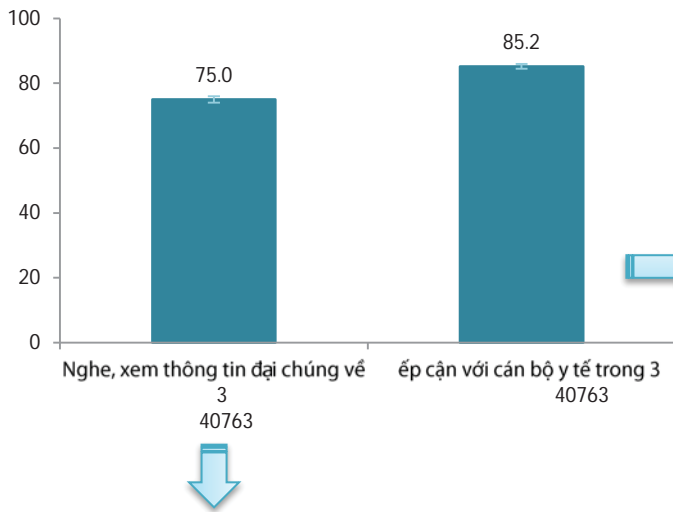
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



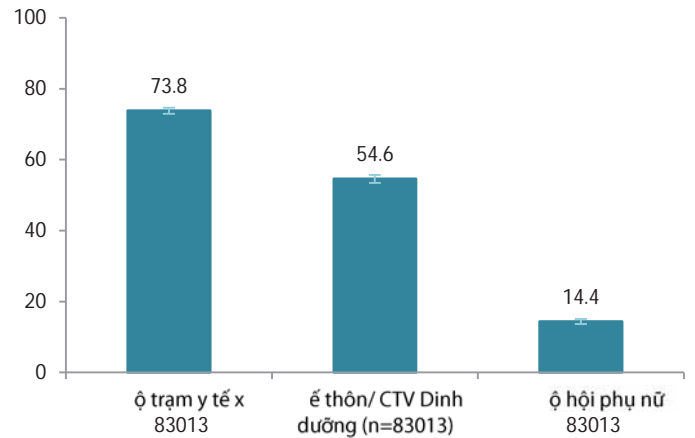
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng Quốc gia

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

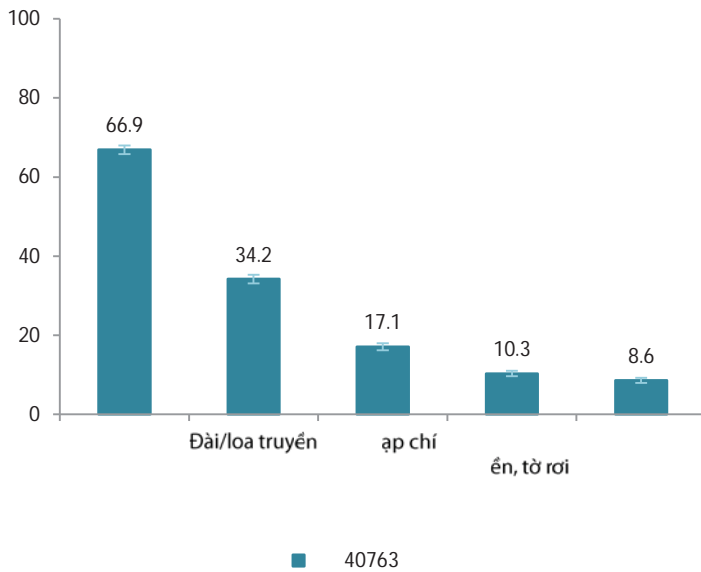
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



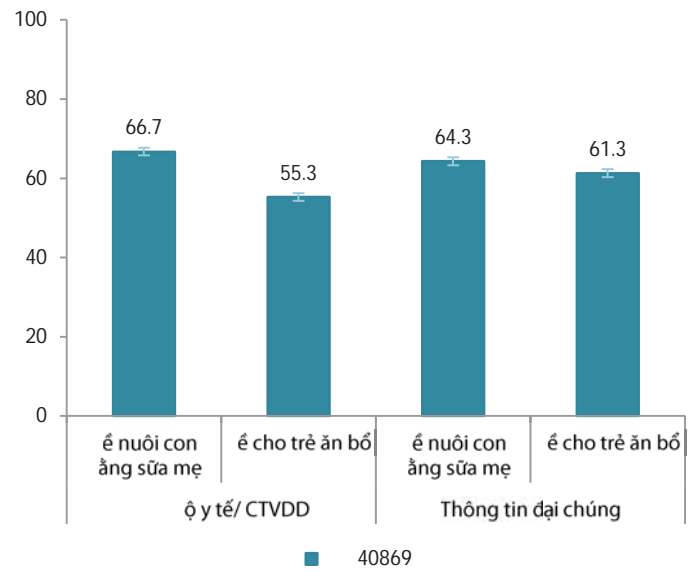
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



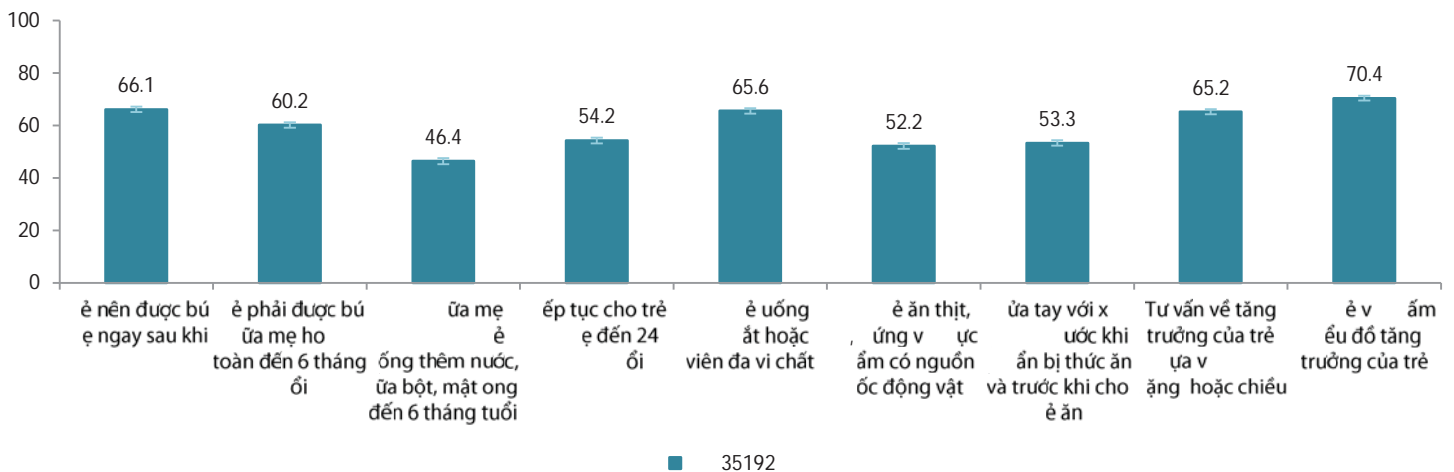
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Đông bằng sông Hồng

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn ($BMI < 18,5 \text{ kg/m}^2$) là 17.7%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 89.3% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 94.8%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 21.9%, nhẹ cân là 11.8% và gầy còm là 5.5%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.1%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 56.1%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 22.3% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 85.8%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 89.5%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 89.5%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 85%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

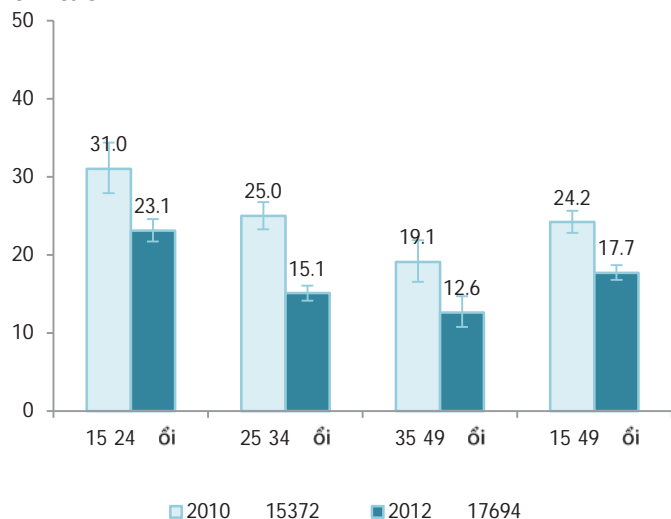
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|------------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 119 | Số bệnh viện | 210 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 2,452 | Số phòng khám đa khoa | 68 |
| Số thôn/bản | 25,652 | Số trạm y tế xã | 2,453 |
| Dân số | 19,883,325 | Số nhà hộ sinh | 4 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 1,657,214 | Số bác sỹ | 11,345 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 681,115 | Số y sỹ | 9,205 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 14,769 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 1.6% | Số nữ hộ sinh | 4,440 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 7.0% | Số y tế thôn bản | 20,619 |

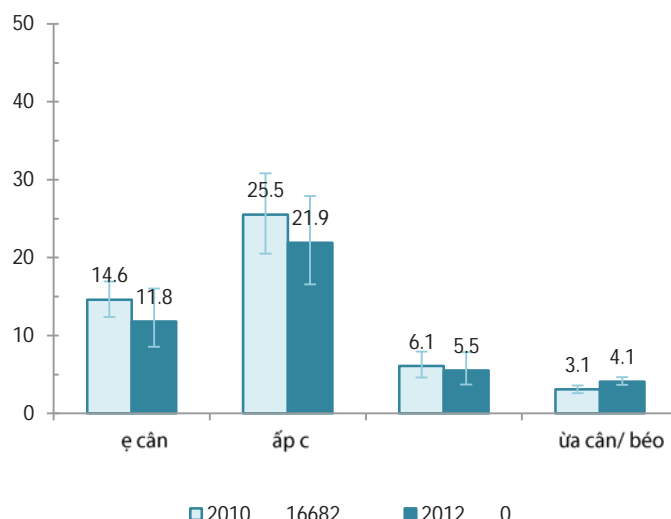
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

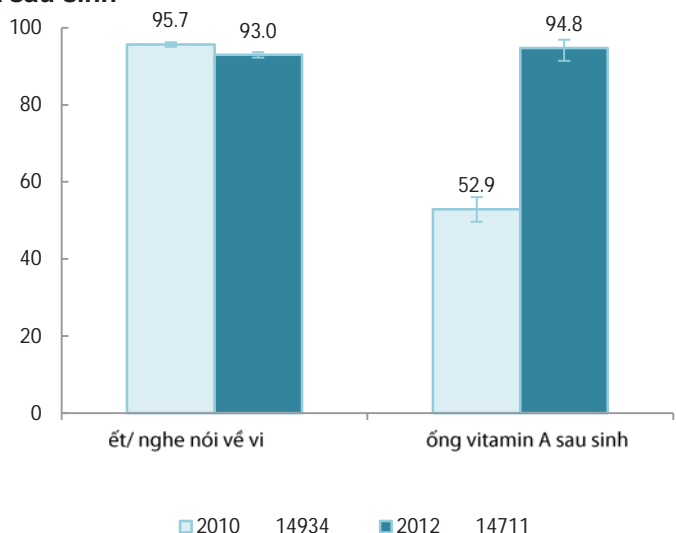
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



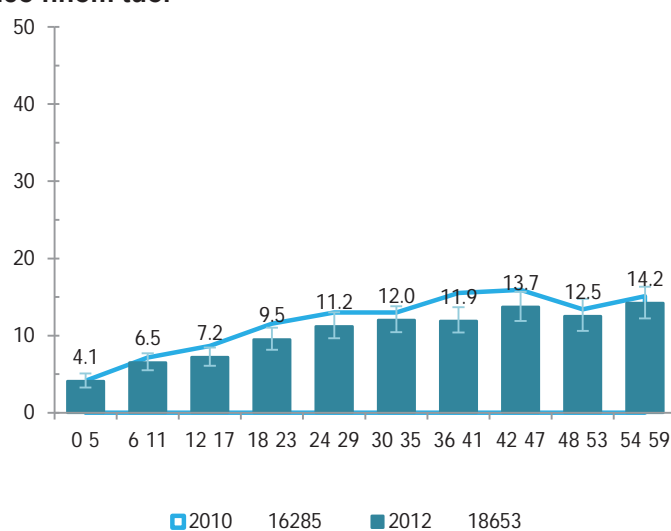
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



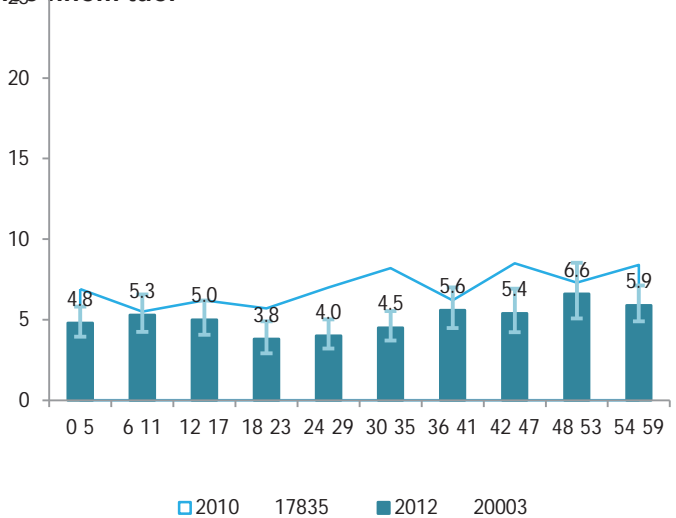
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



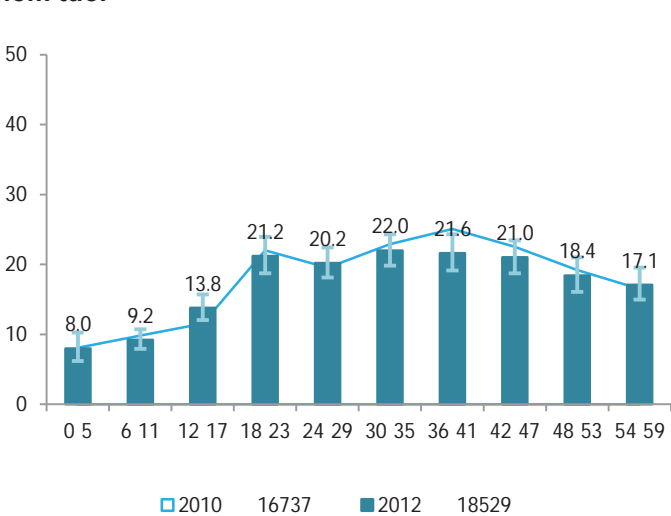
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



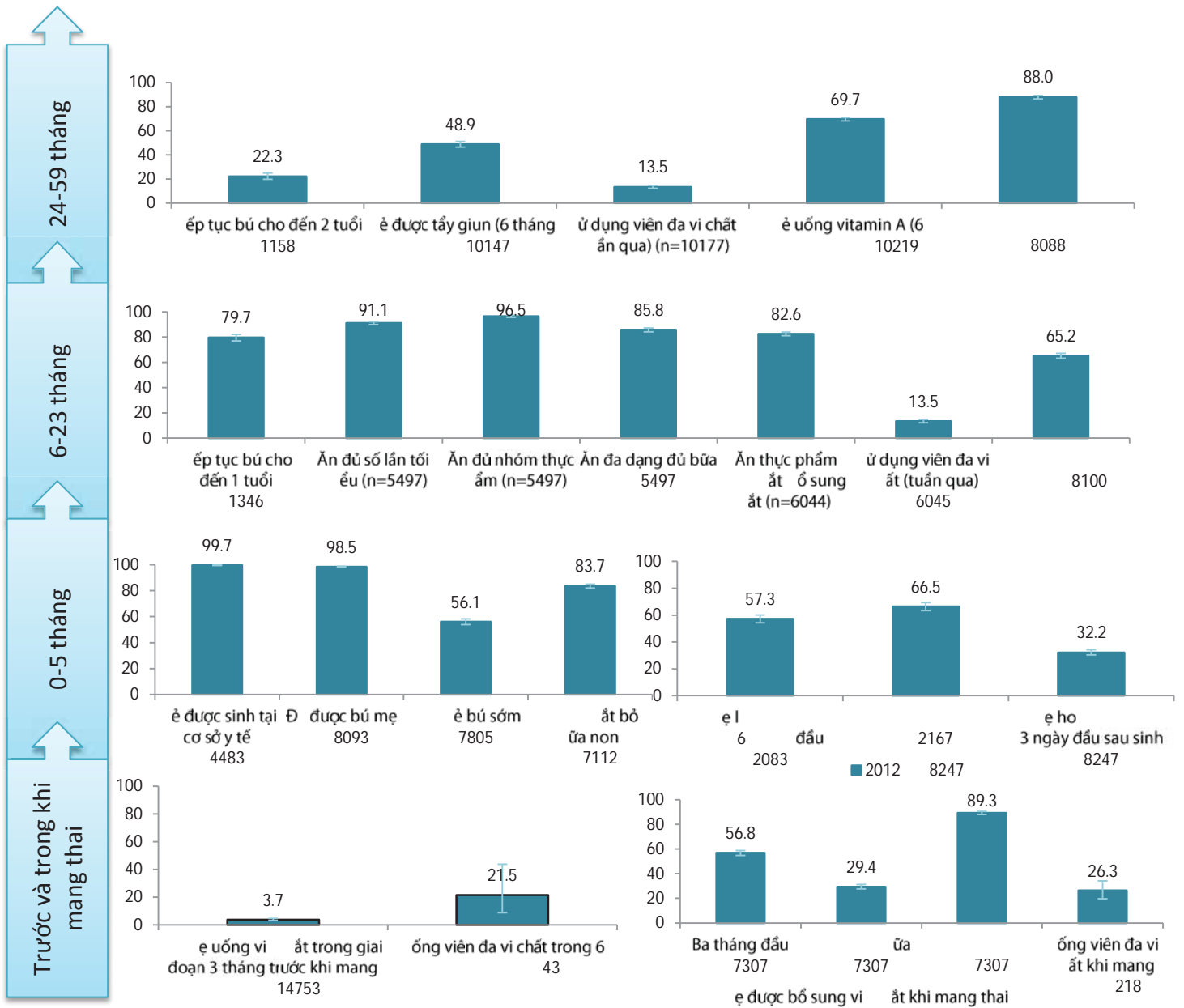
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



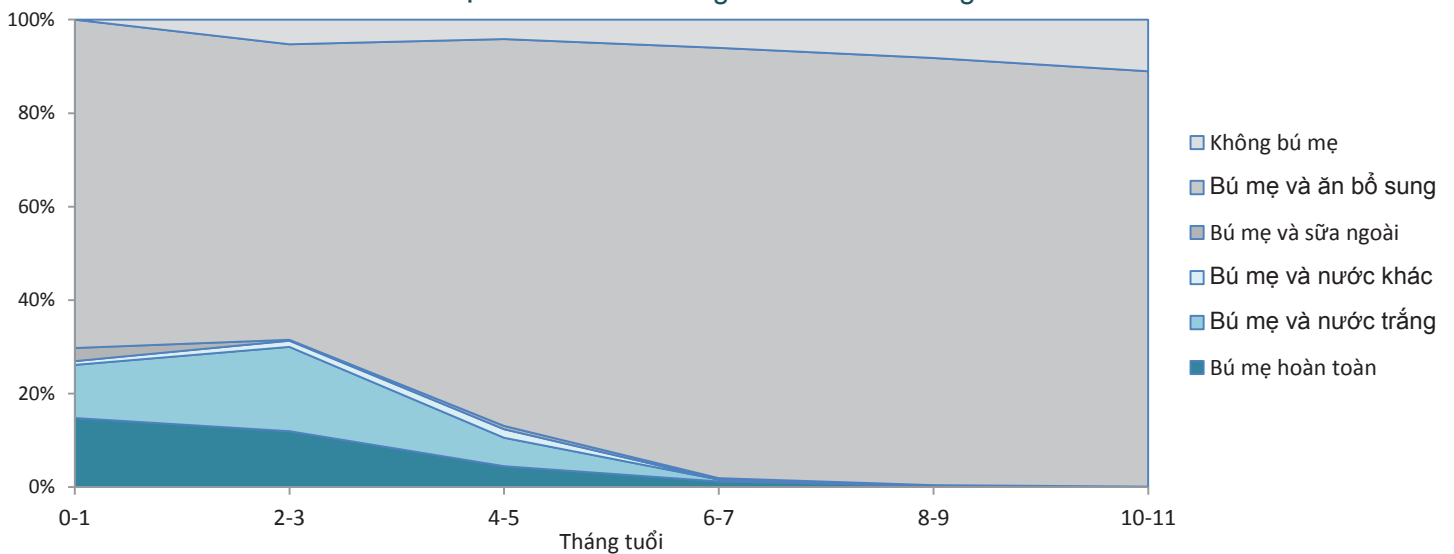
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



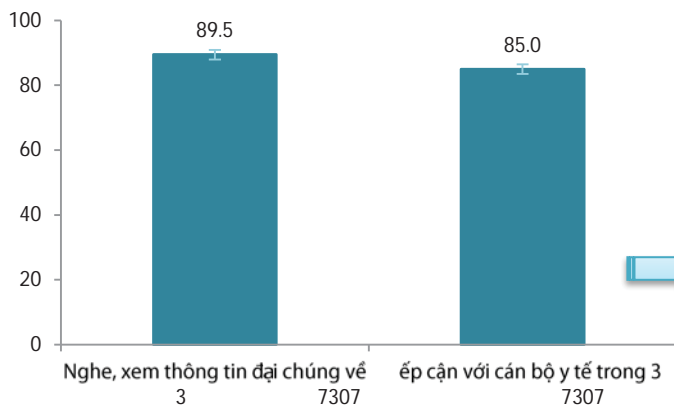
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



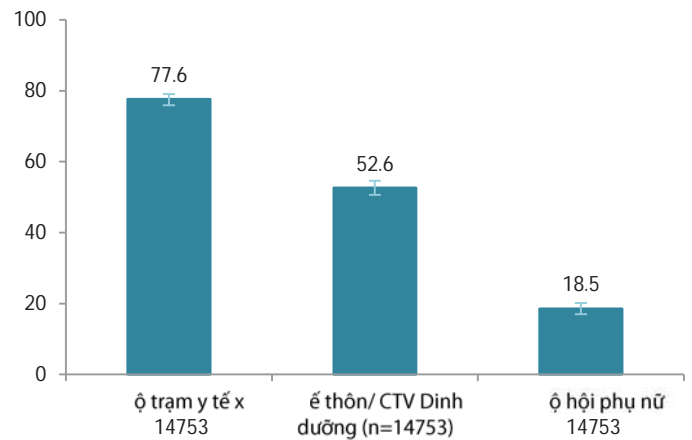
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Đồng bằng sông Hồng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

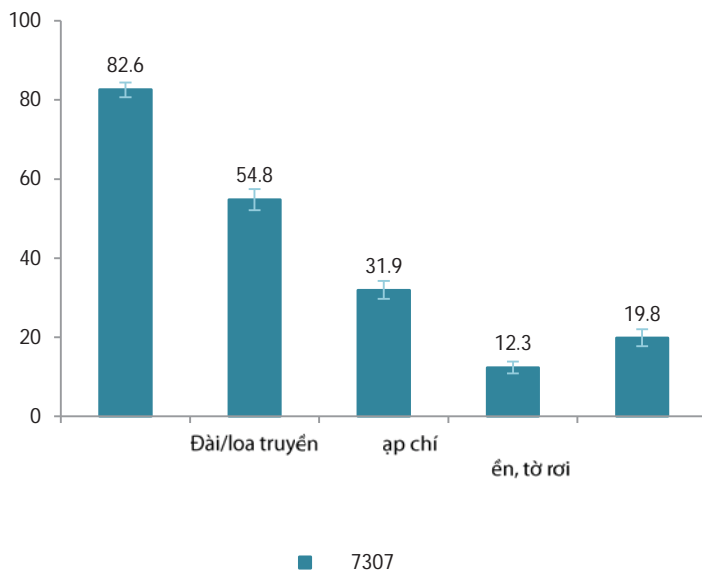
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



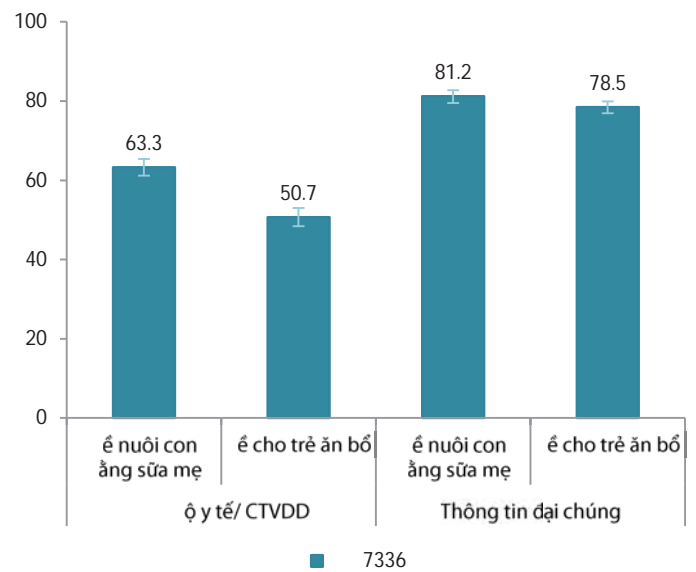
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



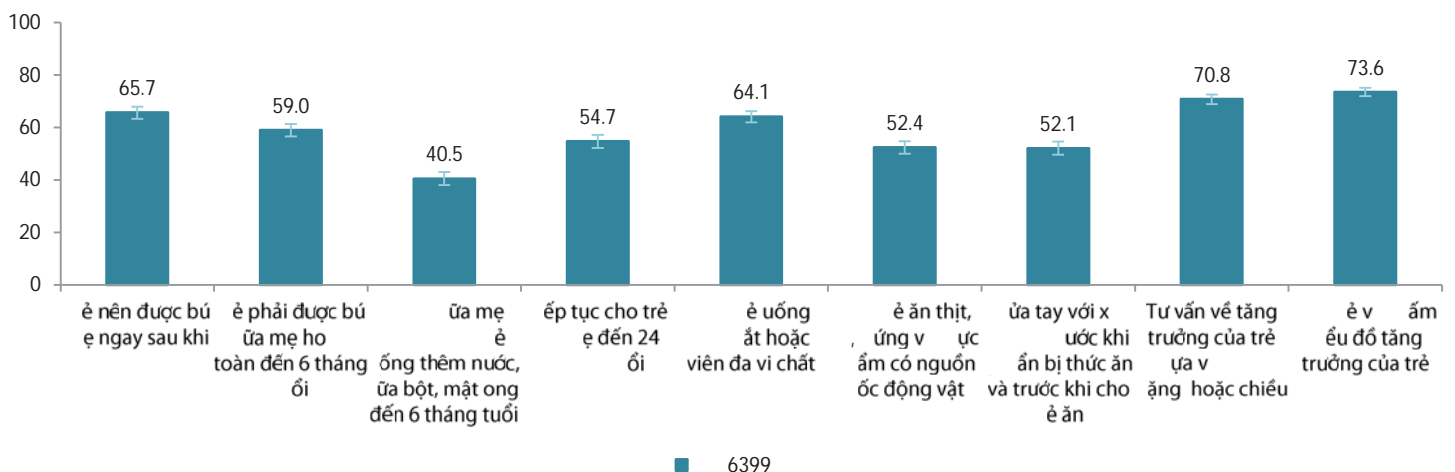
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

4. Đồng bằng sông Hồng

phía Bắc

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 15.9%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 67.9% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 86%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 31.9%, nhẹ cân là 20.9% và gầy còm là 7.4%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 3.3%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 73.9%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 26.5% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 66.7%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 90.2%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 61.1%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 83.3%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

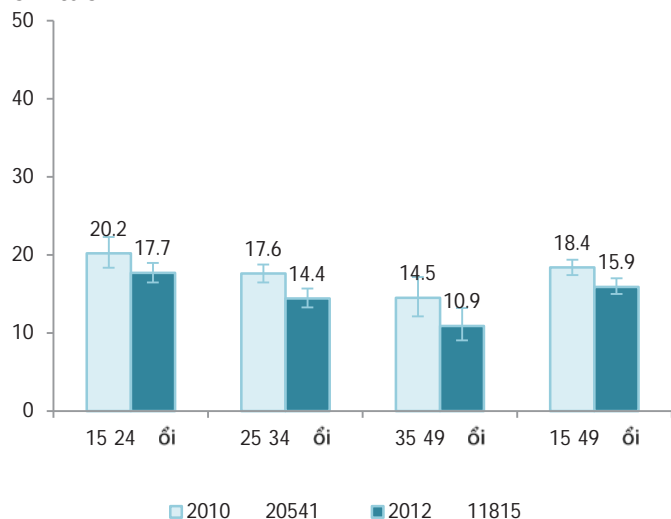
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|------------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 127 | Số bệnh viện | 192 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 2,540 | Số phòng khám đa khoa | 220 |
| Số thôn/bản | 30,656 | Số trạm y tế xã | 2,516 |
| Dân số | 11,240,918 | Số nhà hộ sinh | 1 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 1,137,219 | Số bác sỹ | 7,690 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 467,397 | Số y sỹ | 11,272 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 10,789 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 54.9% | Số nữ hộ sinh | 4,069 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 27.7% | Số y tế thôn bản | 29,585 |

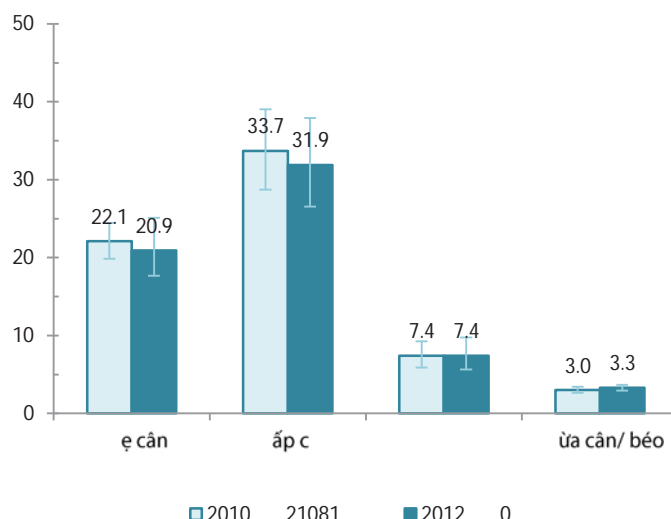
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

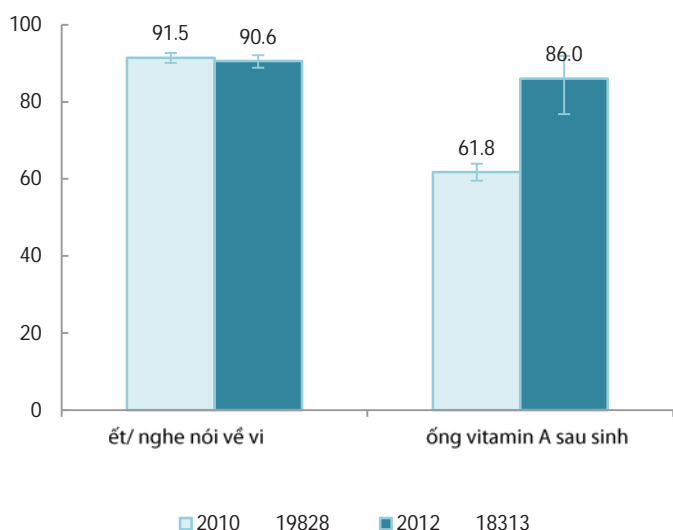
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



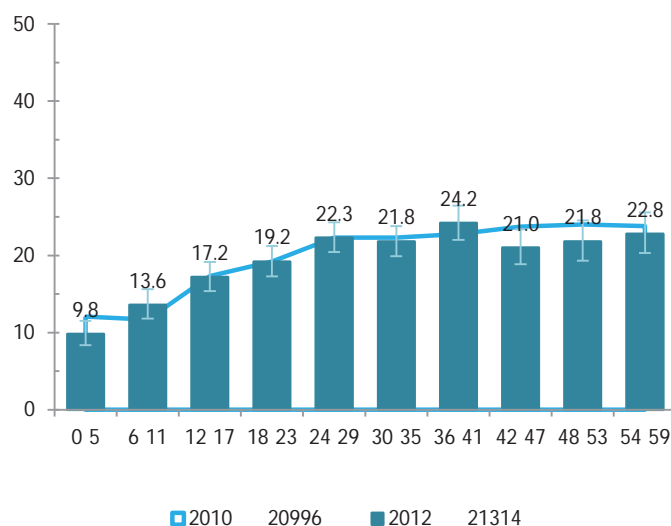
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



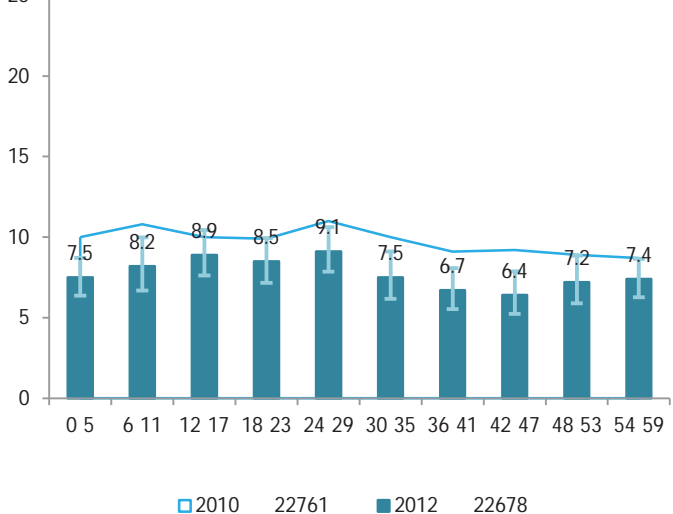
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



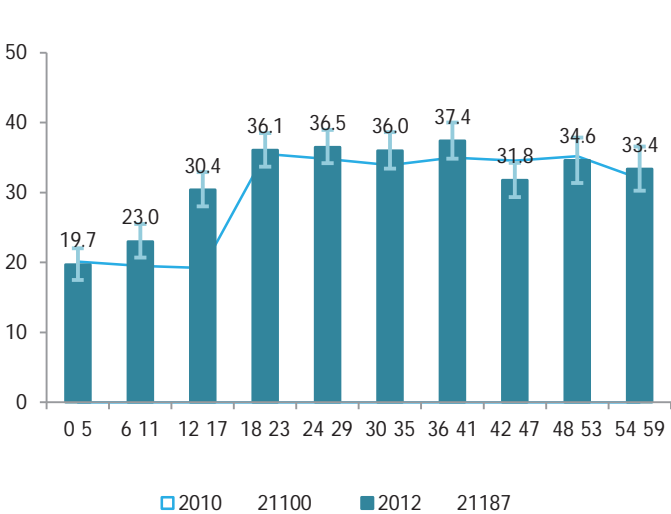
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



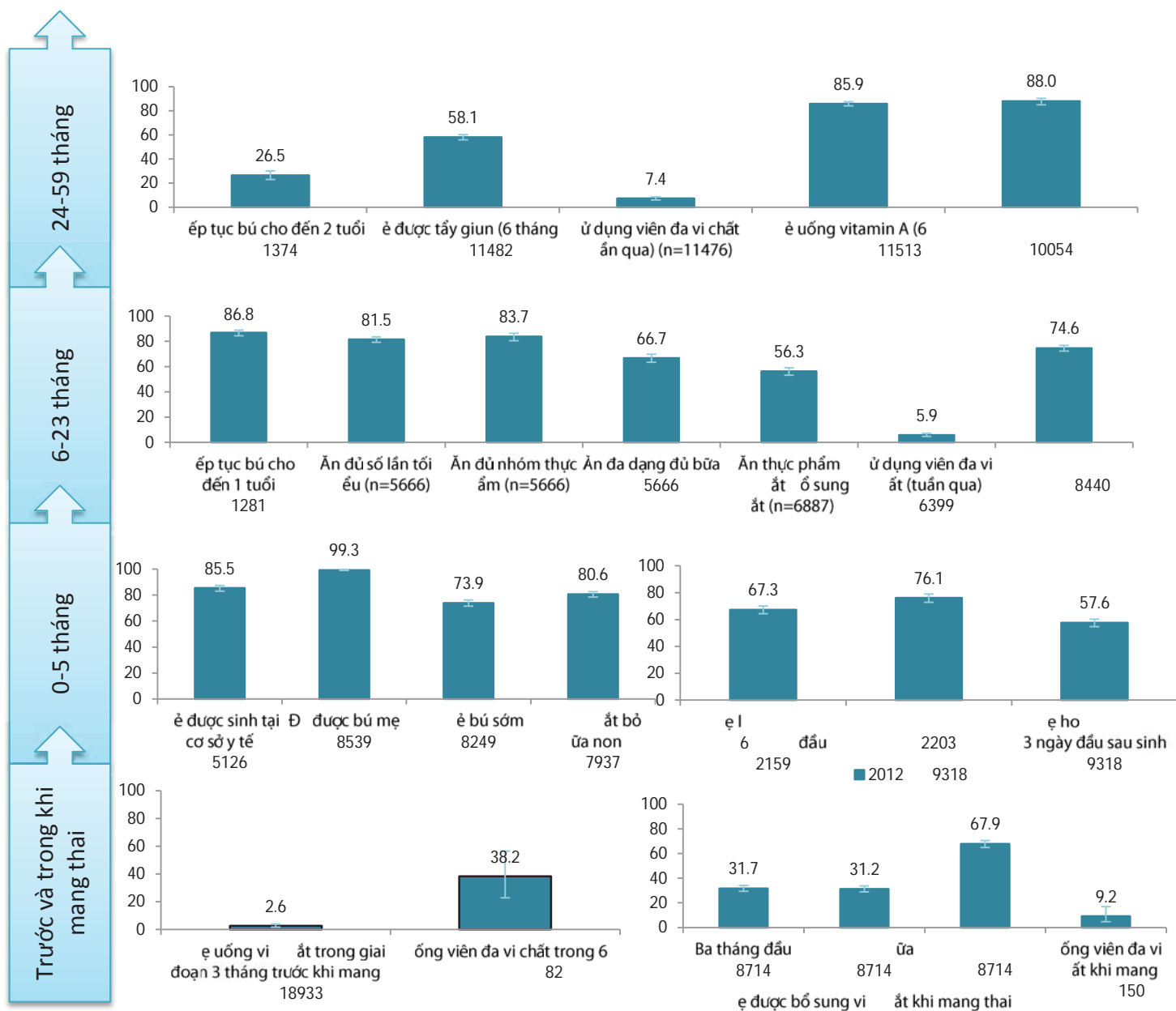
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



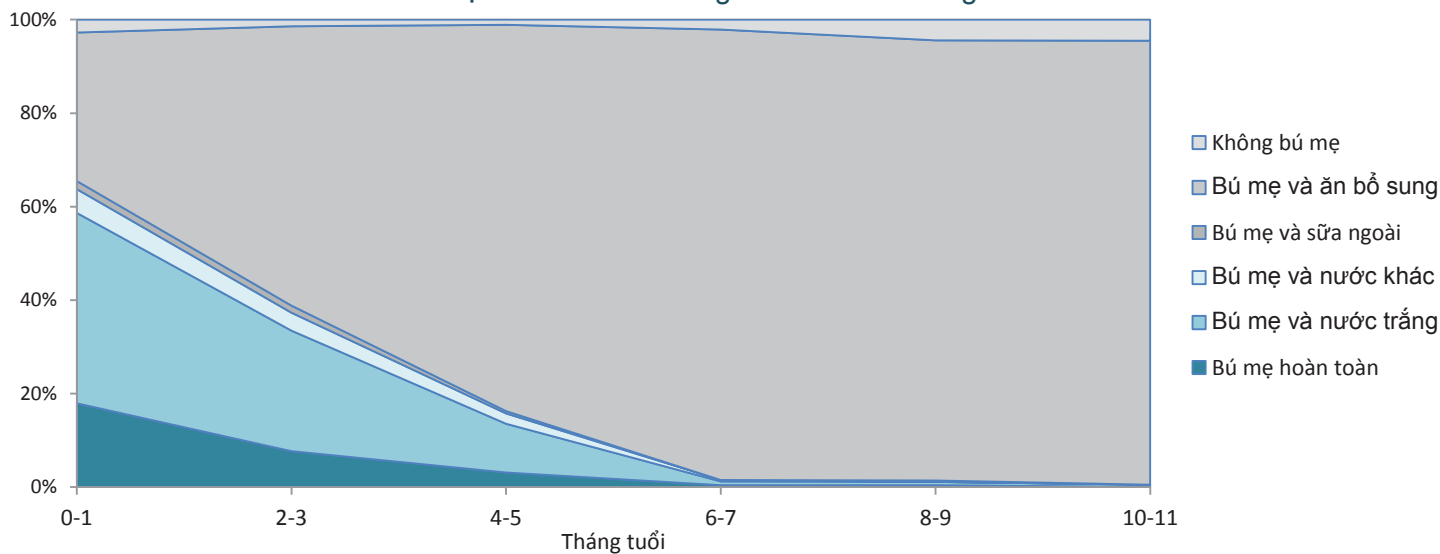
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. Vùng núi và cao nguyên phía Bắc

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

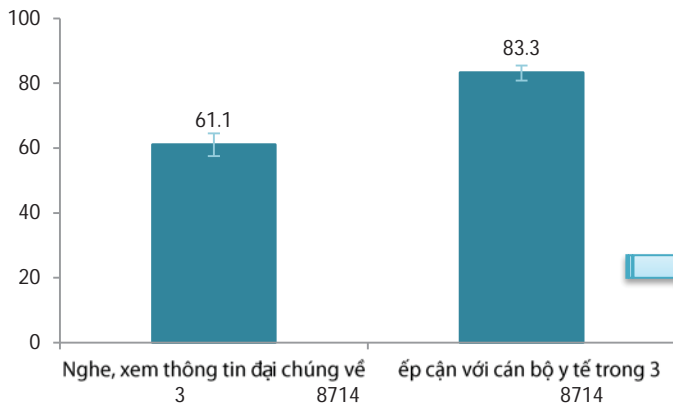


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

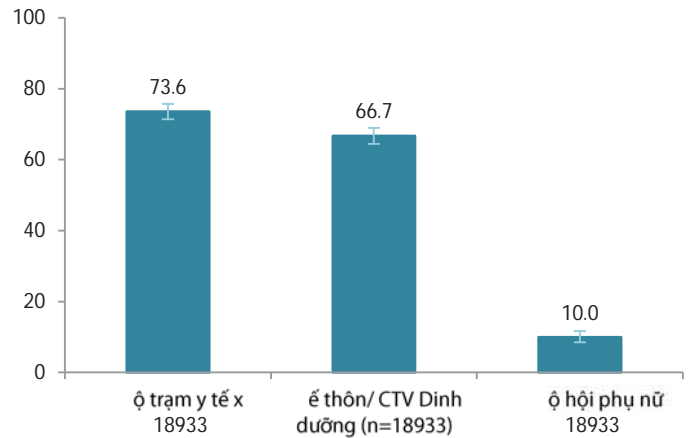
3 Vùng núi và cao nguyên phía Bắc

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

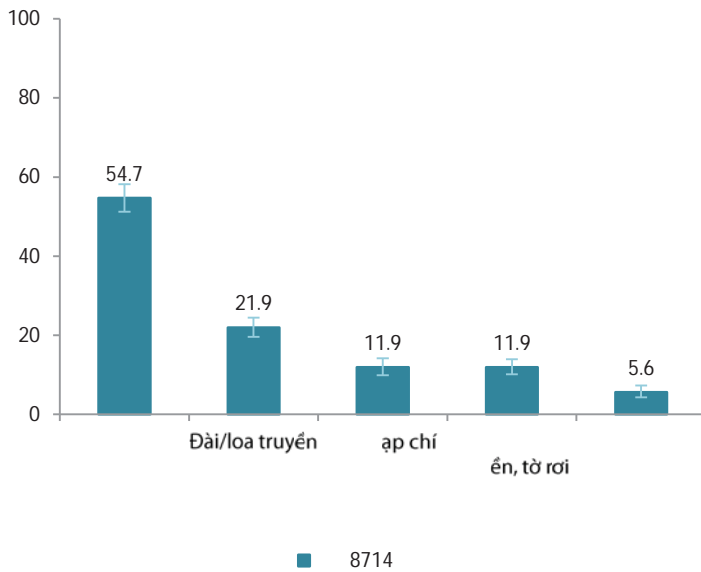
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



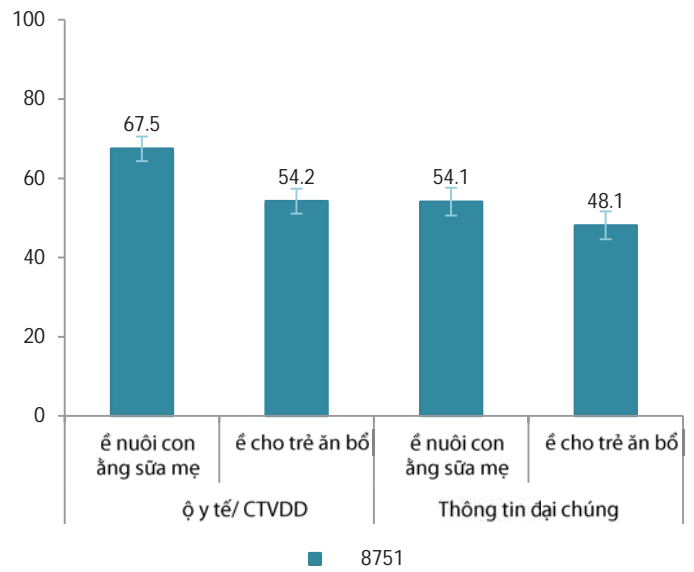
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



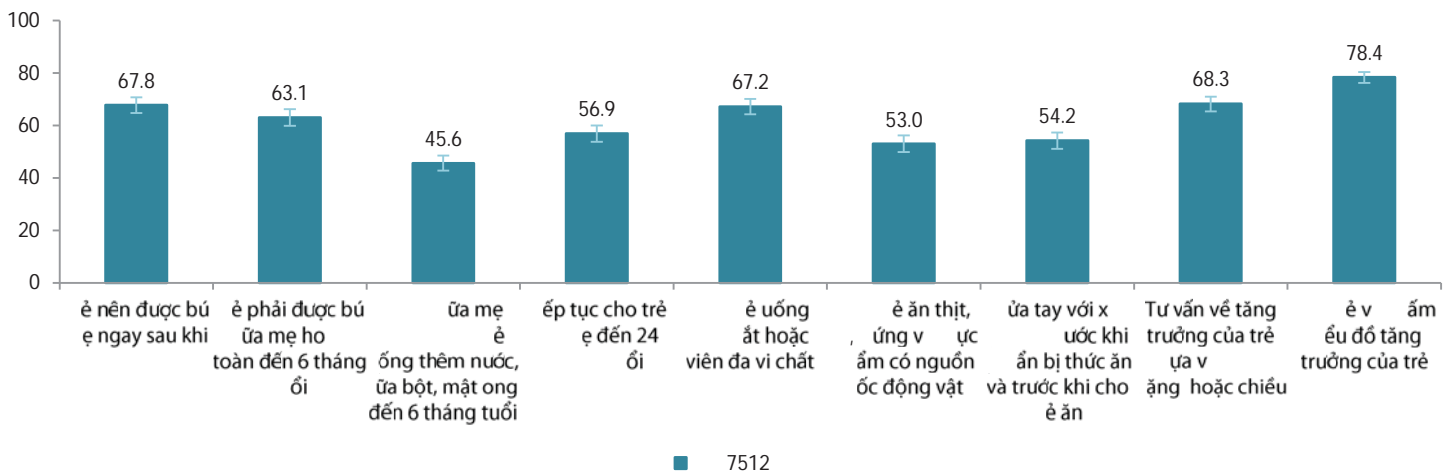
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

4. Vùng núi và cao nguyên phía Bắc

Bắc miền Trung và ven biển miền Trung

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 17%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 74.2% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 60.7%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 31.2%, nhẹ cân là 19.5% và gầy còm là 7.5%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 3.5%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 65.2%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 26.5% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 69.7%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 91.2%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 78.1%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 90.2%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

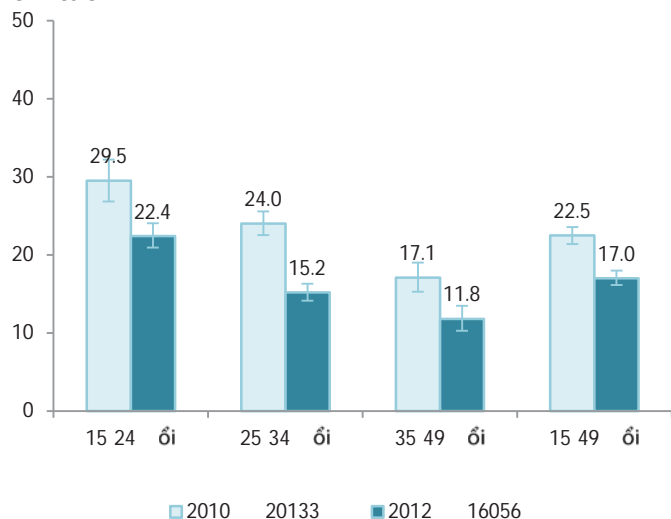
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|------------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 156 | Số bệnh viện | 224 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 2,914 | Số phòng khám đa khoa | 141 |
| Số thôn/bản | 26,924 | Số trạm y tế xã | 2,908 |
| Dân số | 18,994,709 | Số nhà hộ sinh | 39 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 1,459,307 | Số bác sỹ | 9,836 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 599,775 | Số y sỹ | 11,572 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 13,838 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 9.6% | Số nữ hộ sinh | 6,083 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 18.2% | Số y tế thôn bản | 25,655 |

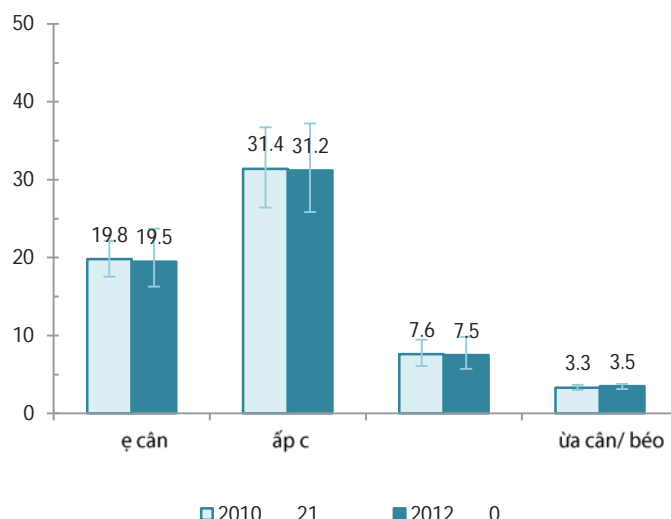
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

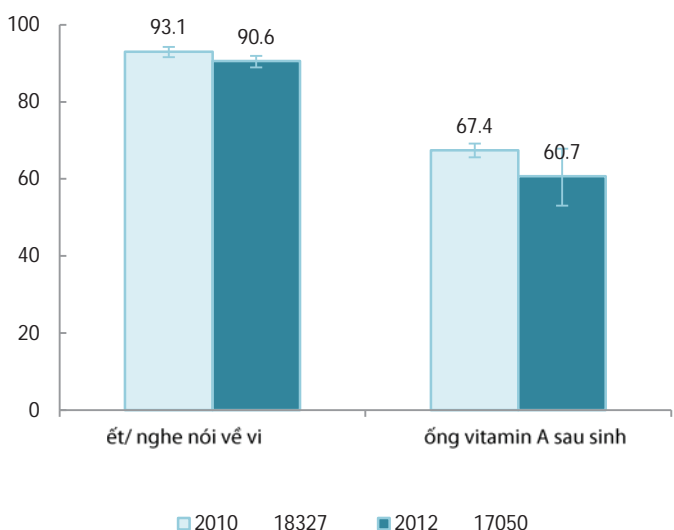
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



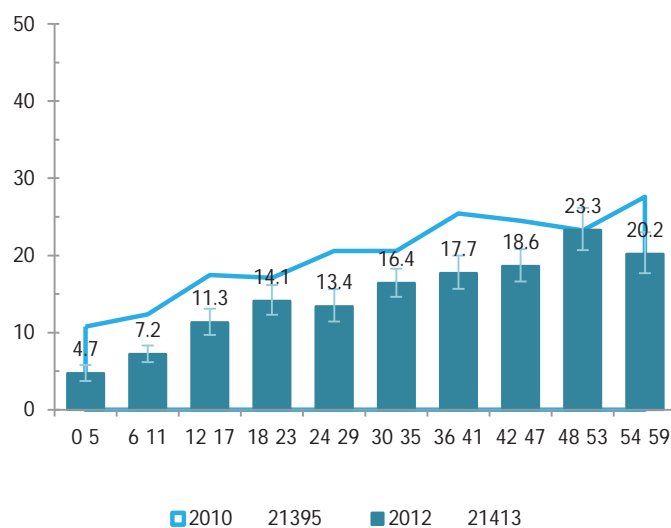
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



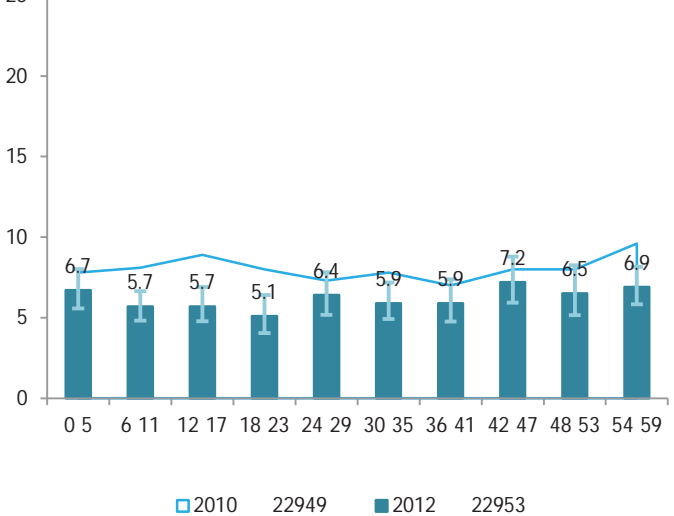
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



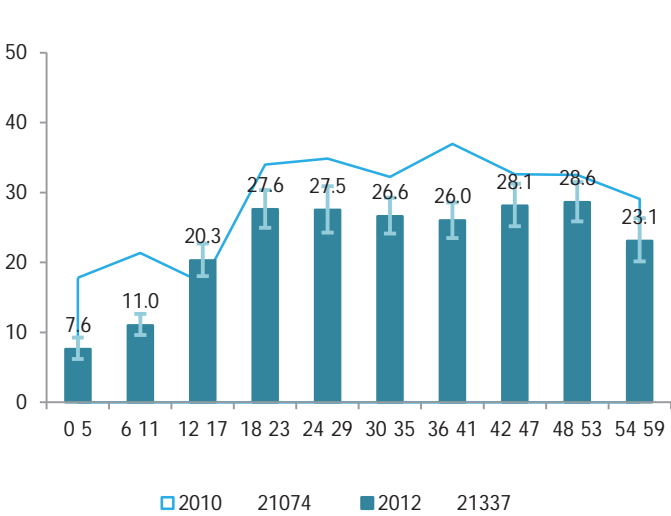
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



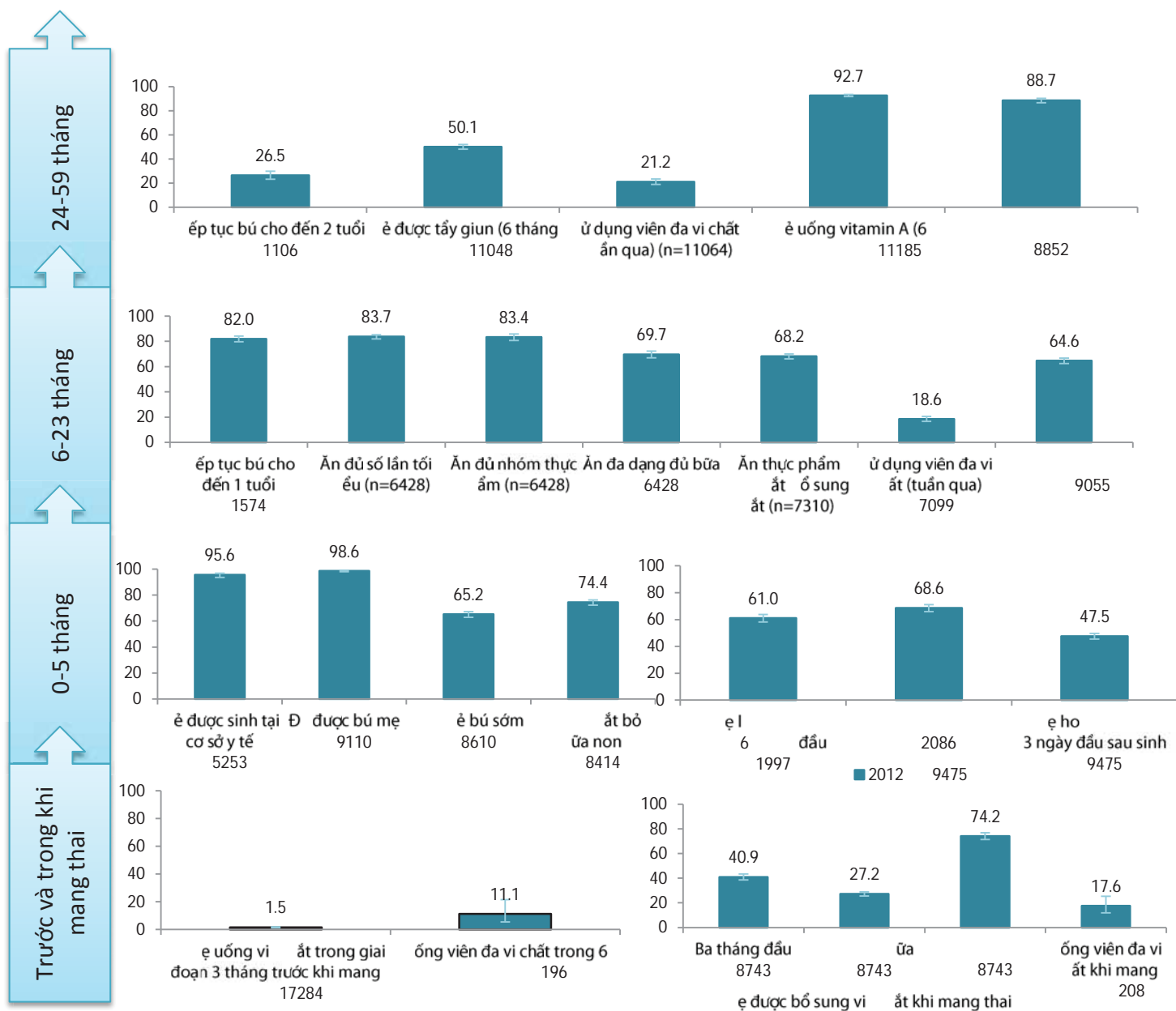
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



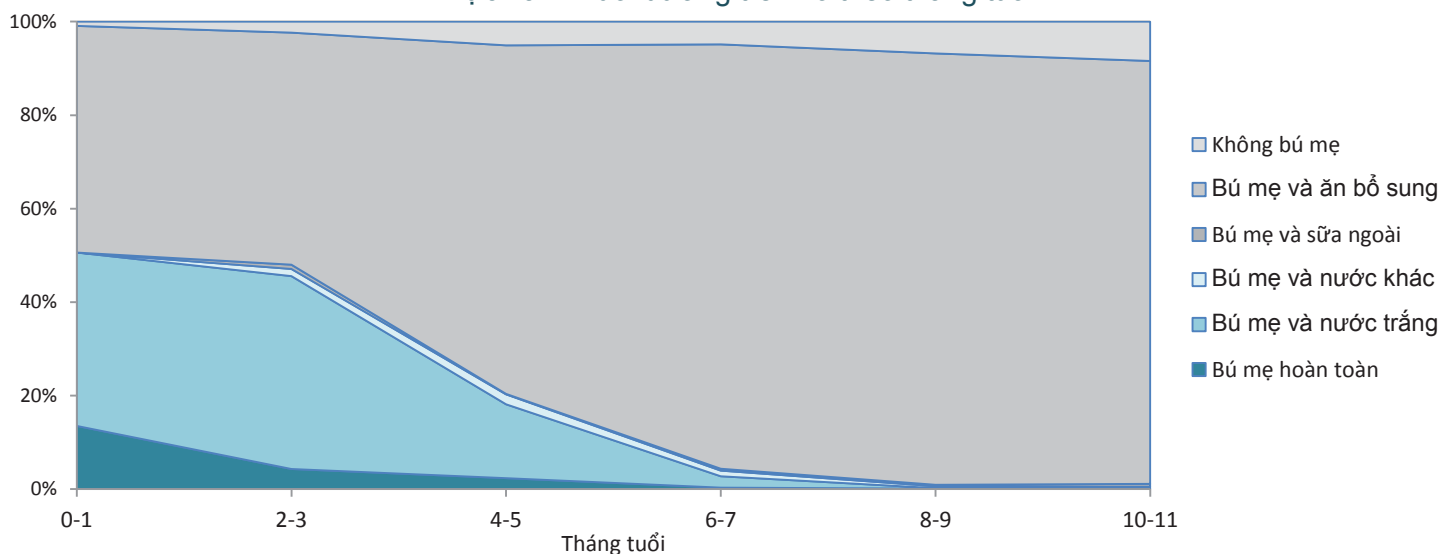
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



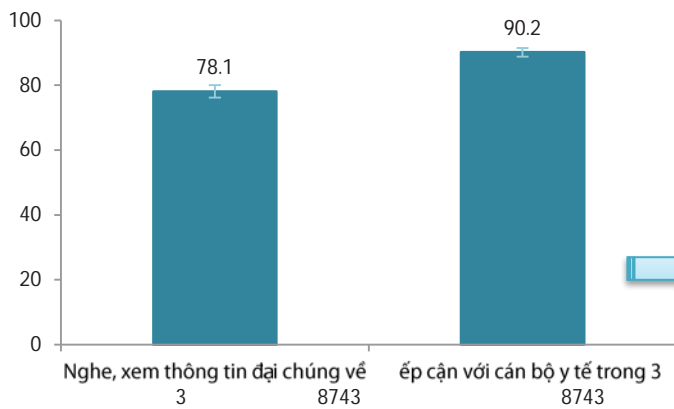
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



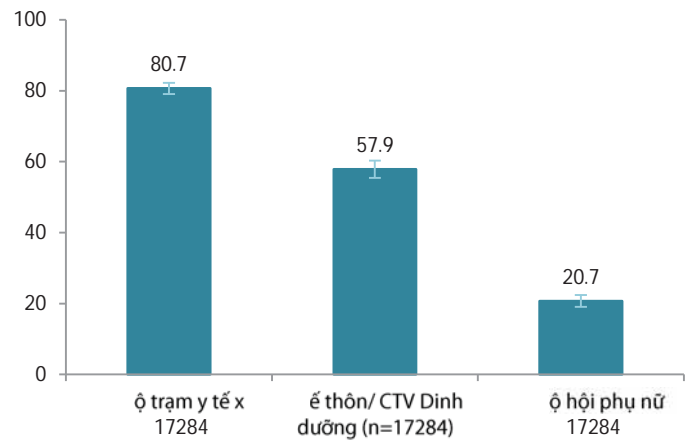
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Bắc miền Trung và ven biển miền Trung

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

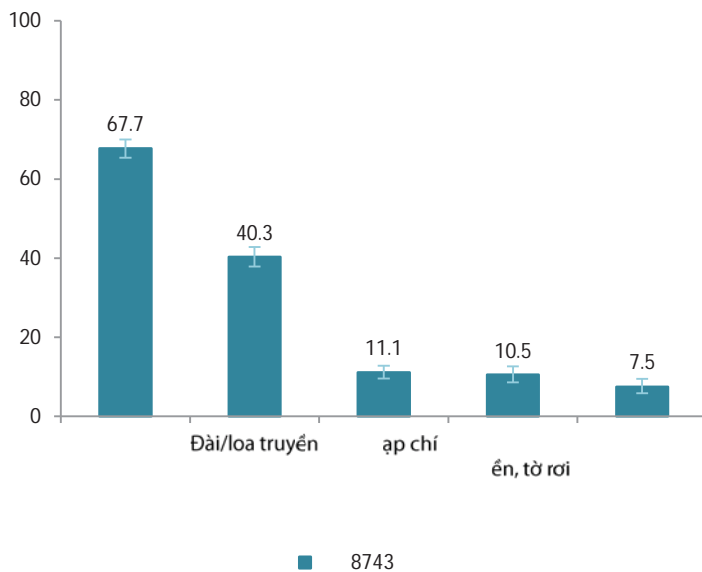
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



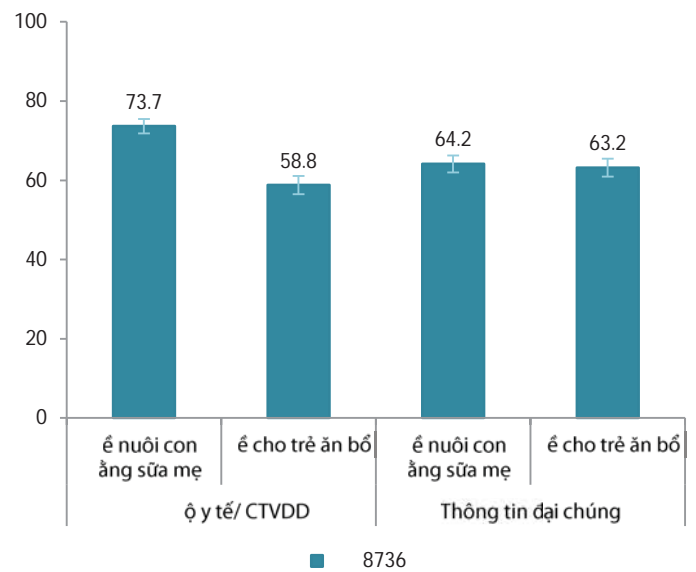
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



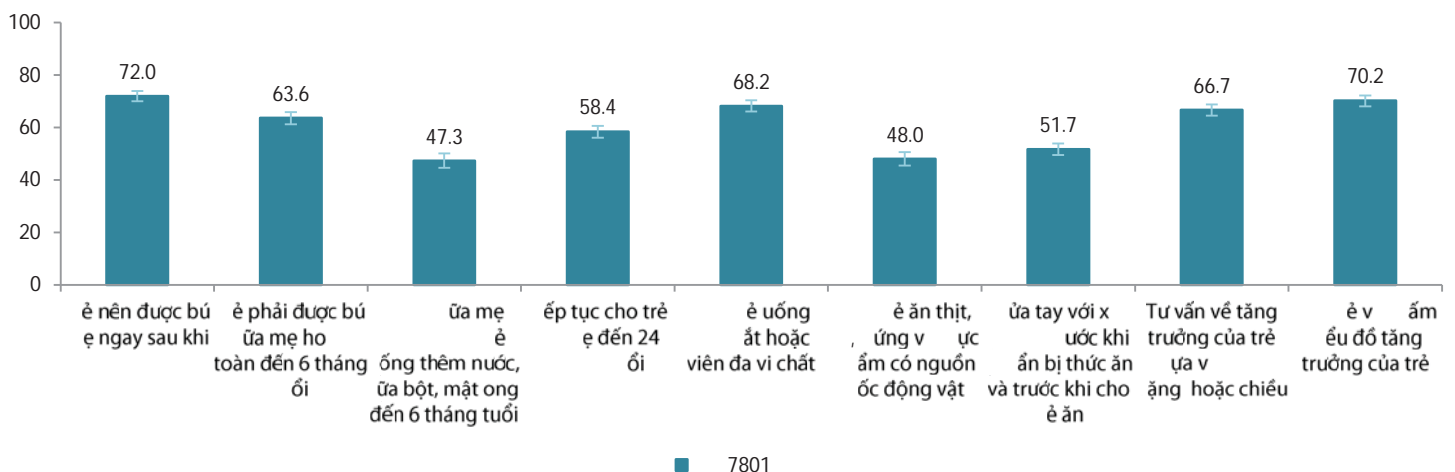
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn ($BMI < 18,5 \text{ kg/m}^2$) là 15.7%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 73.9% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 48.6%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 36.8%, nhẹ cân là 25% và gầy còm là 8.1%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 2.7%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 74.2%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 37.9% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 62%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 90.3%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 60.2%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 93.8%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

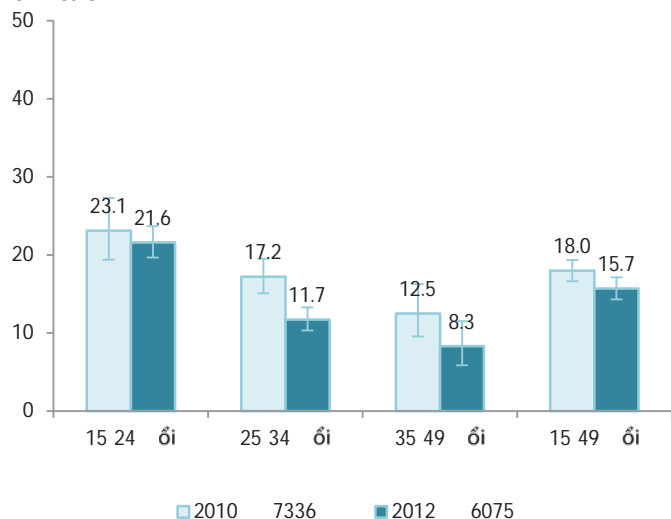
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 56 | Số bệnh viện | 72 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 722 | Số phòng khám đa khoa | 45 |
| Số thôn/bản | 7,371 | Số trạm y tế xã | 721 |
| Dân số | 5,278,679 | Số nhà hộ sinh | 2 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 501,772 | Số bác sỹ | 2,626 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 206,228 | Số y sỹ | 2,514 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 4,288 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 35.3% | Số nữ hộ sinh | 1,762 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 20.5% | Số y tế thôn bản | 7,015 |

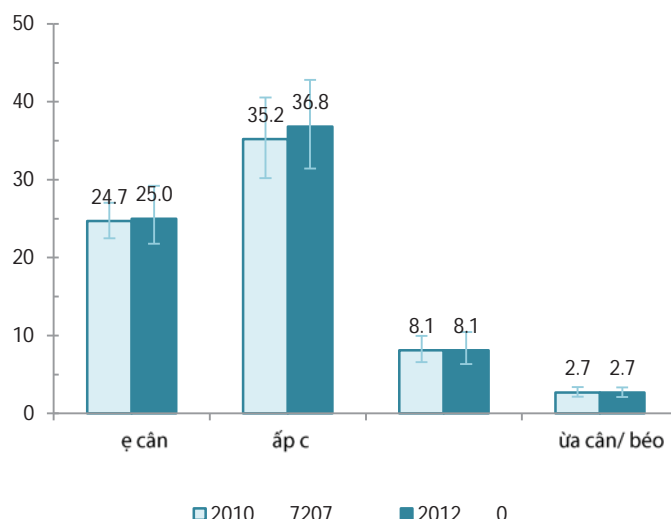
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

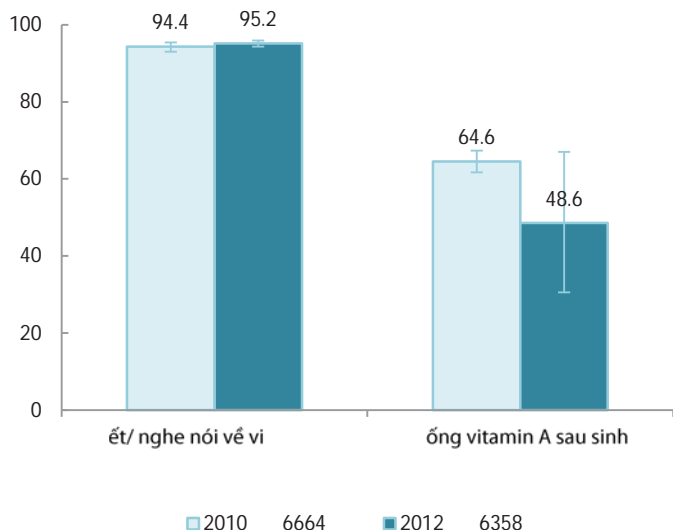
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



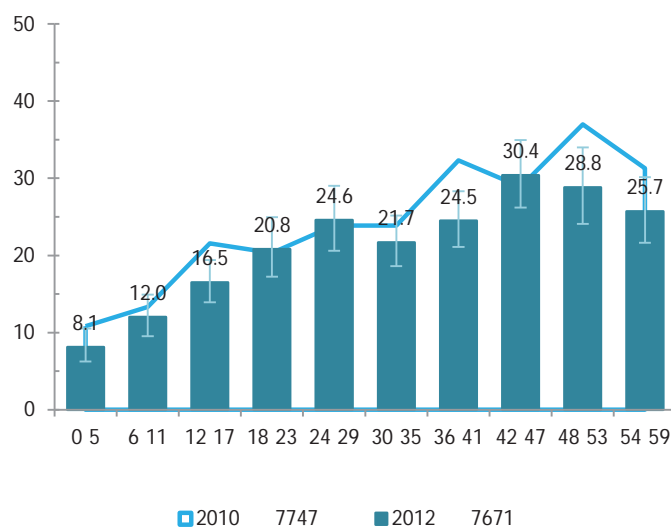
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



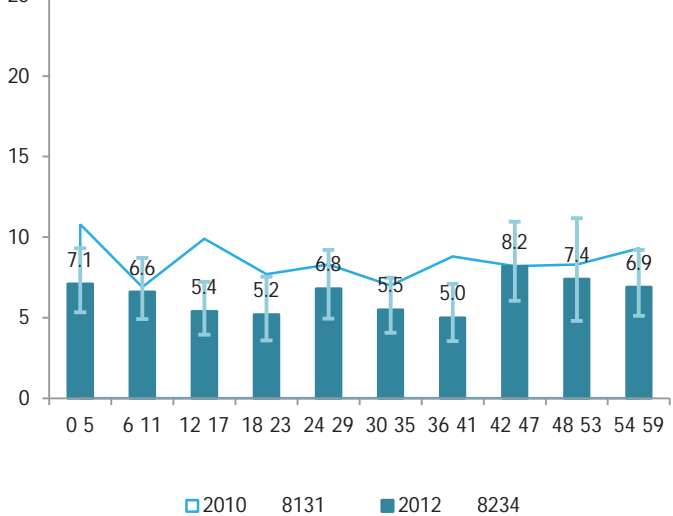
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



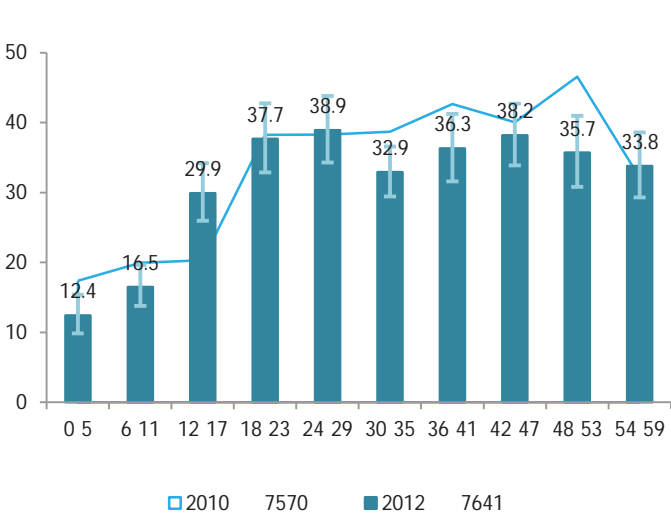
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



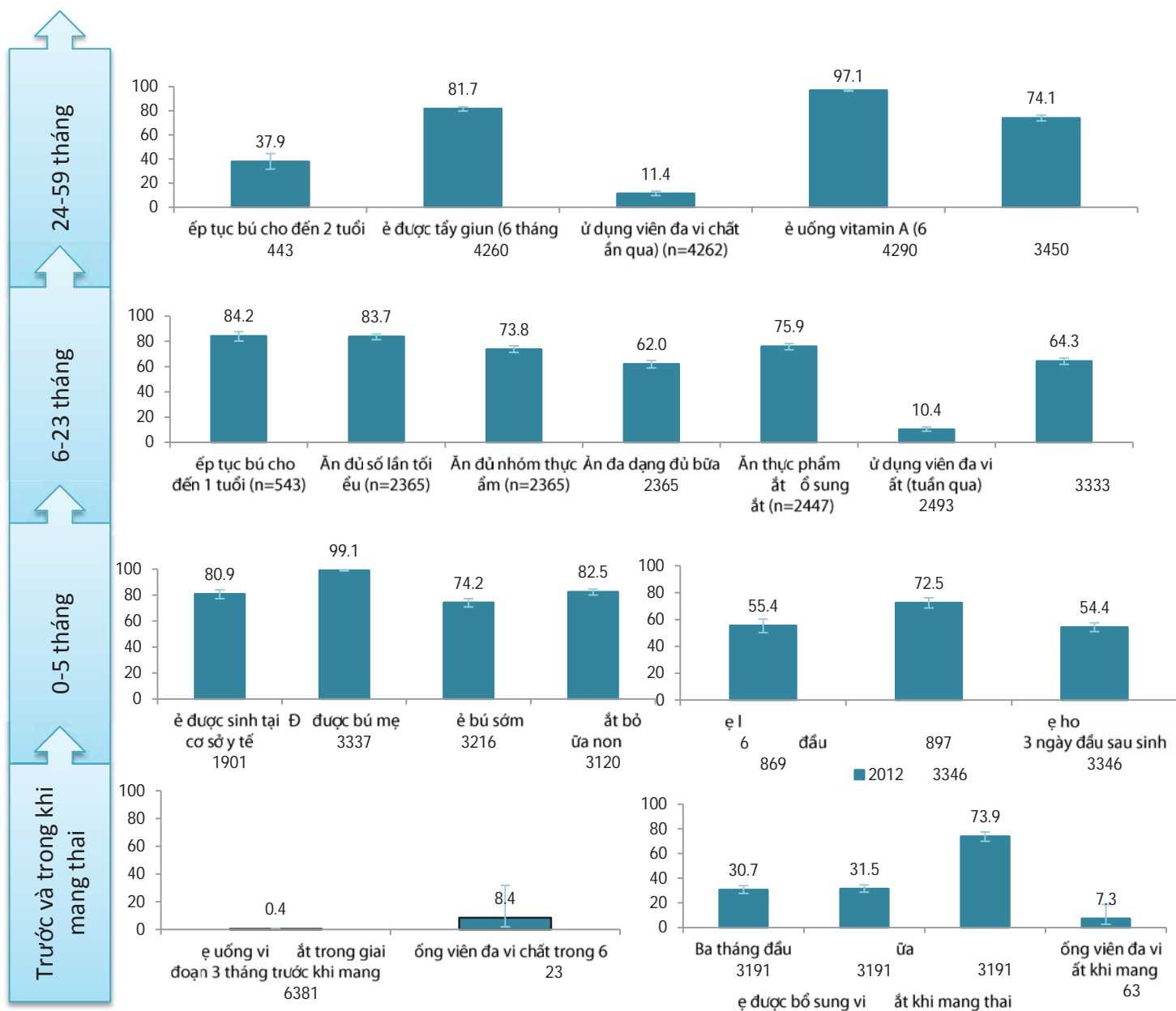
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



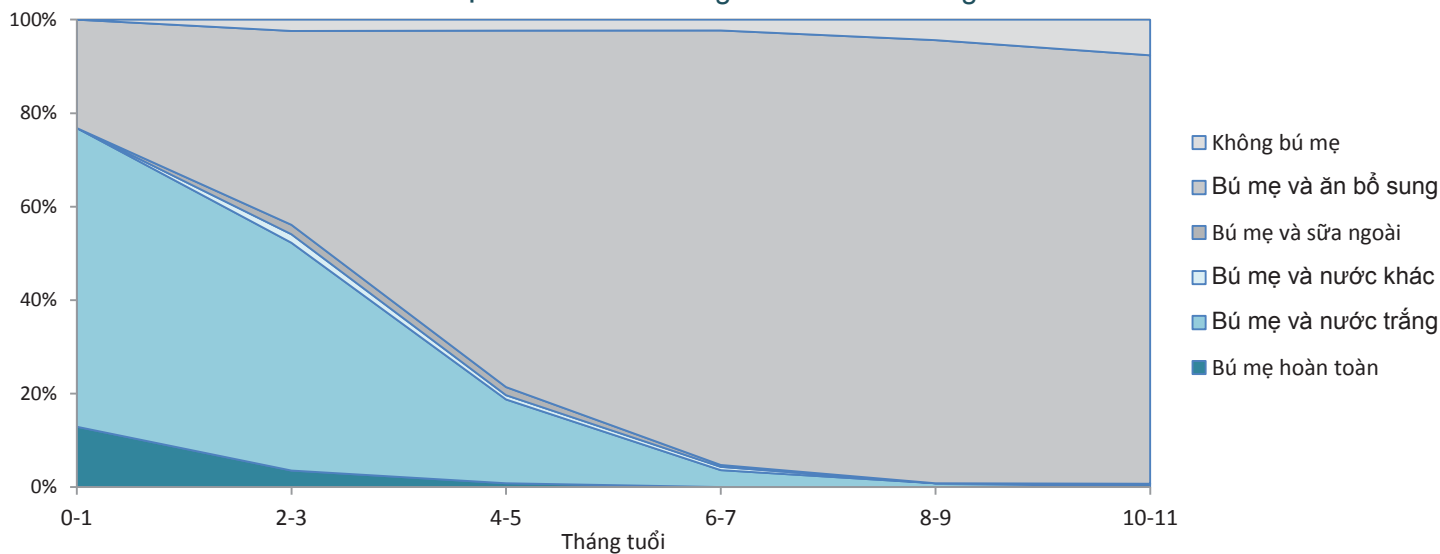
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



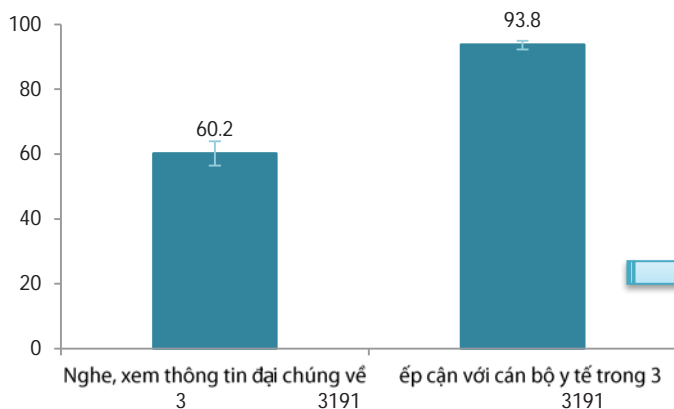
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



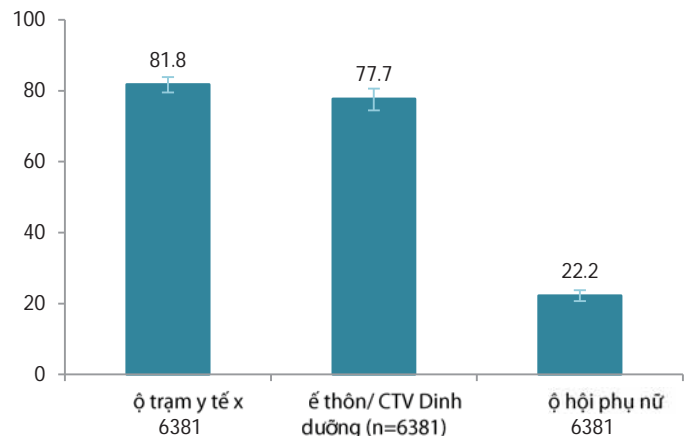
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
Tây nguyên

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

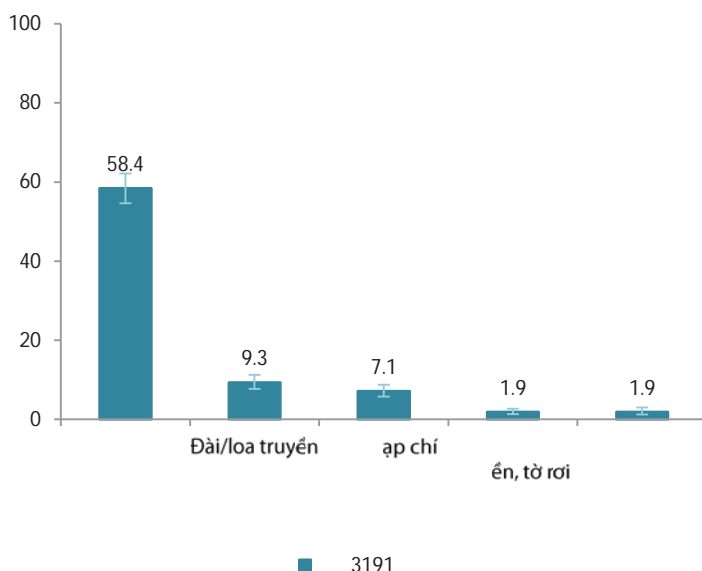
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



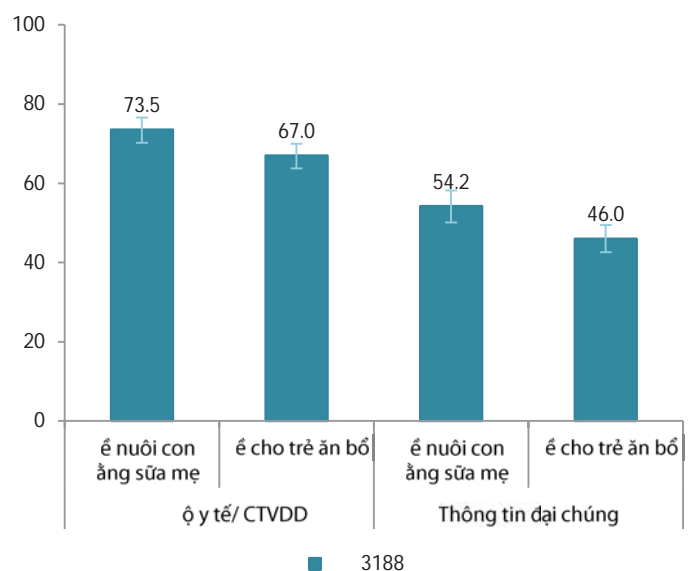
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



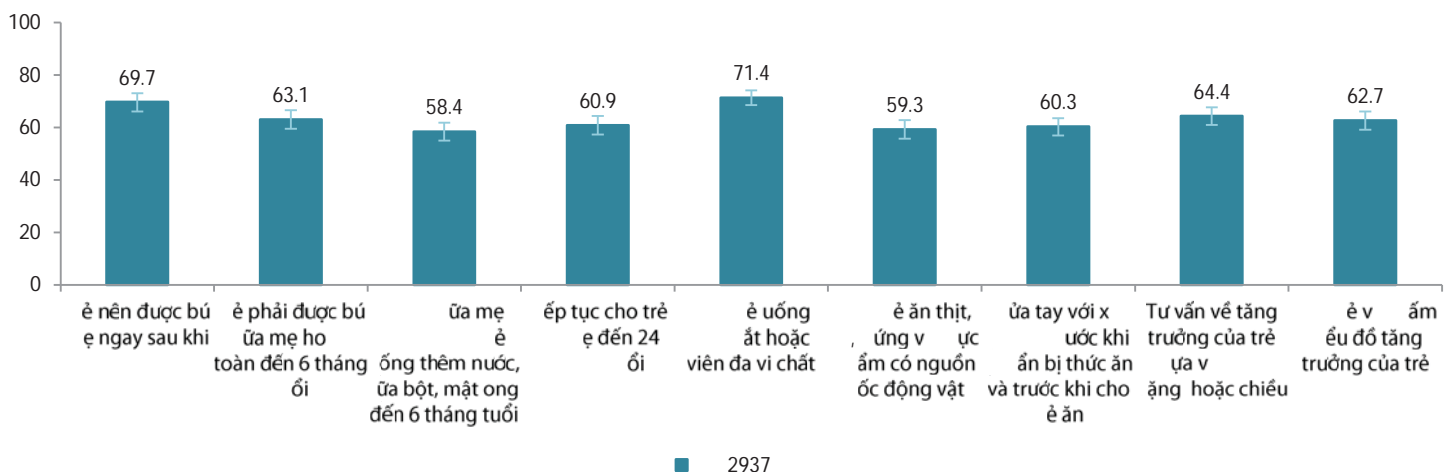
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Đông nam bộ

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 13.7%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 82% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 80.1%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 20.7%, nhẹ cân là 11.3% và gầy còm là 5.4%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 10.4%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 42%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 16.5% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 78.9%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 83.2%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 80.8%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 74.2%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

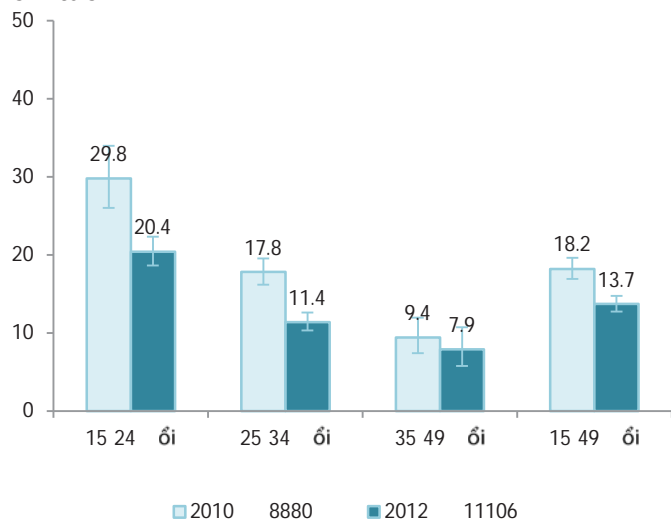
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|------------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 67 | Số bệnh viện | 114 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 872 | Số phòng khám đa khoa | 43 |
| Số thôn/bản | 22,216 | Số trạm y tế xã | 868 |
| Dân số | 14,888,149 | Số nhà hộ sinh | 22 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 1,073,983 | Số bác sỹ | 8,914 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 441,407 | Số y sỹ | 4,775 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 14,557 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 6.5% | Số nữ hộ sinh | 4,181 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 1.9% | Số y tế thôn bản | 6,337 |

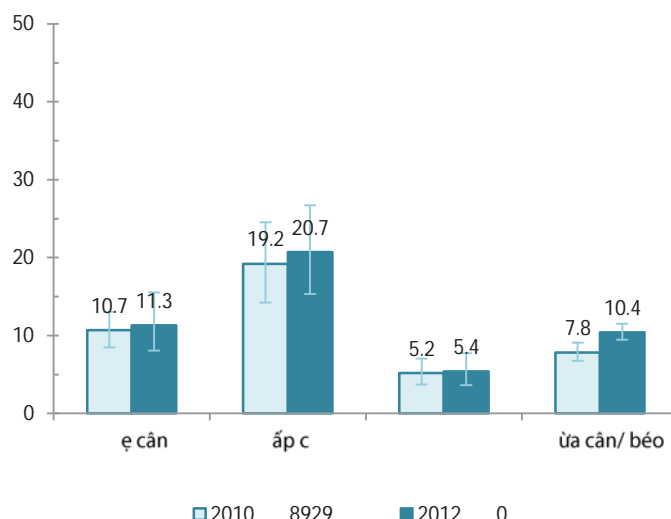
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

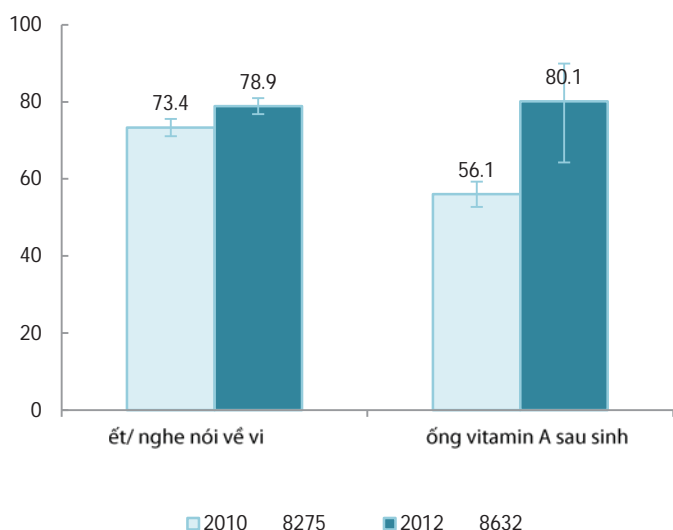
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



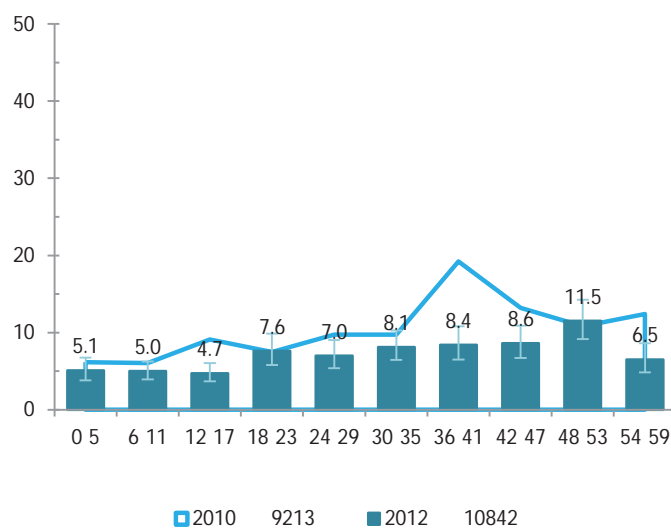
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



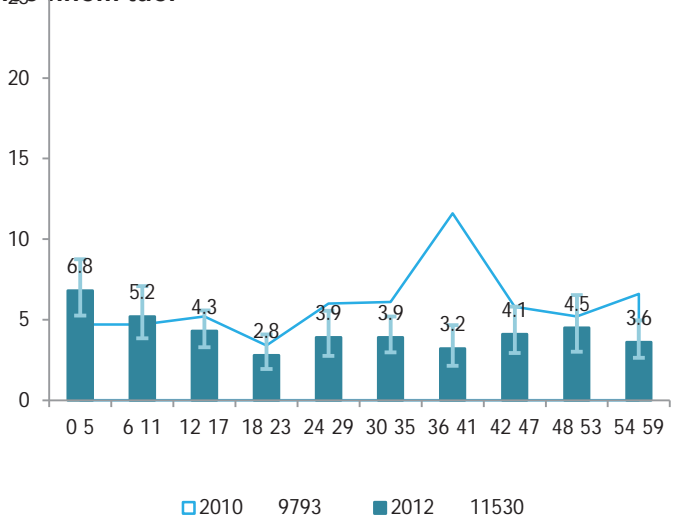
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



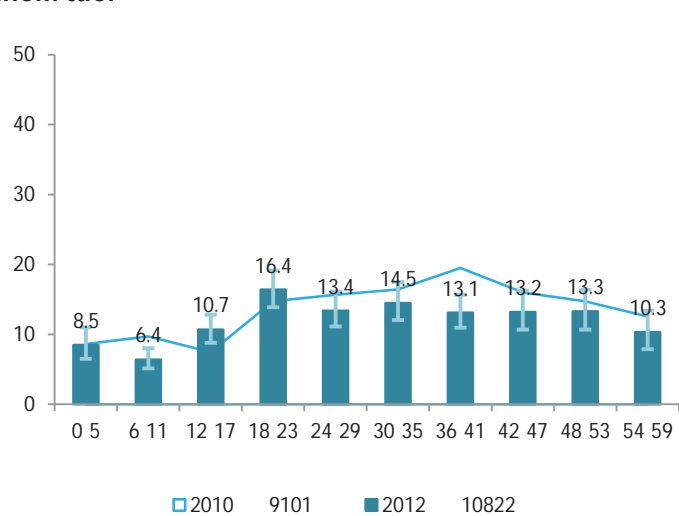
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



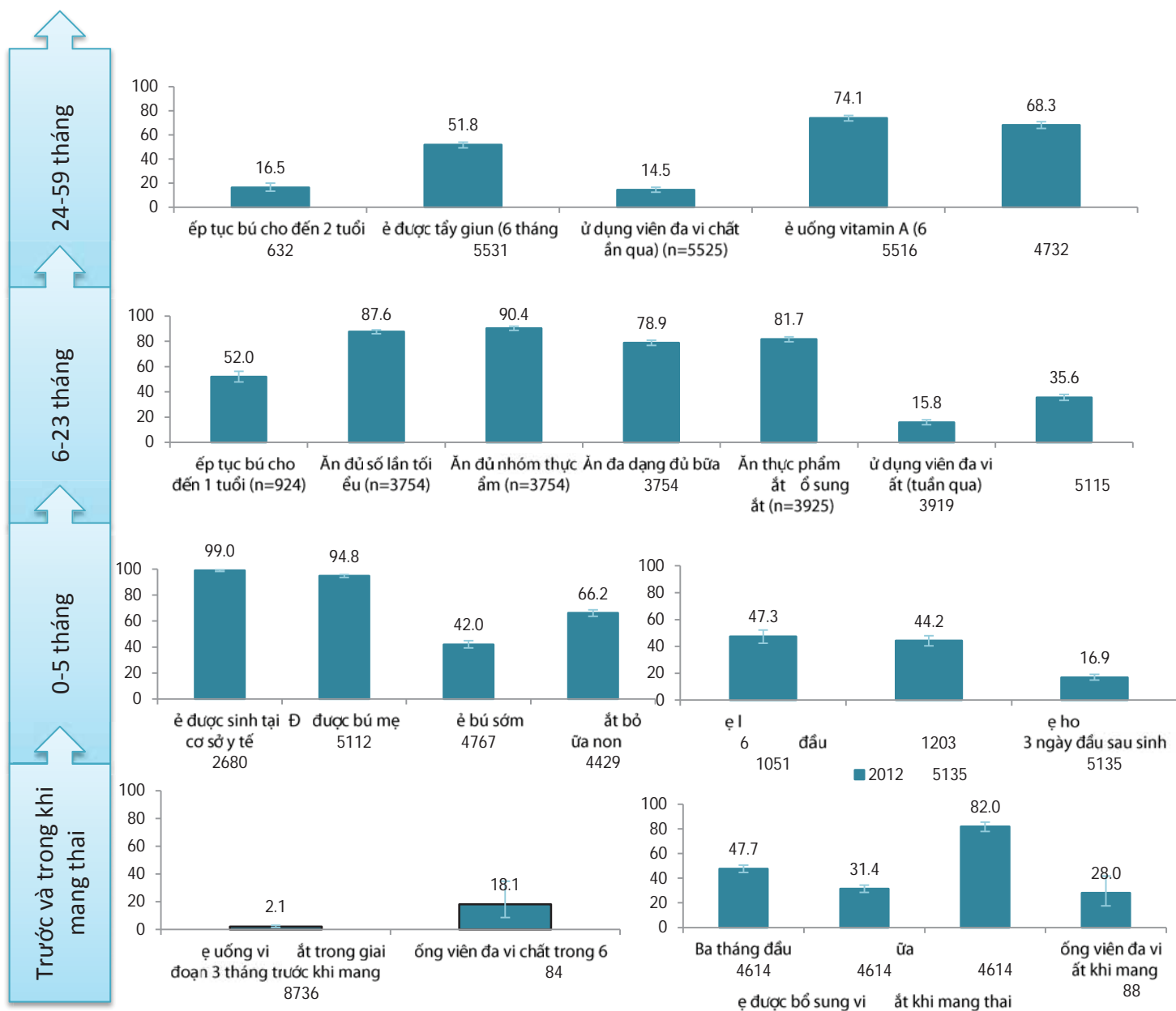
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



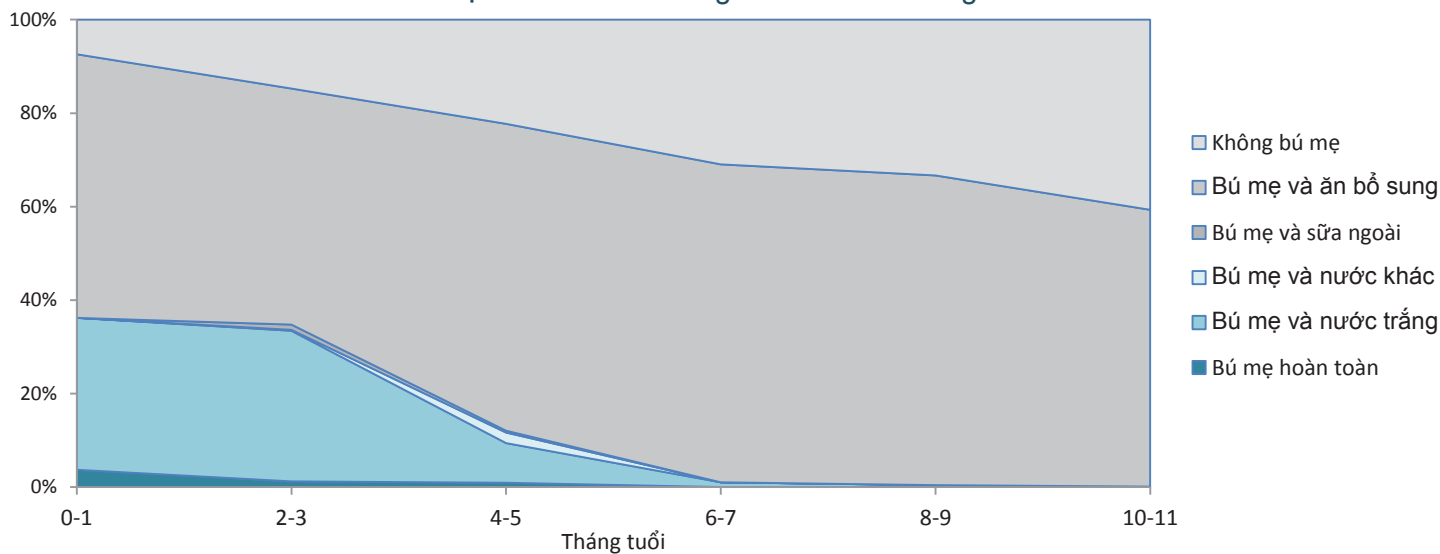
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



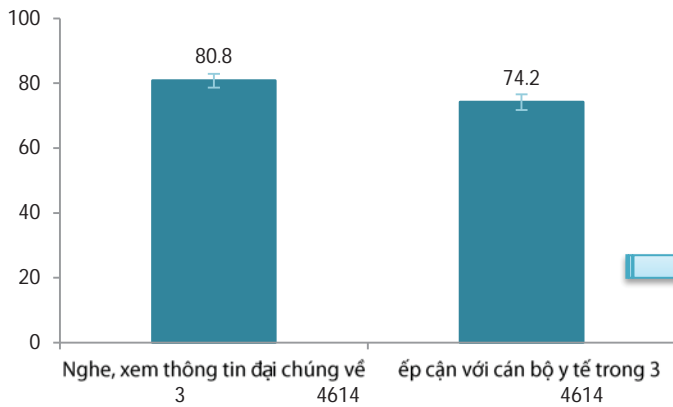
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



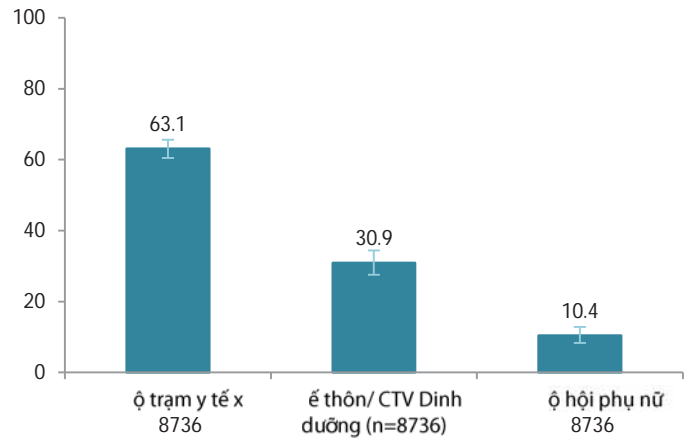
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Đông nam bộ

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

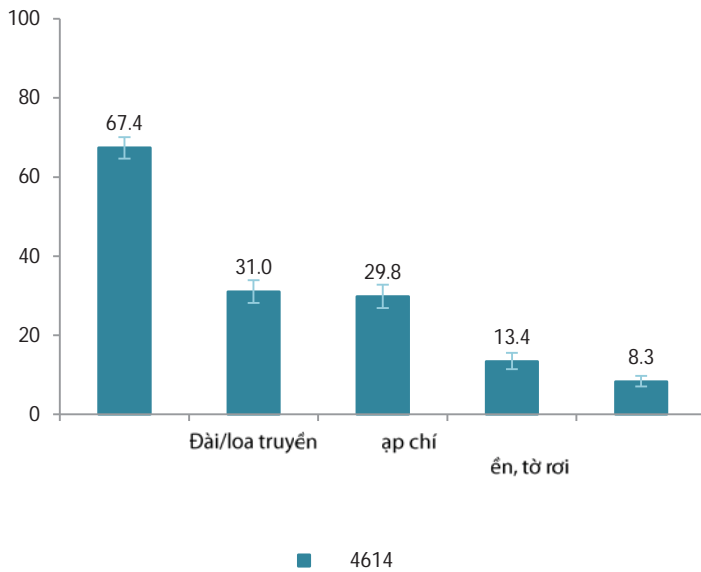
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



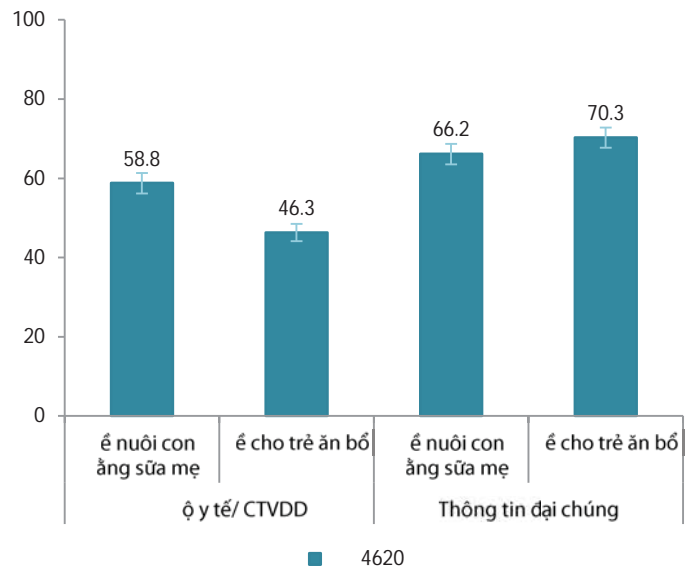
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



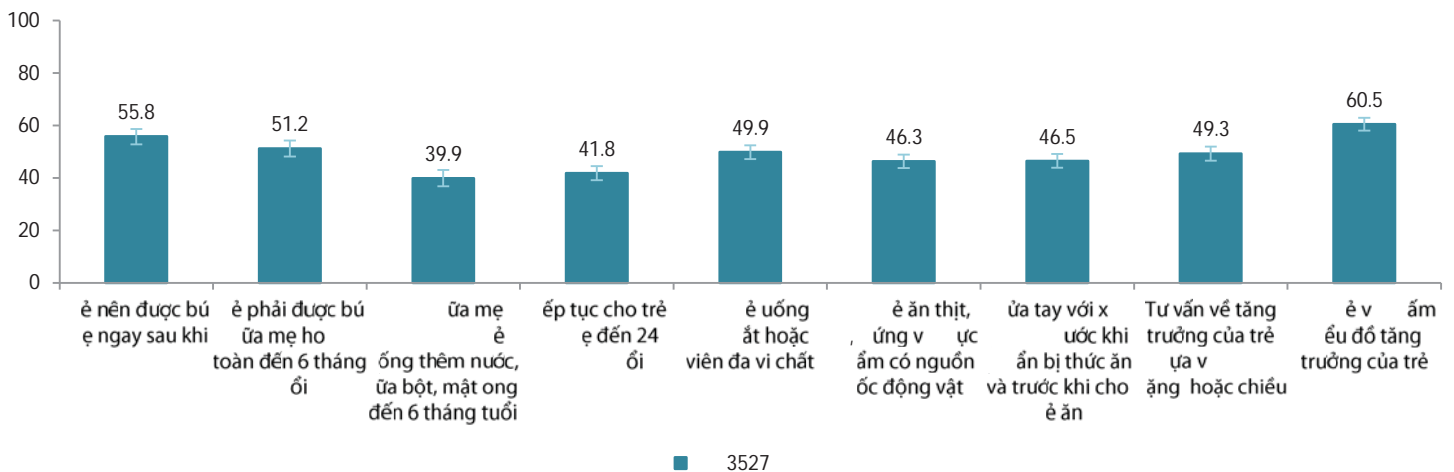
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Đồng bằng sông Cửu

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 15.8%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 88.9% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 99.3%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 26%, nhẹ cân là 14.8% và gầy còm là 6.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.6%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 59.4%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 12.2% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 67.9%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 86.1%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 66.3%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 86.8%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

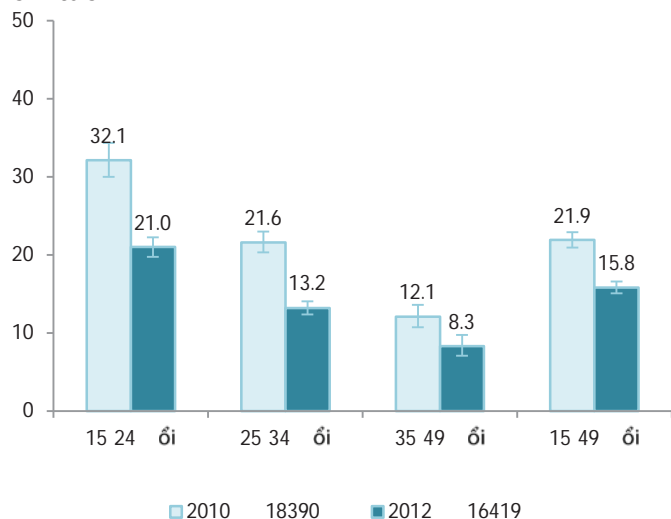
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|------------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 118 | Số bệnh viện | 154 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 1,611 | Số phòng khám đa khoa | 92 |
| Số thôn/bản | 12,799 | Số trạm y tế xã | 1,562 |
| Dân số | 17,325,167 | Số nhà hộ sinh | 11 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 1,286,111 | Số bác sỹ | 8,622 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 528,592 | Số y sỹ | 11,250 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 10,286 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 8.0% | Số nữ hộ sinh | 4,987 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 11.6% | Số y tế thôn bản | 11,623 |

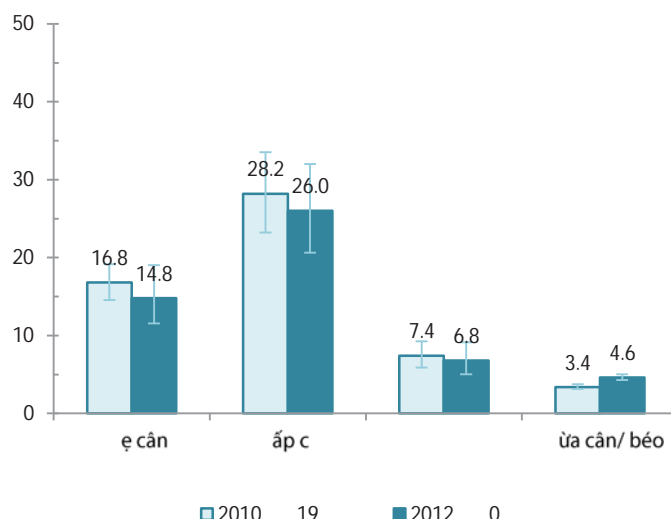
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

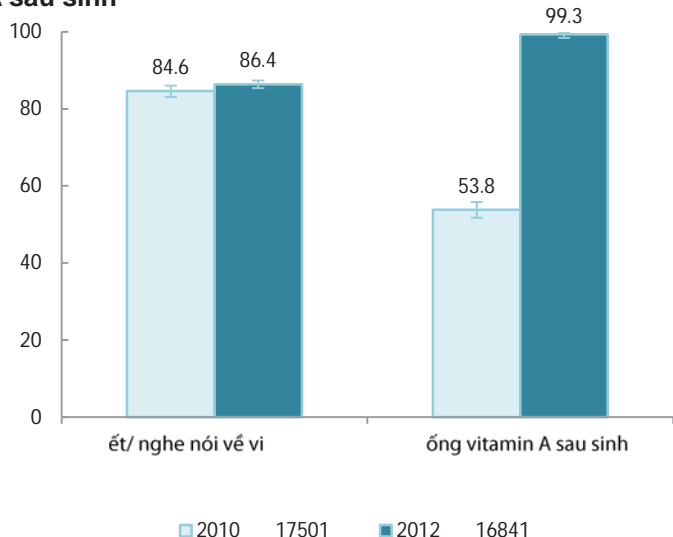
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



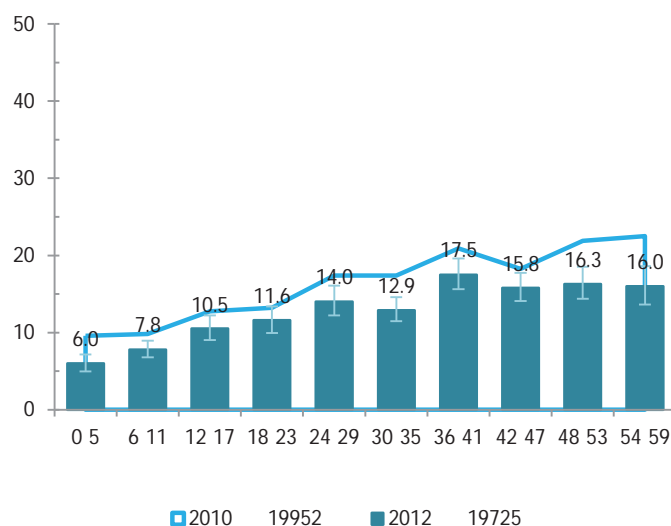
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



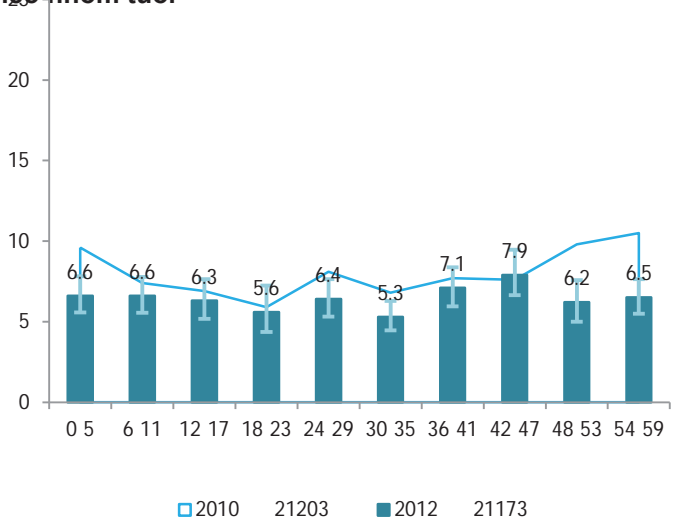
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



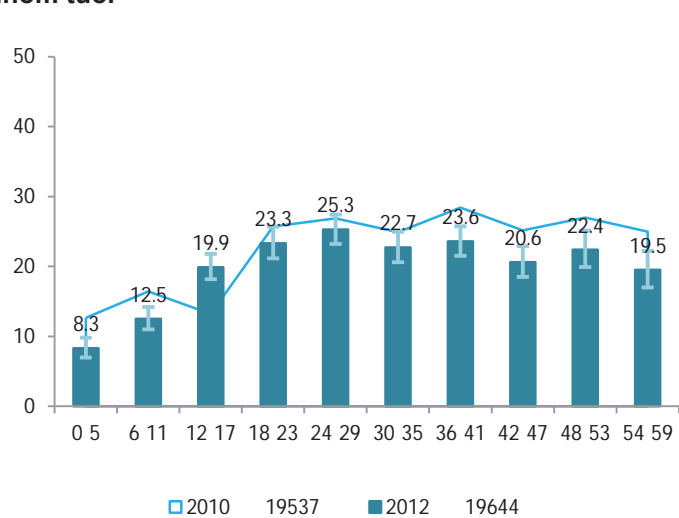
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi

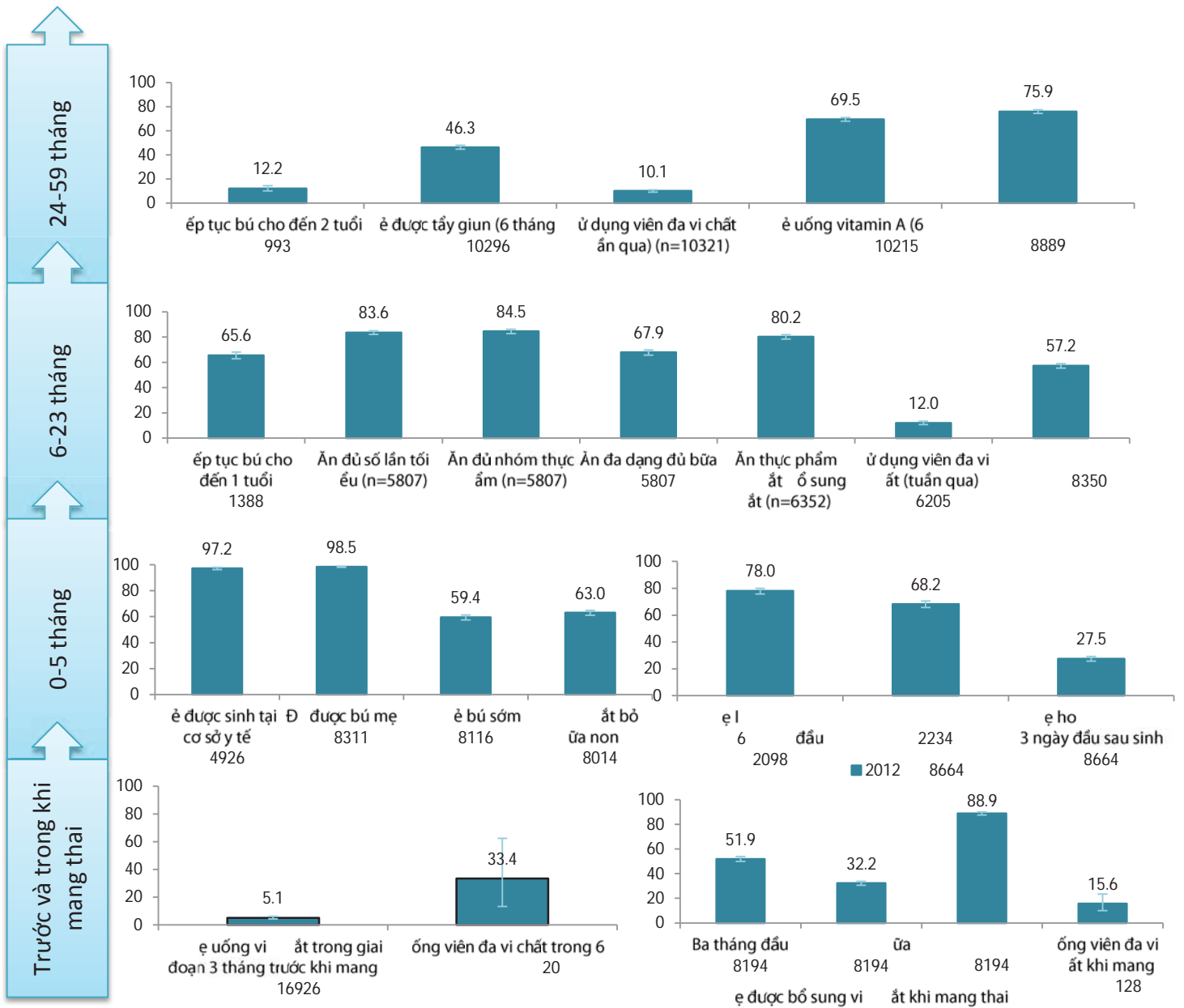


6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi

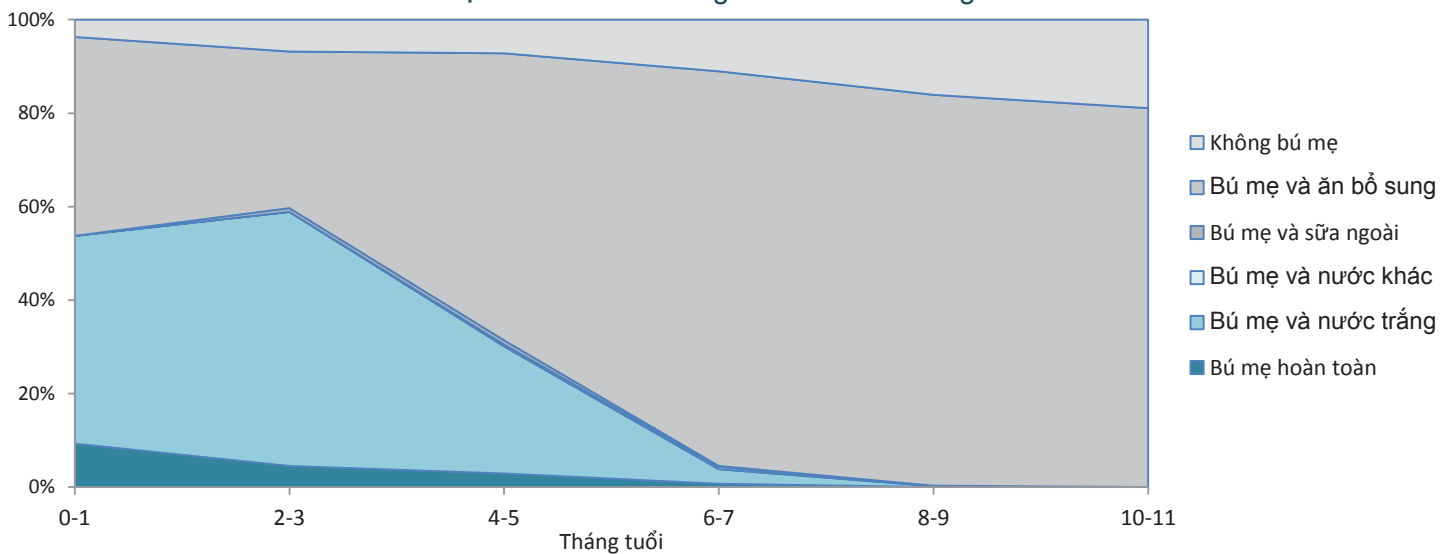


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
2. Đồng bằng sông Cửu Long

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



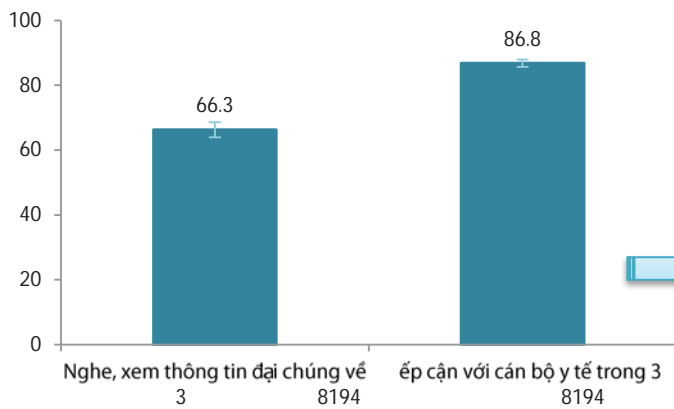
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



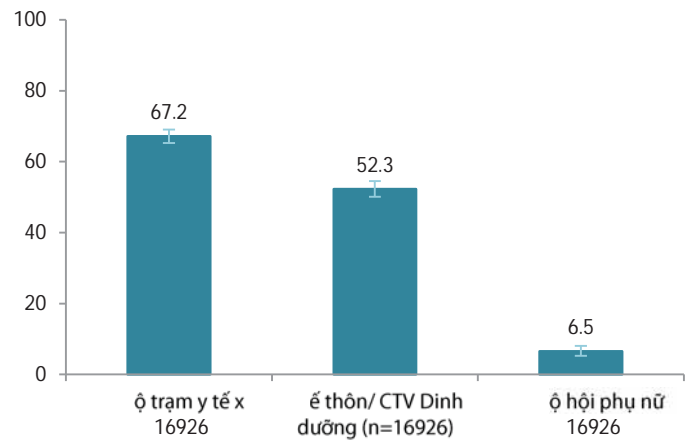
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Đồng bằng sông Cửu Long

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

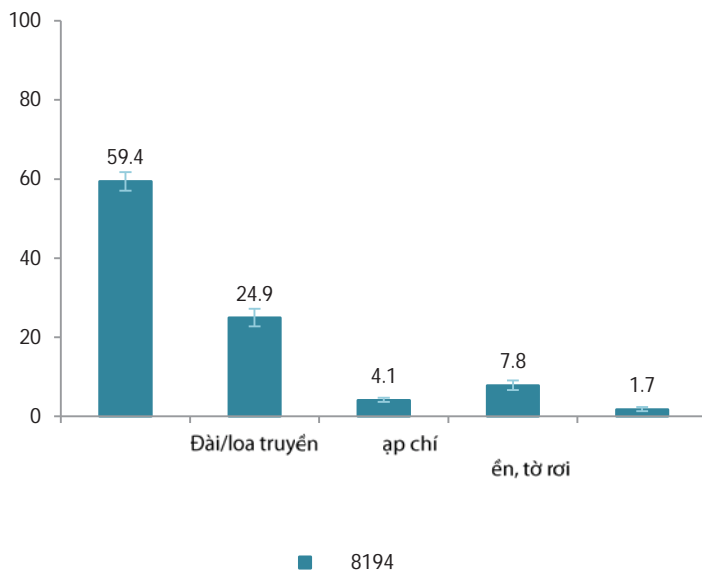
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



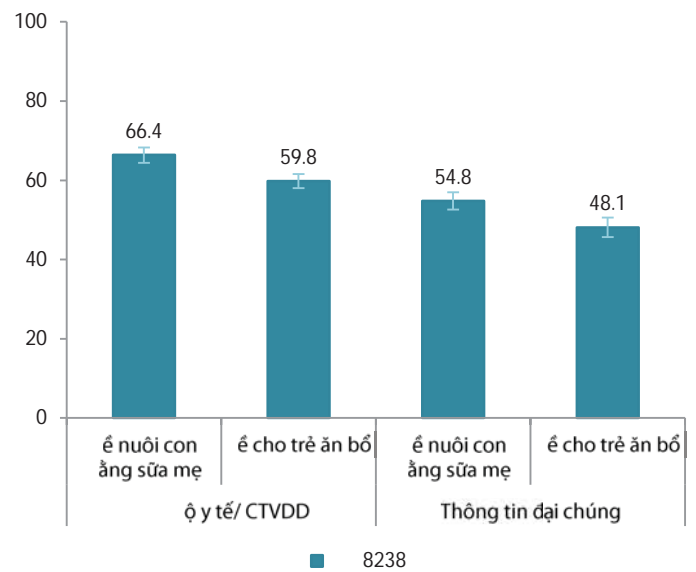
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



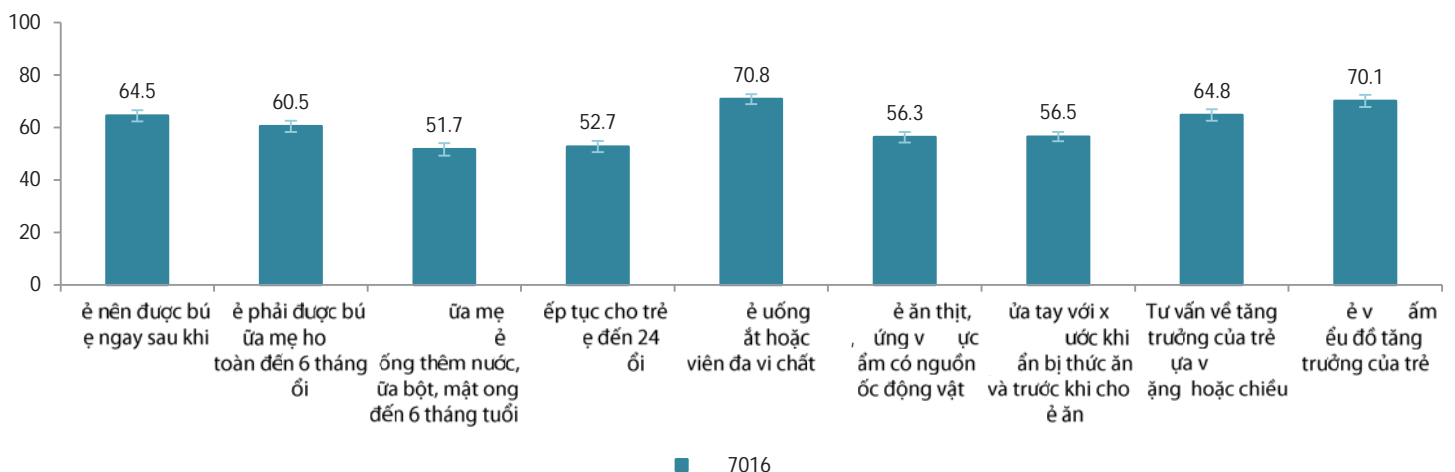
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Hà Nội

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 15.9%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 96% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 16.9%, nhẹ cân là 8.1% và gầy còm là 3.3%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 5.4%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 47.1%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 19.1% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 89.9%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 89.2%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 93.6%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 78.1%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

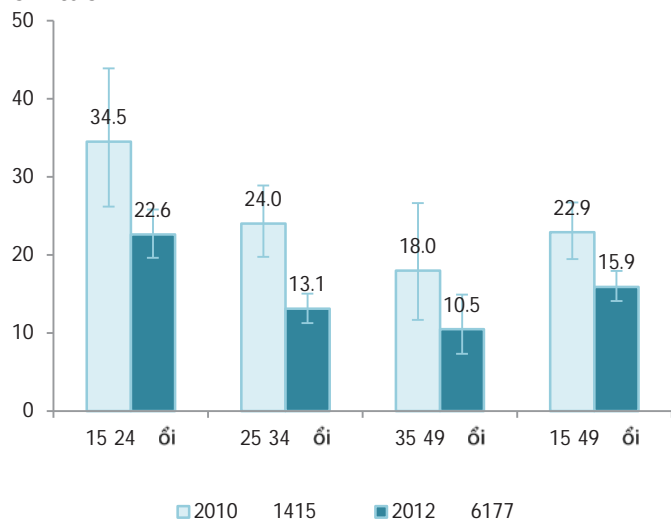
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 29 | Số bệnh viện | 40 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 577 | Số phòng khám đa khoa | 29 |
| Số thôn/bản | 7,908 | Số trạm y tế xã | 575 |
| Dân số | 6,629,465 | Số nhà hộ sinh | 4 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 591,214 | Số bác sỹ | 2,974 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 242,989 | Số y sỹ | 2,584 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 3,970 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 1.3% | Số nữ hộ sinh | 1,173 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 4.3% | Số y tế thôn bản | 3,428 |

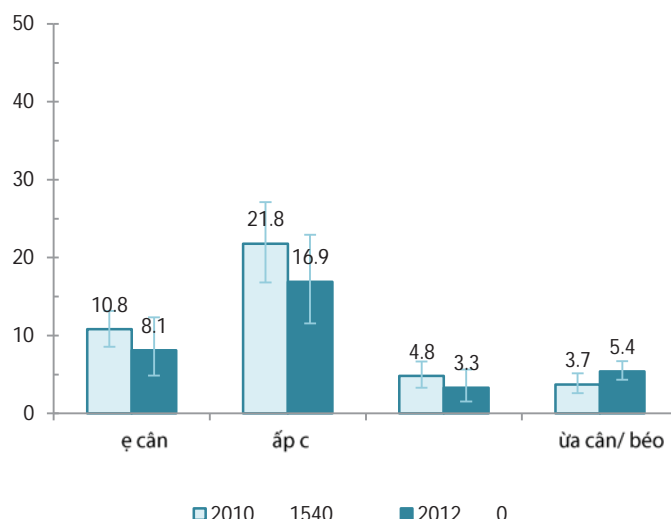
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

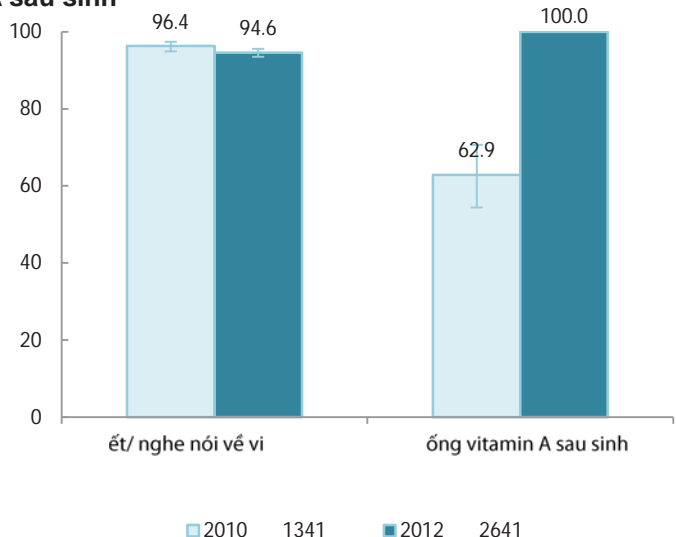
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



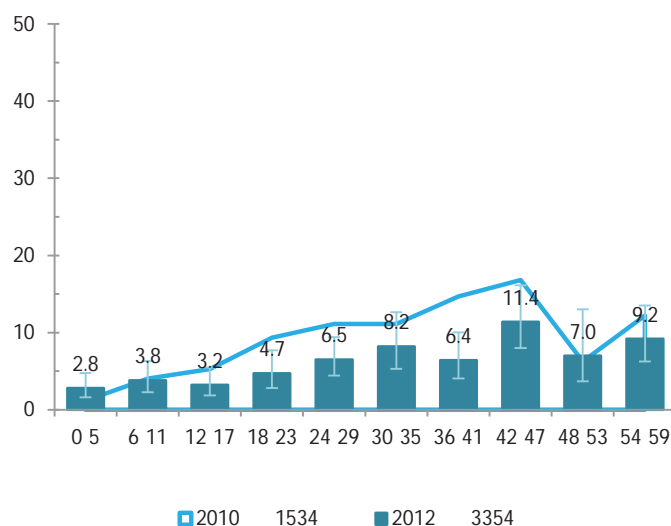
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



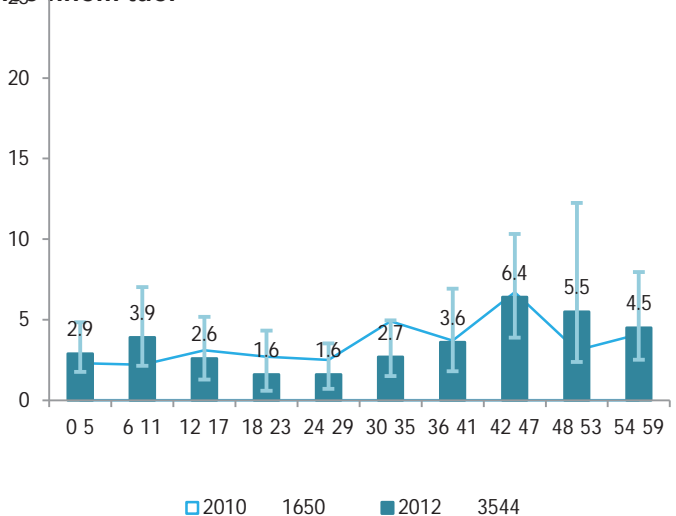
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



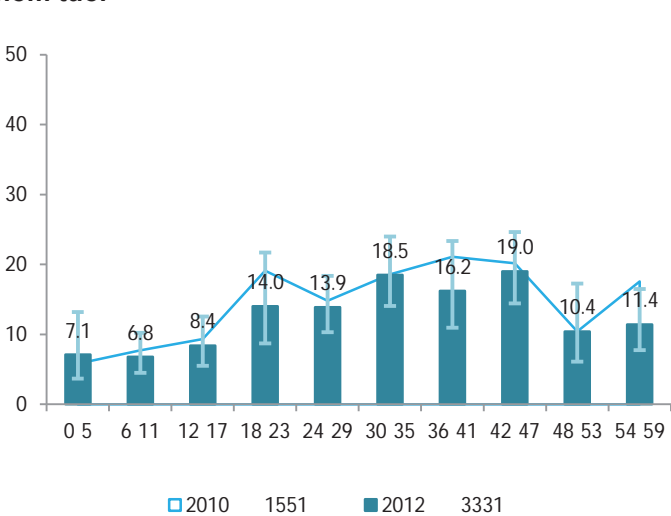
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi

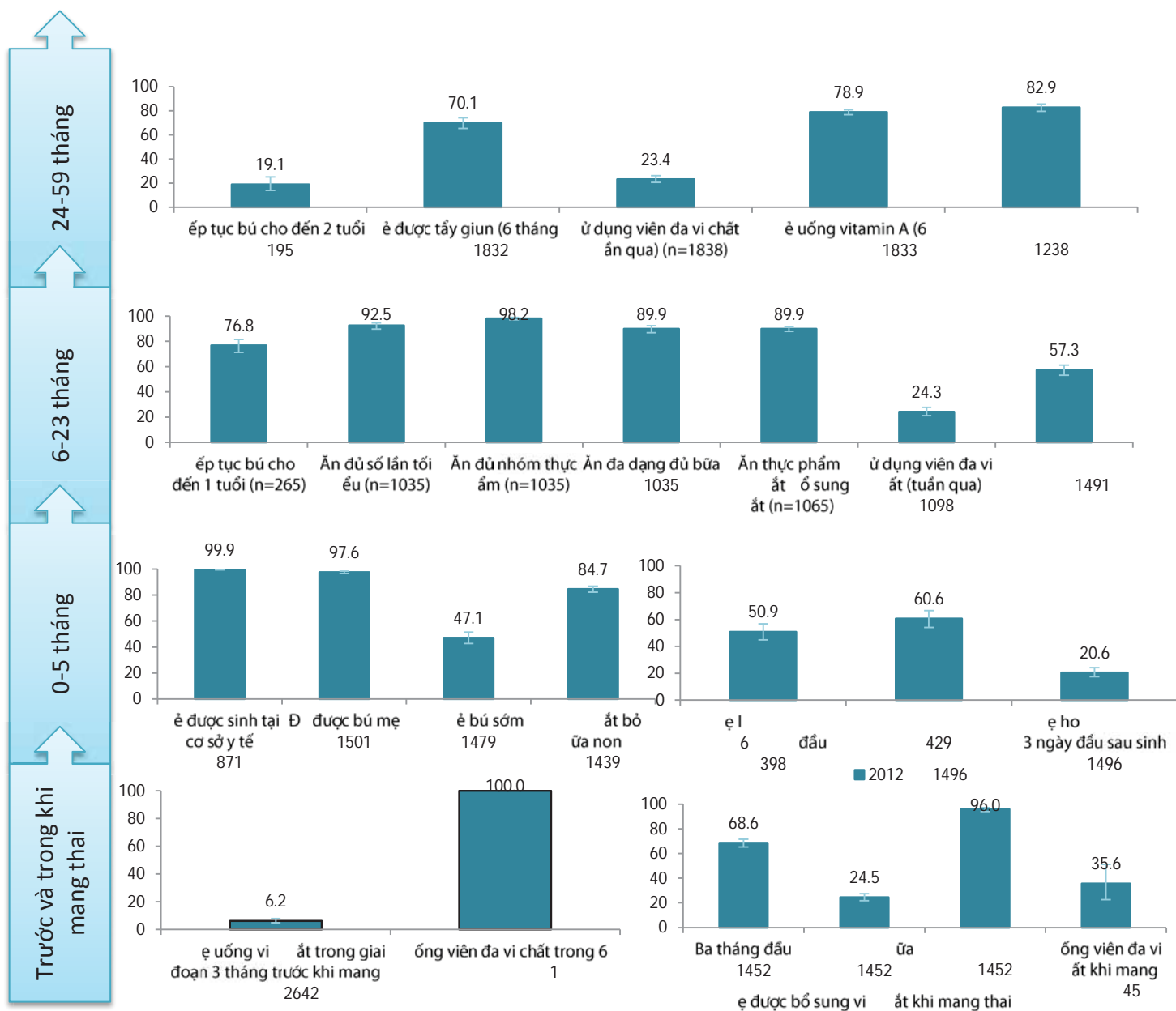


6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi

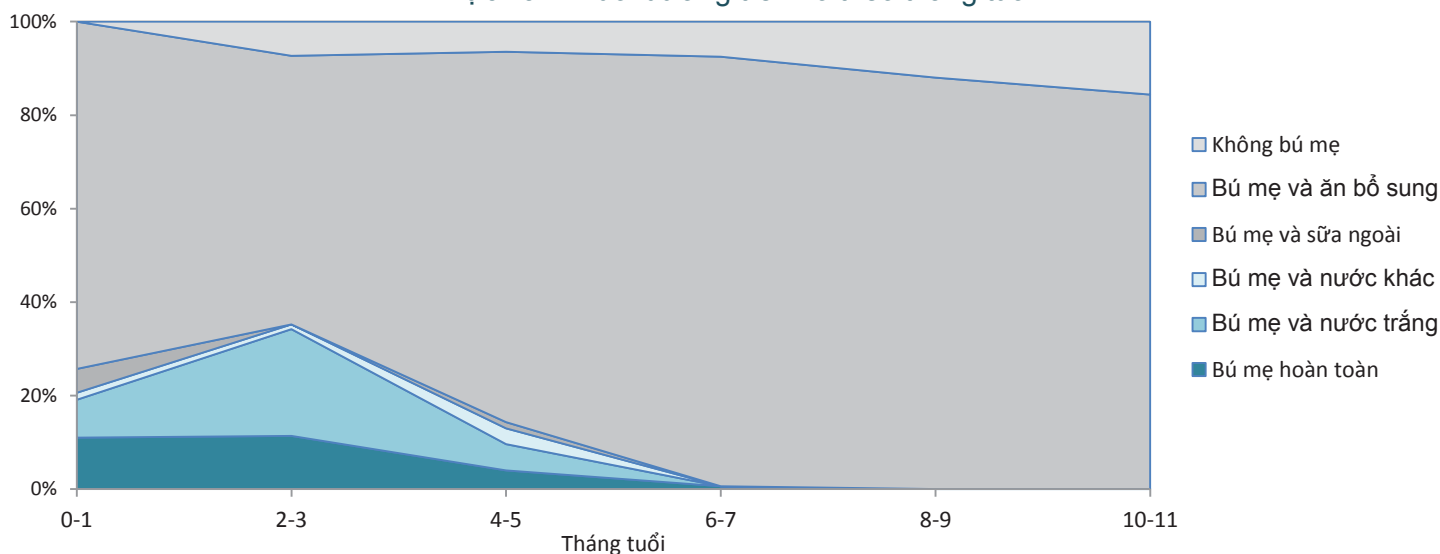


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
2. Hà Nội

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

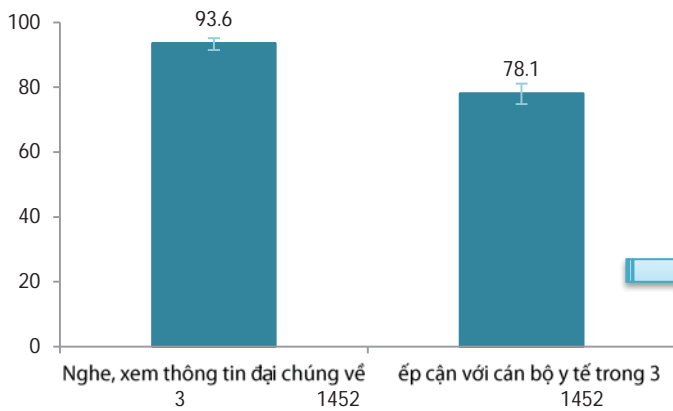


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

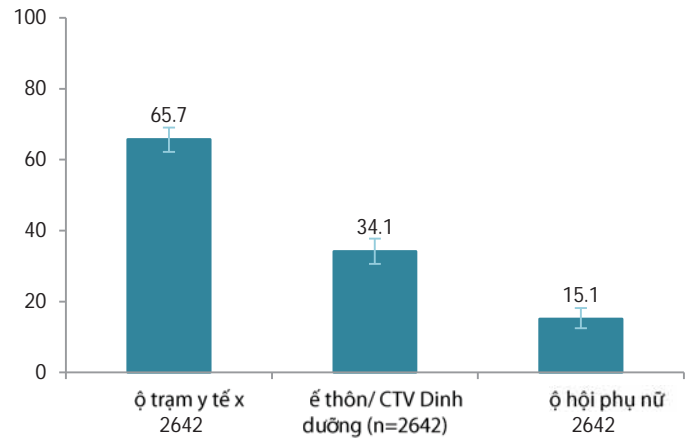
3 Hà Nội

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

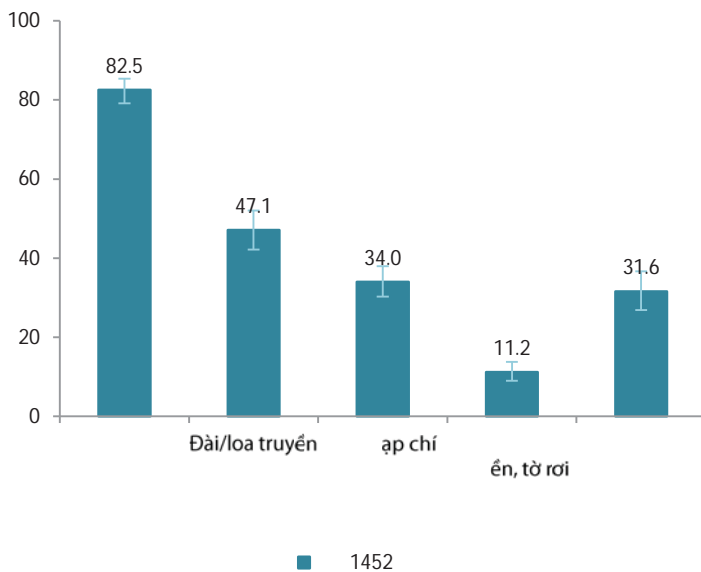
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



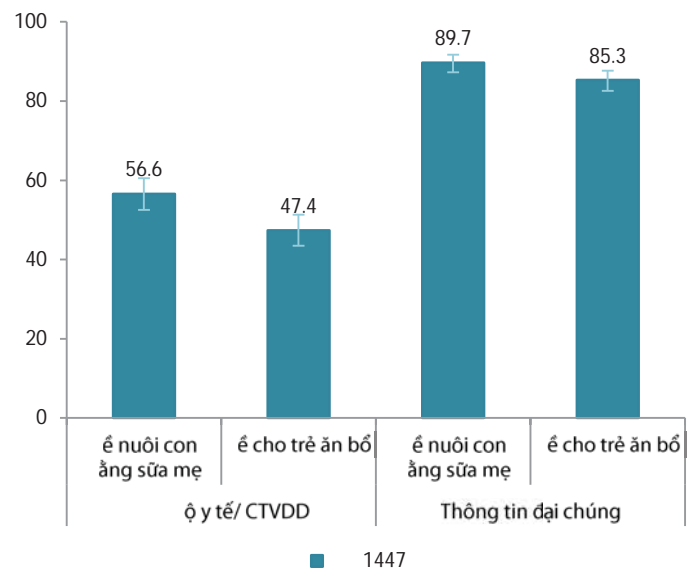
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



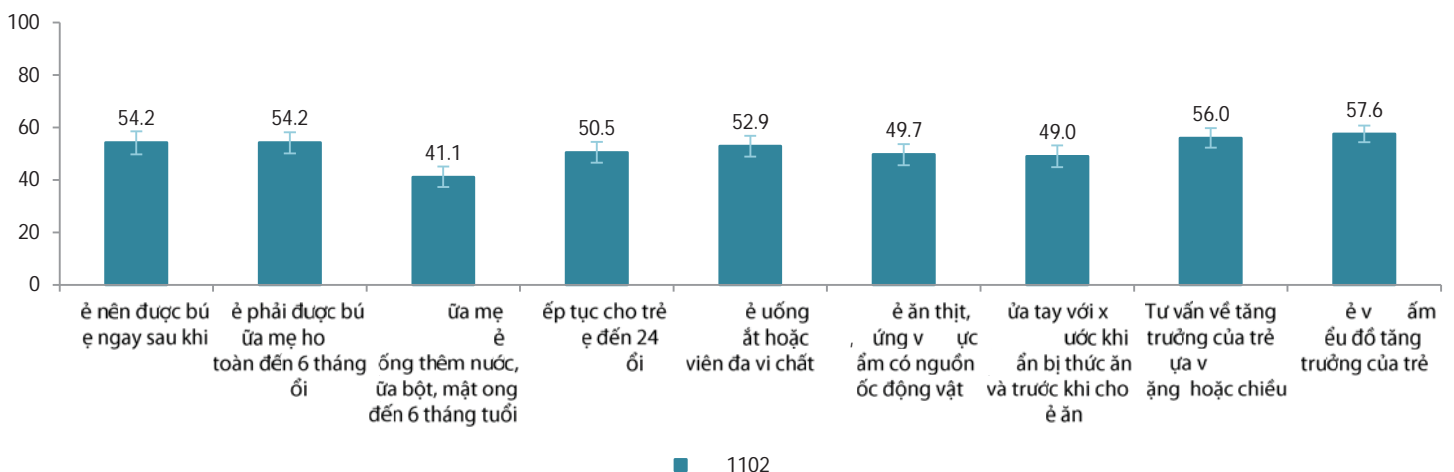
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Hải Phòng

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 19%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 83.7% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 21.2%, nhẹ cân là 9.6% và gầy còm là 5.6%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.2%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 27.6%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 23.1% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 85%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 84.5%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 86.1%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 64%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

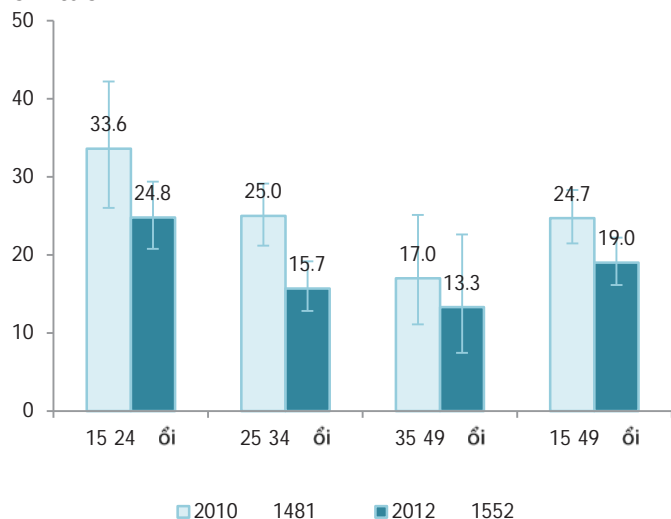
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 15 | Số bệnh viện | 24 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 223 | Số phòng khám đa khoa | 2 |
| Số thôn/bản | 3,056 | Số trạm y tế xã | 224 |
| Dân số | 1,870,732 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 158,375 | Số bác sỹ | 1,403 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 65,092 | Số y sỹ | 689 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 2,111 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 0.2% | Số nữ hộ sinh | 545 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 5.8% | Số y tế thôn bản | 1,774 |

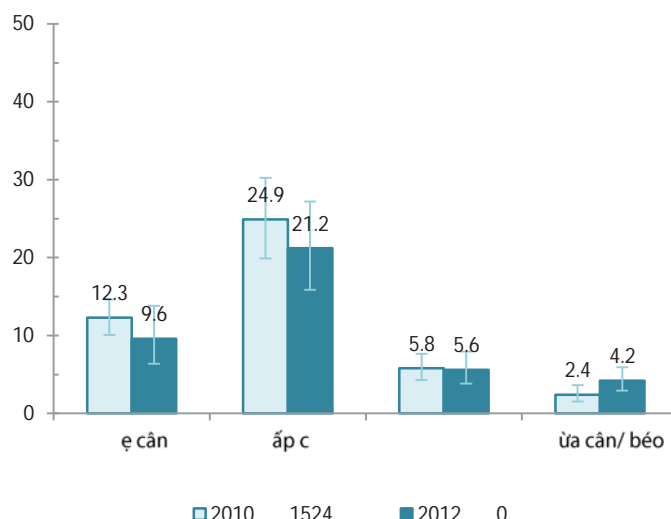
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

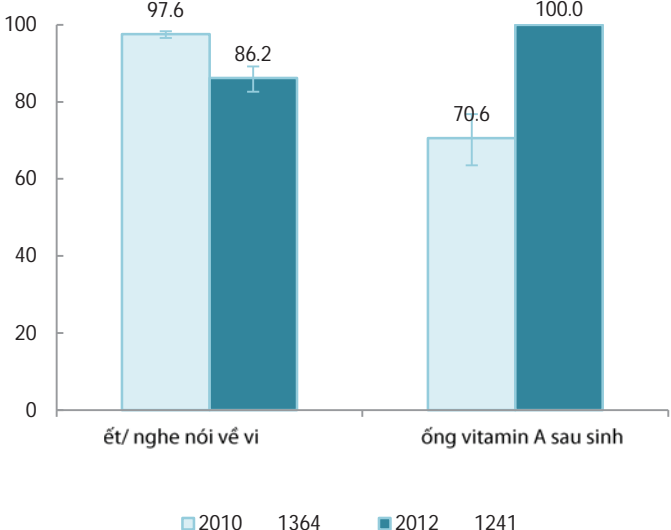
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



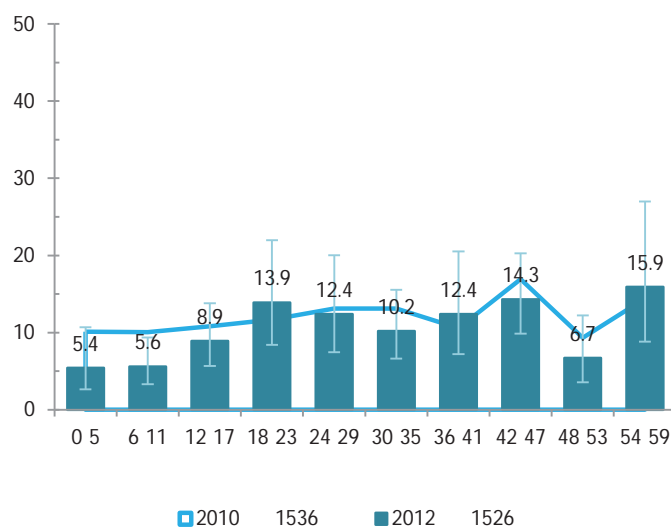
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



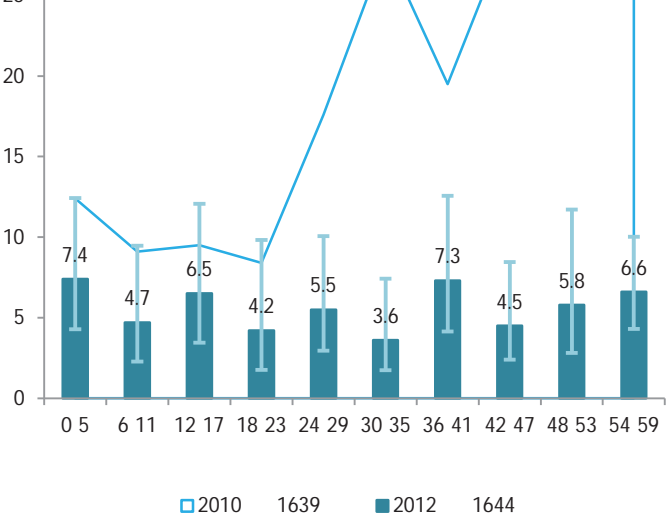
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



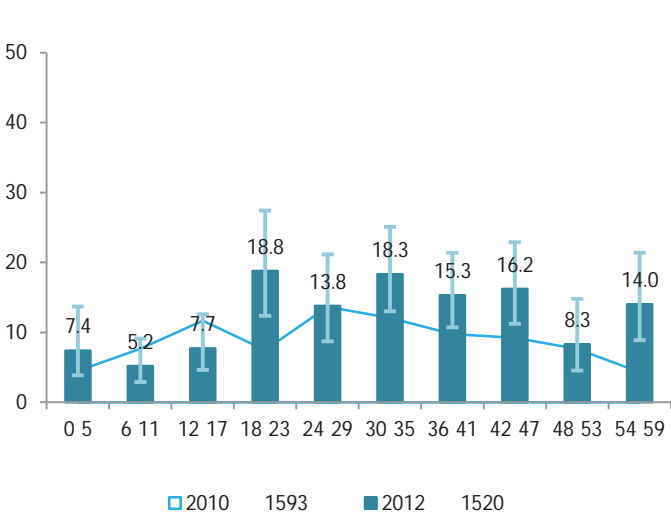
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



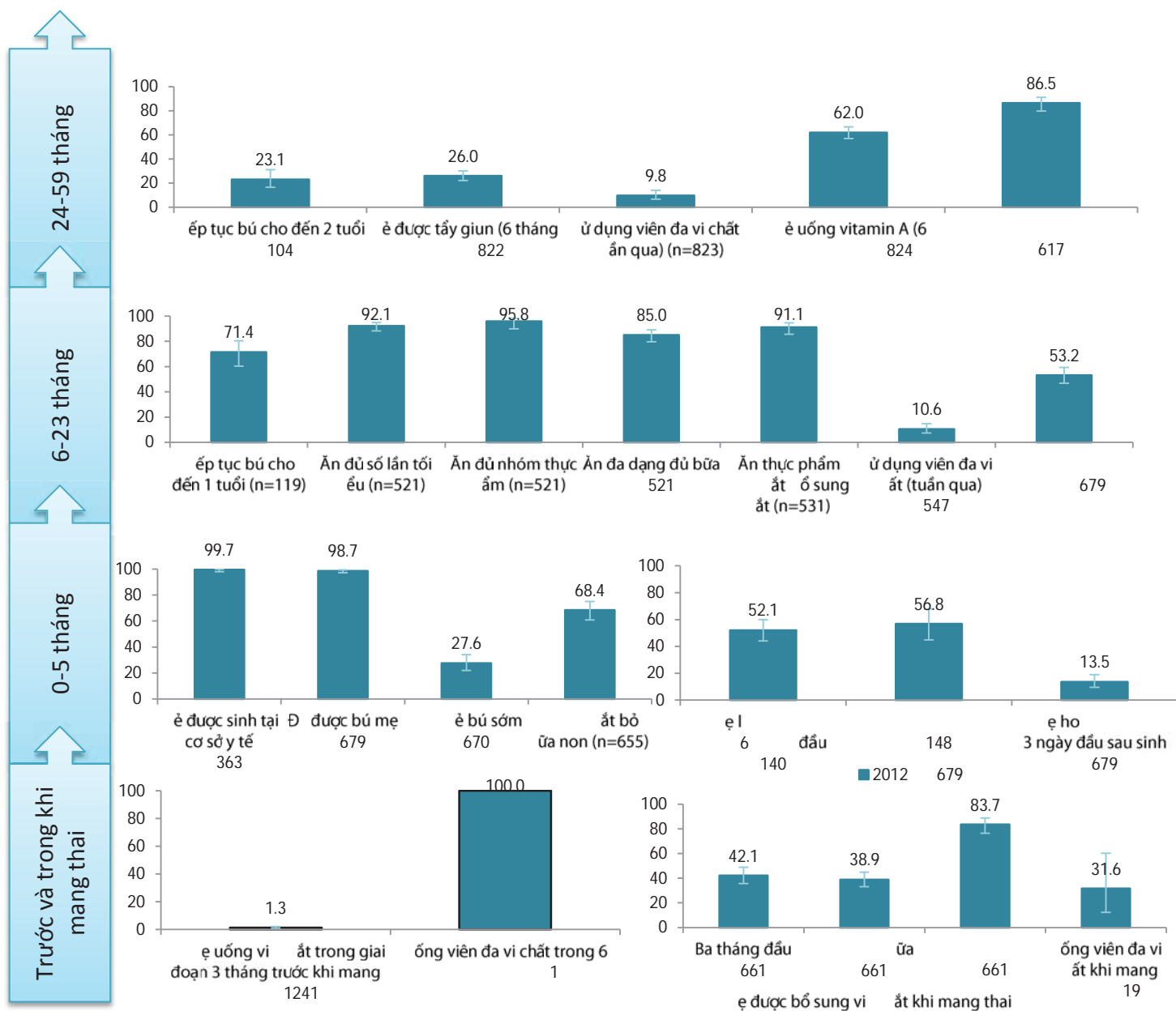
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



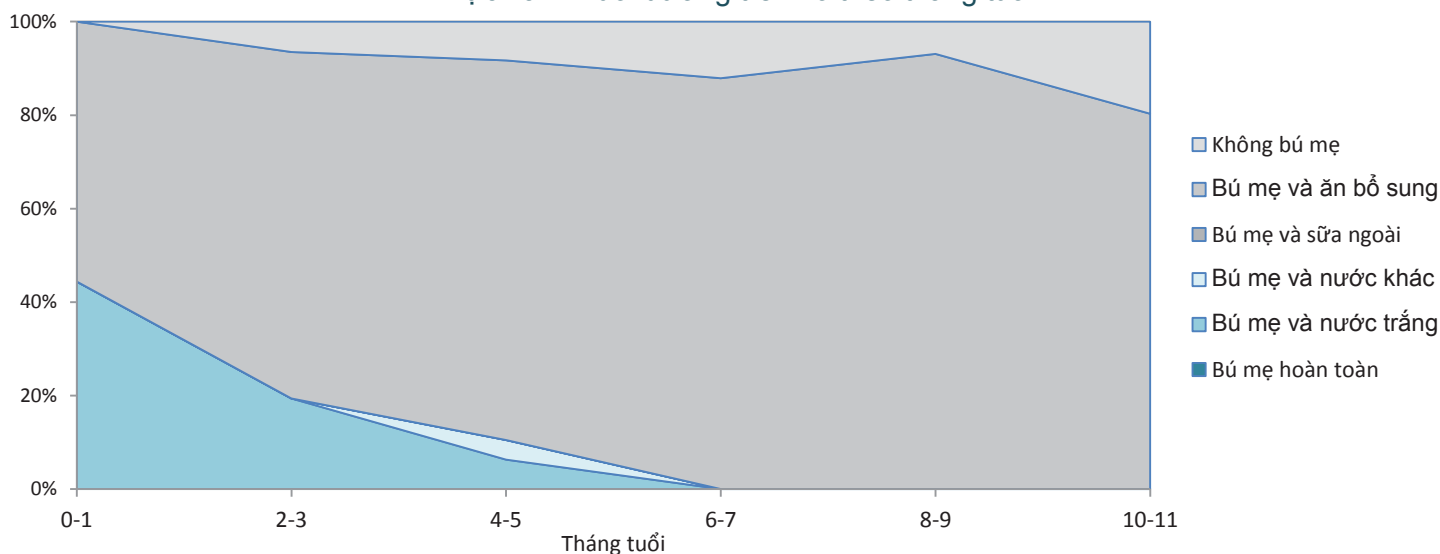
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



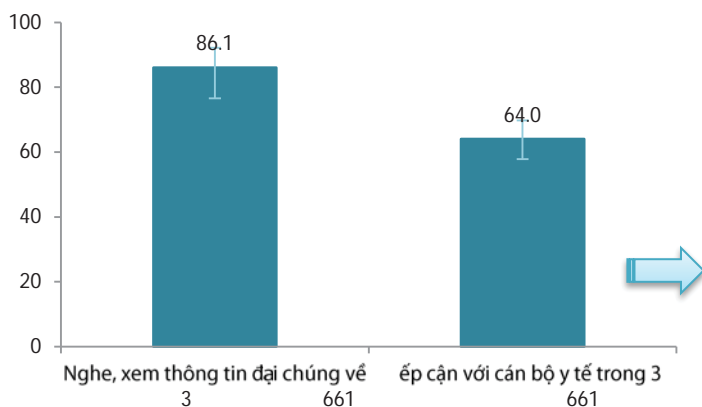
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



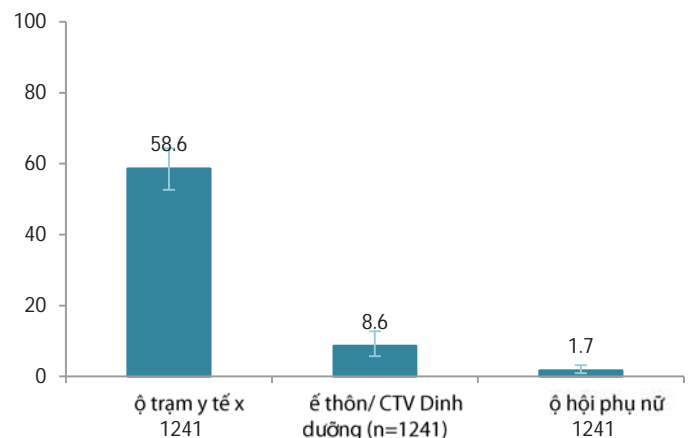
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Hải Phòng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

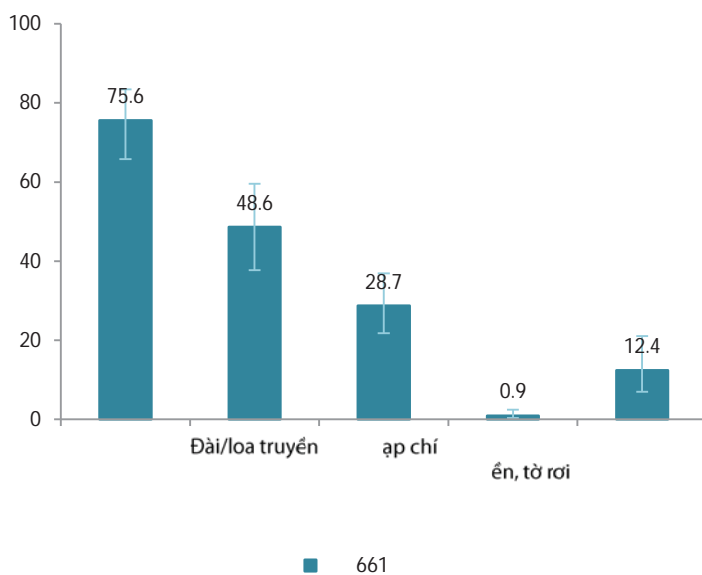
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



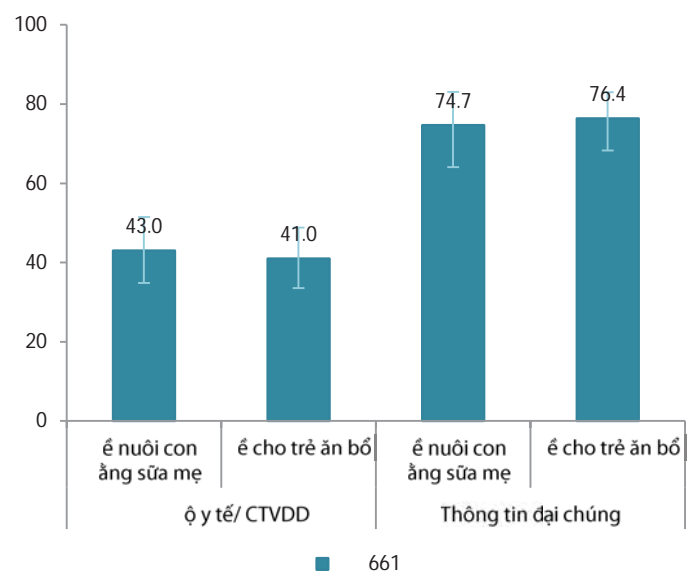
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



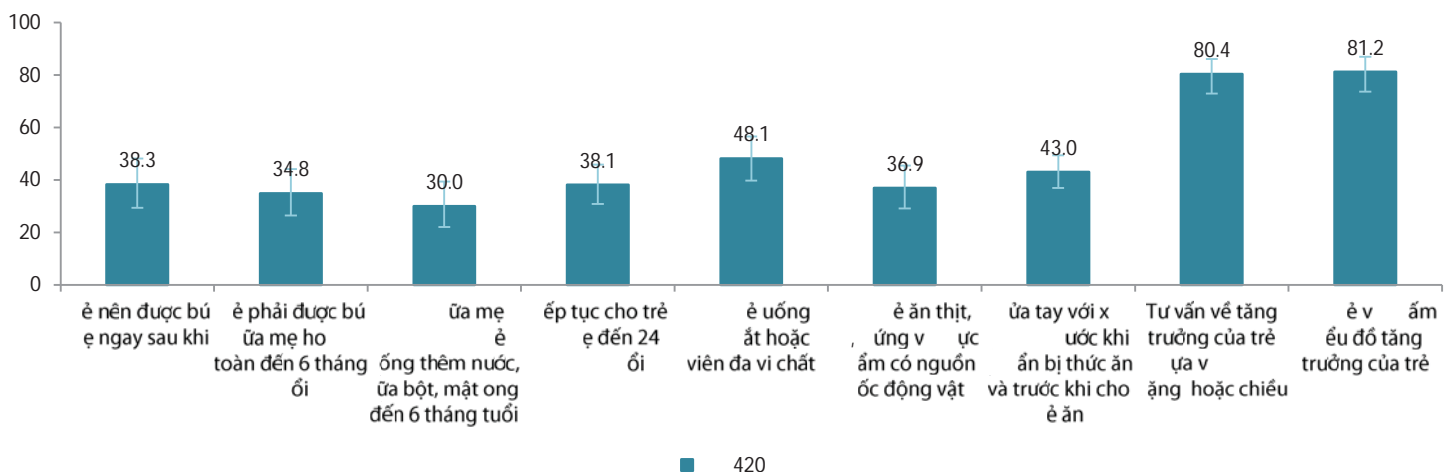
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Hải Dương

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 16.1%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 88% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 23.4%, nhẹ cân là 13.9% và gầy còm là 6.1%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 3.2%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 52%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 13.5% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 87.6%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 89.2%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 98.9%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 99.5%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

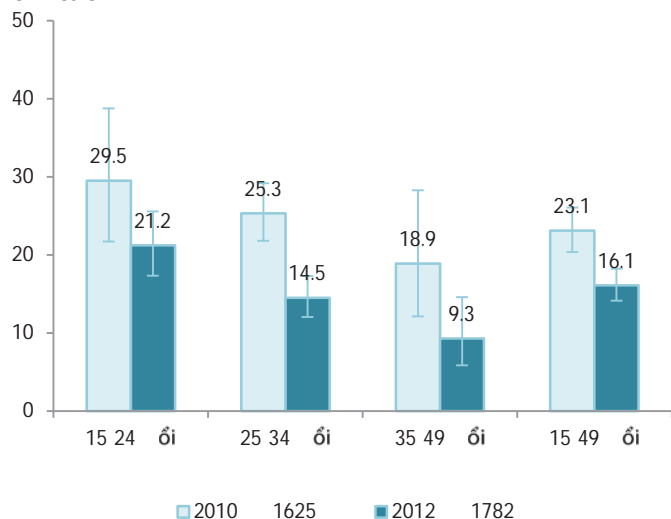
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 11 | Số bệnh viện | 21 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 265 | Số phòng khám đa khoa | 5 |
| Số thôn/bản | 1,425 | Số trạm y tế xã | 265 |
| Dân số | 1,717,192 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 127,962 | Số bác sỹ | 839 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 52,592 | Số y sỹ | 887 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,340 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 0.3% | Số nữ hộ sinh | 513 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 9.4% | Số y tế thôn bản | 1,844 |

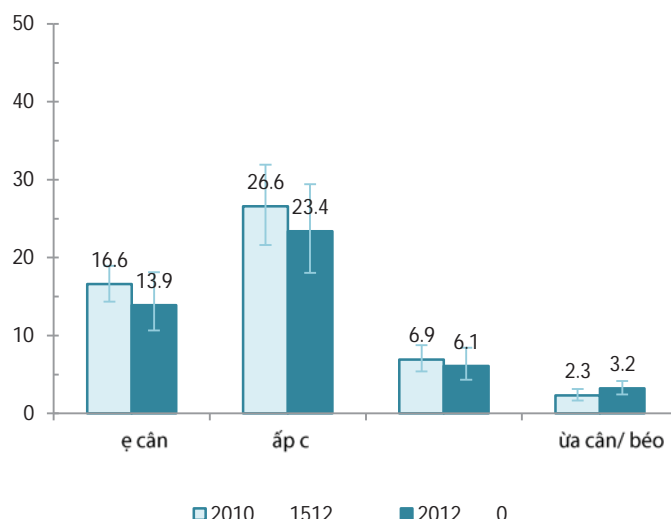
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

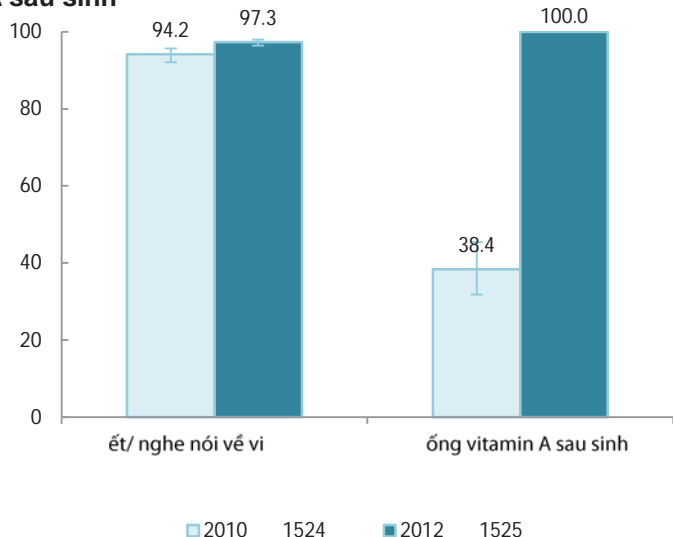
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



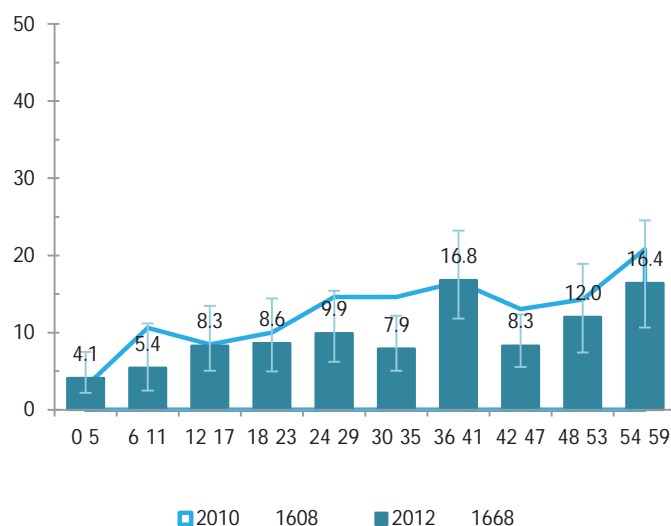
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



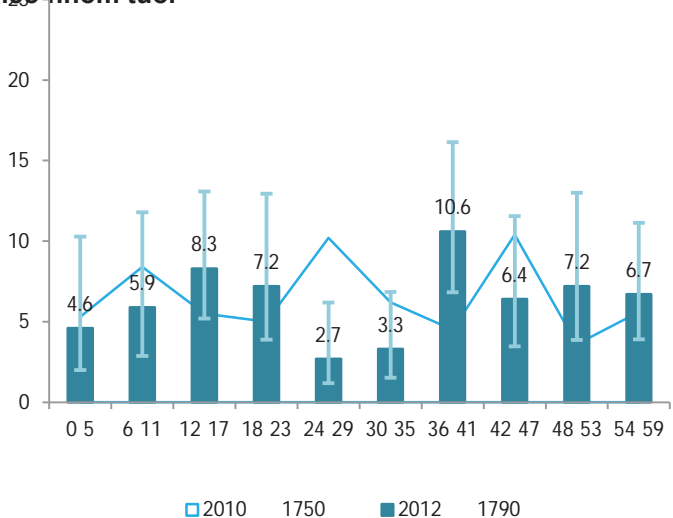
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



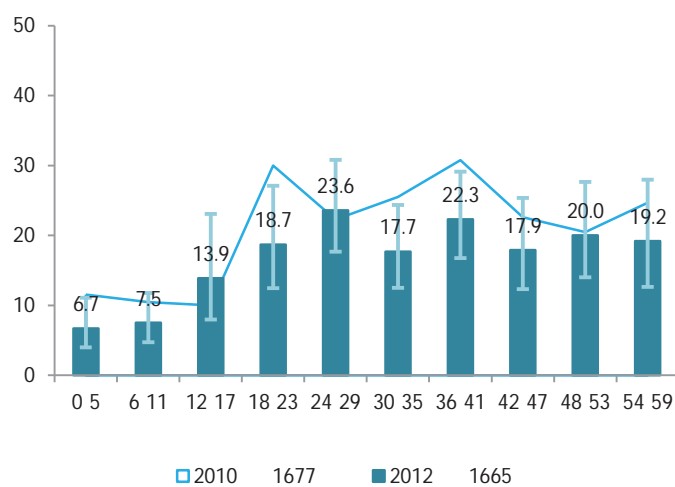
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



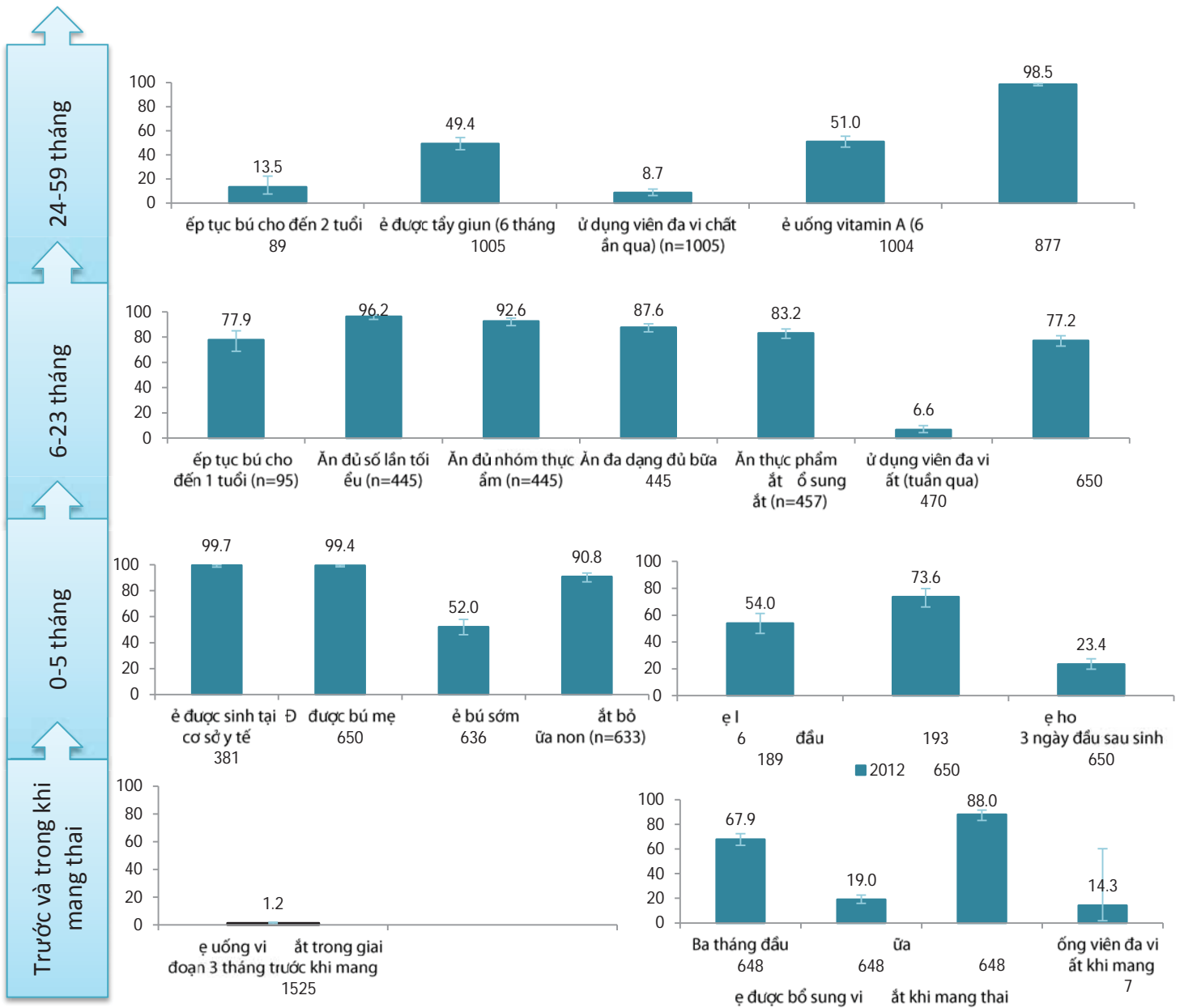
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



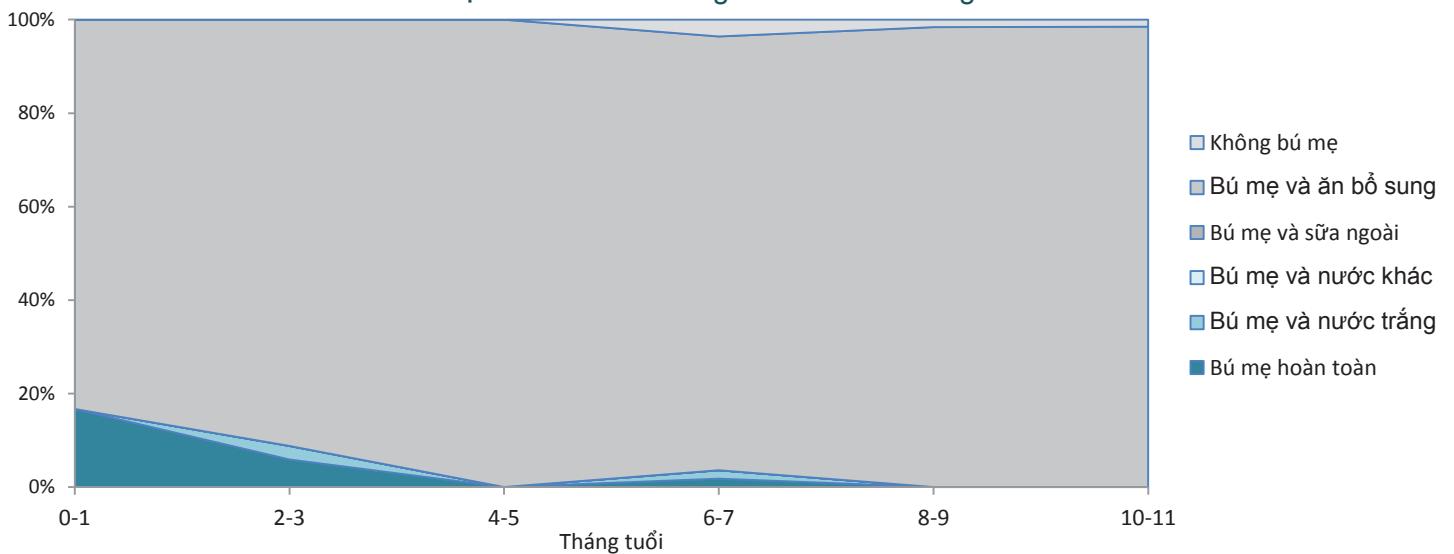
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



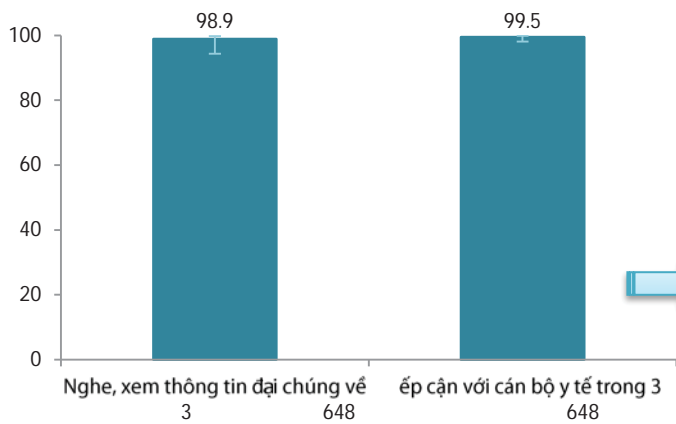
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



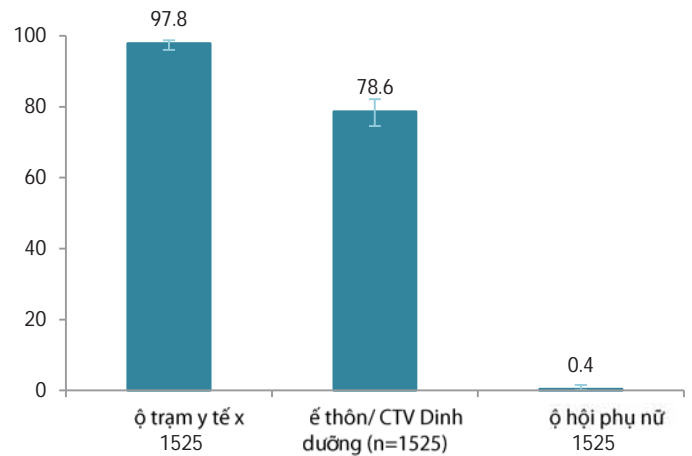
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Hải Dương

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

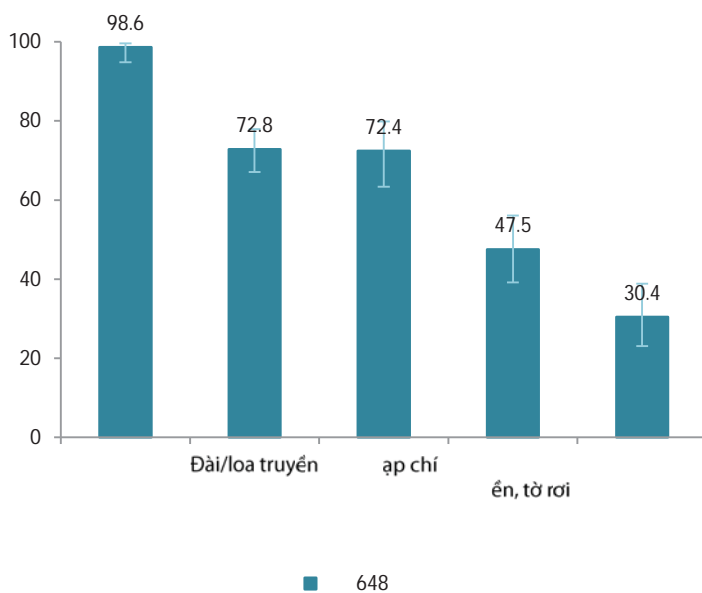
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



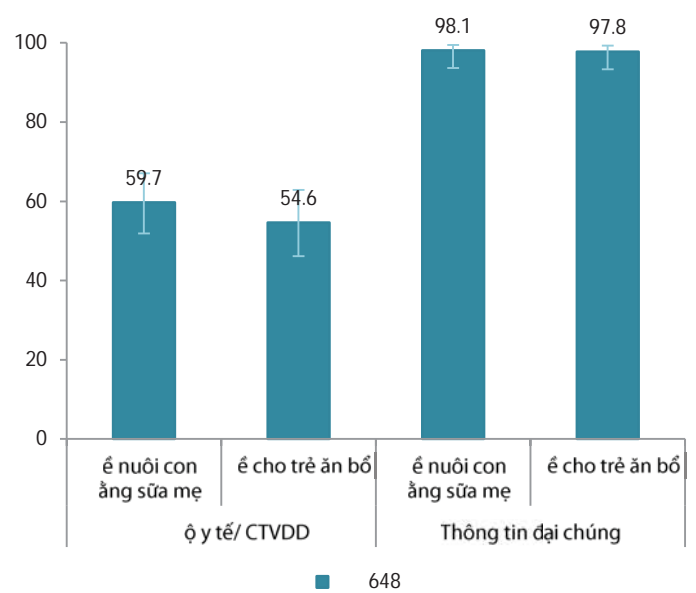
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



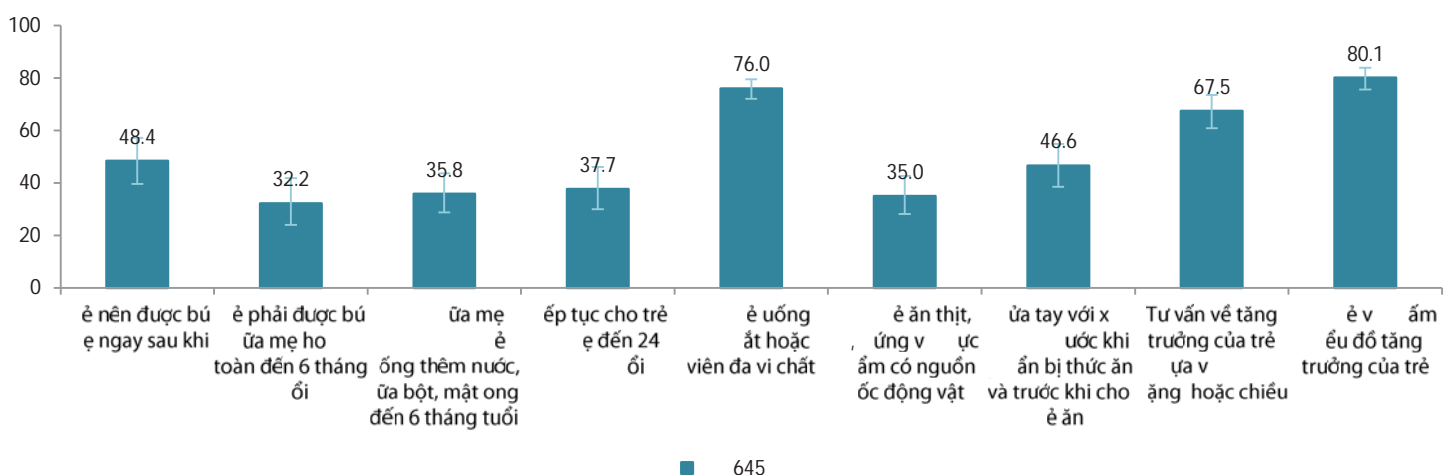
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Hưng Yên

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 18.5%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 90.8% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 50%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 26.2%, nhẹ cân là 14.4% và gầy còm là 7.6%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 3.1%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 70%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 25% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 92.5%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 94%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 97.7%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 95.1%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

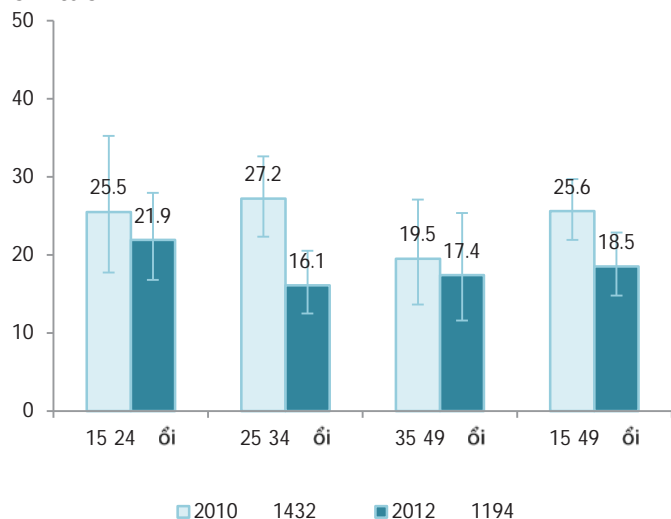
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 9 | Số bệnh viện | 16 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 161 | Số phòng khám đa khoa | |
| Số thôn/bản | 848 | Số trạm y tế xã | 162 |
| Dân số | 1,134,933 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 92,857 | Số bác sỹ | 562 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 38,164 | Số y sỹ | 551 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 673 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 0.1% | Số nữ hộ sinh | 271 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 9.4% | Số y tế thôn bản | 1,059 |

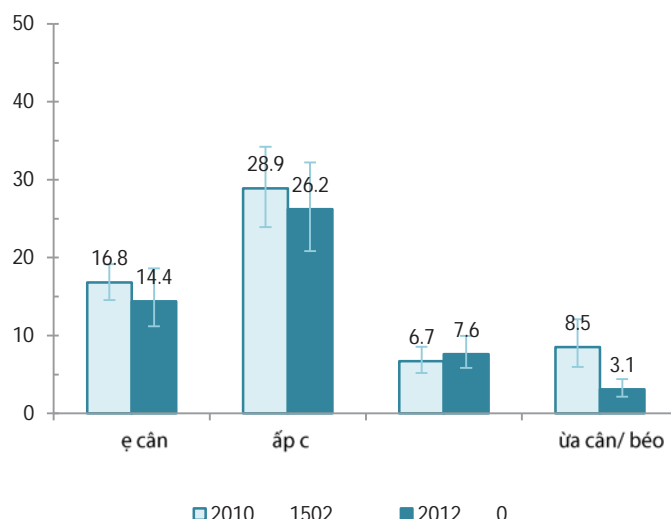
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

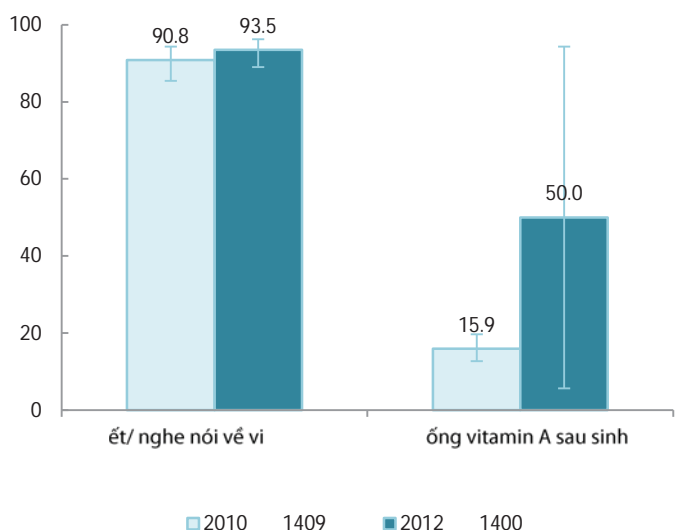
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



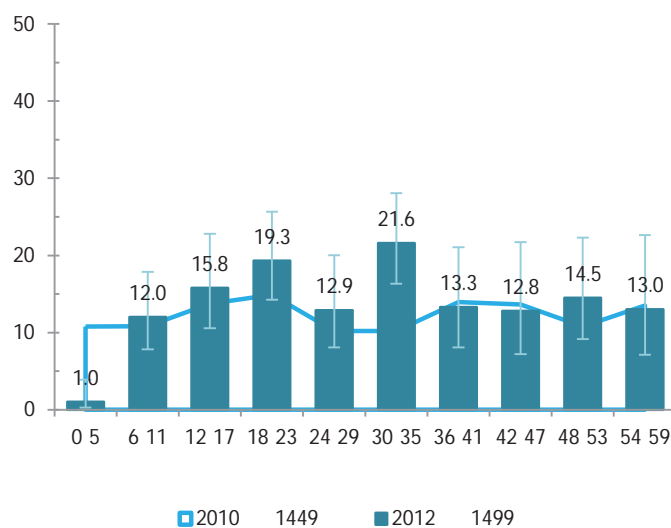
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



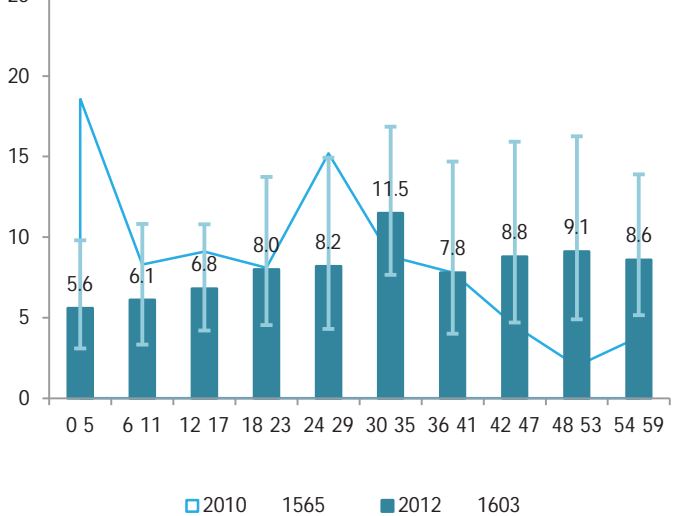
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



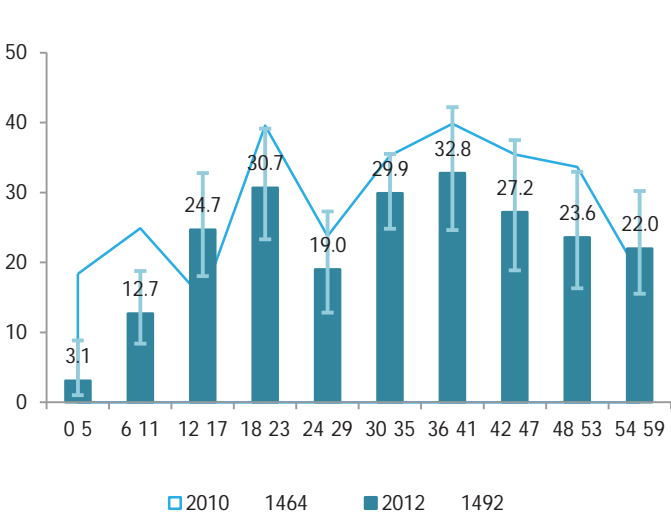
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



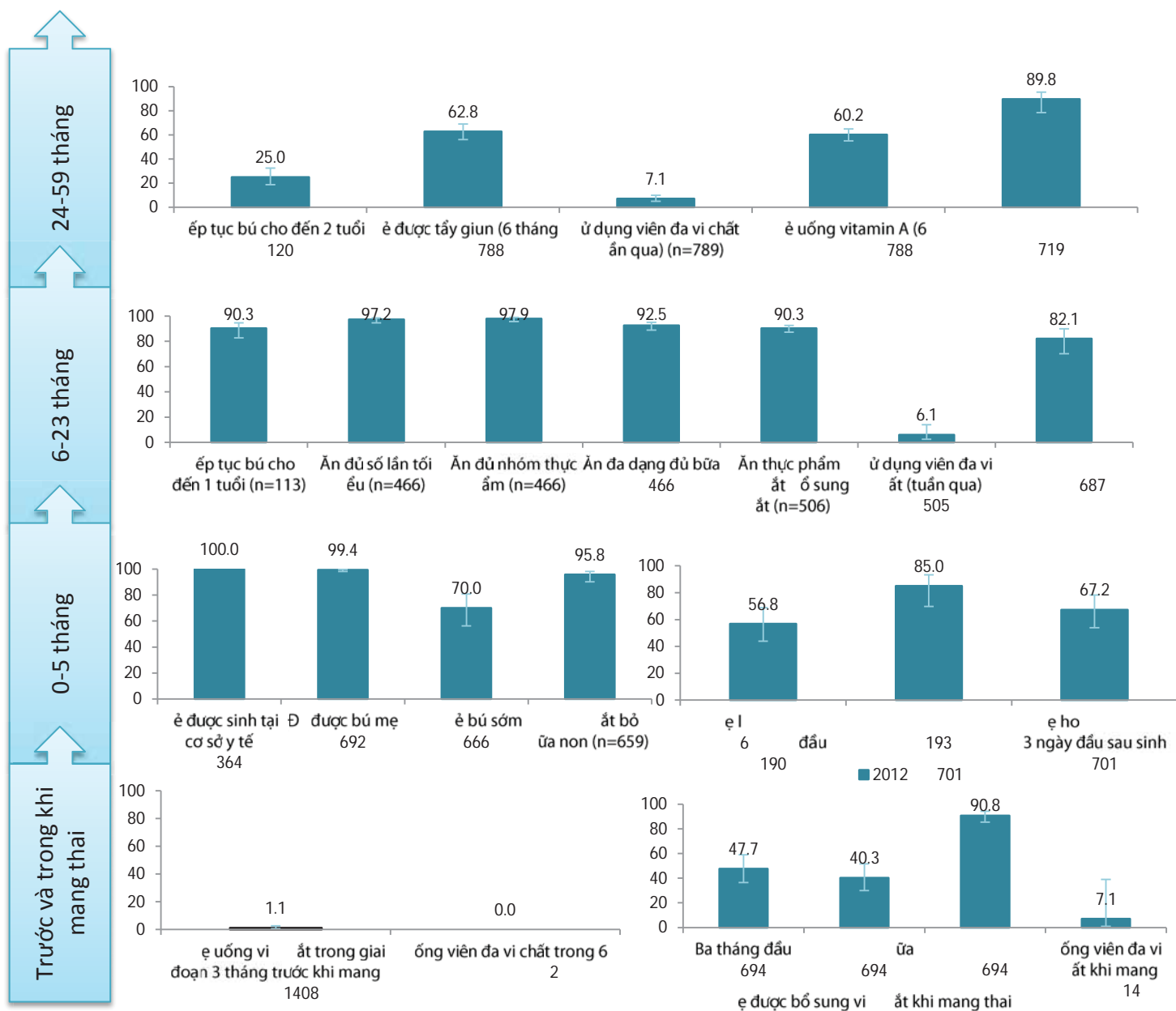
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



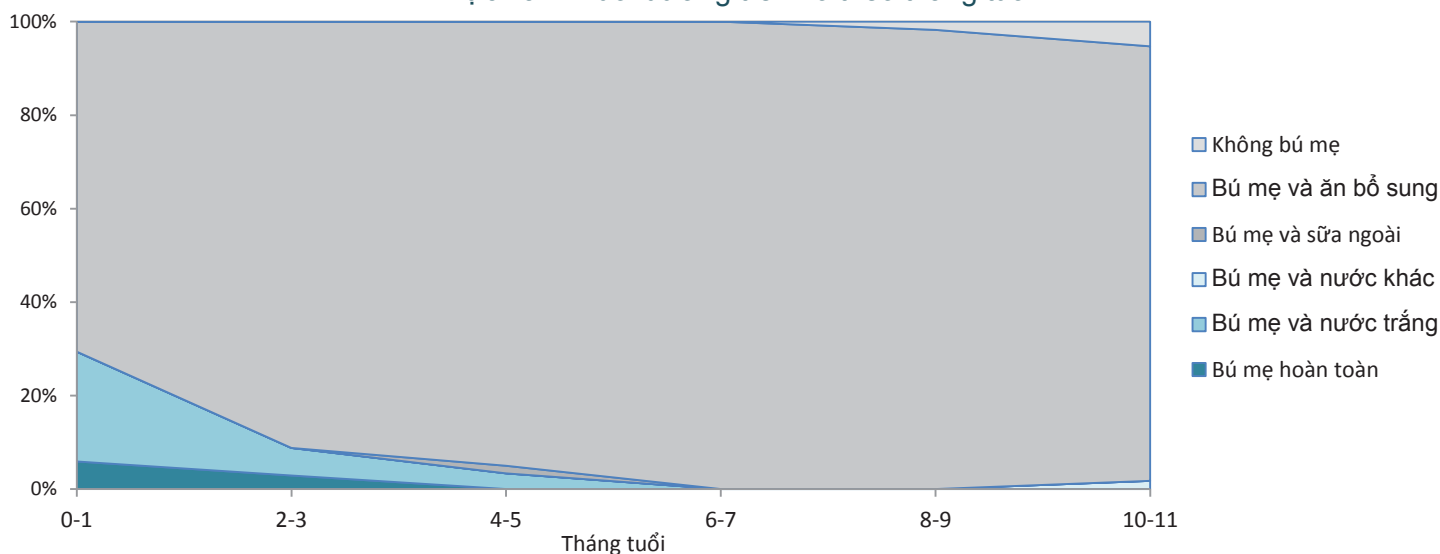
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



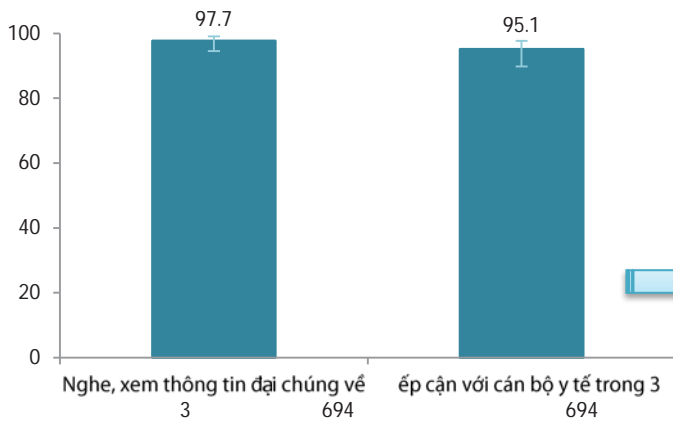
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



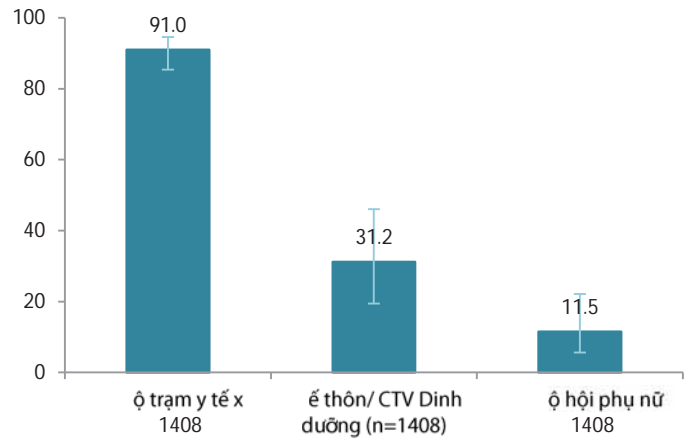
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Hưng Yên

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

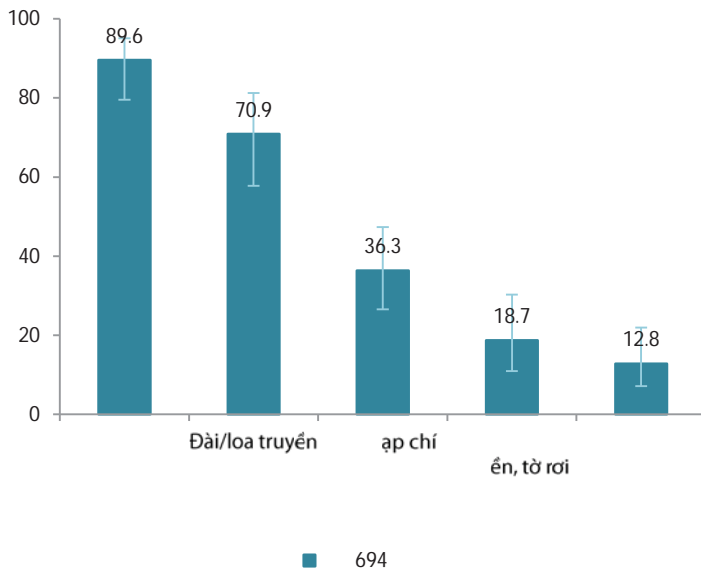
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



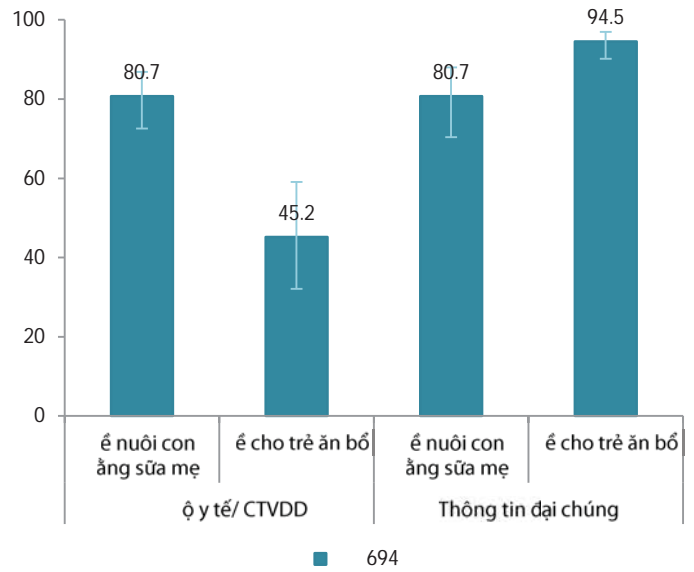
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



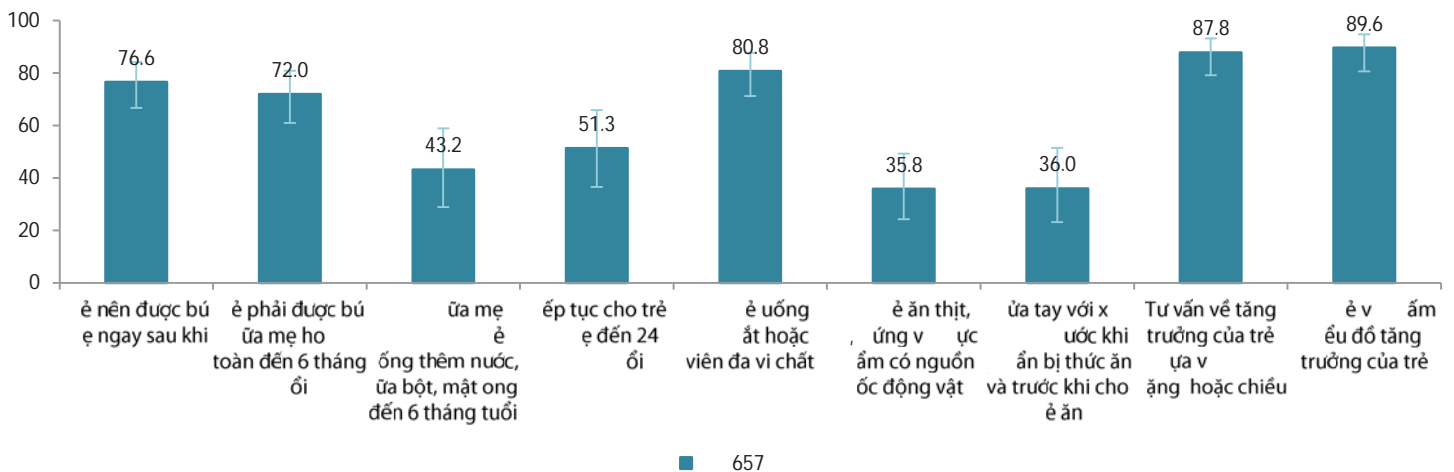
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 21.8%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 88.7% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 60%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 25.5%, nhẹ cân là 15.9% và gầy còm là 7.9%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.1%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 73.5%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 20.7% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 86%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 92.1%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 99.1%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 99.3%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

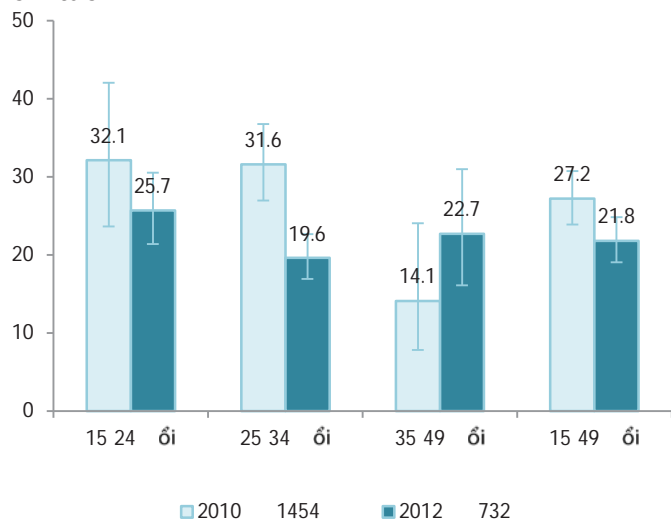
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 5 | Số bệnh viện | 12 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 116 | Số phòng khám đa khoa | 2 |
| Số thôn/bản | 1,311 | Số trạm y tế xã | 116 |
| Dân số | 786,562 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 54,991 | Số bác sỹ | 493 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 22,601 | Số y sỹ | 383 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 763 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 0.2% | Số nữ hộ sinh | 170 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 10.5% | Số y tế thôn bản | 1,263 |

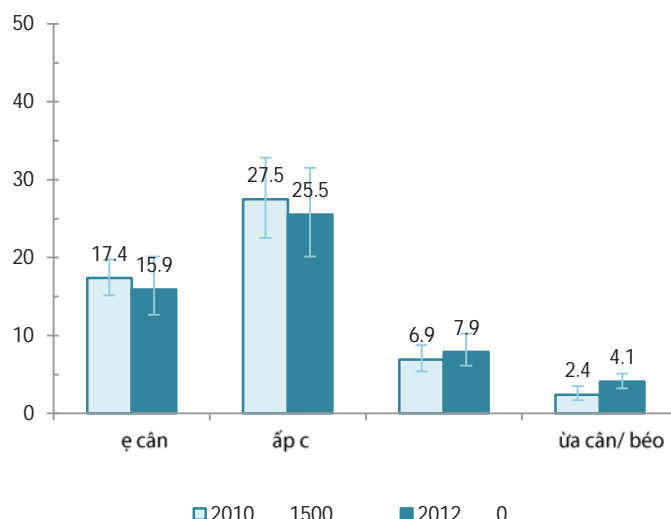
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

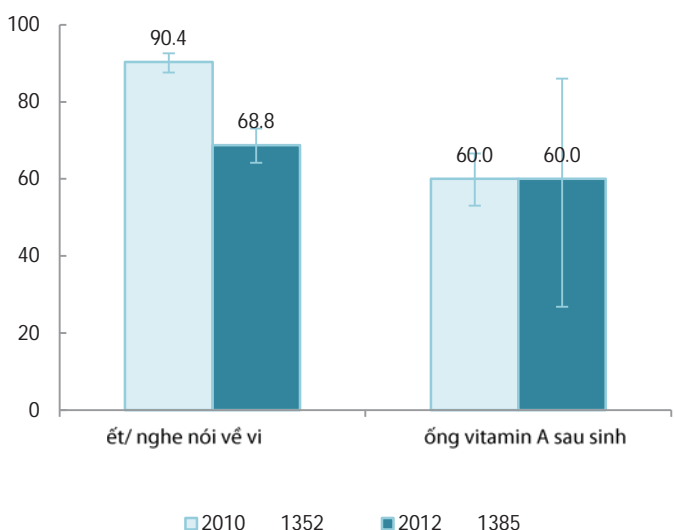
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



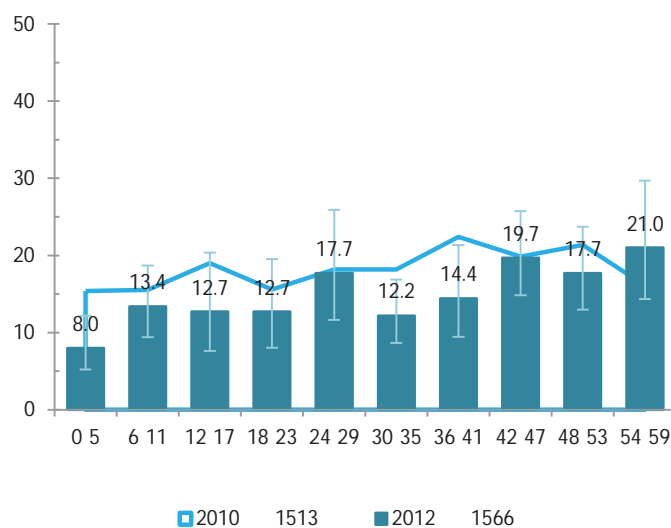
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



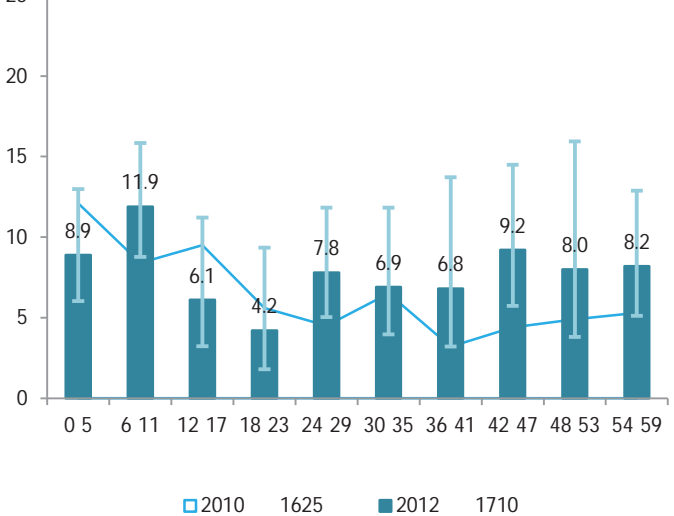
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



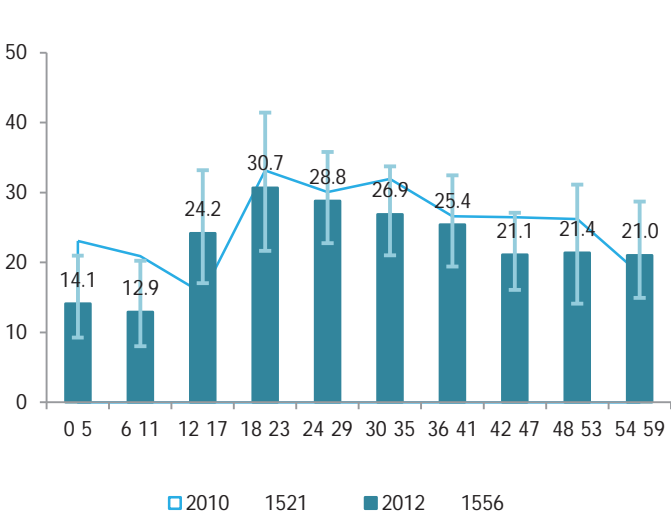
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



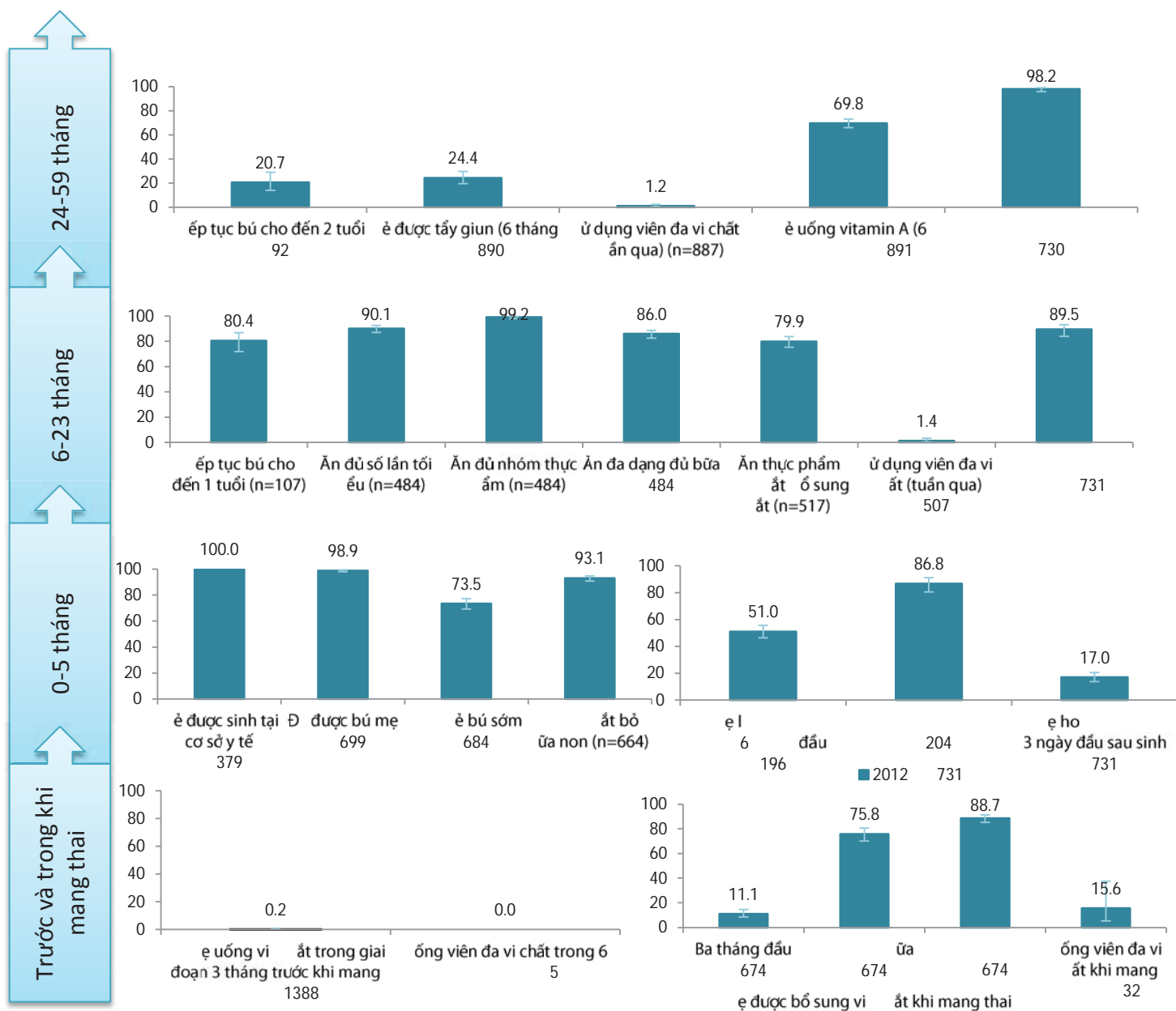
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



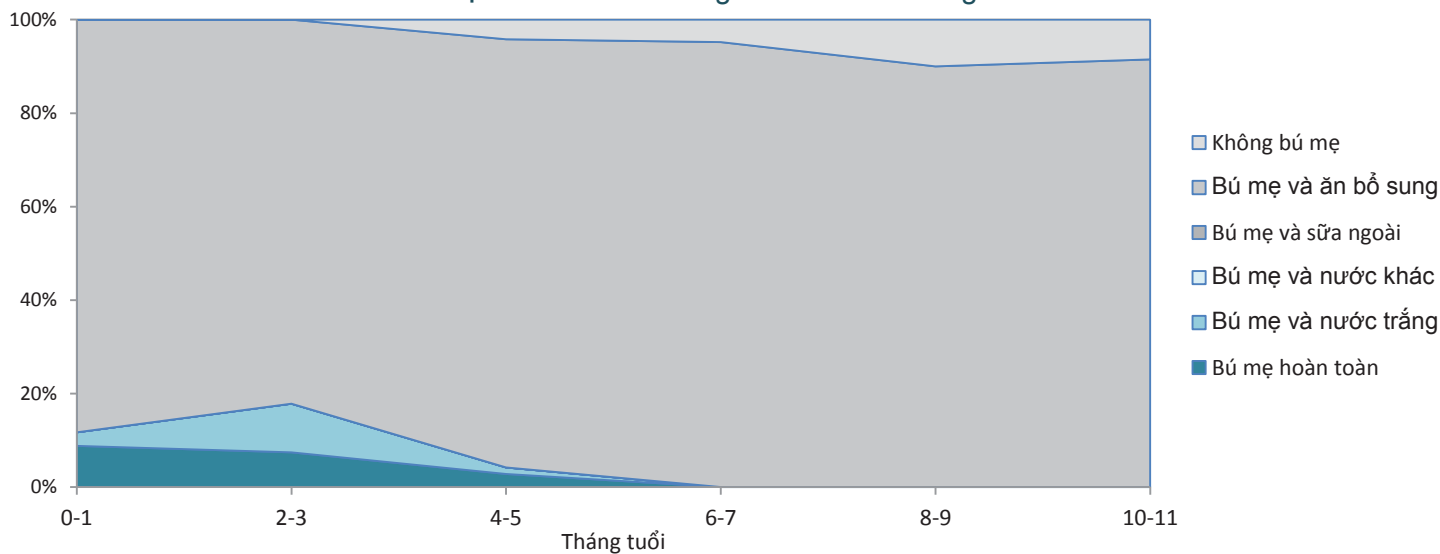
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2.

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



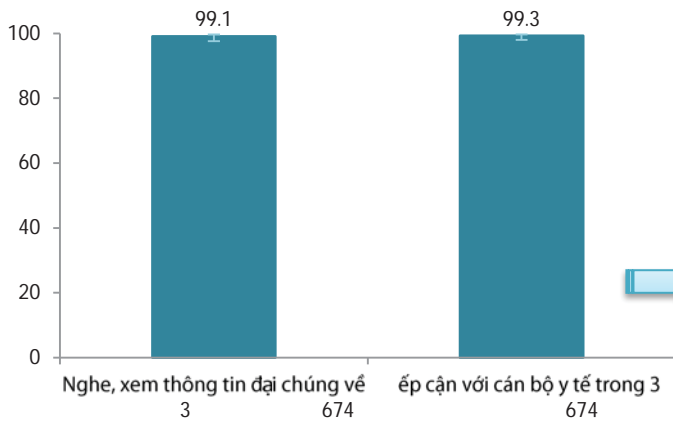
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



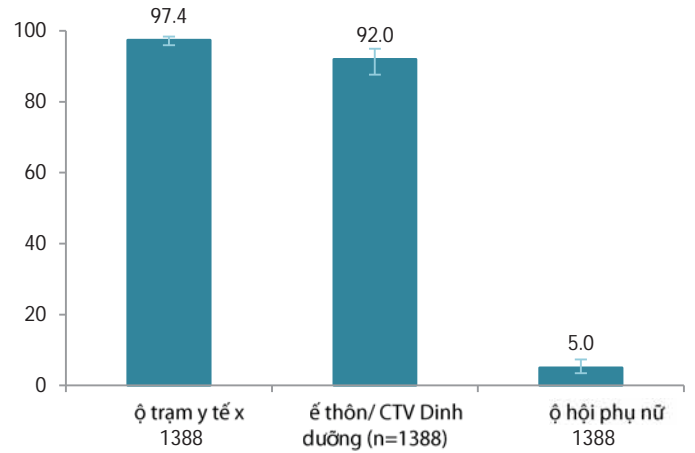
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

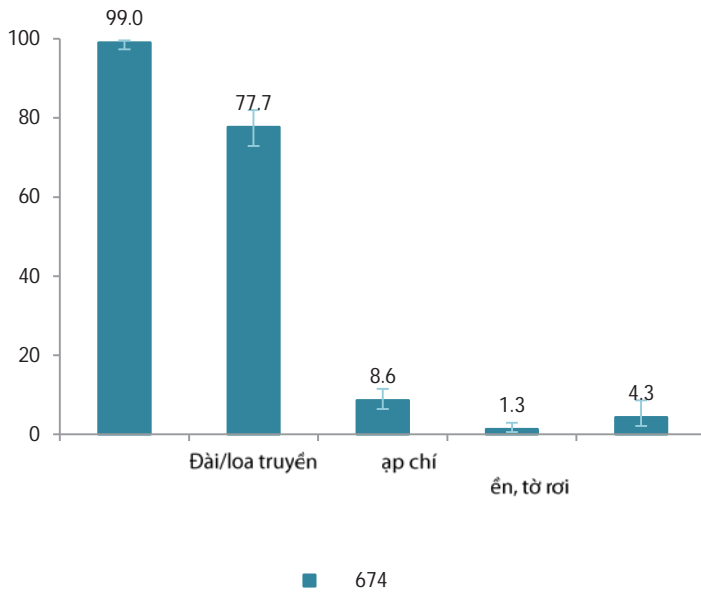
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



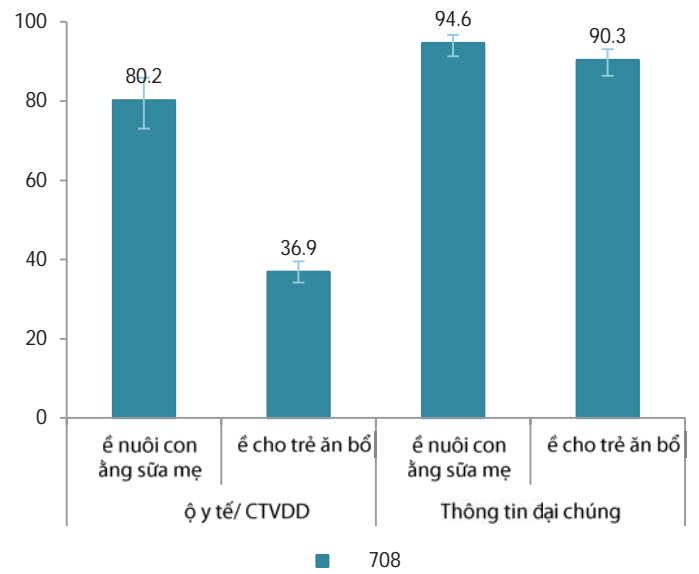
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



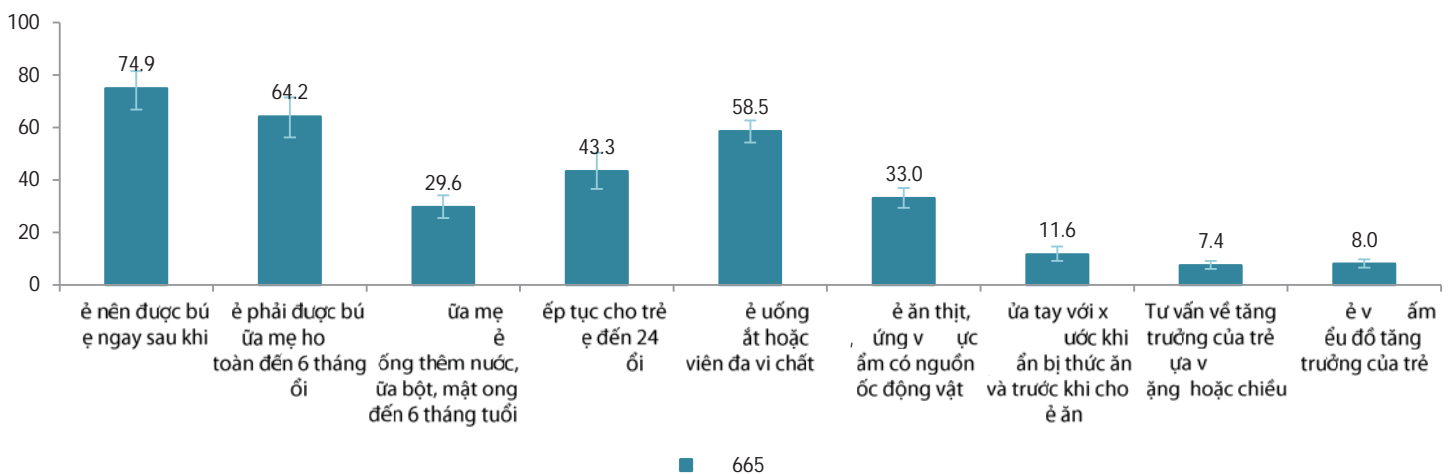
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Nam Định

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 17.2%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 84% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 22.9%, nhẹ cân là 14.5% và gầy còm là 6.2%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 2.3%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 59%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 26.3% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 79.2%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 93%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 96.7%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 91.5%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

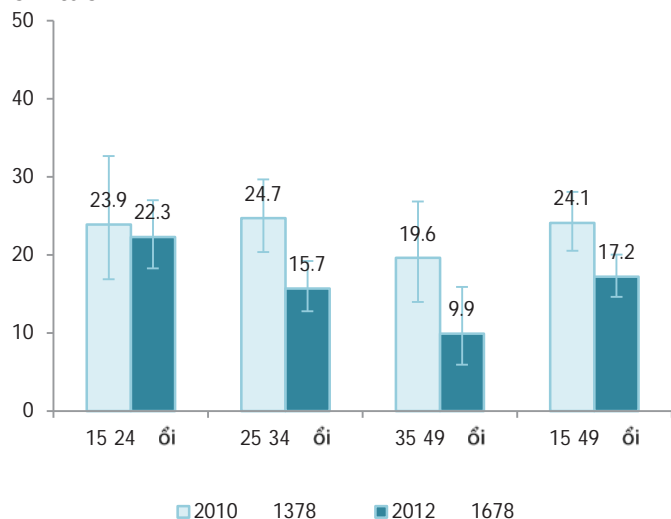
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 9 | Số bệnh viện | 18 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 229 | Số phòng khám đa khoa | |
| Số thôn/bản | 3,499 | Số trạm y tế xã | 229 |
| Dân số | 1,831,056 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 149,819 | Số bác sỹ | 955 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 61,576 | Số y sỹ | 640 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,378 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 0.2% | Số nữ hộ sinh | 377 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 8.6% | Số y tế thôn bản | 3,104 |

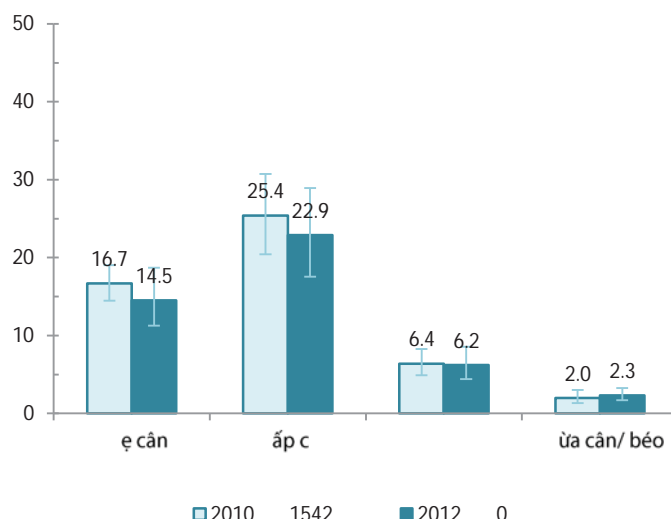
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

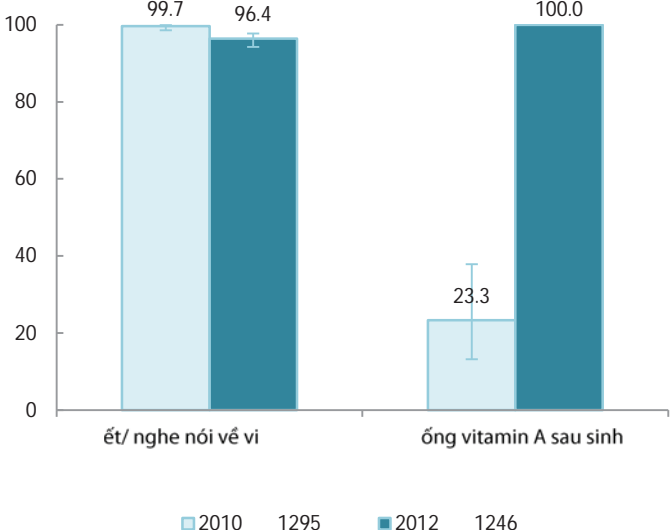
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



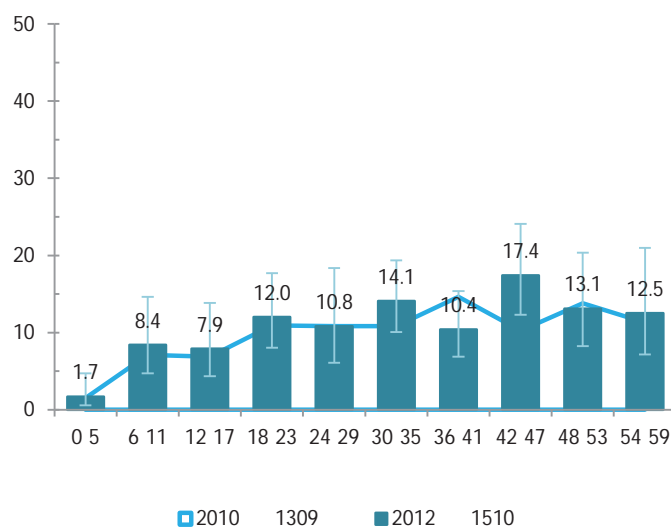
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



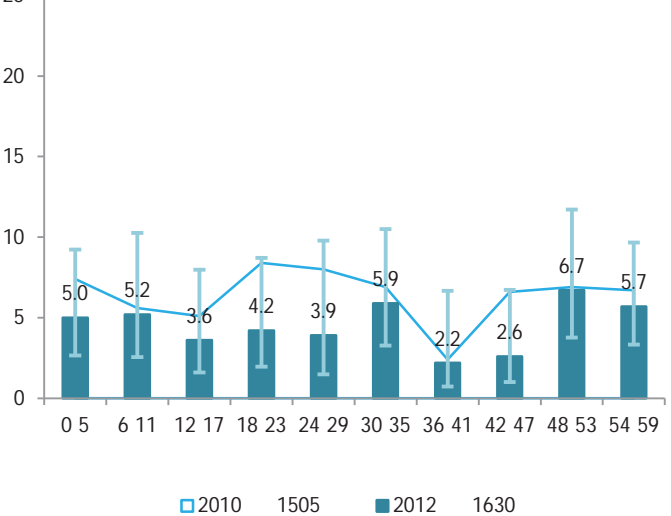
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



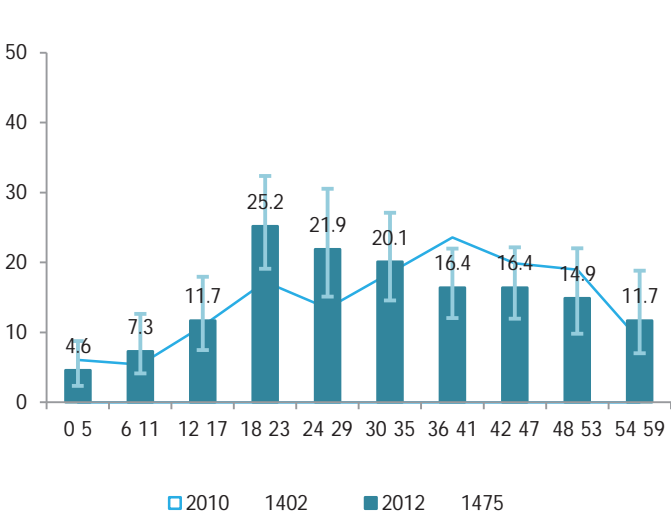
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



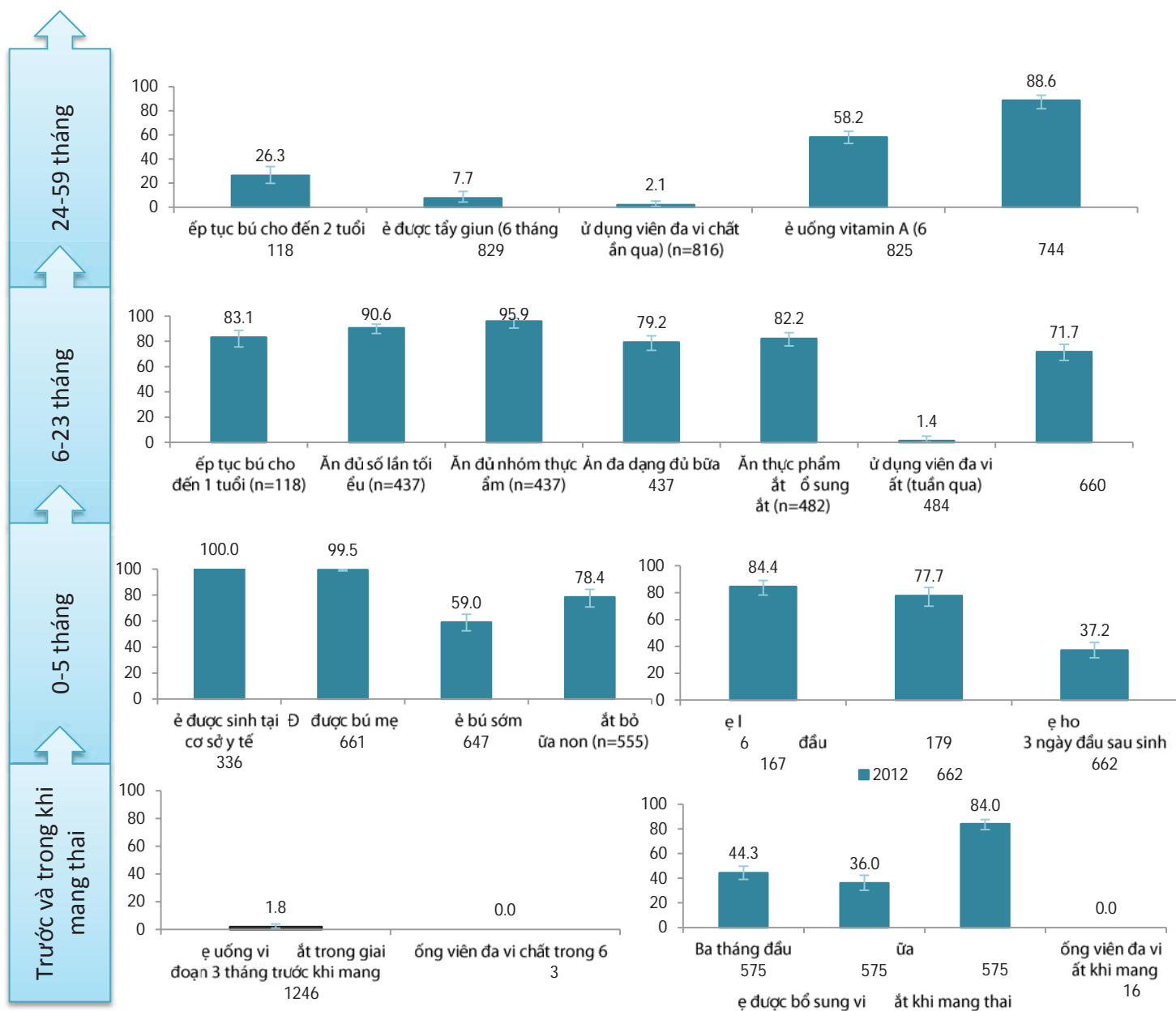
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



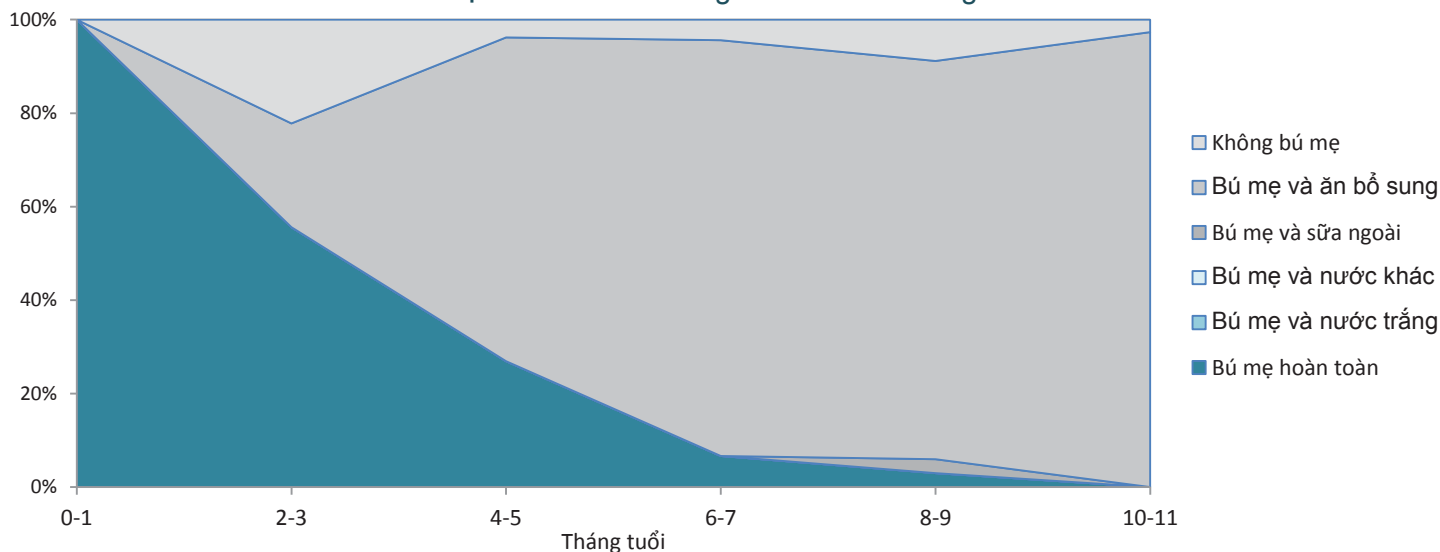
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



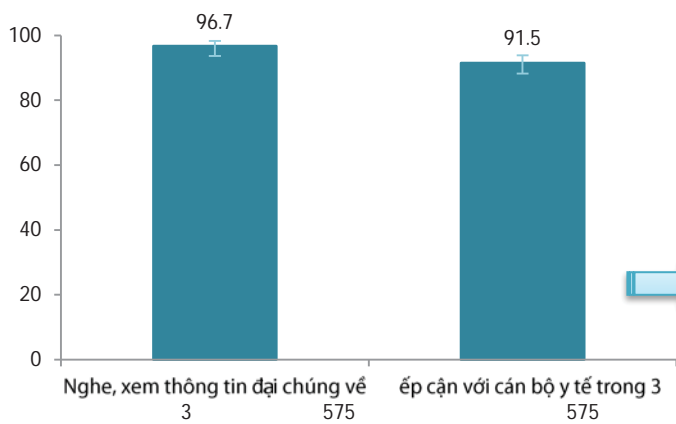
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



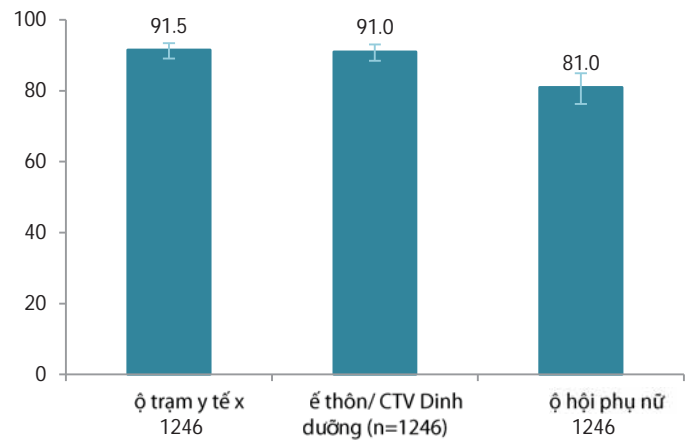
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Nam Định

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

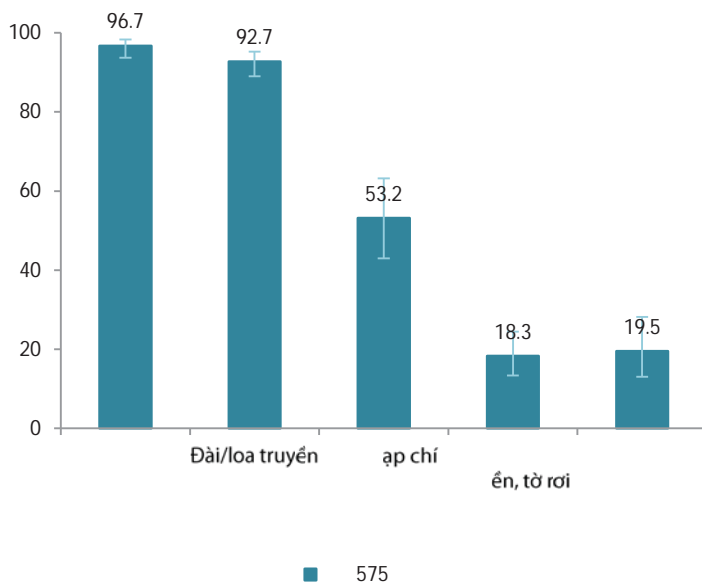
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



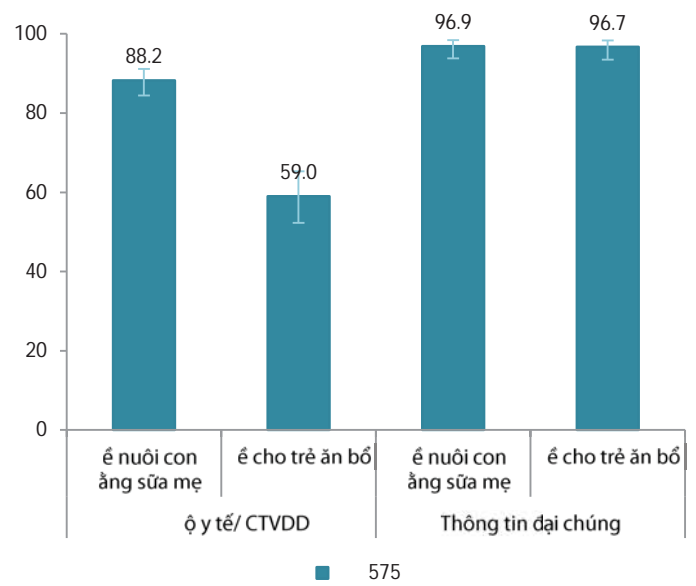
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



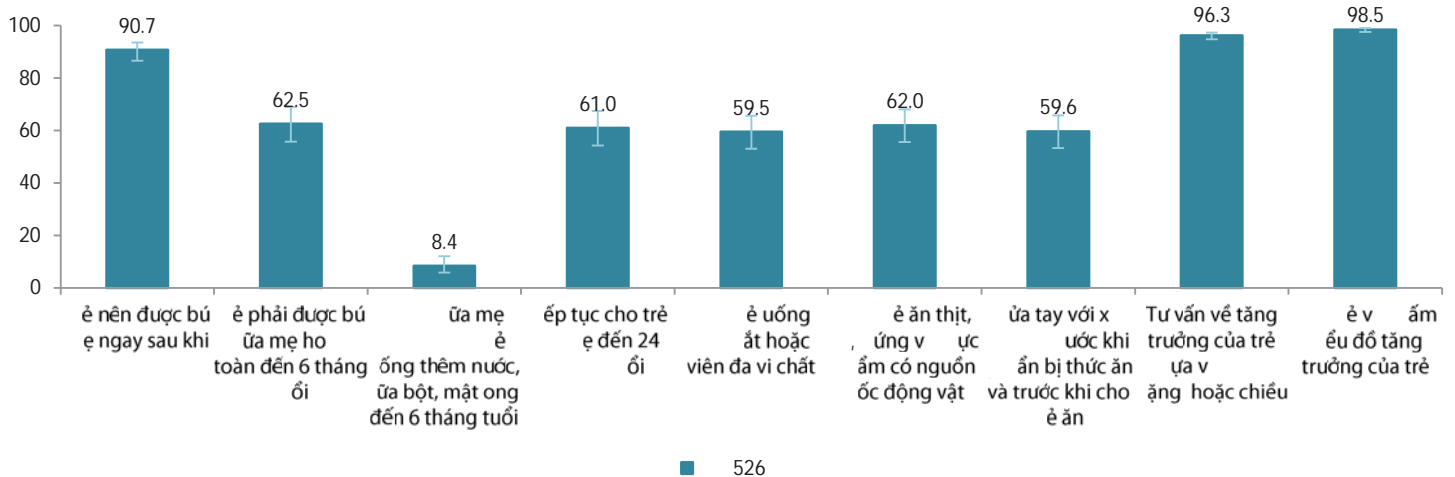
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 24.2%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 91.8% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 25%, nhẹ cân là 15.1% và gầy còm là 6.7%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 2.5%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 79.4%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 39% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 84.1%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 89.8%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 94.9%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 94.3%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

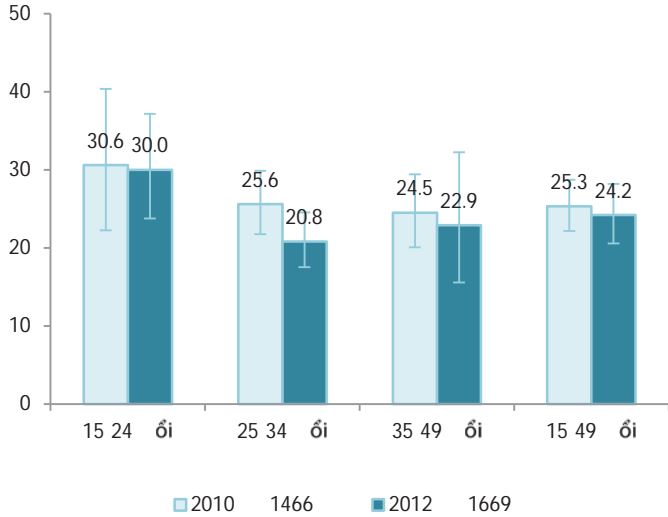
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 7 | Số bệnh viện | 21 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 286 | Số phòng khám đa khoa | |
| Số thôn/bản | 2,165 | Số trạm y tế xã | 286 |
| Dân số | 1,788,435 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 116,884 | Số bác sỹ | 1,474 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 48,039 | Số y sỹ | 825 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 979 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 0.1% | Số nữ hộ sinh | 397 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 9.3% | Số y tế thôn bản | 2,629 |

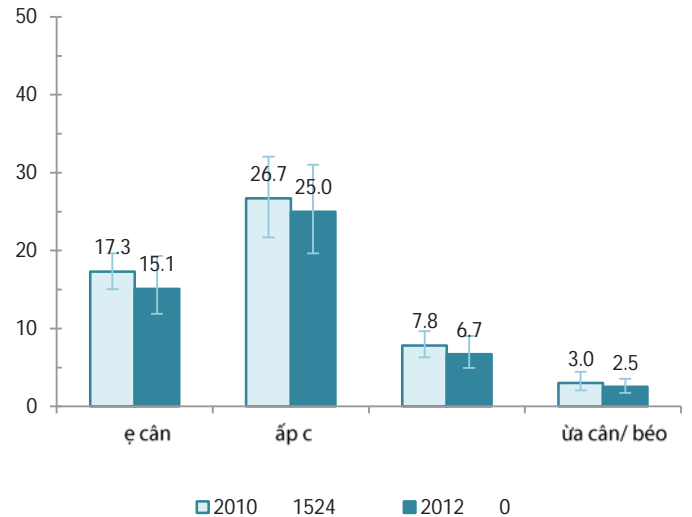
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

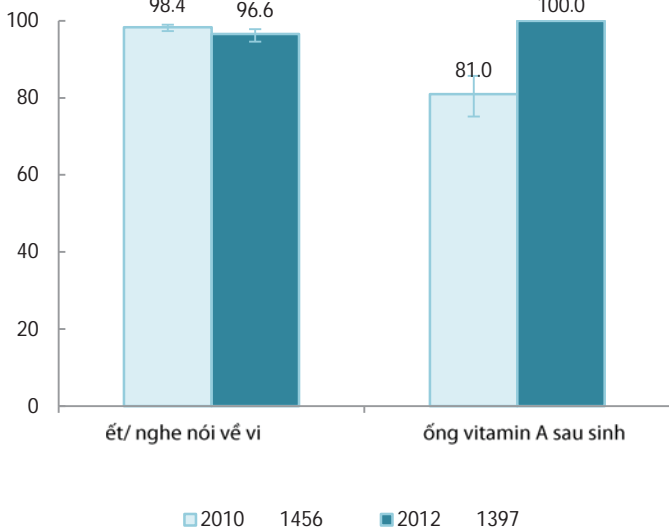
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



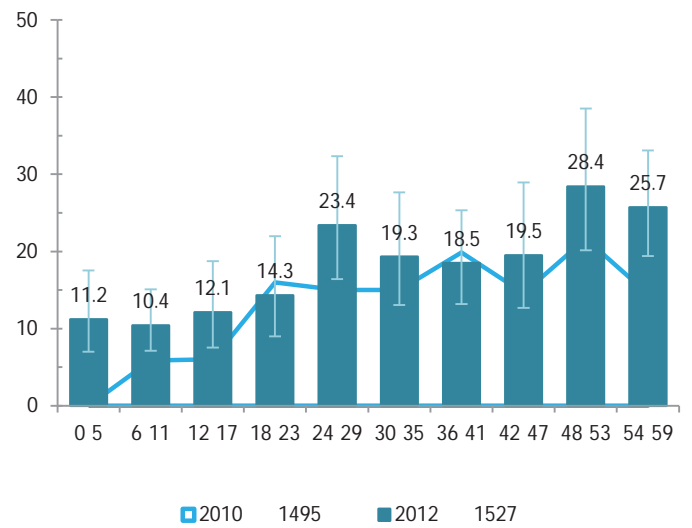
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



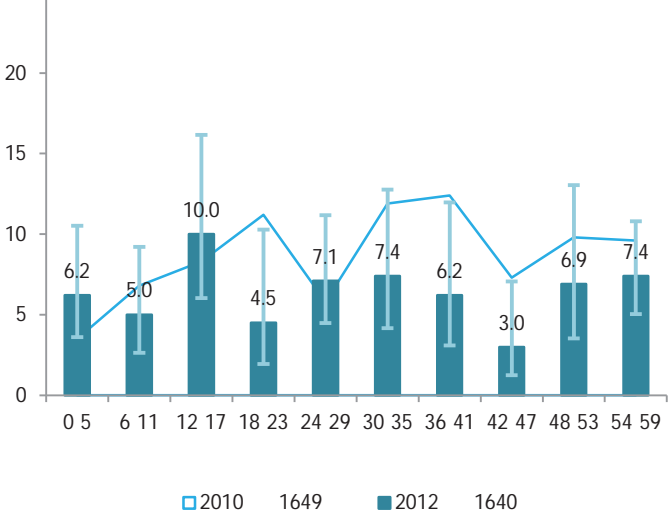
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



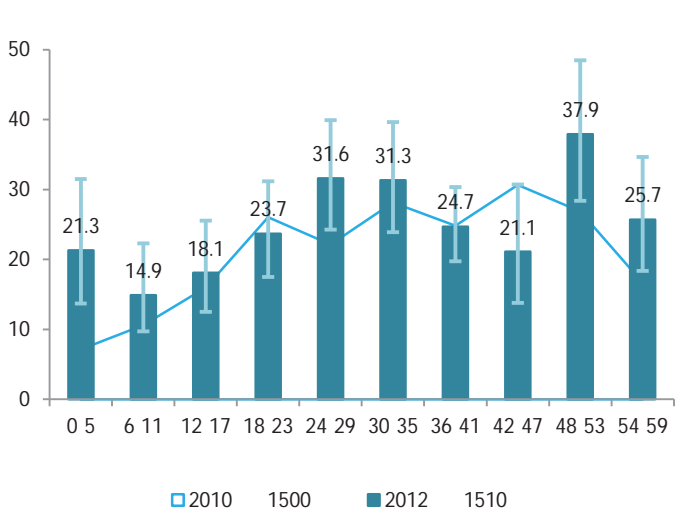
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



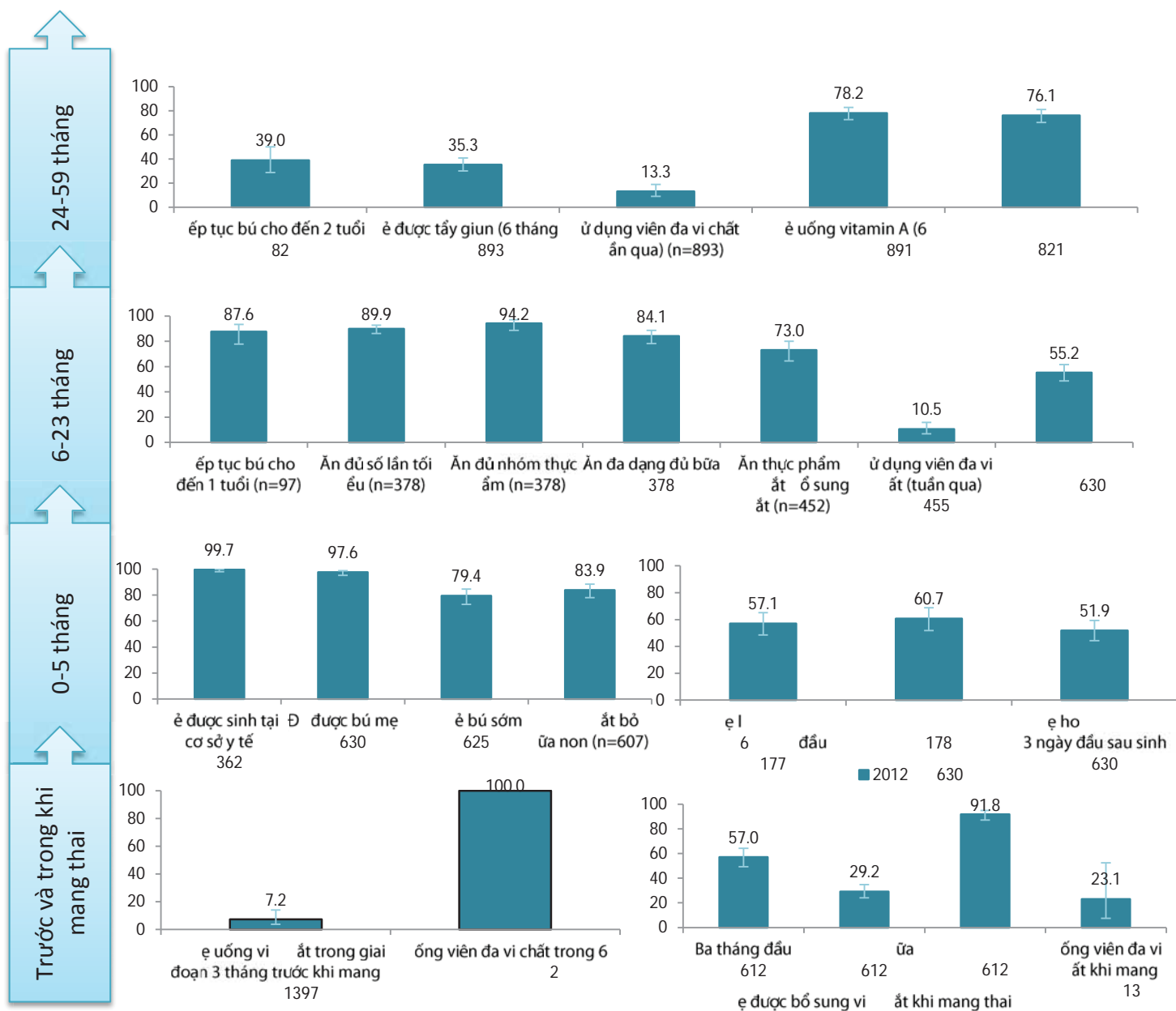
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



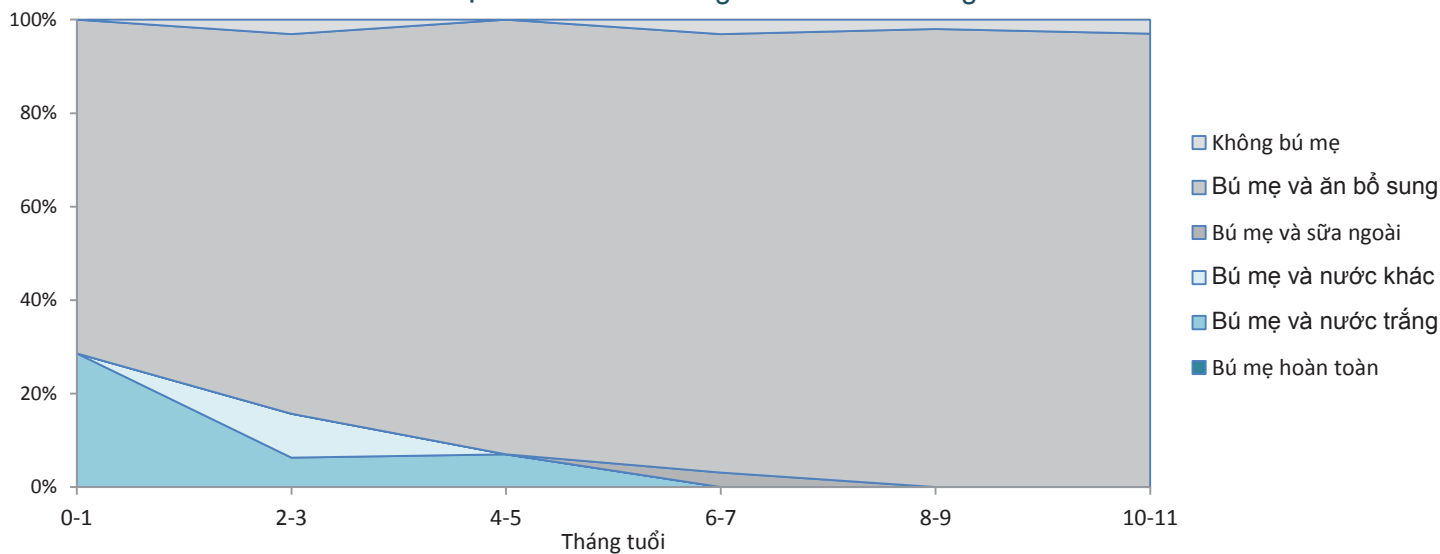
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. T n

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



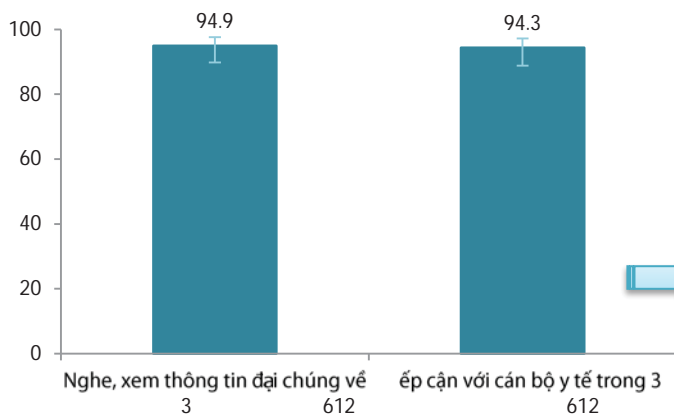
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



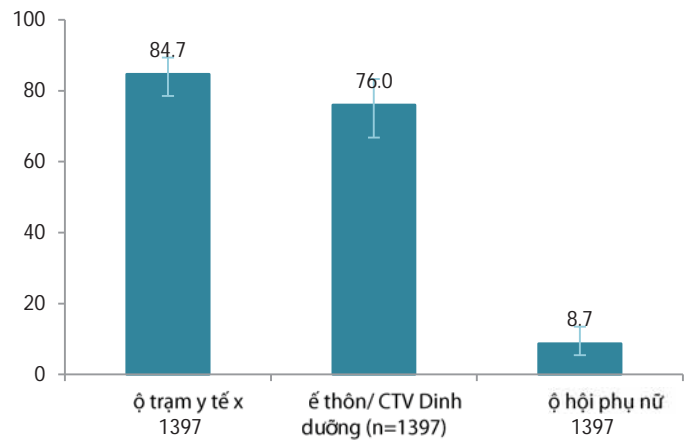
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

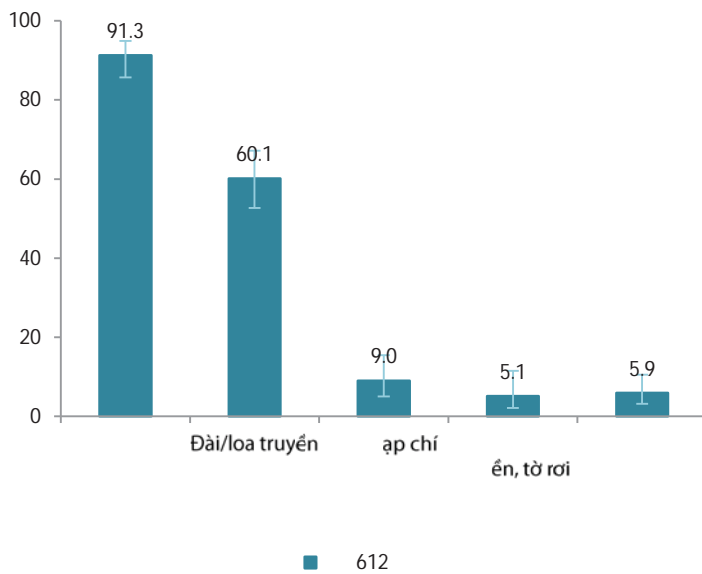
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



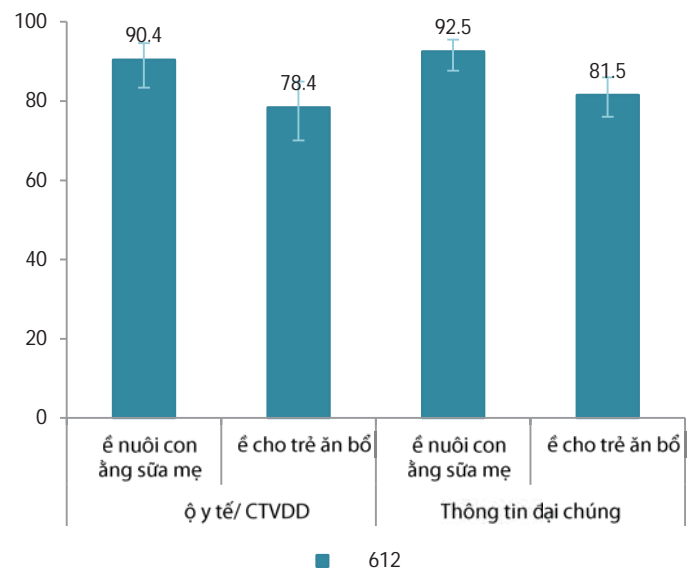
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



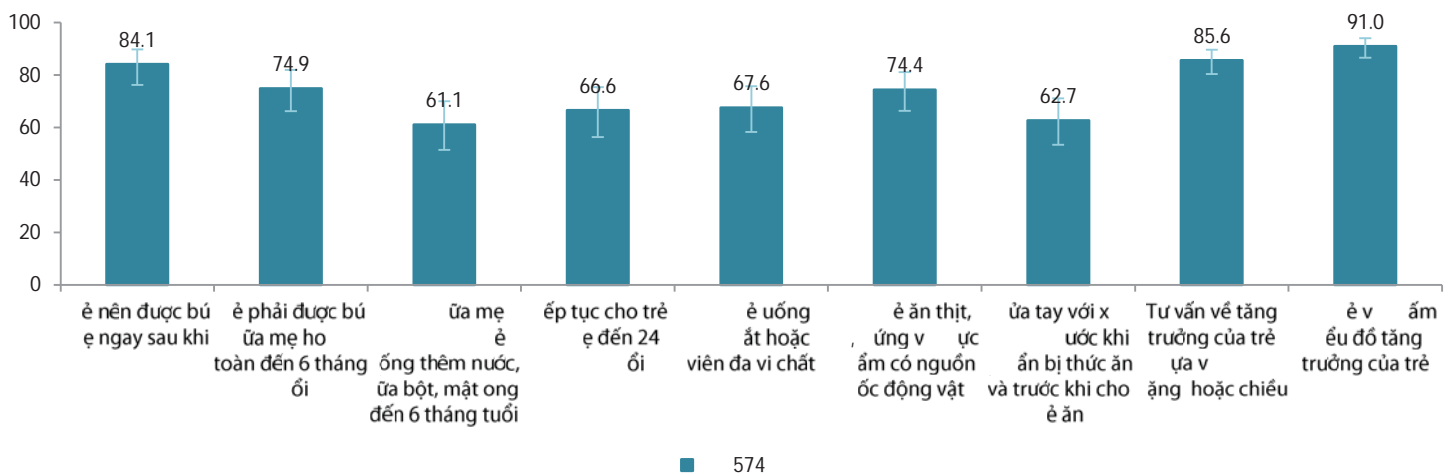
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 17.5%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 91.3% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 0%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 28%, nhẹ cân là 16.8% và gầy còm là 6.4%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 2.5%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 82.9%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 25.6% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 88.6%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 86.4%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 47.9%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 95.8%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

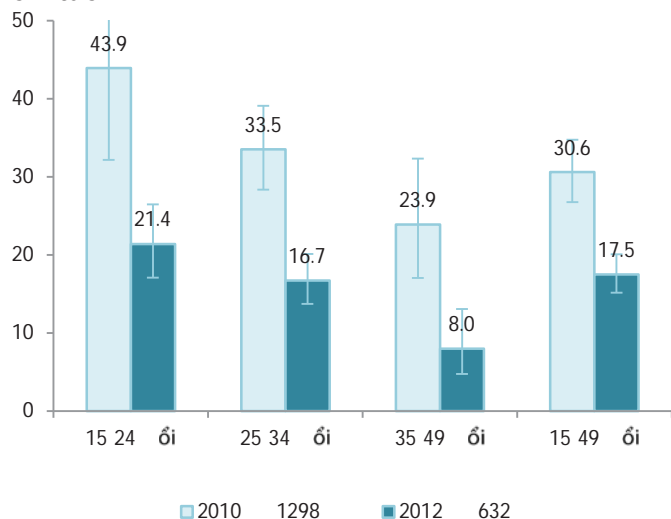
Các thông tin cơ bản ¹

| <u>Chỉ số</u> | <u>Số lượng</u> | <u>Chỉ số</u> | <u>Số lượng</u> |
|--|-----------------|-----------------------|-----------------|
| Số quận, huyện và thị xã | 7 | Số bệnh viện | 14 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 146 | Số phòng khám đa khoa | 12 |
| Số thôn/bản | 1,676 | Số trạm y tế xã | 146 |
| Dân số | 901,295 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 70,406 | Số bác sỹ | 591 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 28,937 | Số y sỹ | 526 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 787 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 2.6% | Số nữ hộ sinh | 163 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 10.9% | Số y tế thôn bản | 1,676 |

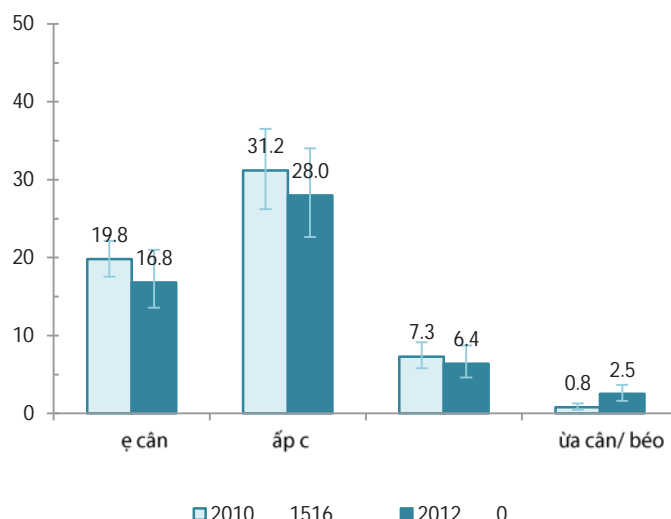
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

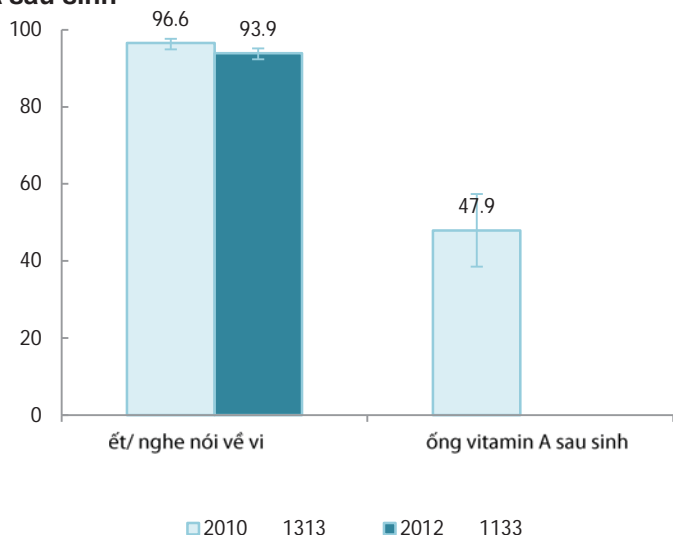
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



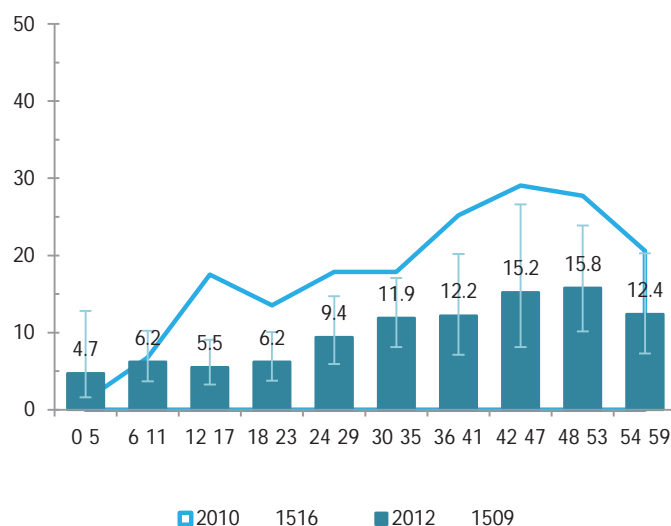
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



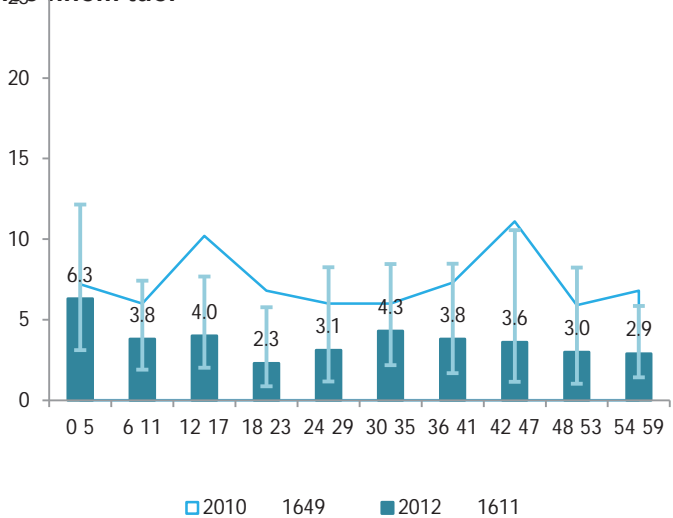
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



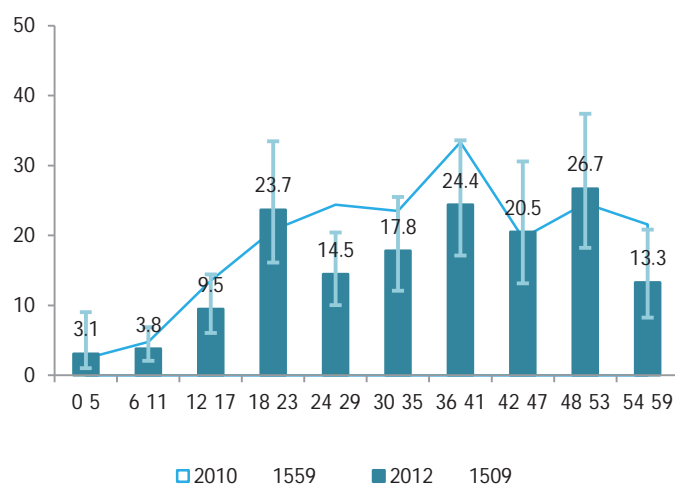
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



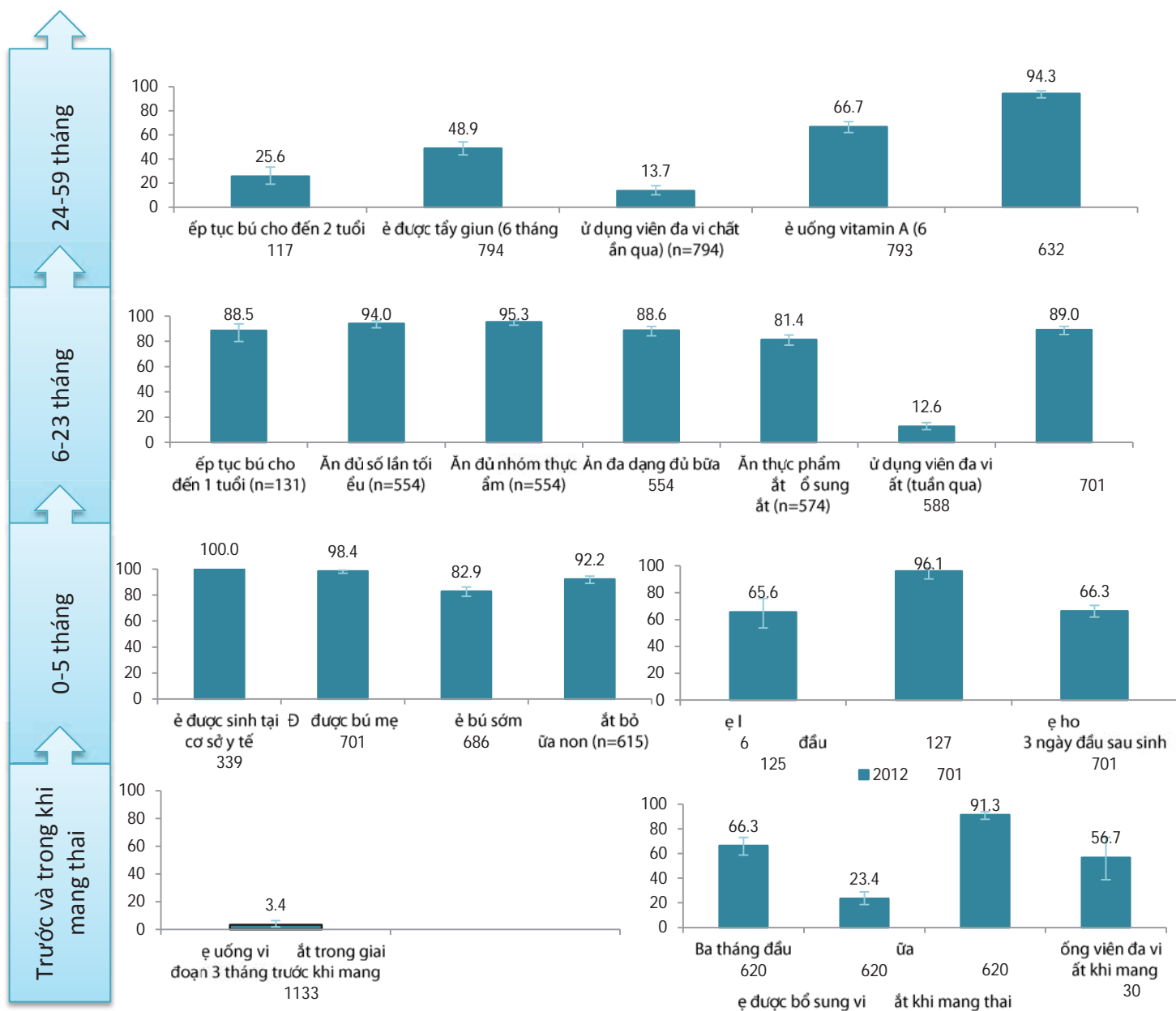
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



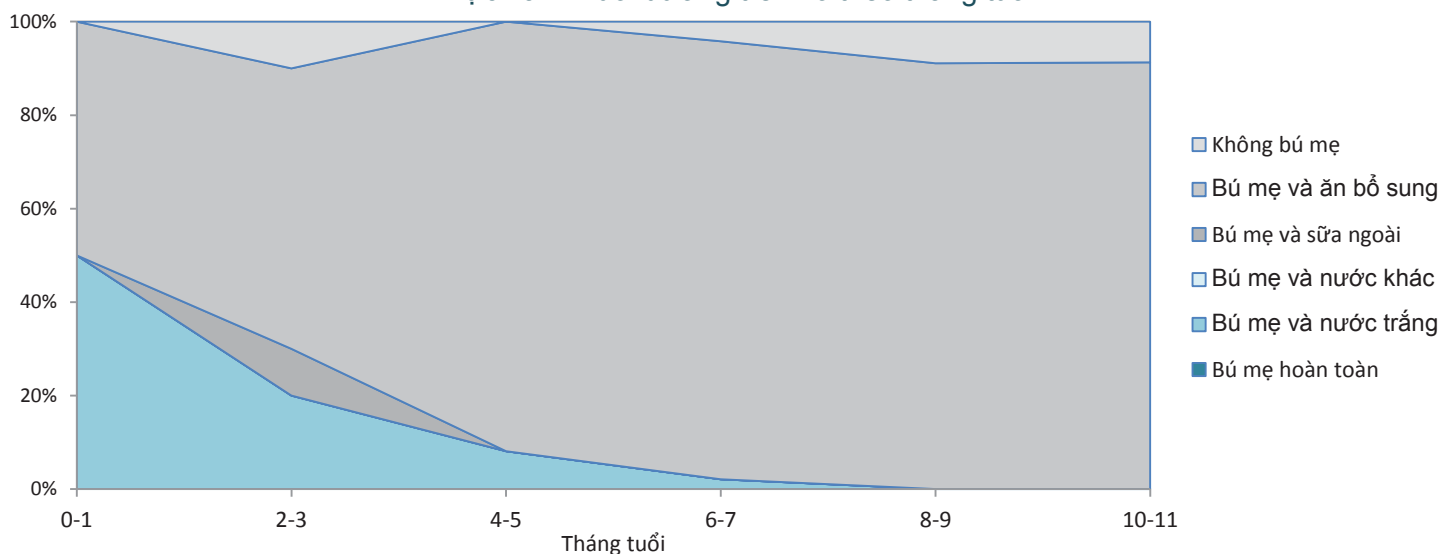
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. n n

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

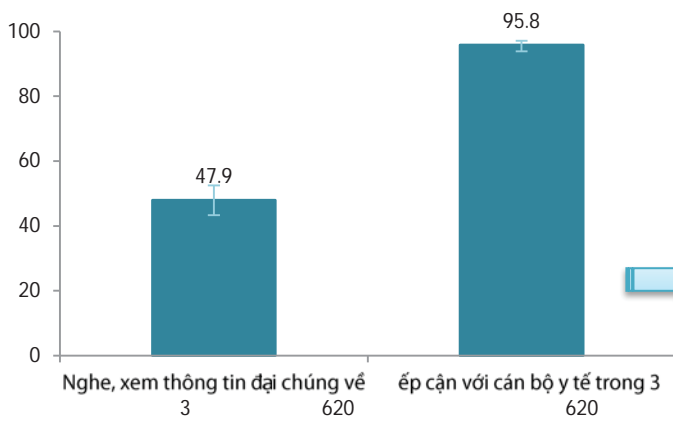


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

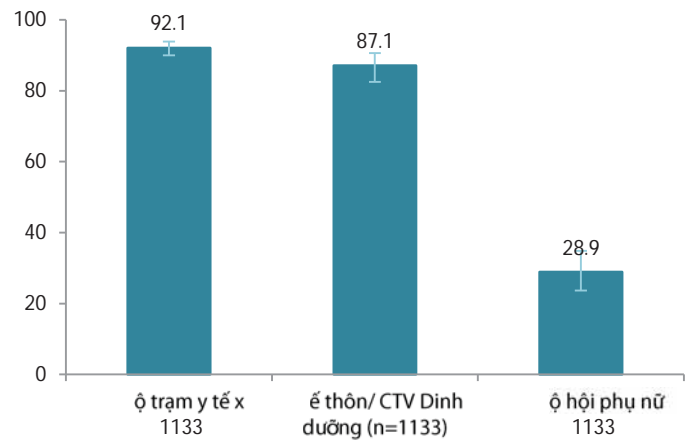
n n

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

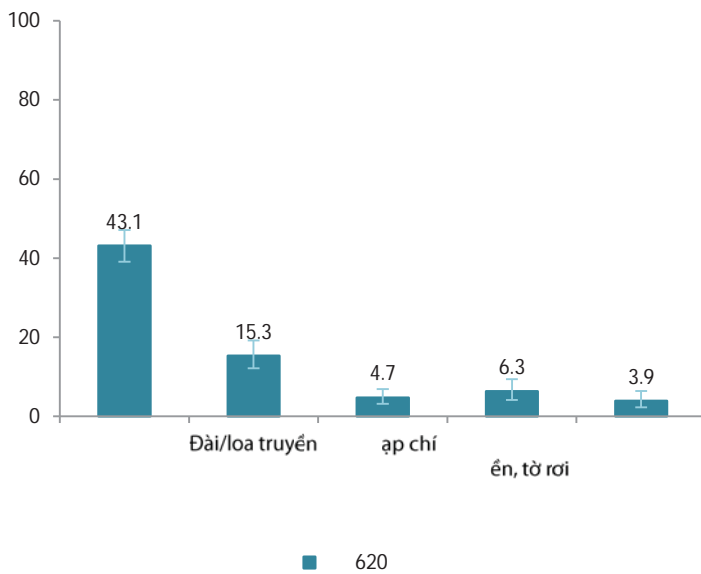
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



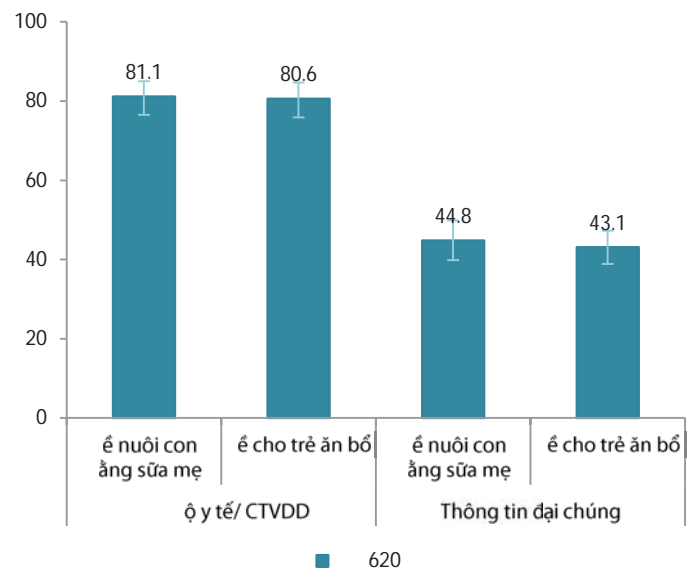
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



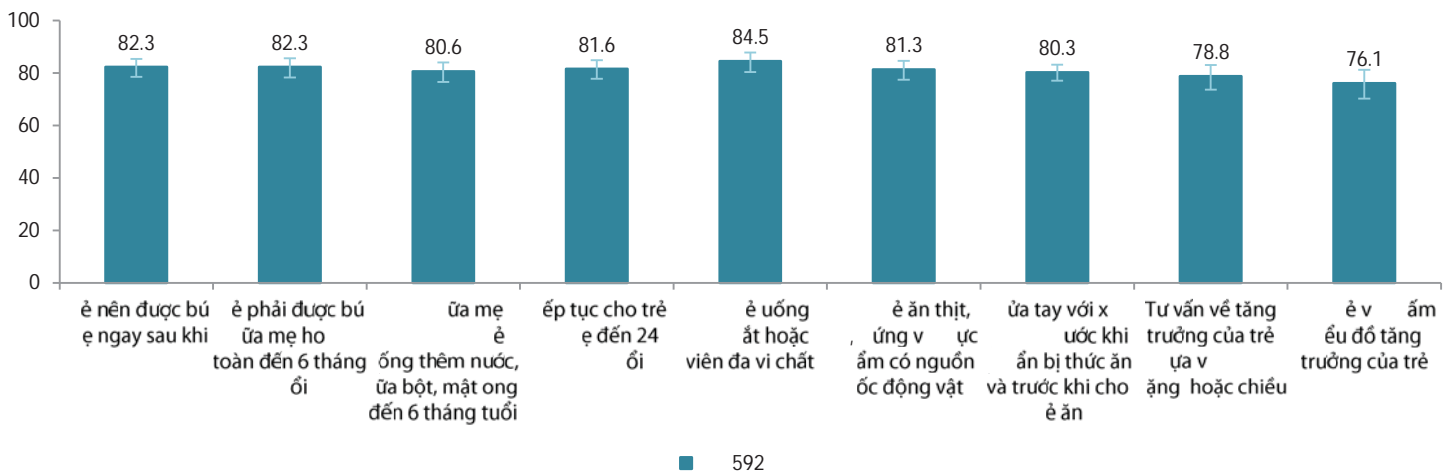
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 10.4%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 36% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 35%, nhẹ cân là 23.1% và gầy còm là 7.9%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.4%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 87.9%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 47.2% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 65.5%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 94%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 65.3%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 95.4%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

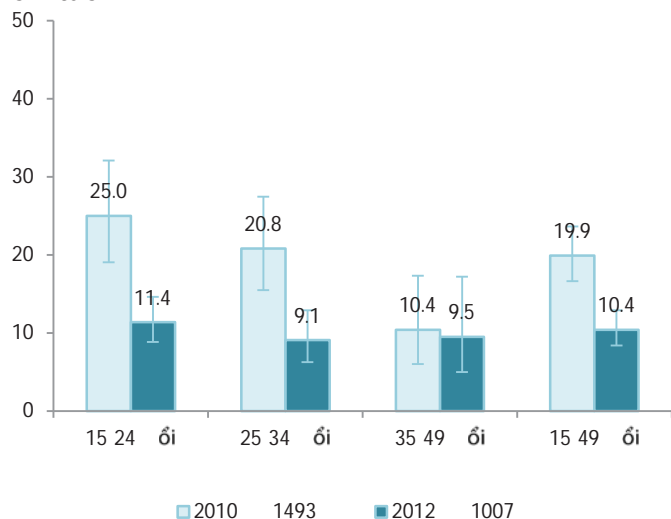
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 11 | Số bệnh viện | 15 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 195 | Số phòng khám đa khoa | 20 |
| Số thôn/bản | 1,980 | Số trạm y tế xã | 175 |
| Dân số | 743,881 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 79,300 | Số bác sỹ | 439 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 32,592 | Số y sỹ | 1,103 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 855 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 86.8% | Số nữ hộ sinh | 365 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 45.5% | Số y tế thôn bản | 1,981 |

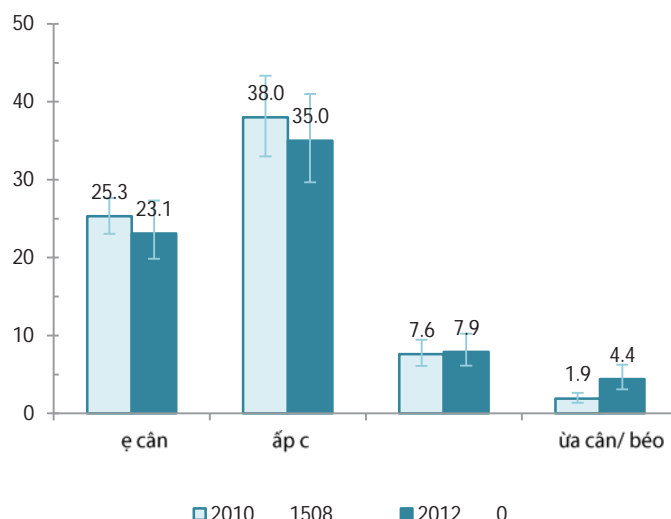
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

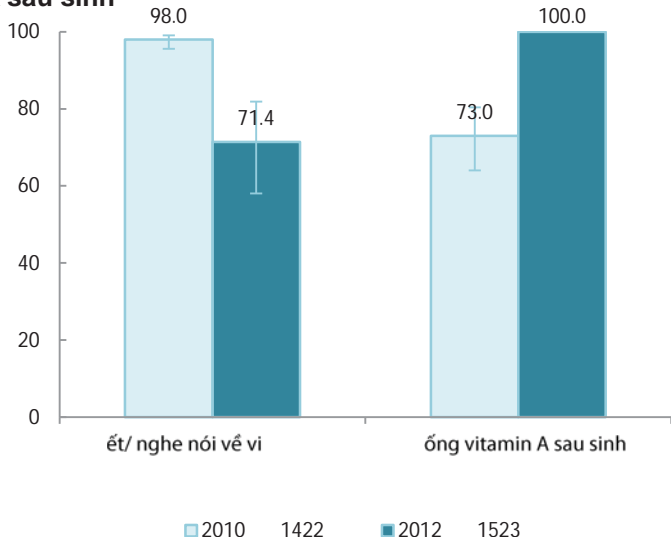
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



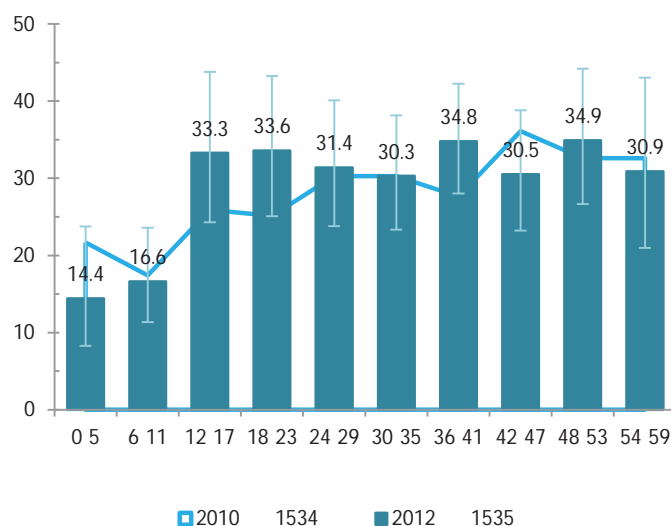
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



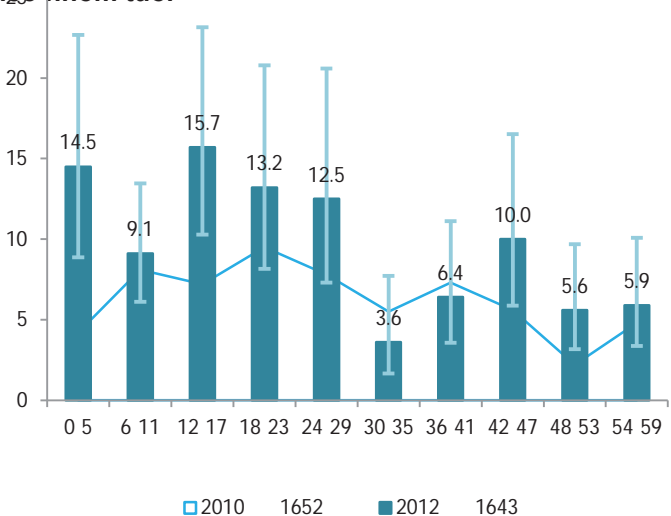
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



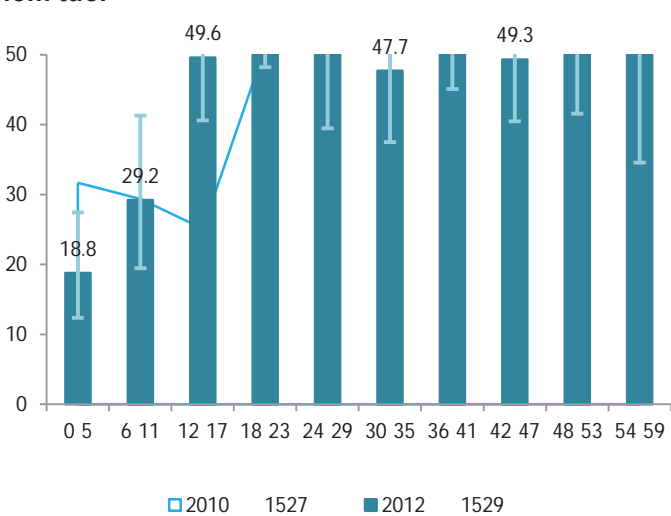
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



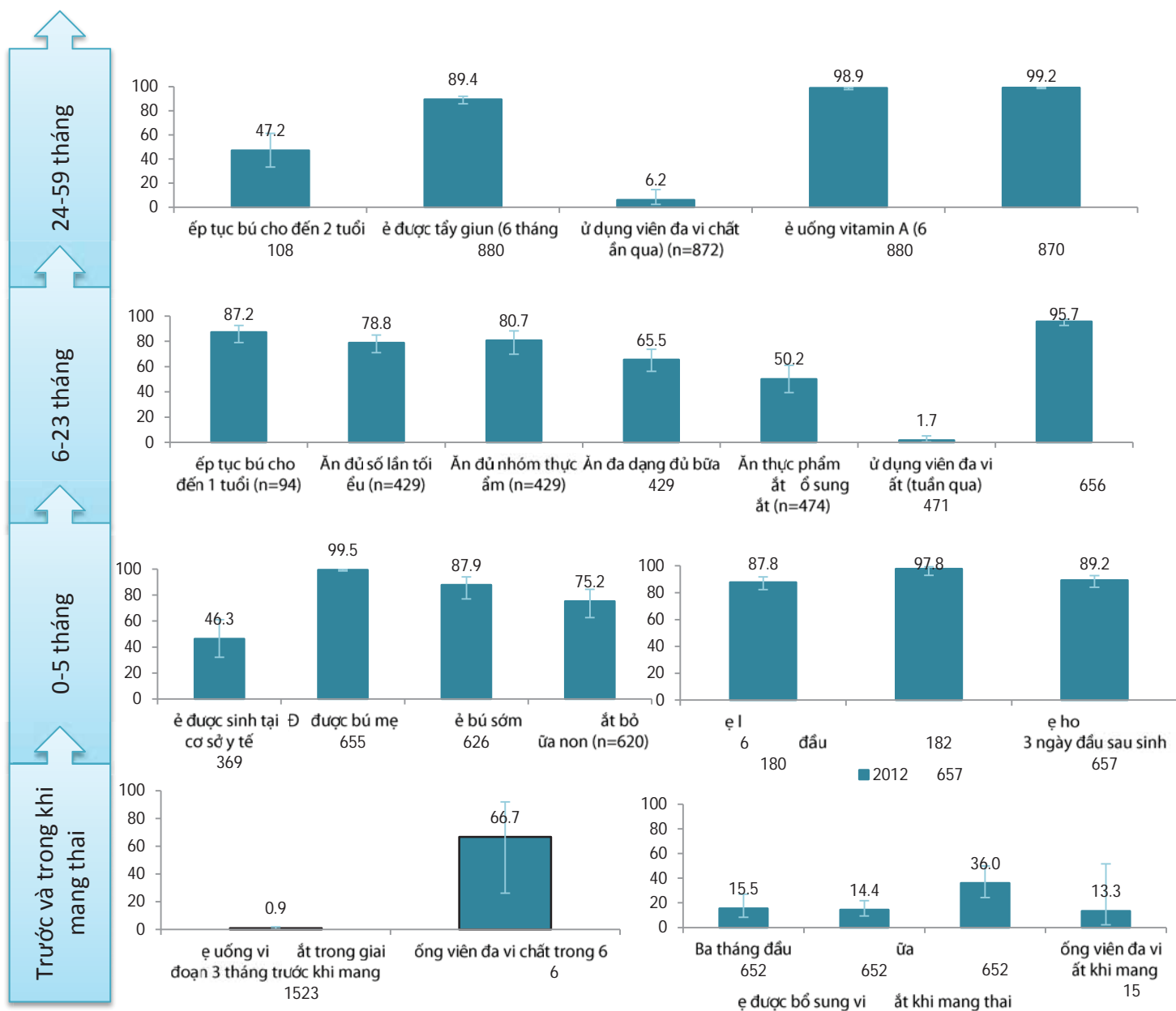
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



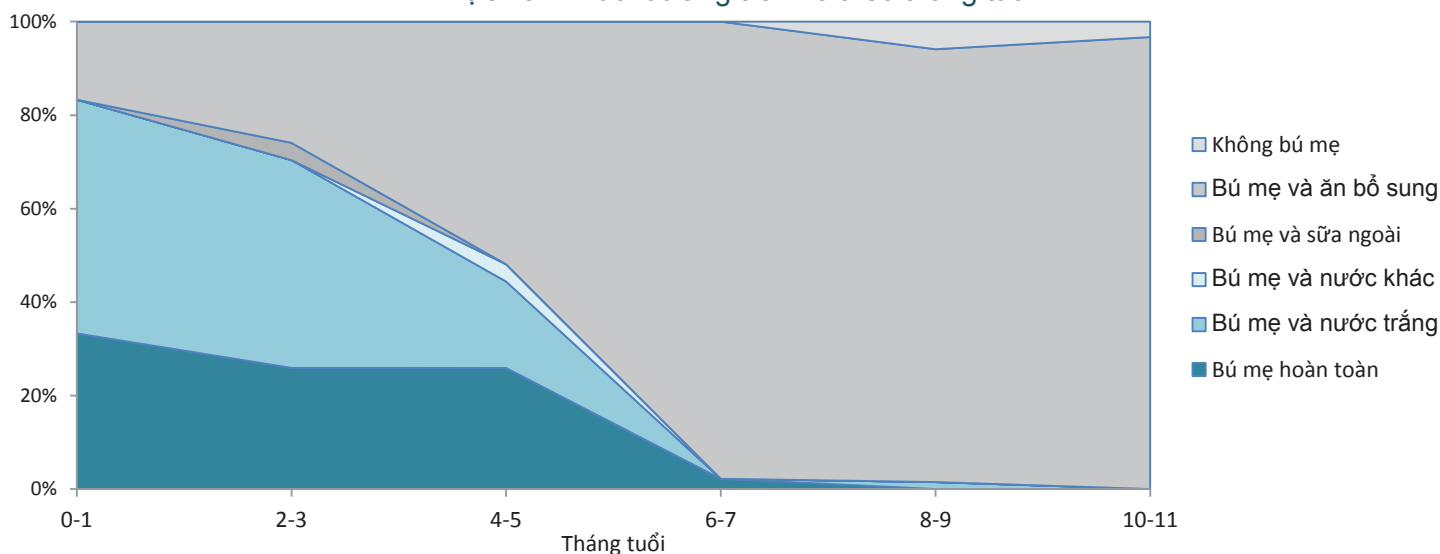
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



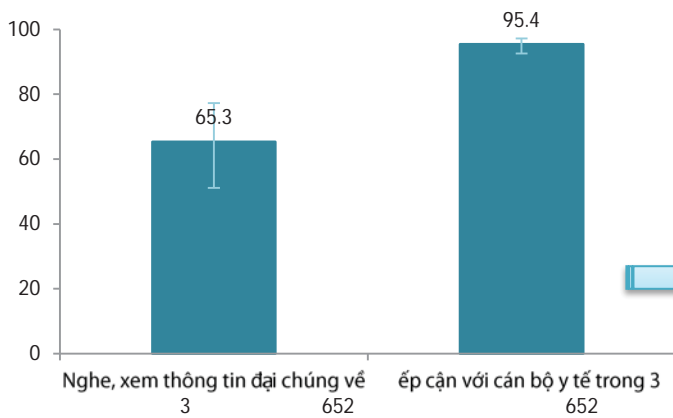
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



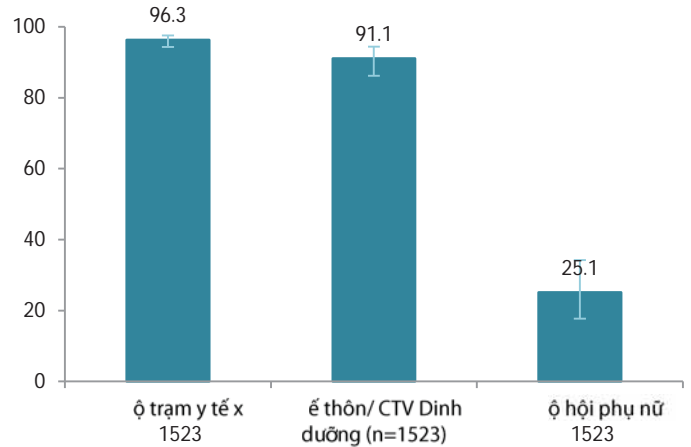
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

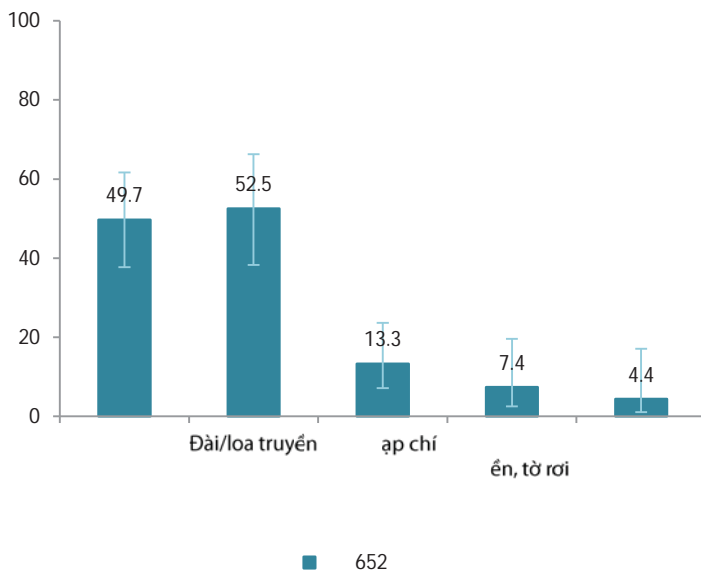
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



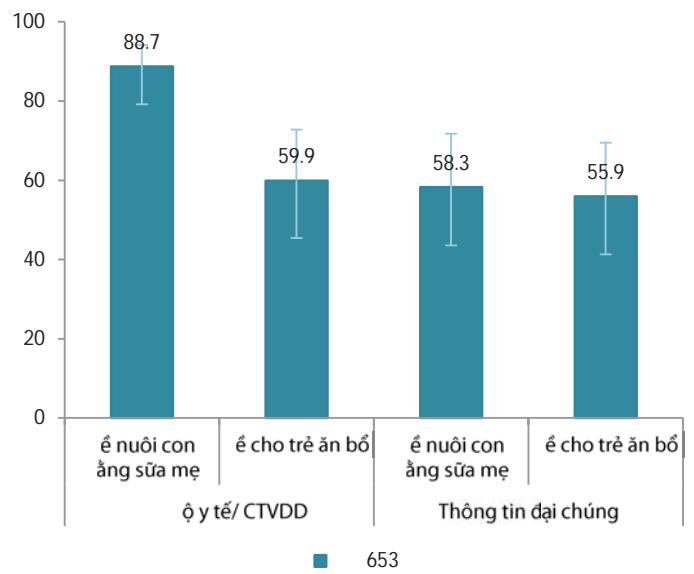
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



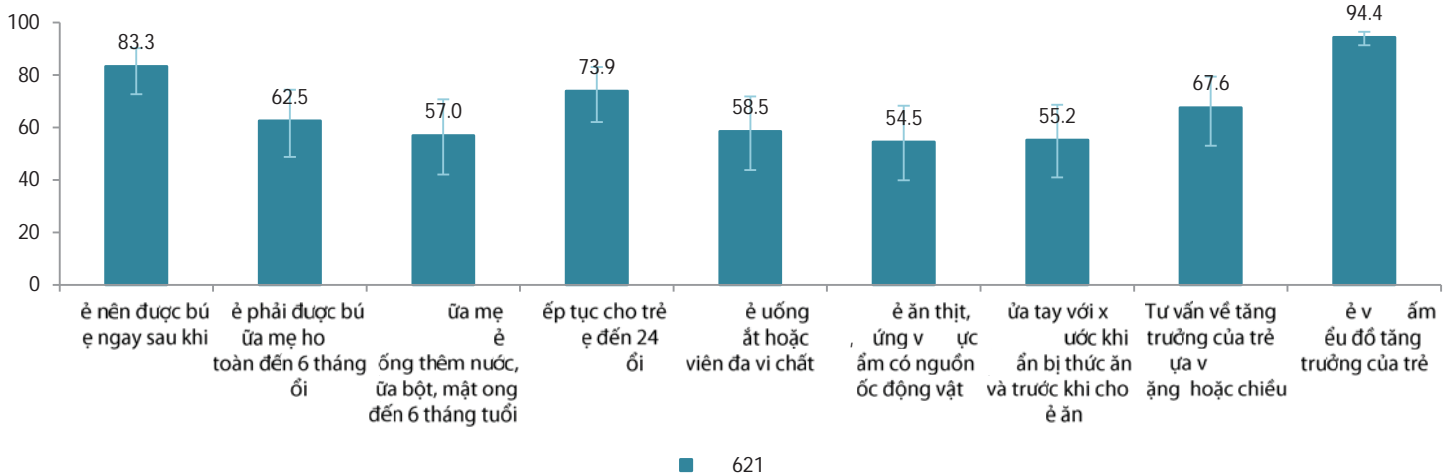
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Cao Bằng

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 15.5%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 60.7% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 0%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 33.8%, nhẹ cân là 20.5% và gầy còm là 6.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 1.8%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 78.8%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 23.5% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 42.4%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 89.4%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 52%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 98.3%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

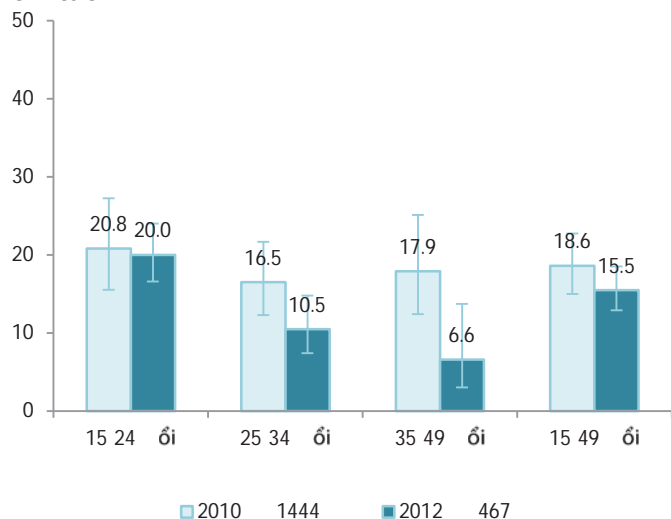
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 13 | Số bệnh viện | 16 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 199 | Số phòng khám đa khoa | 20 |
| Số thôn/bản | 2,464 | Số trạm y tế xã | 199 |
| Dân số | 514,487 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 44,297 | Số bác sỹ | 485 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 18,206 | Số y sỹ | 681 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 556 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 94.2% | Số nữ hộ sinh | 363 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 35.5% | Số y tế thôn bản | 2,465 |

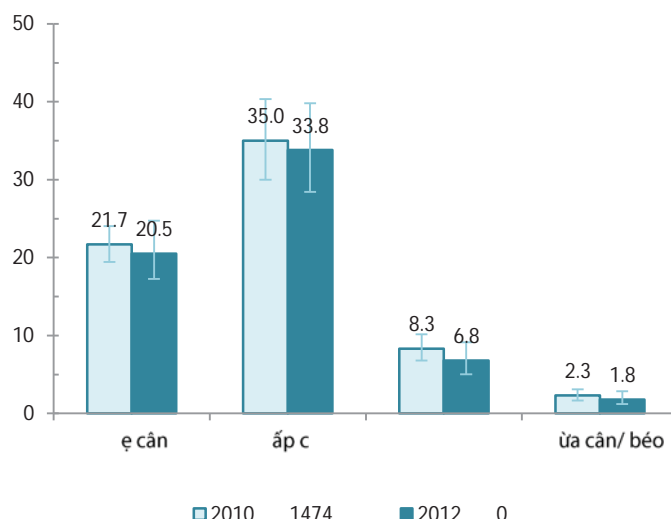
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

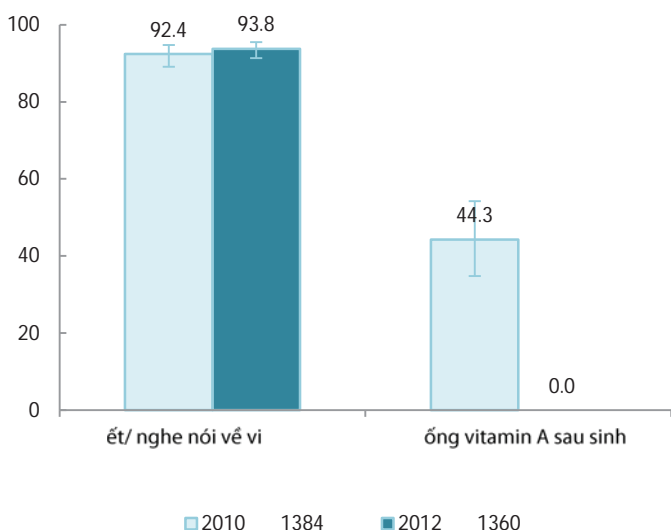
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



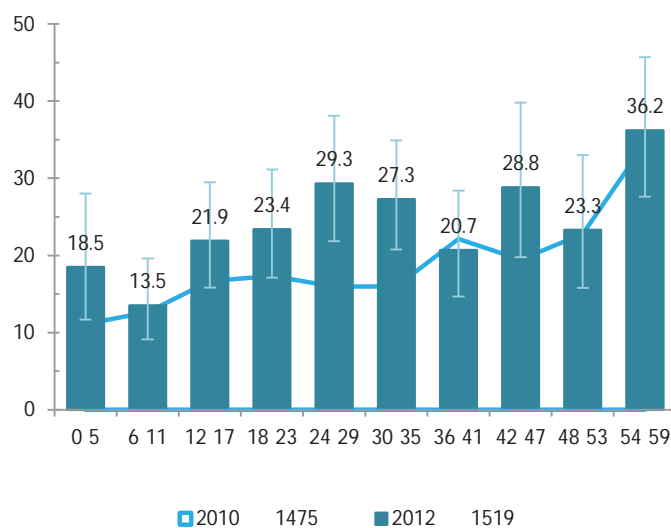
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



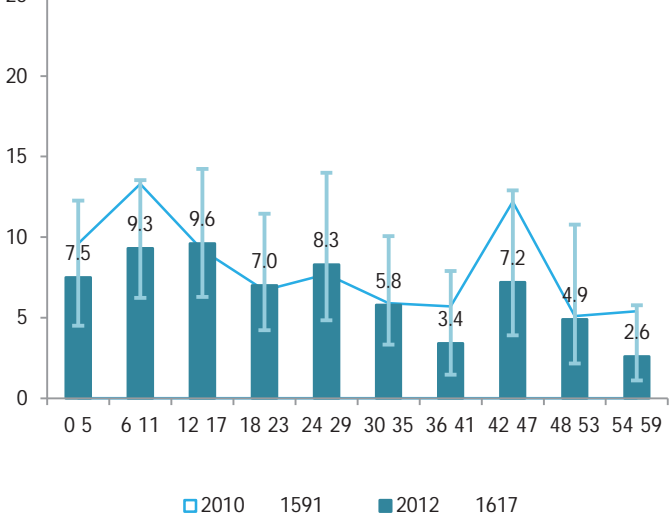
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



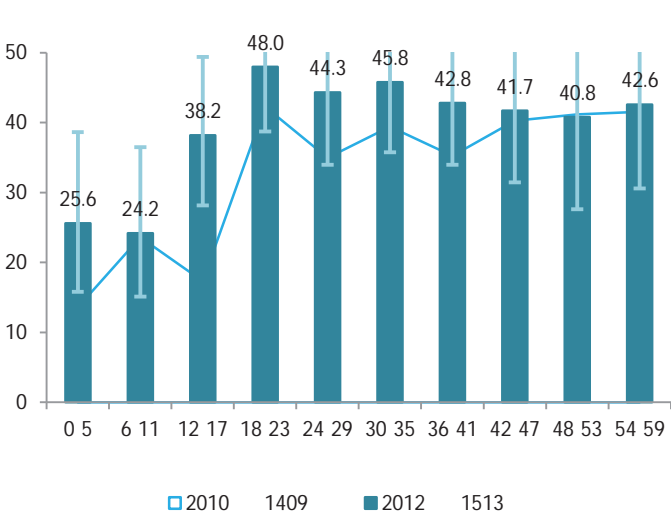
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



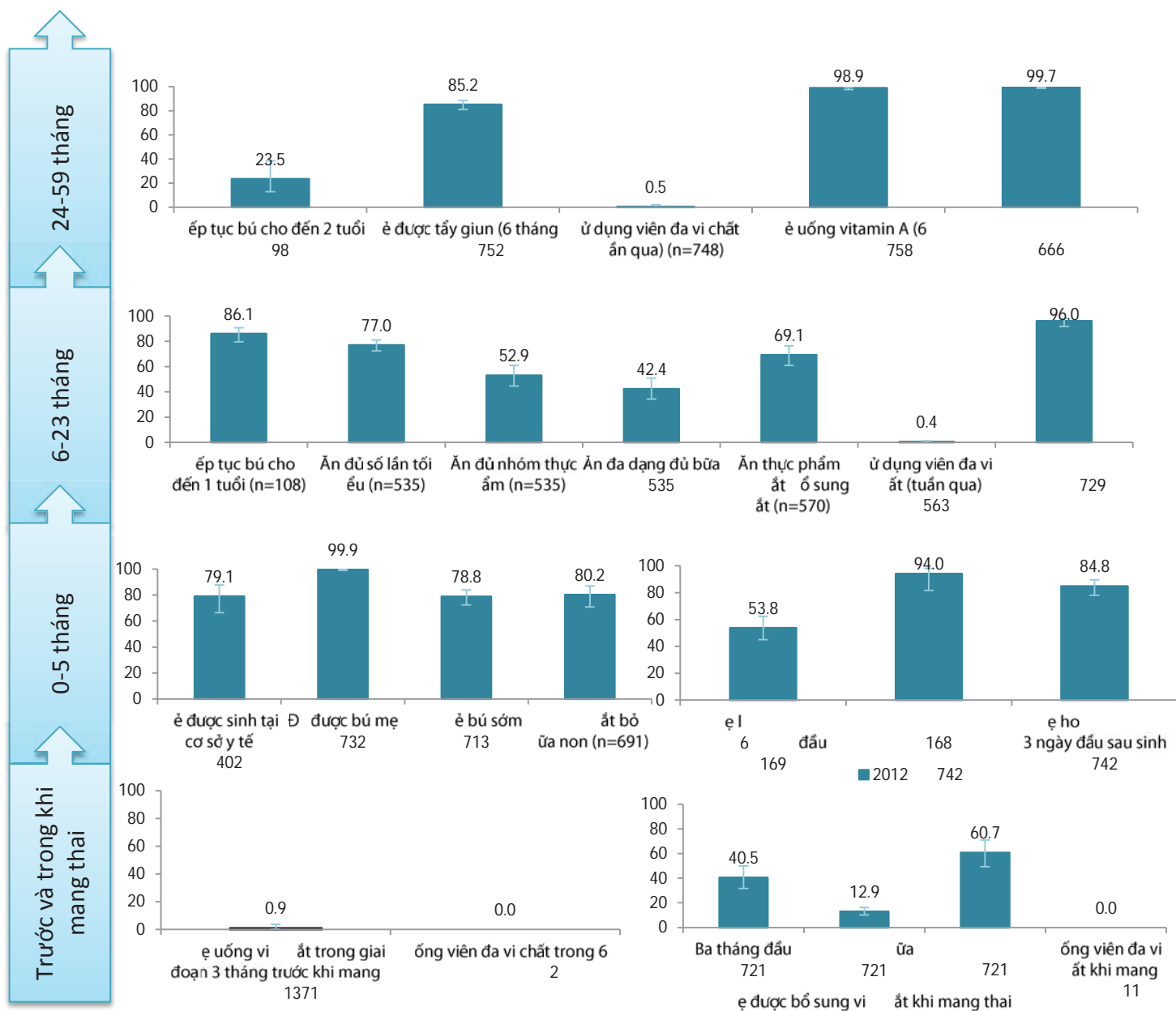
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



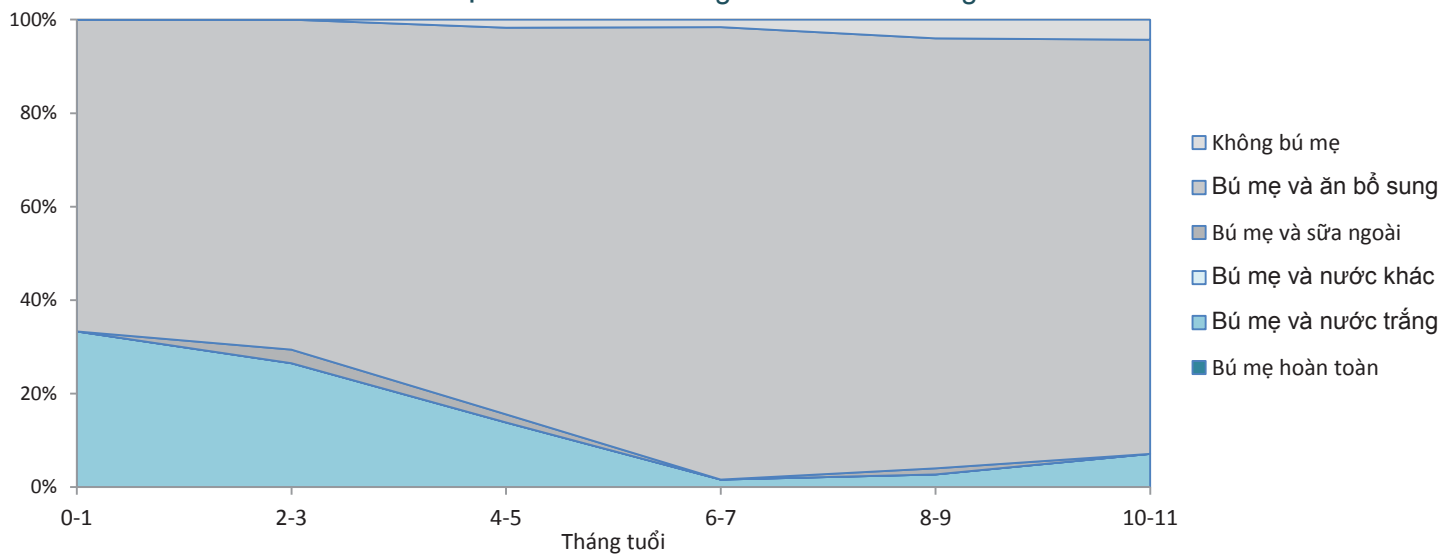
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

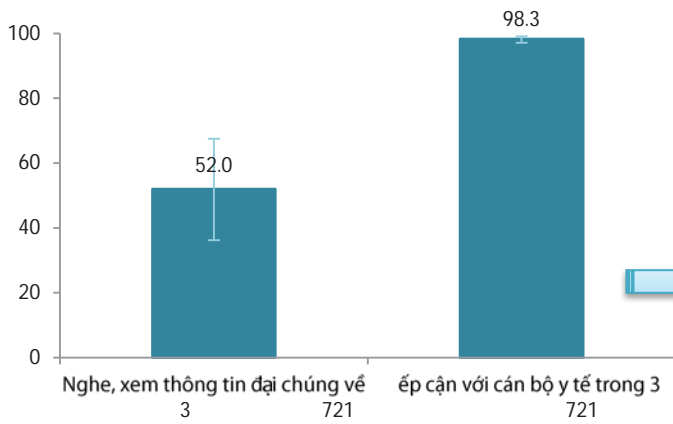


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

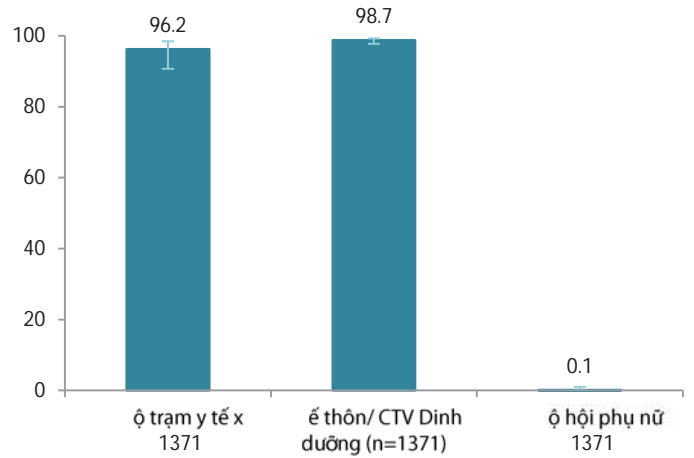
3 Cao Bằng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

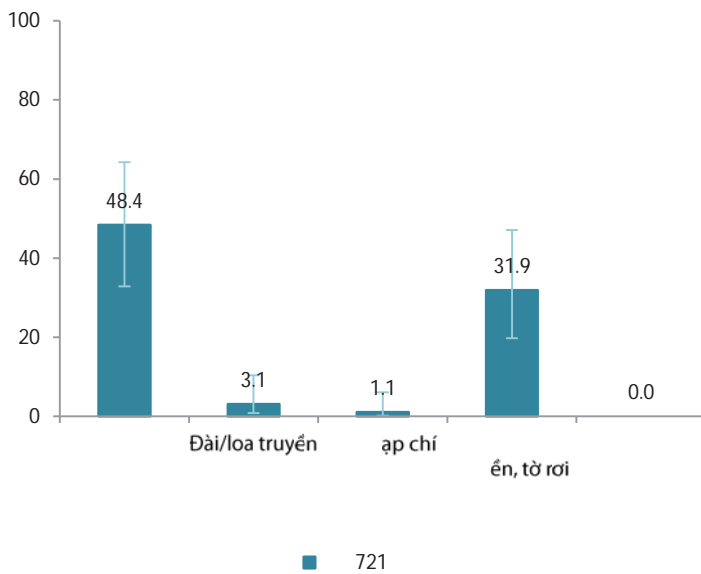
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



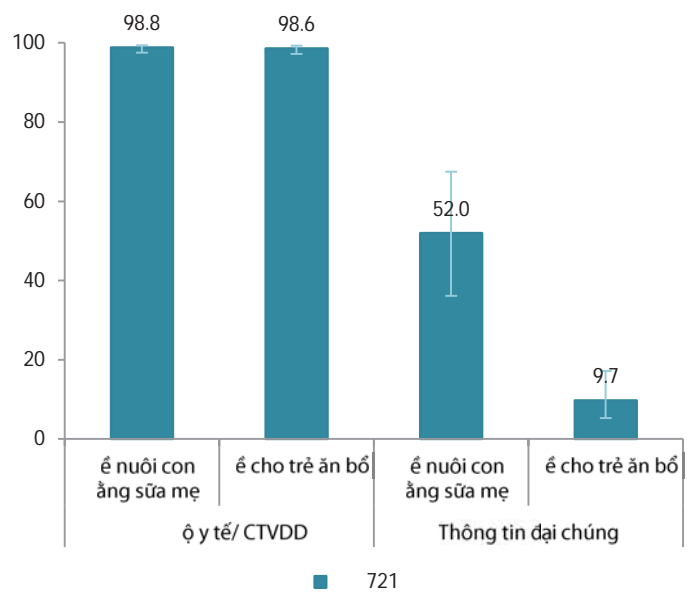
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



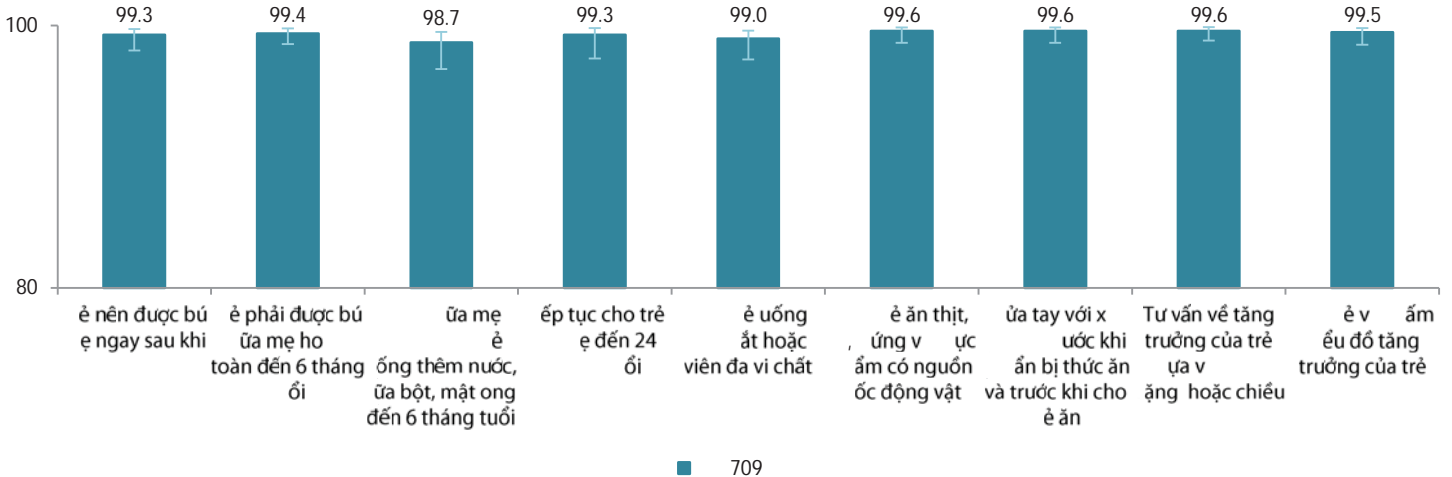
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 16.2%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 51.3% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 37.8%, nhẹ cân là 23.2% và gầy còm là 6.7%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 1.7%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 57.4%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 16.1% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 52.8%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 87.5%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 56.7%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 92.5%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

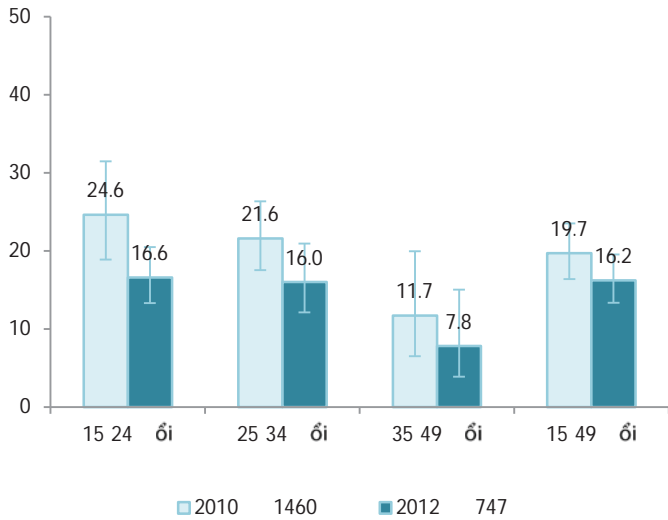
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 8 | Số bệnh viện | 13 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 164 | Số phòng khám đa khoa | 36 |
| Số thôn/bản | 1,823 | Số trạm y tế xã | 164 |
| Dân số | 634,050 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 73,939 | Số bác sỹ | 427 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 30,389 | Số y sỹ | 654 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 945 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 65.4% | Số nữ hộ sinh | 379 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 36.6% | Số y tế thôn bản | 1,739 |

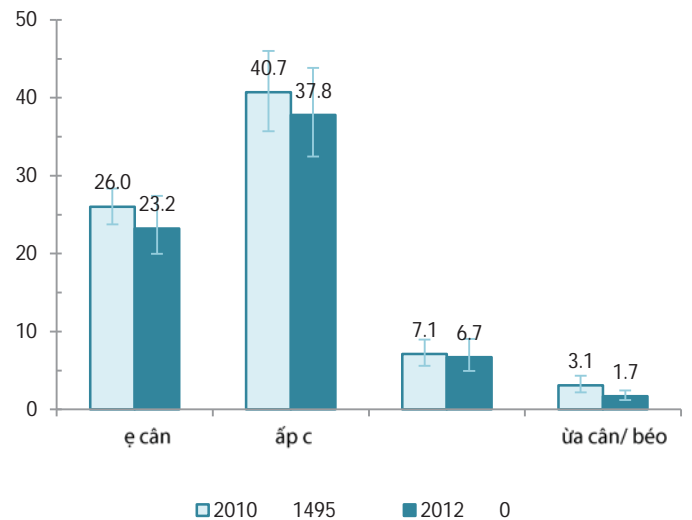
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

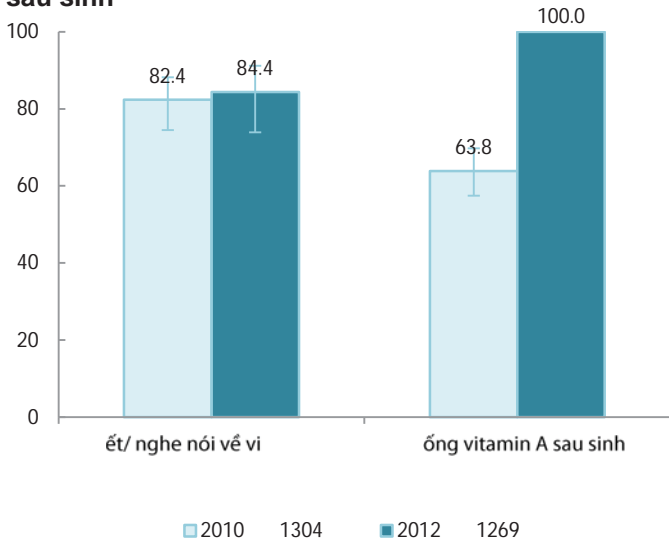
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



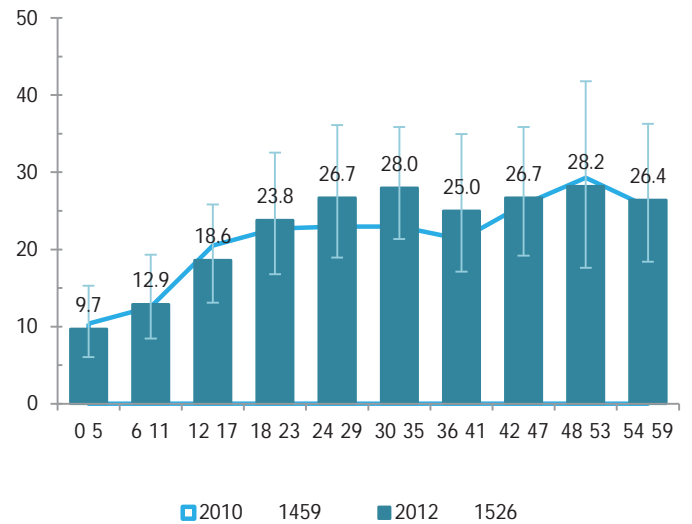
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



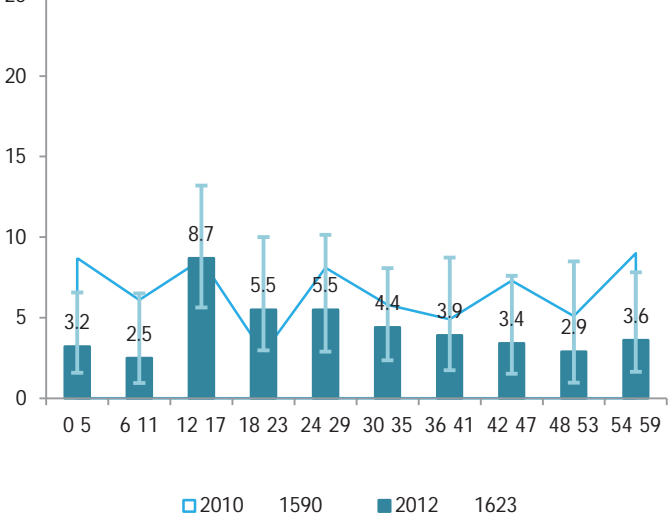
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



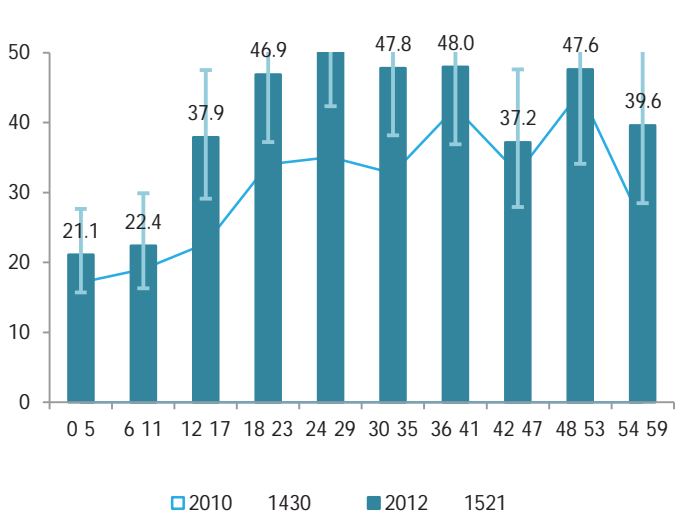
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



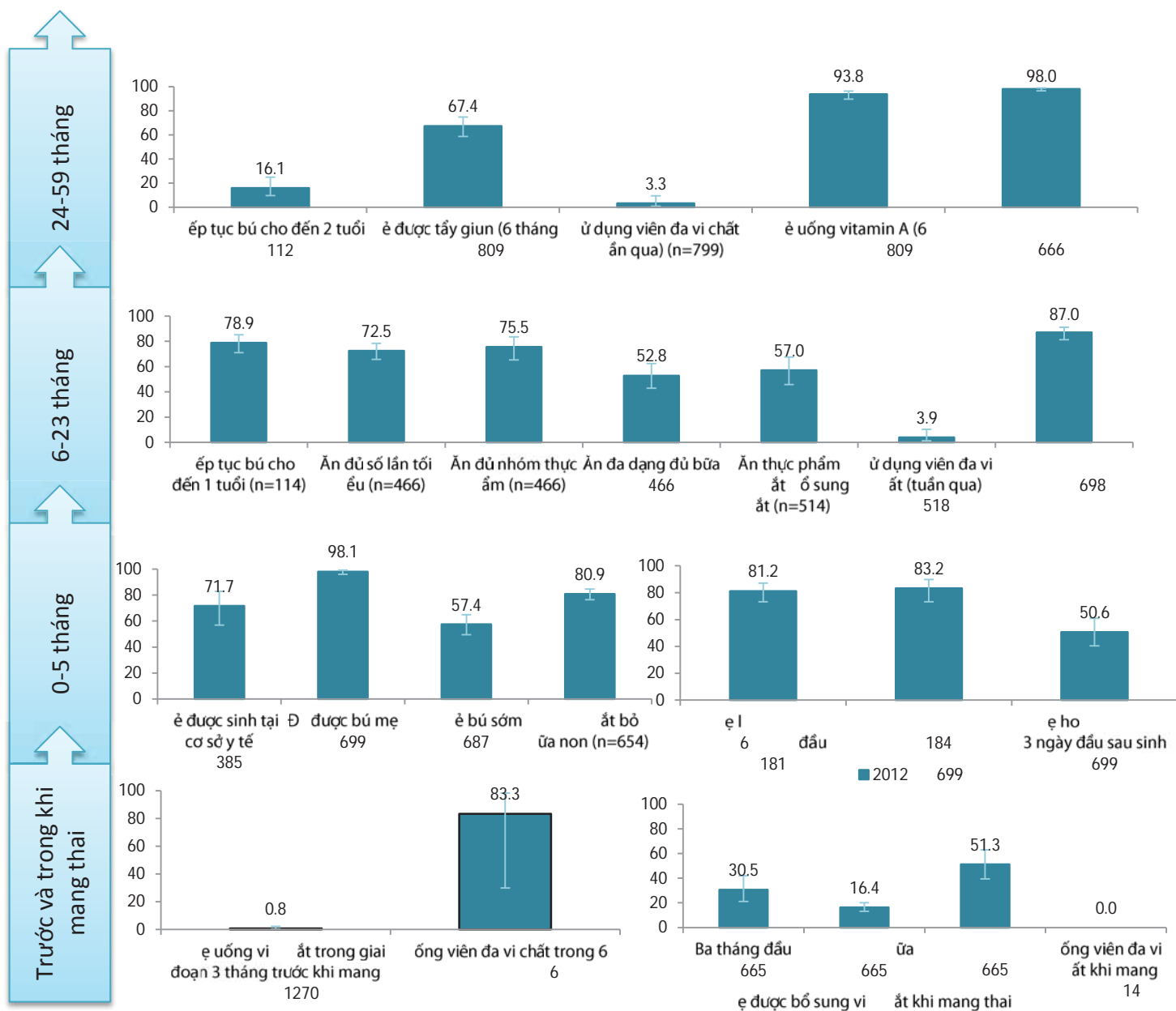
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



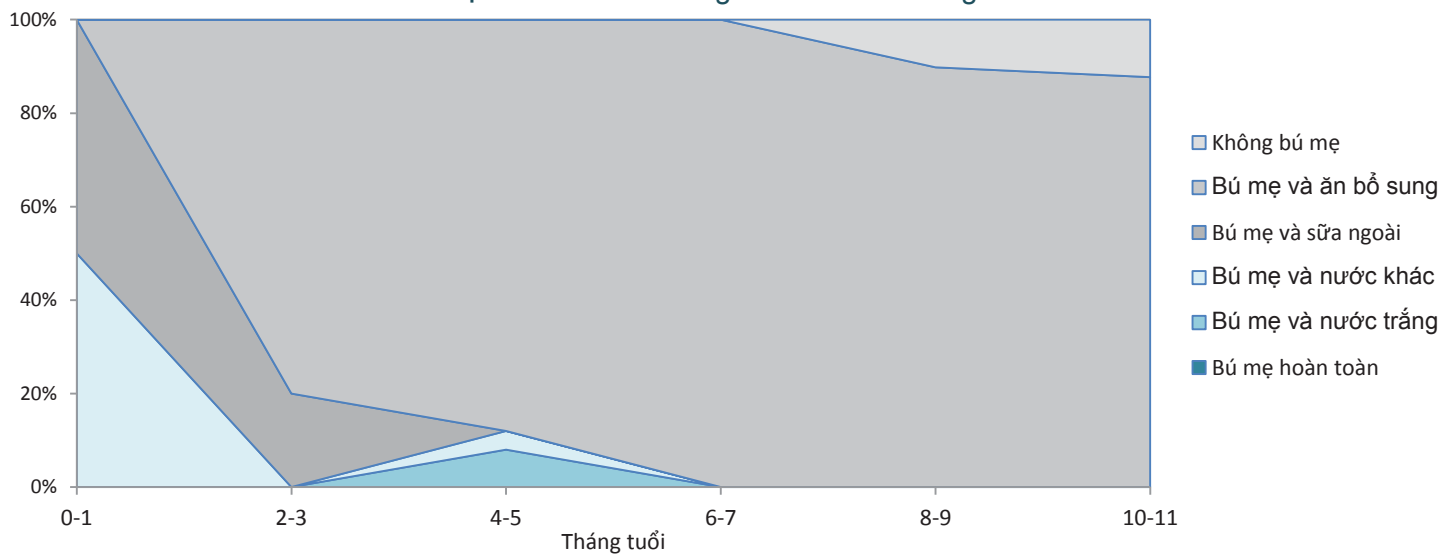
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2.

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



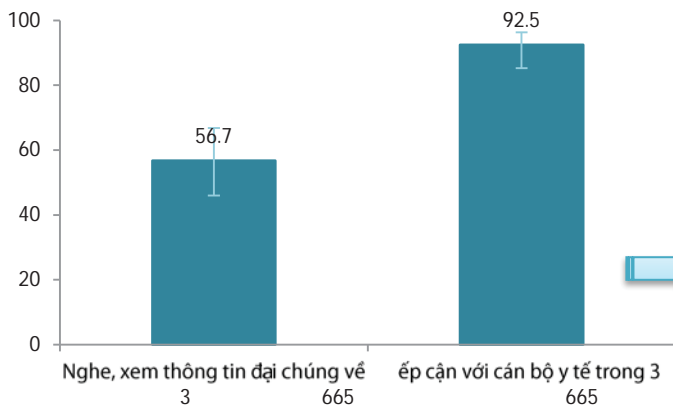
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



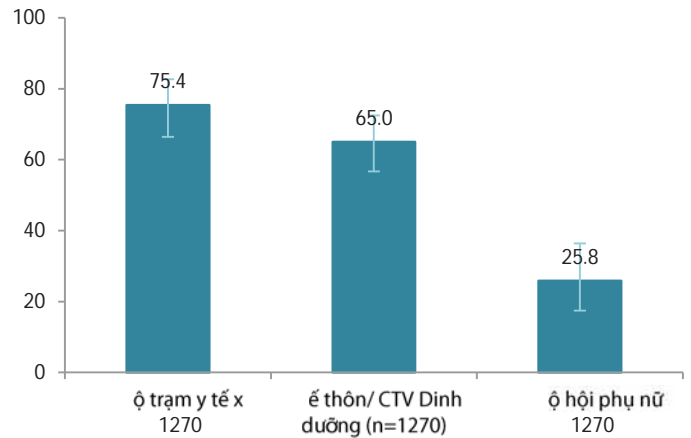
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

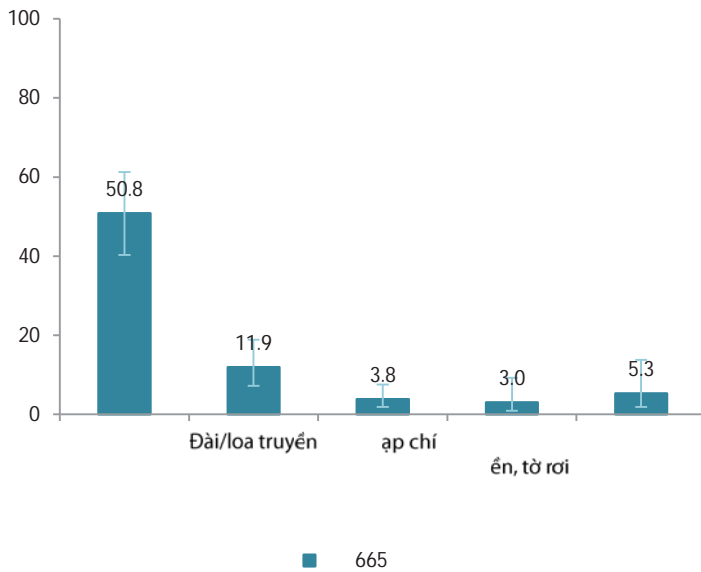
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



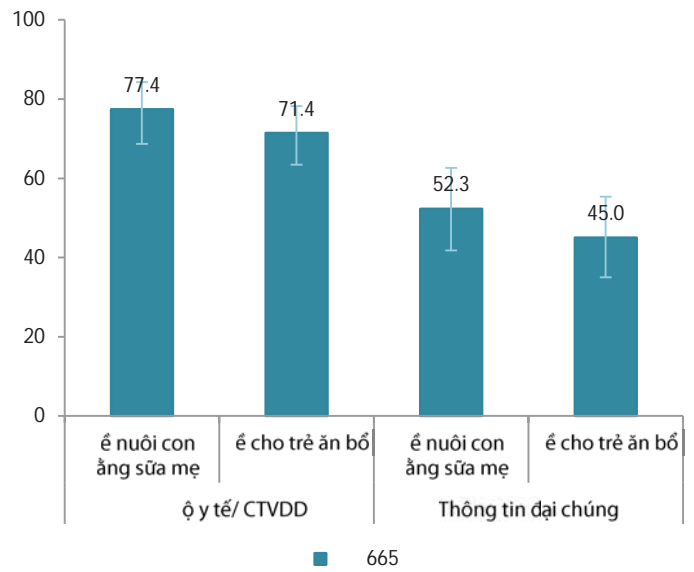
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



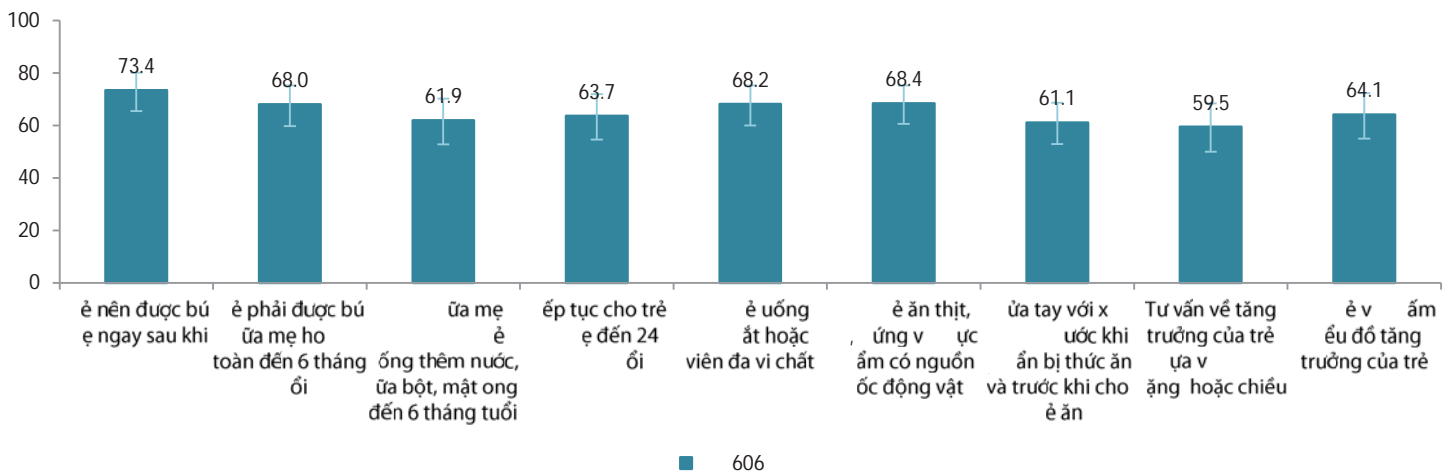
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Bắc Kạn

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 19.3%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 89% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 81.8%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 31.5%, nhẹ cân là 22.2% và gầy còm là 7.7%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 2.3%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 61.1%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 7.9% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 80.5%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 91%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 81.5%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 95.8%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

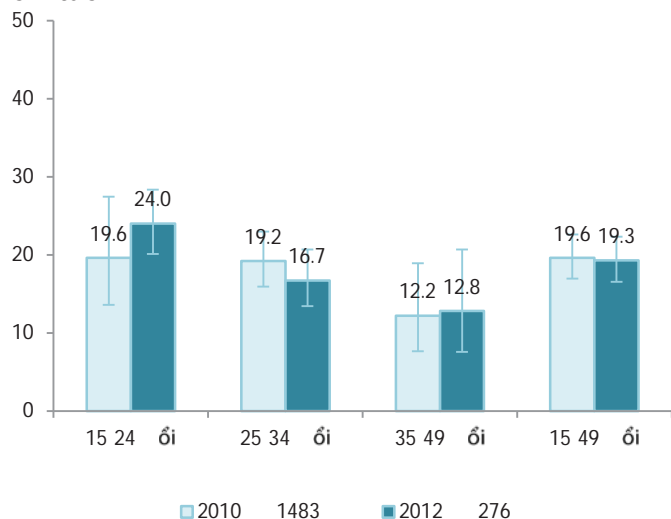
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 8 | Số bệnh viện | 9 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 122 | Số phòng khám đa khoa | 2 |
| Số thôn/bản | 1,392 | Số trạm y tế xã | 122 |
| Dân số | 297,865 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 25,792 | Số bác sỹ | 453 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 10,601 | Số y sỹ | 350 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 431 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 86.6% | Số nữ hộ sinh | 104 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 28.6% | Số y tế thôn bản | 1,392 |

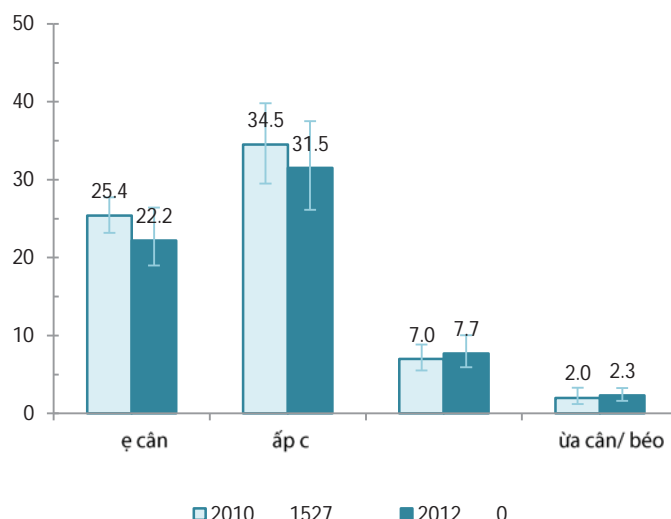
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

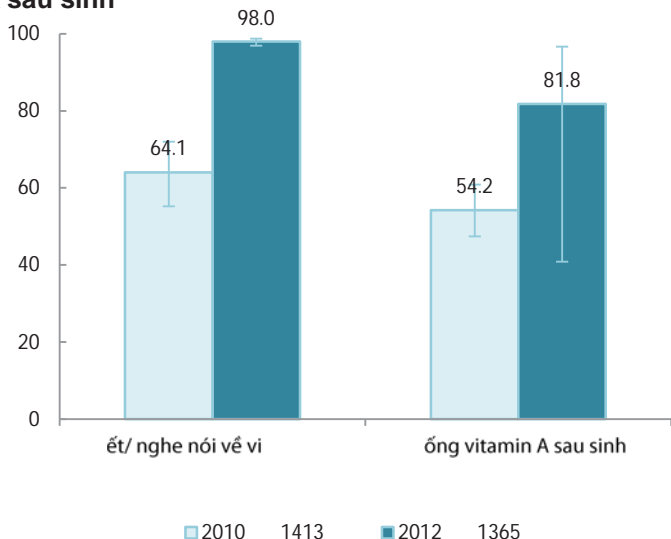
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



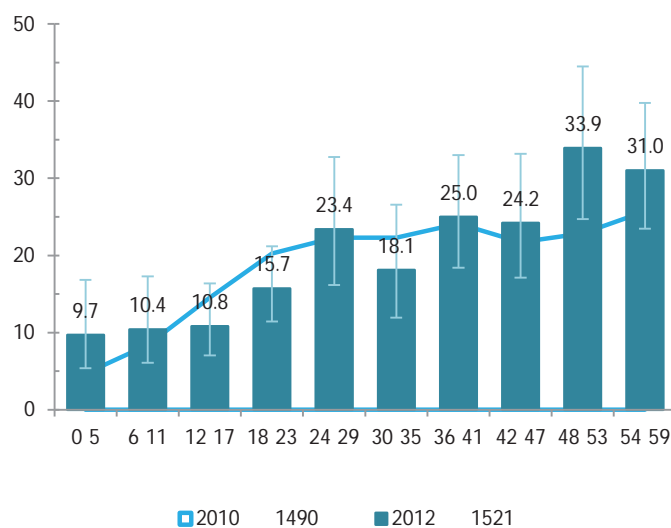
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



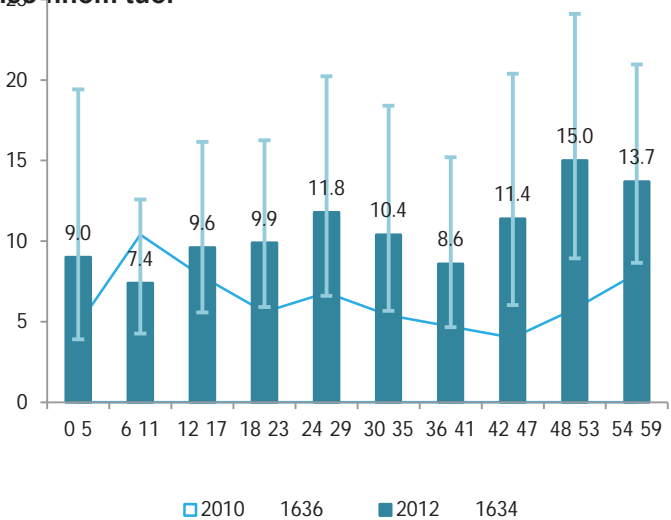
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



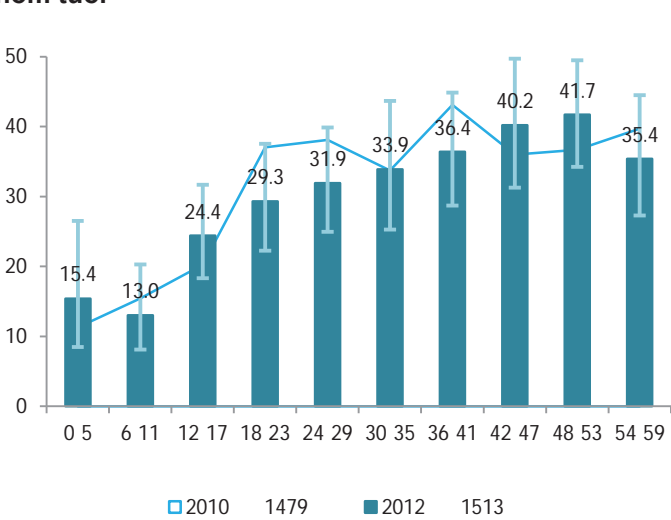
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



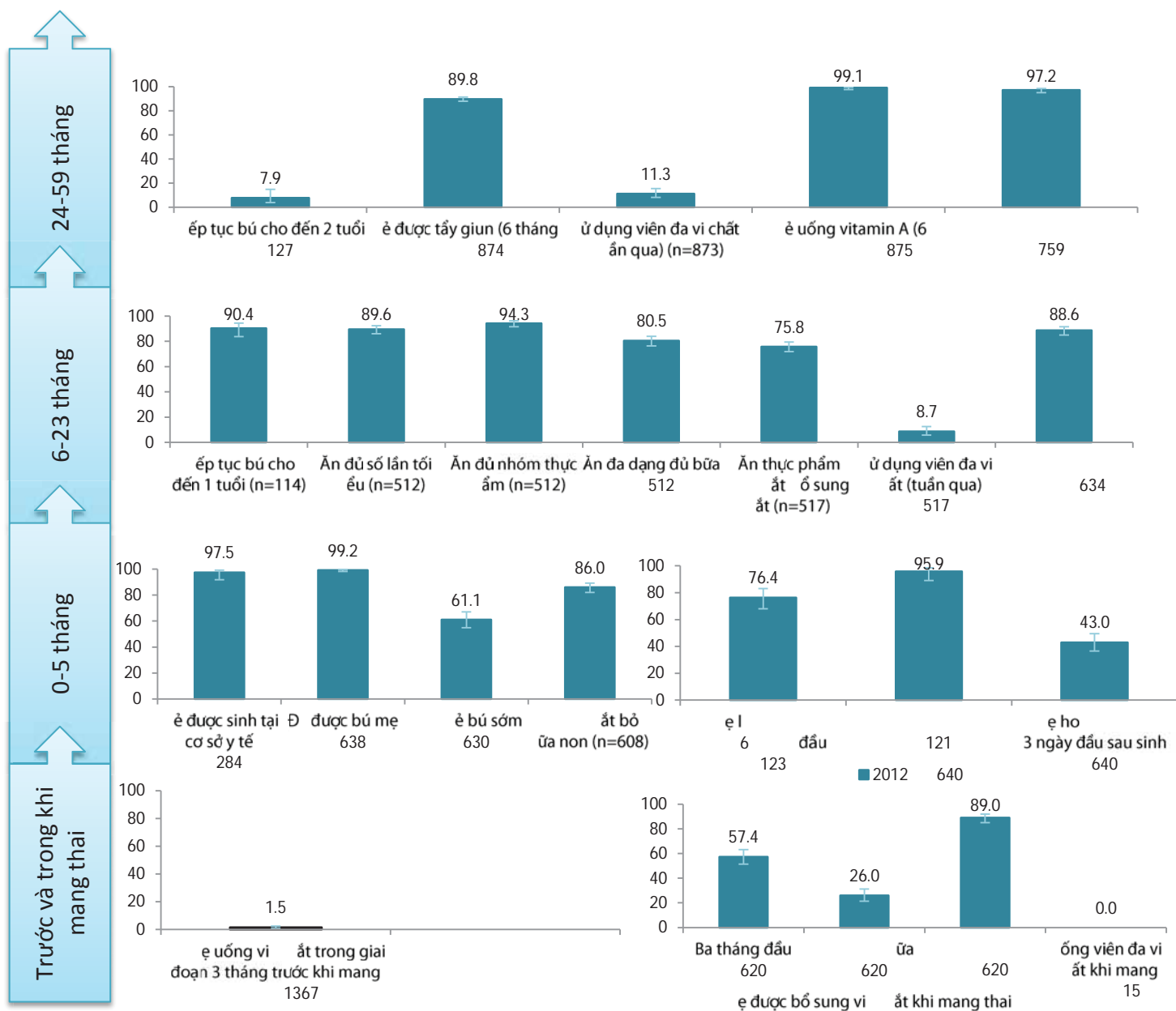
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



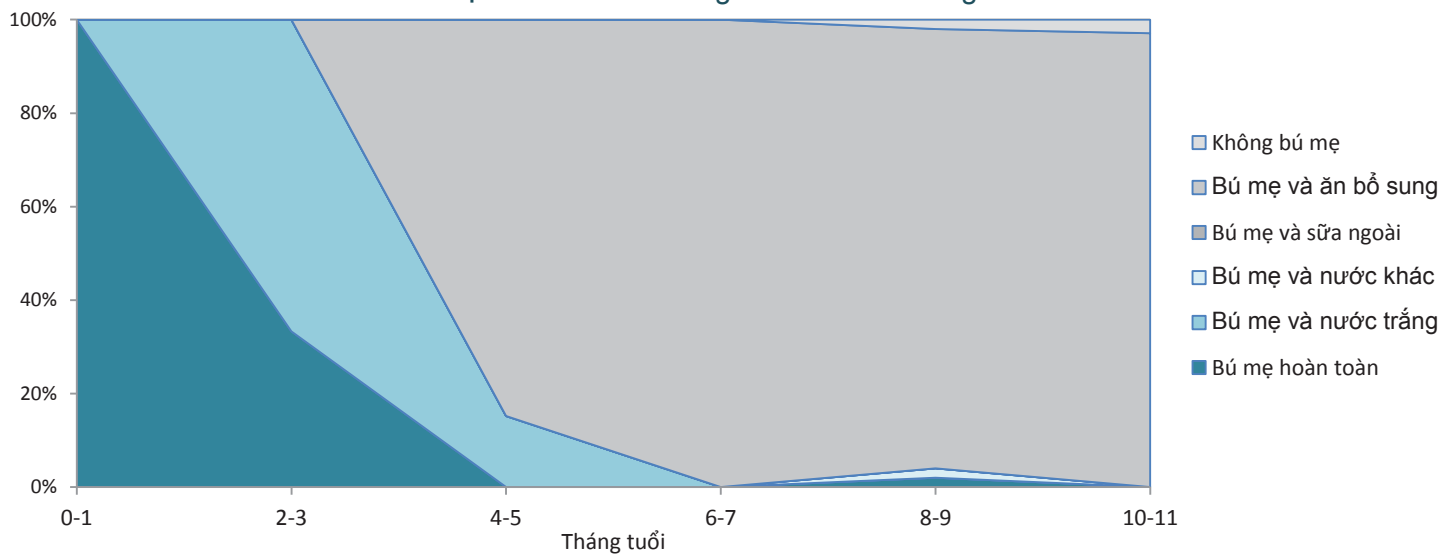
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

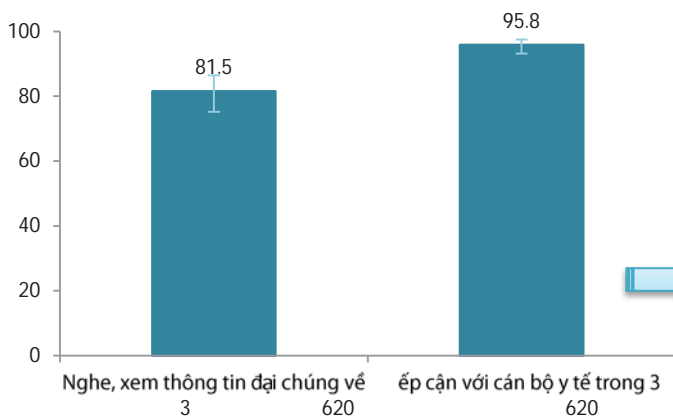


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

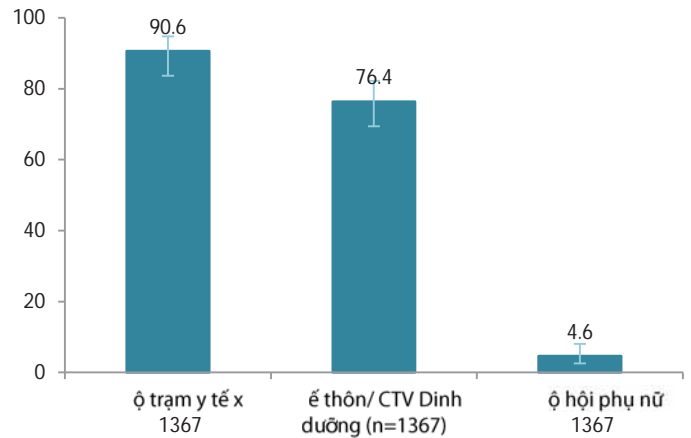
3 Bắc Kạn

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

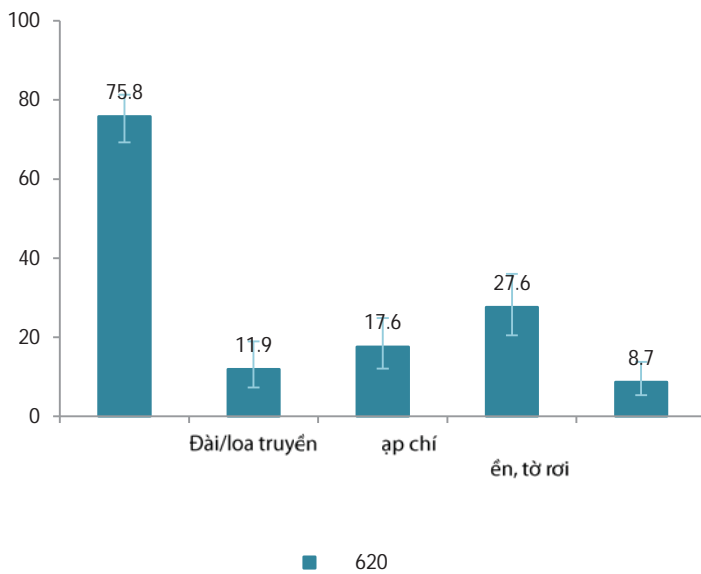
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



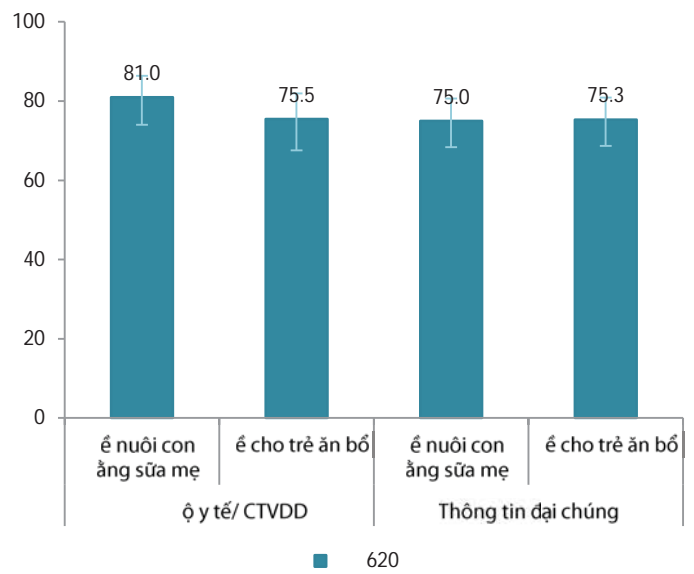
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



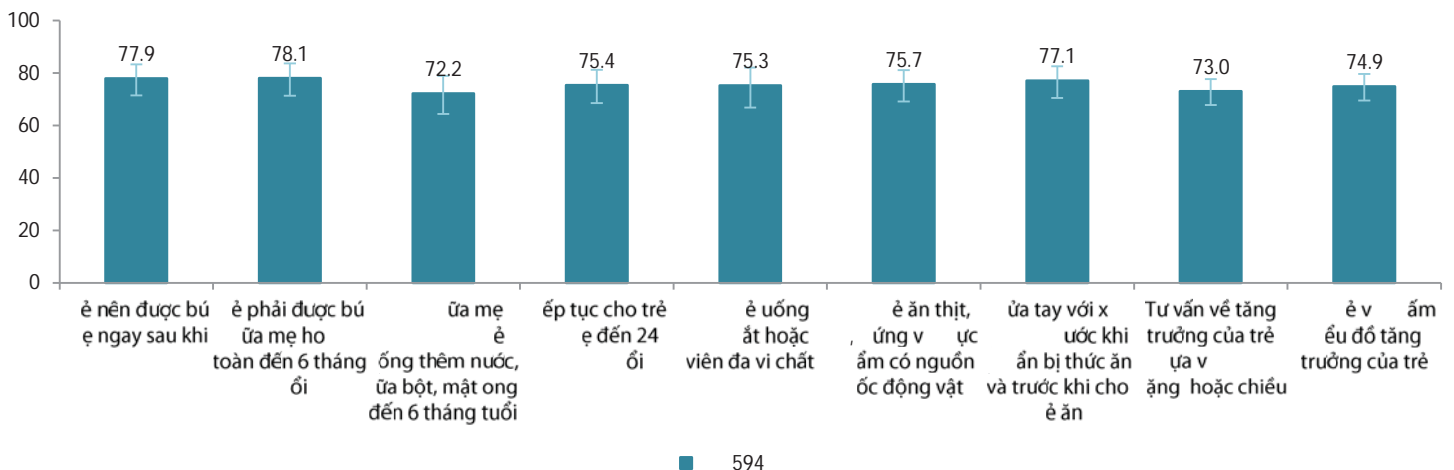
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Lạng Sơn

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 21%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 84.9% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 80%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 29.1%, nhẹ cân là 19.2% và gầy còm là 7.5%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 1.3%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 56%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 4.9% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 76.6%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 87%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 70.9%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 97.7%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

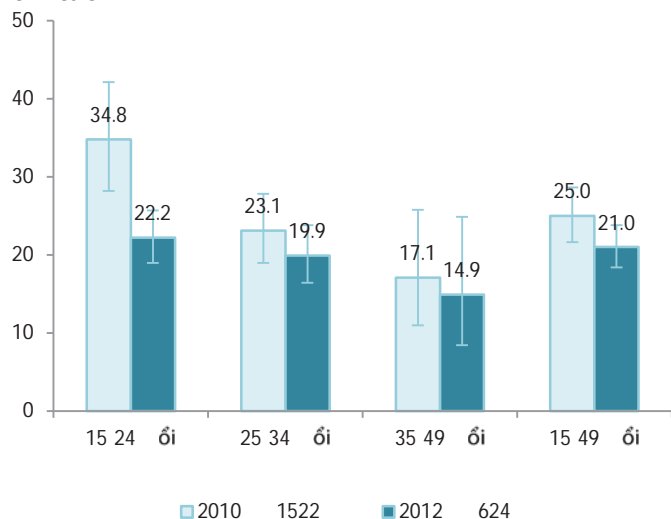
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 10 | Số bệnh viện | 14 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 226 | Số phòng khám đa khoa | 21 |
| Số thôn/bản | 2,340 | Số trạm y tế xã | 226 |
| Dân số | 737,226 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 55,524 | Số bác sỹ | 592 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 22,820 | Số y sỹ | 709 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 765 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 83.0% | Số nữ hộ sinh | 363 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 25.0% | Số y tế thôn bản | 2,246 |

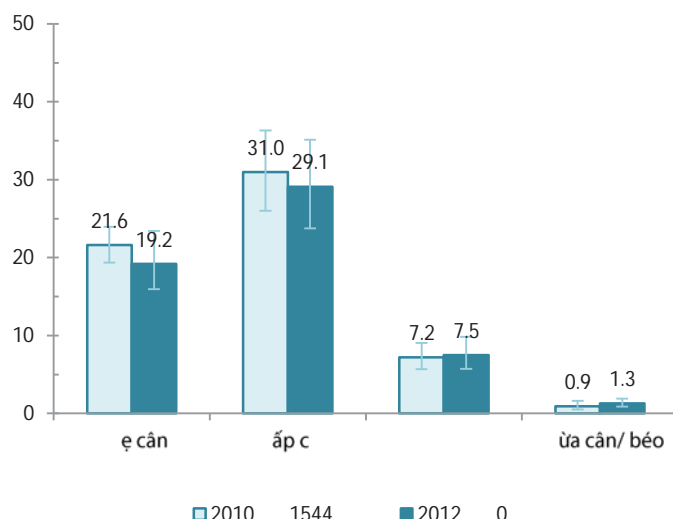
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

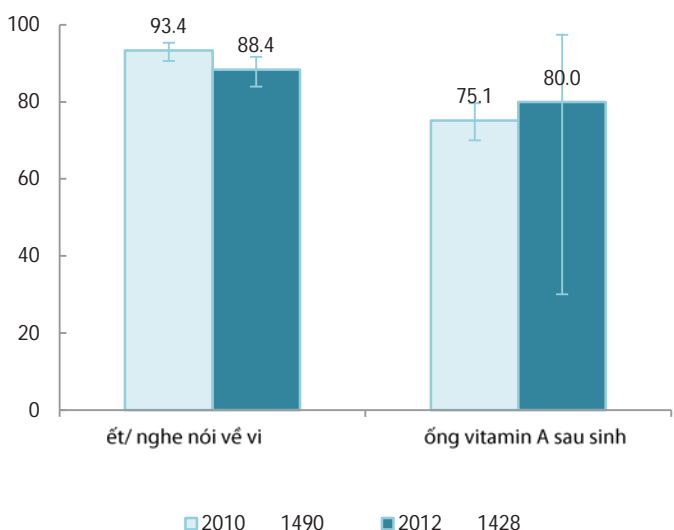
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



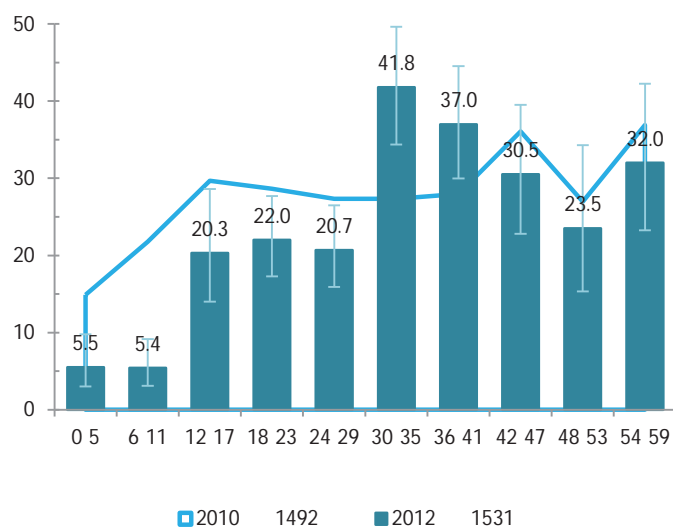
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



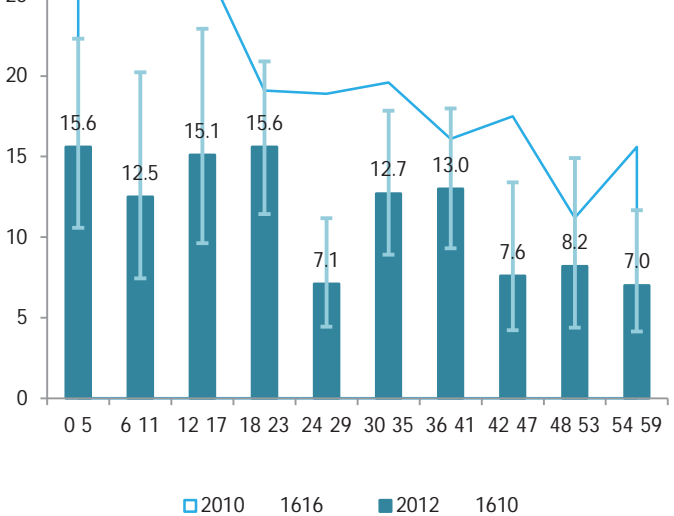
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



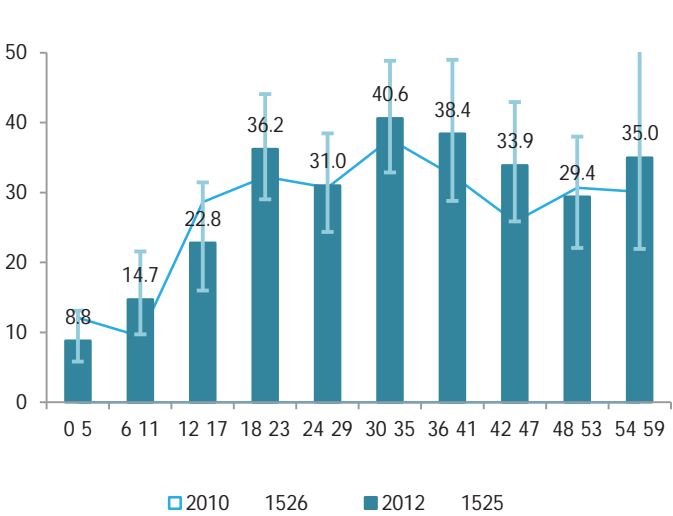
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



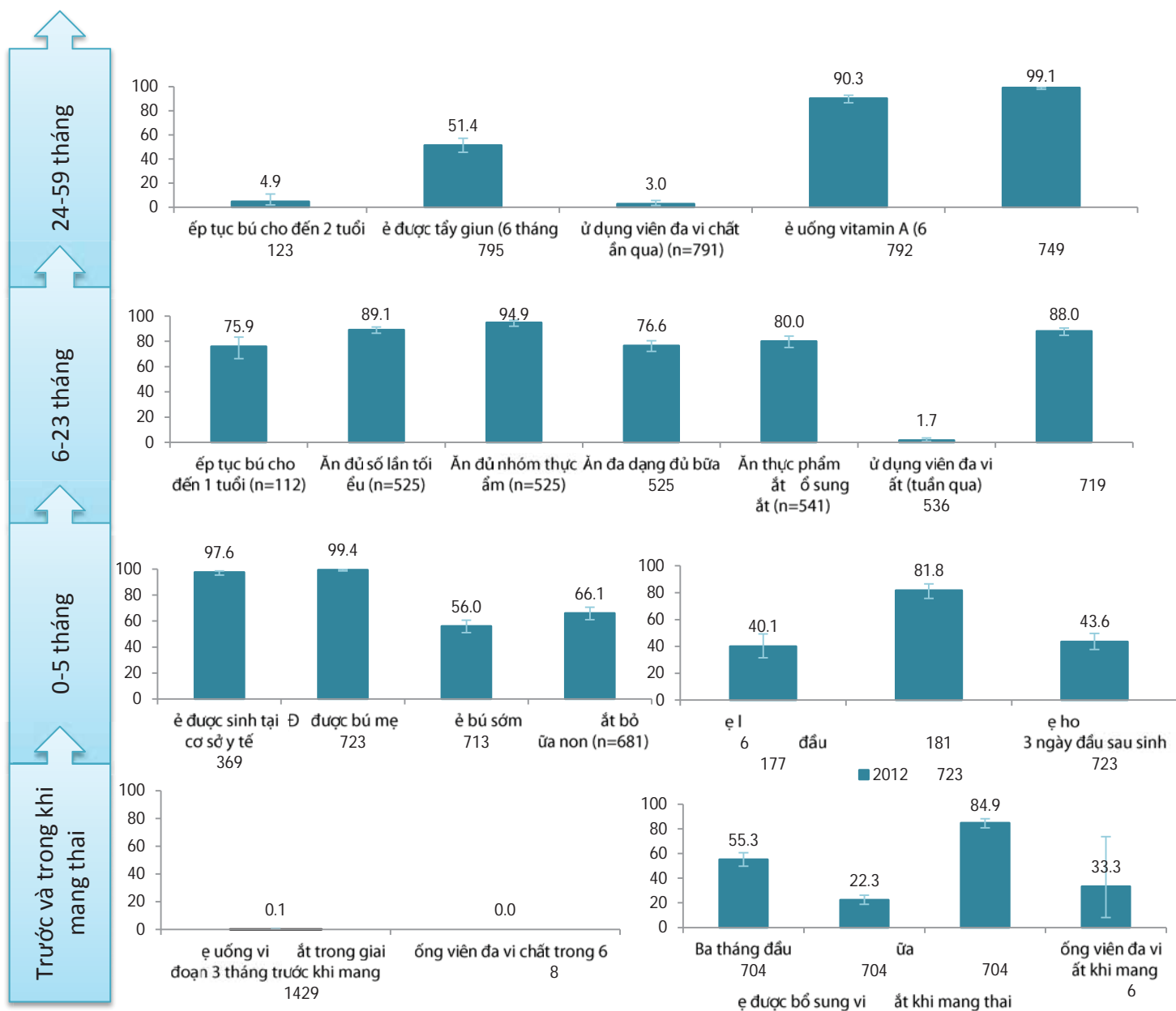
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



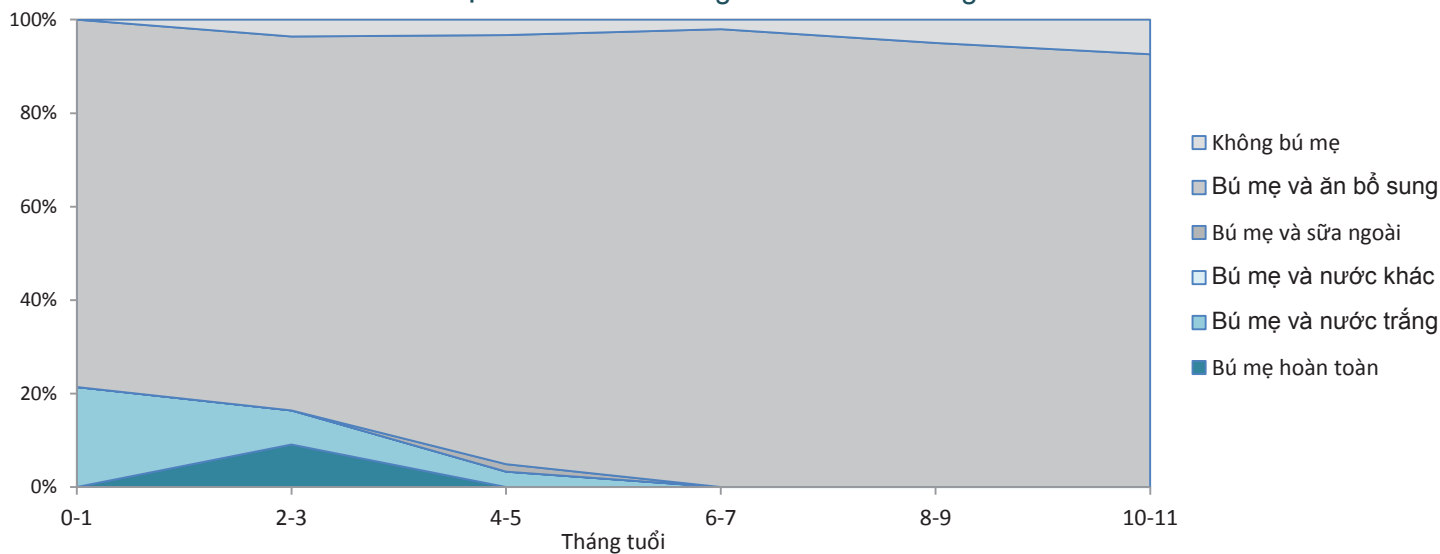
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



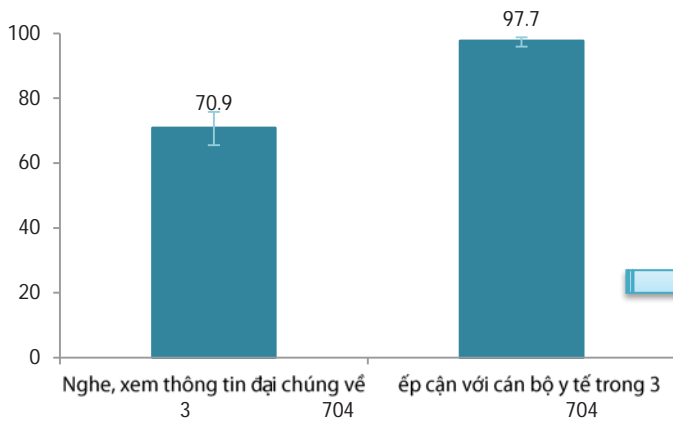
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



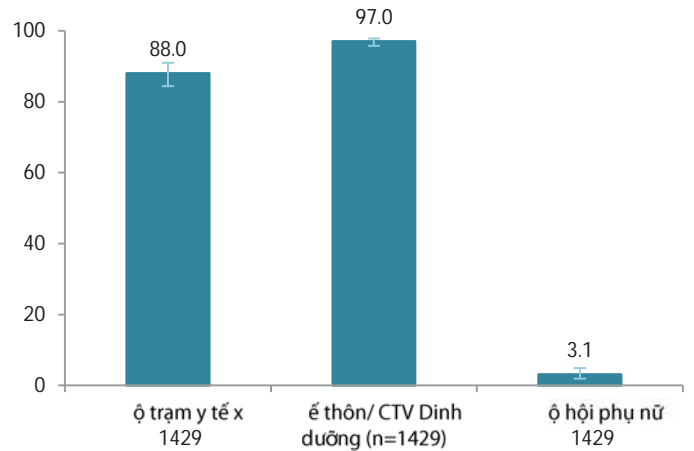
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Lạng Sơn

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

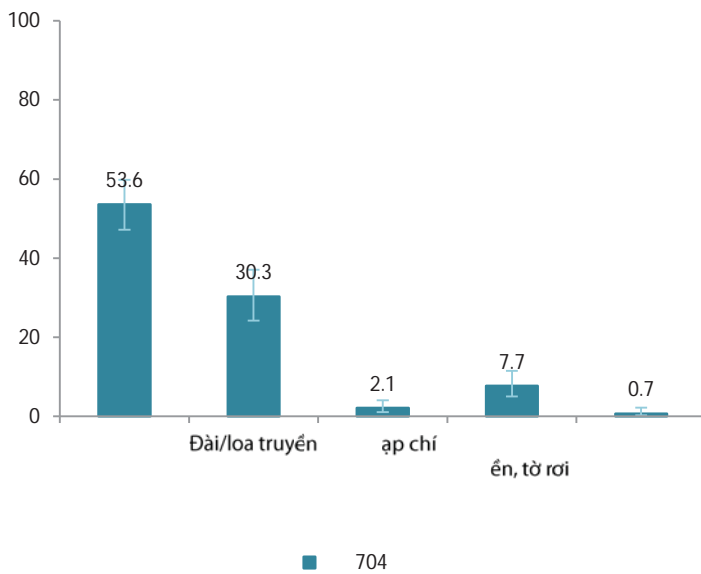
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



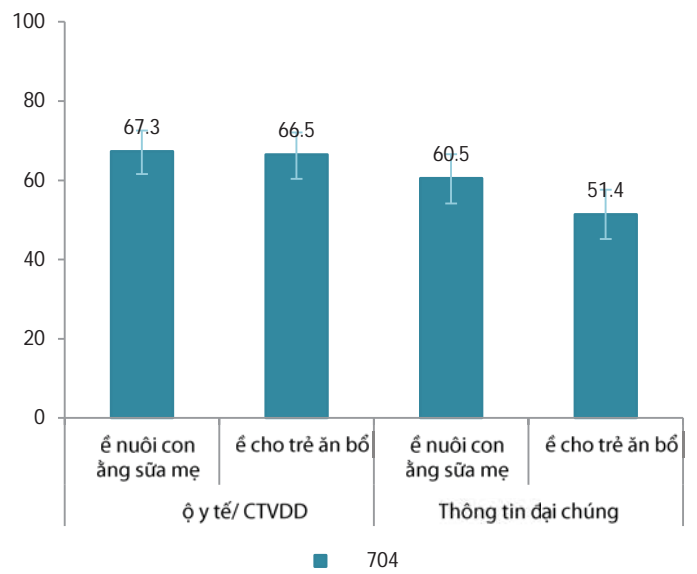
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



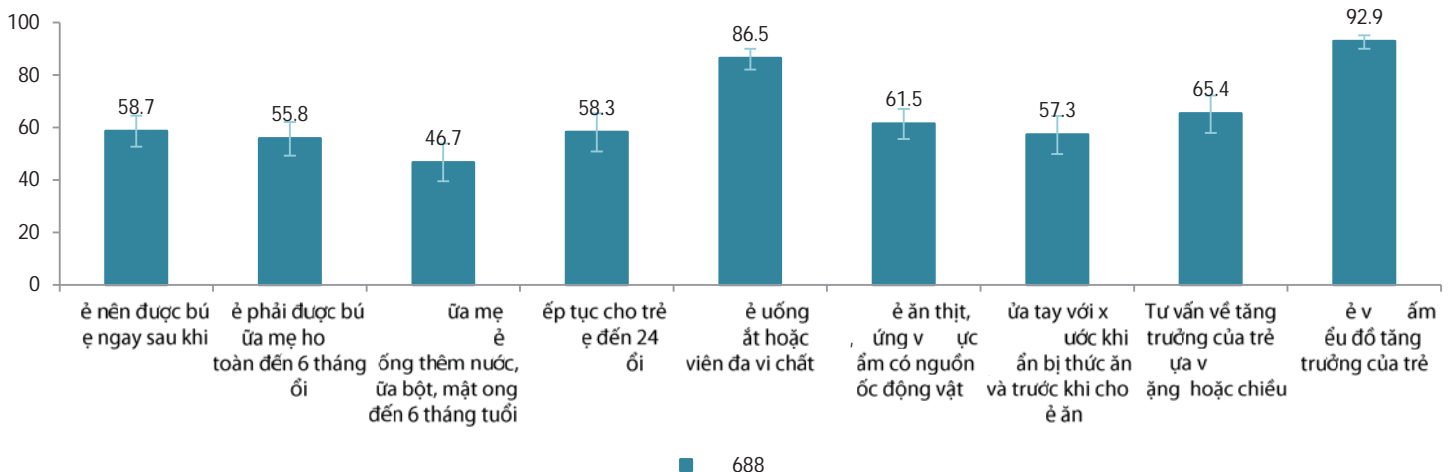
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 8%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 95.1% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 6.7%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 28.8%, nhẹ cân là 19.7% và gầy còm là 6.9%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 3.6%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 77.1%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 40.4% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 71.8%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 93.2%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 90.8%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 97.4%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

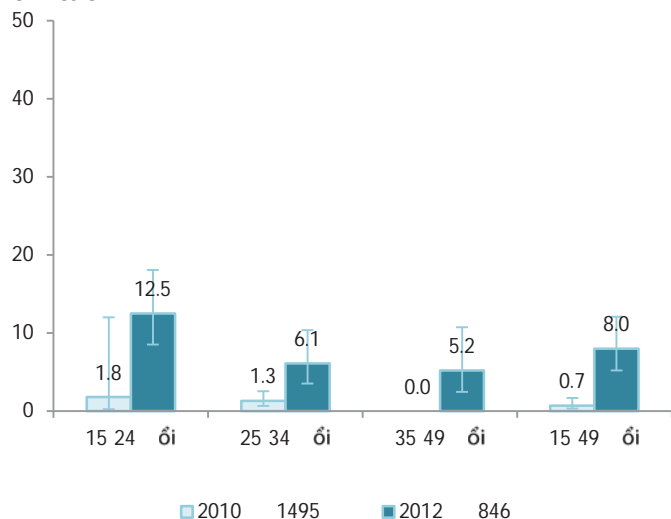
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 5 | Số bệnh viện | 12 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 141 | Số phòng khám đa khoa | 13 |
| Số thôn/bản | 2,062 | Số trạm y tế xã | 141 |
| Dân số | 731,581 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 64,685 | Số bác sỹ | 444 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 26,586 | Số y sỹ | 629 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 362 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 53.8% | Số nữ hộ sinh | 209 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 26.8% | Số y tế thôn bản | 2,062 |

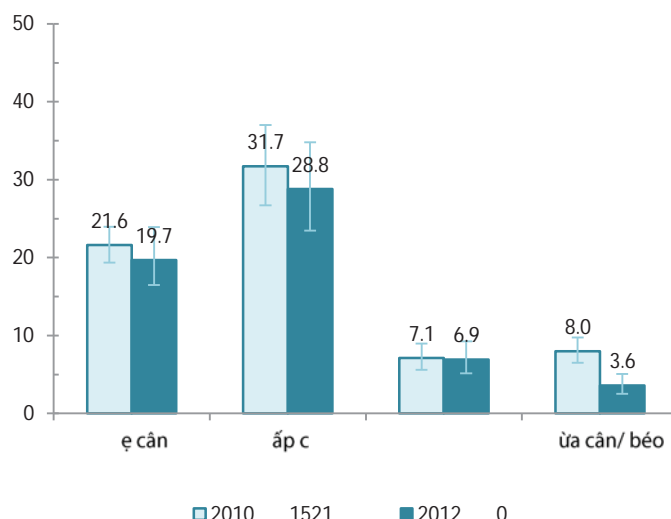
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

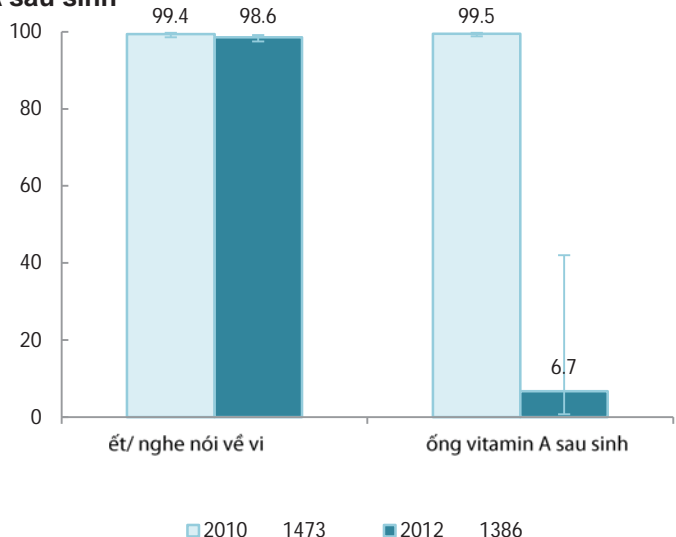
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



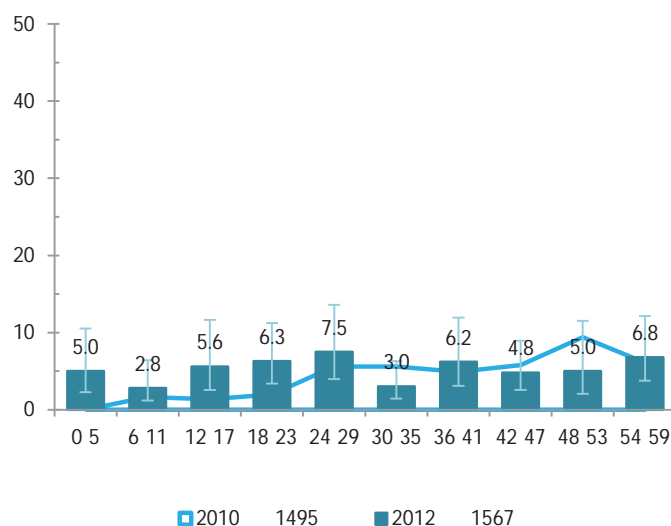
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



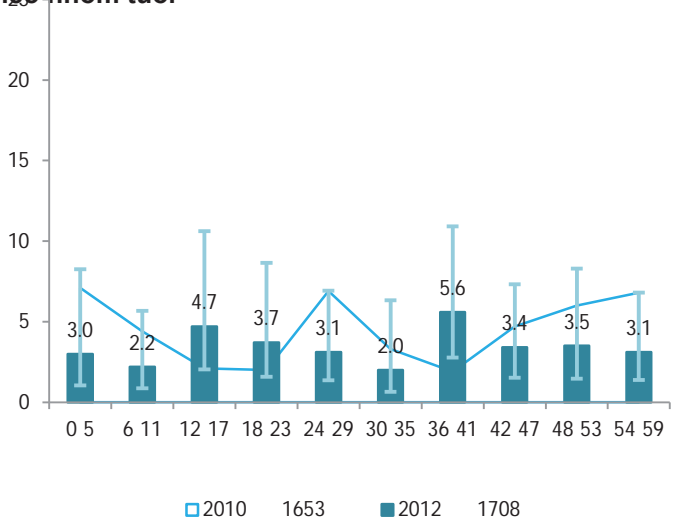
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



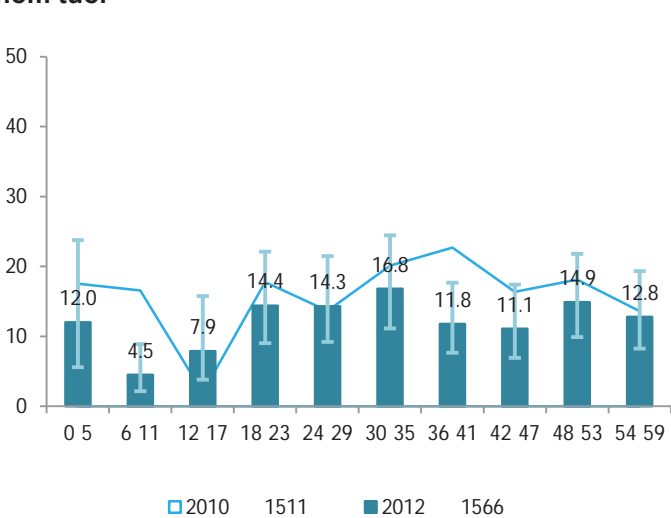
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



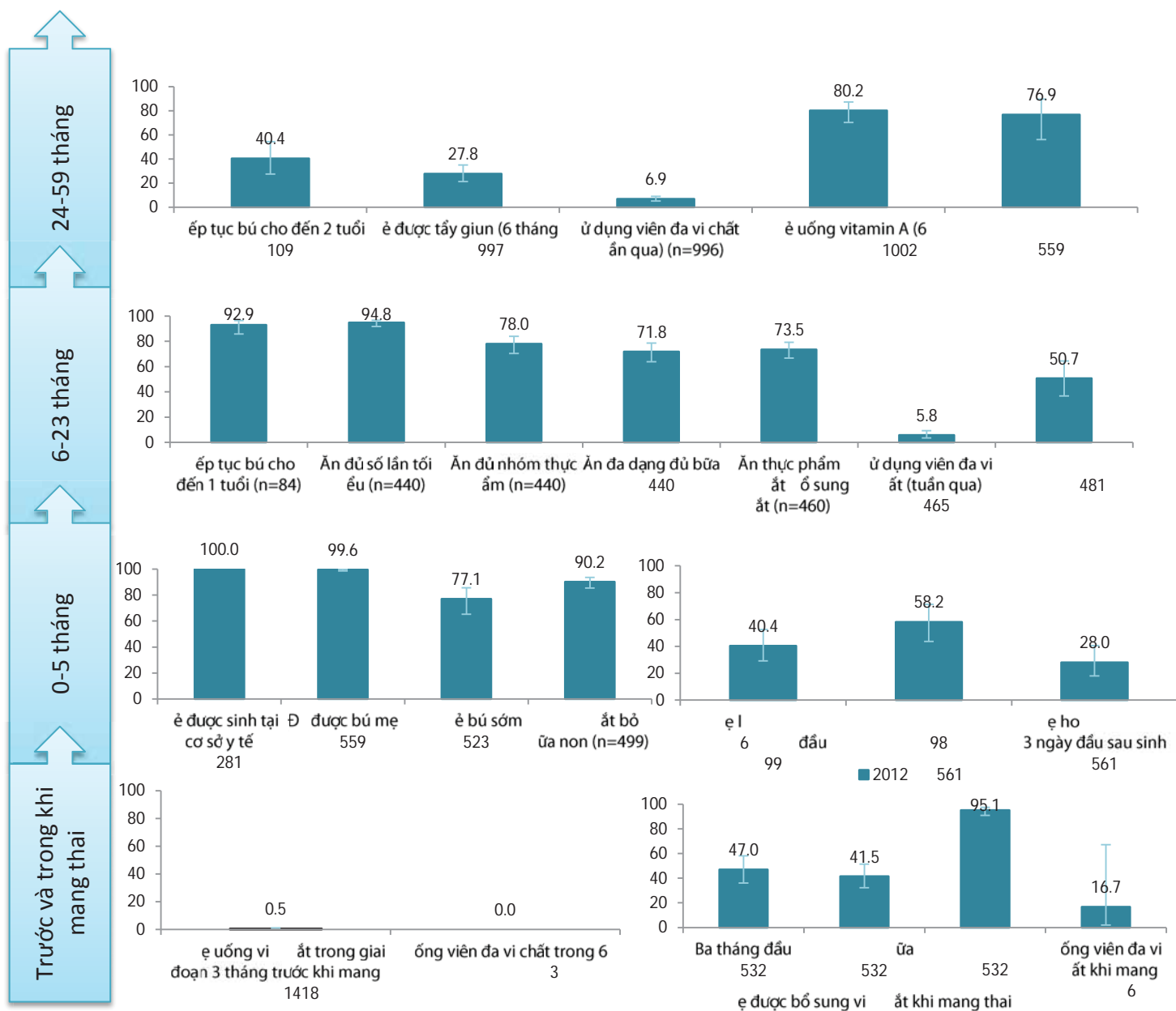
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



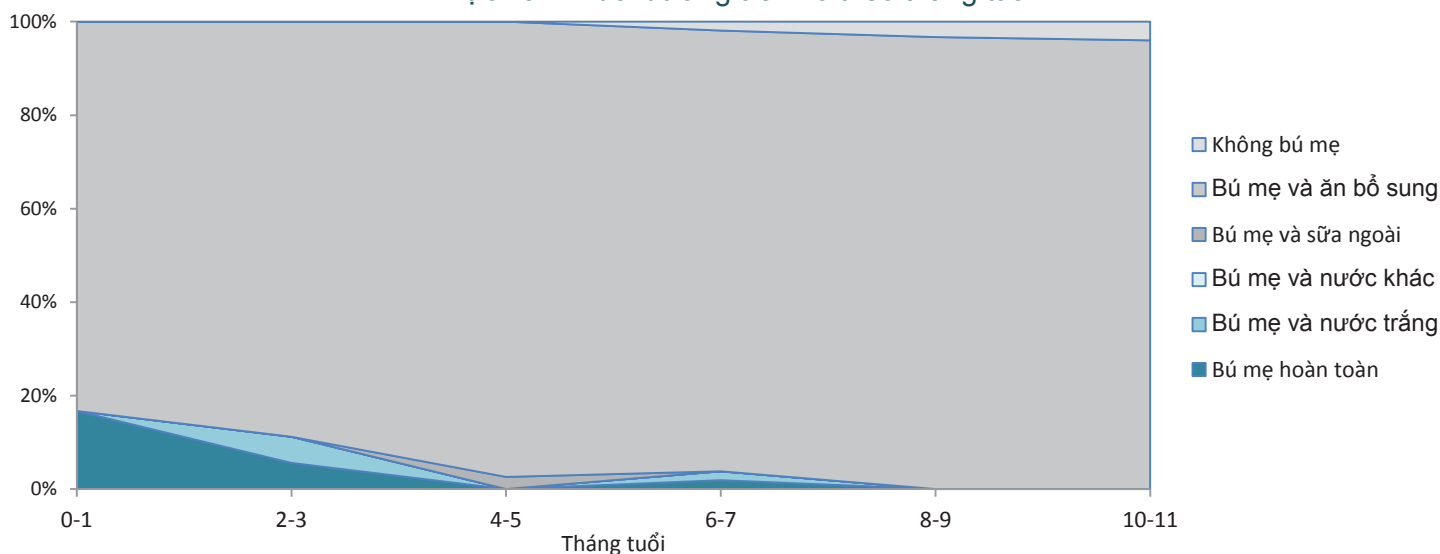
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



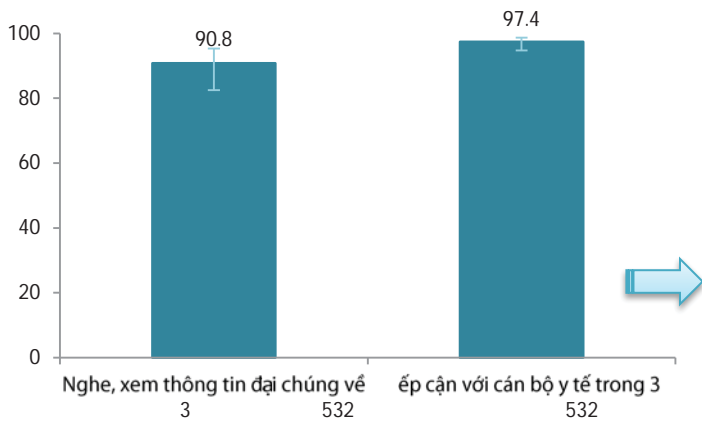
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



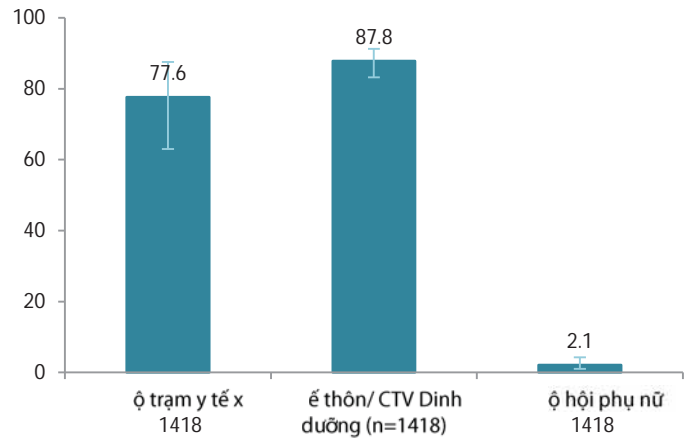
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
Tuyên u ng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

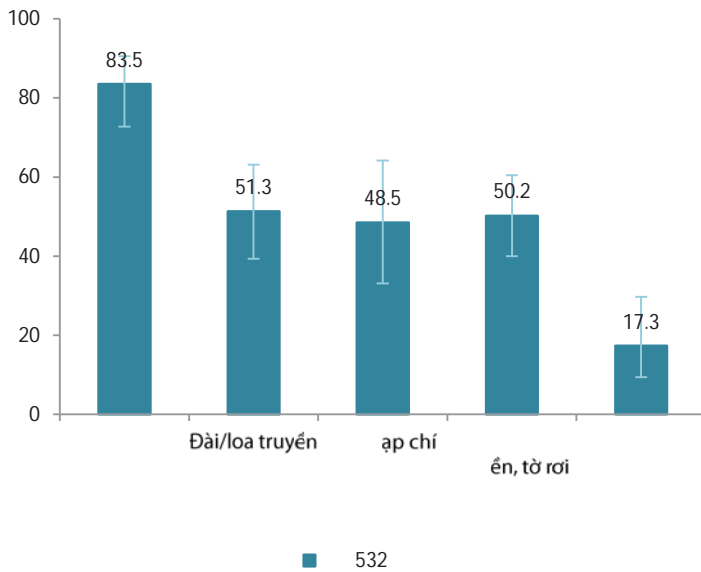
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



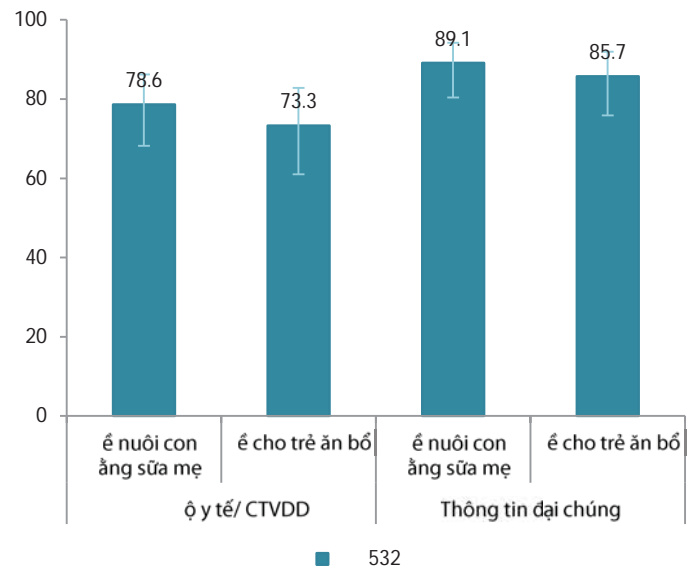
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



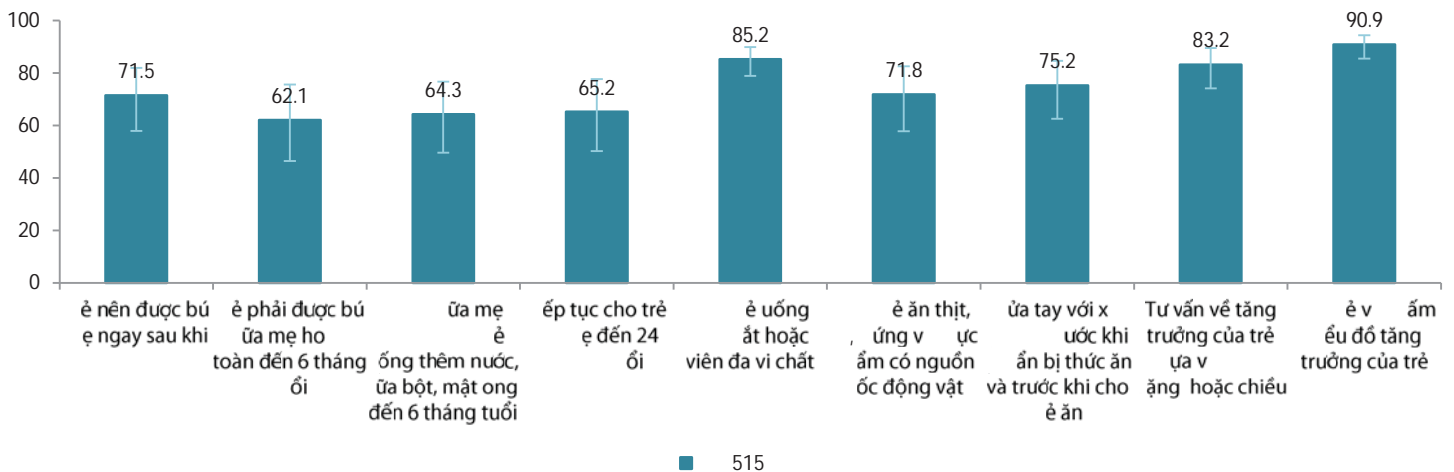
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 11.7%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 67.3% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 68.5%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 30.1%, nhẹ cân là 20.8% và gầy còm là 7.6%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.7%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 76.6%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 31.8% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 76.6%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 96.3%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 62.5%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 85.3%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

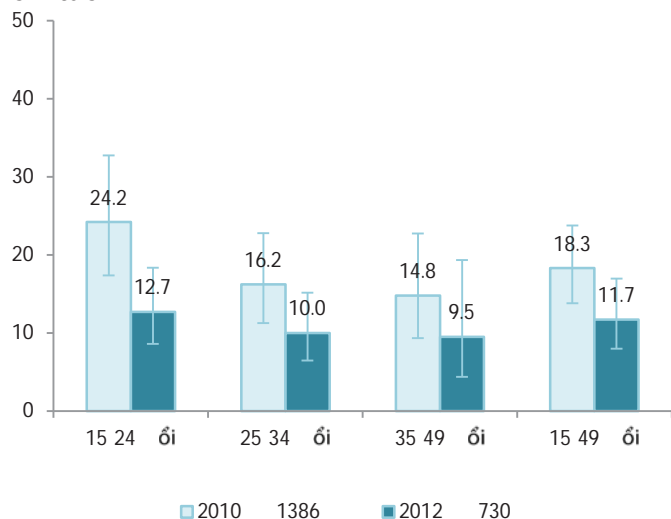
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 8 | Số bệnh viện | 14 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 180 | Số phòng khám đa khoa | 19 |
| Số thôn/bản | 2,282 | Số trạm y tế xã | 180 |
| Dân số | 749,886 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 75,794 | Số bác sỹ | 548 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 31,151 | Số y sỹ | 746 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 707 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 53.7% | Số nữ hộ sinh | 390 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 25.2% | Số y tế thôn bản | 1,885 |

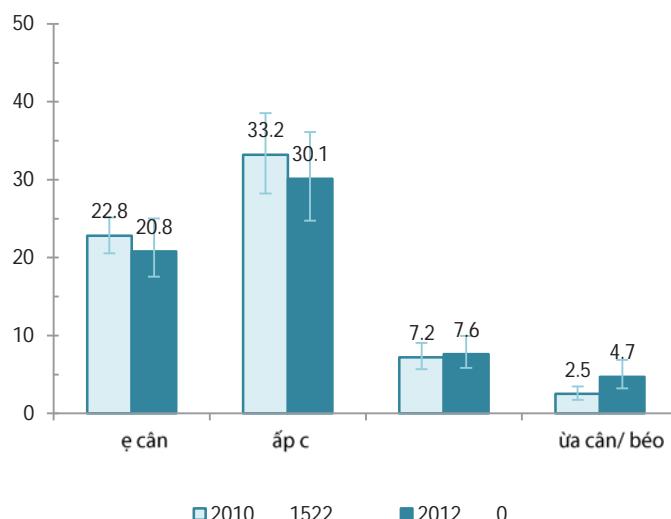
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

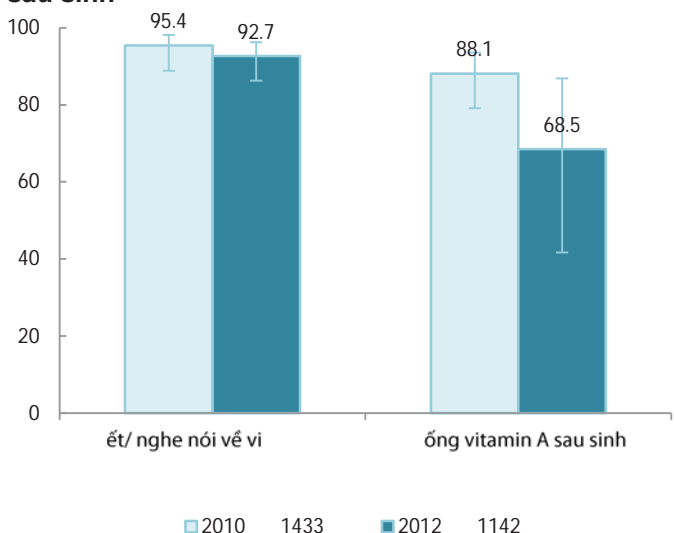
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



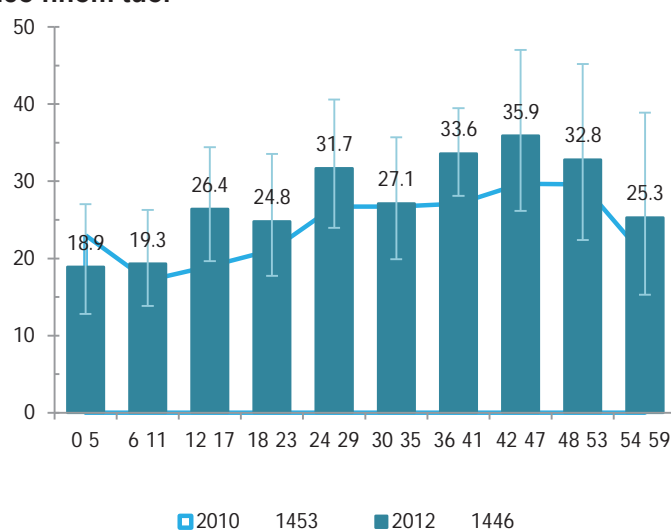
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



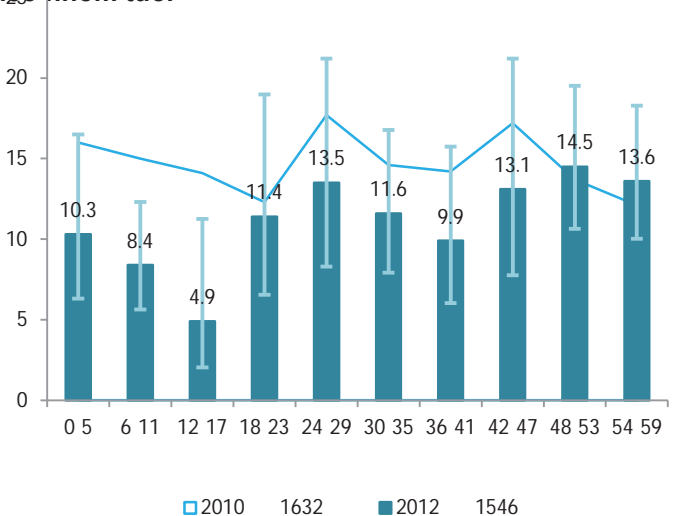
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



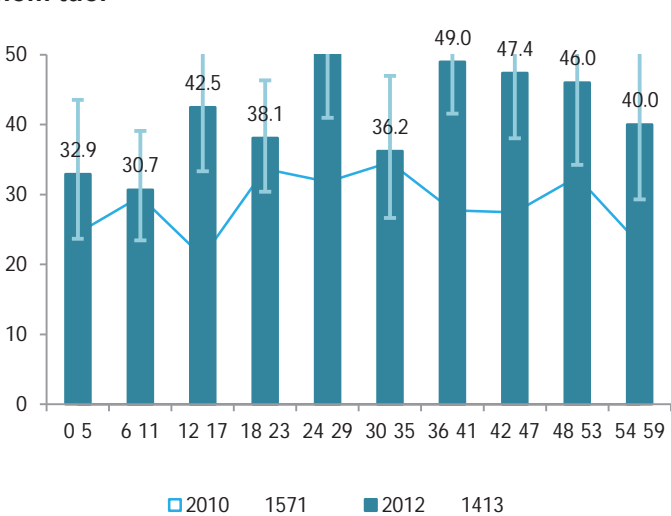
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



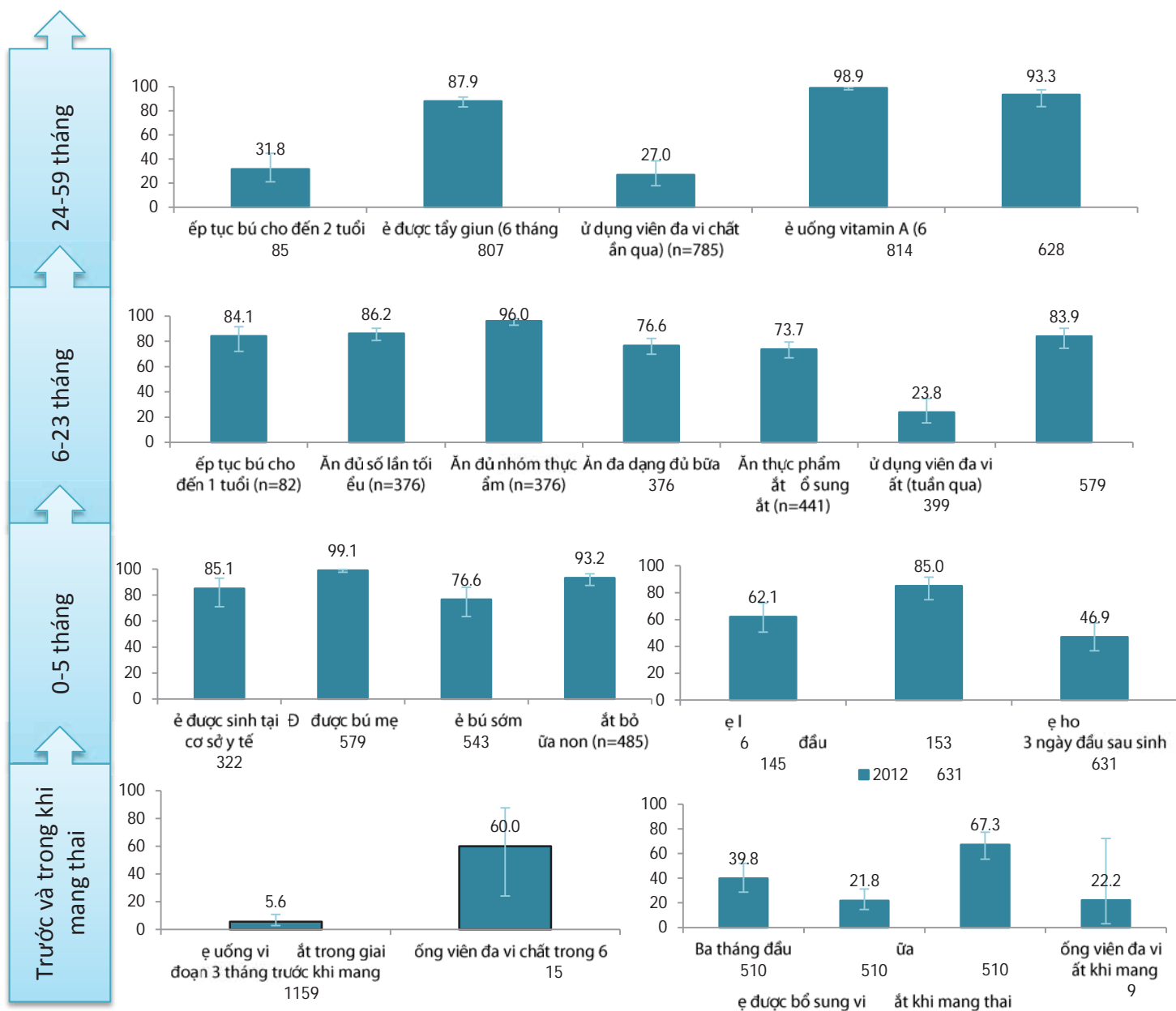
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



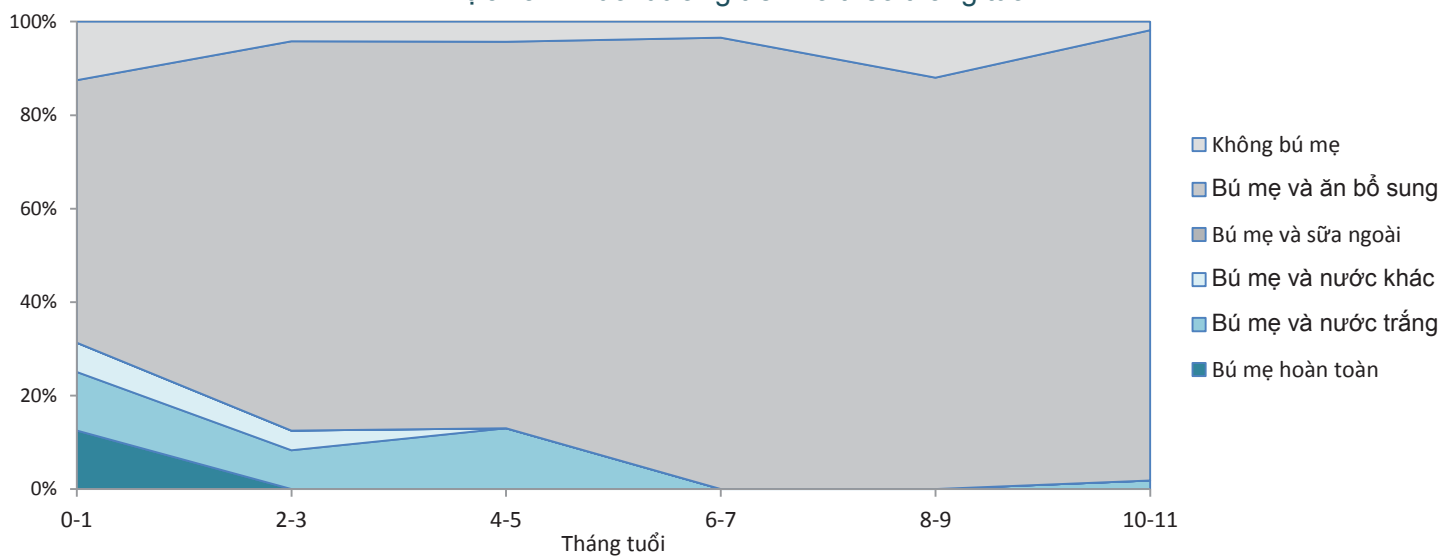
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. ện

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



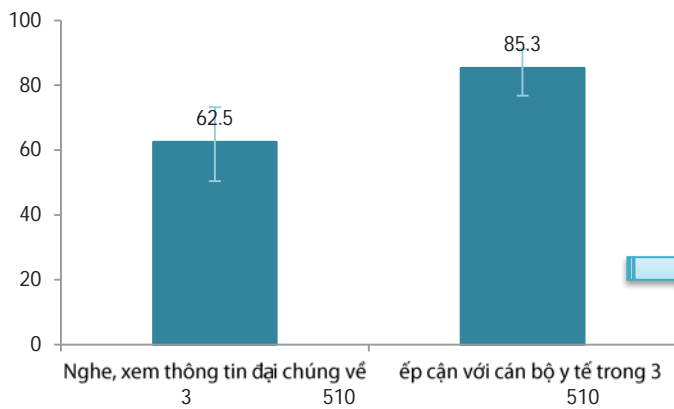
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



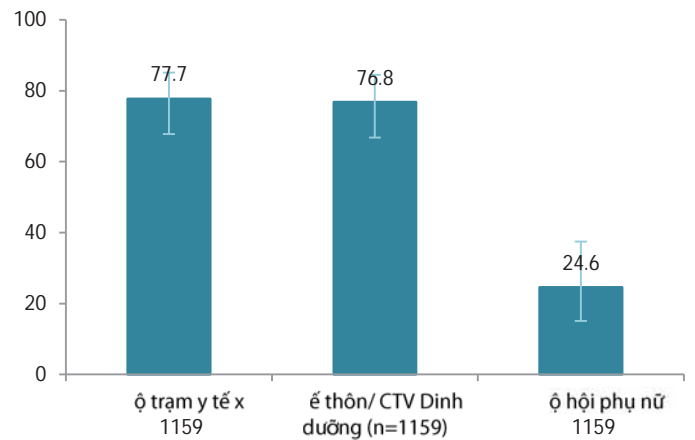
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng Quốc gia

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

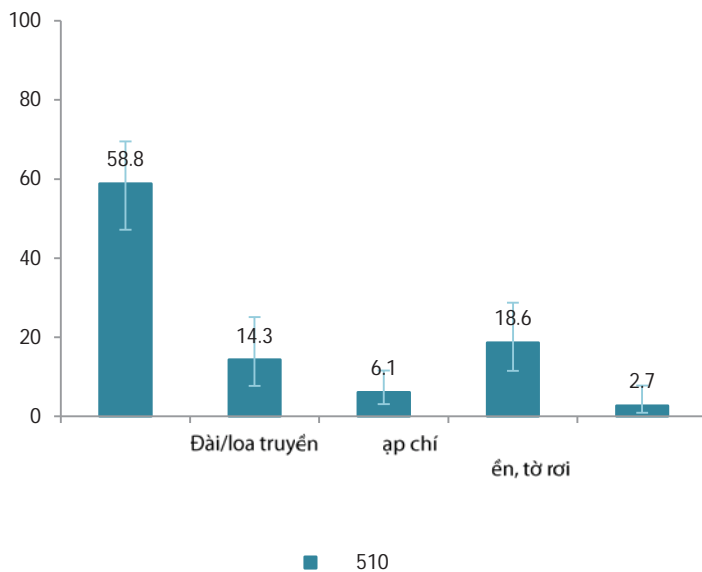
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



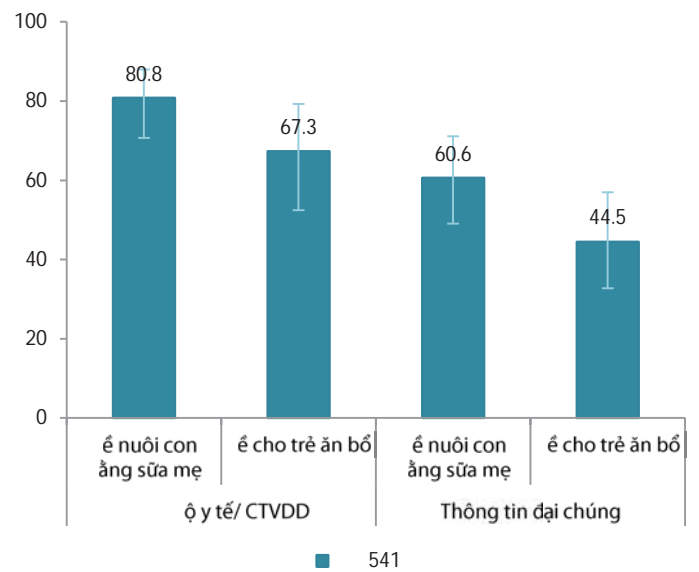
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



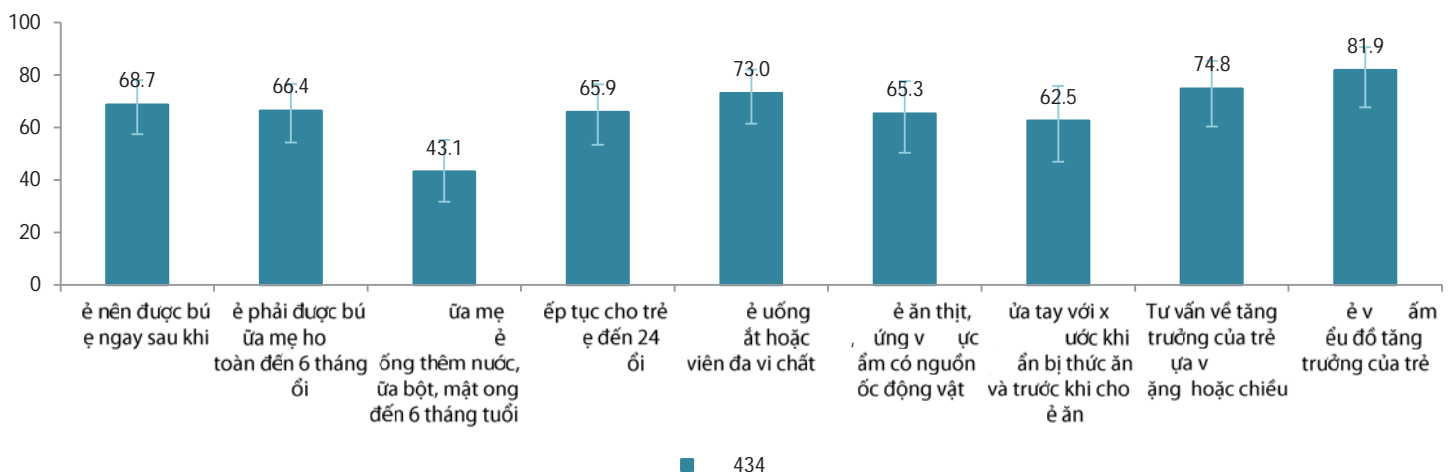
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 19.4%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 61.5% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 75%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 26.4%, nhẹ cân là 16.7% và gầy còm là 6.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 2.3%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 55.6%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 15.4% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 70.2%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 93.3%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 31.9%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 33.7%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

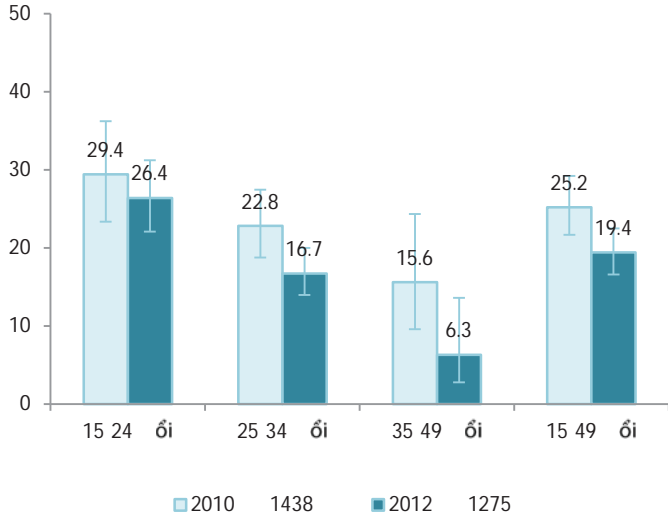
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 8 | Số bệnh viện | 15 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 180 | Số phòng khám đa khoa | 13 |
| Số thôn/bản | 2,967 | Số trạm y tế xã | 180 |
| Dân số | 1,135,606 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 97,875 | Số bác sỹ | 771 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 40,227 | Số y sỹ | 564 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,392 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 26.9% | Số nữ hộ sinh | 207 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 16.9% | Số y tế thôn bản | 2,961 |

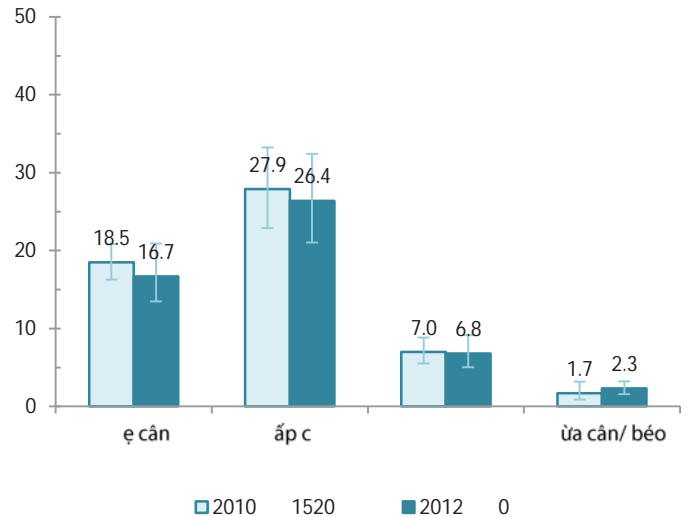
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

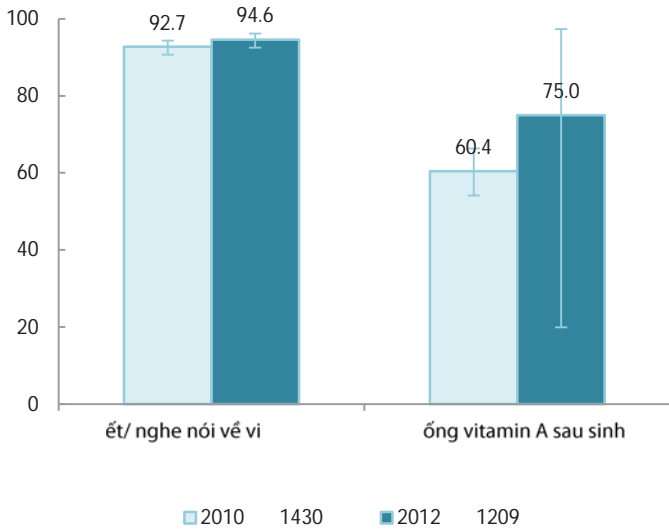
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



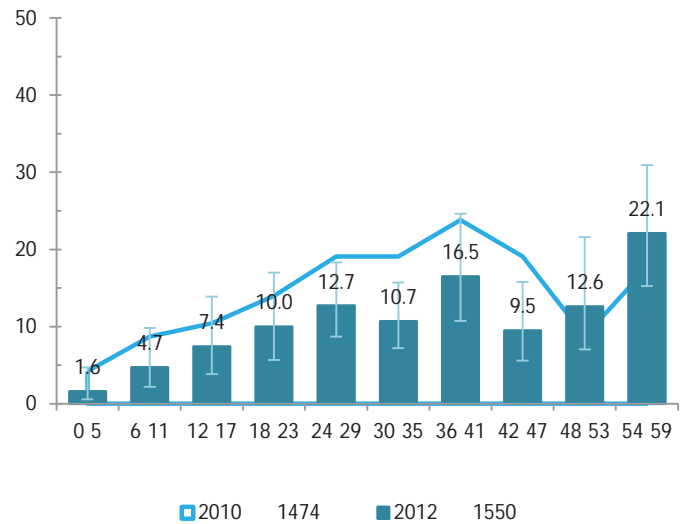
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



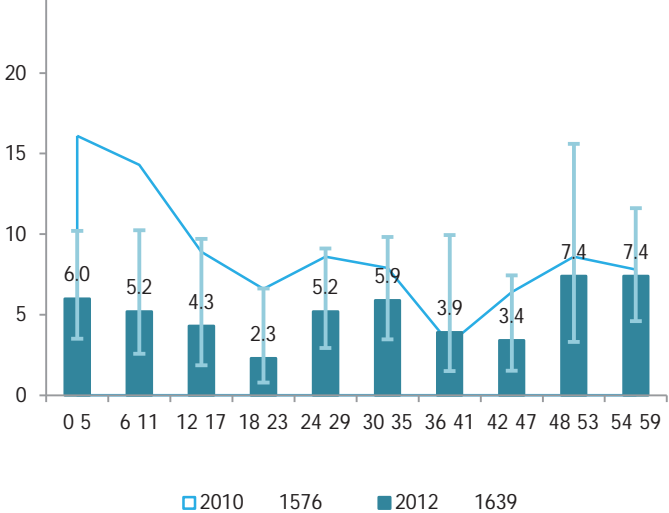
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



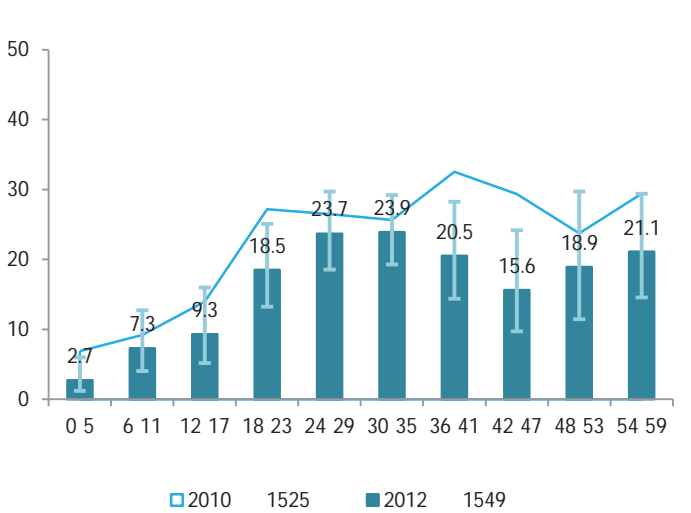
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



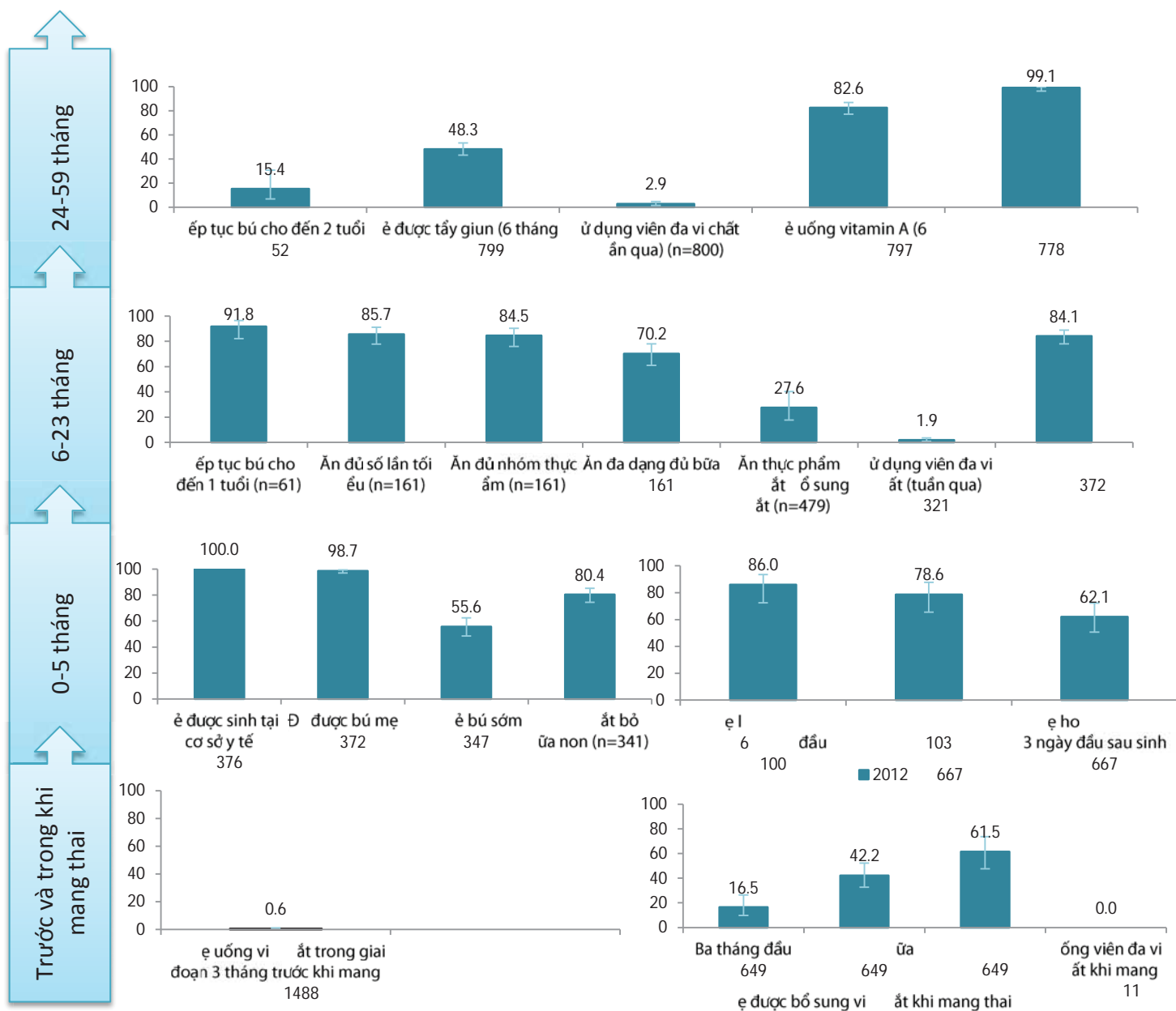
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



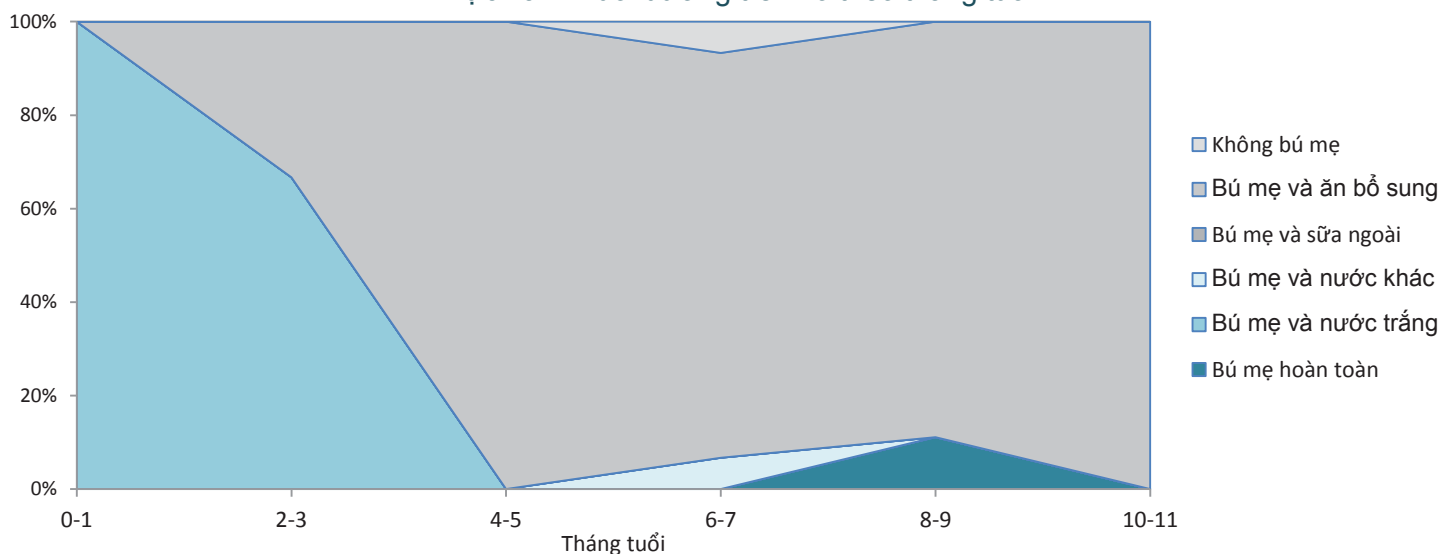
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



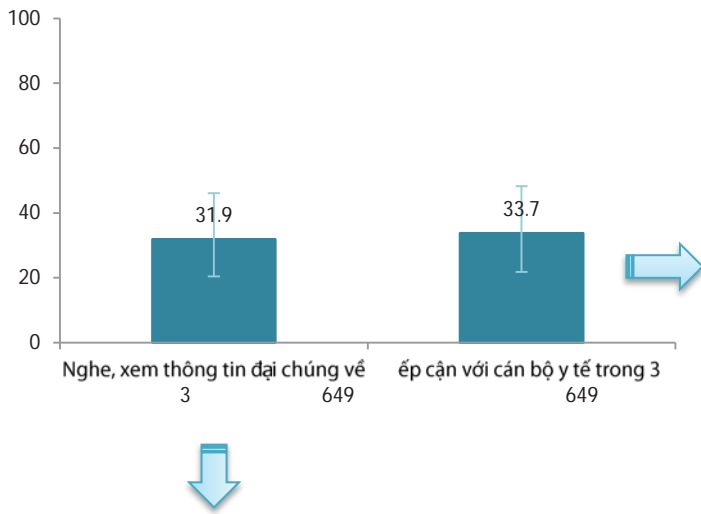
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



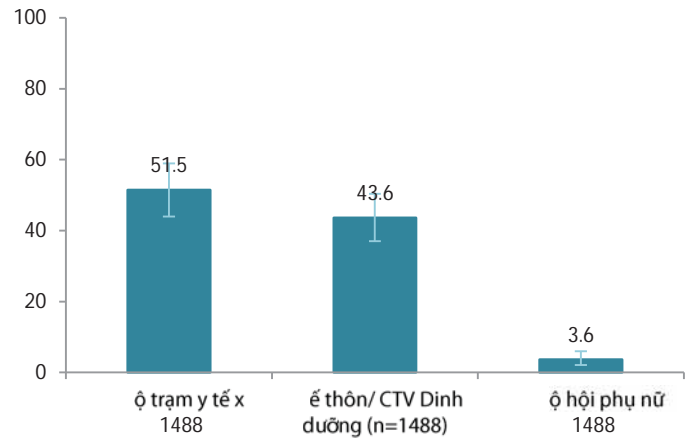
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
T. Nguyễn

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

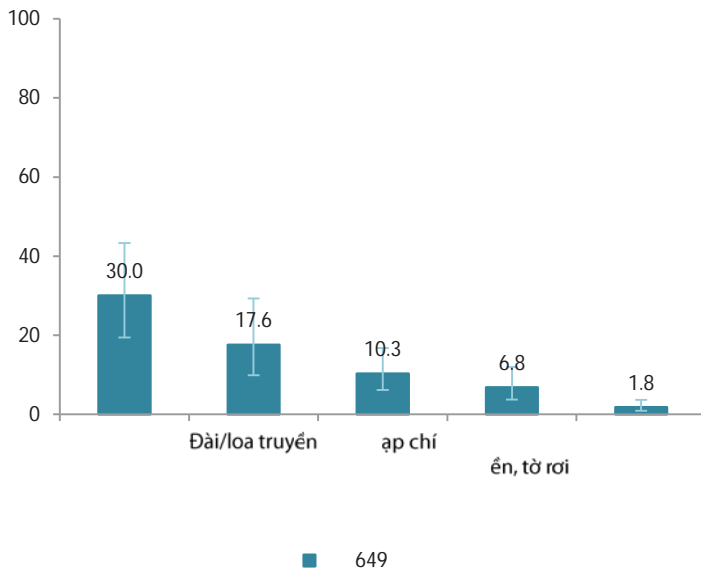
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



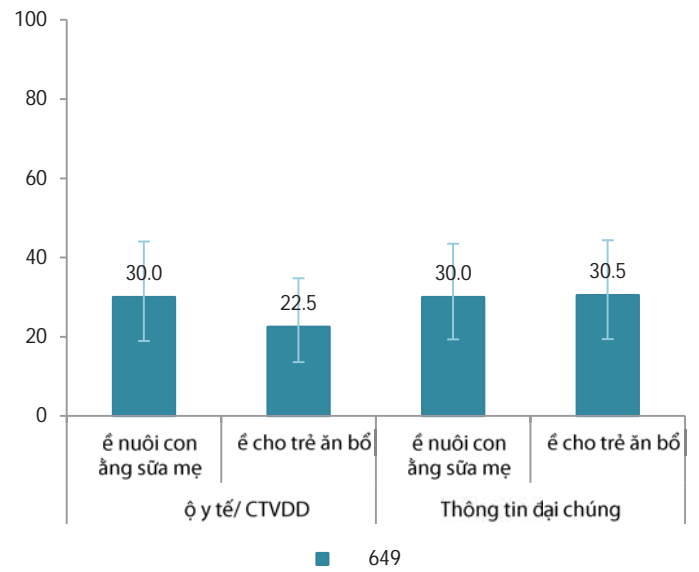
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



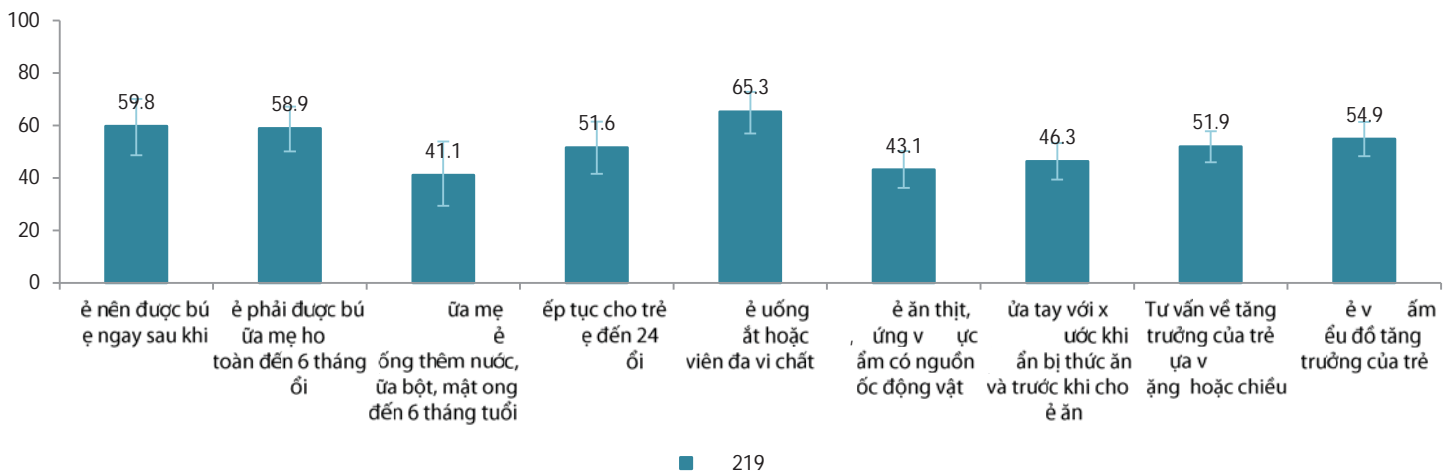
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Phú Thọ

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 23.7%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 86.7% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 28%, nhẹ cân là 17% và gầy còm là 7.6%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 5.2%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 73.3%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 41% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 58.9%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 93.5%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 51.3%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 99.2%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

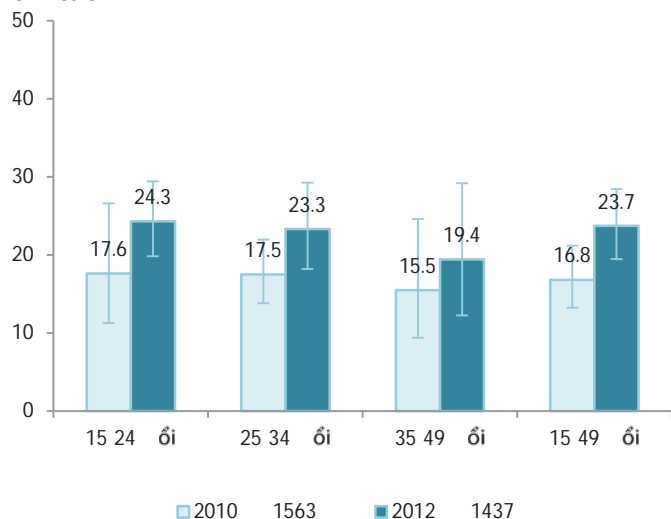
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 12 | Số bệnh viện | 17 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 277 | Số phòng khám đa khoa | |
| Số thôn/bản | 2,874 | Số trạm y tế xã | 275 |
| Dân số | 1,326,197 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 103,274 | Số bác sỹ | 814 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 42,446 | Số y sỹ | 1,072 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 886 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 15.8% | Số nữ hộ sinh | 210 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 17.0% | Số y tế thôn bản | 2,874 |

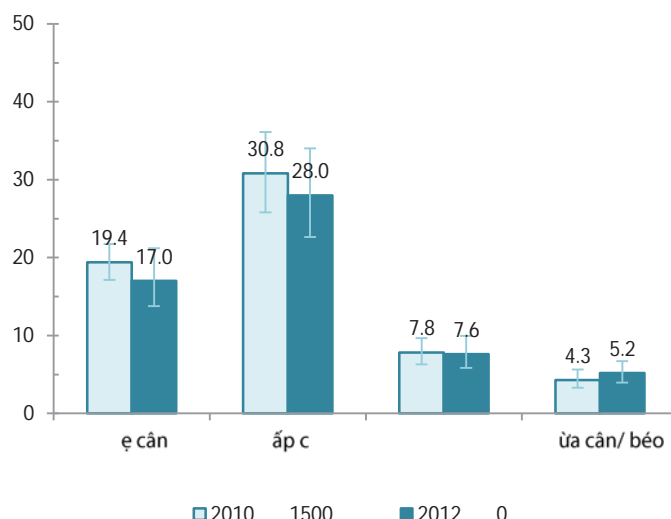
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

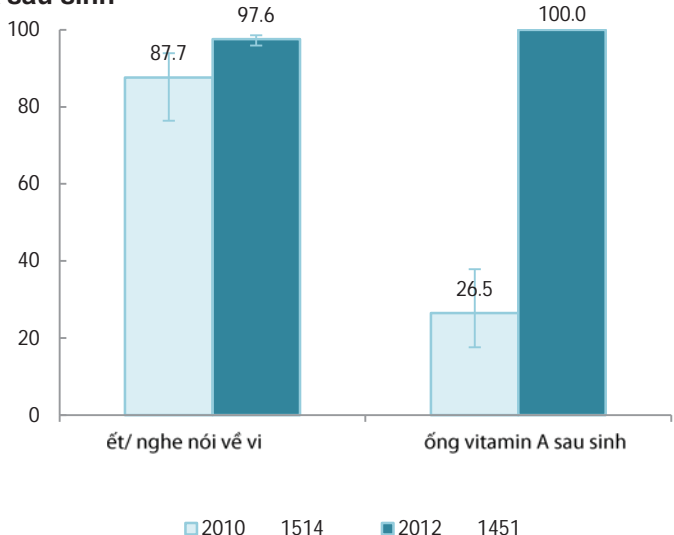
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



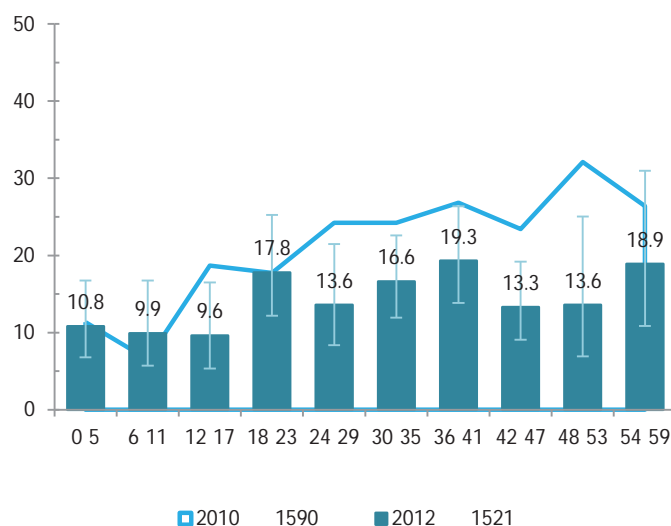
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



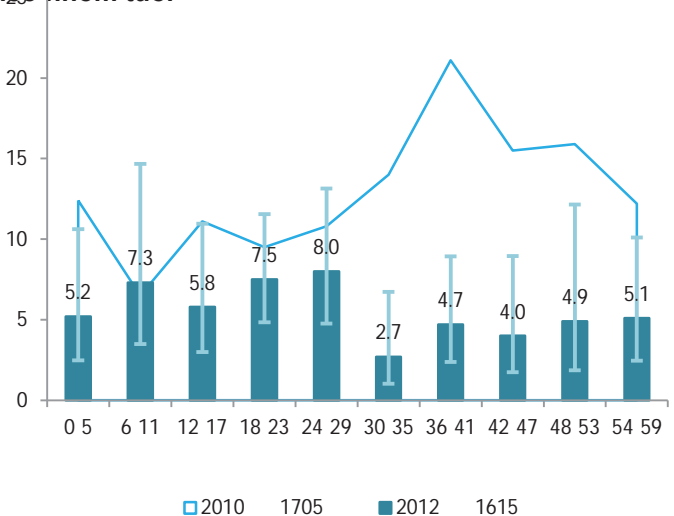
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



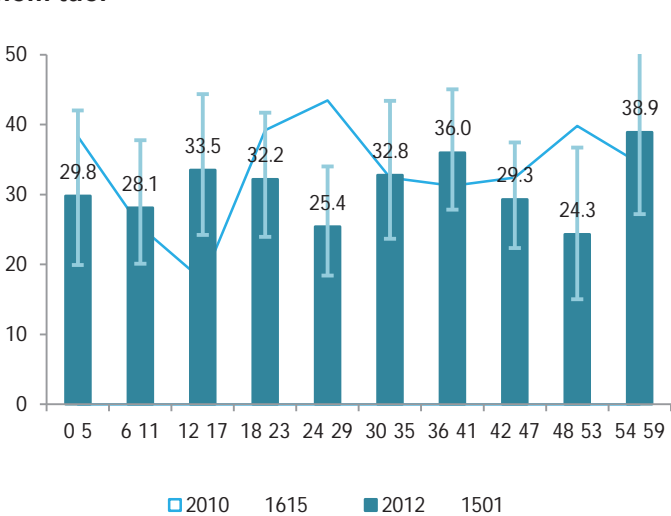
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



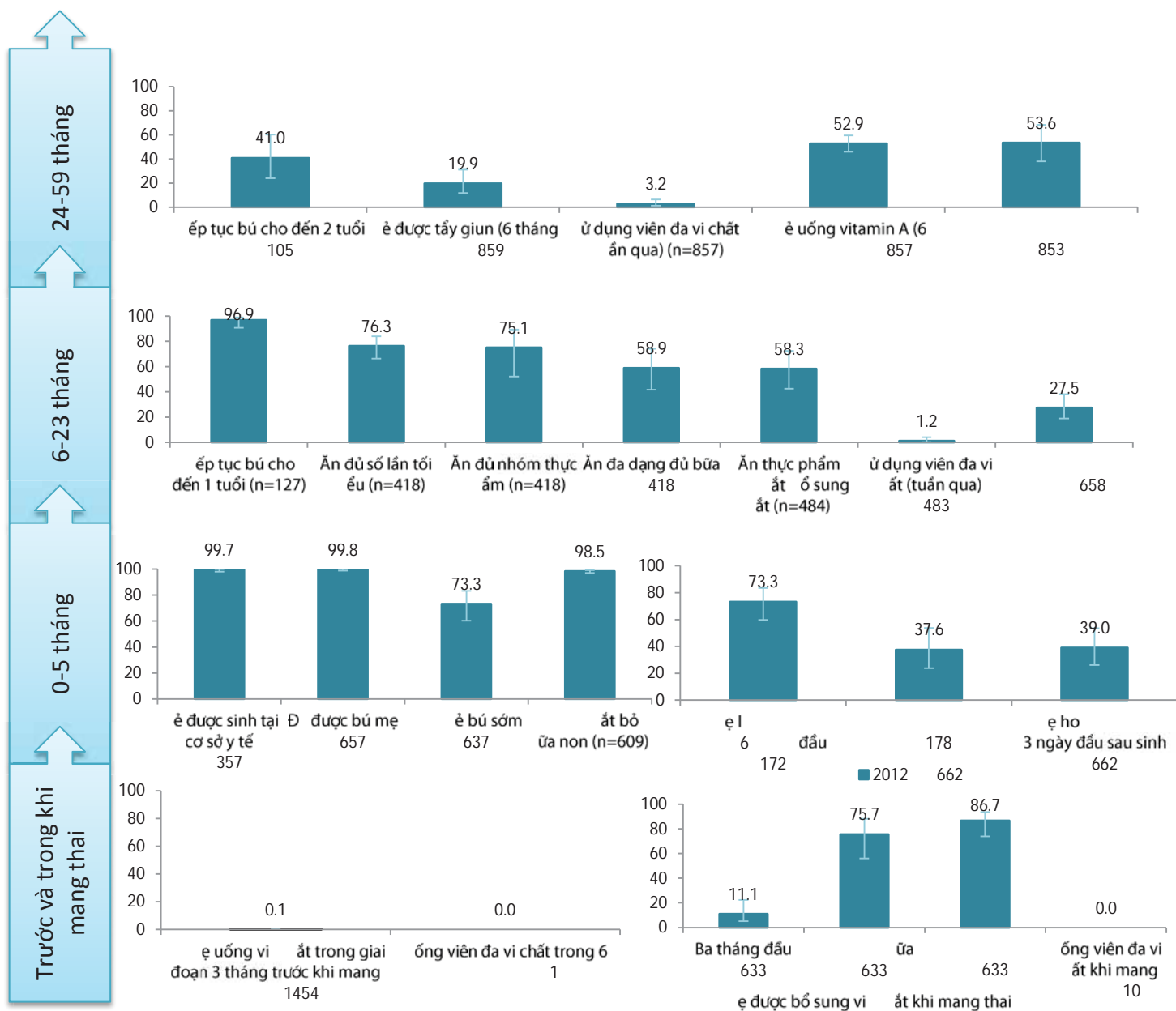
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



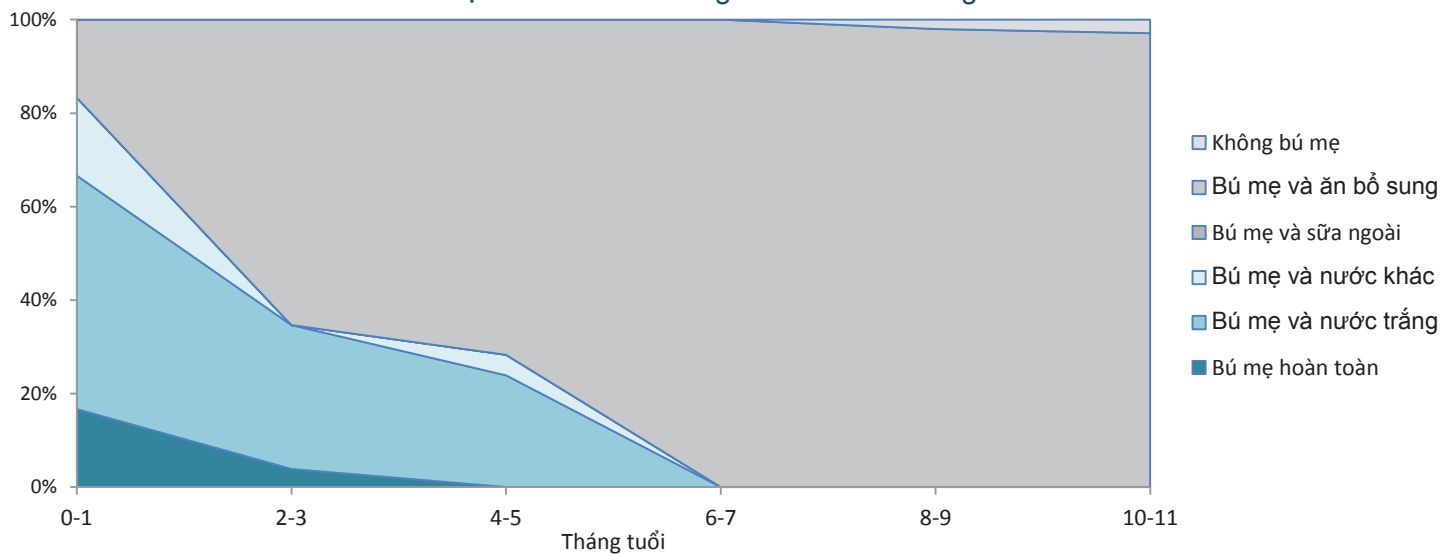
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

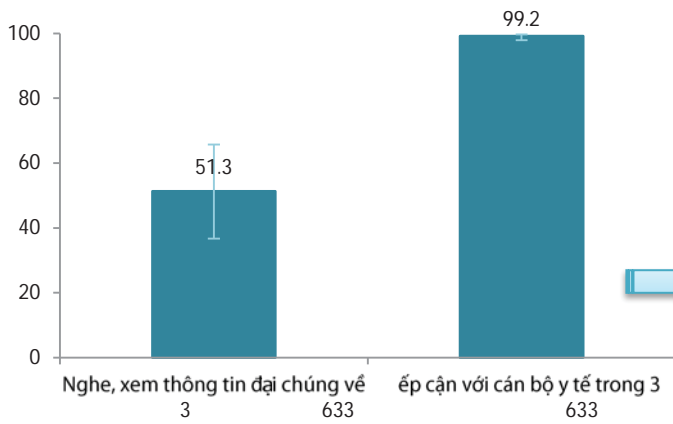


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

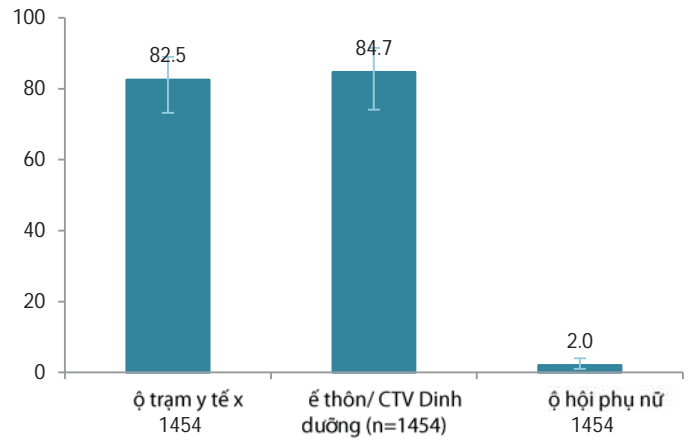
3 Phú Thọ

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

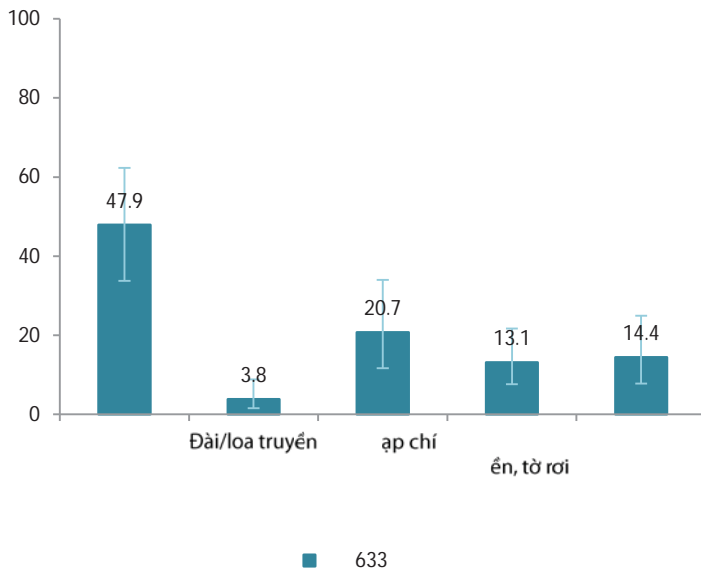
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



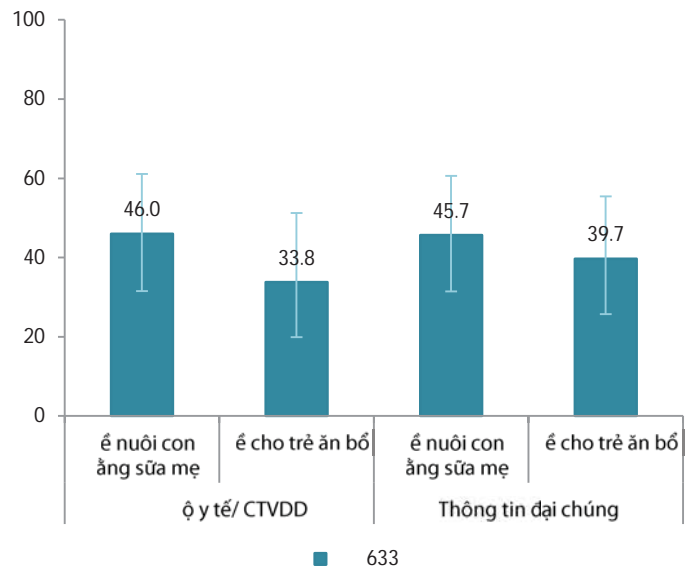
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



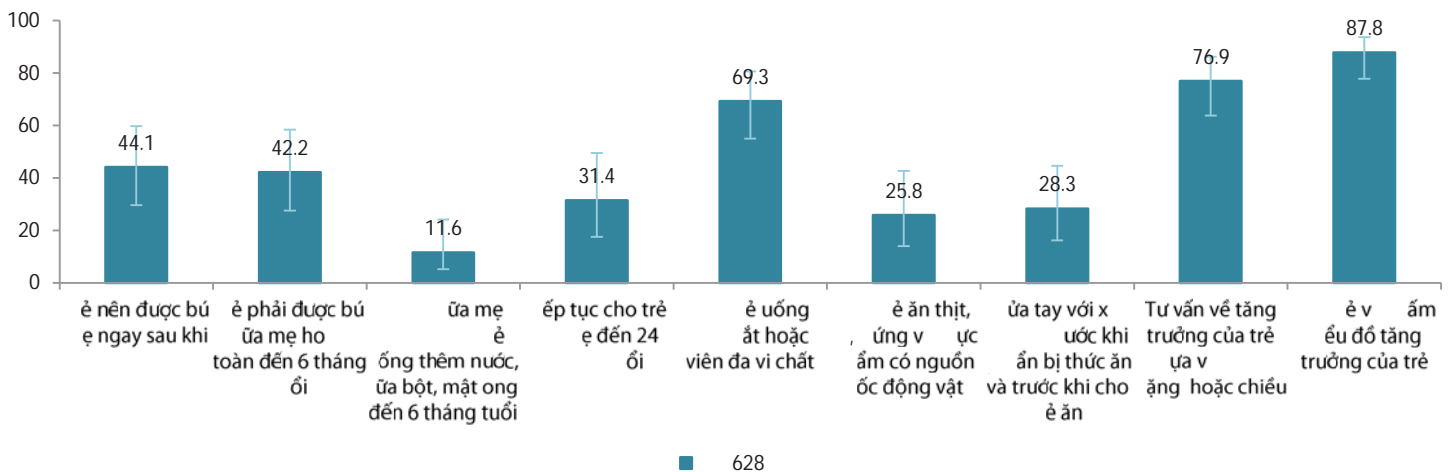
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Vĩnh Phúc

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 16.8%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 45.1% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 0%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 25.8%, nhẹ cân là 16.9% và gầy còm là 6.1%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 3%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 37.6%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 23.9% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 78.1%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 92.8%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 50%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 97.2%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

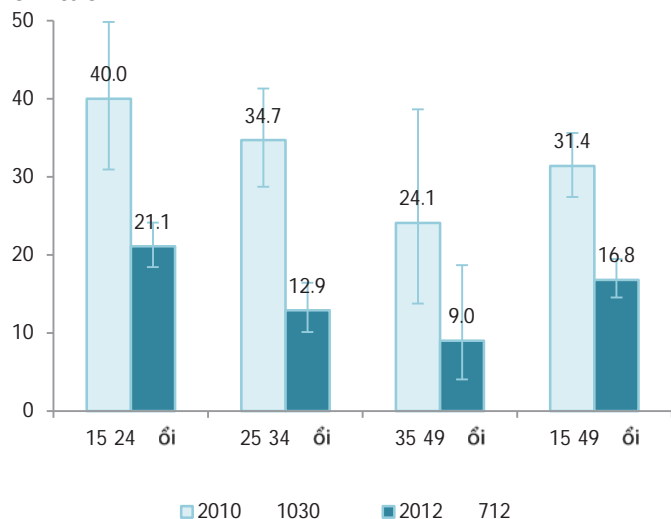
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 8 | Số bệnh viện | 14 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 137 | Số phòng khám đa khoa | 8 |
| Số thôn/bản | 1,434 | Số trạm y tế xã | 138 |
| Dân số | 1,014,254 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 96,937 | Số bác sỹ | 578 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 39,841 | Số y sỹ | 708 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,006 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 4.3% | Số nữ hộ sinh | 230 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 8.8% | Số y tế thôn bản | 1,410 |

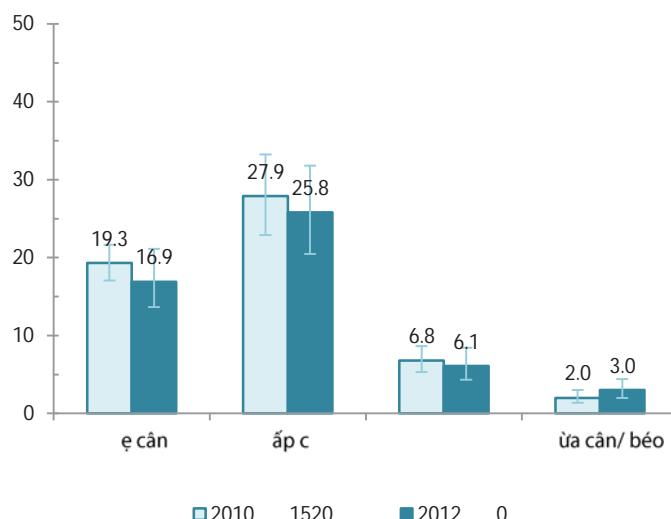
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

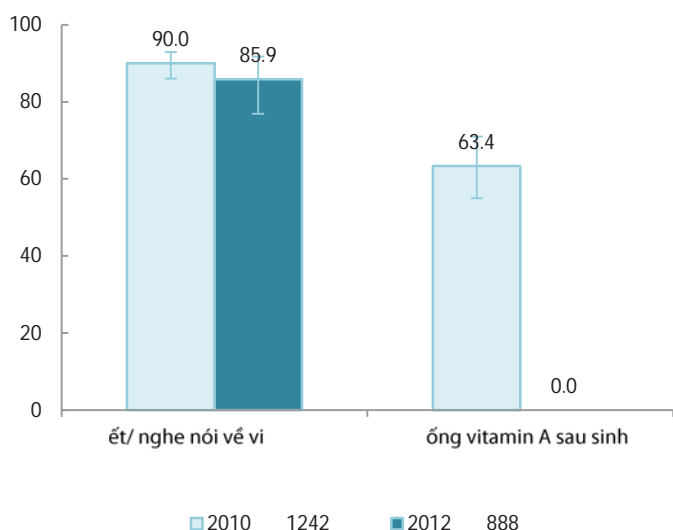
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



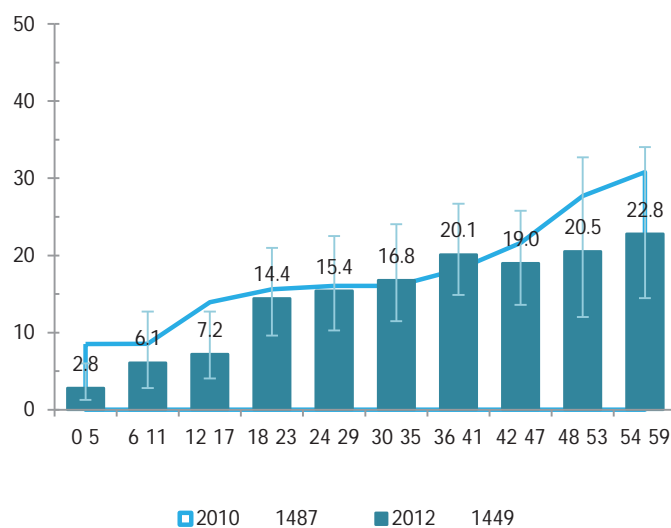
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



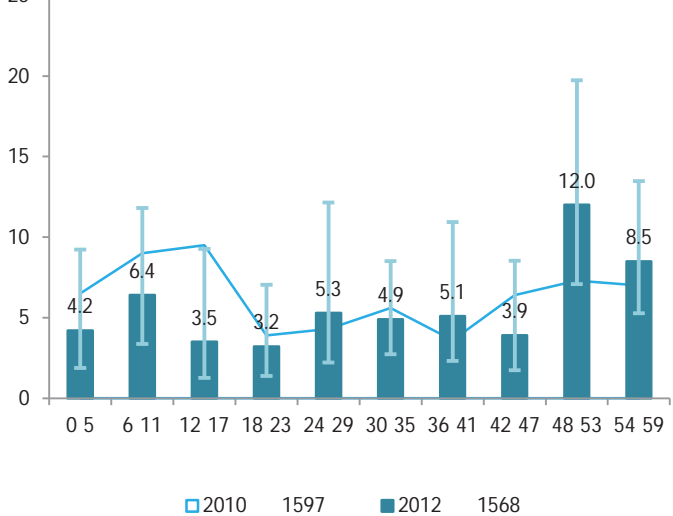
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



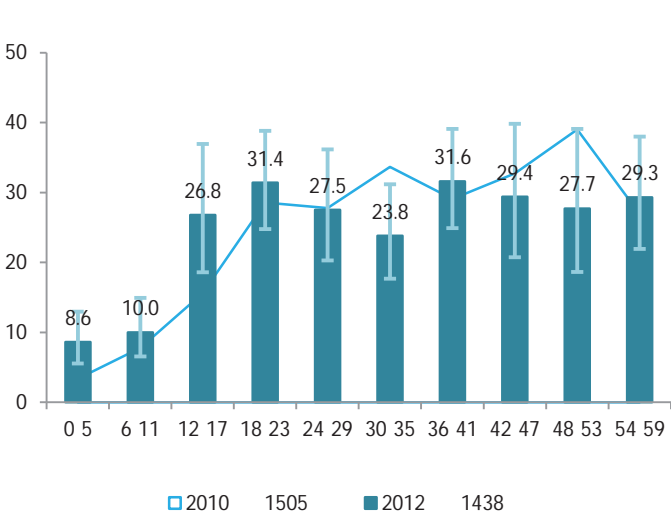
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



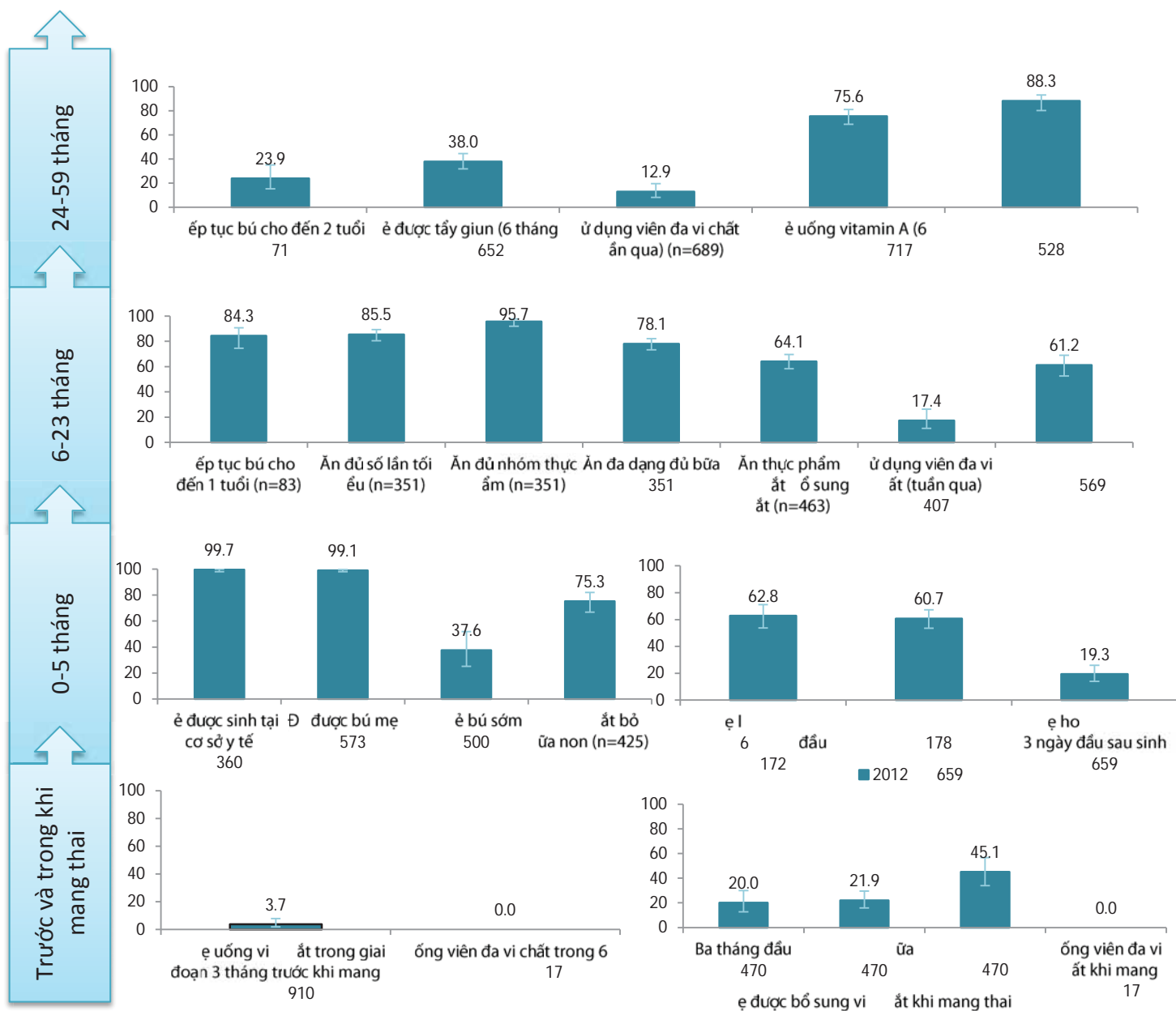
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



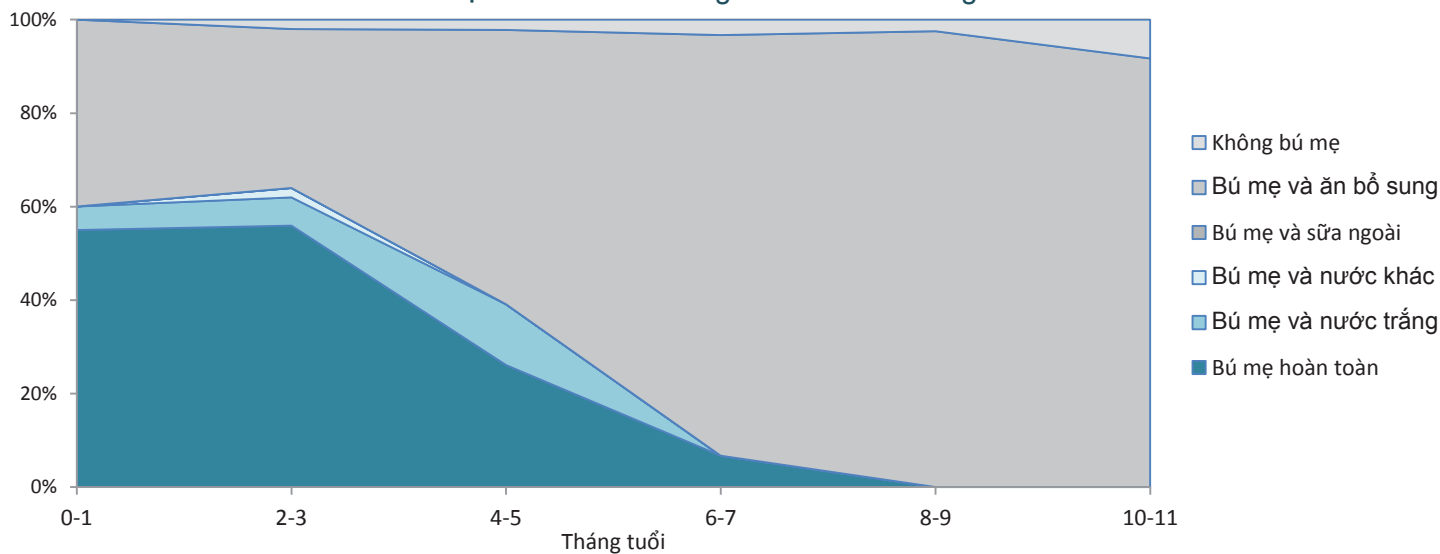
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



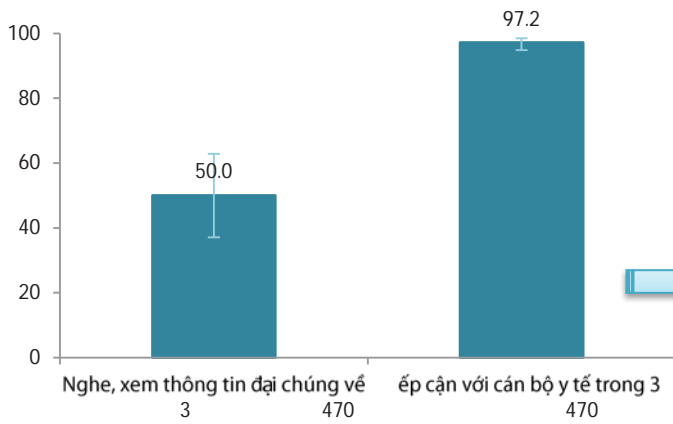
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



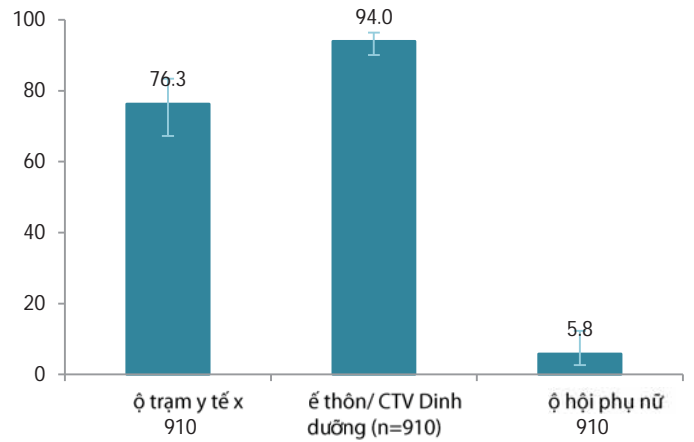
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Vĩnh Phúc

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

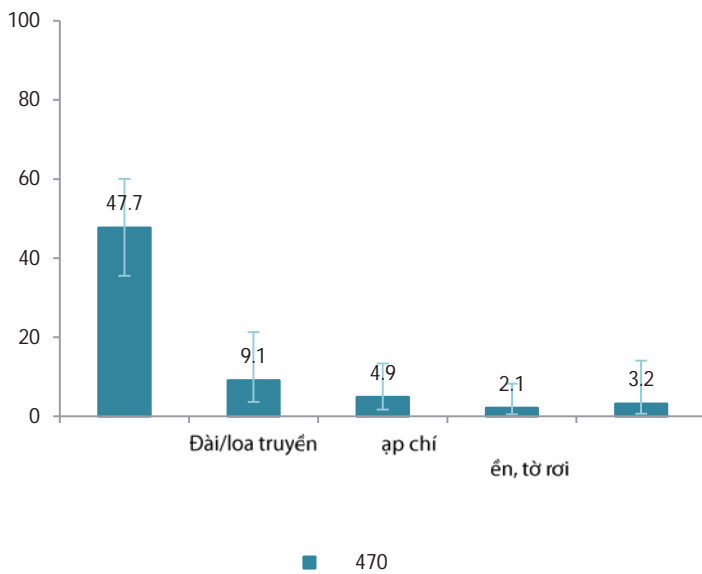
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



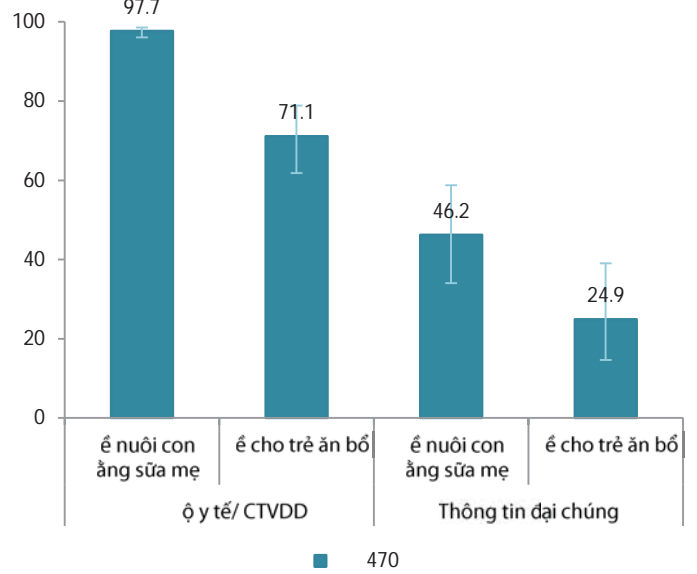
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



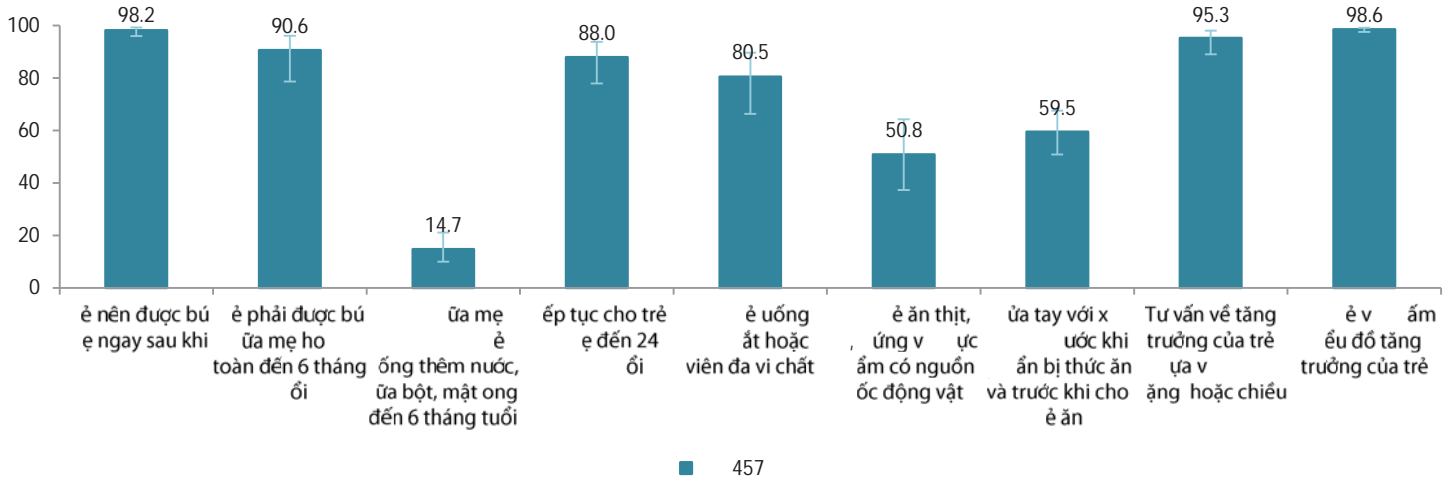
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Bắc Giang

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 20.5%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 89.4% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 0%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 29.5%, nhẹ cân là 17.3% và gầy còm là 7.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.1%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 72.4%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 17.5% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 82.7%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 95.6%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 87%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 88.9%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

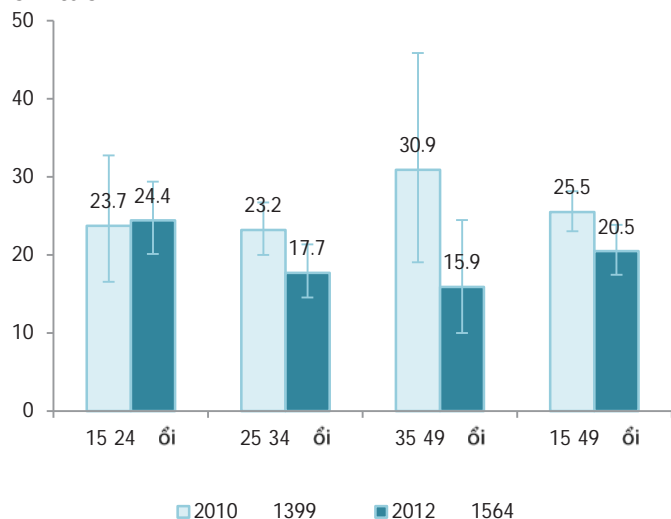
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 9 | Số bệnh viện | 16 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 230 | Số phòng khám đa khoa | 4 |
| Số thôn/bản | 2,440 | Số trạm y tế xã | 230 |
| Dân số | 1,562,697 | Số nhà hộ sinh | 1 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 127,243 | Số bác sỹ | 1,031 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 52,297 | Số y sỹ | 1,138 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,310 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 12.7% | Số nữ hộ sinh | 337 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 16.7% | Số y tế thôn bản | 2,446 |

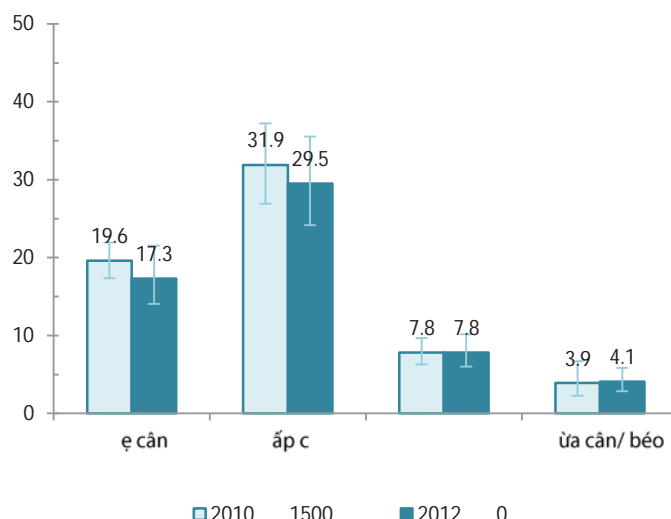
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

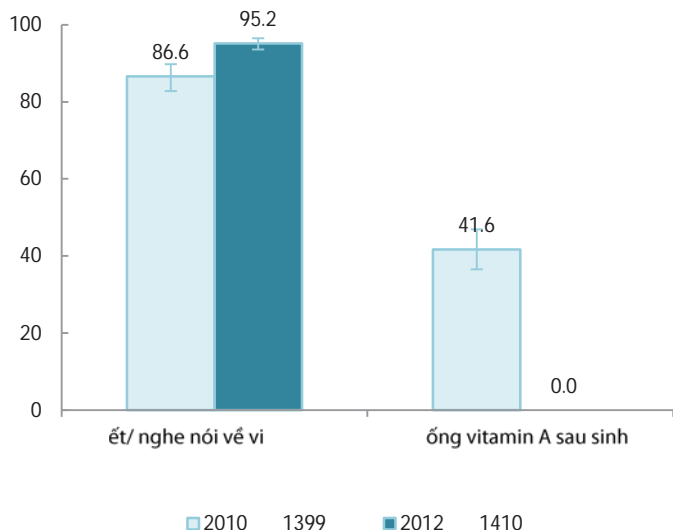
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



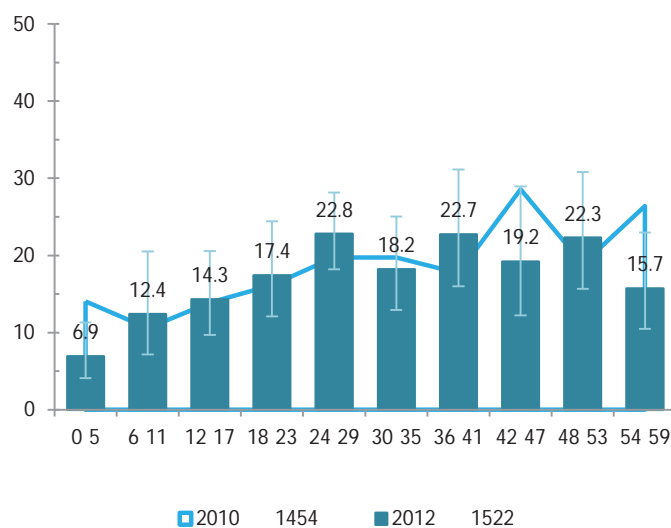
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



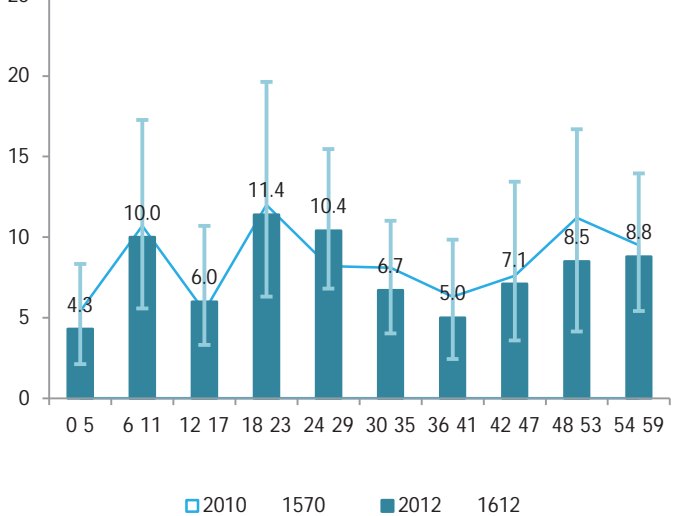
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



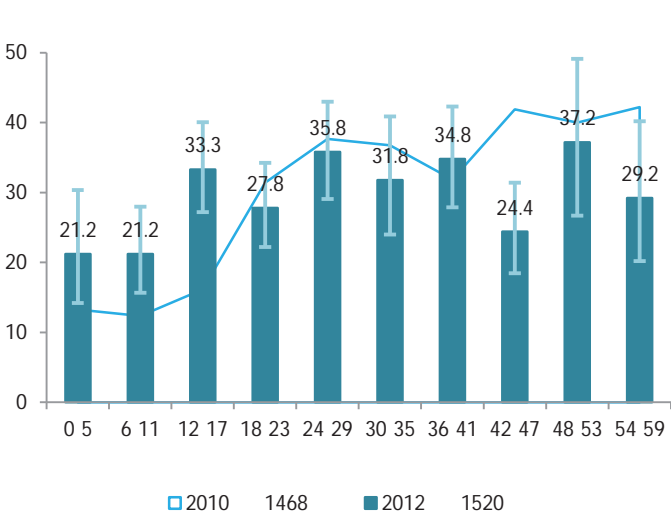
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



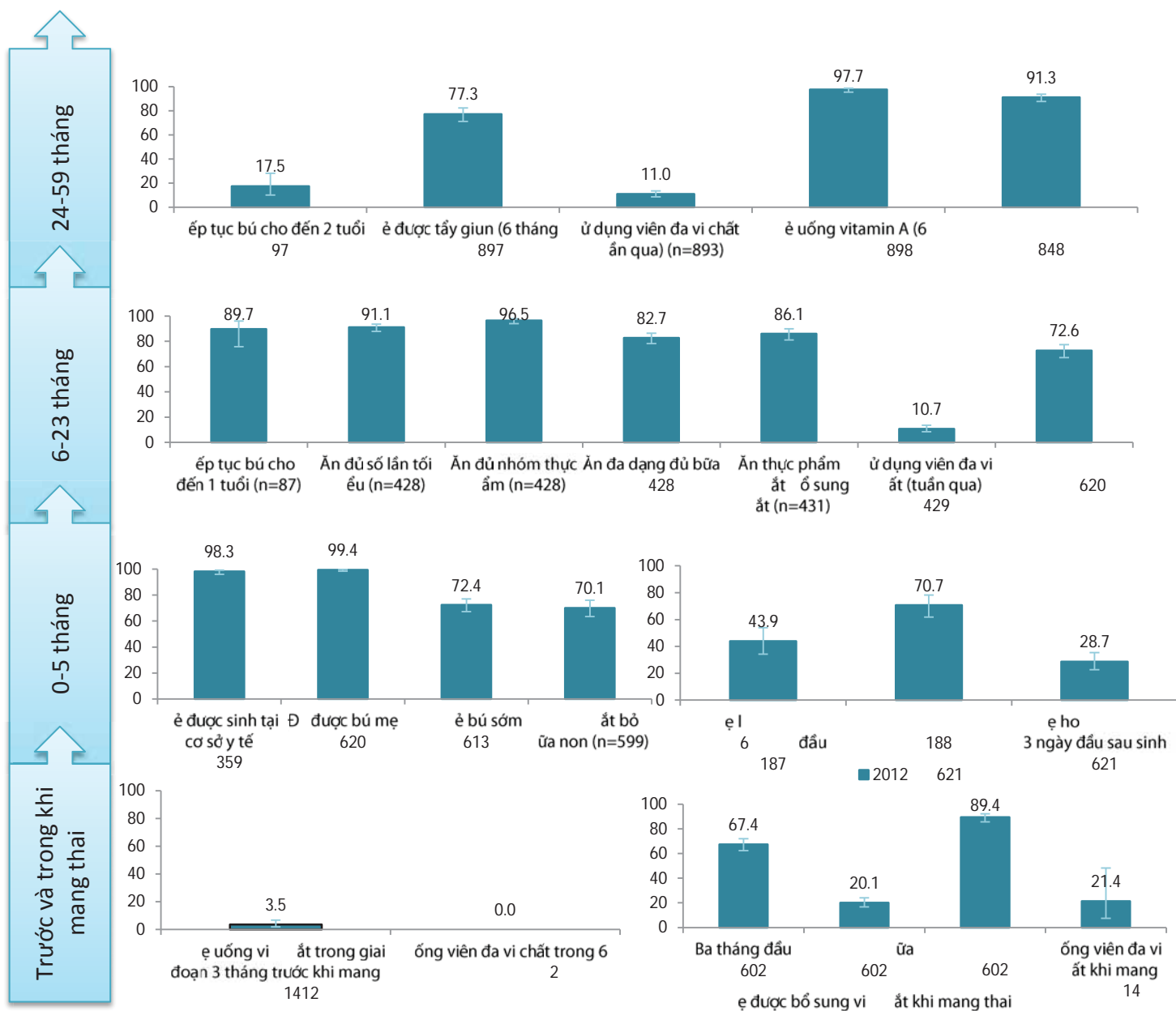
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



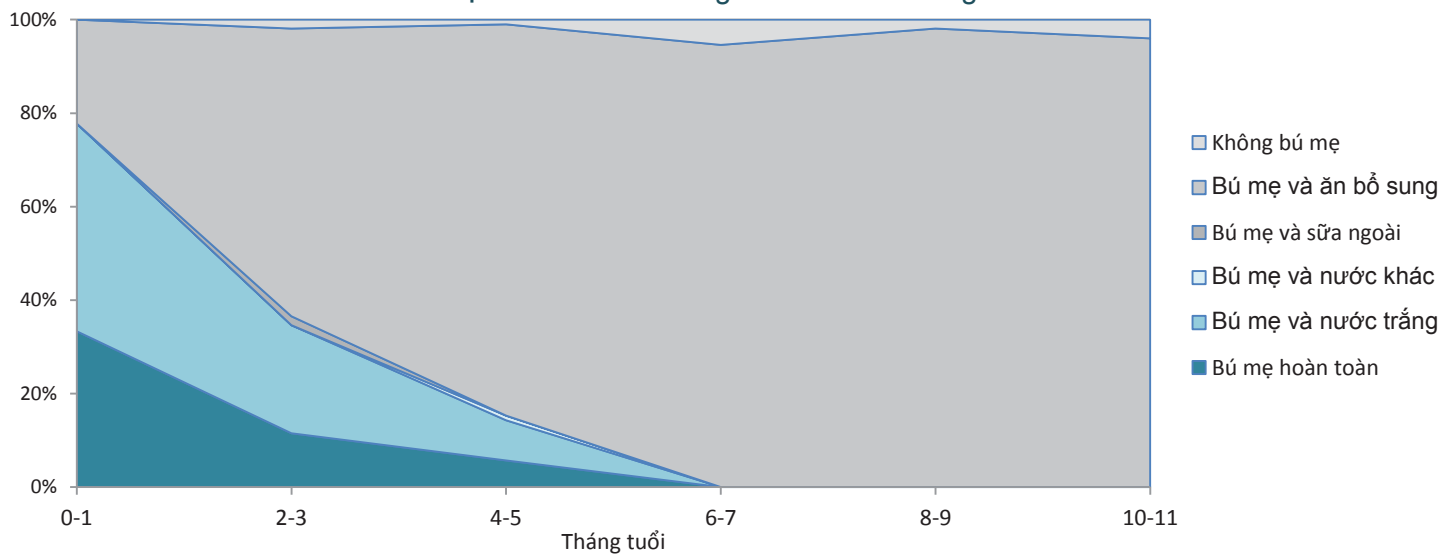
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



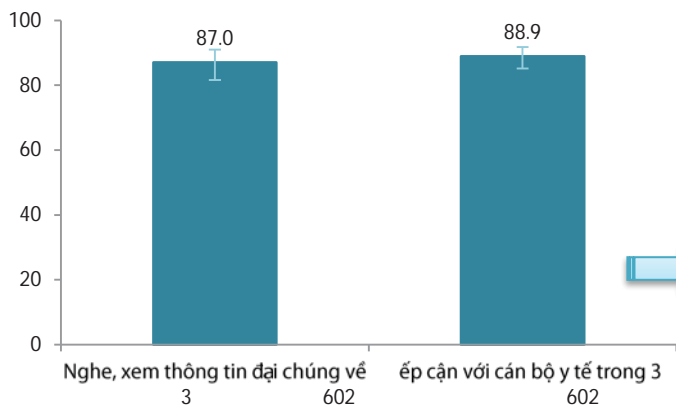
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



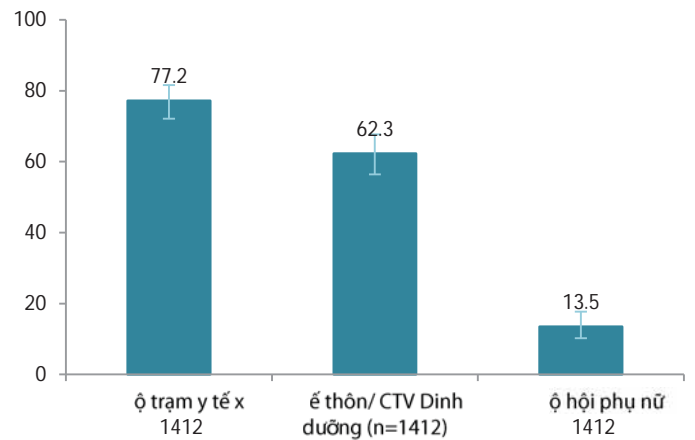
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng 3 Bắc Giang

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

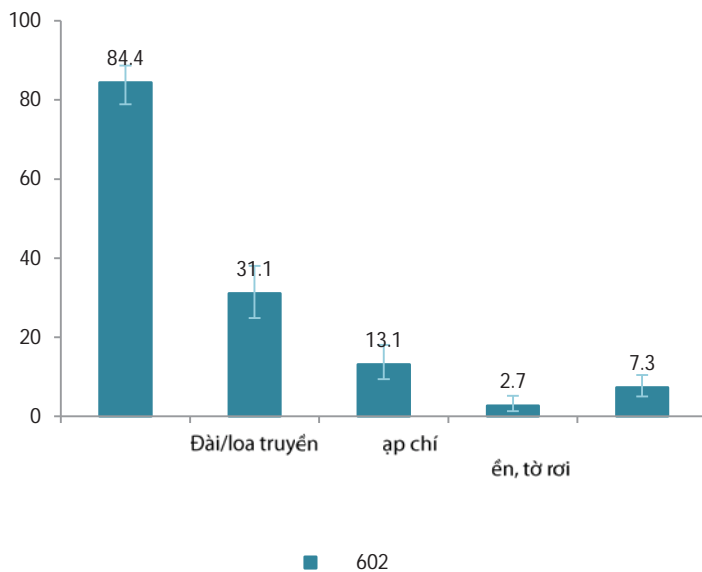
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



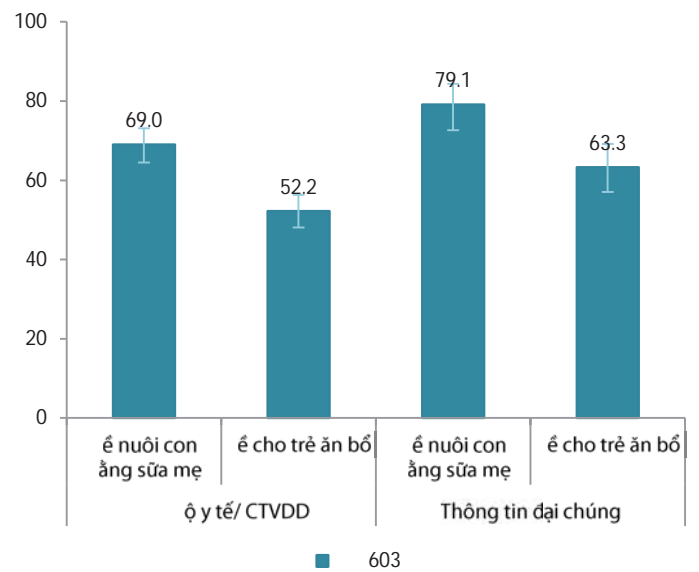
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



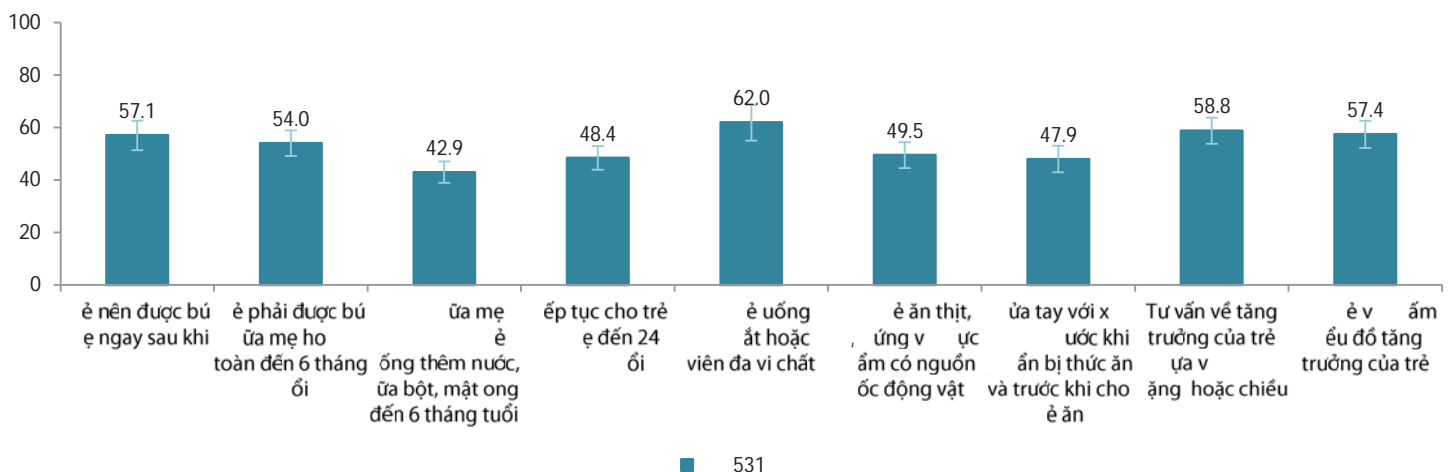
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Bắc Ninh

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 15.9%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 97.4% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 27.8%, nhẹ cân là 12.9% và gầy còm là 6.7%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 3%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 67.2%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 22.4% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 82.7%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 92.1%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 73.7%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 80.5%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

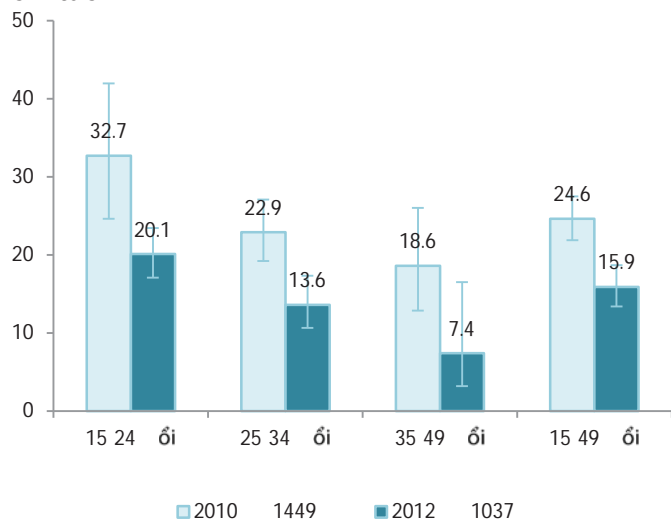
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 7 | Số bệnh viện | 11 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 126 | Số phòng khám đa khoa | |
| Số thôn/bản | 780 | Số trạm y tế xã | 126 |
| Dân số | 1,039,828 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 103,791 | Số bác sỹ | 706 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 42,658 | Số y sỹ | 800 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 610 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 0.3% | Số nữ hộ sinh | 322 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 5.9% | Số y tế thôn bản | 923 |

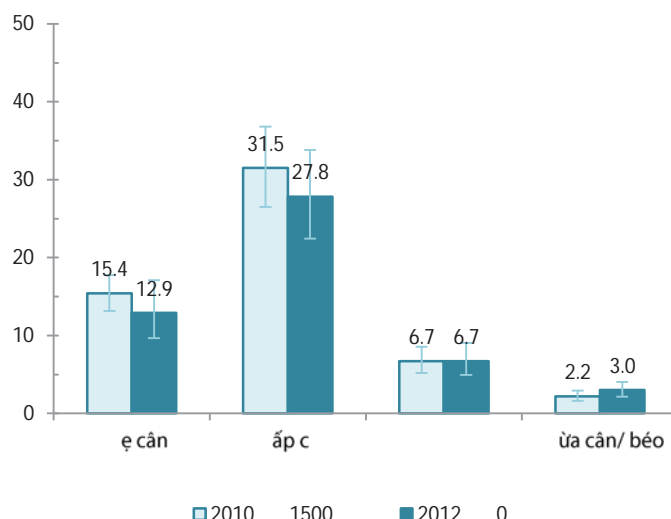
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

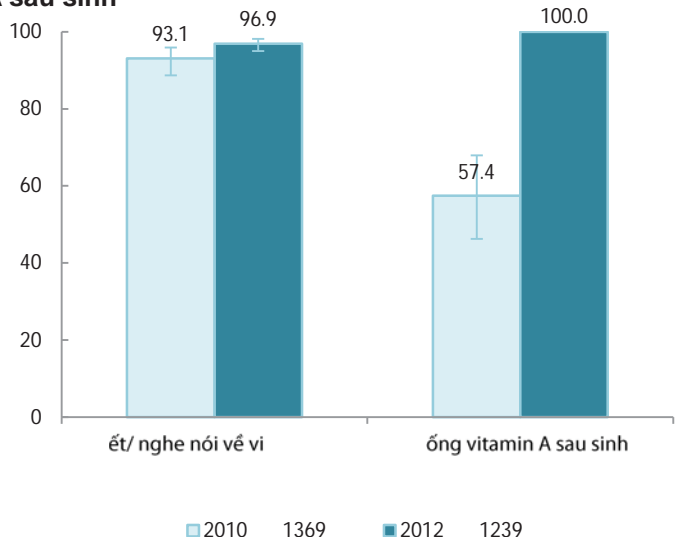
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



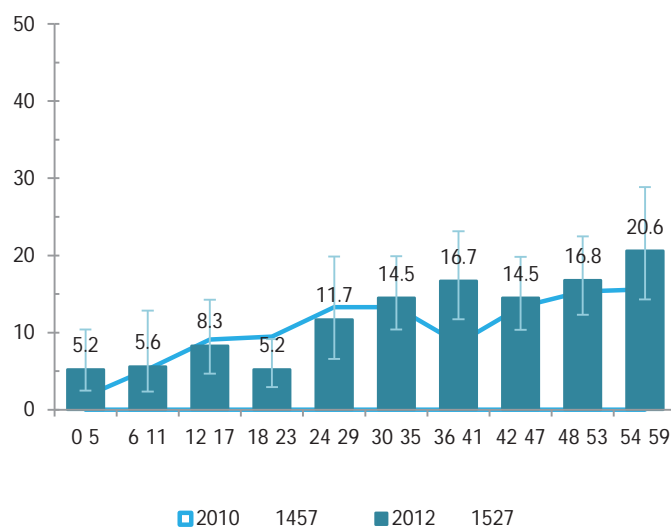
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



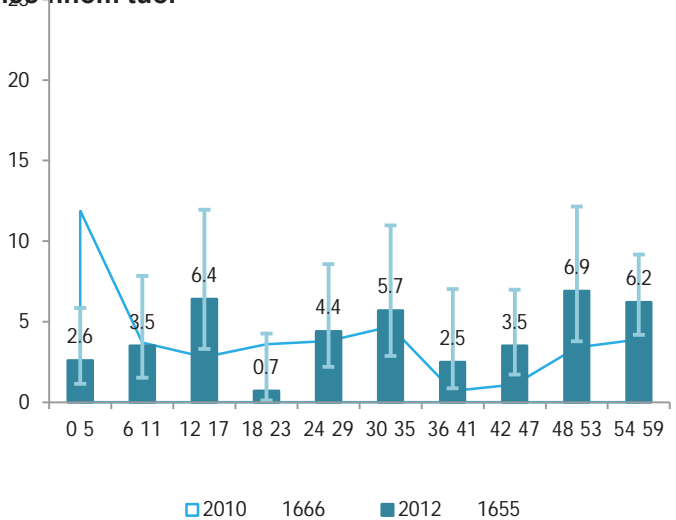
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



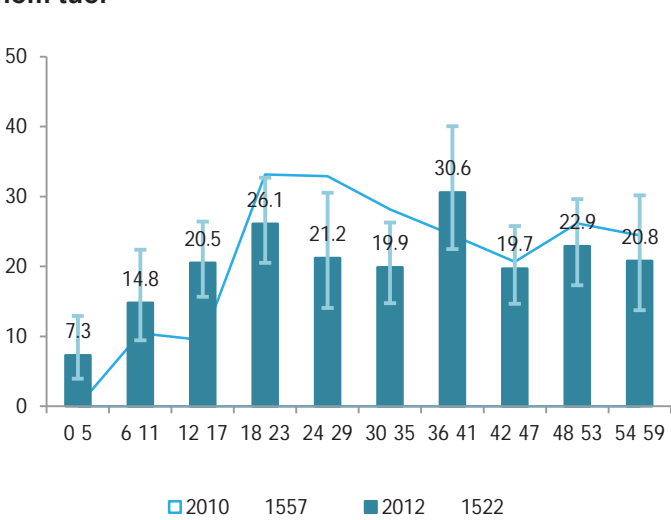
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



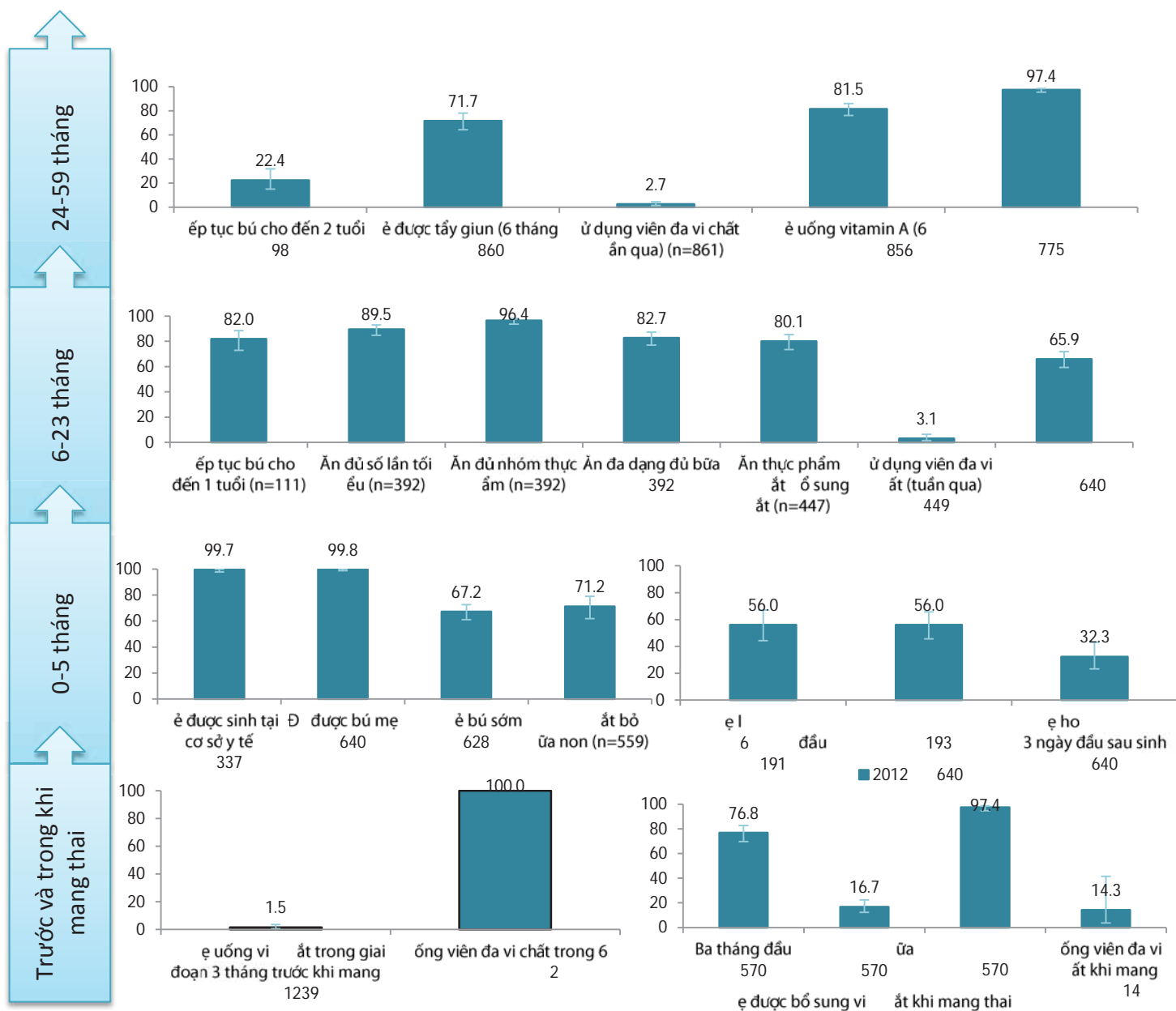
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



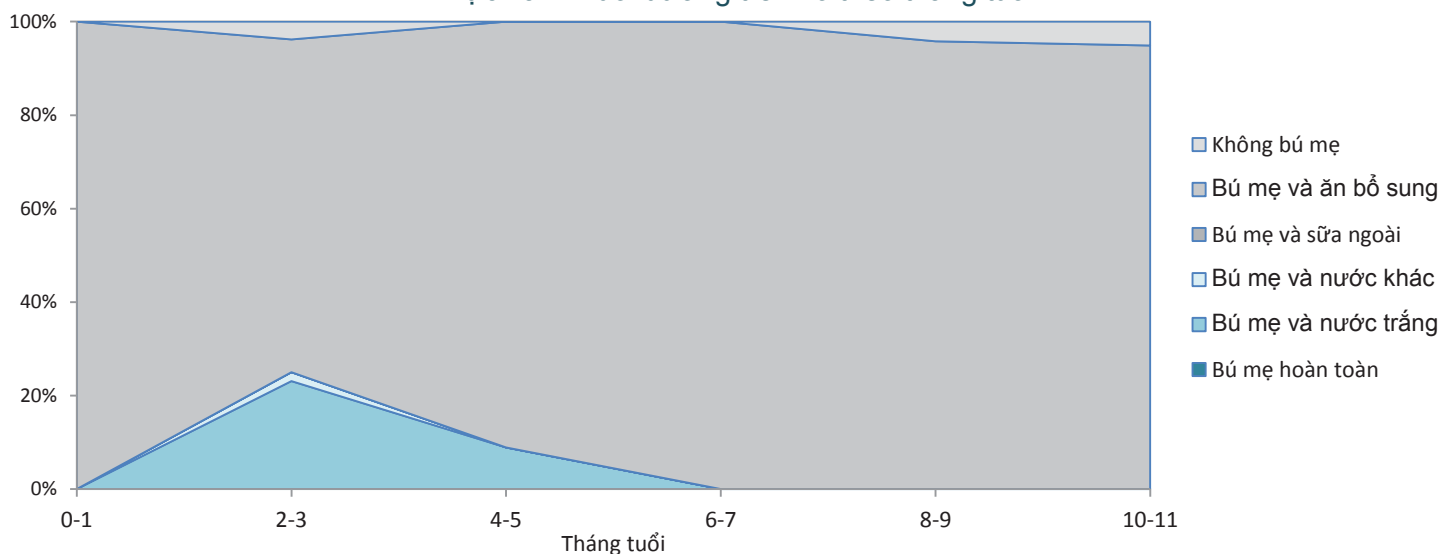
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

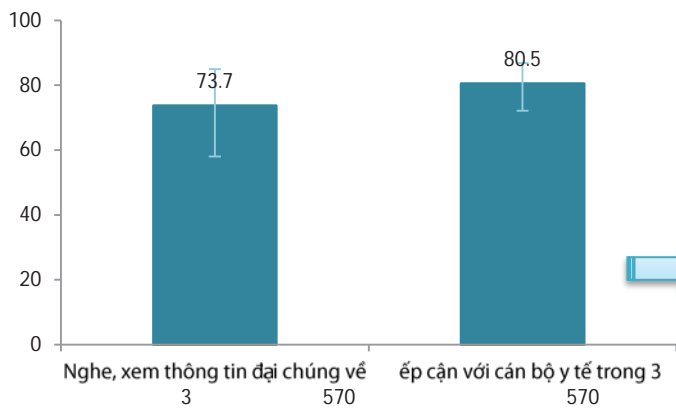


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

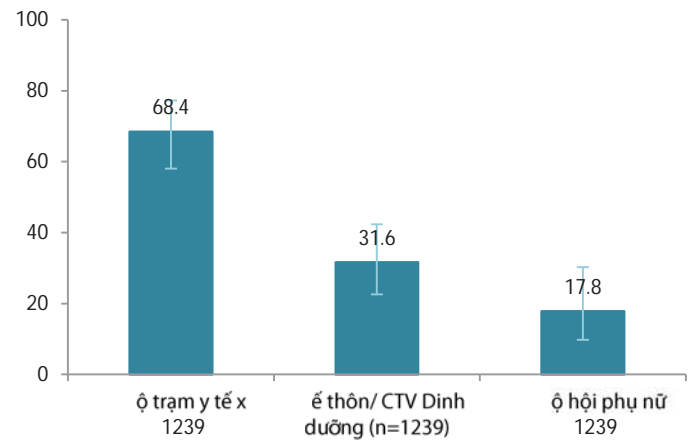
3 Bắc Ninh

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

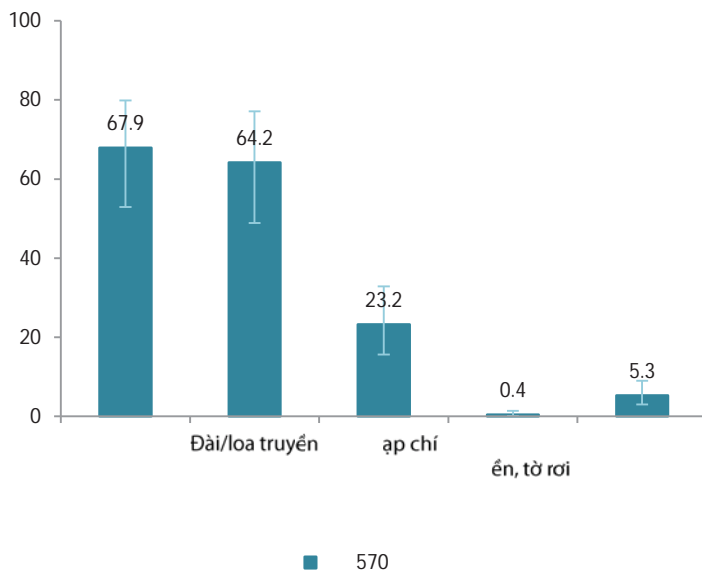
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



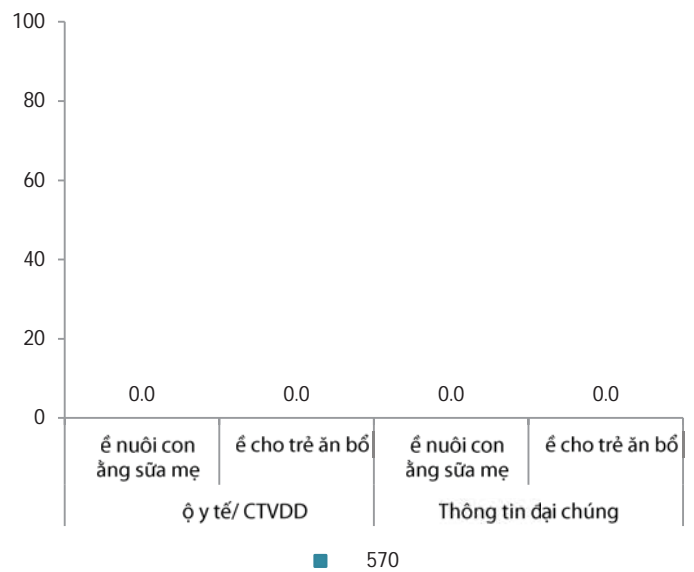
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



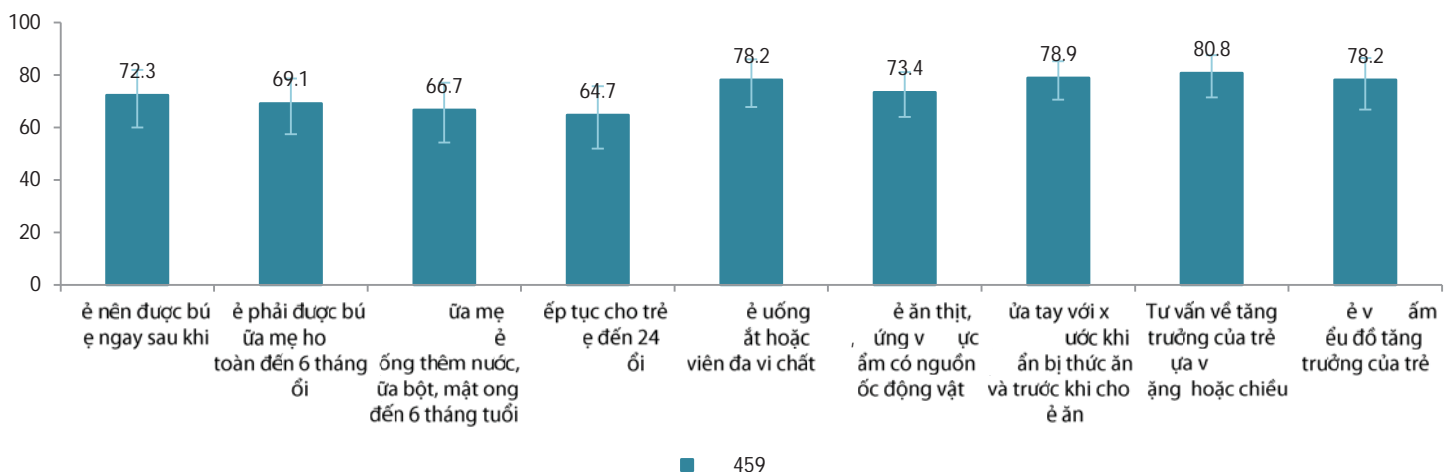
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Quảng Ninh

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 20%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 76.4% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 21.4%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 26.1%, nhẹ cân là 15.8% và gầy còm là 6.9%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 7.2%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 88.9%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 15.3% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 68.9%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 85%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 92.4%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 91.5%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

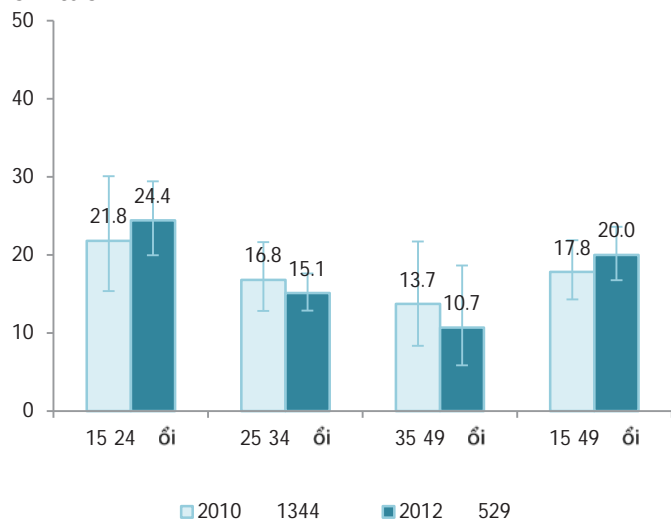
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 12 | Số bệnh viện | 19 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 186 | Số phòng khám đa khoa | 10 |
| Số thôn/bản | 1,550 | Số trạm y tế xã | 186 |
| Dân số | 1,169,573 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 93,978 | Số bác sỹ | 770 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 38,625 | Số y sỹ | 612 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,152 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 11.6% | Số nữ hộ sinh | 279 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 6.5% | Số y tế thôn bản | 1,509 |

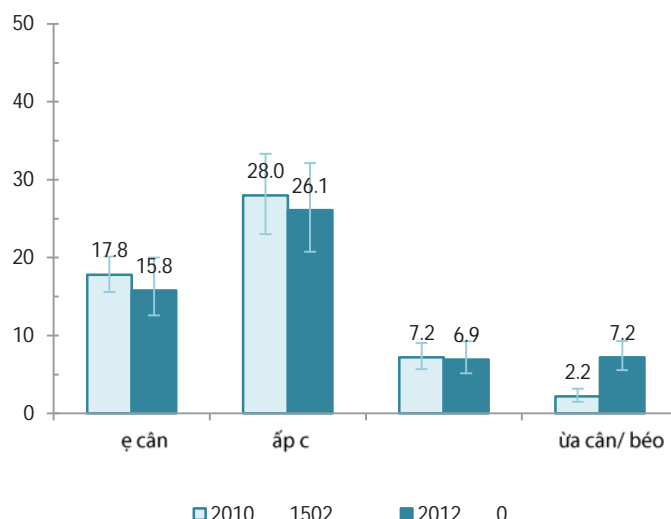
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

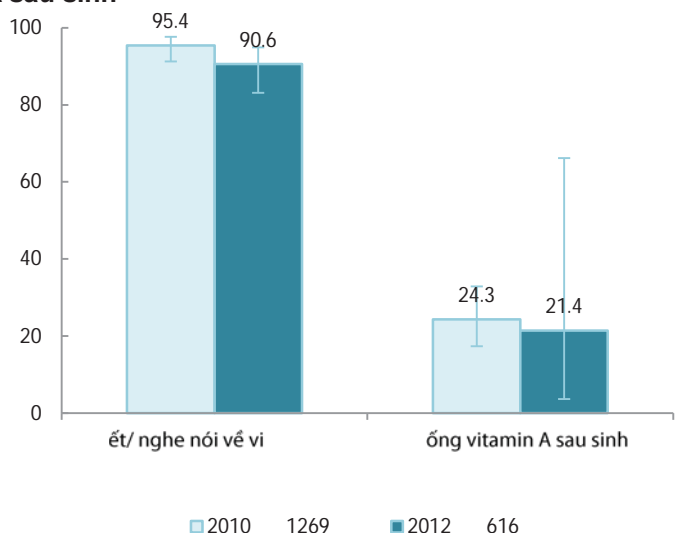
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



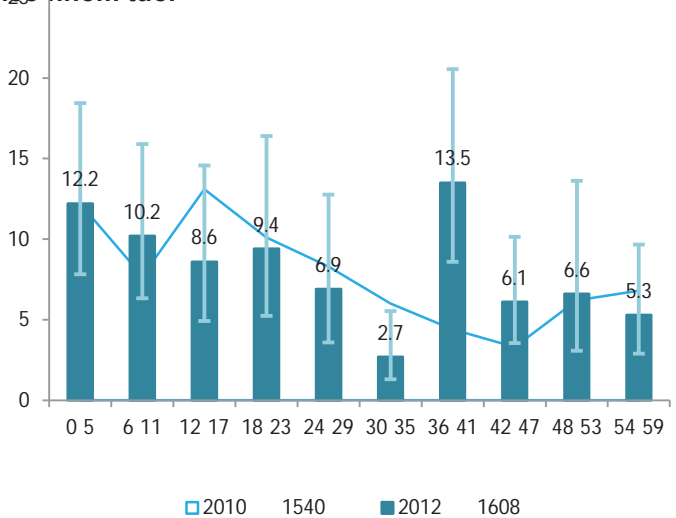
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



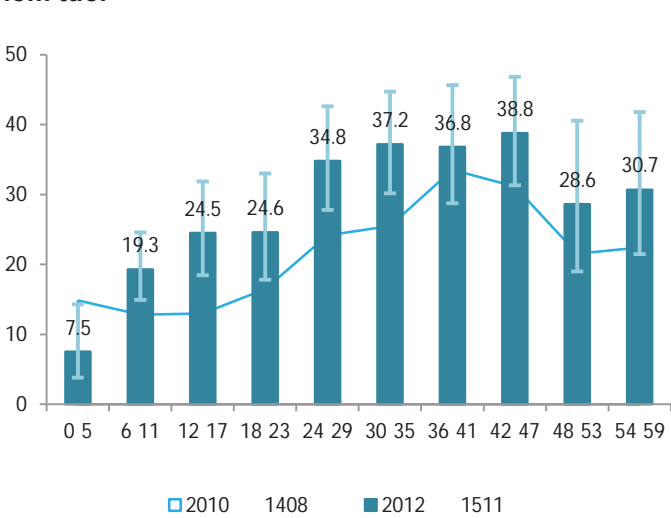
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



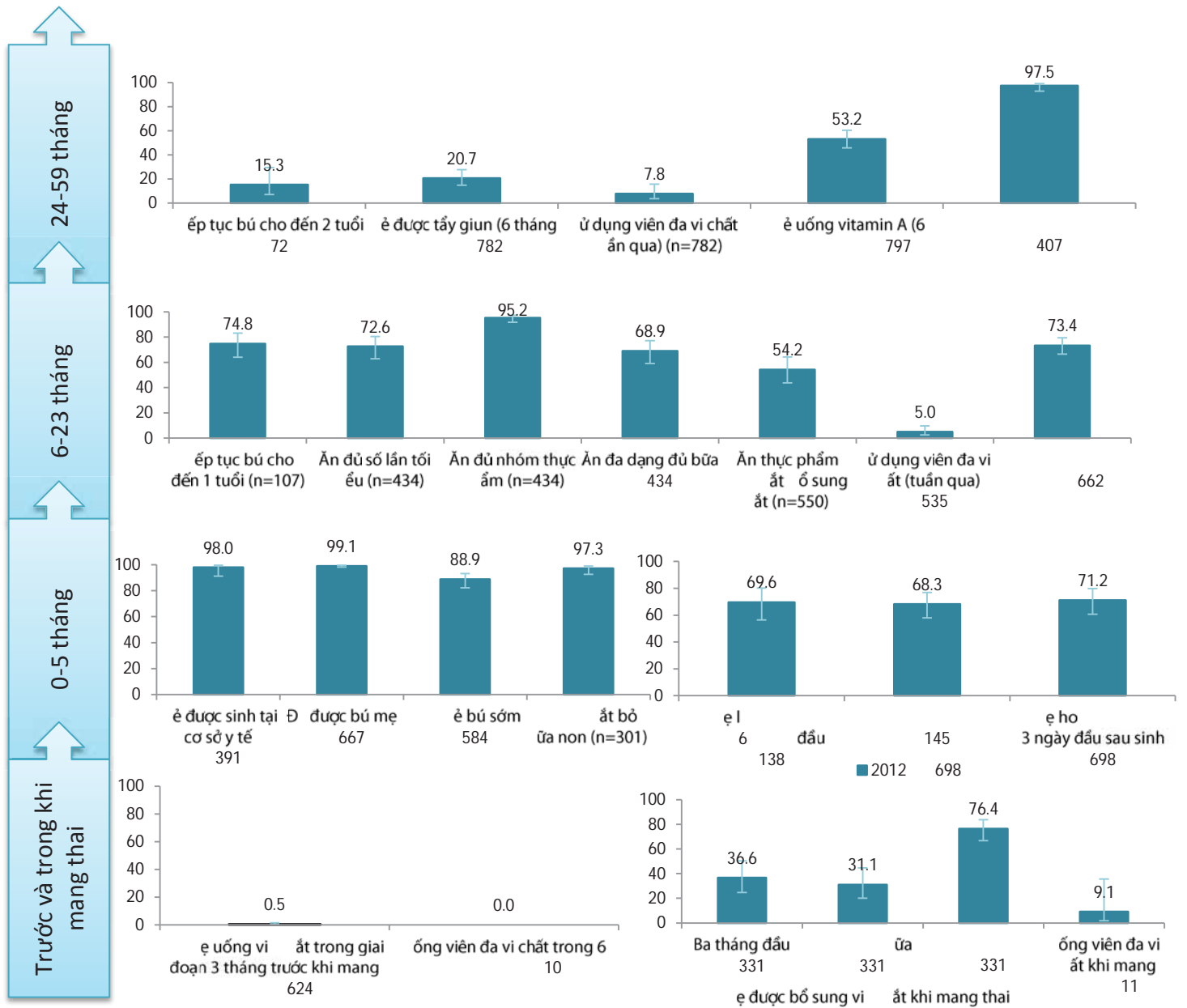
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



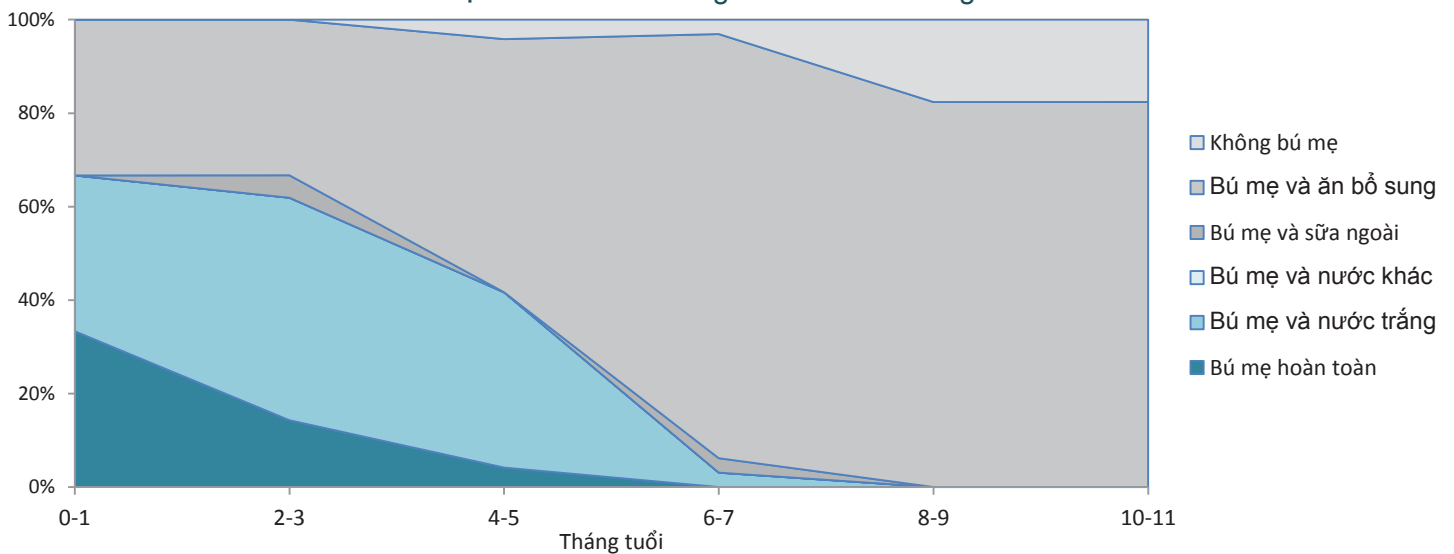
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



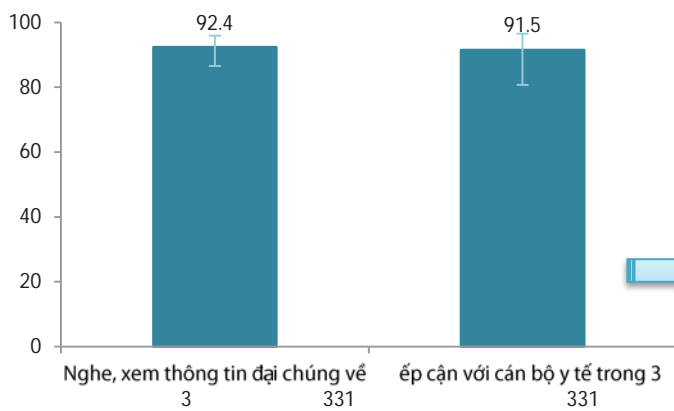
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



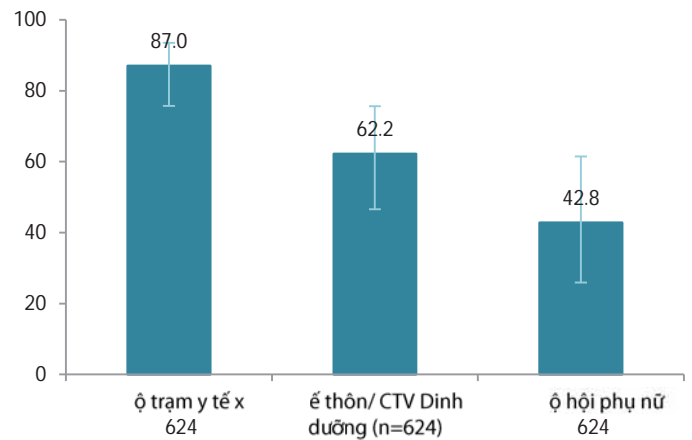
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng 3 Quảng Ninh

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

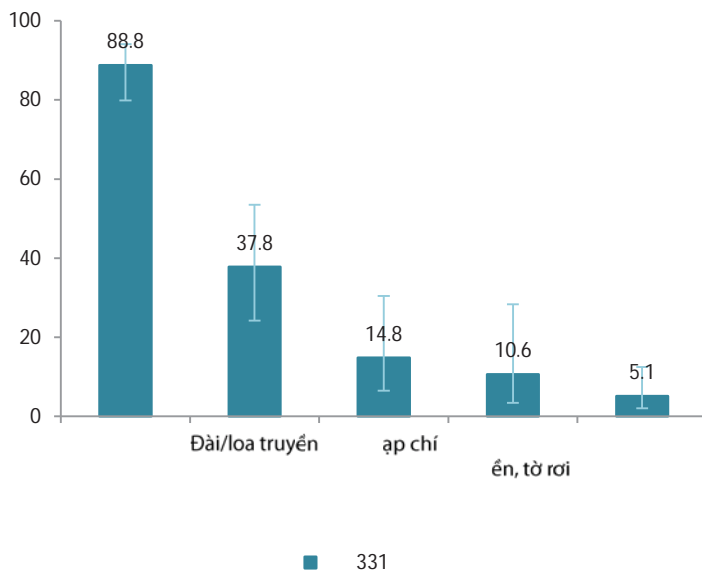
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



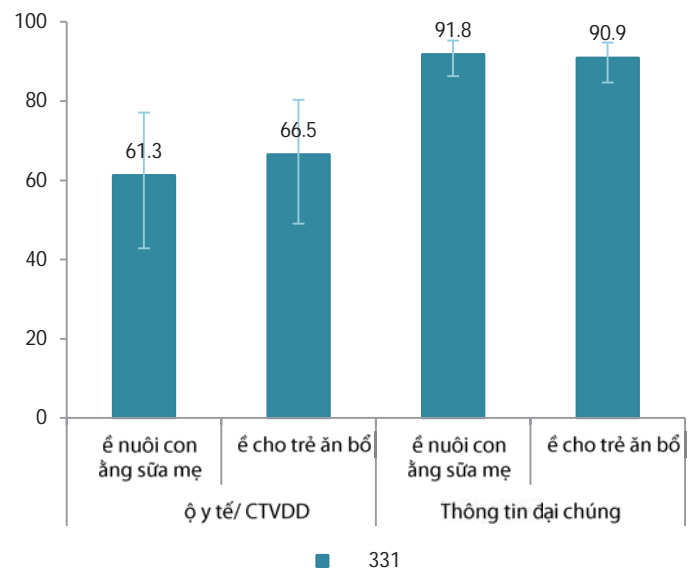
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



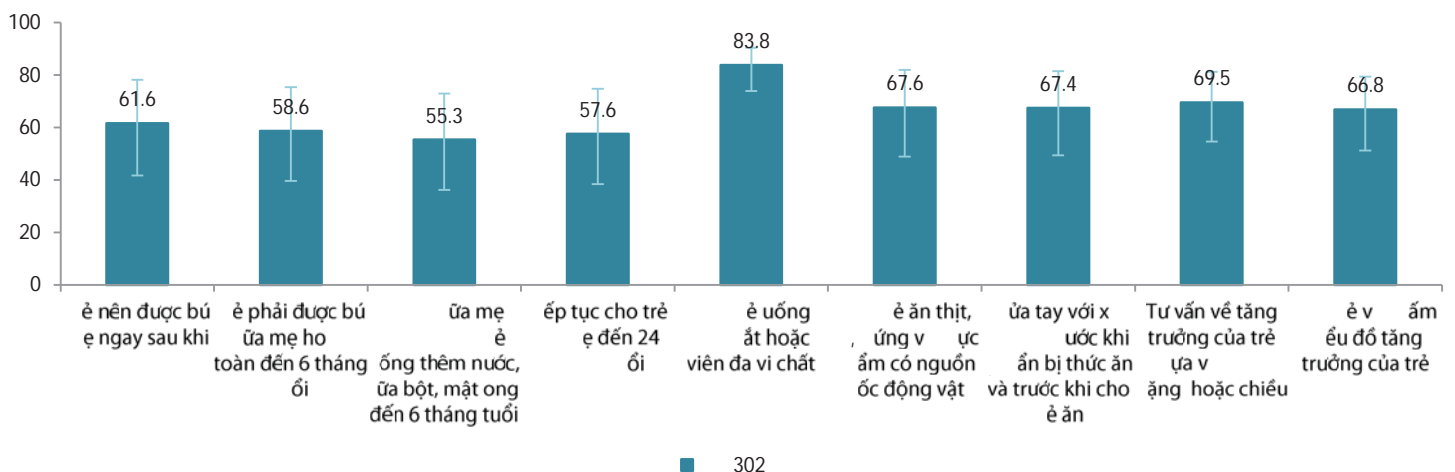
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 13.7%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 86.5% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 85.7%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 36.4%, nhẹ cân là 23.5% và gầy còm là 7.2%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 1.7%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 39.5%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 25.8% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 66.8%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 88%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 36.4%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 88.6%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

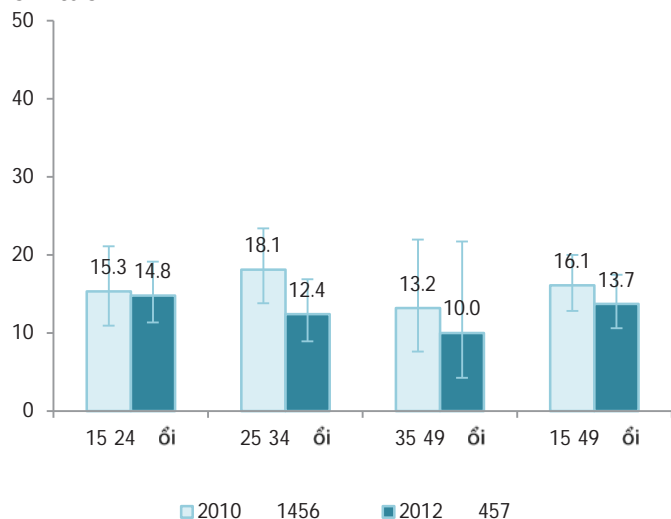
Các thông tin cơ bản ¹

| <u>Chỉ số</u> | <u>Số lượng</u> | <u>Chỉ số</u> | <u>Số lượng</u> |
|--|-----------------|-----------------------|-----------------|
| Số quận, huyện và thị xã | 7 | Số bệnh viện | 10 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 98 | Số phòng khám đa khoa | 14 |
| Số thôn/bản | 1,147 | Số trạm y tế xã | 98 |
| Dân số | 390,890 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 47,991 | Số bác sỹ | 163 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 19,724 | Số y sỹ | 772 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 592 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 84.7% | Số nữ hộ sinh | 201 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 46.8% | Số y tế thôn bản | 1,017 |

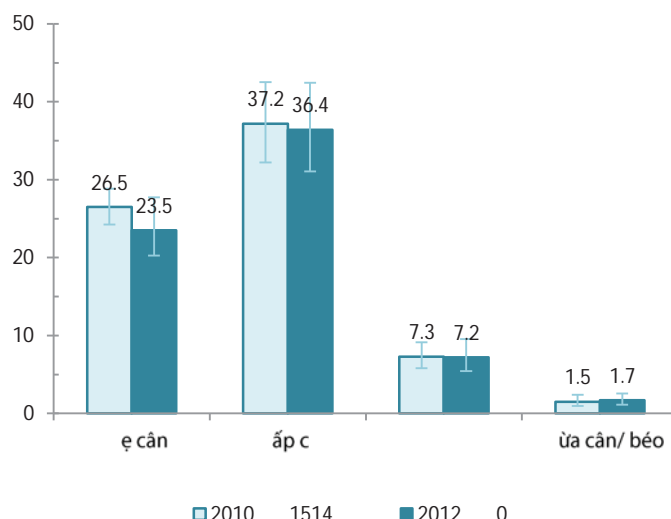
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

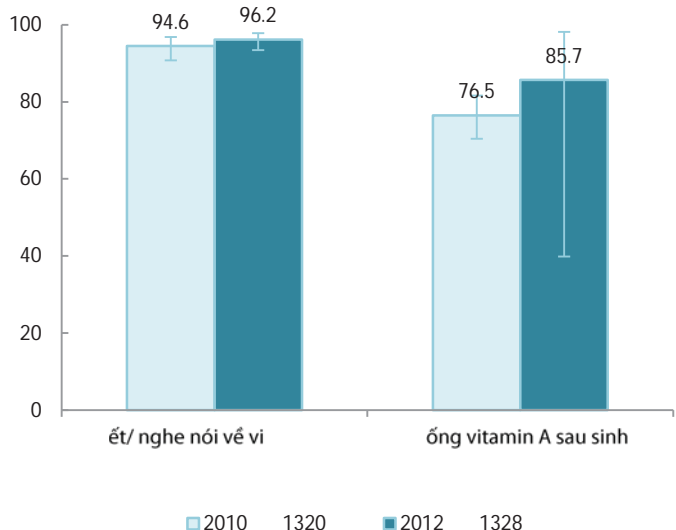
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



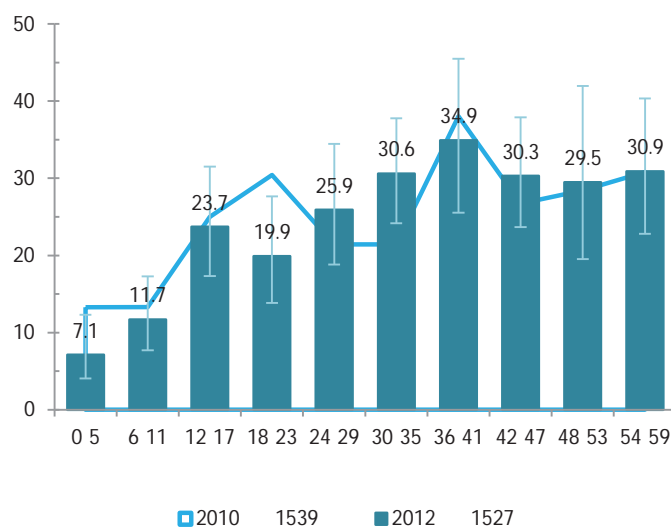
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



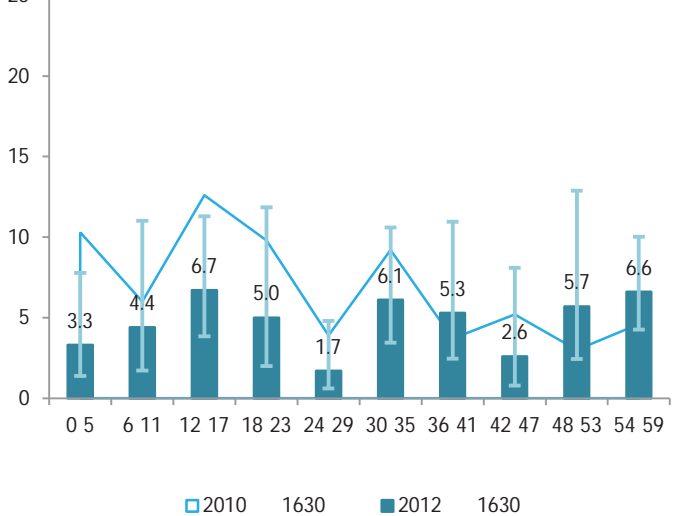
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



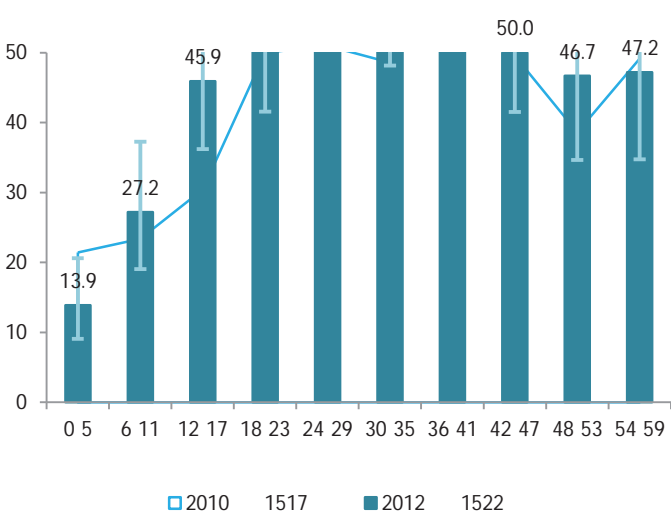
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



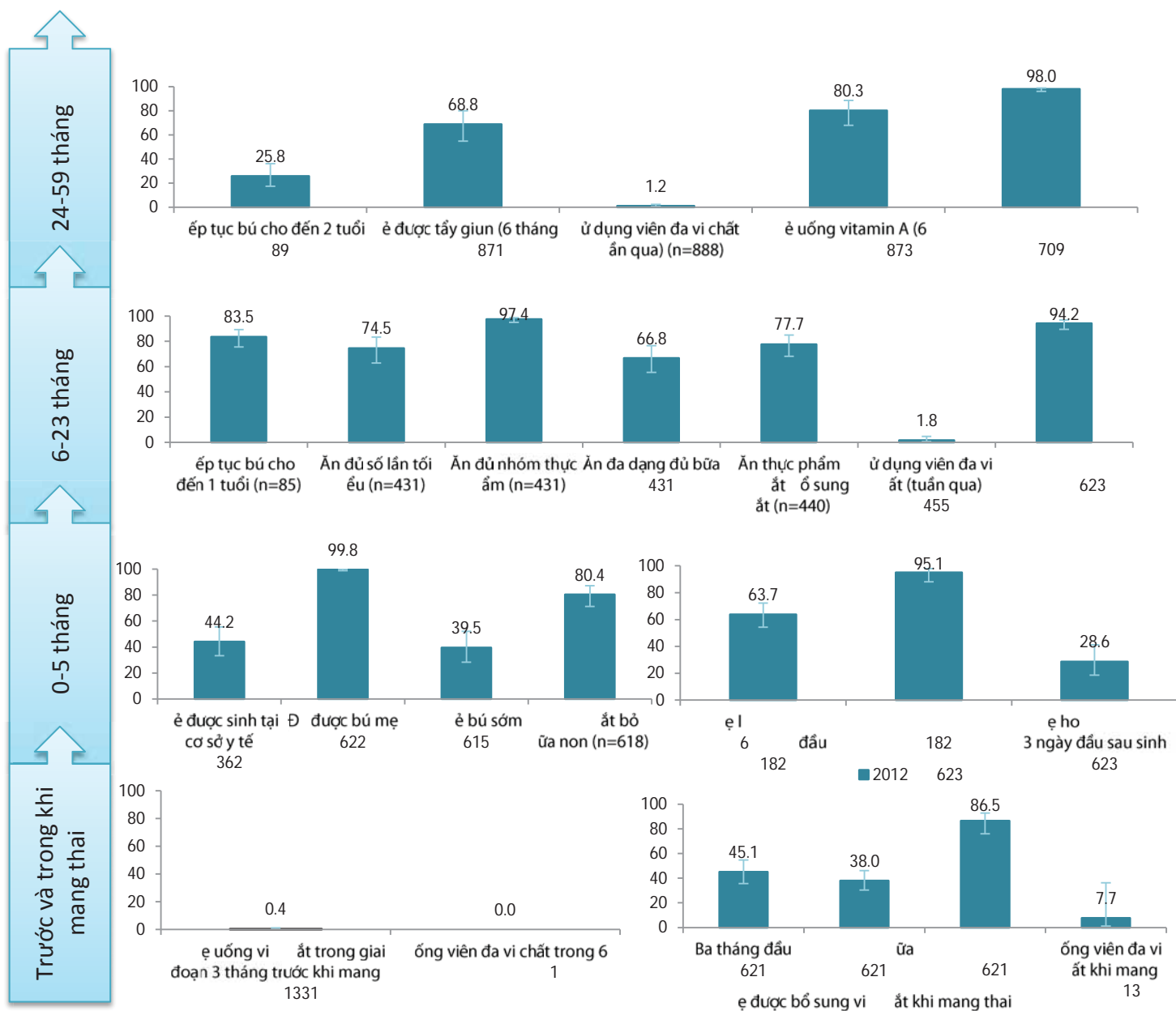
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



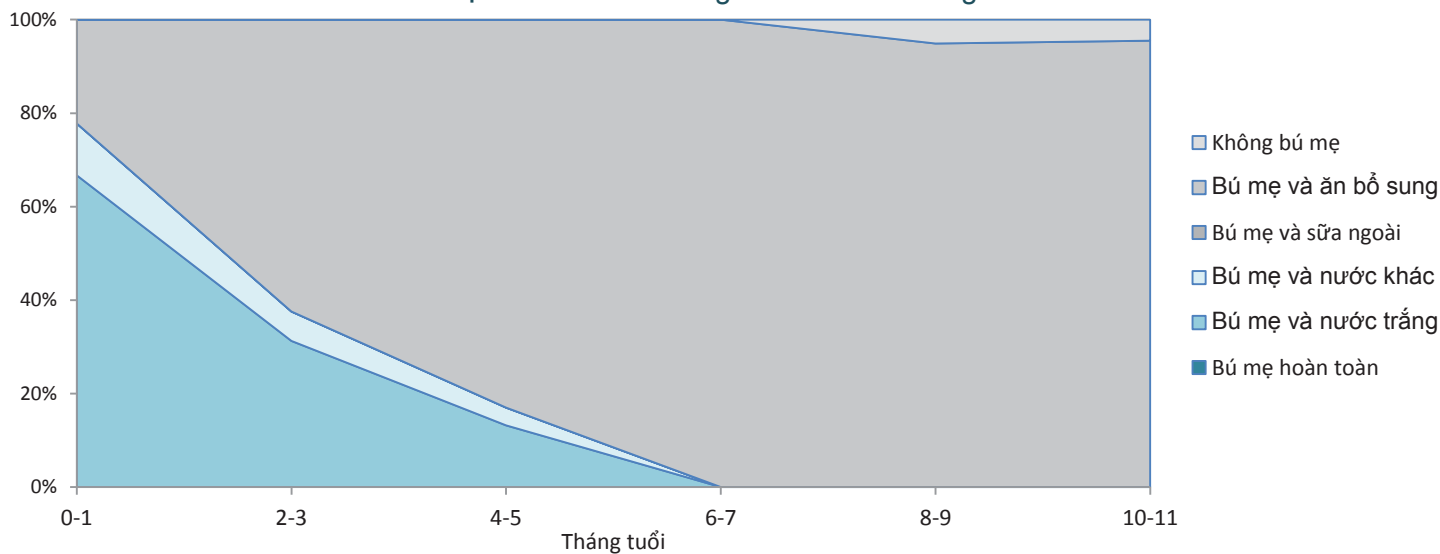
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. ầu

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



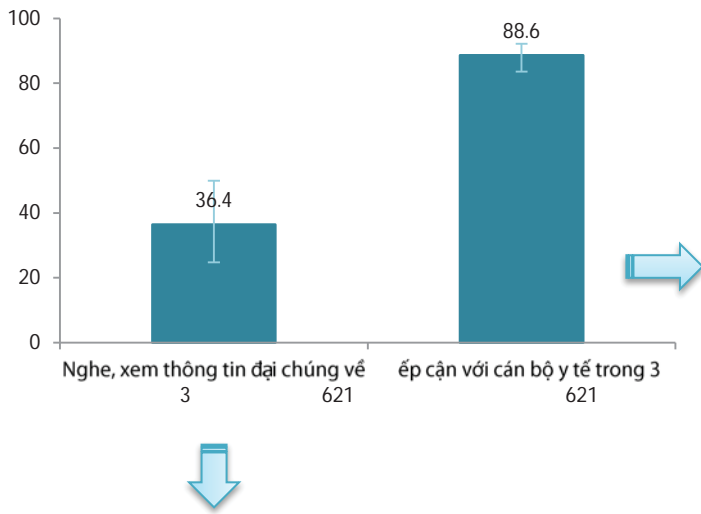
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



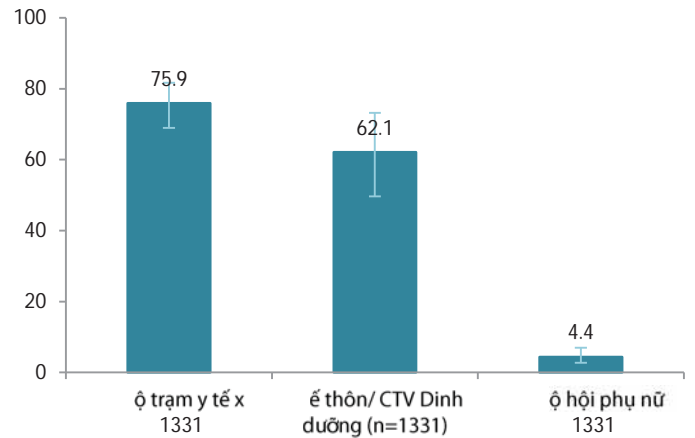
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng Quốc gia

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

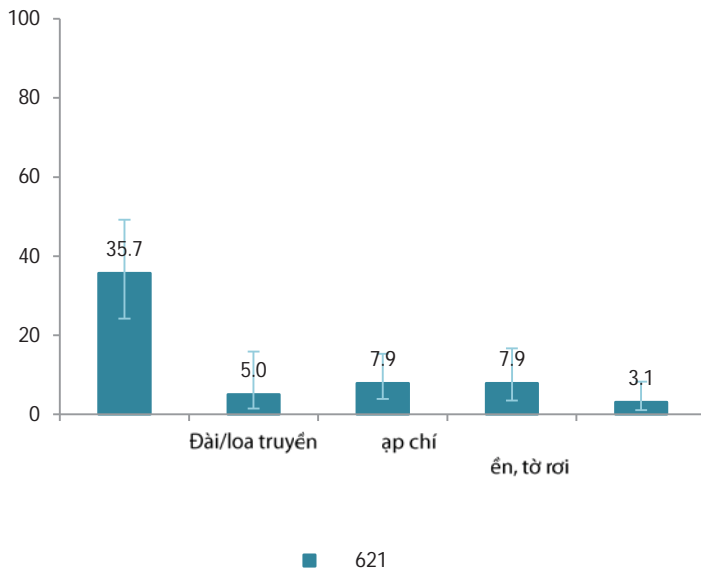
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



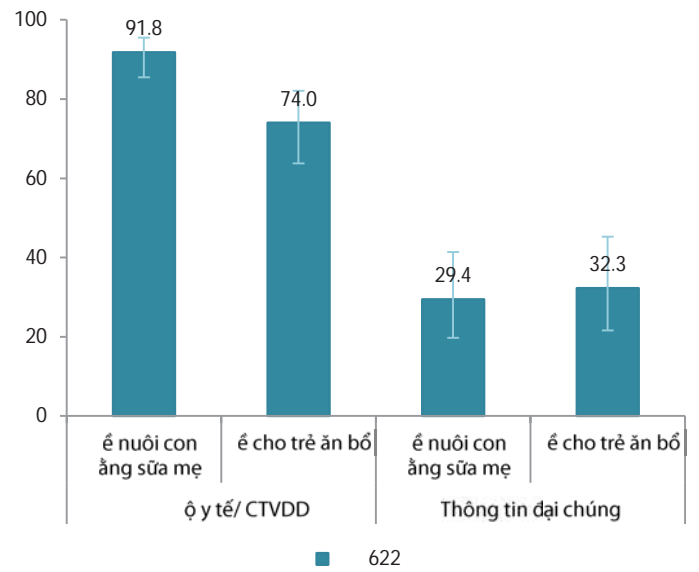
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



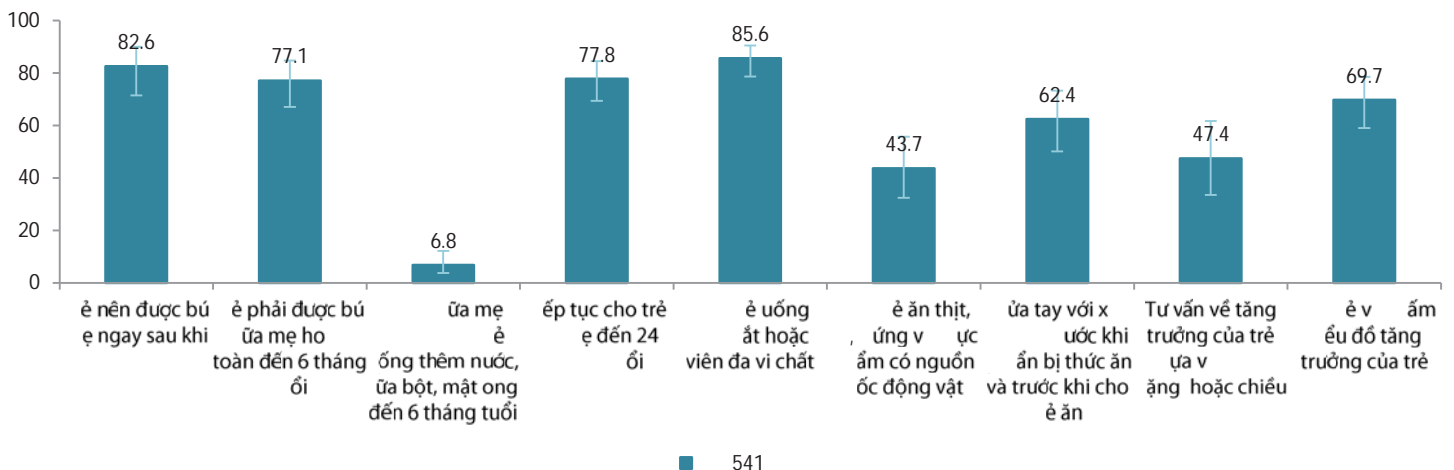
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Sơn La

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 11.7%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 26.6% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 93.8%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 34.4%, nhẹ cân là 21.1% và gầy còm là 6.9%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 3.3%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 88.9%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 14.3% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 42.2%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 66.9%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 55.4%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 56.7%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

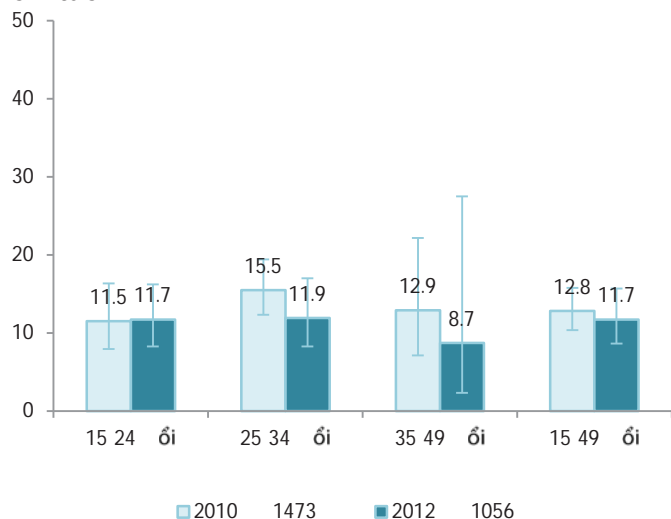
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 10 | Số bệnh viện | 15 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 206 | Số phòng khám đa khoa | 18 |
| Số thôn/bản | 3,259 | Số trạm y tế xã | 206 |
| Dân số | 1,102,817 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 210,392 | Số bác sỹ | 571 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 86,471 | Số y sỹ | 938 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 923 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 82.4% | Số nữ hộ sinh | 383 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 34.8% | Số y tế thôn bản | 3,073 |

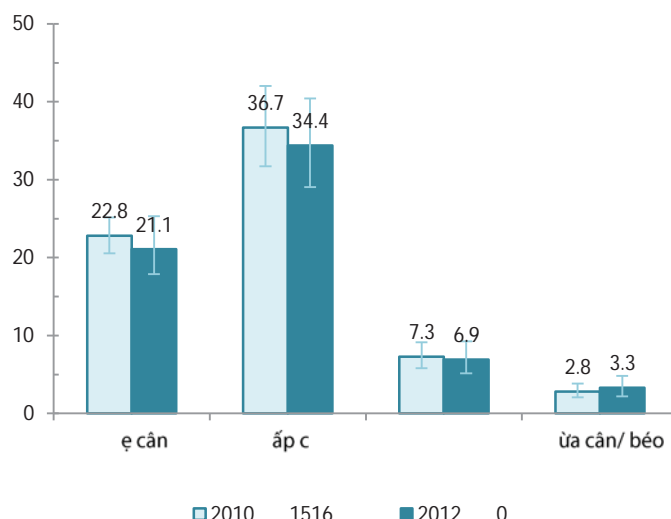
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

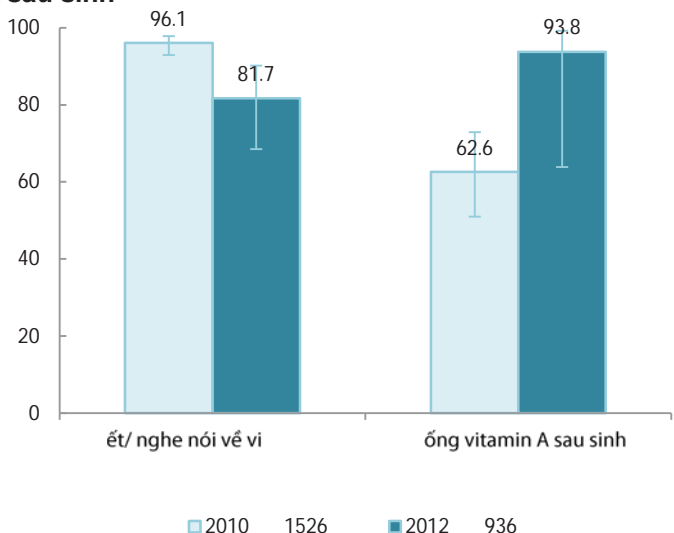
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



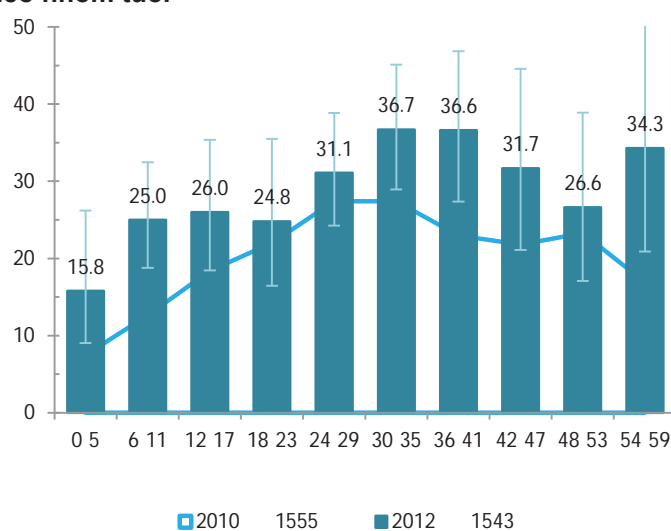
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



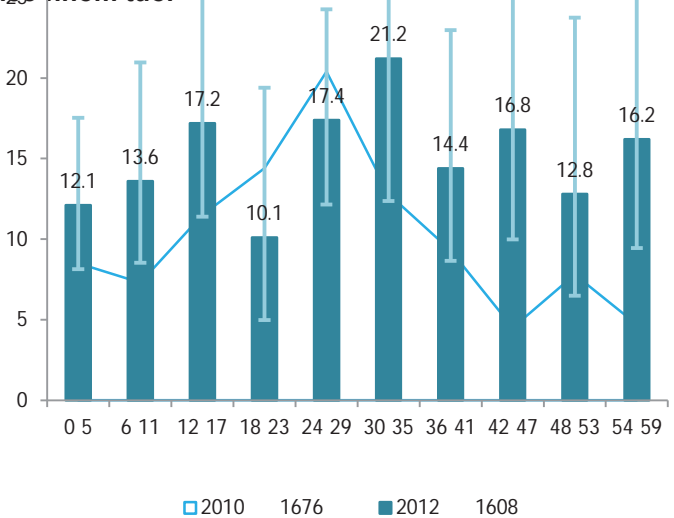
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



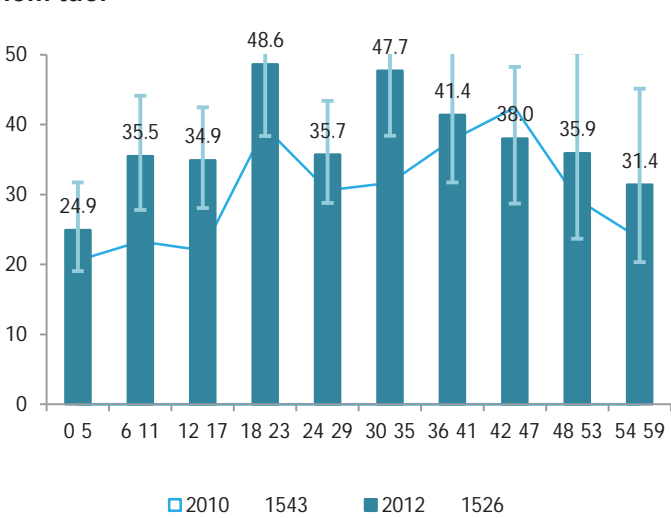
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



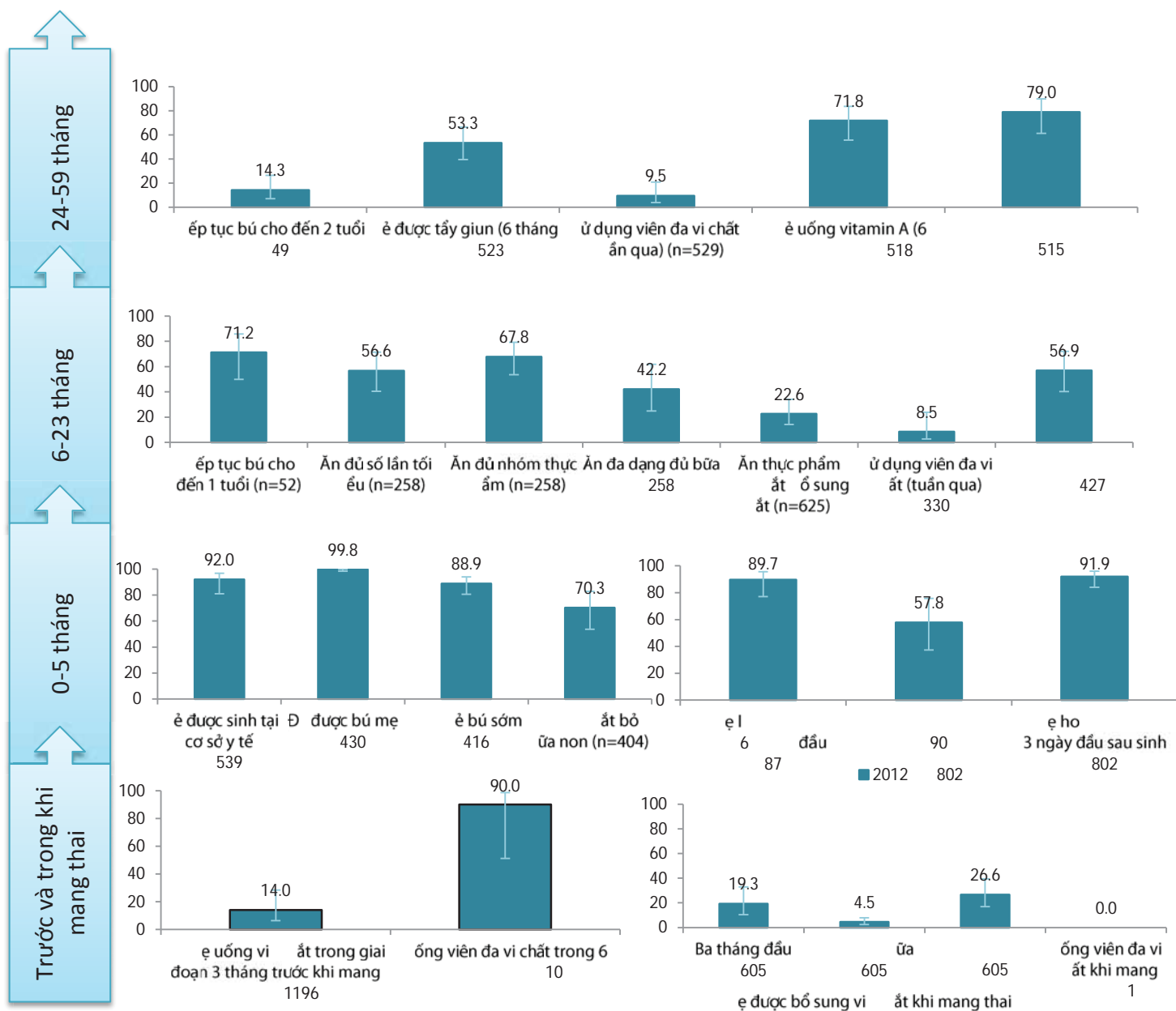
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



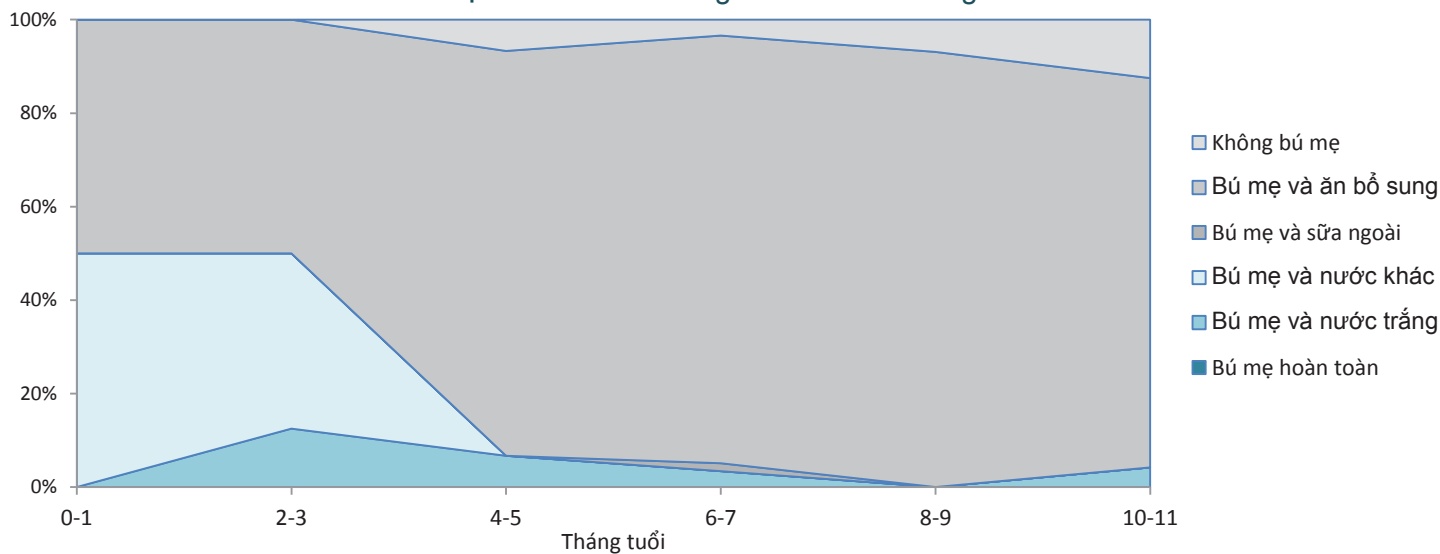
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

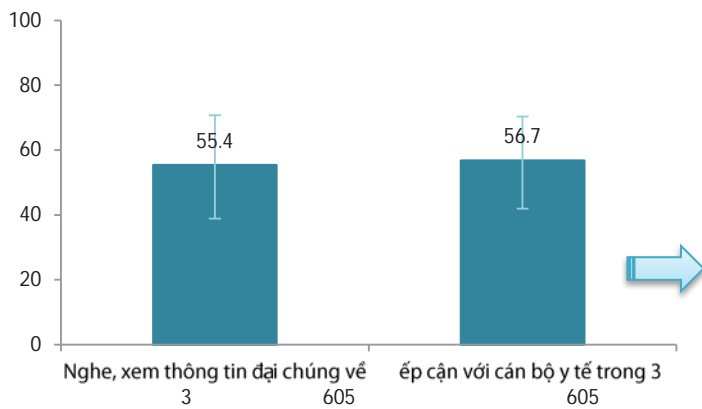


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

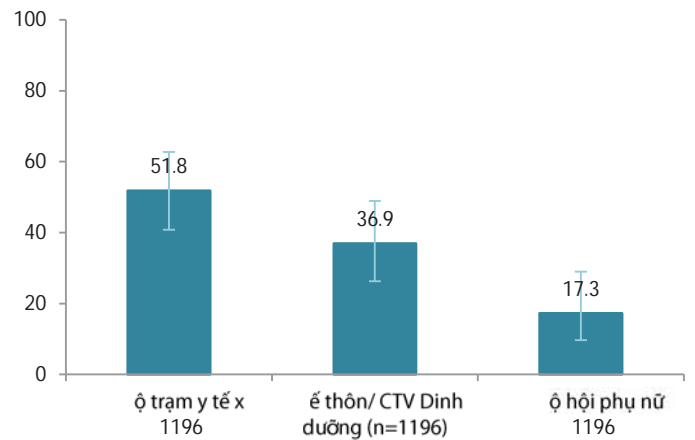
3 Sơn La

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

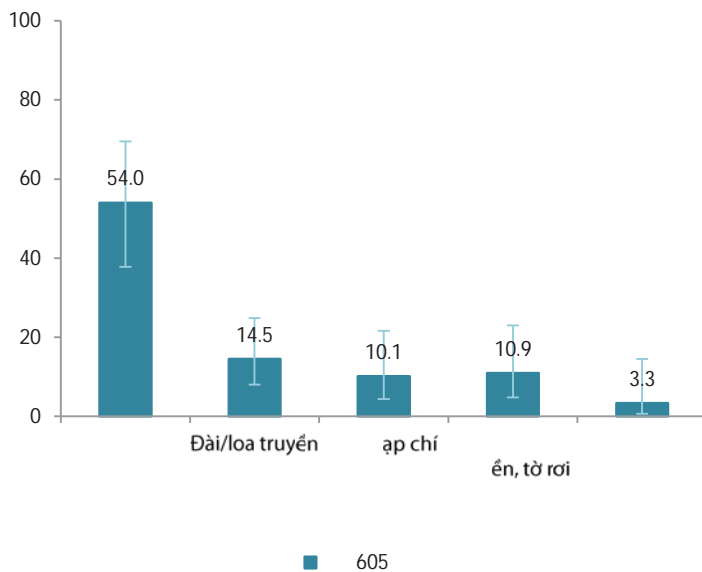
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



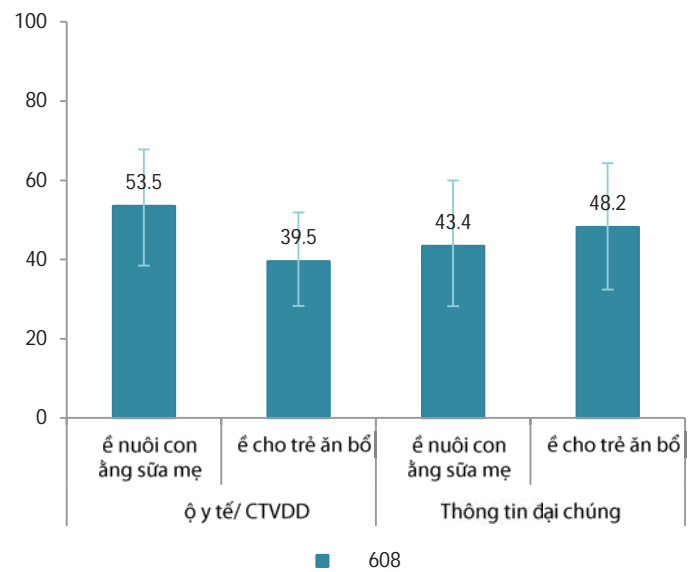
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



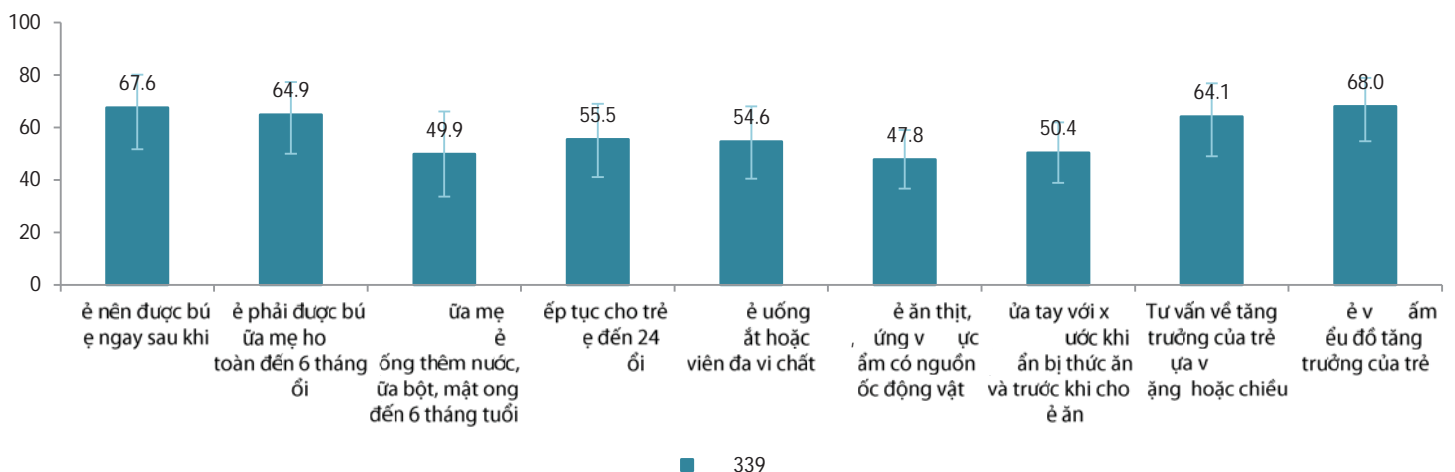
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn ($BMI < 18,5 \text{ kg/m}^2$) là 15.2%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 87.5% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 0%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 28%, nhẹ cân là 20.6% và gầy còm là 6.9%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 2.9%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 90%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 33.7% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 80.5%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 91.9%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 84%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 97.8%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

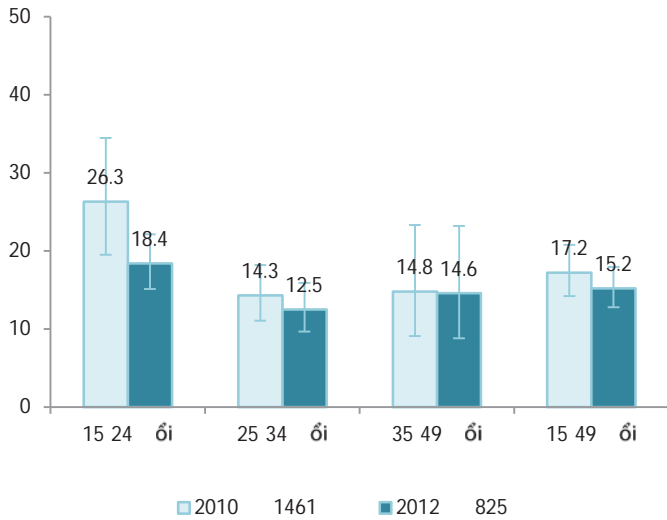
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 10 | Số bệnh viện | 14 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 210 | Số phòng khám đa khoa | 22 |
| Số thôn/bản | 2,024 | Số trạm y tế xã | 208 |
| Dân số | 798,734 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 64,727 | Số bác sỹ | 679 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 26,603 | Số y sỹ | 1,030 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 486 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 73.6% | Số nữ hộ sinh | 318 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 27.7% | Số y tế thôn bản | 2,061 |

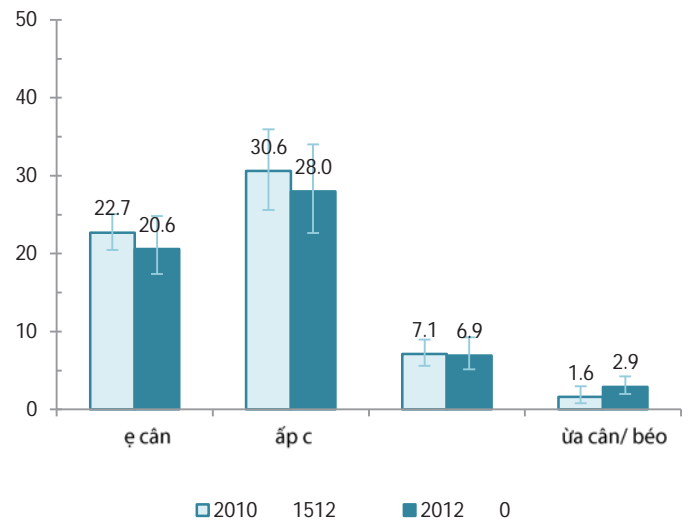
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

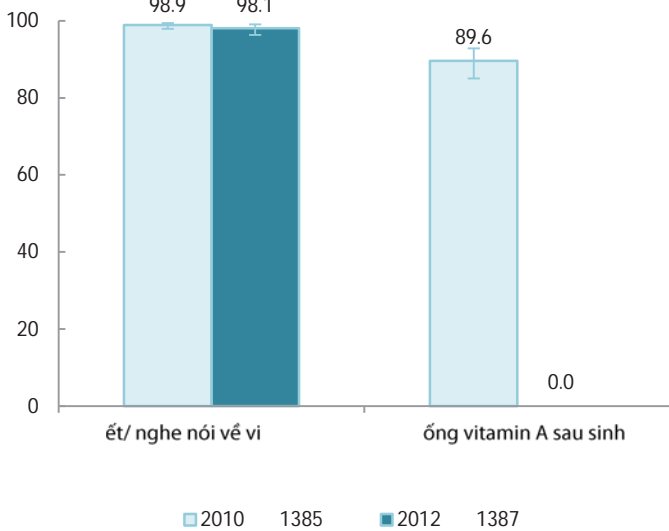
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



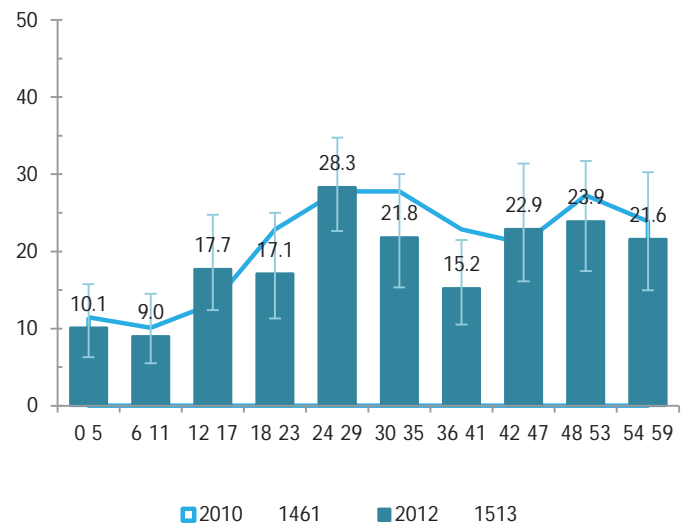
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



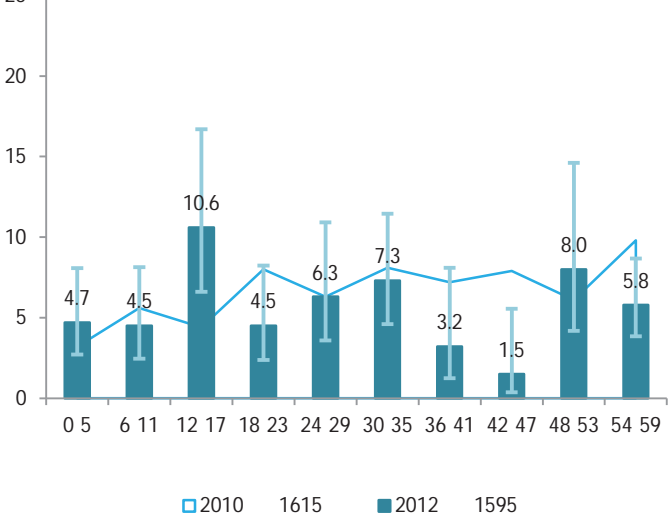
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



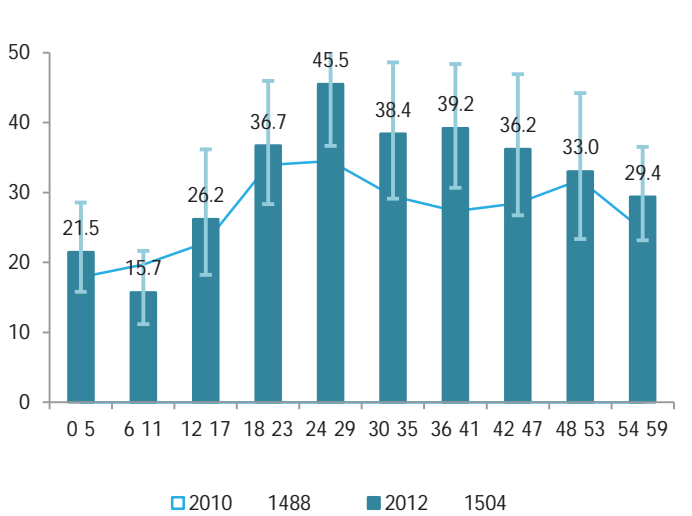
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



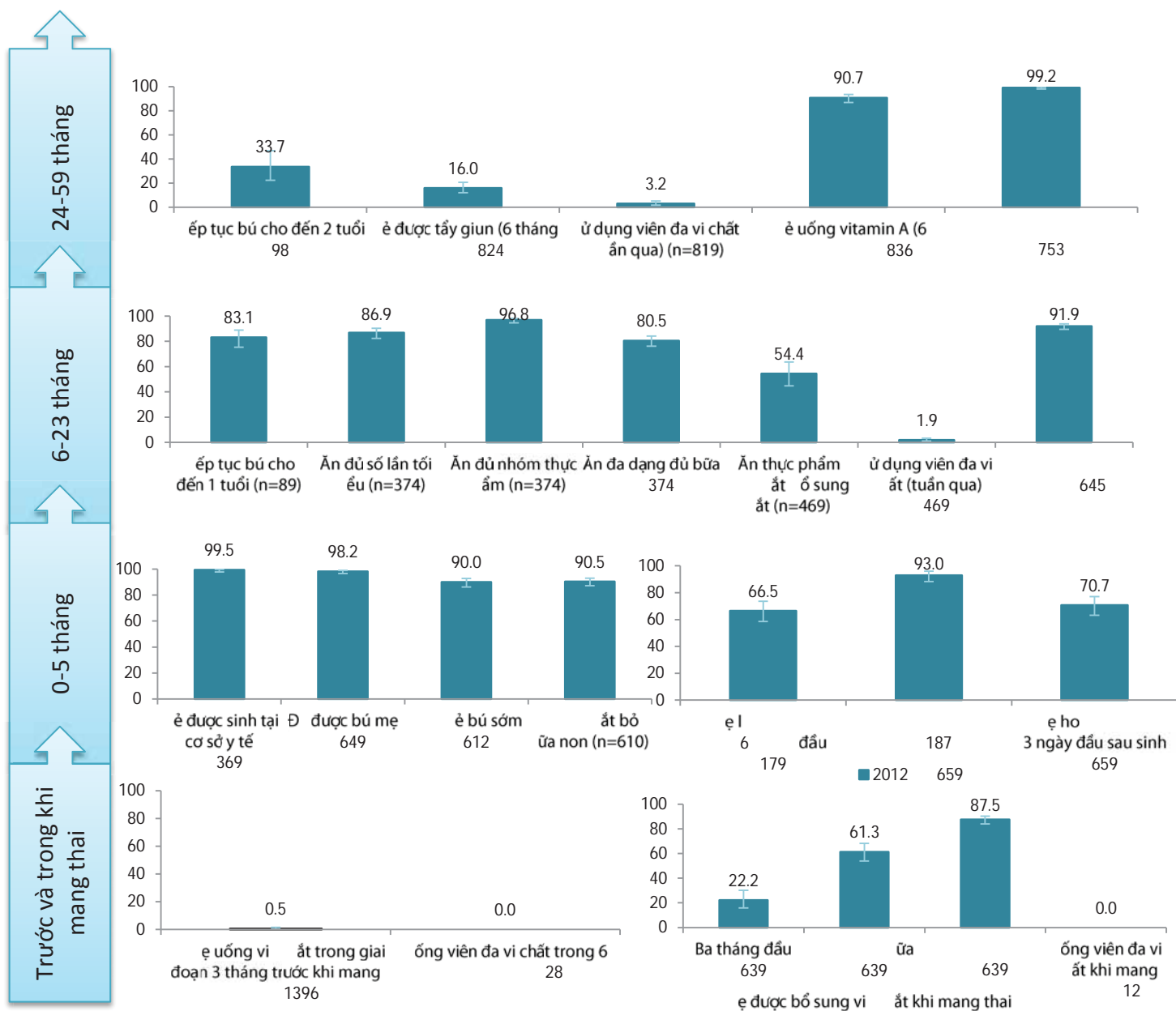
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



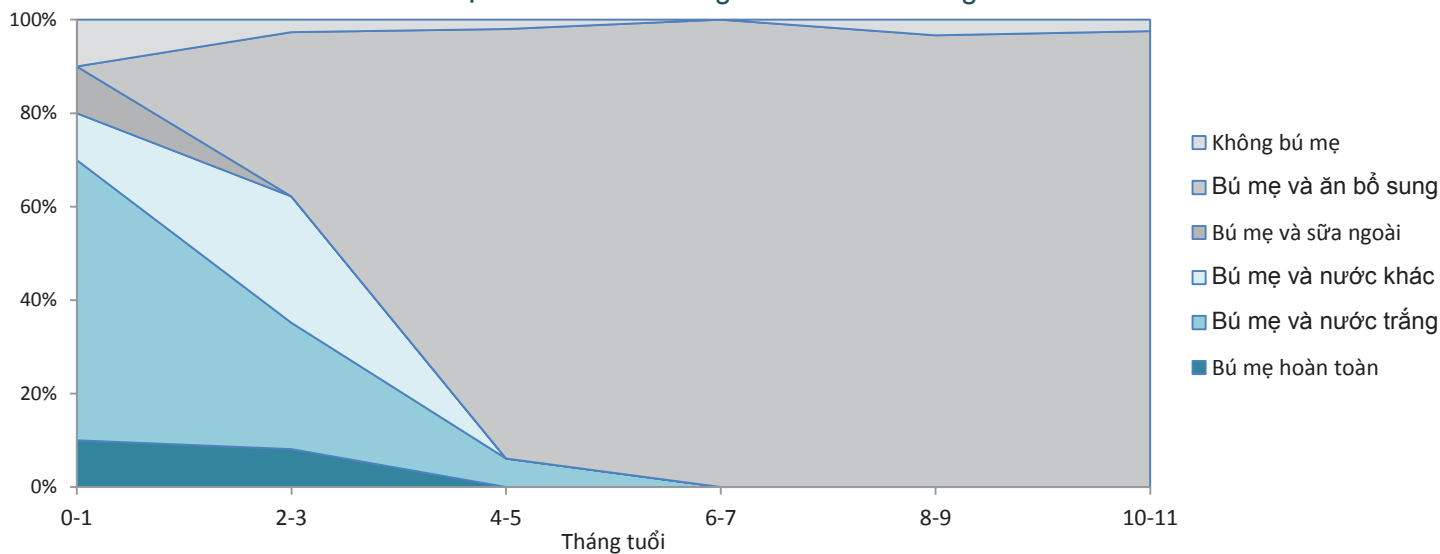
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. n

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



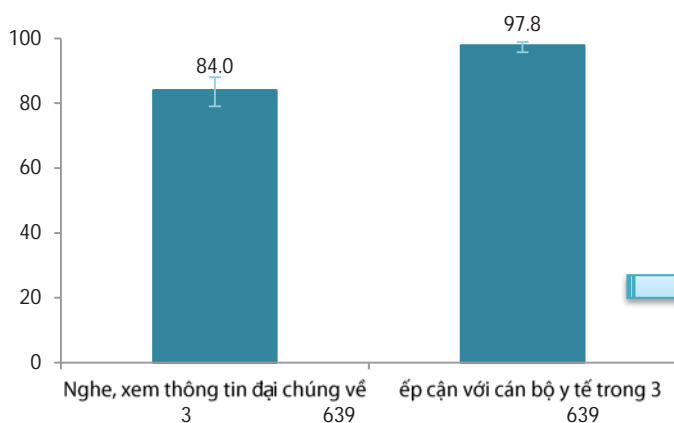
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



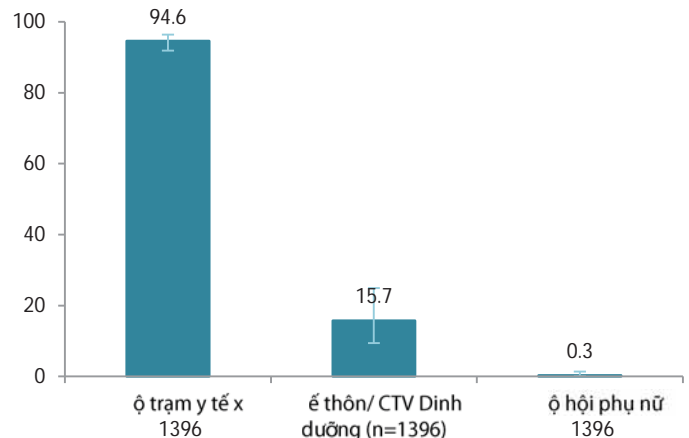
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

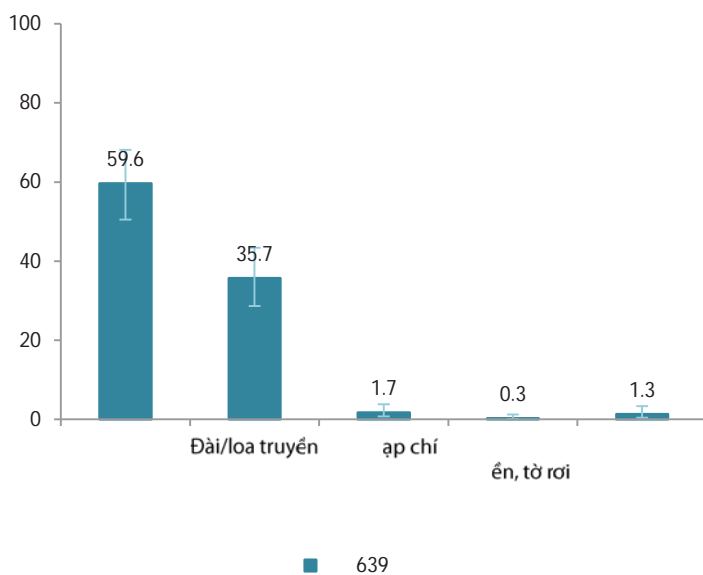
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



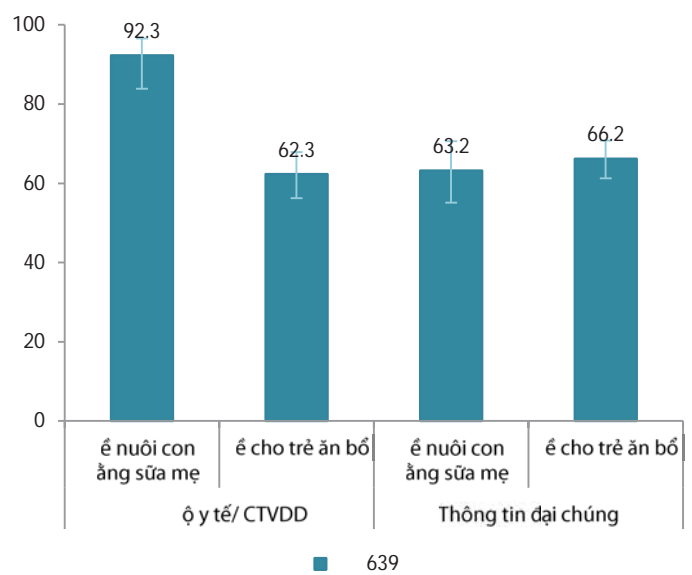
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



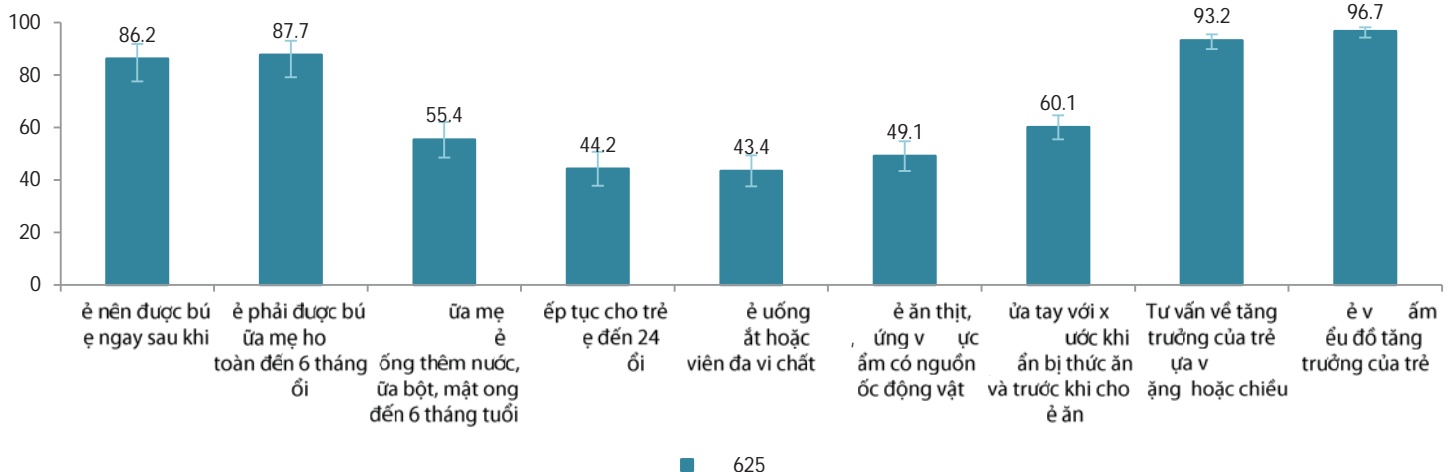
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Điện Biên

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 6%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 52.2% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 31.9%, nhẹ cân là 20.8% và gầy còm là 6.9%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 2.4%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 98.4%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 25.4% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 60.1%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 86.9%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 29.9%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 82.9%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

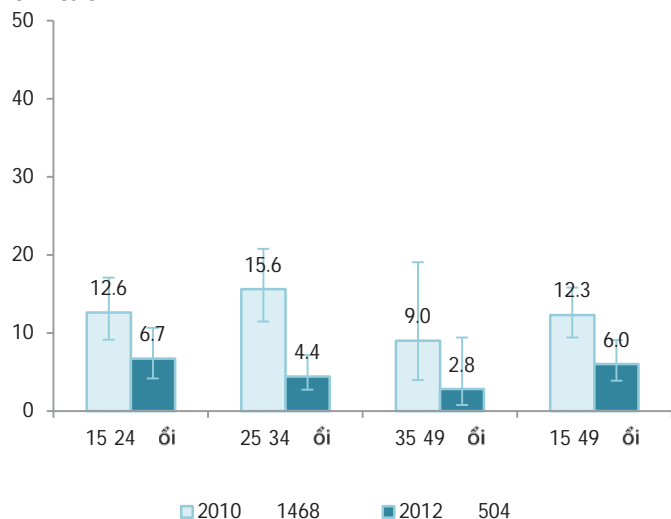
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 8 | Số bệnh viện | 12 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 112 | Số phòng khám đa khoa | 18 |
| Số thôn/bản | 1,602 | Số trạm y tế xã | 112 |
| Dân số | 515,001 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 66,386 | Số bác sỹ | 273 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 27,285 | Số y sỹ | 886 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 579 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 81.6% | Số nữ hộ sinh | 240 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 46.4% | Số y tế thôn bản | 1,383 |

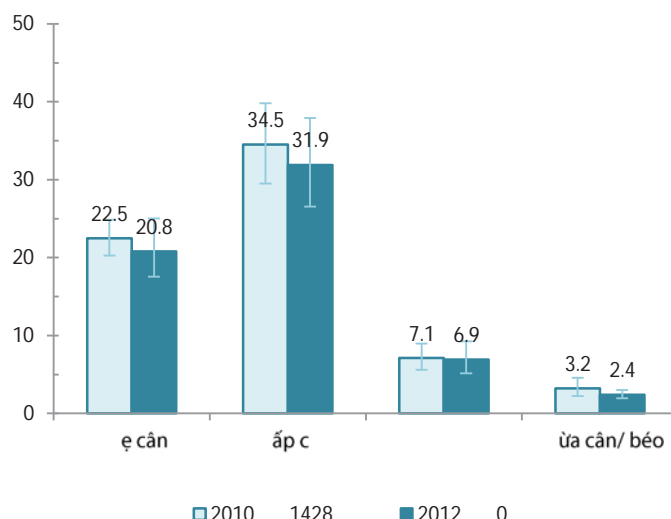
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

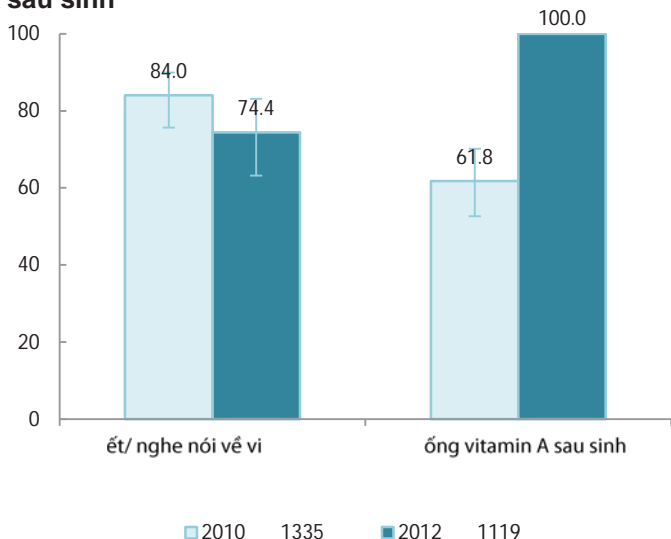
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



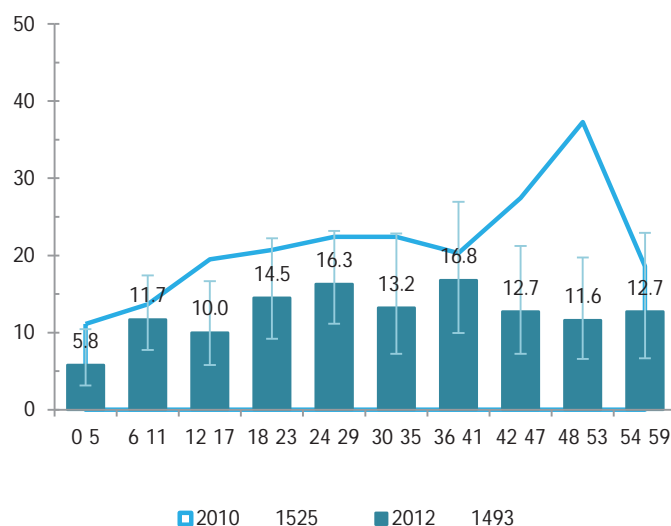
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



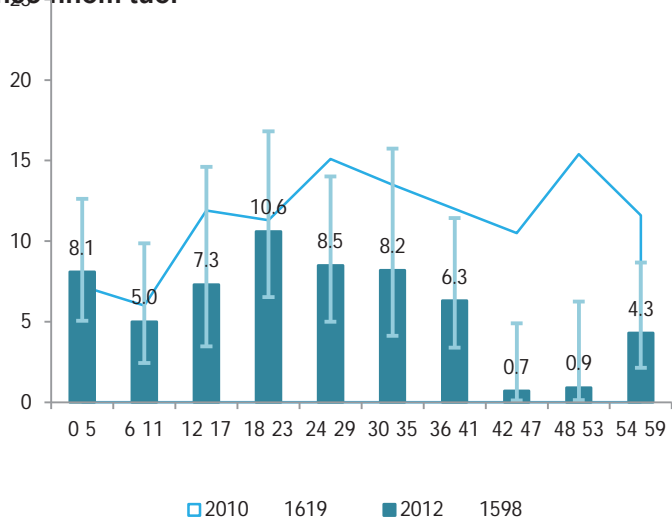
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



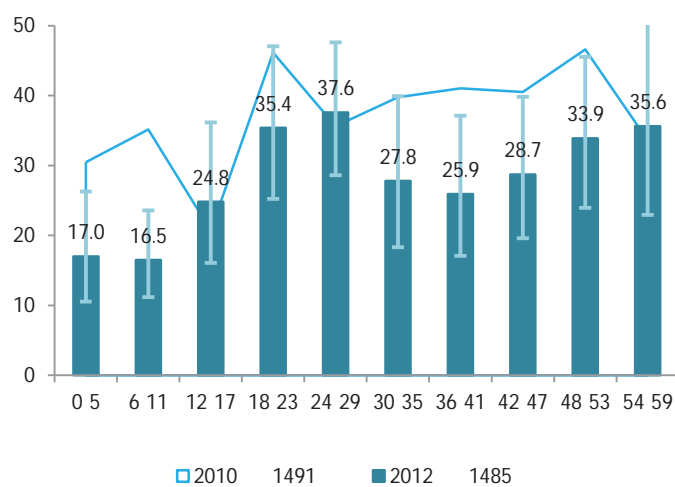
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



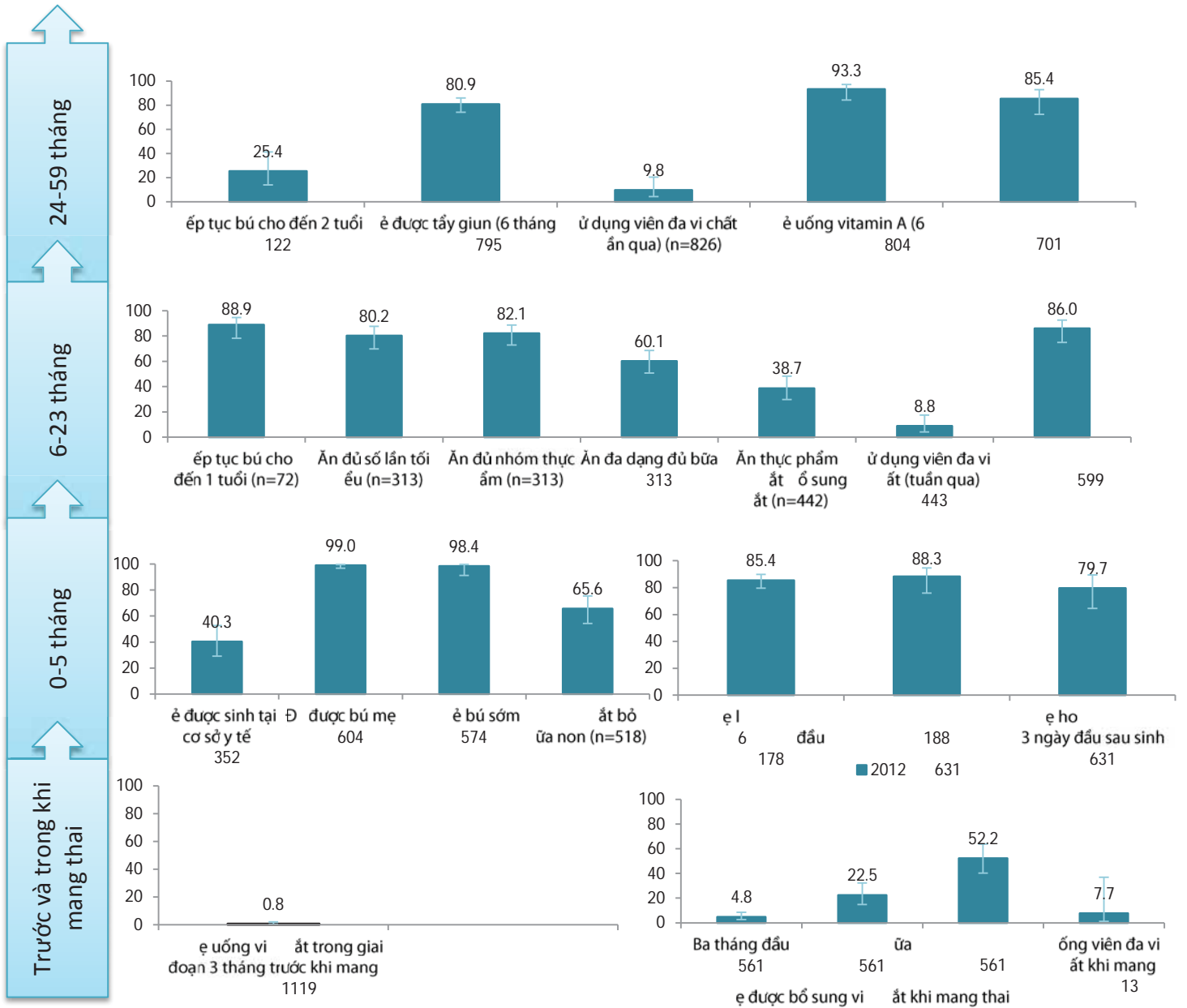
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



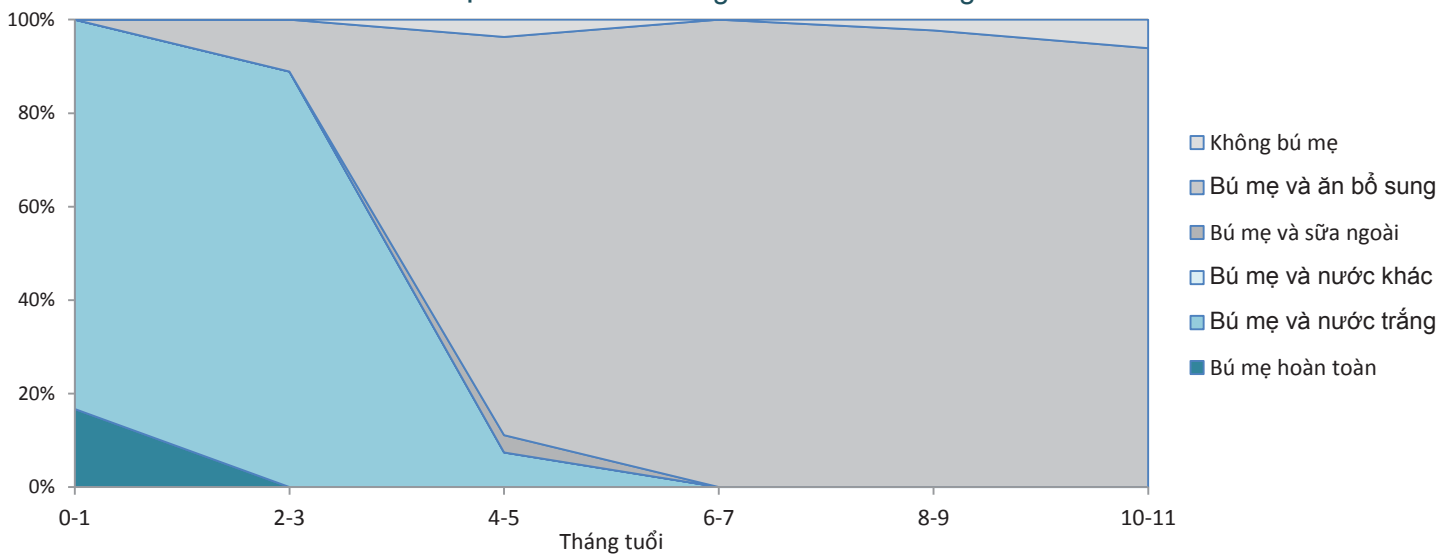
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



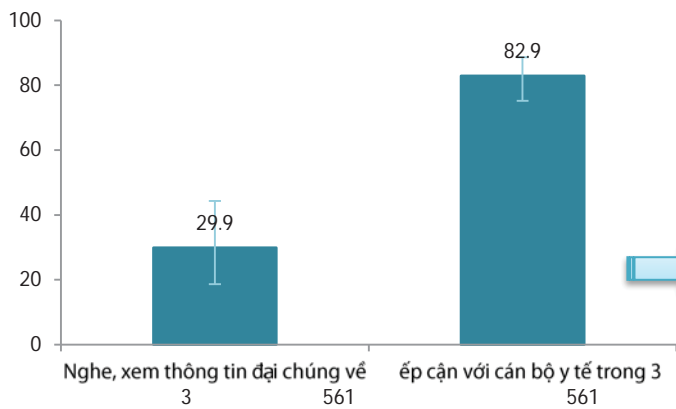
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



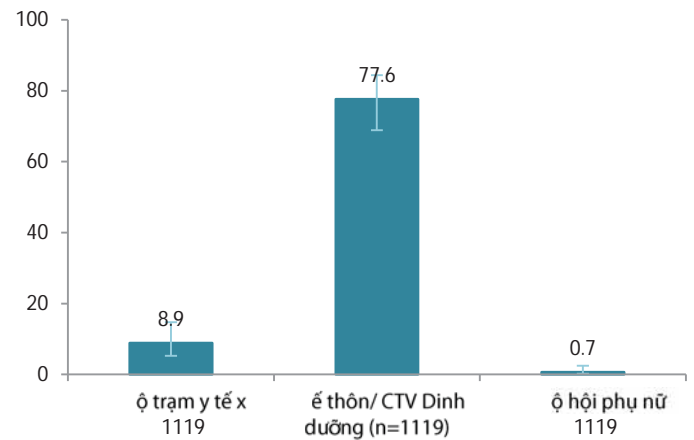
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Điện Biên

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

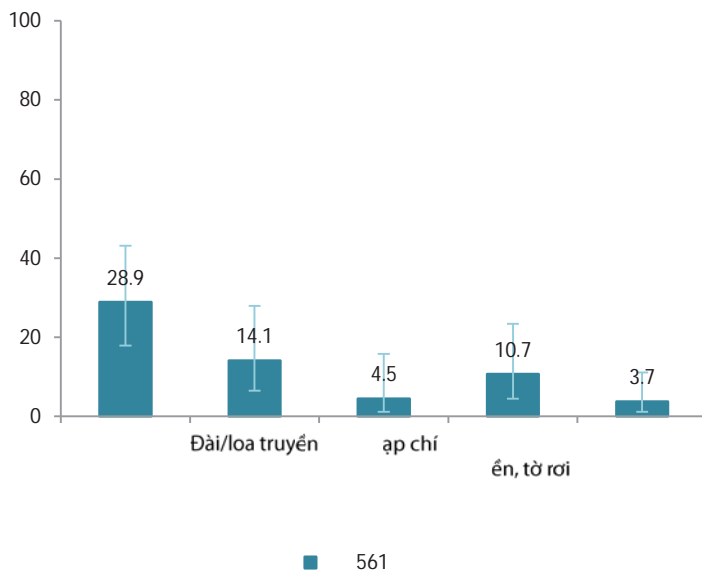
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



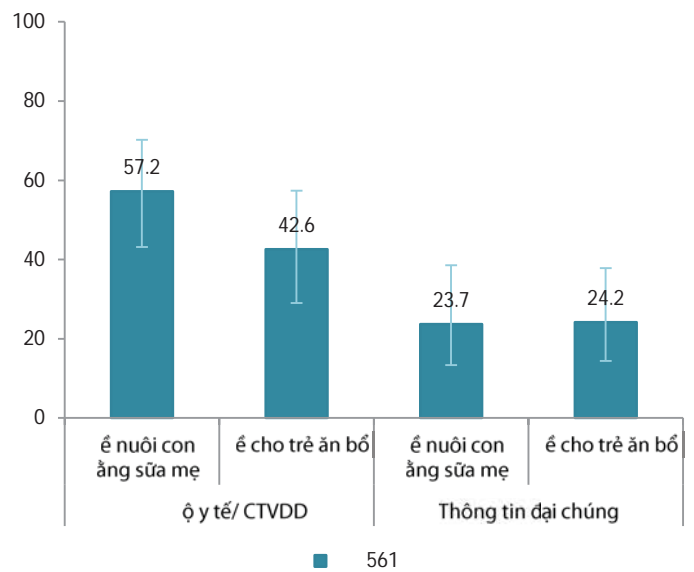
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



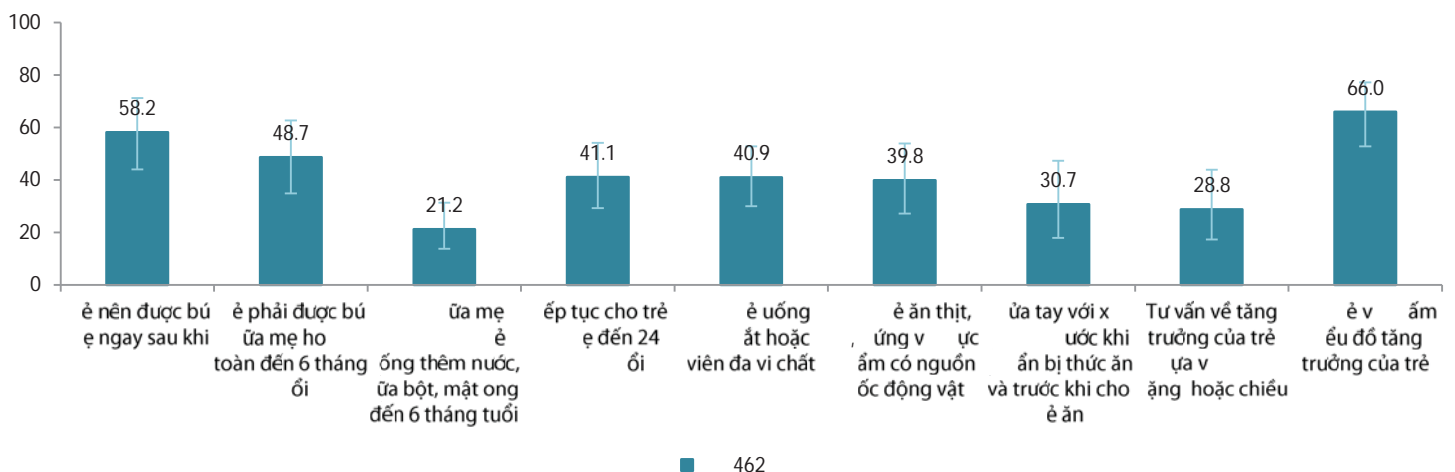
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 21.5%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 57.7% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 12.5%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 31.6%, nhẹ cân là 20.8% và gầy còm là 7.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 2.3%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 68%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 25.4% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 56.8%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 91.2%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 90%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 88.3%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

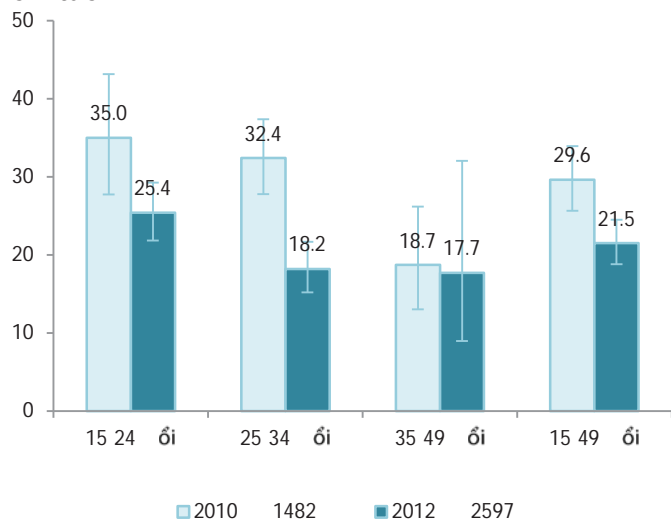
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 26 | Số bệnh viện | 36 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 637 | Số phòng khám đa khoa | 13 |
| Số thôn/bản | 6,041 | Số trạm y tế xã | 637 |
| Dân số | 3,408,347 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 243,977 | Số bác sỹ | 1,747 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 100,275 | Số y sỹ | 2,867 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,570 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 17.6% | Số nữ hộ sinh | 550 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 22.6% | Số y tế thôn bản | 5,897 |

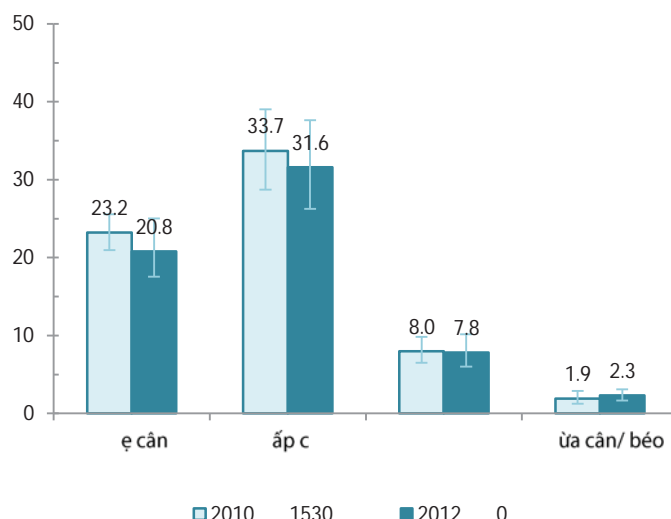
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

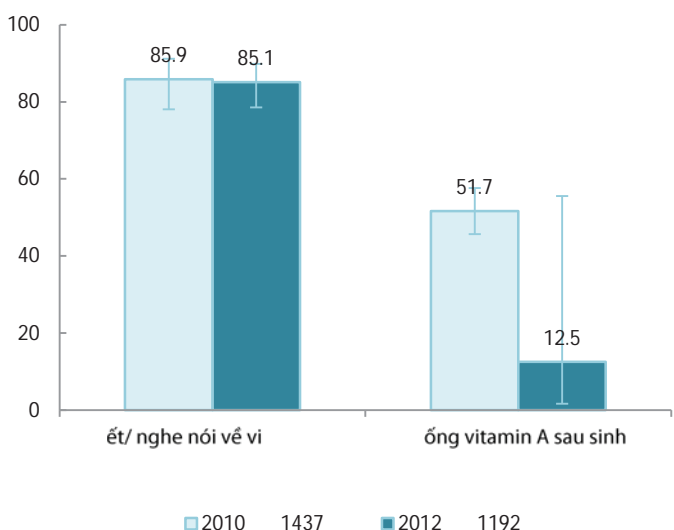
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



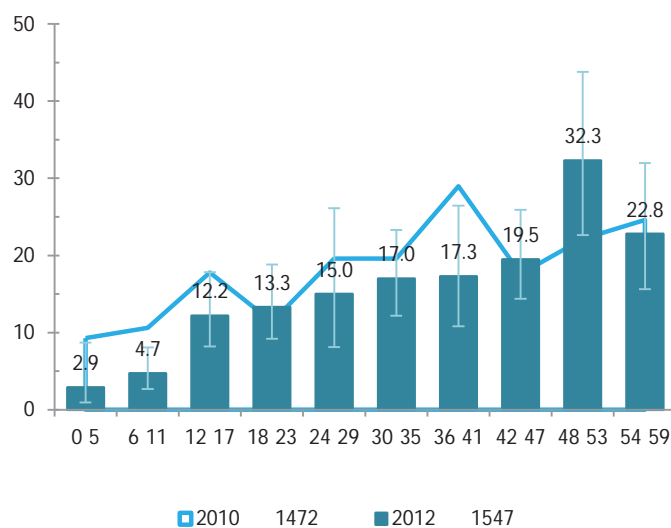
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



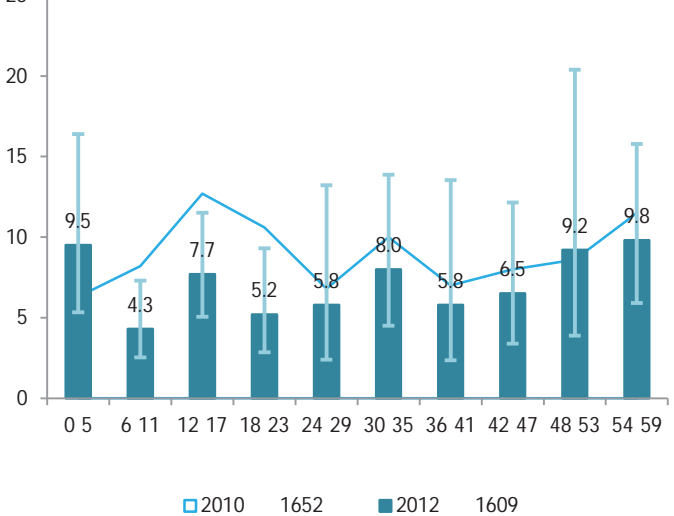
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



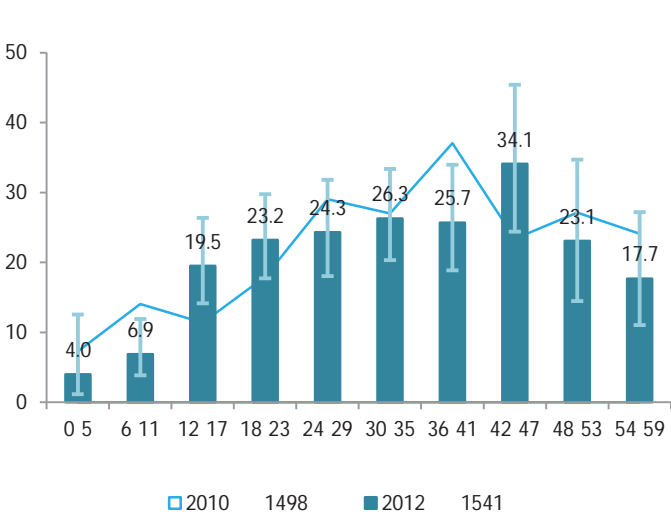
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



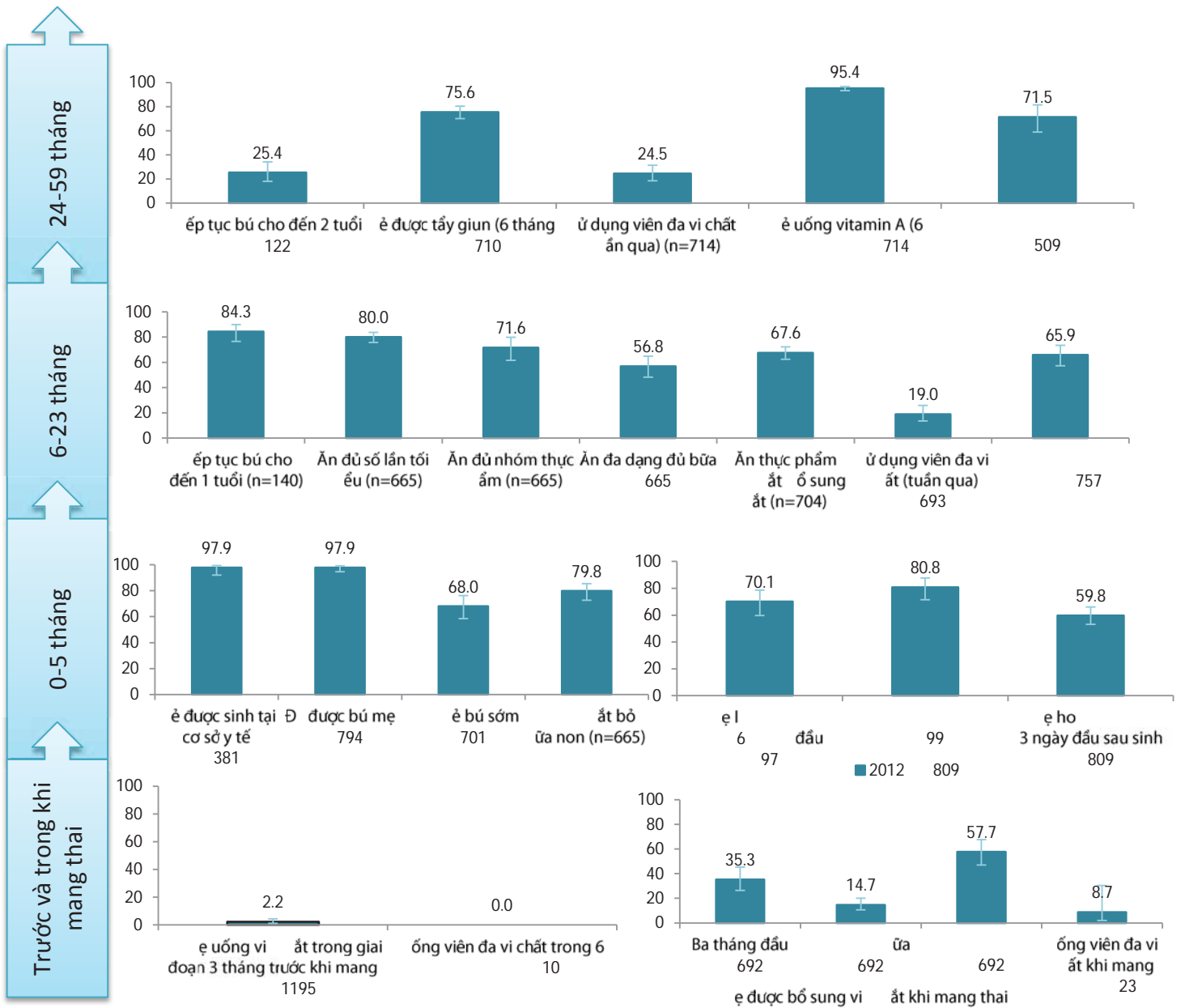
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



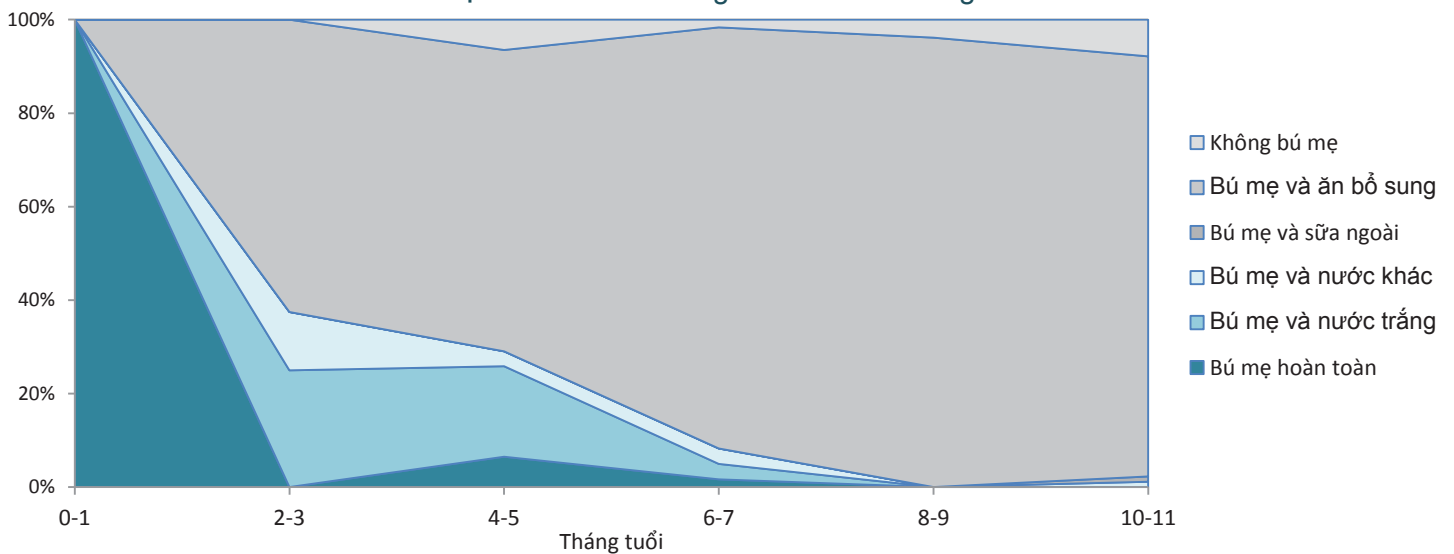
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. T n

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

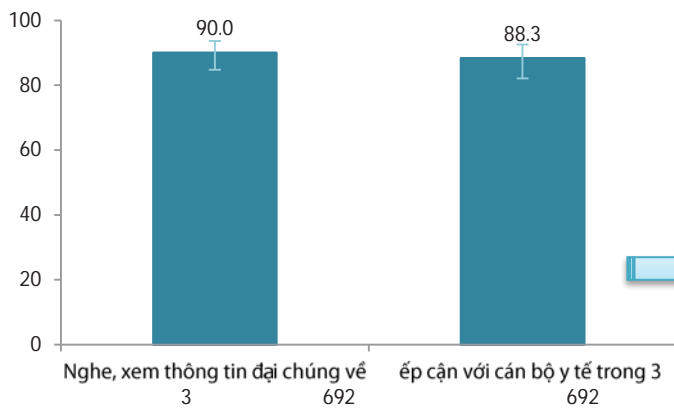


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

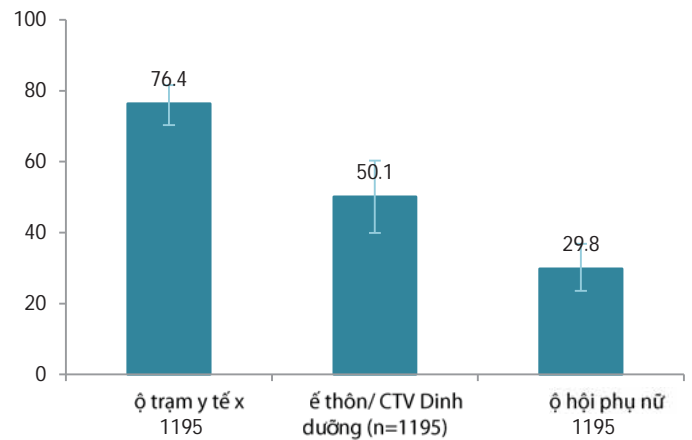
T n

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

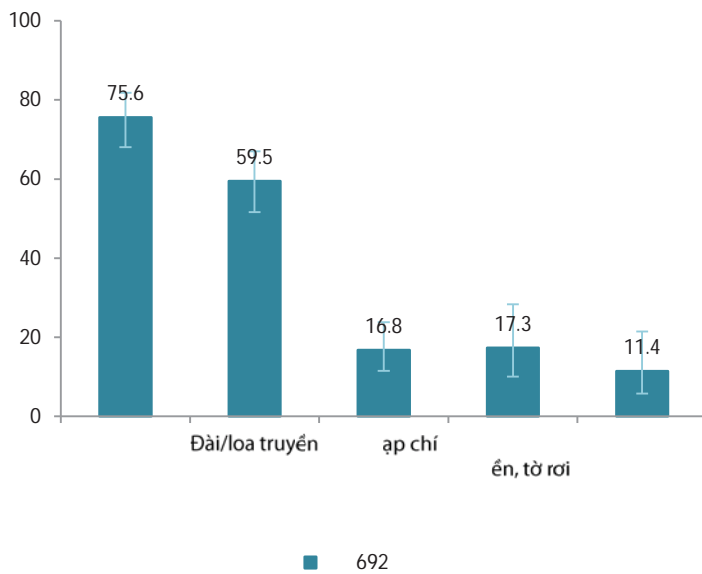
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



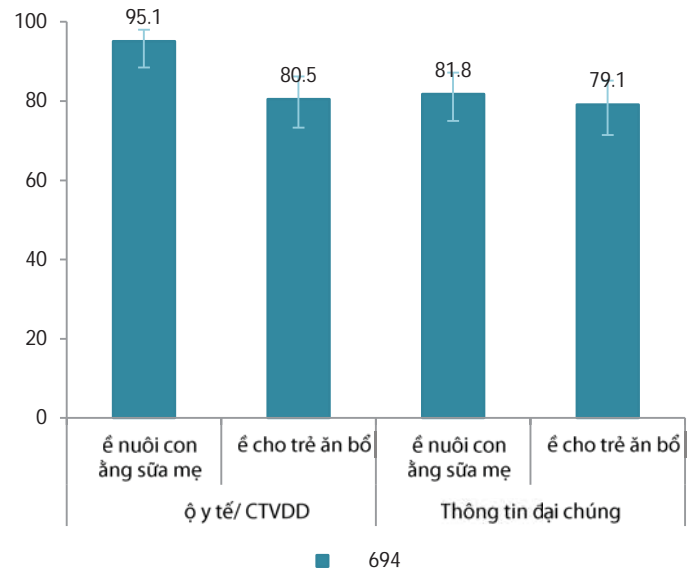
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



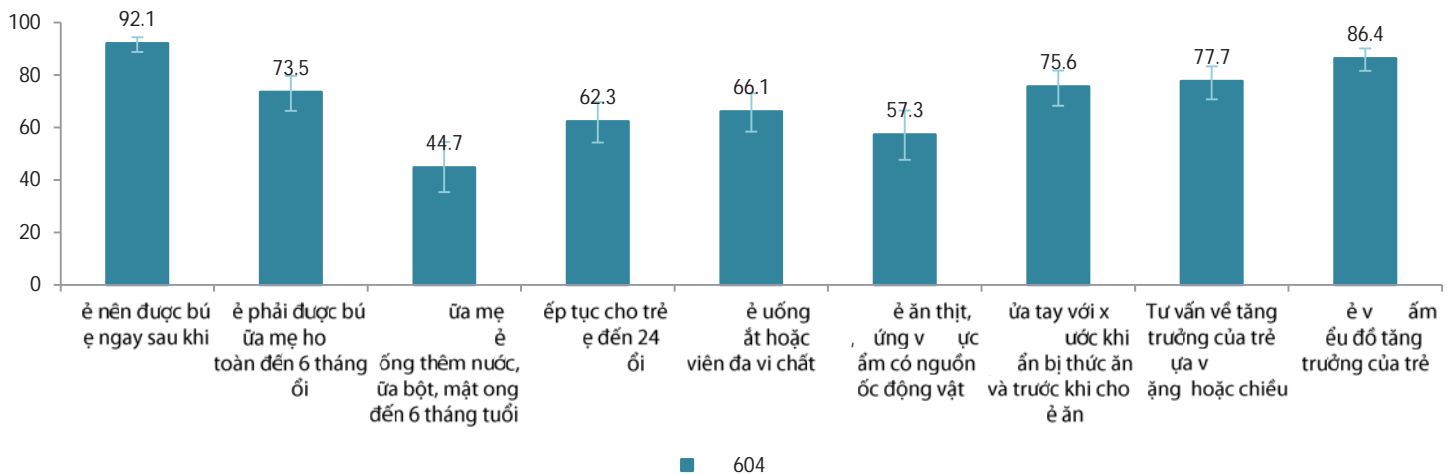
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Nghệ An

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 20%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 53.6% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 30.8%, nhẹ cân là 20.2% và gầy còm là 7.7%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 72.1%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 27.6% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 58.3%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 94.5%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 69.2%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 94.5%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

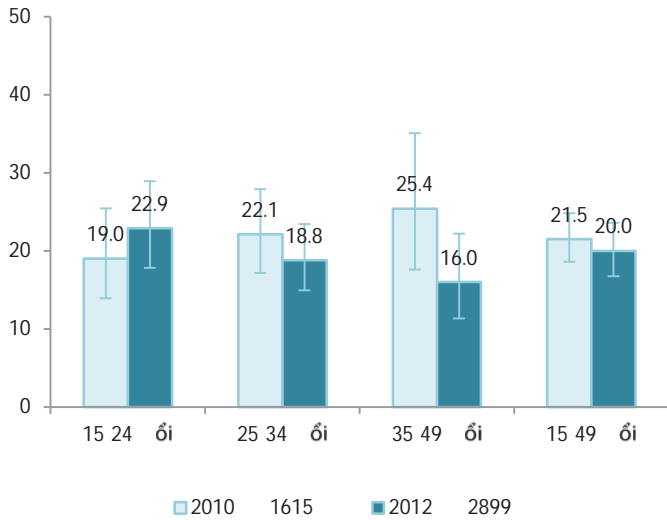
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 19 | Số bệnh viện | 25 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 479 | Số phòng khám đa khoa | 22 |
| Số thôn/bản | 5,609 | Số trạm y tế xã | 479 |
| Dân số | 2,919,210 | Số nhà hộ sinh | 27 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 240,493 | Số bác sỹ | 1,361 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 98,843 | Số y sỹ | 1,327 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 2,629 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 14.5% | Số nữ hộ sinh | 799 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 22.5% | Số y tế thôn bản | 5,595 |

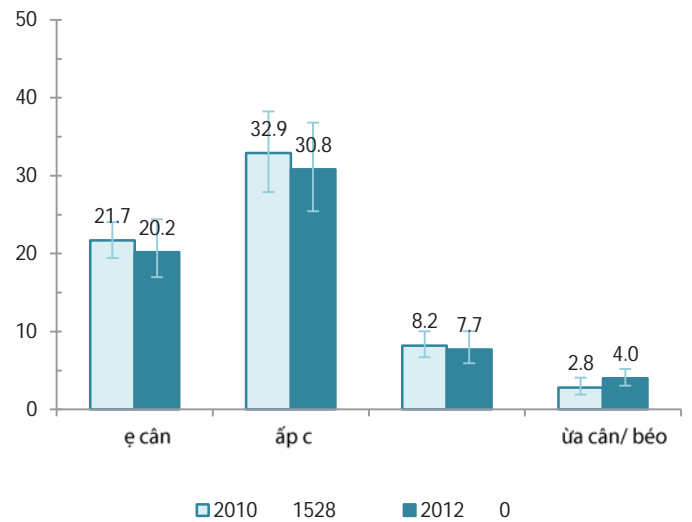
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

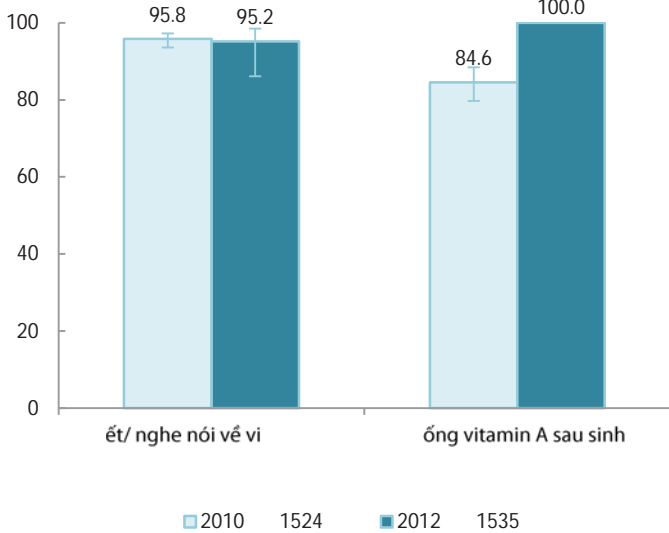
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



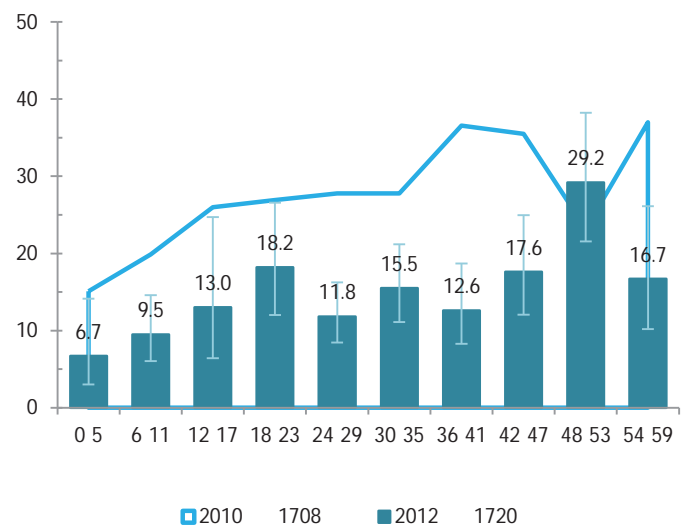
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



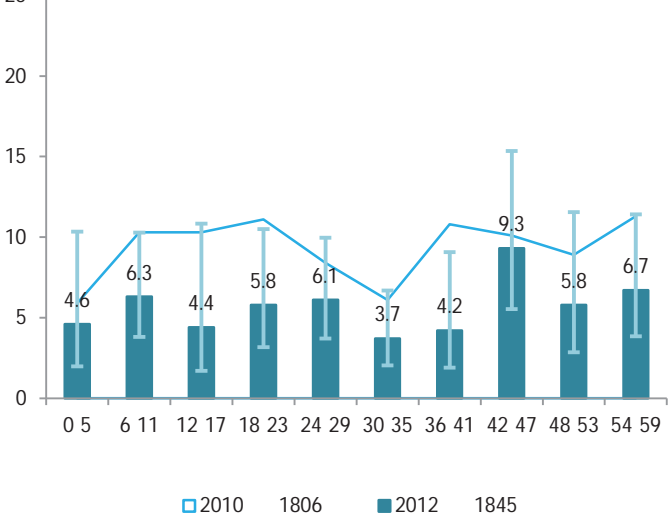
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



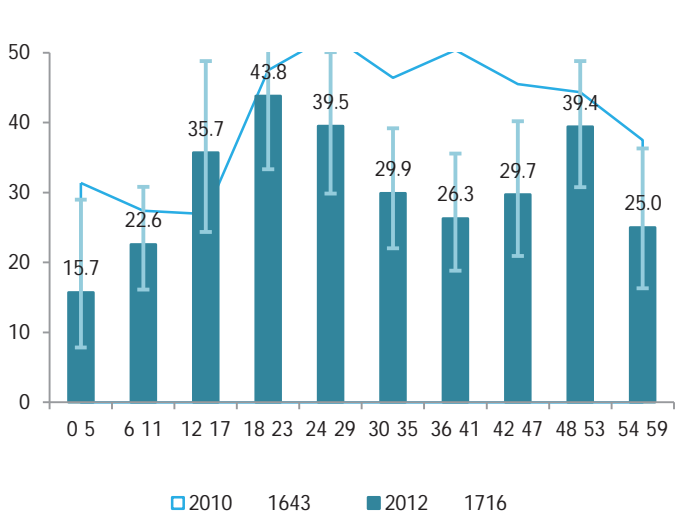
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



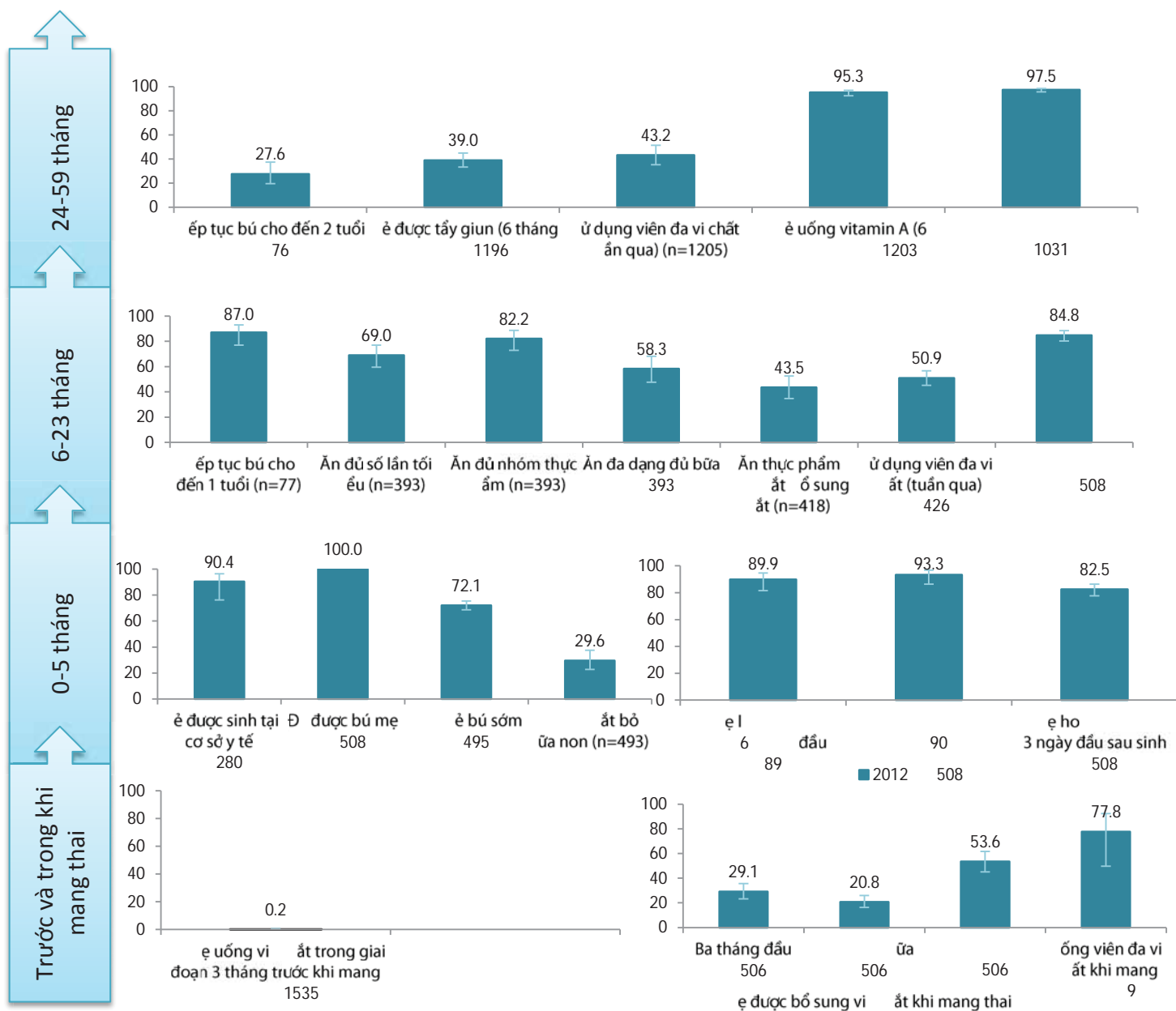
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



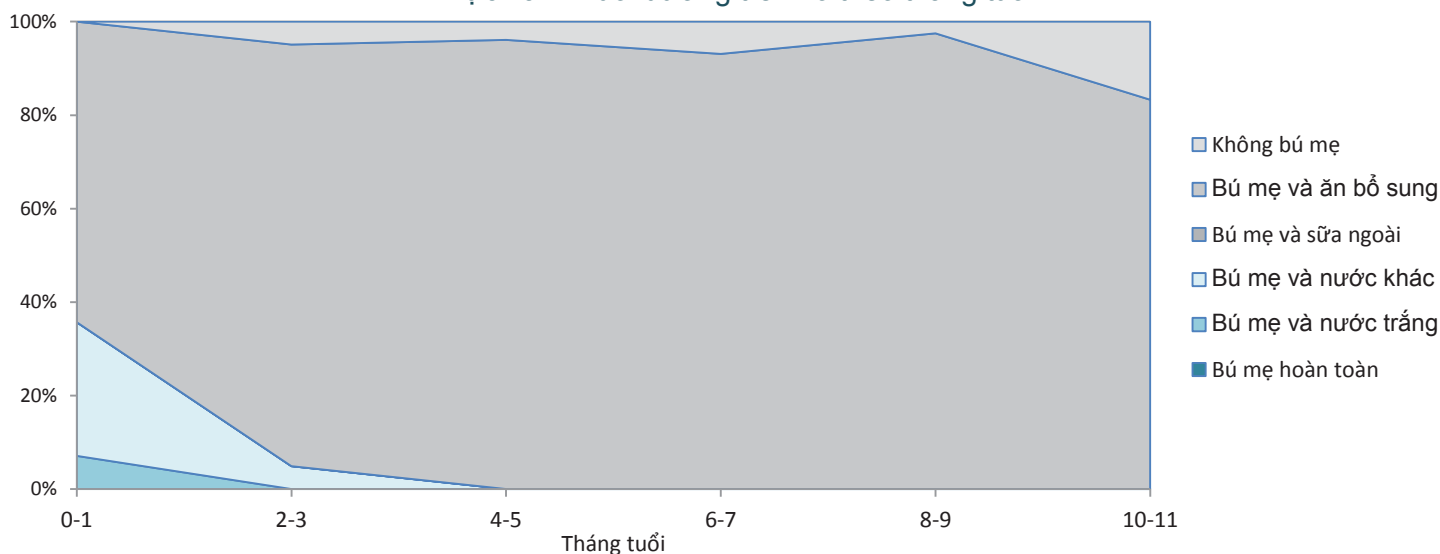
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

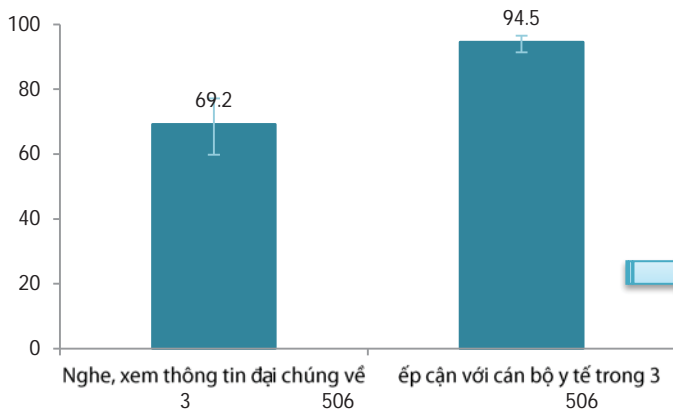


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

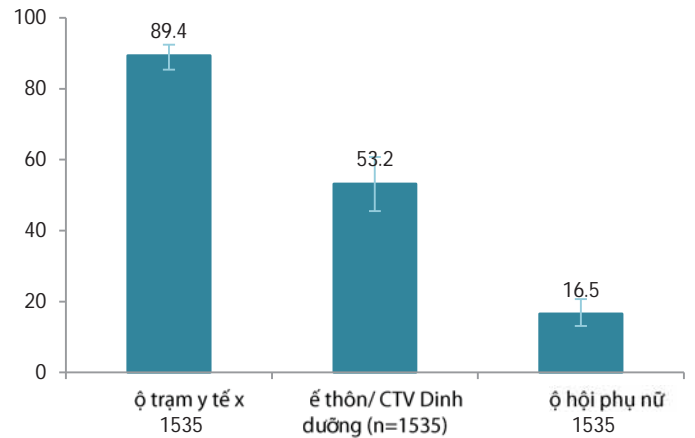
3 Nghệ An

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

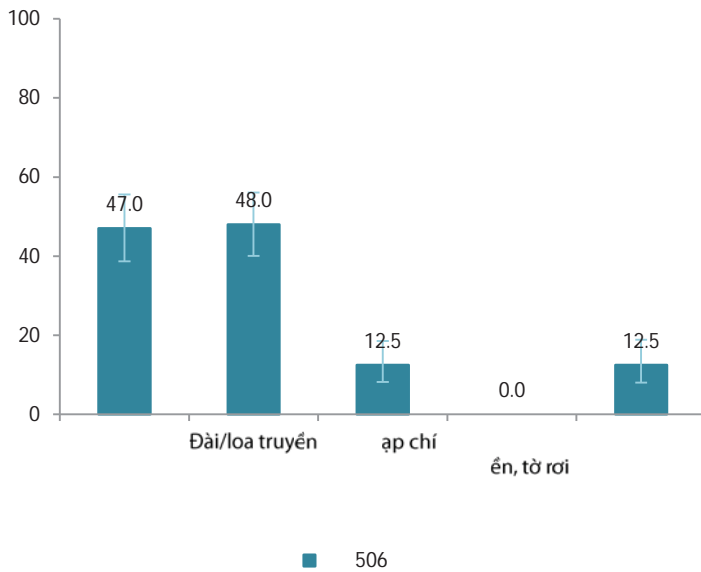
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



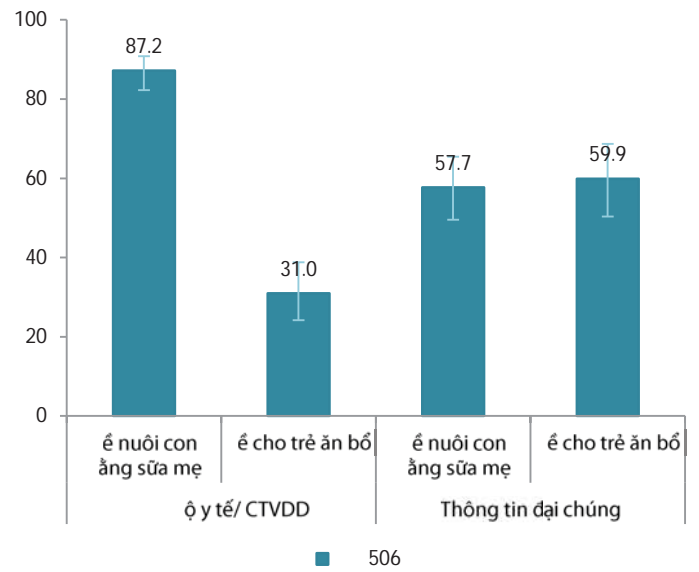
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



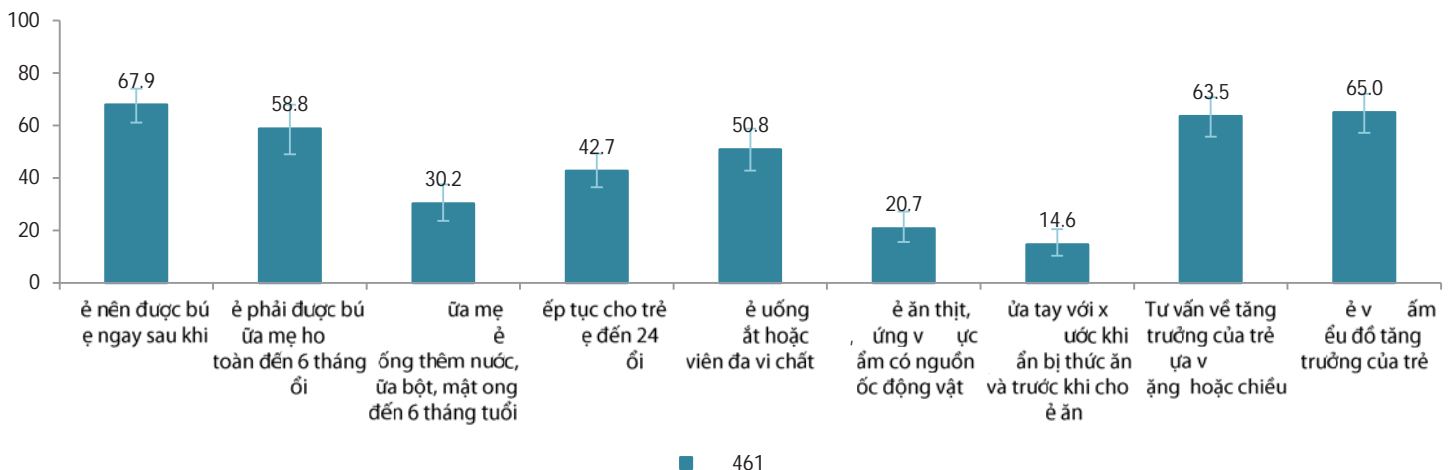
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Hà Tĩnh

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 22.6%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 60.3% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 19%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 31.9%, nhẹ cân là 19.2% và gầy còm là 7.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 2%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 76.4%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 40% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 17.3%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 91.9%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 25.6%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 88.1%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

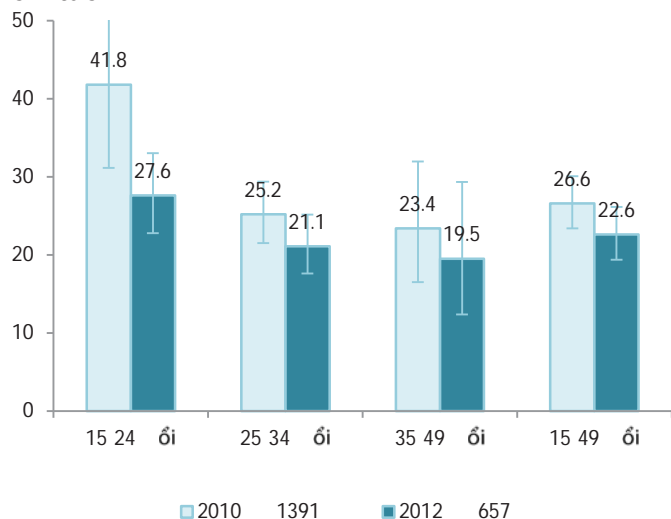
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 11 | Số bệnh viện | 17 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 262 | Số phòng khám đa khoa | 13 |
| Số thôn/bản | 2,812 | Số trạm y tế xã | 262 |
| Dân số | 1,228,392 | Số nhà hộ sinh | 1 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 80,054 | Số bác sỹ | 689 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 32,902 | Số y sỹ | 1,155 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,125 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 0.2% | Số nữ hộ sinh | 466 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 23.8% | Số y tế thôn bản | 2,757 |

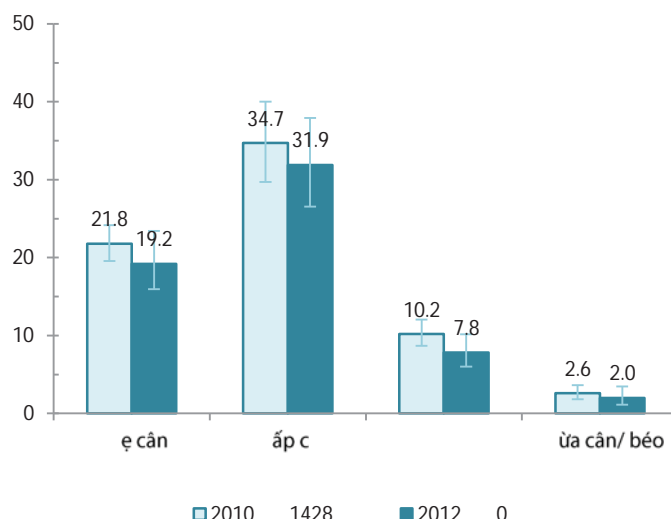
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

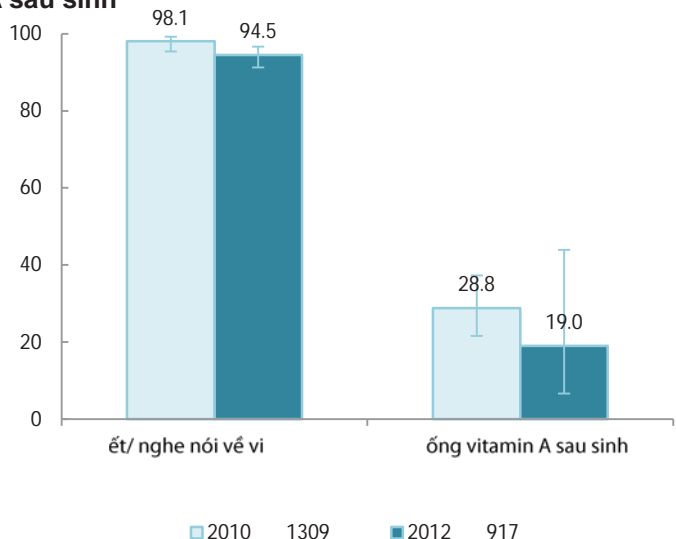
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



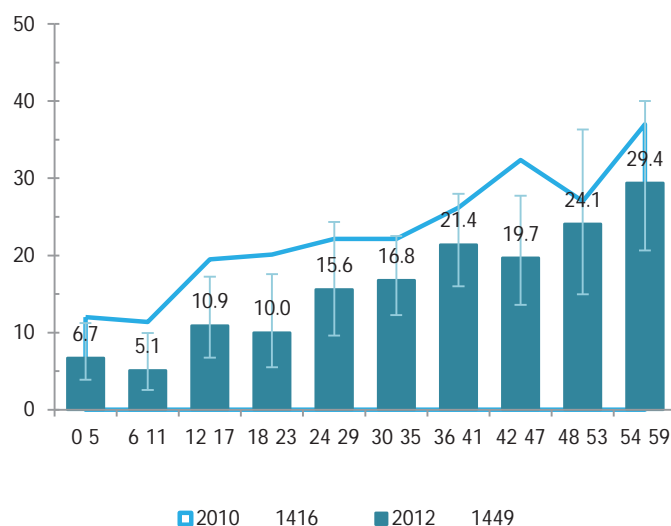
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



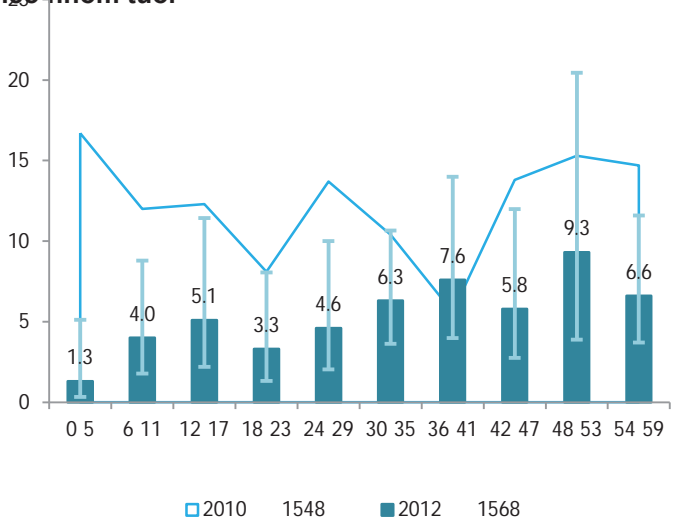
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



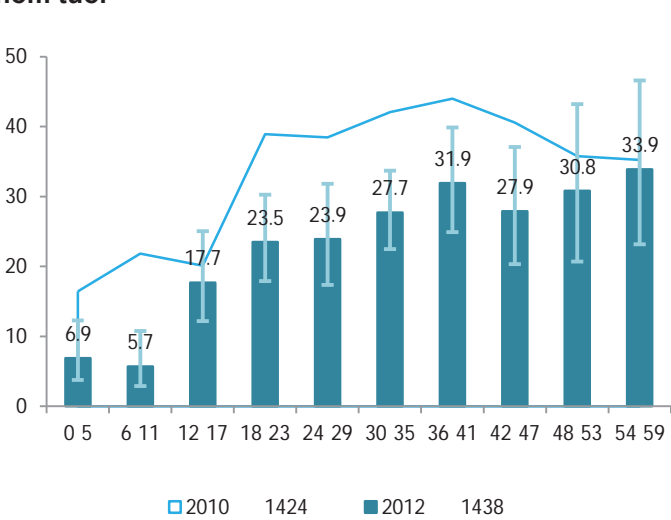
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



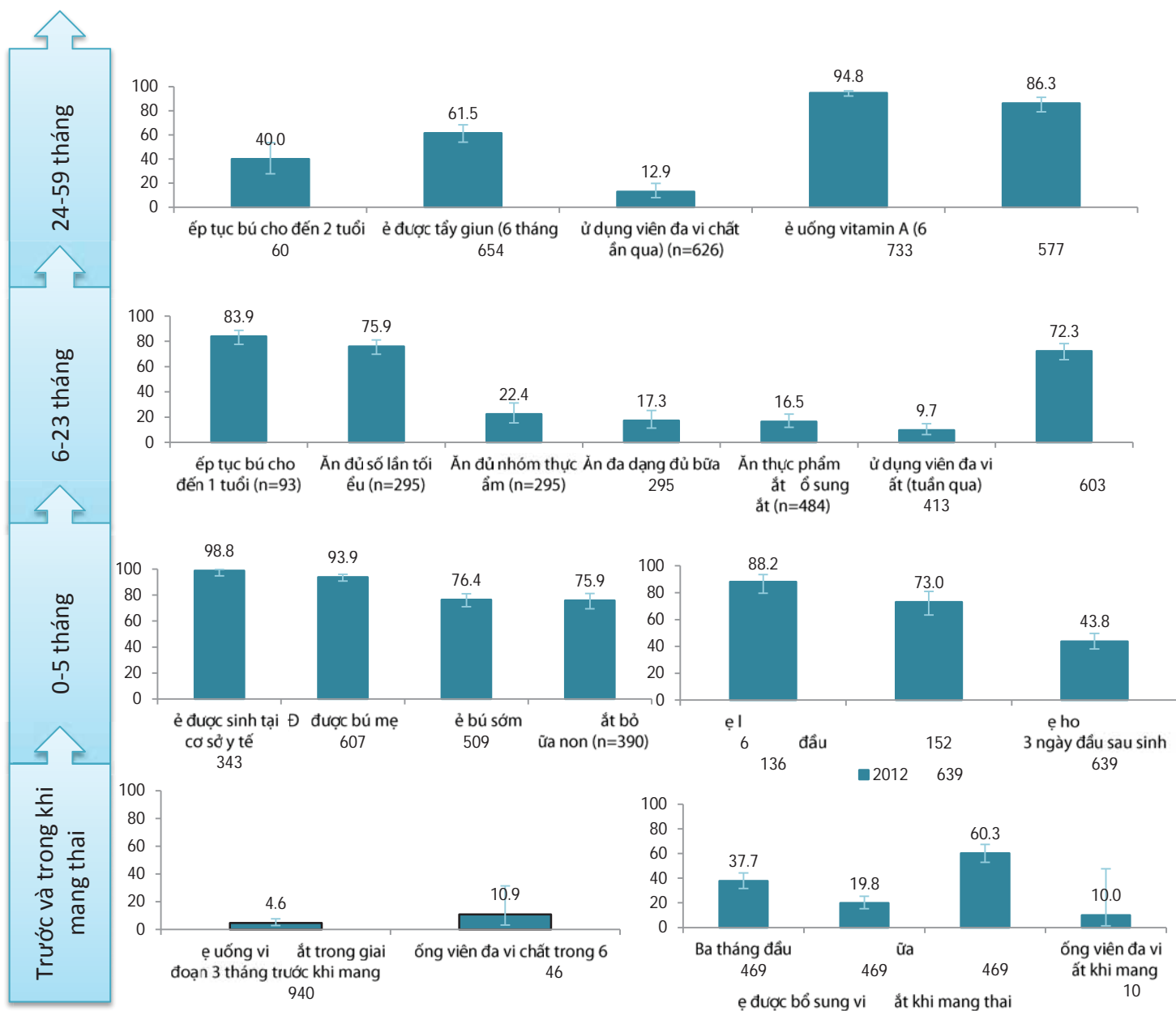
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



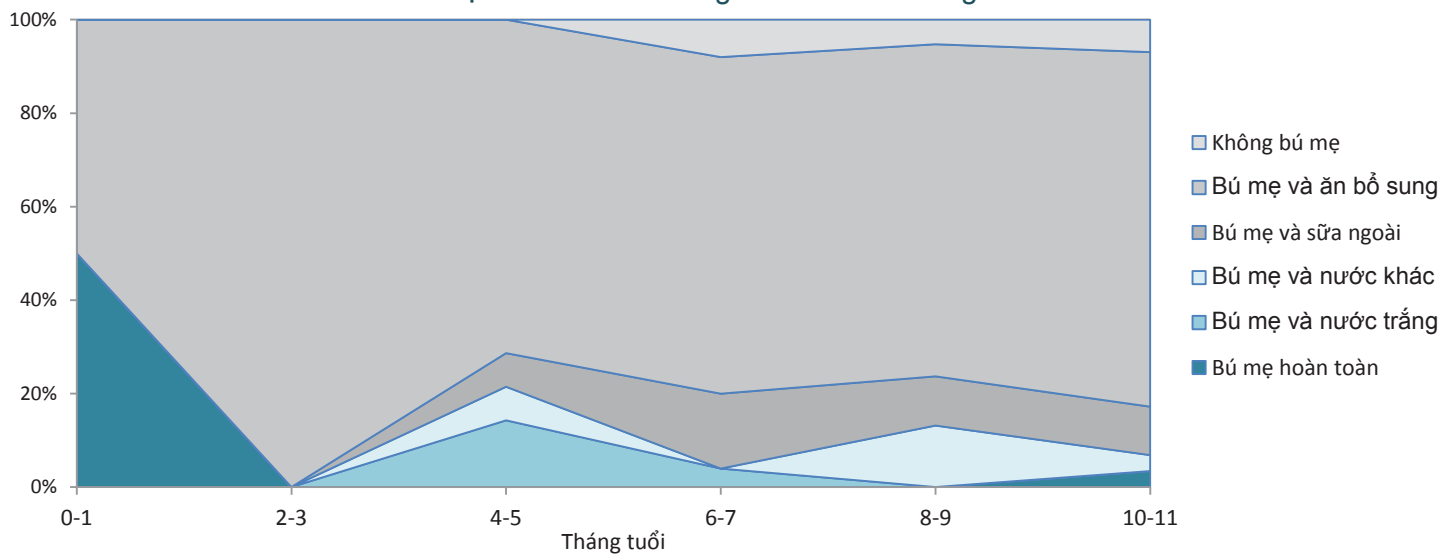
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

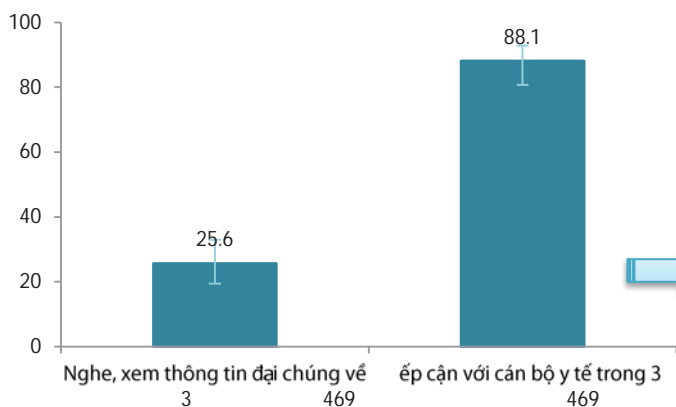


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

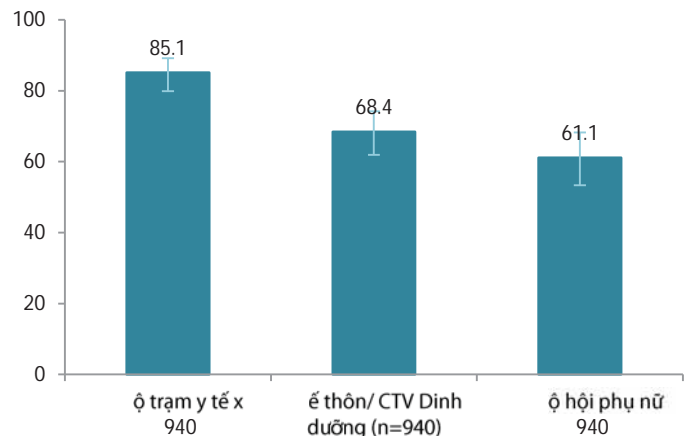
3 Hà Tĩnh

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

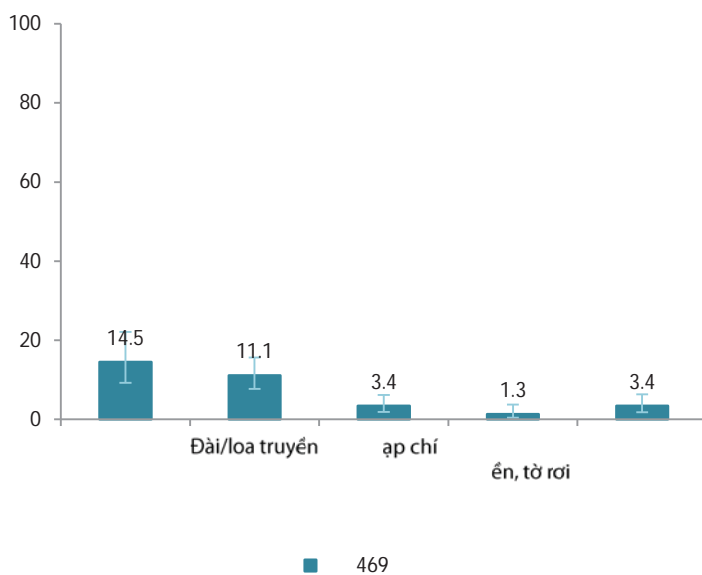
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



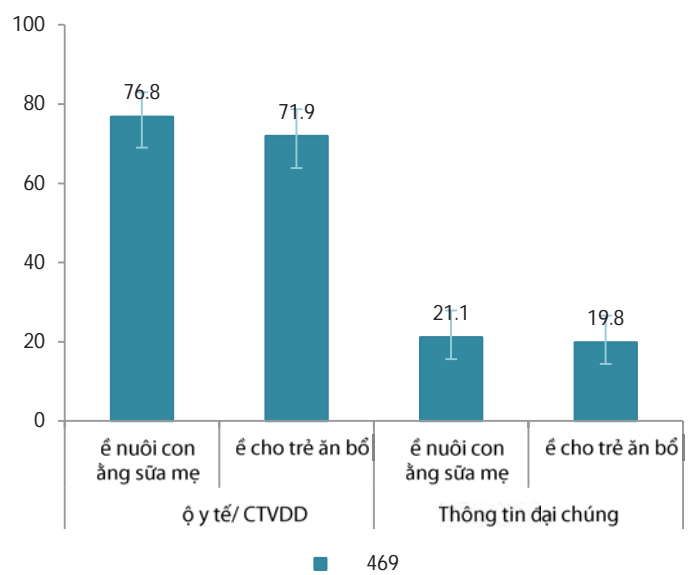
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



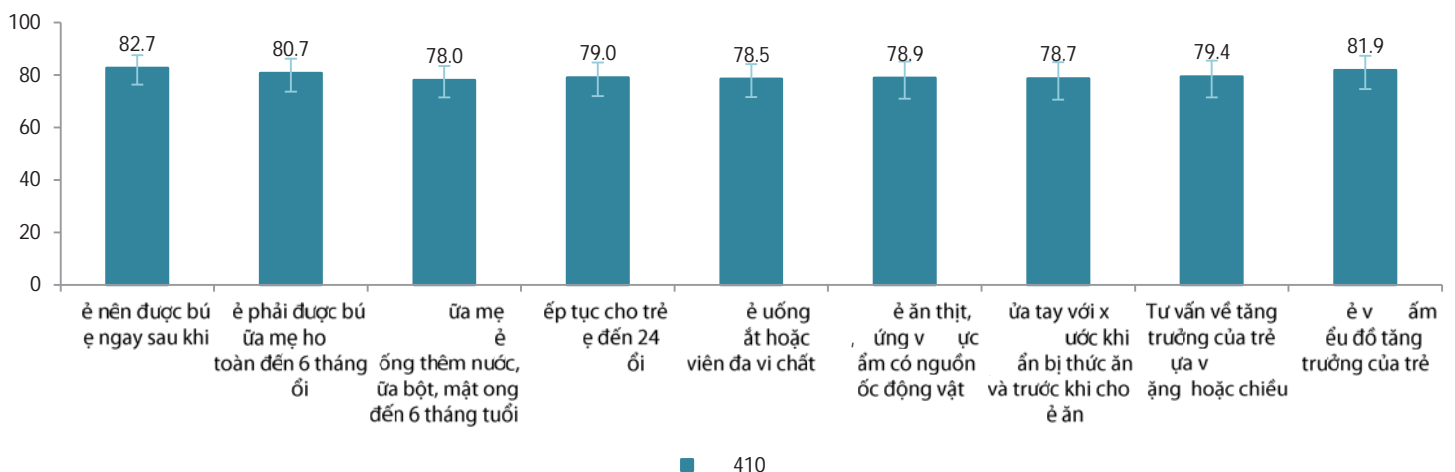
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Quảng Bình

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 17.7%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 83.9% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 96.4%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 32.4%, nhẹ cân là 21% và gầy còm là 7.1%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 3.1%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 78.9%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 19.1% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 71.8%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 92.2%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 83.5%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 95.8%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

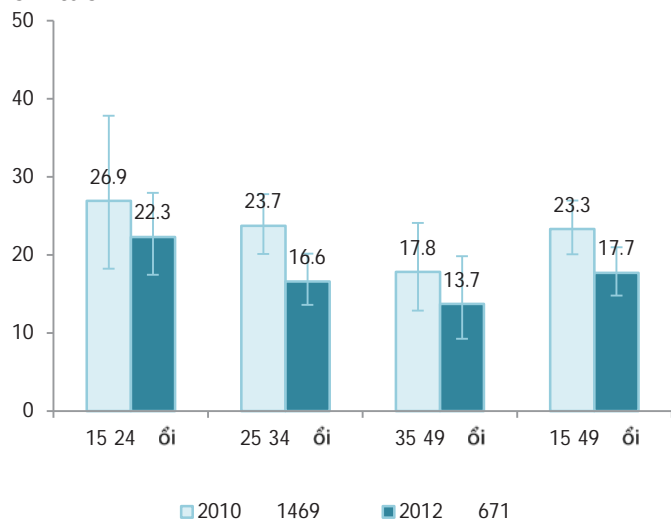
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 6 | Số bệnh viện | 8 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 159 | Số phòng khám đa khoa | 5 |
| Số thôn/bản | 1,243 | Số trạm y tế xã | 159 |
| Dân số | 852,376 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 62,771 | Số bác sỹ | 413 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 25,799 | Số y sỹ | 441 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 503 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 2.4% | Số nữ hộ sinh | 355 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 23.0% | Số y tế thôn bản | 1,233 |

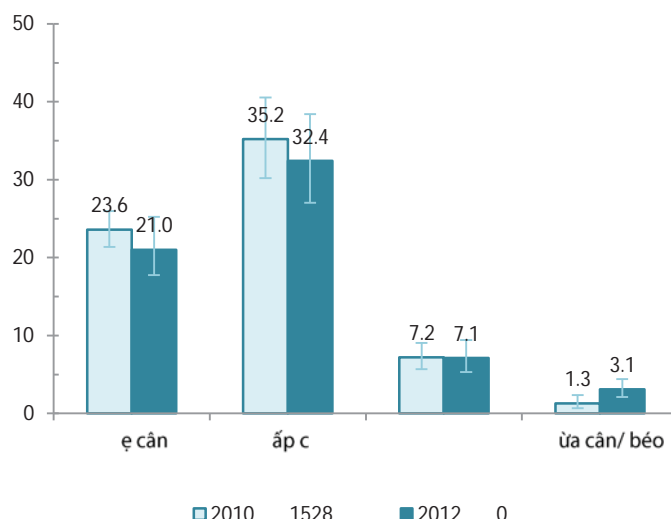
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

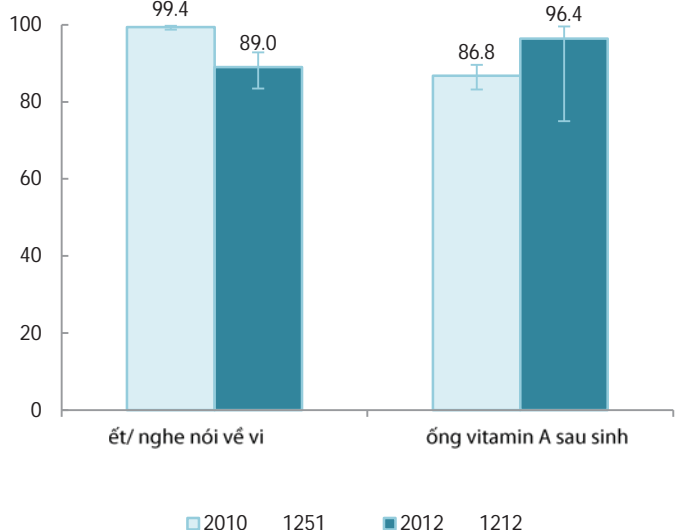
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



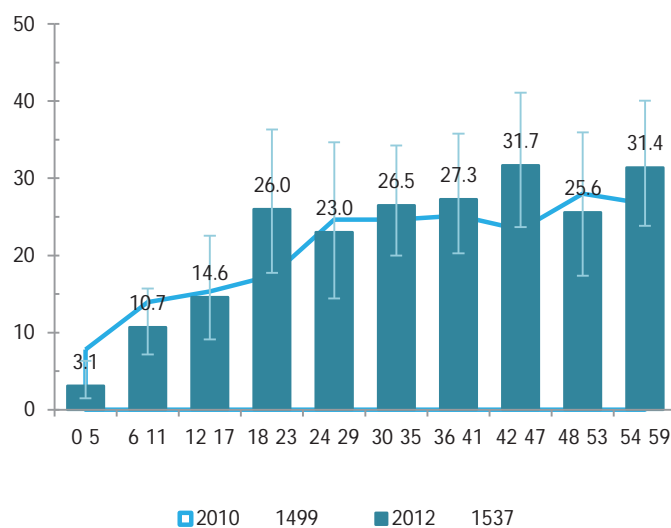
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



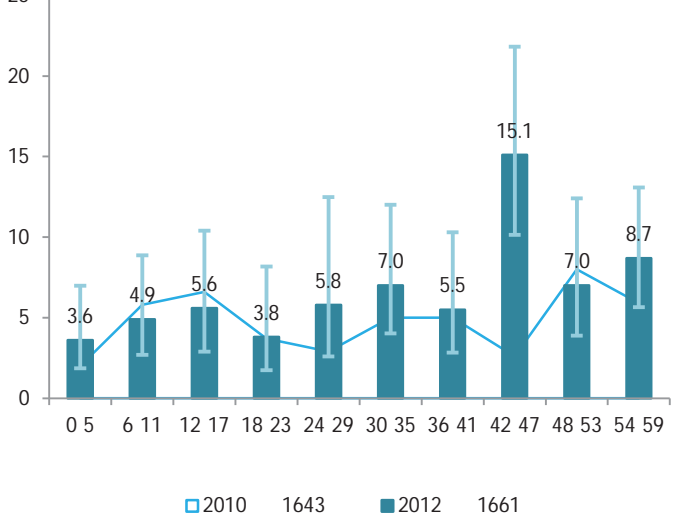
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



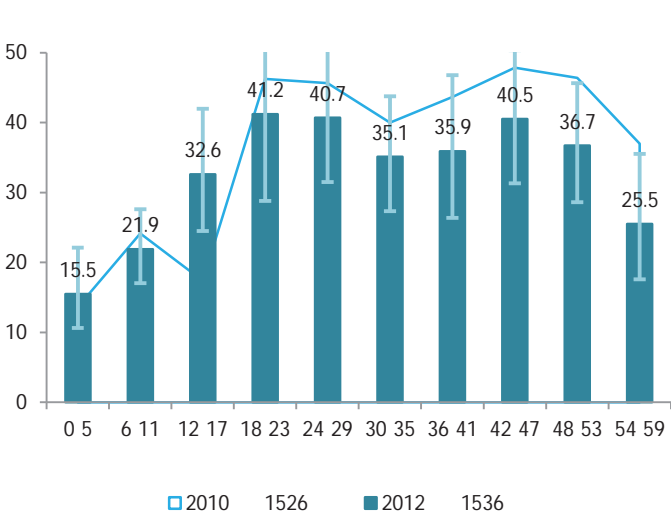
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



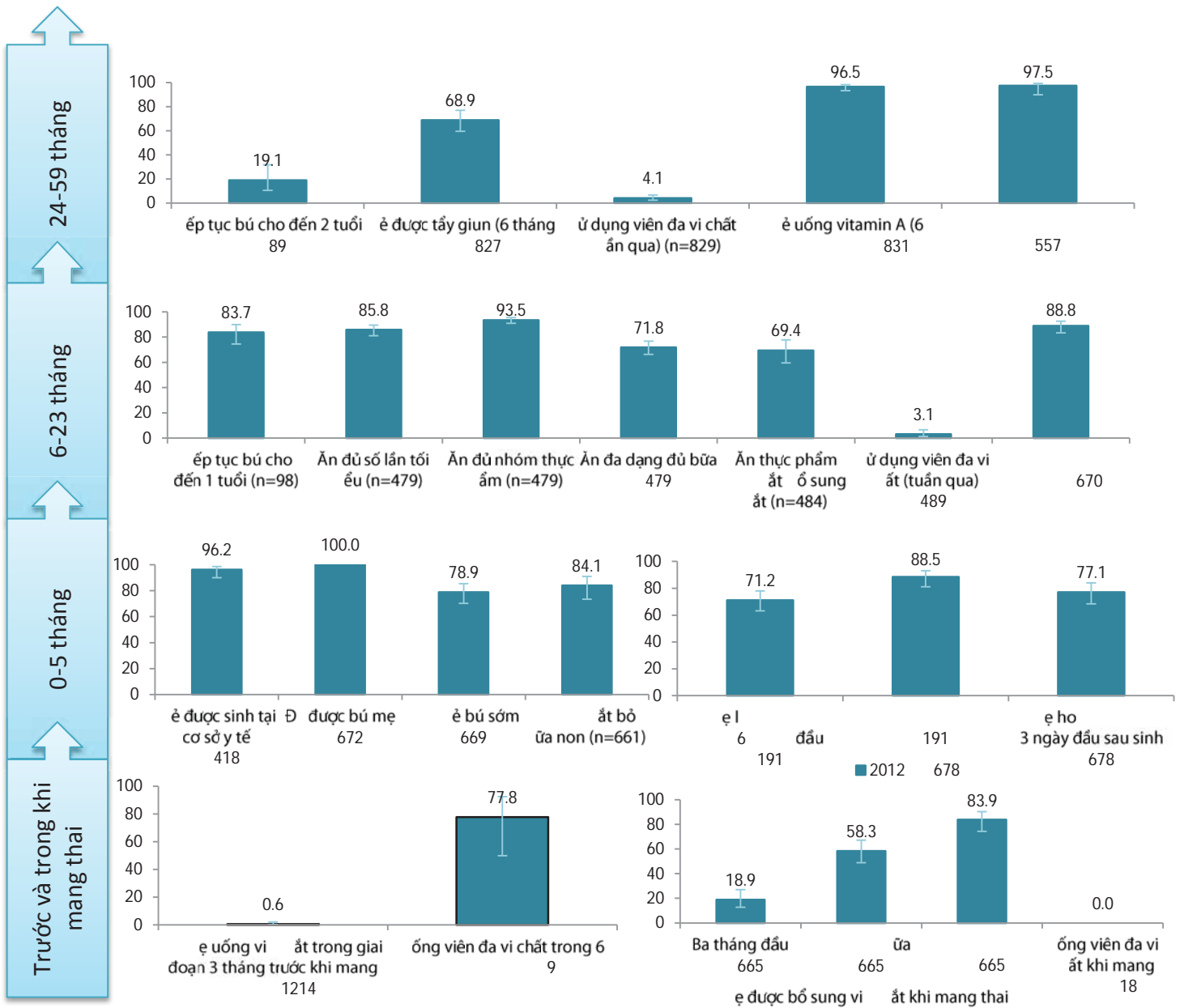
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



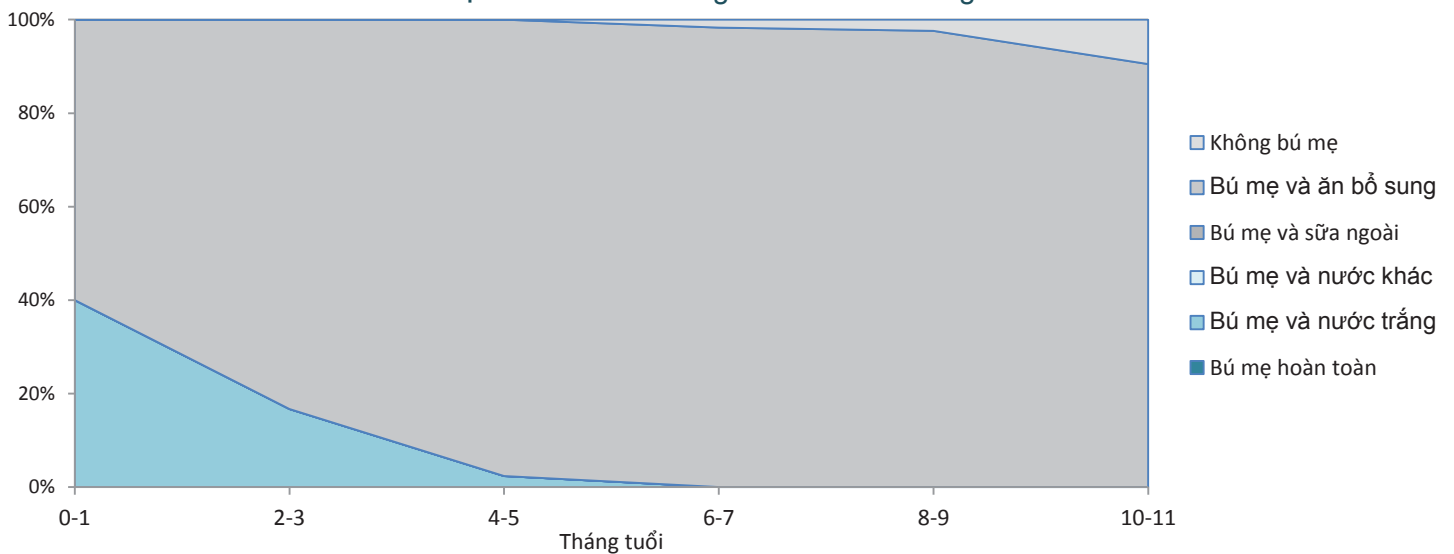
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



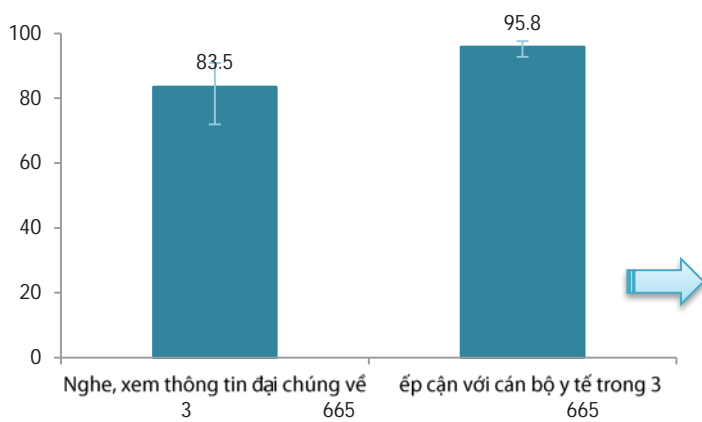
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



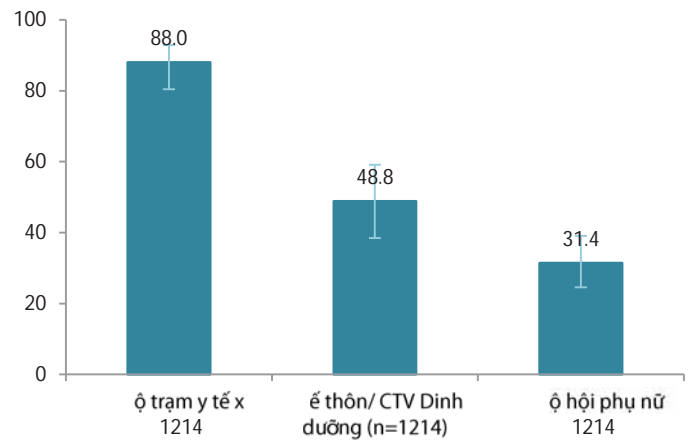
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Quảng Bình

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

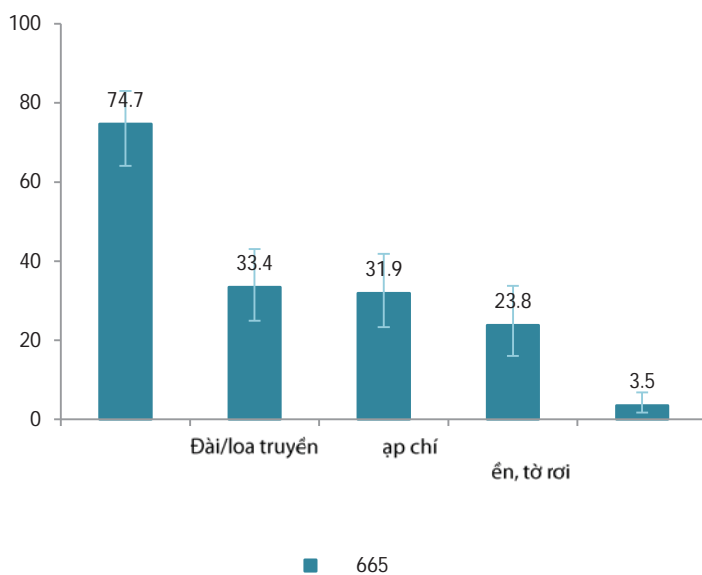
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



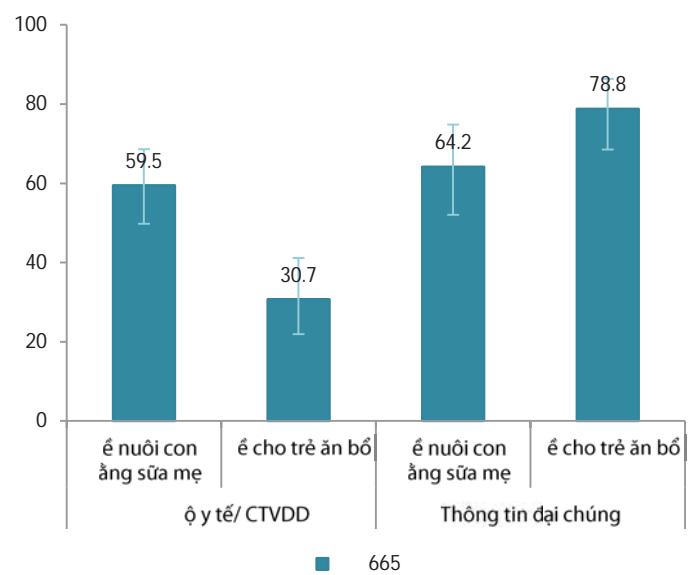
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



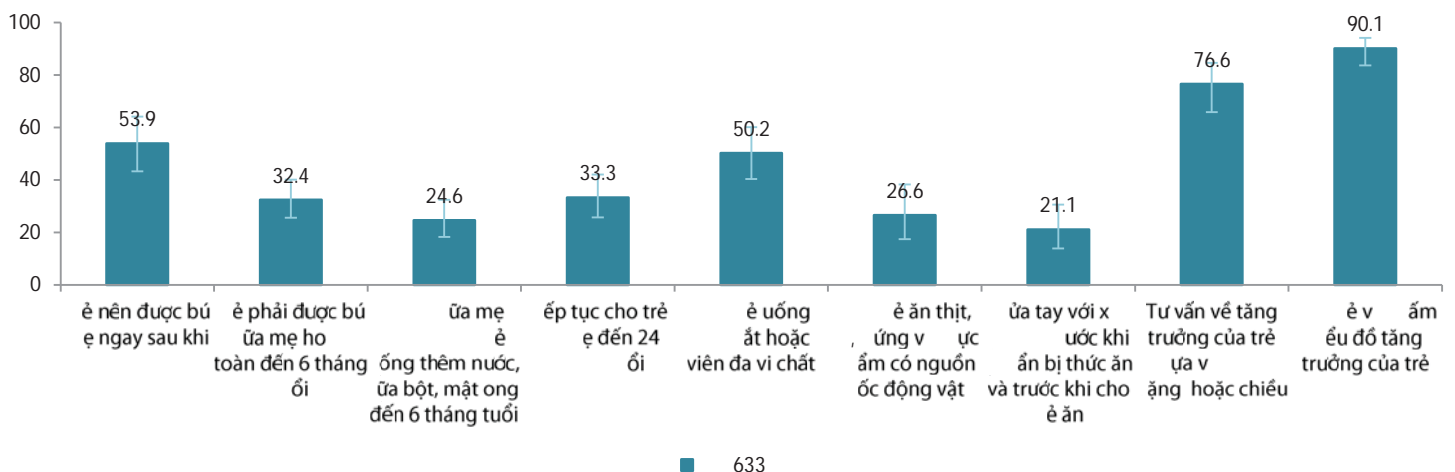
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Quảng Trị

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 19.7%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 96.9% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 31%, nhẹ cân là 17.2% và gầy còm là 7.4%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 1.6%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 79.6%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 18.2% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 69.7%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 90.9%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 85.2%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 90.4%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

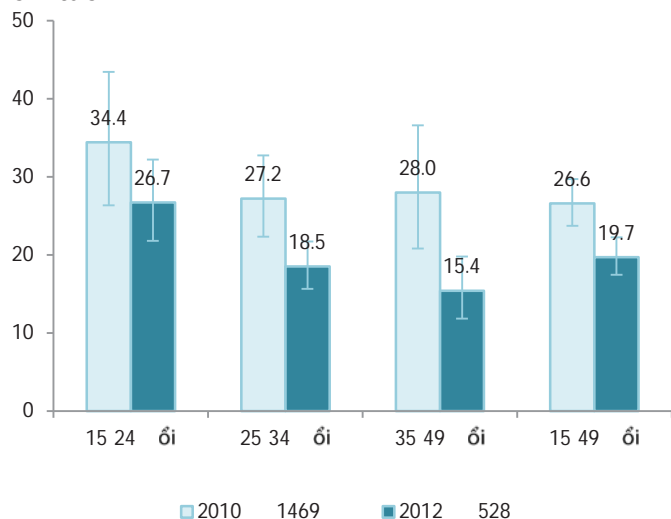
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 9 | Số bệnh viện | 11 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 141 | Số phòng khám đa khoa | 6 |
| Số thôn/bản | 1,099 | Số trạm y tế xã | 141 |
| Dân số | 601,821 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 52,877 | Số bác sỹ | 386 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 21,732 | Số y sỹ | 428 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 573 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 11.6% | Số nữ hộ sinh | 440 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 21.7% | Số y tế thôn bản | 1,120 |

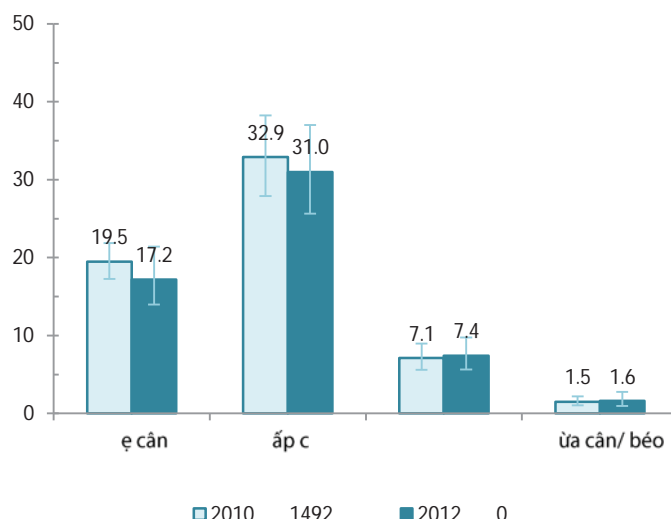
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

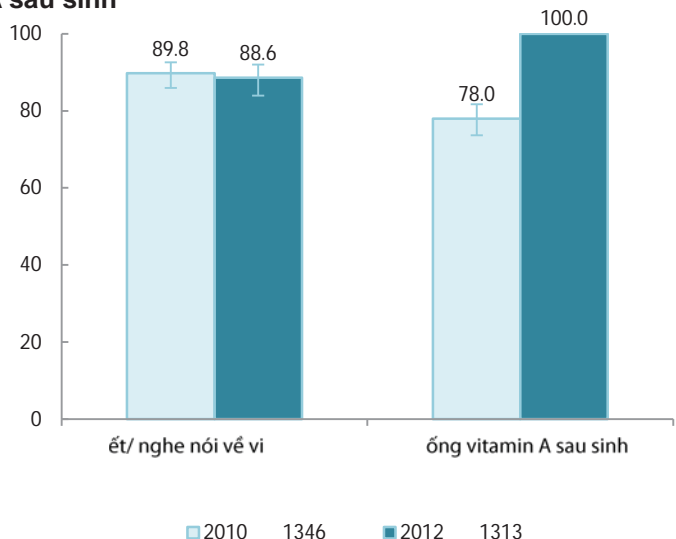
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



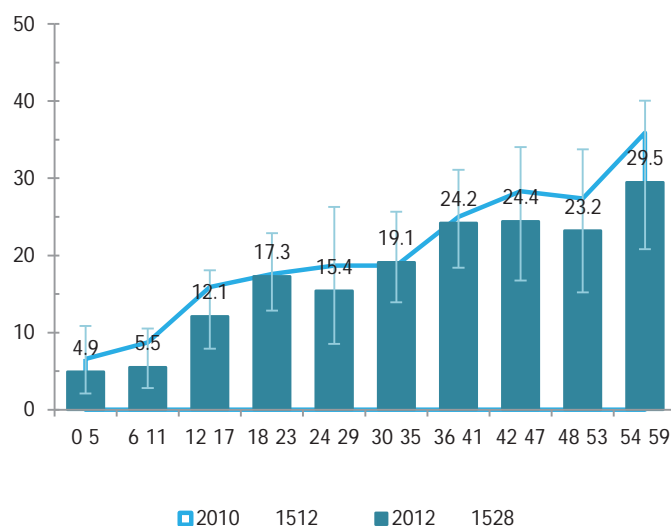
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



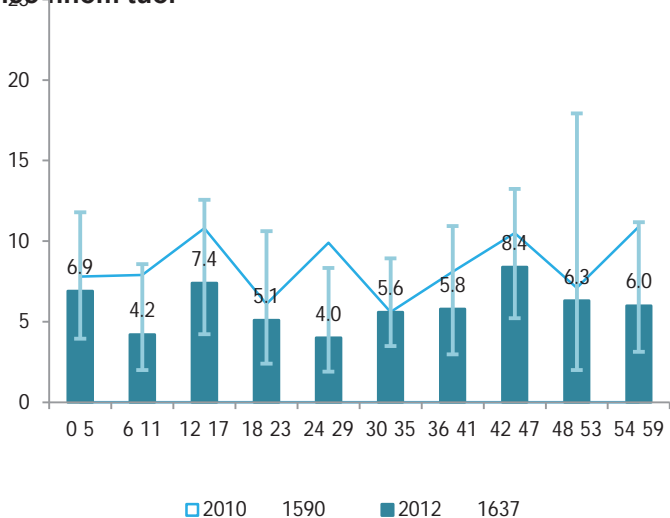
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



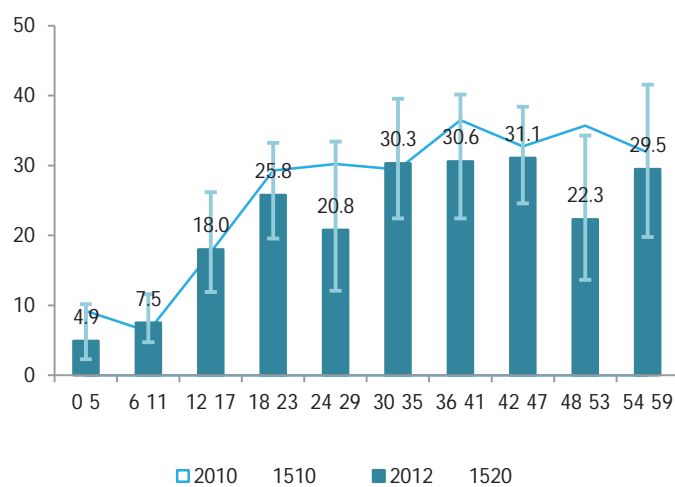
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



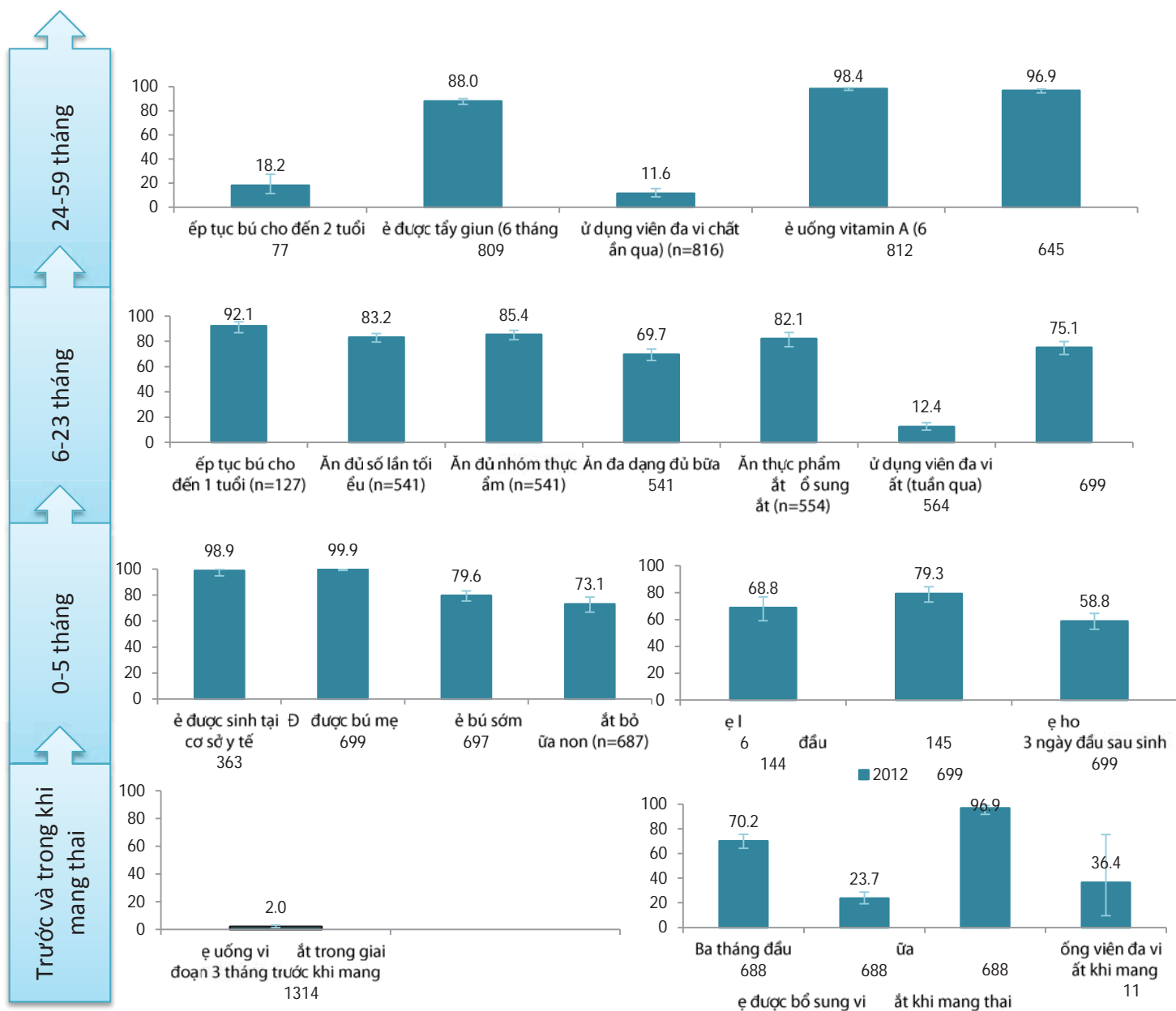
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



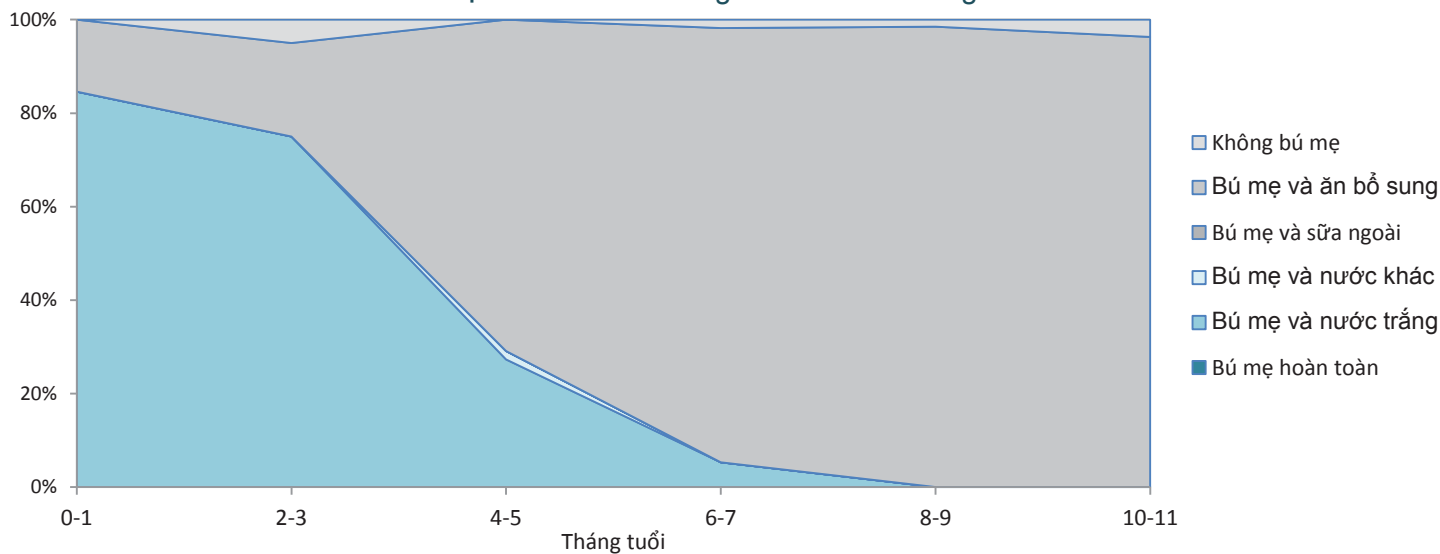
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

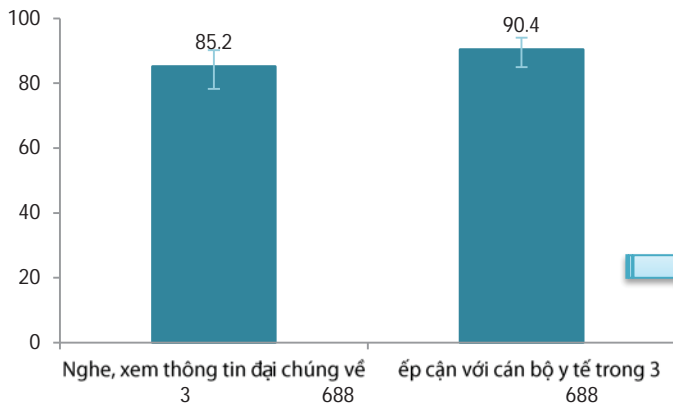


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

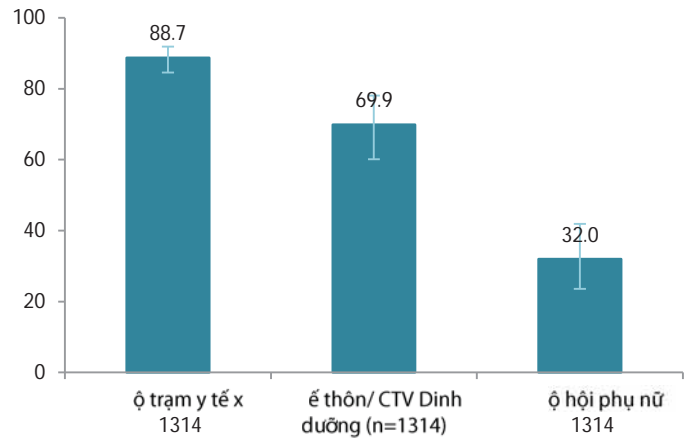
3 Quảng Trị

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

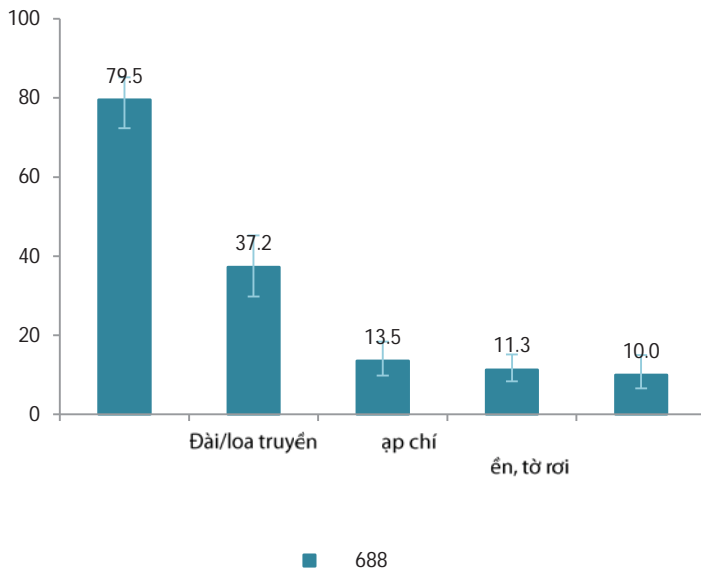
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



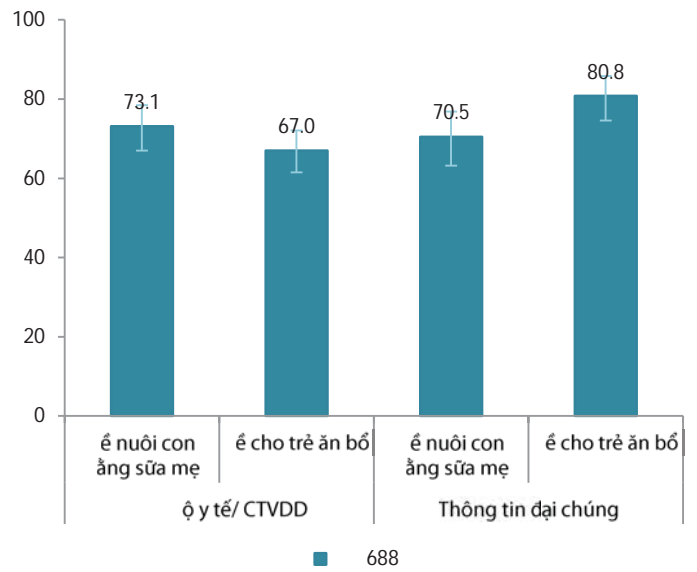
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



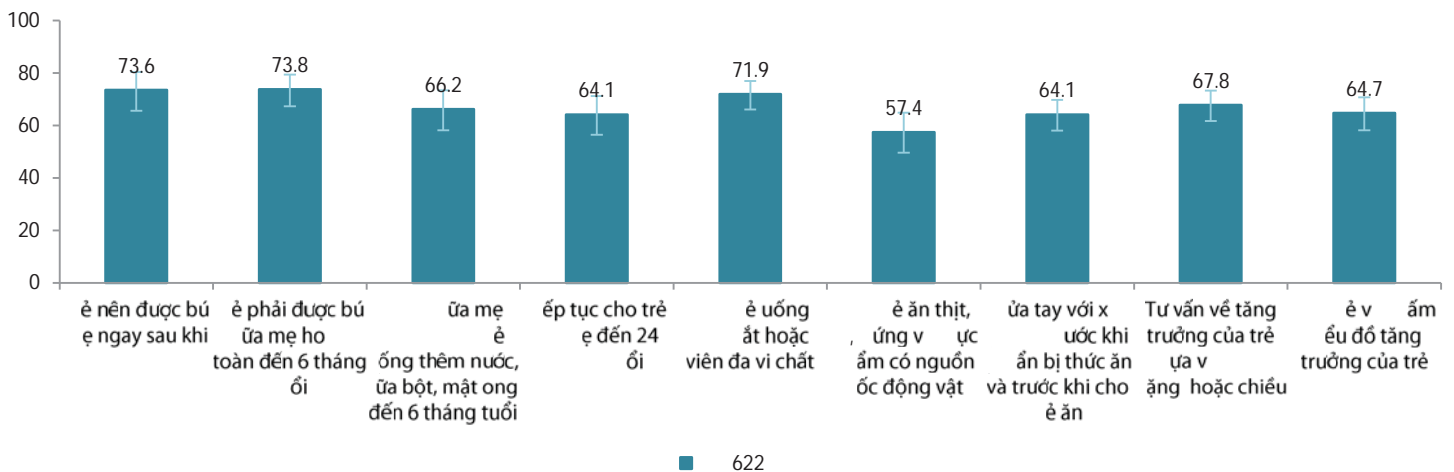
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thừa Thiên Huế

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 11.8%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 53.7% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 33.3%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 27.6%, nhẹ cân là 14.6% và gầy còm là 7.2%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.4%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 79.3%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 31.6% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 71%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 88.7%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 68.7%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 91.5%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

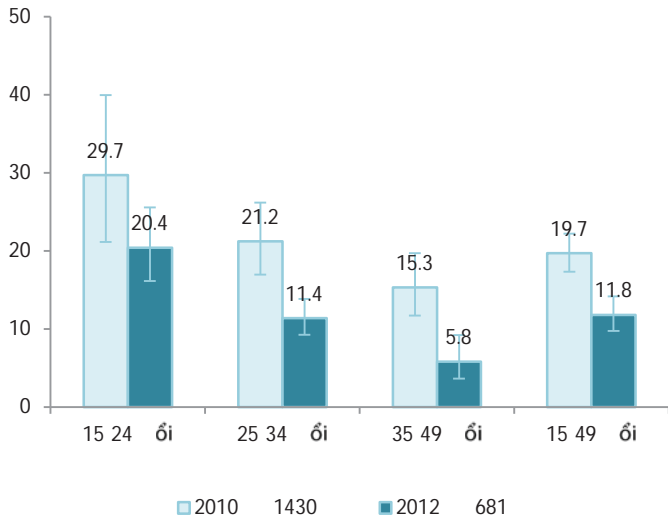
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 8 | Số bệnh viện | 13 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 152 | Số phòng khám đa khoa | 14 |
| Số thôn/bản | 1,319 | Số trạm y tế xã | 152 |
| Dân số | 1,093,243 | Số nhà hộ sinh | 1 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 78,478 | Số bác sỹ | 668 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 32,254 | Số y sỹ | 482 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 486 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 4.4% | Số nữ hộ sinh | 434 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 10.5% | Số y tế thôn bản | 1,256 |

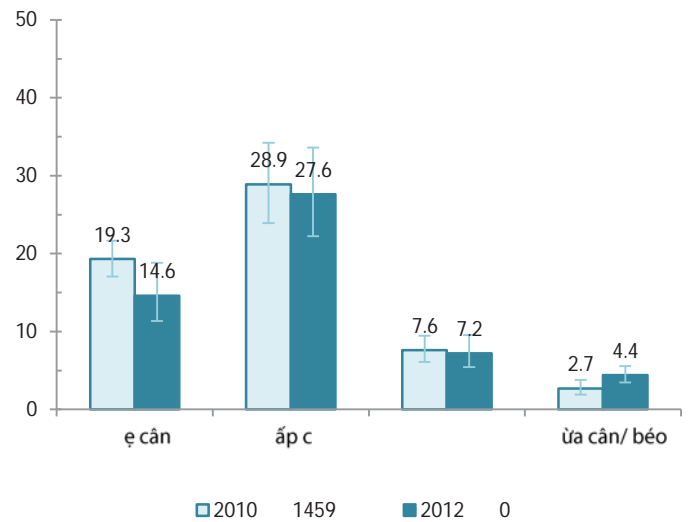
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

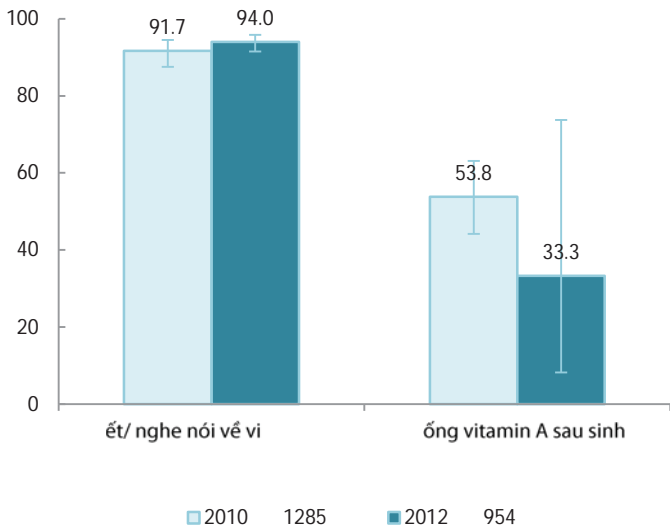
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



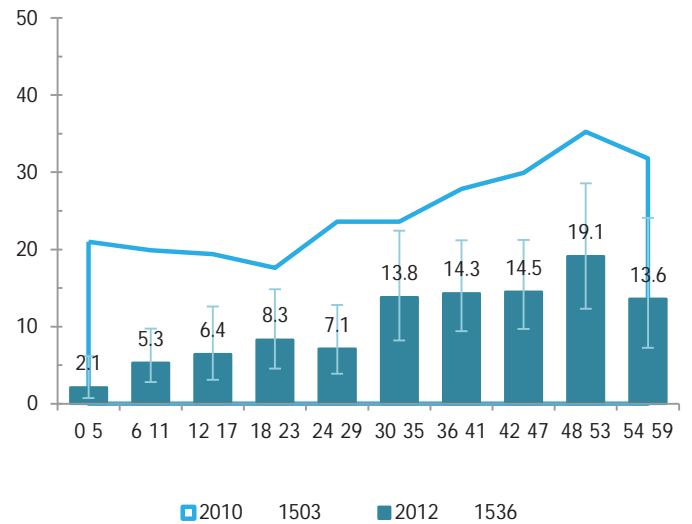
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



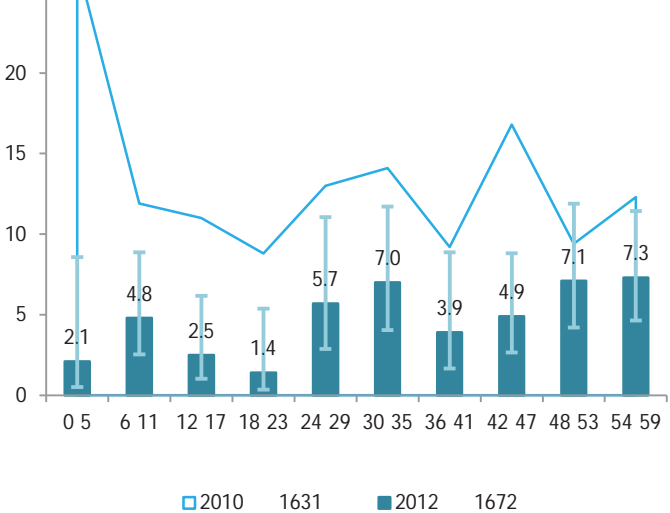
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



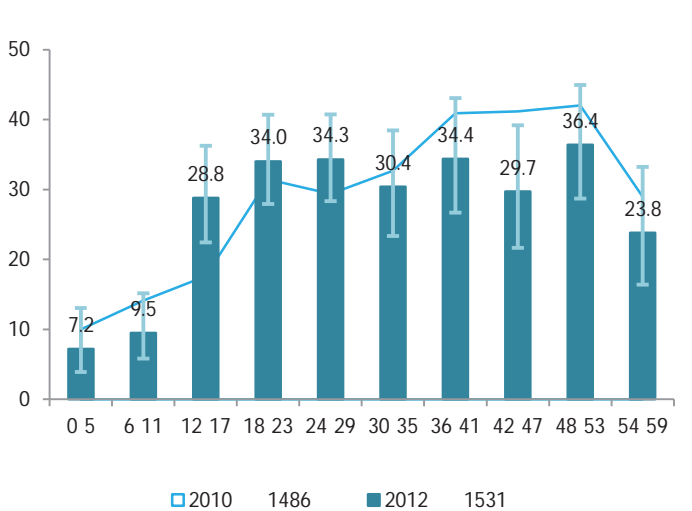
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



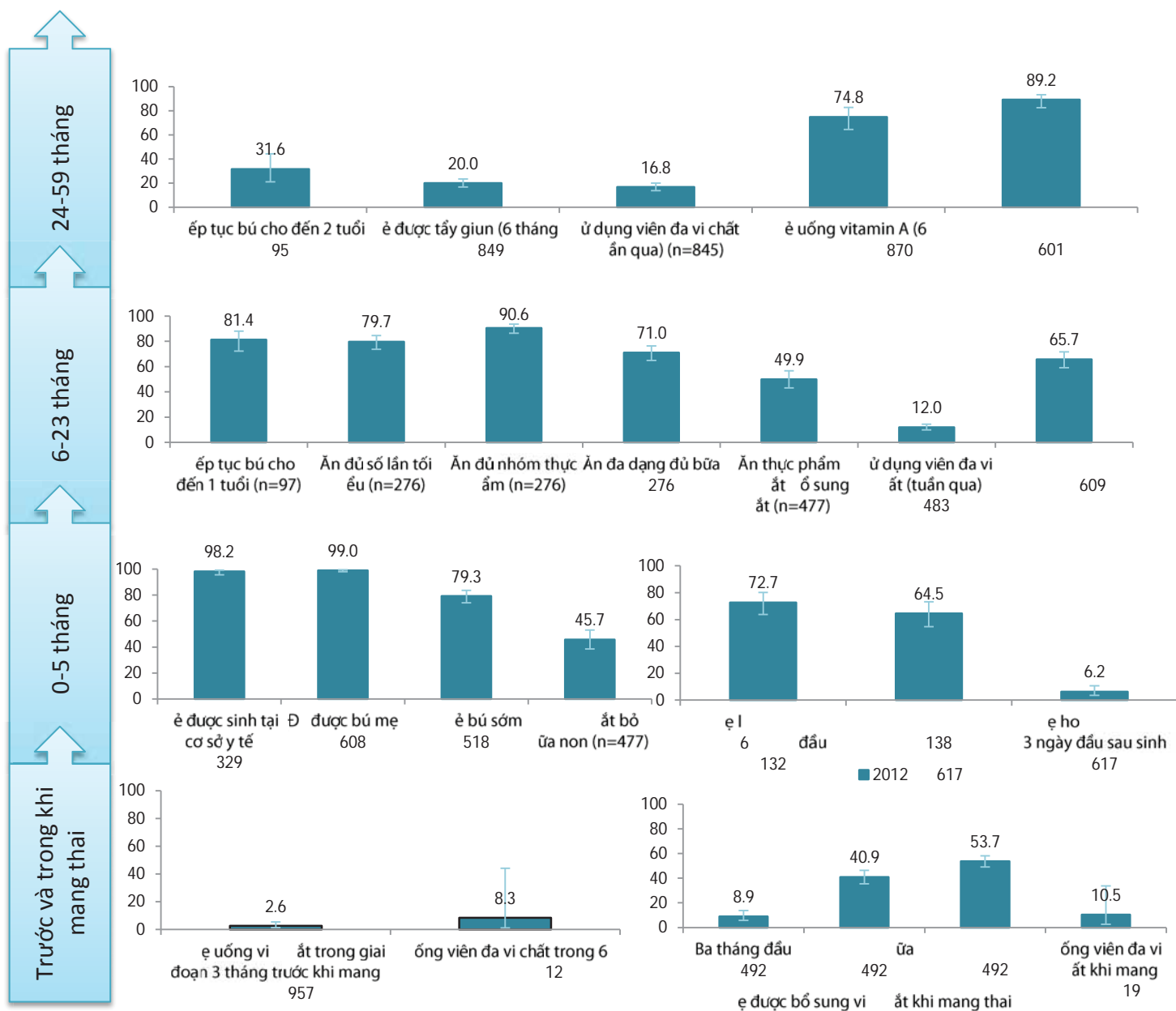
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



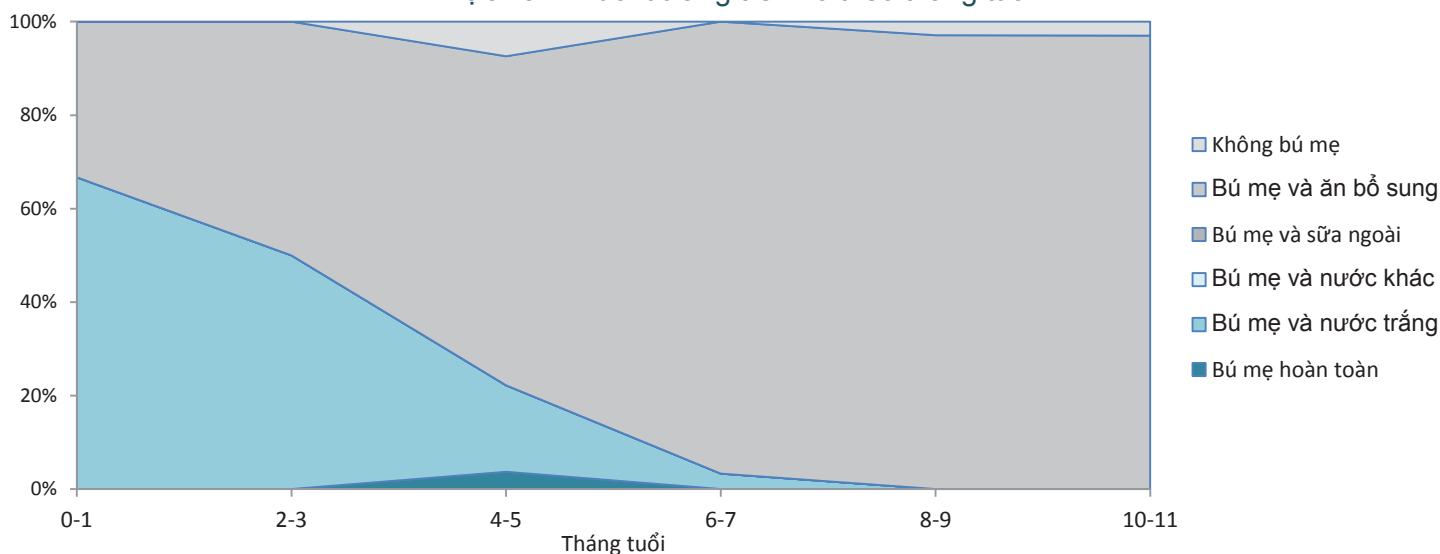
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. Thừa Thiên Huế

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



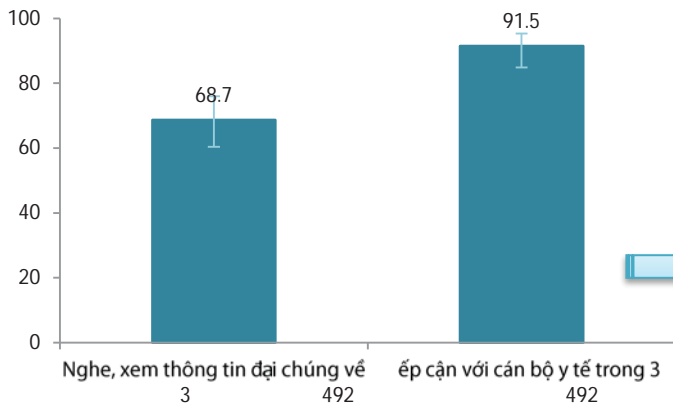
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



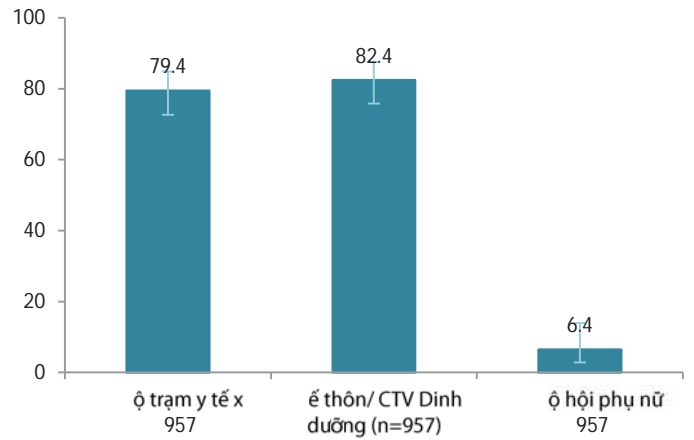
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Thừa Thiên Huế

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

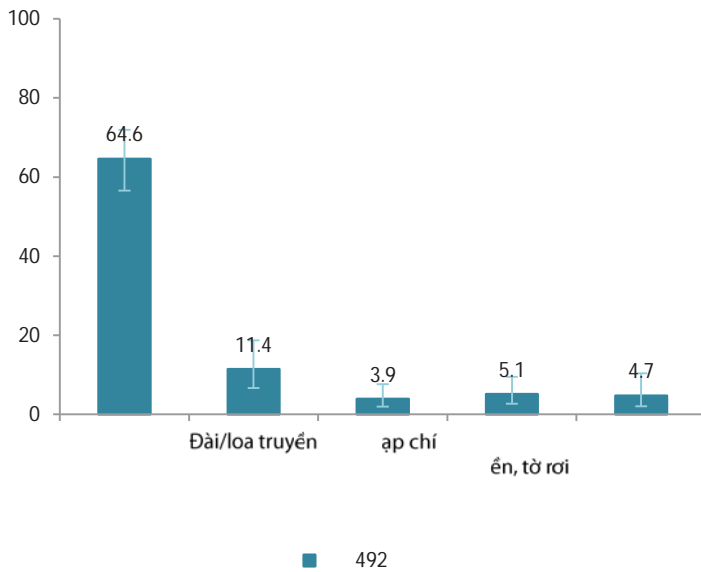
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



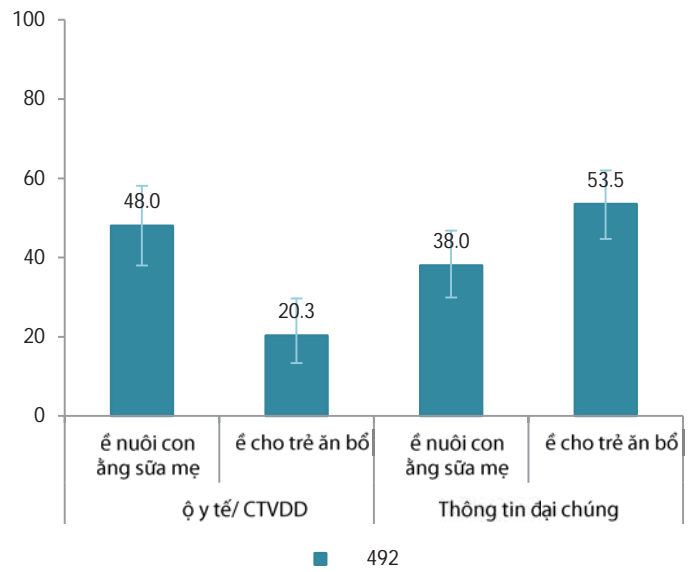
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



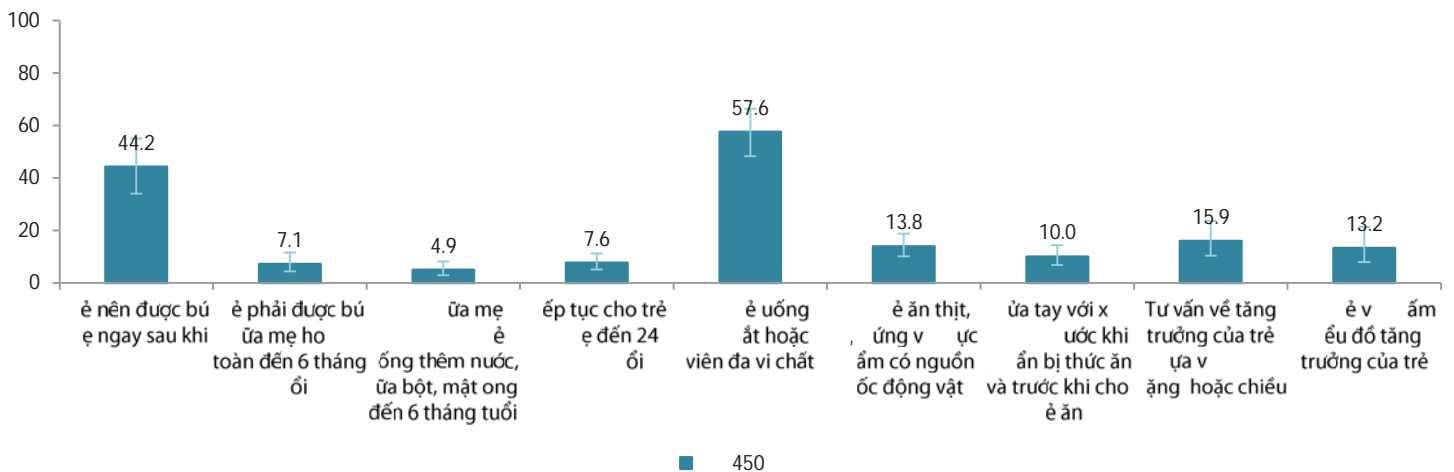
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Đà Nẵng

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 9.8%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 95.5% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 18%, nhẹ cân là 5.4% và gầy còm là 3.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 10.5%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 23.8%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 19.1% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 89.5%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 83.8%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 75.4%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 90.2%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

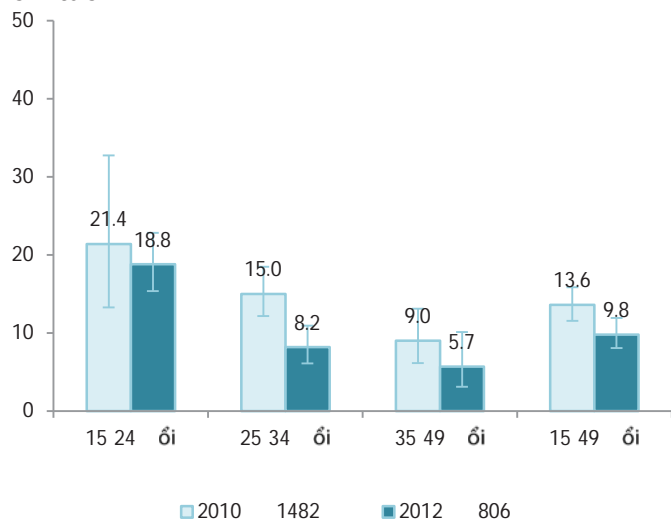
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 8 | Số bệnh viện | 12 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 56 | Số phòng khám đa khoa | |
| Số thôn/bản | 2,221 | Số trạm y tế xã | 56 |
| Dân số | 950,272 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 77,611 | Số bác sỹ | 723 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 31,898 | Số y sỹ | 339 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 713 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 0.5% | Số nữ hộ sinh | 252 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 3.7% | Số y tế thôn bản | 454 |

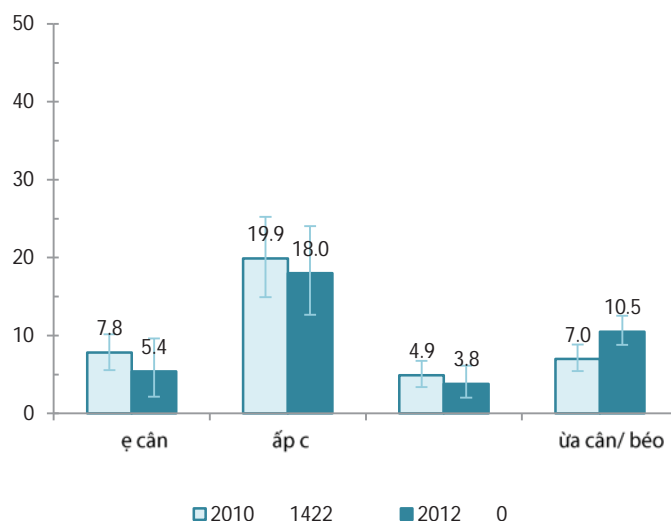
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

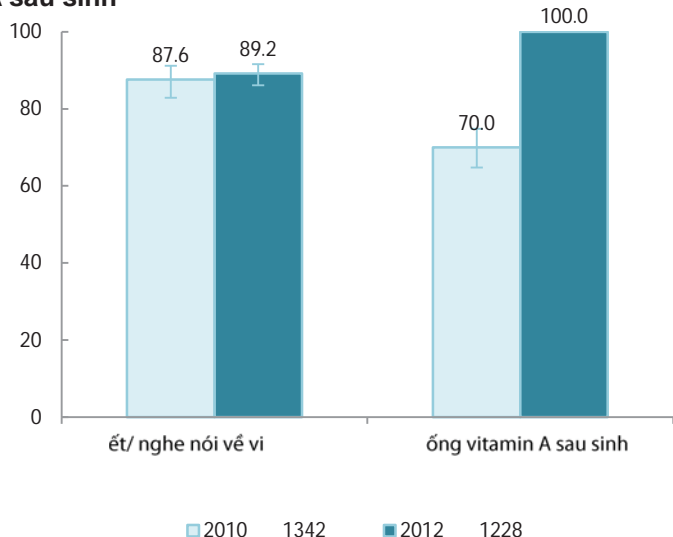
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



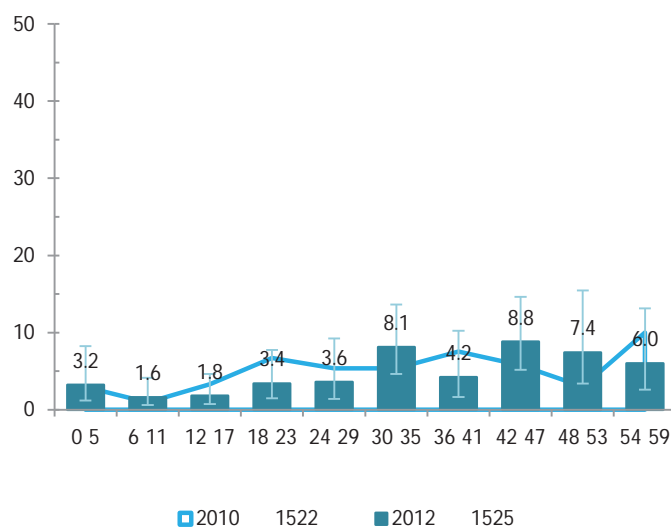
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



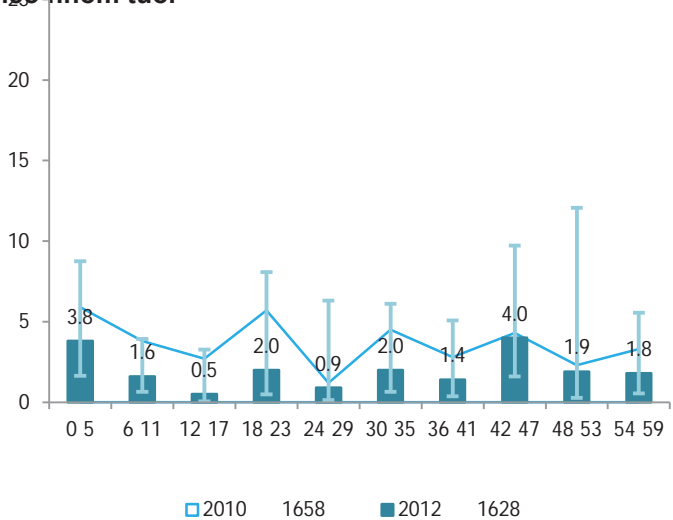
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



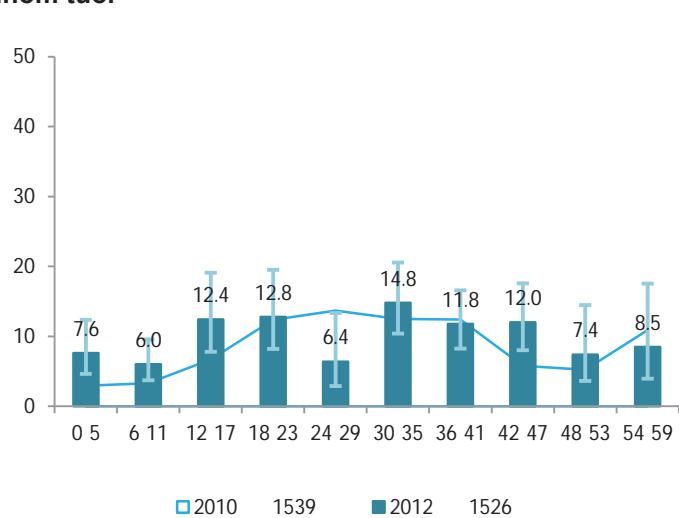
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



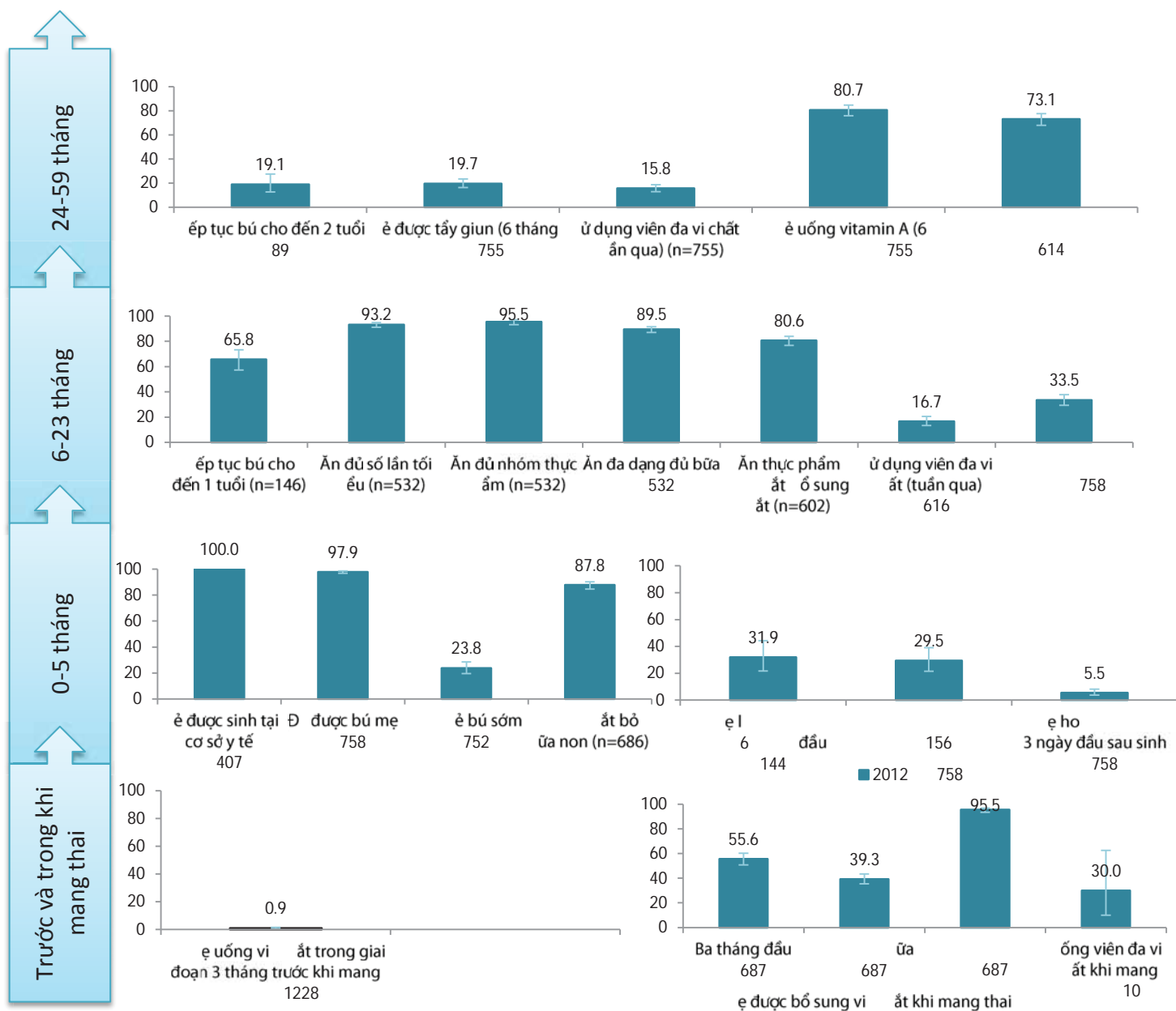
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



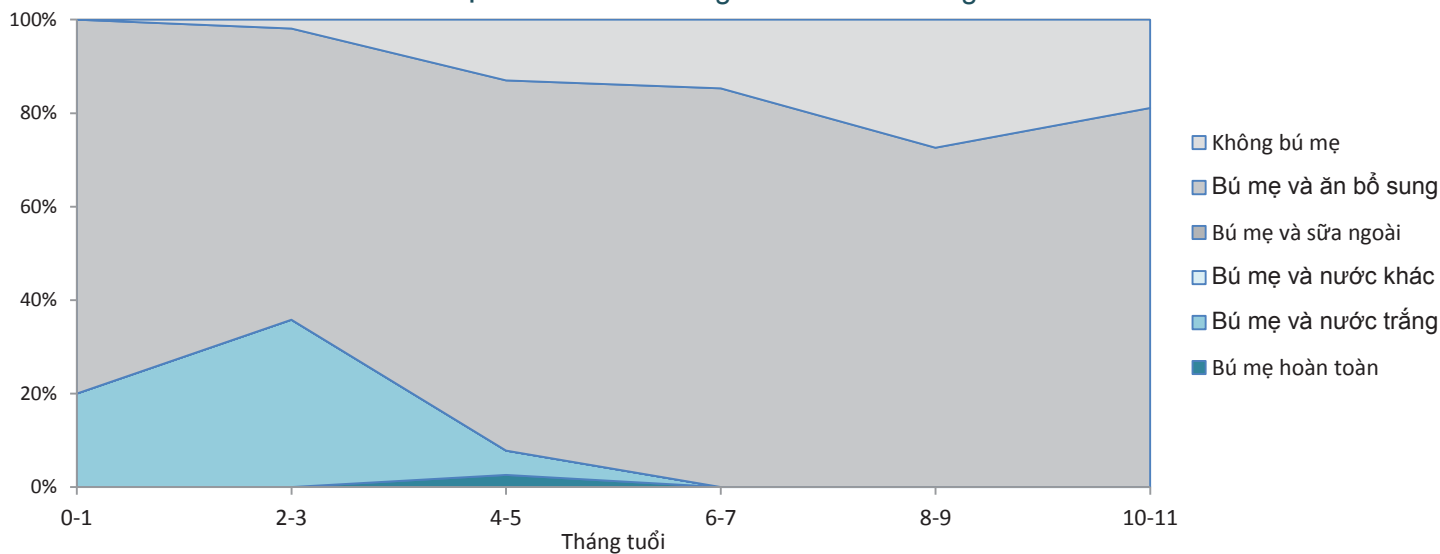
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



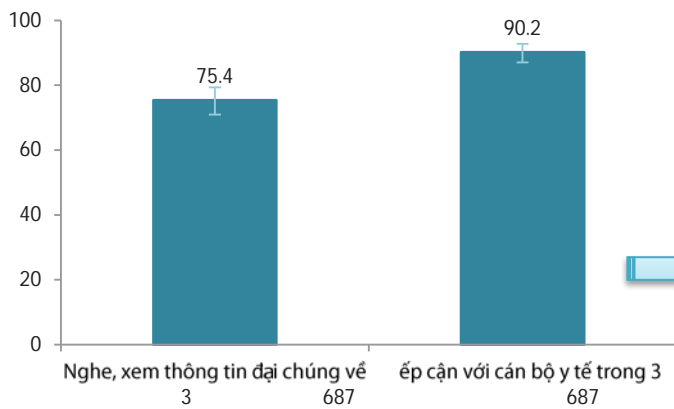
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



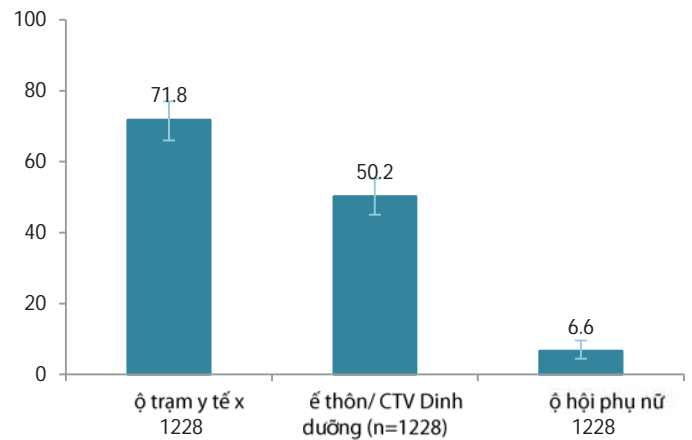
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Đà Nẵng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

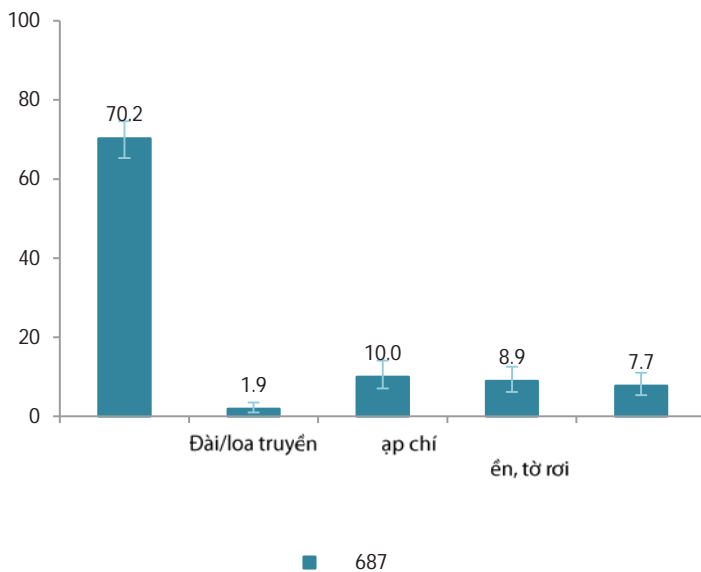
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



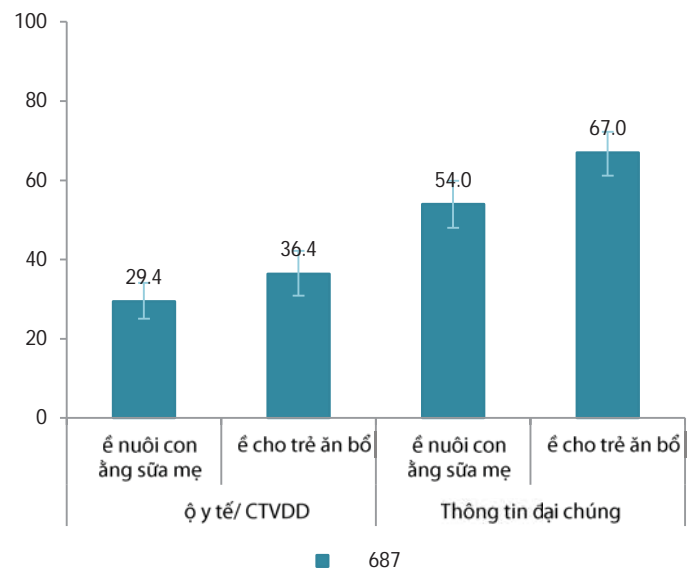
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



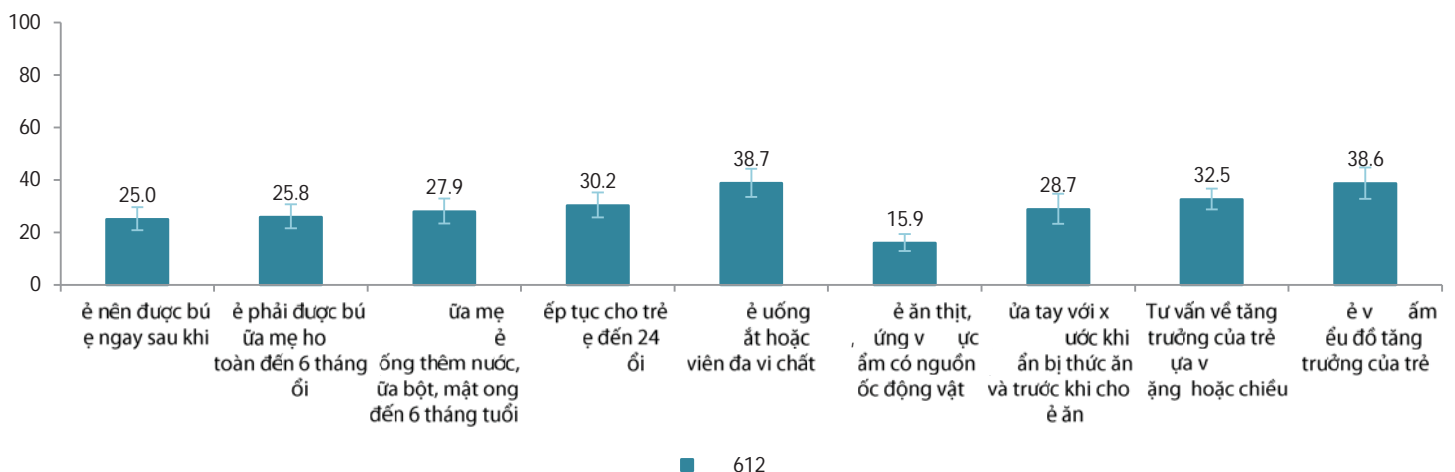
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Quảng Nam

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 17.5%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 86.5% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 87.7%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 30.1%, nhẹ cân là 16% và gầy còm là 6.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 2.5%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 78%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 34.8% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 78.9%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 85.4%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 74.3%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 92.5%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

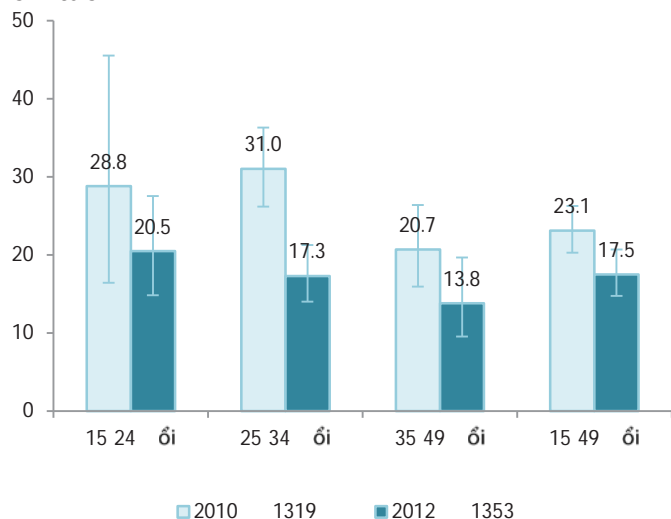
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 16 | Số bệnh viện | 24 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 241 | Số phòng khám đa khoa | 9 |
| Số thôn/bản | 1,723 | Số trạm y tế xã | 241 |
| Dân số | 1,426,551 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 111,955 | Số bác sỹ | 670 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 46,014 | Số y sỹ | 1,034 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 834 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 8.1% | Số nữ hộ sinh | 496 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 21.7% | Số y tế thôn bản | 1,800 |

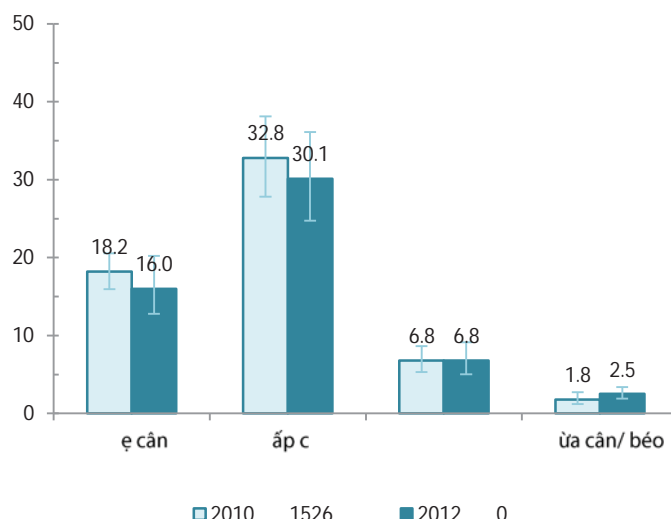
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

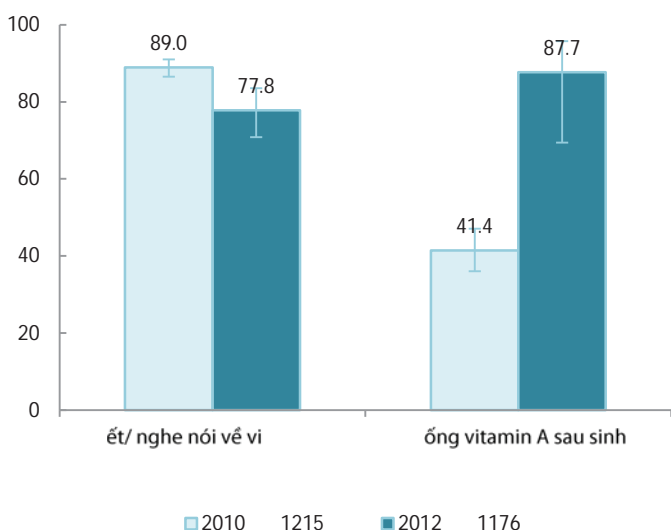
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



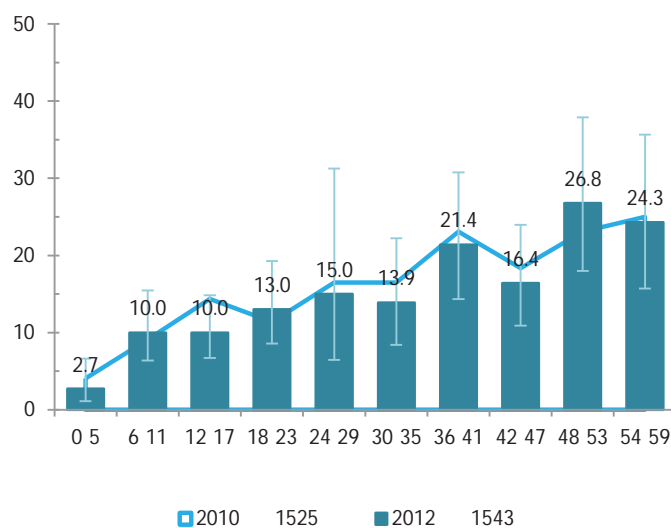
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



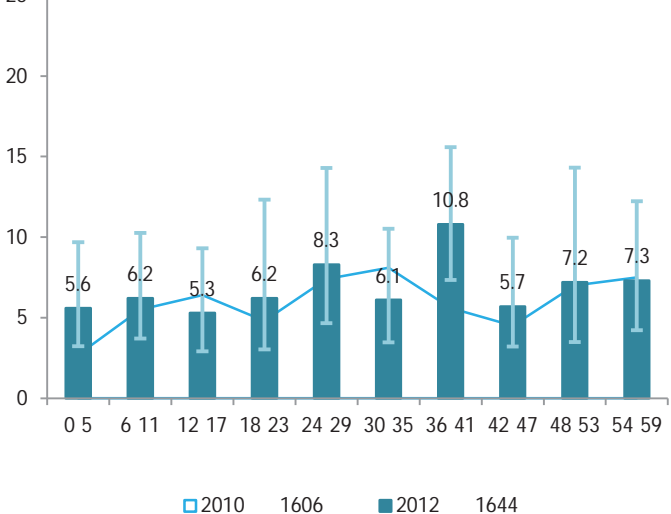
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



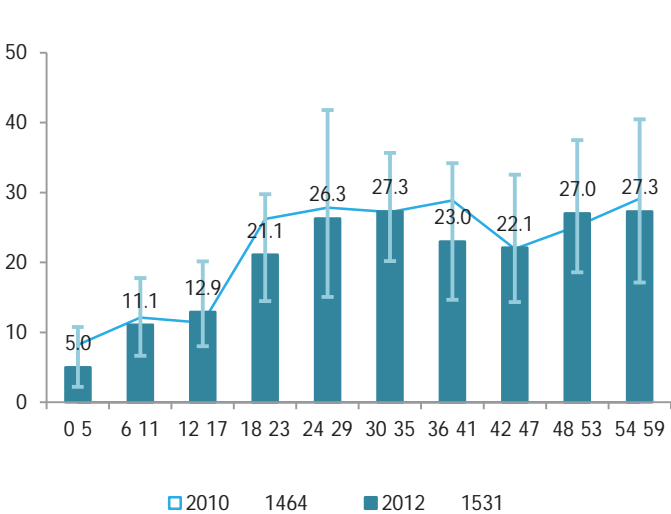
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



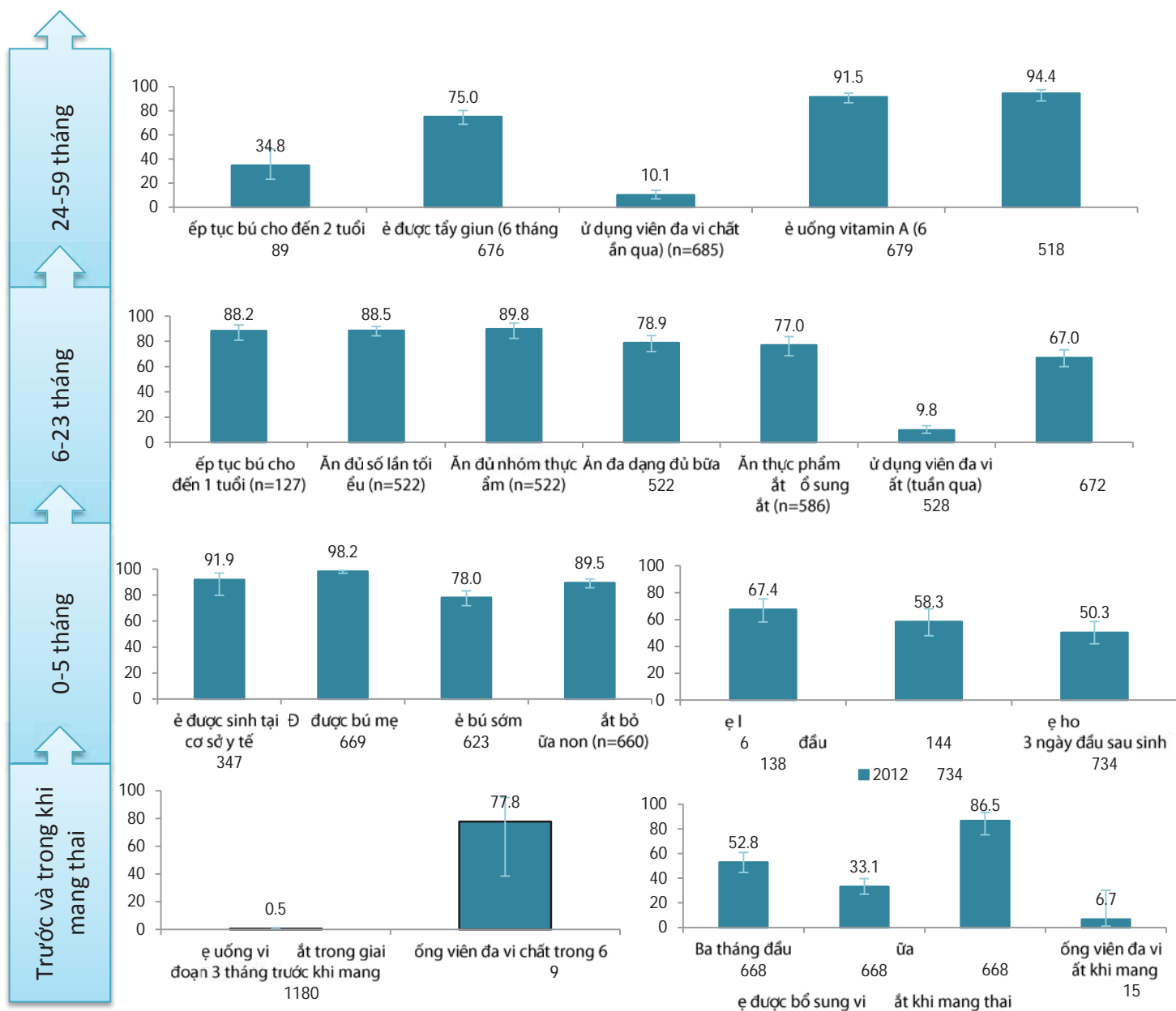
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



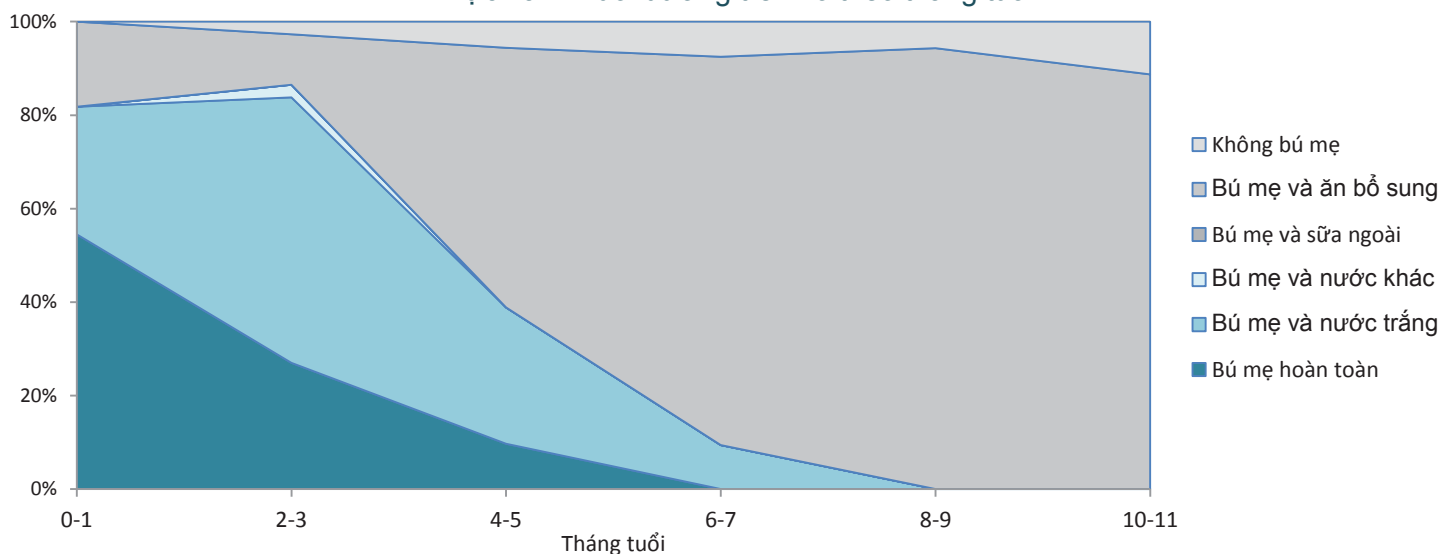
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



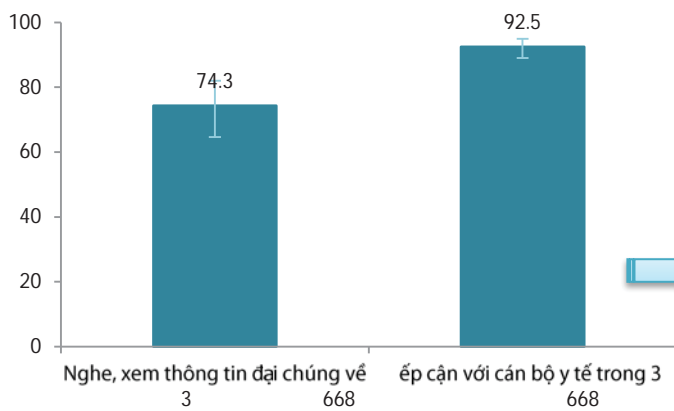
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



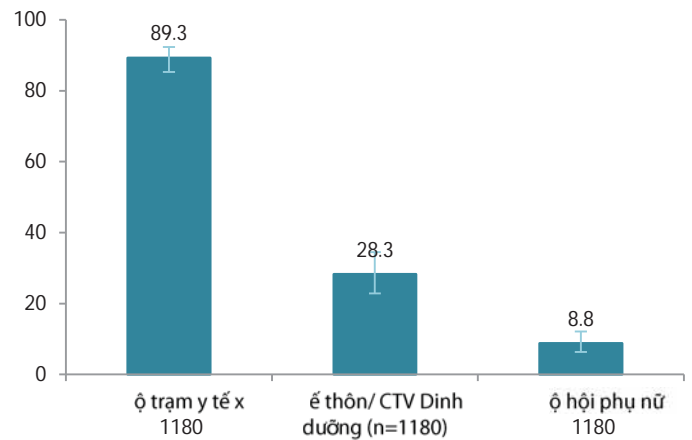
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Quảng Nam

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

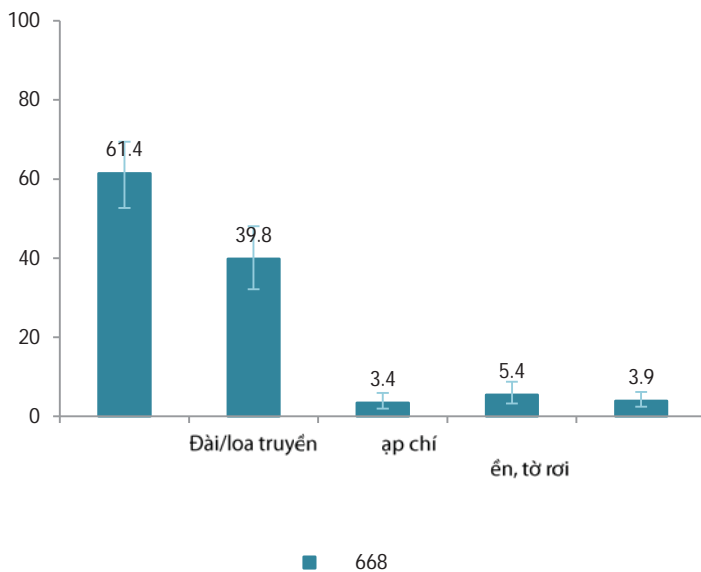
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



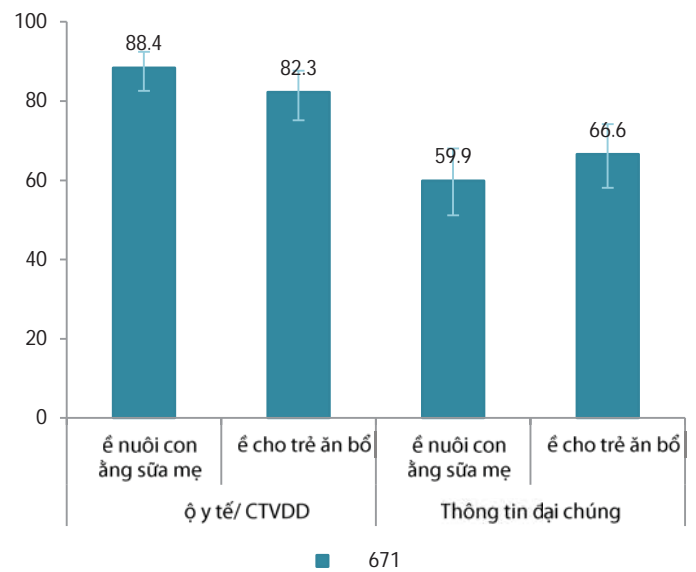
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



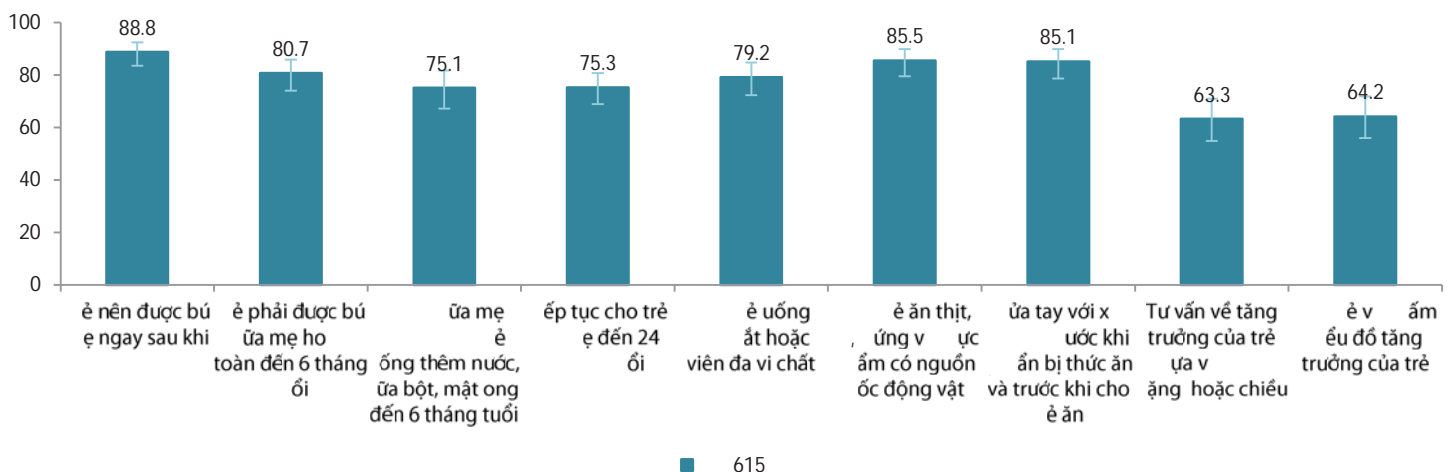
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Quảng Ngãi

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn ($BMI < 18,5 \text{ kg/m}^2$) là 17.2%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 81.8% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 27.1%, nhẹ cân là 17.2% và gầy còm là 6.7%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 1.6%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 35.9%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 31.3% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 78.2%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 97.5%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 96.6%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 96.6%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

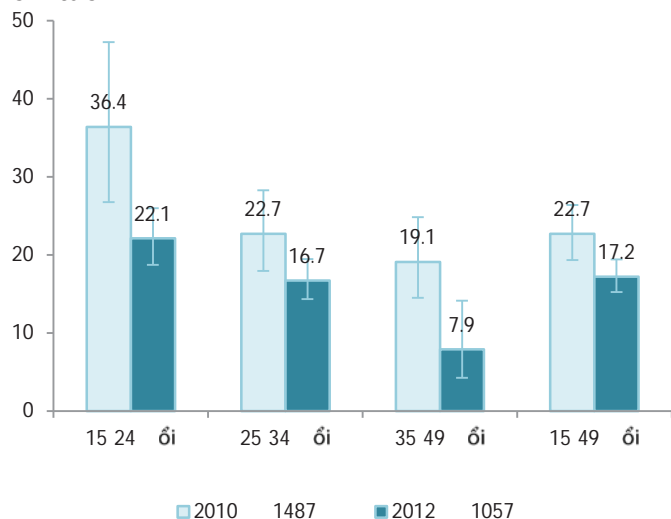
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 13 | Số bệnh viện | 18 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 184 | Số phòng khám đa khoa | 8 |
| Số thôn/bản | 1,127 | Số trạm y tế xã | 181 |
| Dân số | 1,219,562 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 99,104 | Số bác sỹ | 545 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 40,732 | Số y sỹ | 739 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,011 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 13.3% | Số nữ hộ sinh | 568 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 20.8% | Số y tế thôn bản | 1,127 |

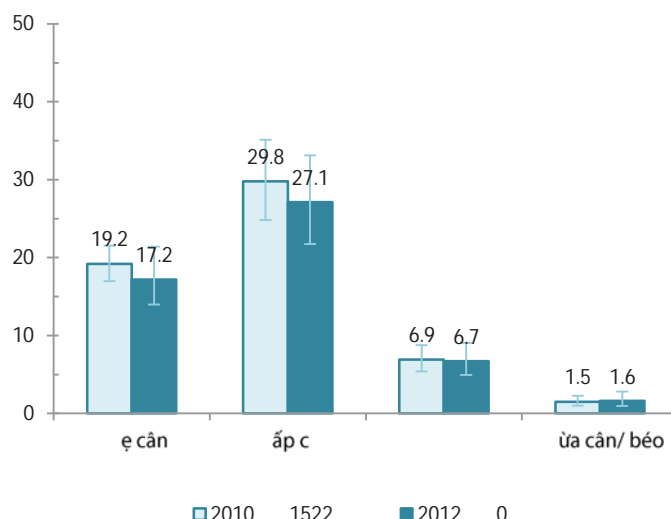
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

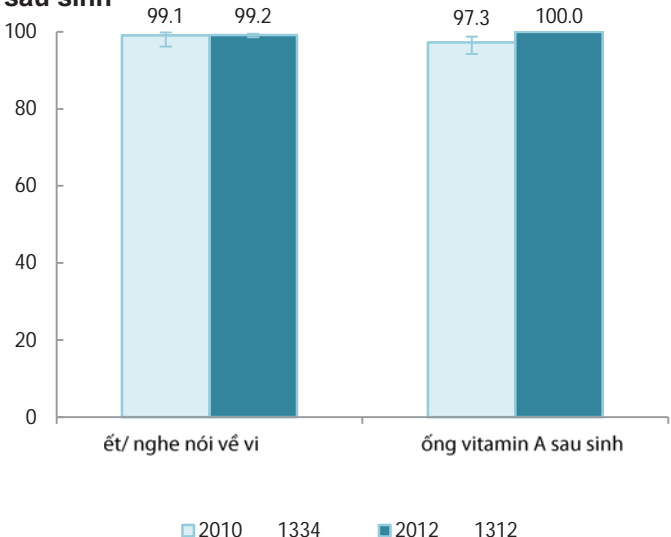
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



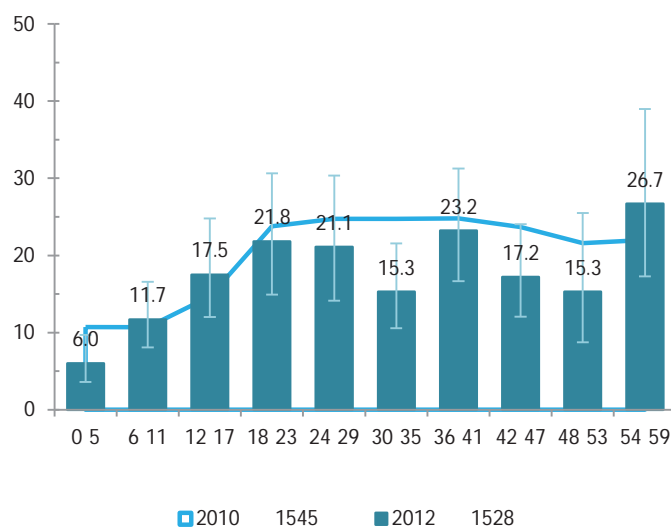
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



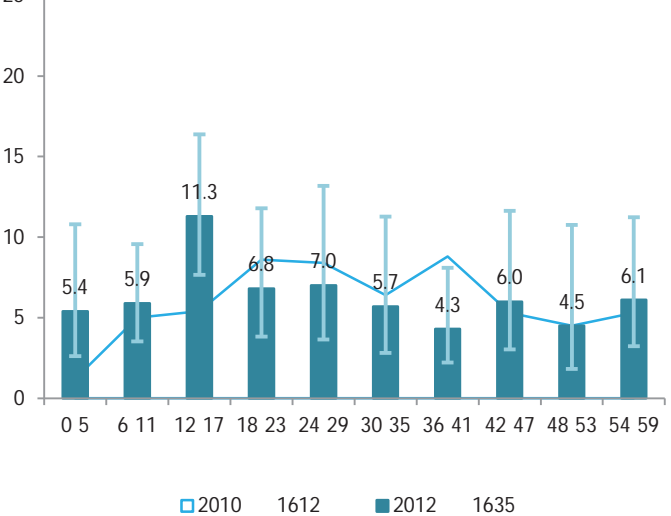
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



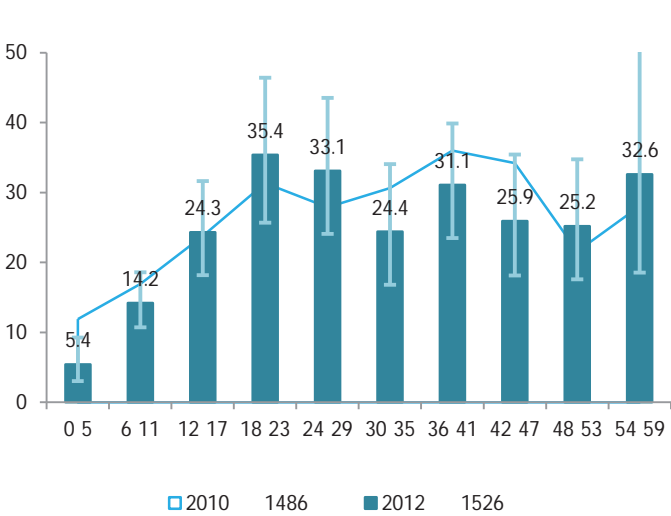
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



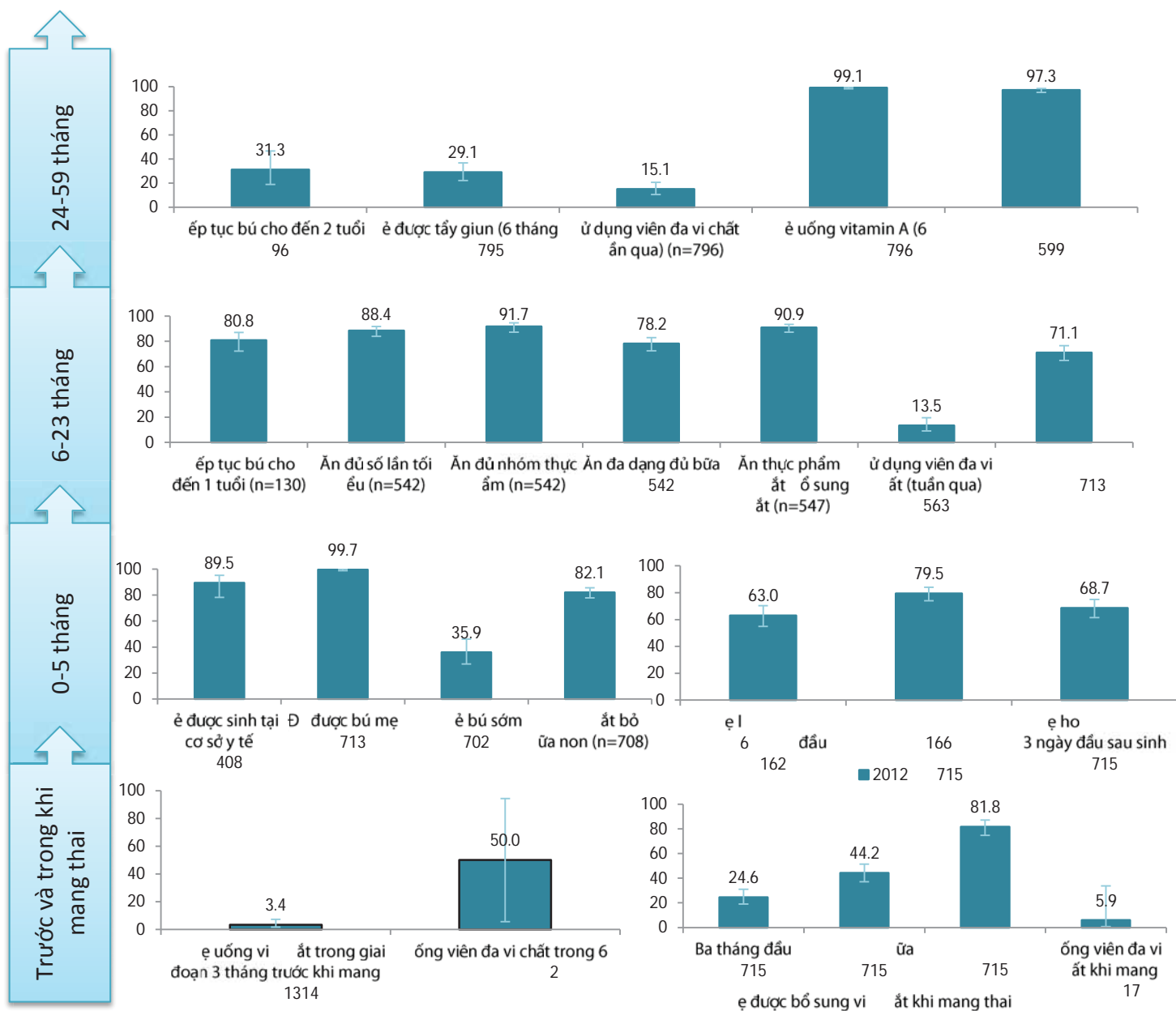
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



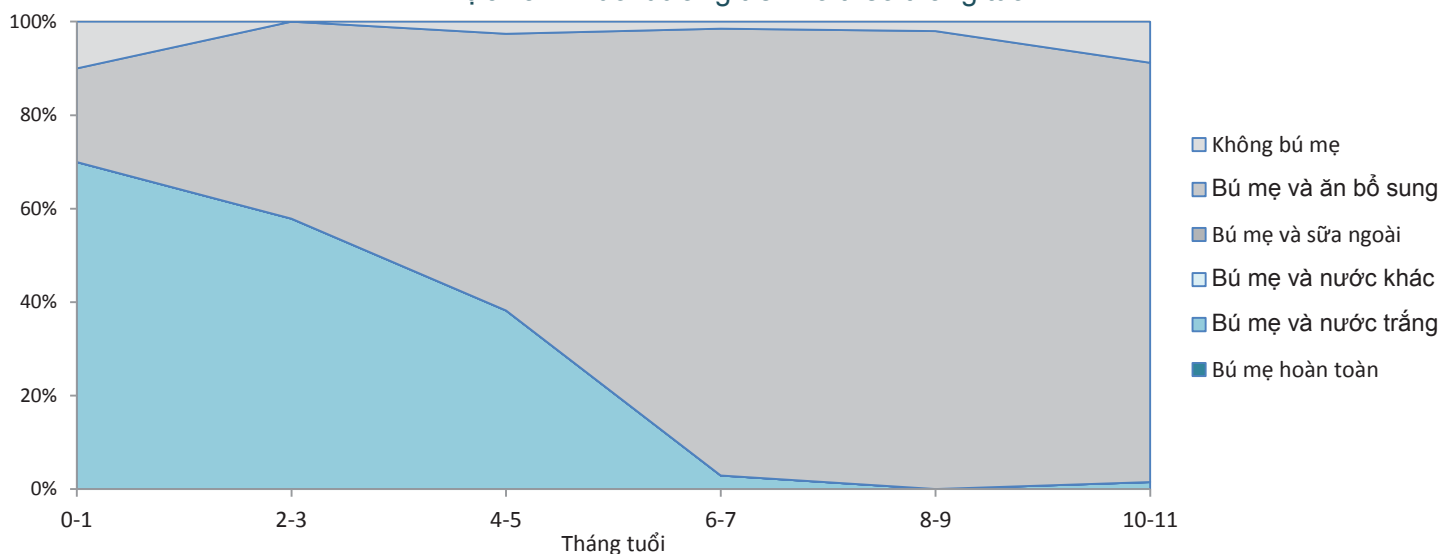
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



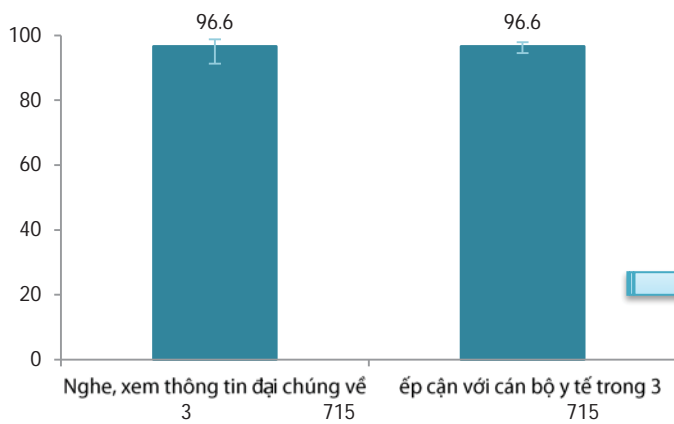
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



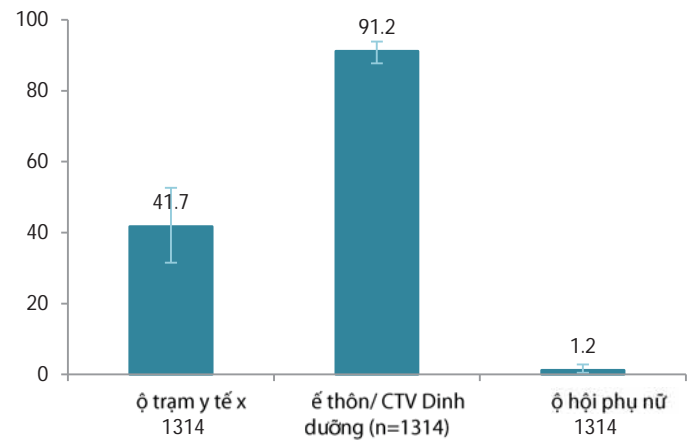
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Quảng Ngãi

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

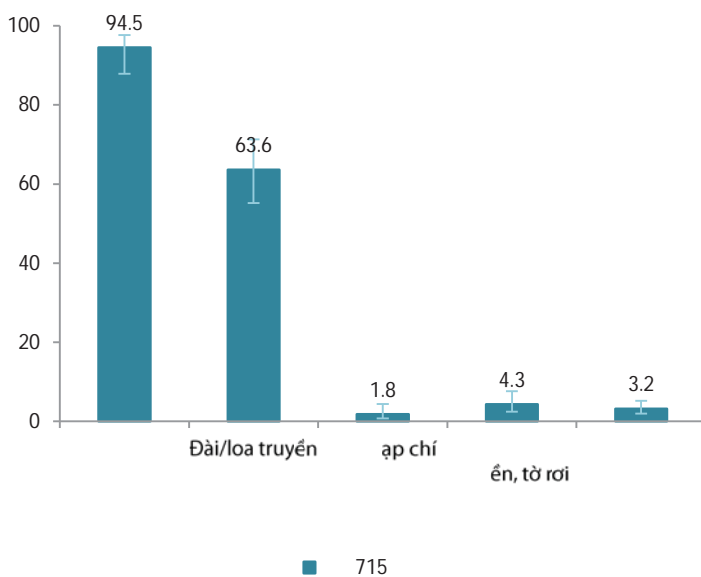
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



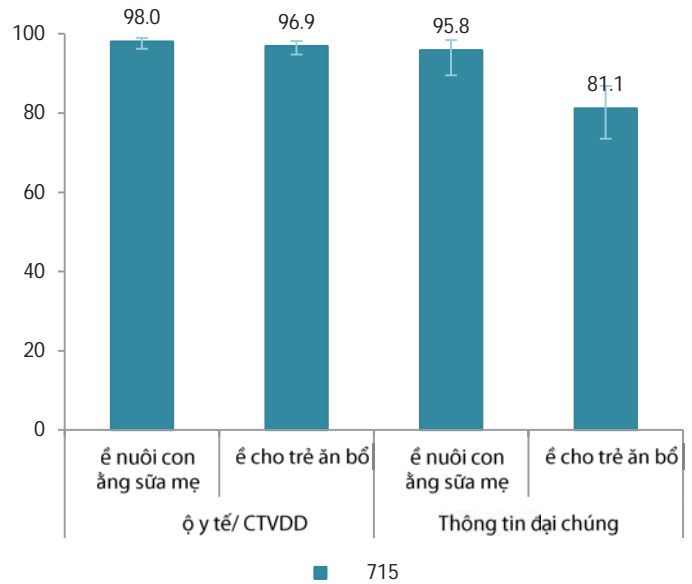
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



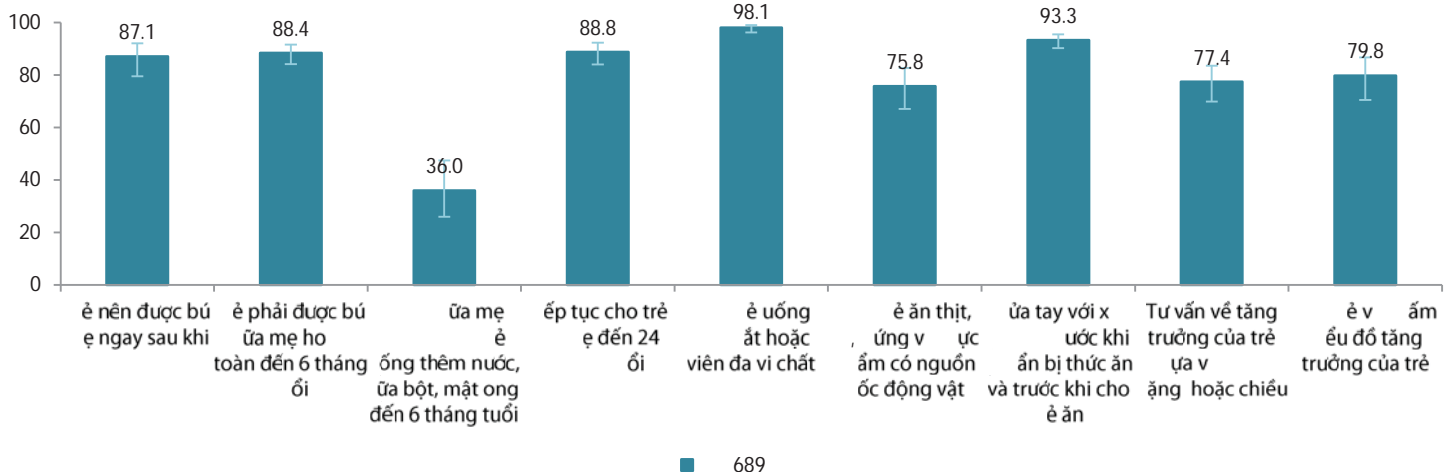
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Bình Định

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 10.2%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 98.1% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 27.2%, nhẹ cân là 17.2% và gầy còm là 6.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.1%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 84.6%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 23.2% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 92.1%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 97.8%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 83%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 98.7%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

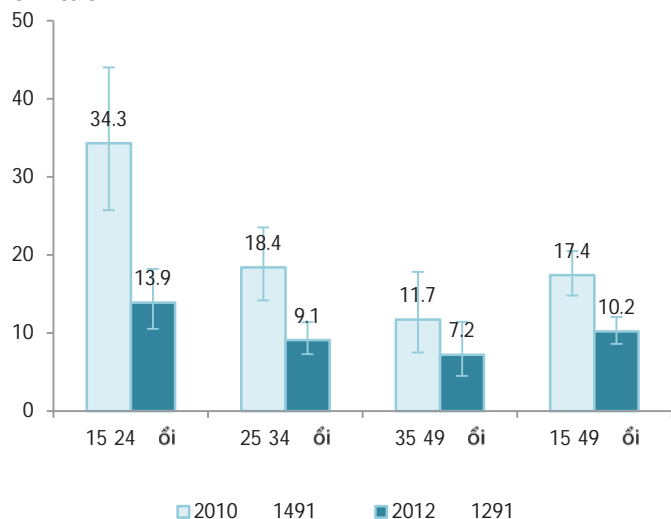
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 10 | Số bệnh viện | 17 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 159 | Số phòng khám đa khoa | 6 |
| Số thôn/bản | 1,124 | Số trạm y tế xã | 159 |
| Dân số | 1,491,355 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 118,122 | Số bác sỹ | 753 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 48,548 | Số y sỹ | 535 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,553 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 2.3% | Số nữ hộ sinh | 399 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 15.2% | Số y tế thôn bản | 1,542 |

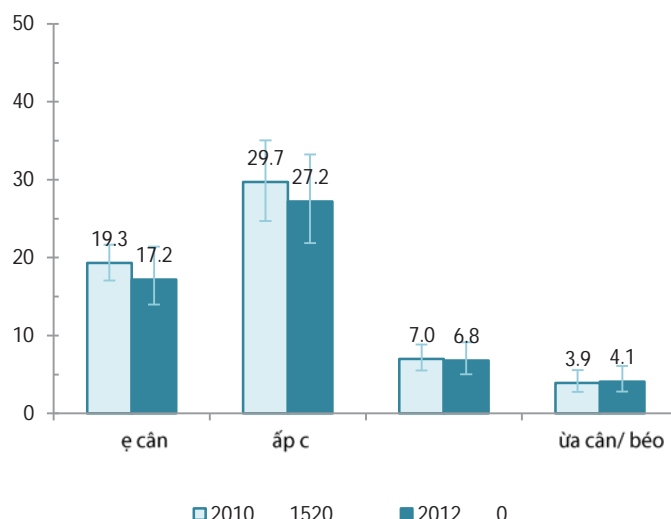
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

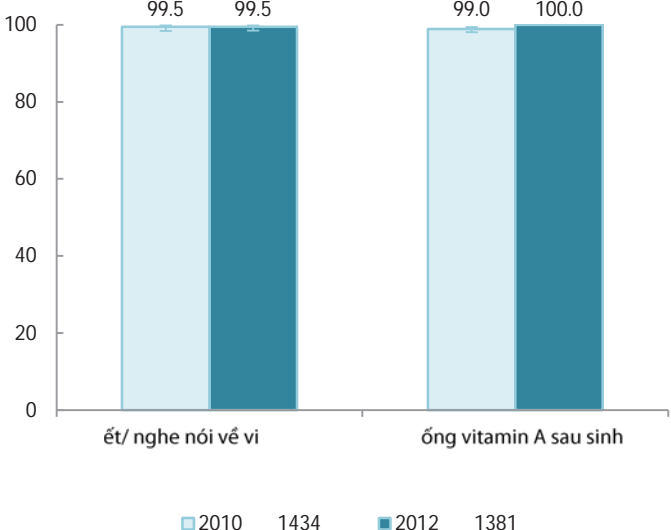
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



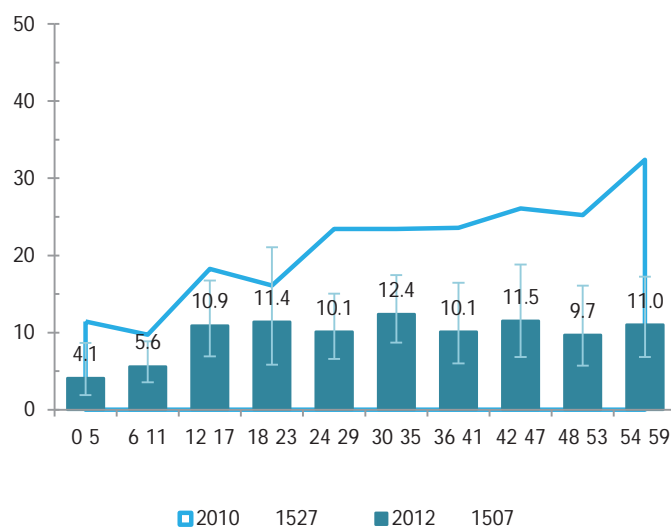
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



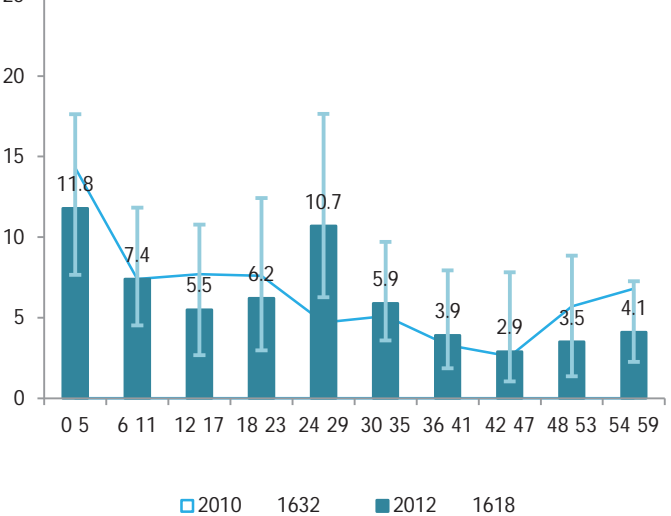
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



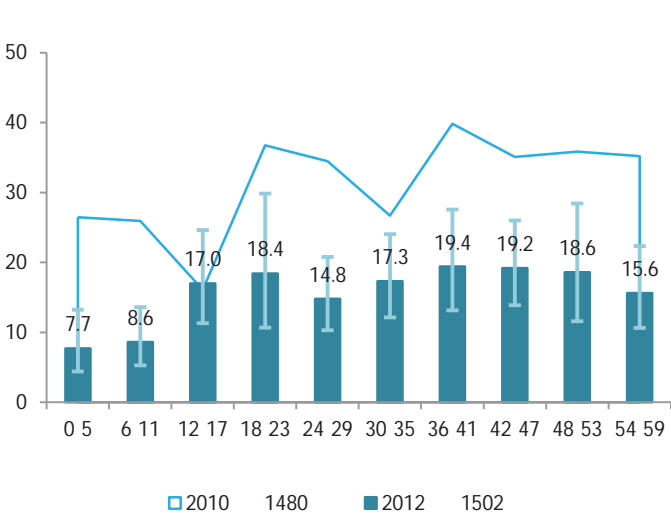
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



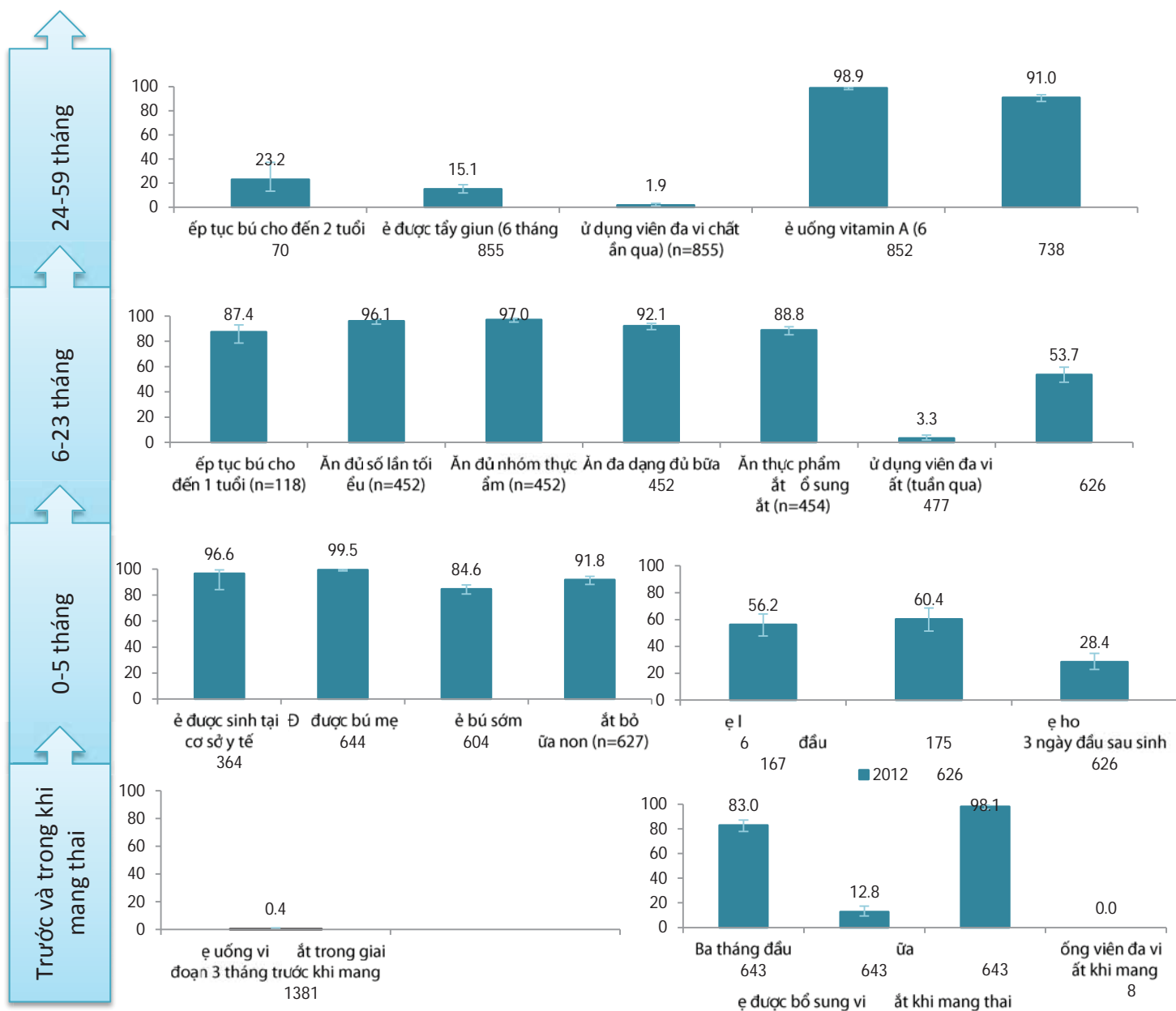
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



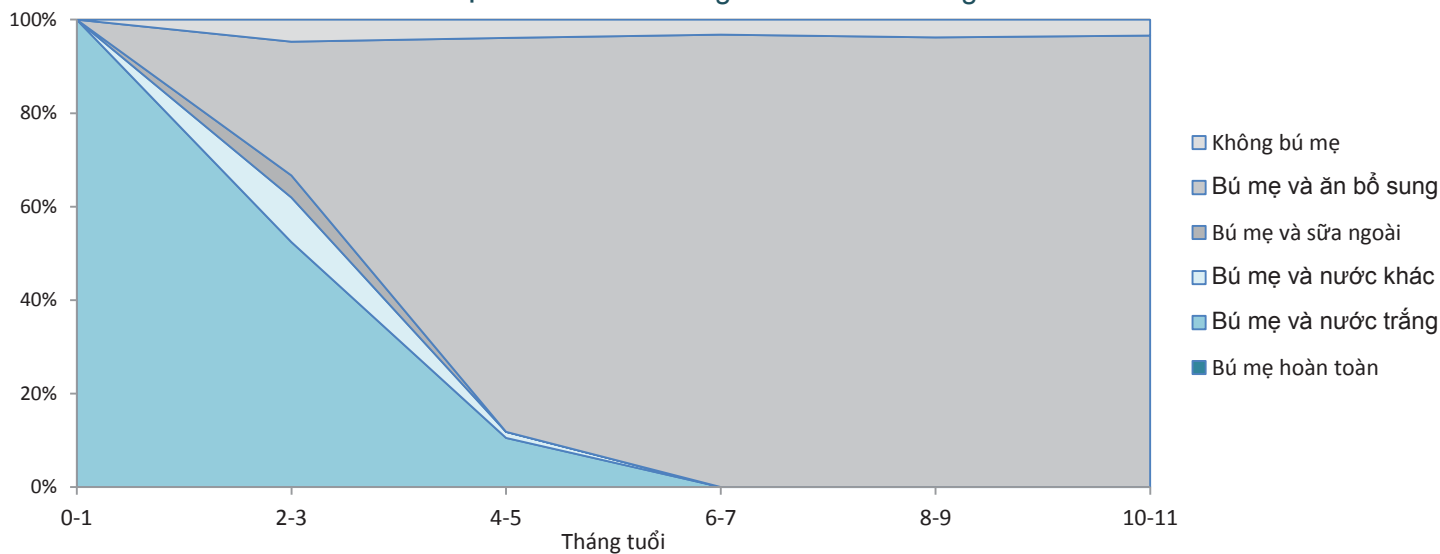
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



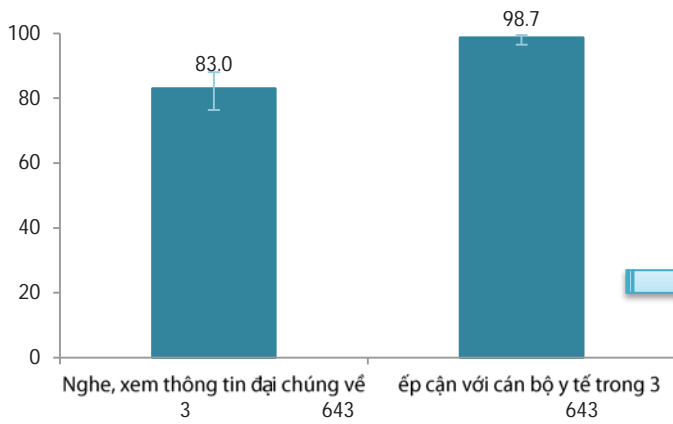
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



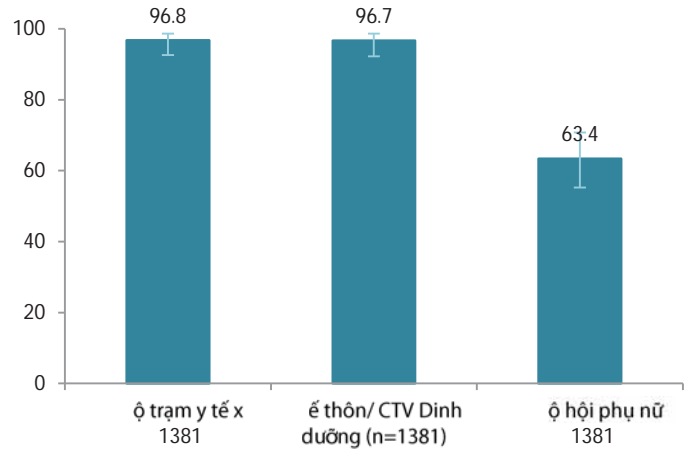
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Bình Định

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

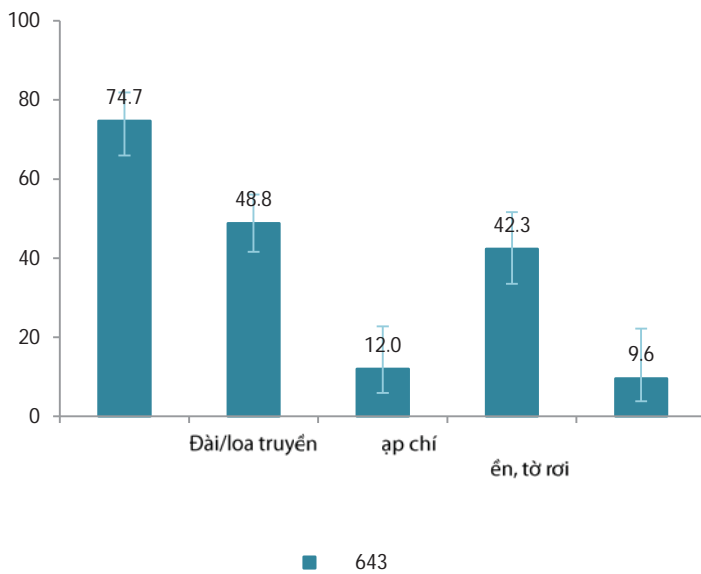
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



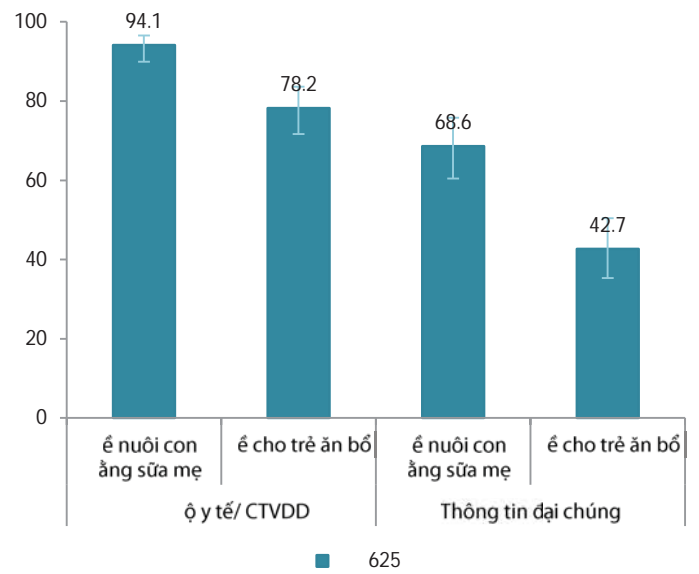
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



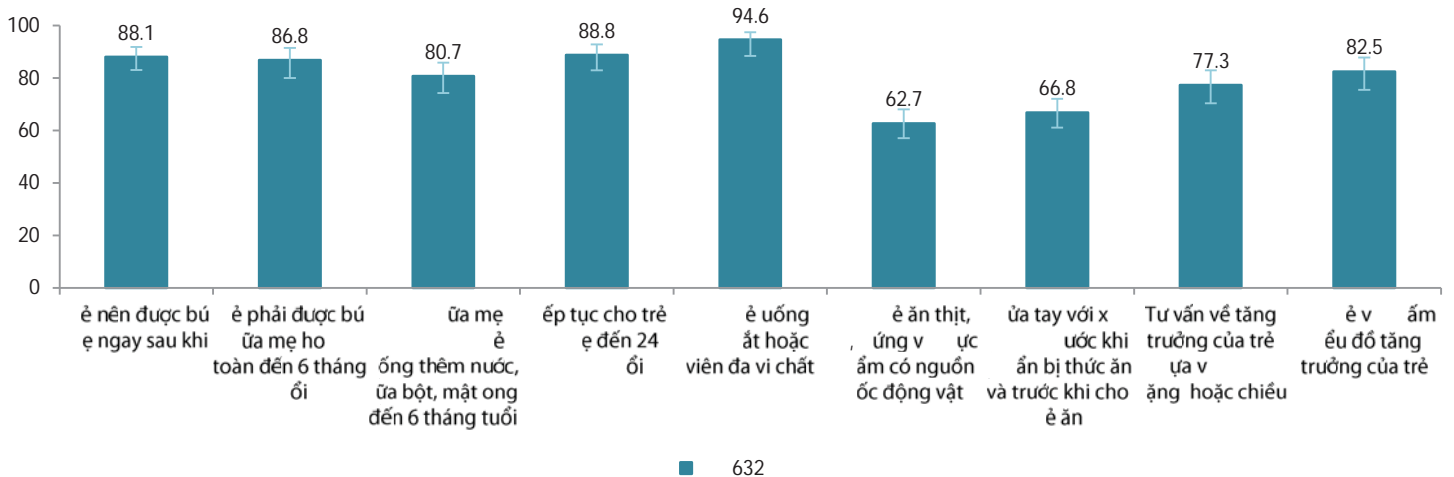
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 12%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 50.5% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 8.4%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 30.7%, nhẹ cân là 17.2% và gầy còm là 6.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.5%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 60.3%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 27.7% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 73%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 88.3%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 70.5%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 73.3%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

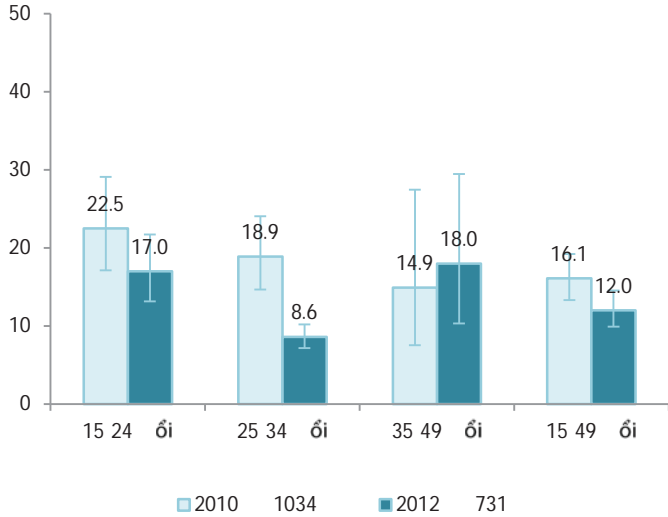
Các thông tin cơ bản ¹

| <u>Chỉ số</u> | <u>Số lượng</u> | <u>Chỉ số</u> | <u>Số lượng</u> |
|--|-----------------|-----------------------|-----------------|
| Số quận, huyện và thị xã | 8 | Số bệnh viện | 11 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 112 | Số phòng khám đa khoa | 13 |
| Số thôn/bản | 601 | Số trạm y tế xã | 109 |
| Dân số | 873,053 | Số nhà hộ sinh | 9 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 66,962 | Số bác sỹ | 427 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 27,521 | Số y sỹ | 421 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 623 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 5.9% | Số nữ hộ sinh | 346 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 17.8% | Số y tế thôn bản | 601 |

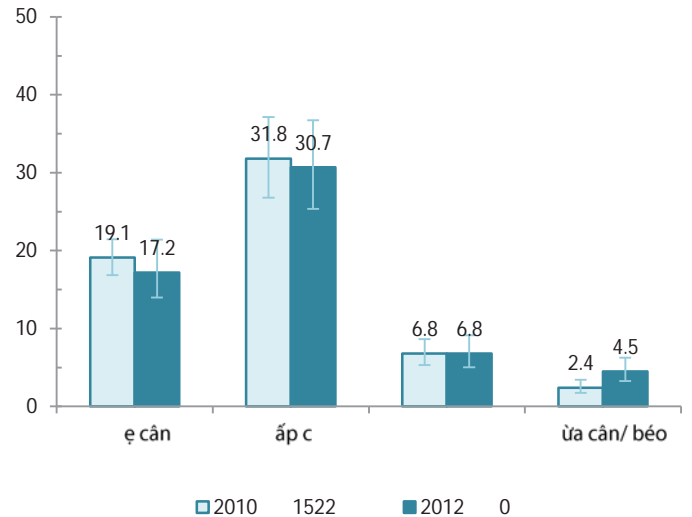
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

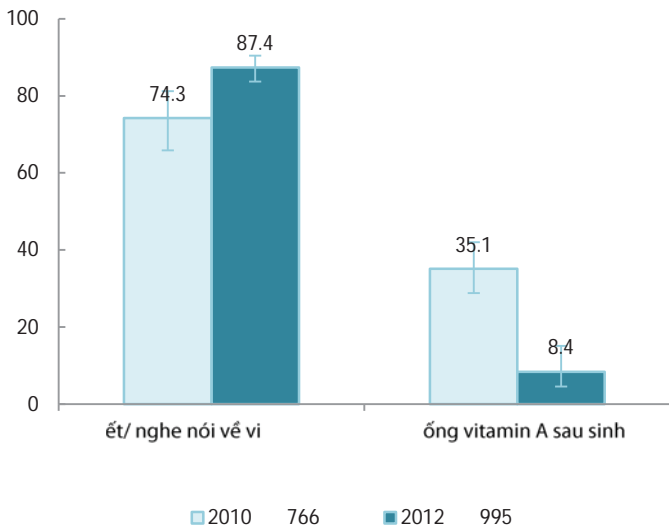
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



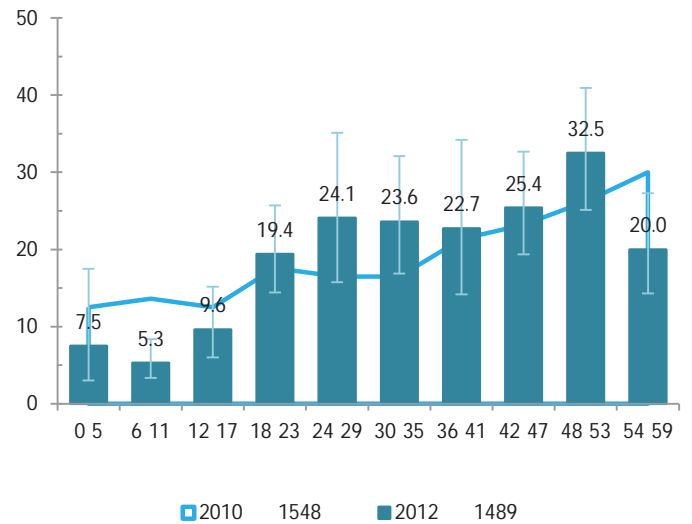
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



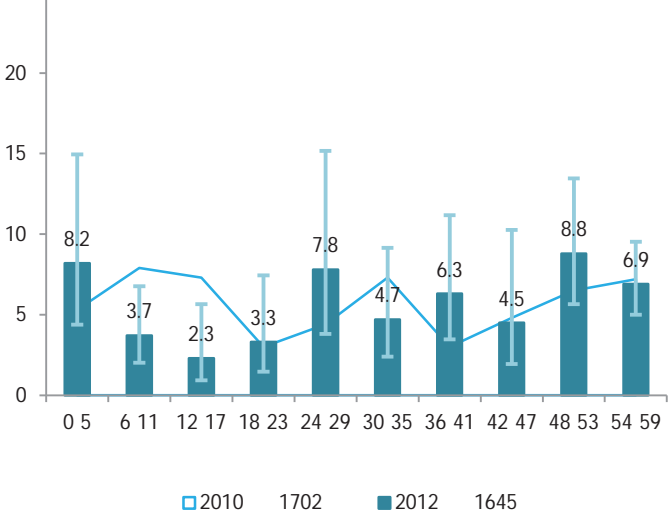
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



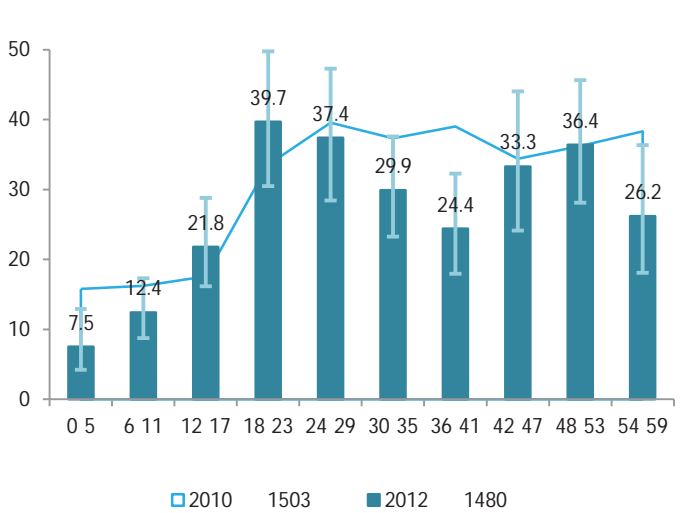
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



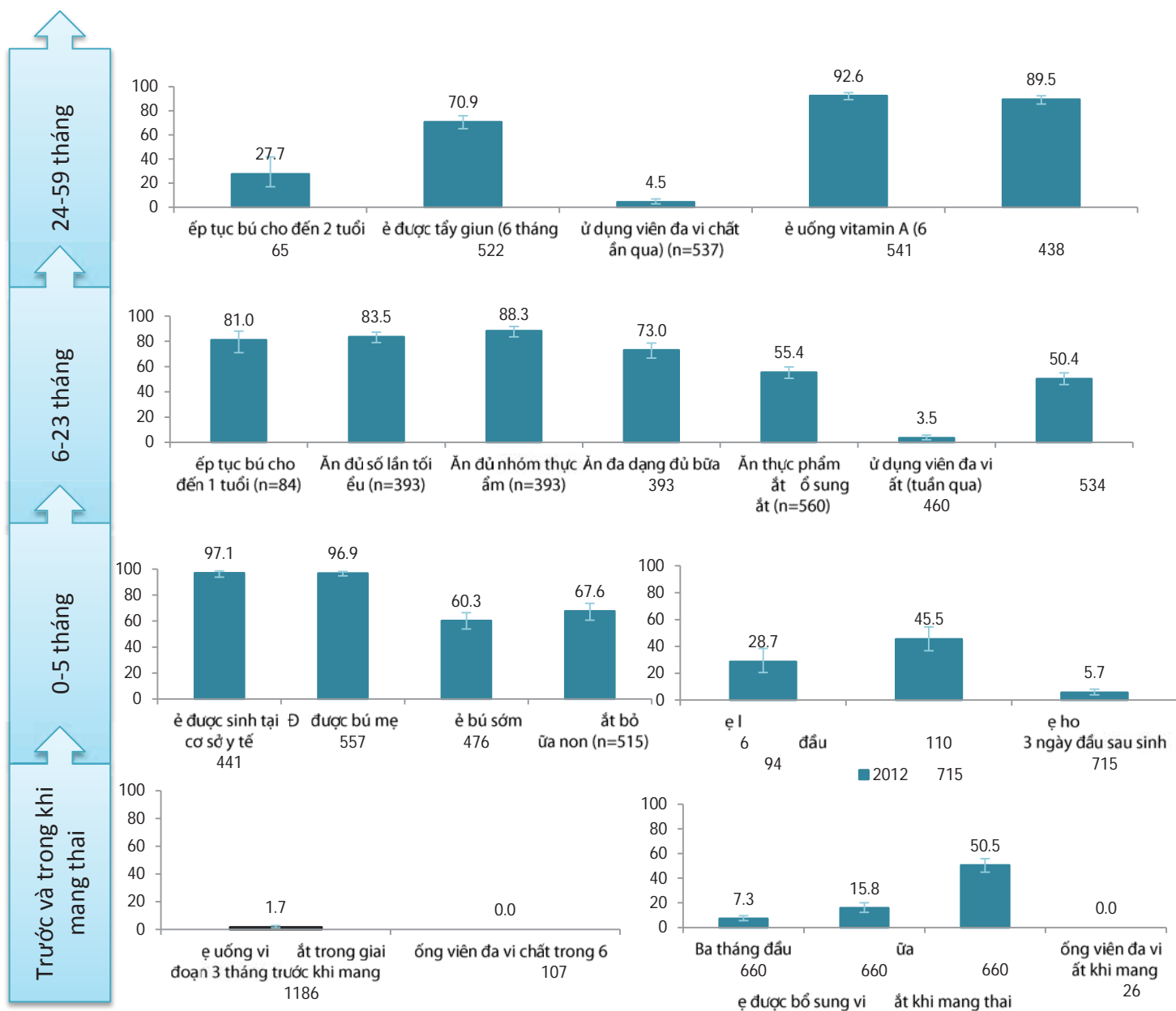
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



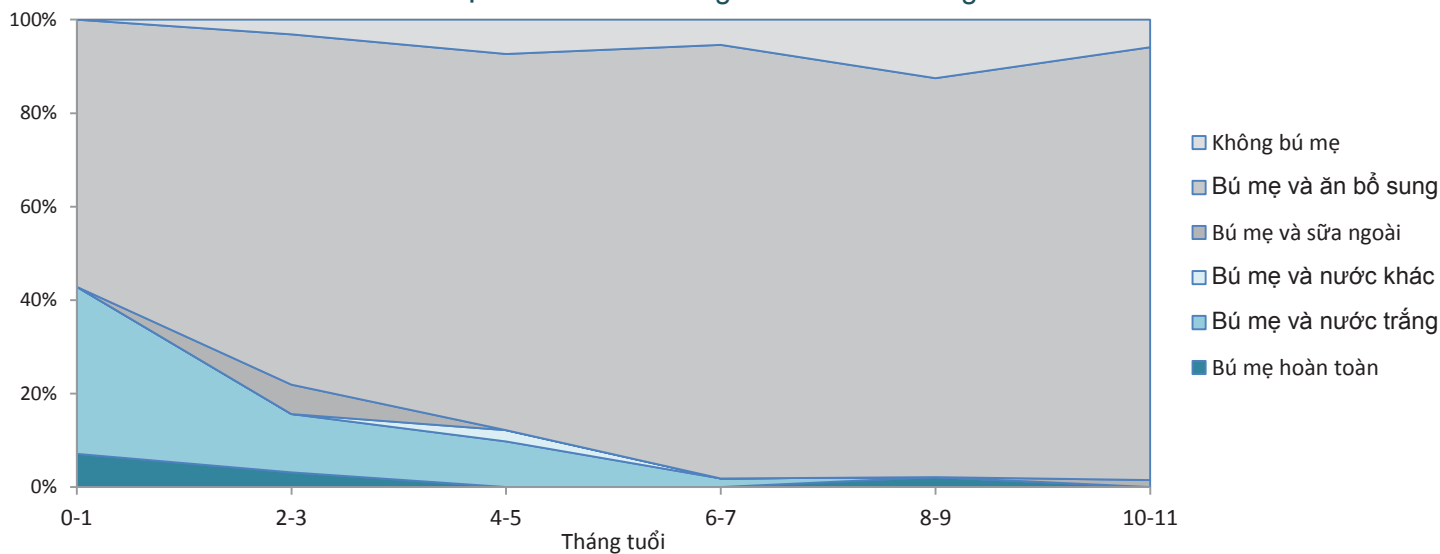
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. ền

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



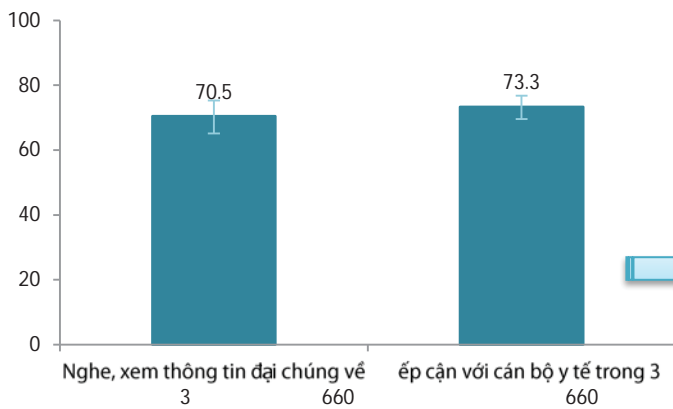
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



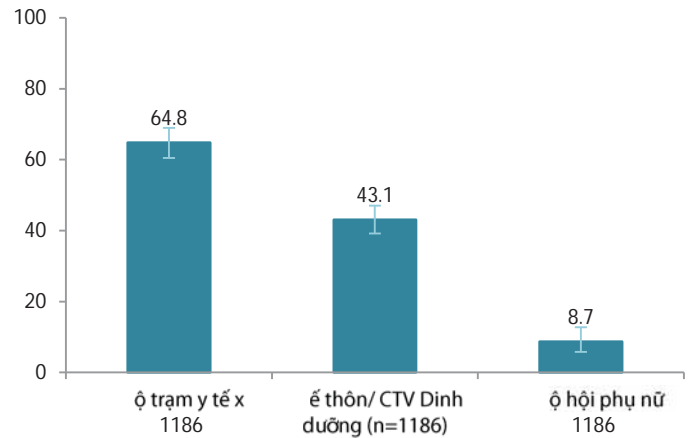
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng Quốc gia

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

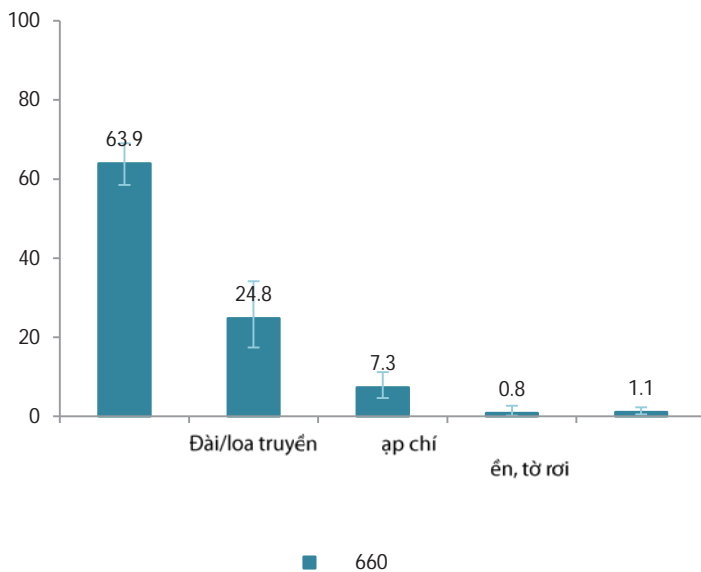
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



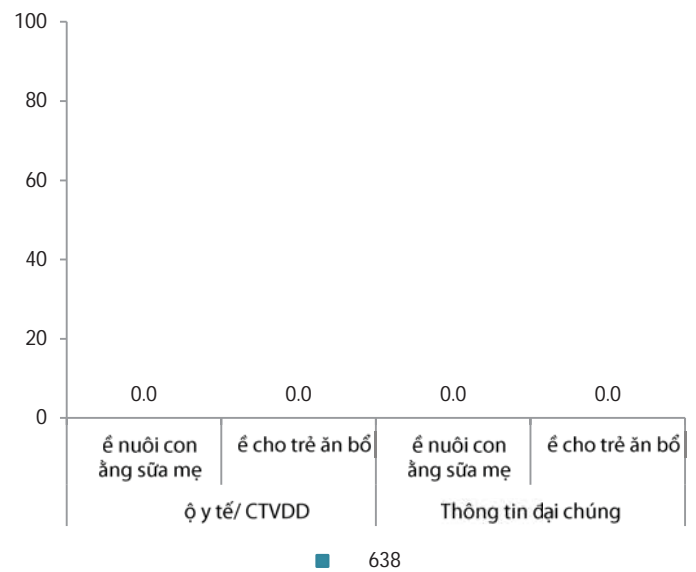
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



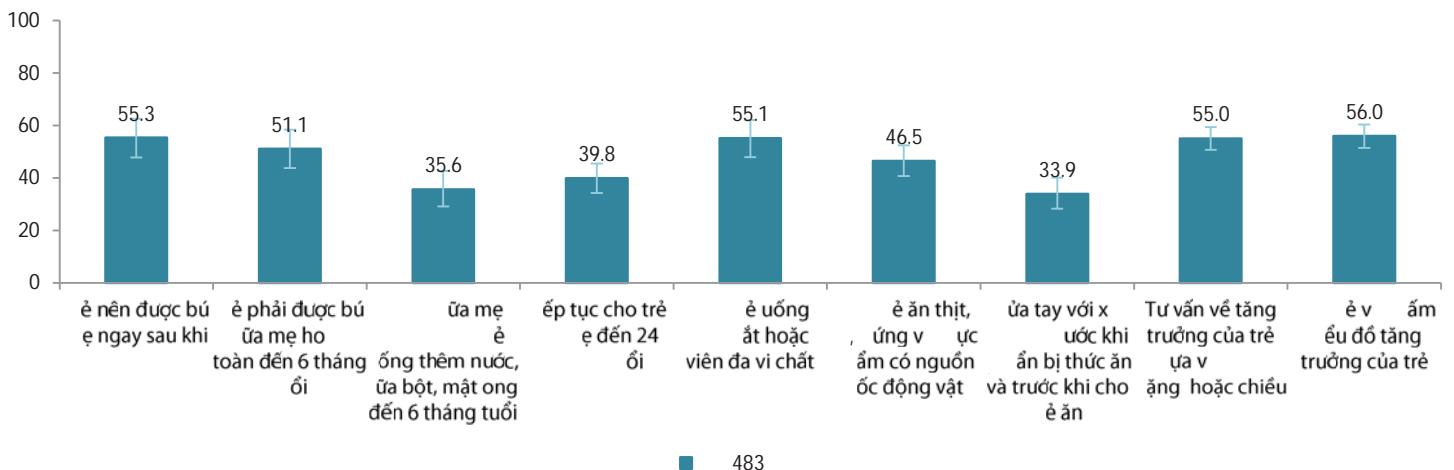
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 14.8%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 88.1% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 25.6%, nhẹ cân là 13.8% và gầy còm là 6.4%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.7%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 47.2%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 12.2% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 75.5%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 80.7%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 79%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 72.8%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

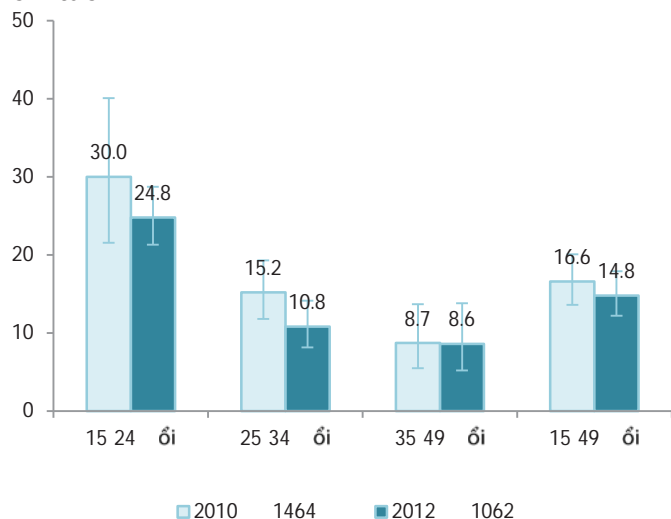
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 7 | Số bệnh viện | 12 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 140 | Số phòng khám đa khoa | 15 |
| Số thôn/bản | 955 | Số trạm y tế xã | 140 |
| Dân số | 1,174,848 | Số nhà hộ sinh | 1 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 88,555 | Số bác sỹ | 586 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 36,396 | Số y sỹ | 536 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,004 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 5.3% | Số nữ hộ sinh | 411 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 8.8% | Số y tế thôn bản | 1,011 |

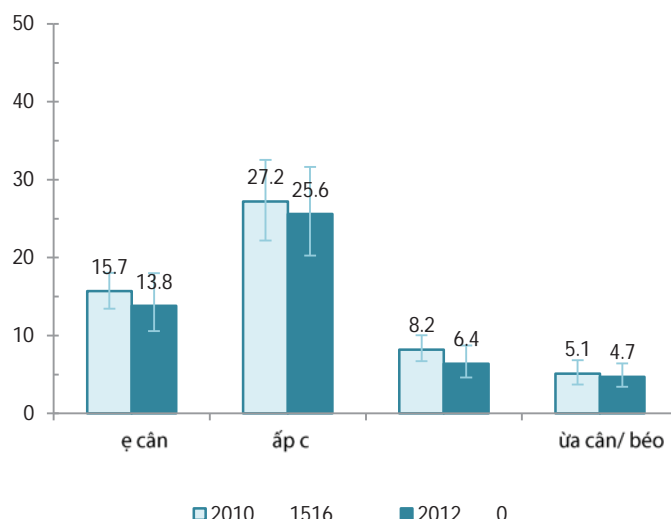
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

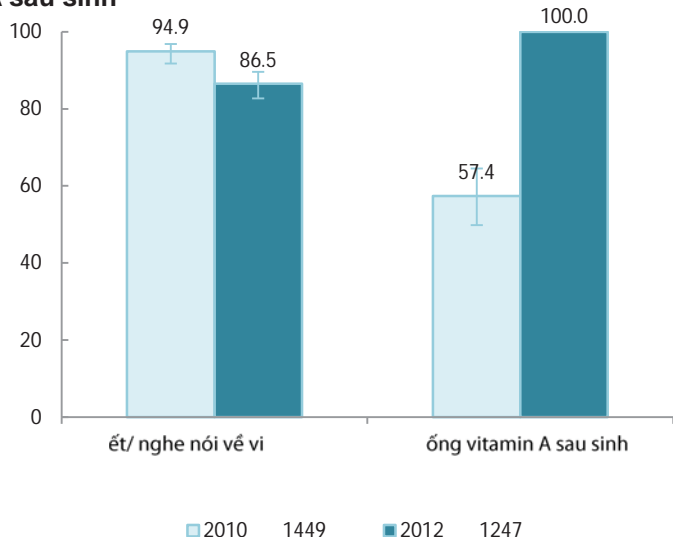
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



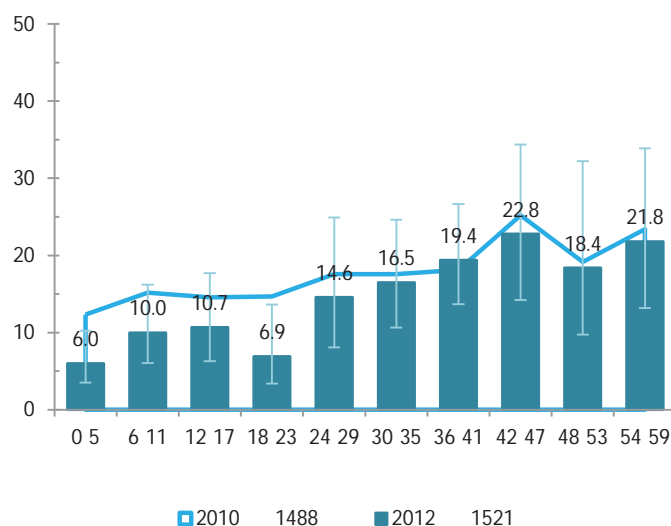
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



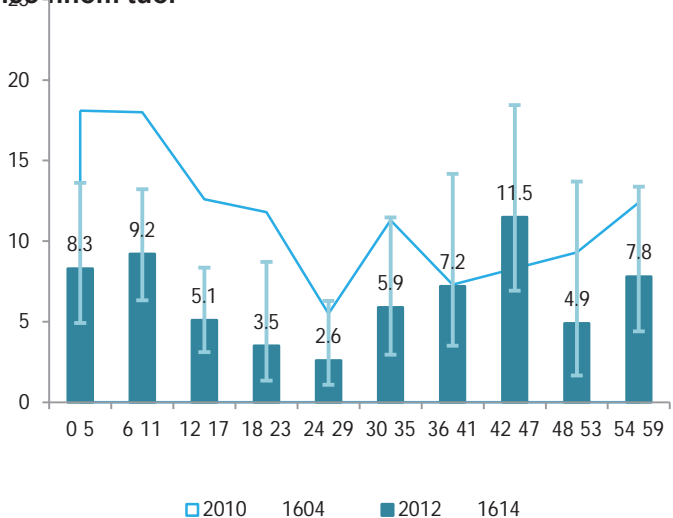
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



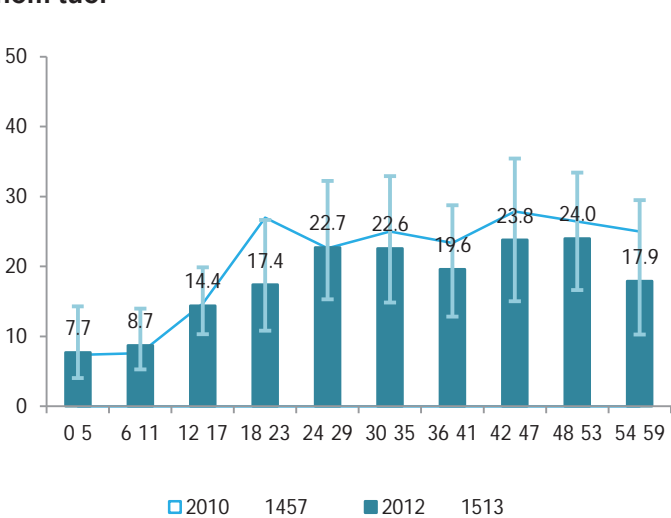
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



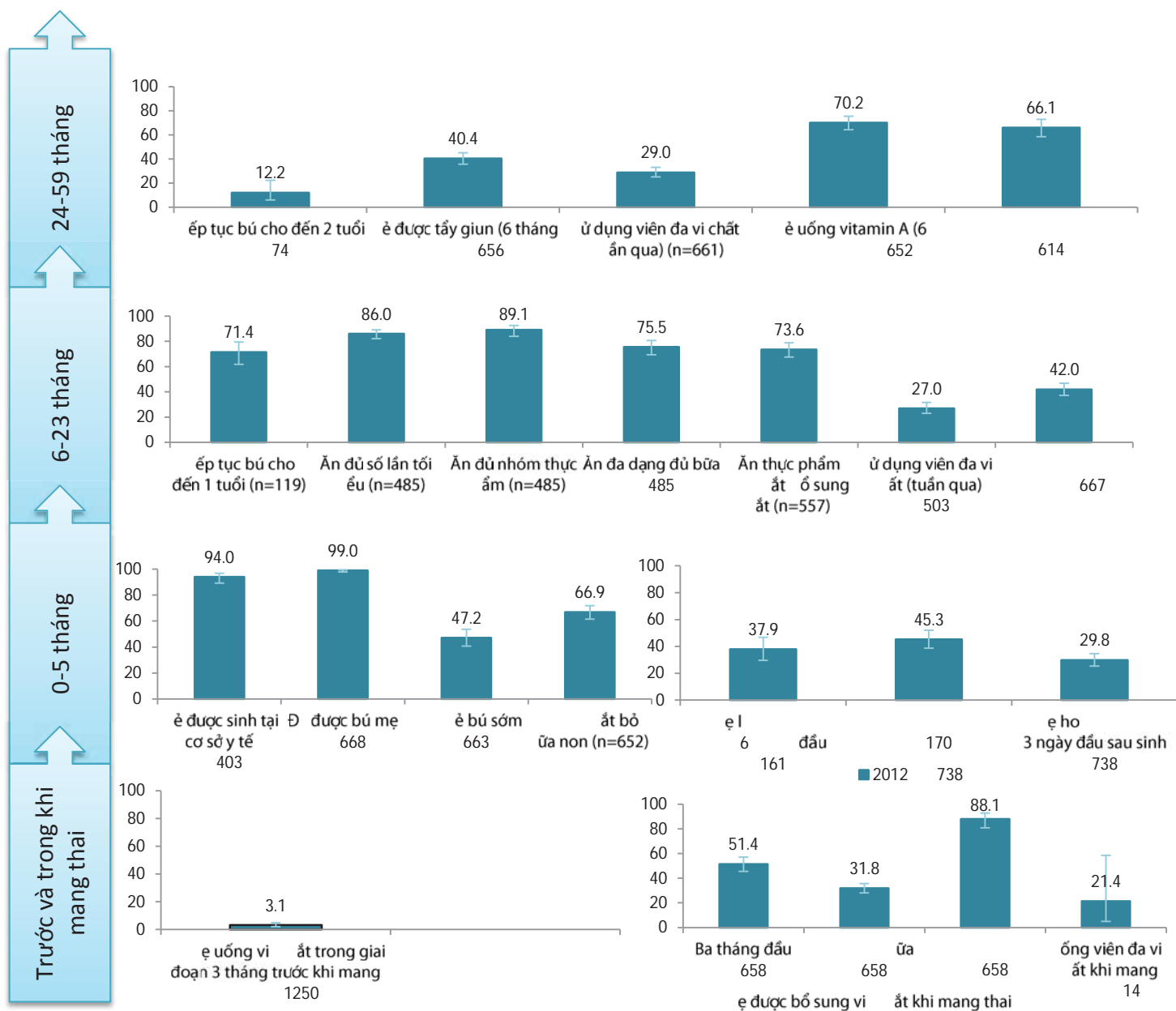
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



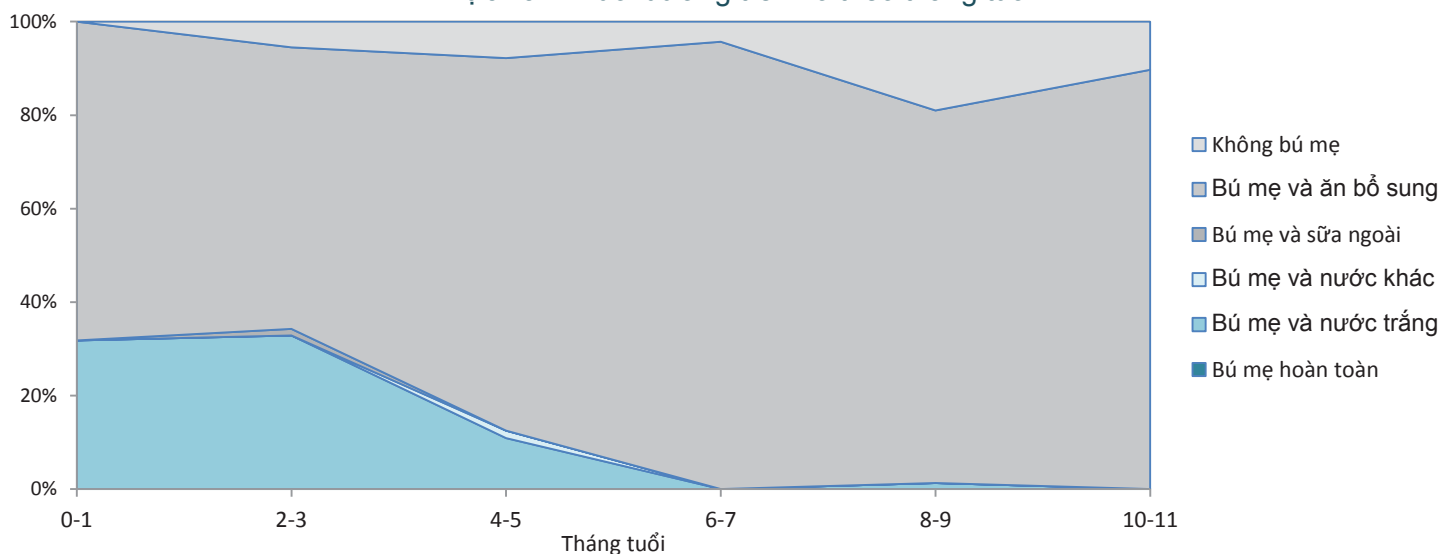
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. n

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

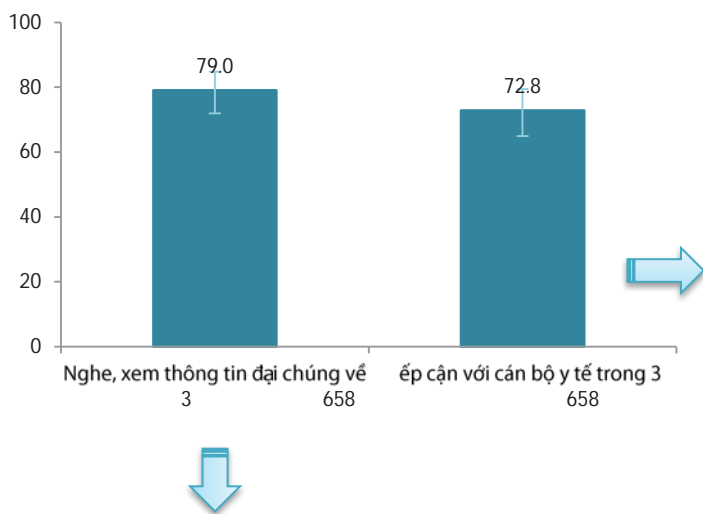


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

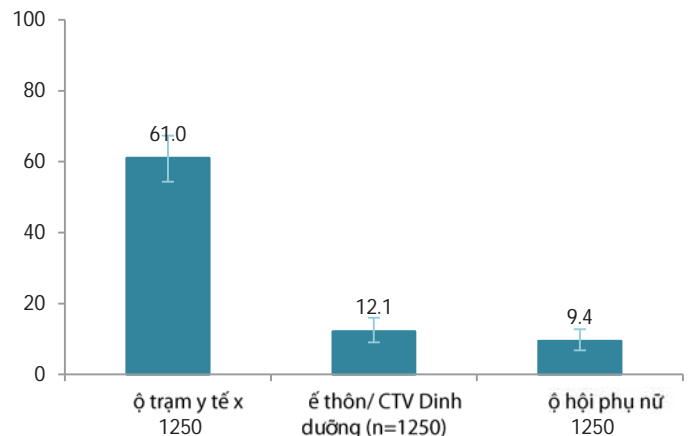
n

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

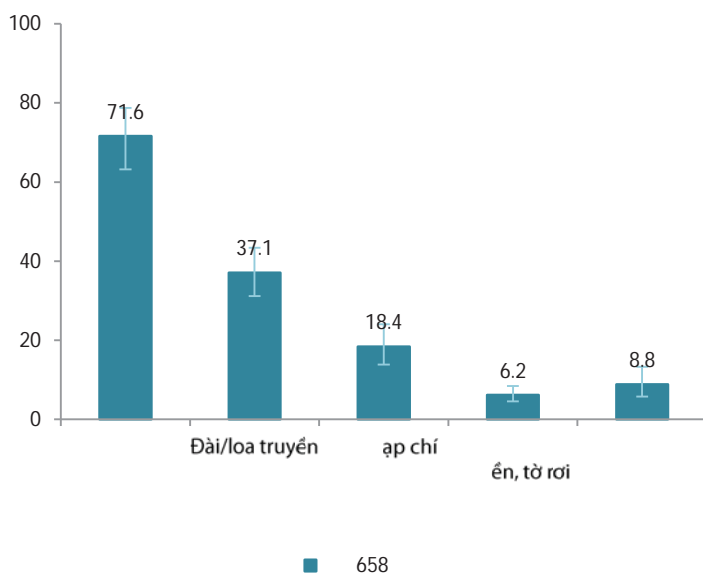
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



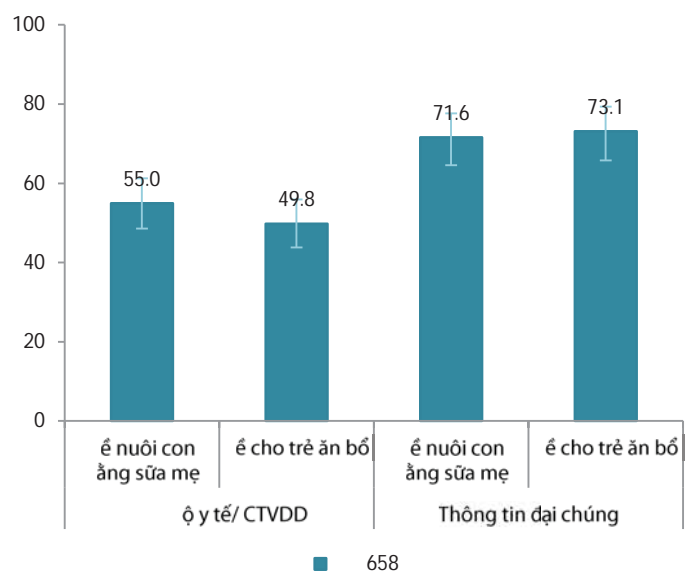
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



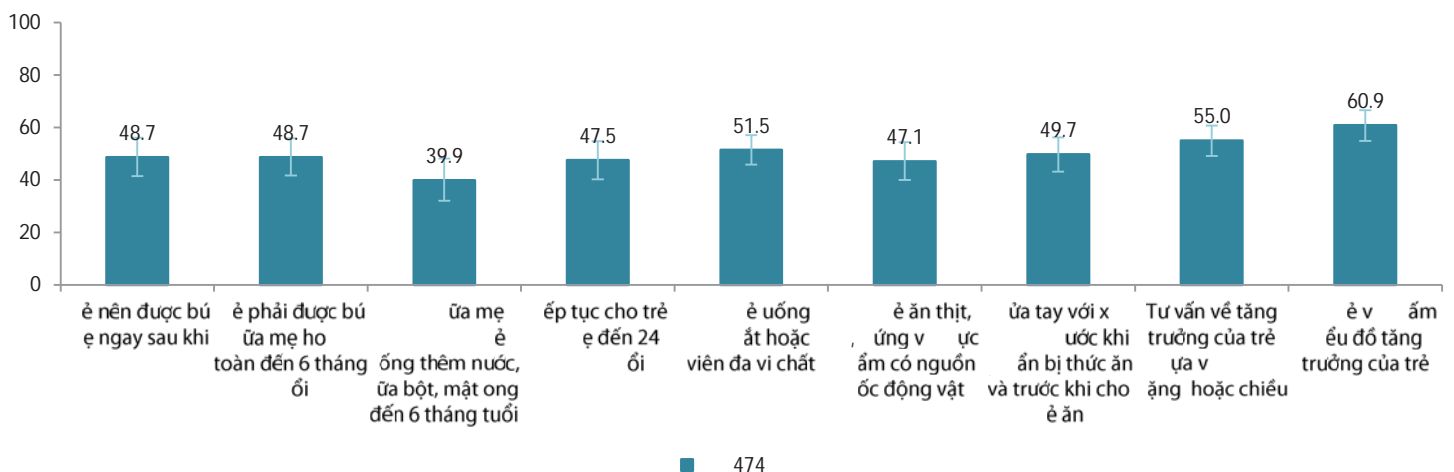
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 6.8%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 67% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 33.3%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 40.6%, nhẹ cân là 26.3% và gầy còm là 9.2%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 1.9%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 95.2%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 67% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 64%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 94%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 60.9%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 81.5%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

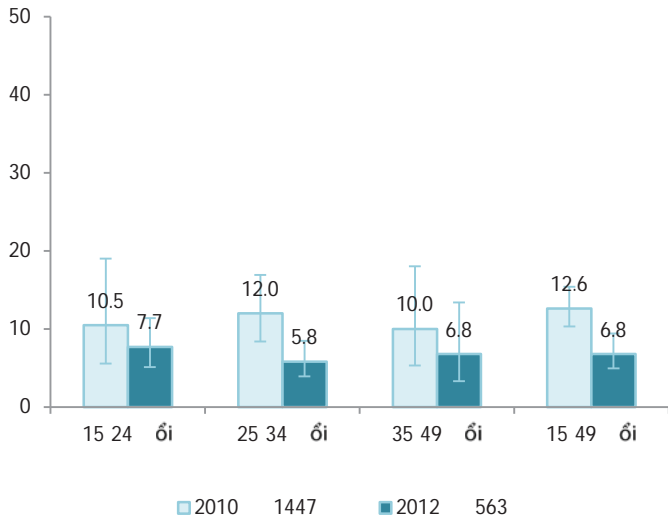
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 8 | Số bệnh viện | 9 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 97 | Số phòng khám đa khoa | 12 |
| Số thôn/bản | 863 | Số trạm y tế xã | 97 |
| Dân số | 452,187 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 54,810 | Số bác sỹ | 156 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 22,527 | Số y sỹ | 347 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 620 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 53.2% | Số nữ hộ sinh | 231 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 28.9% | Số y tế thôn bản | 870 |

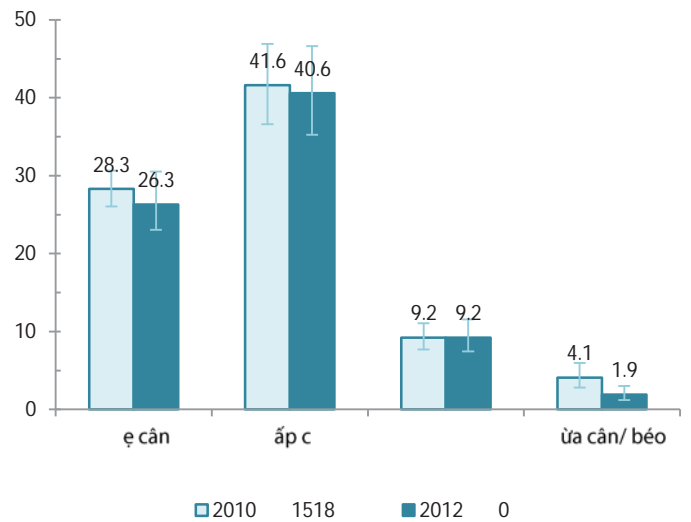
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

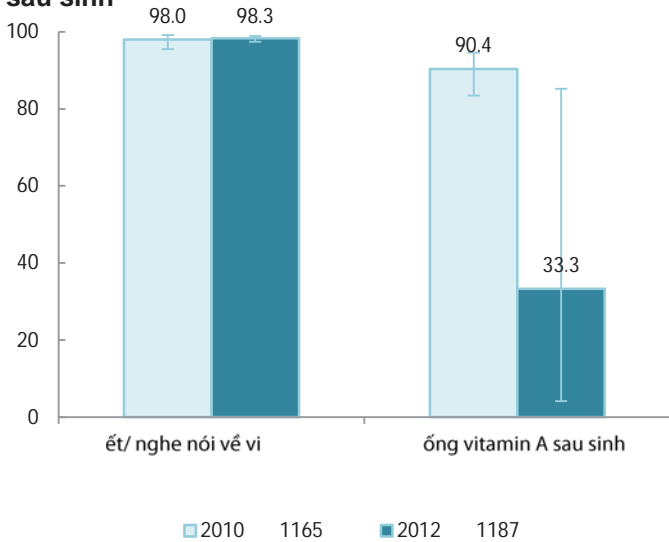
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



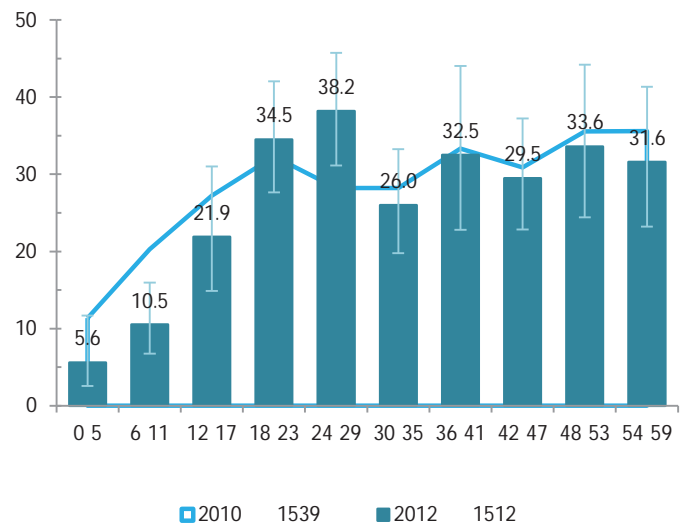
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



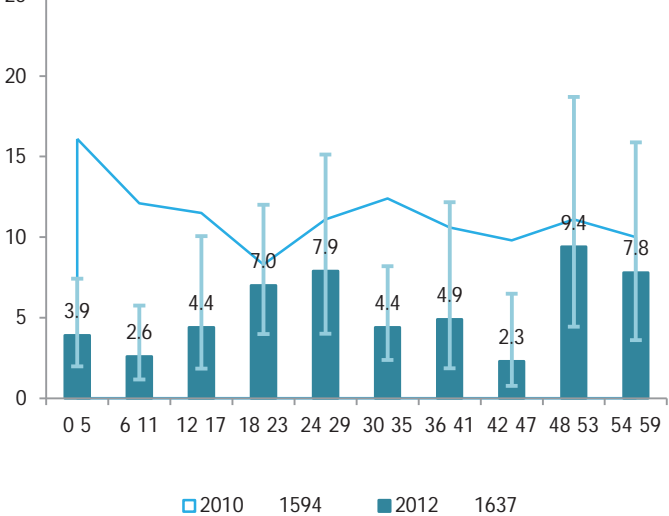
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



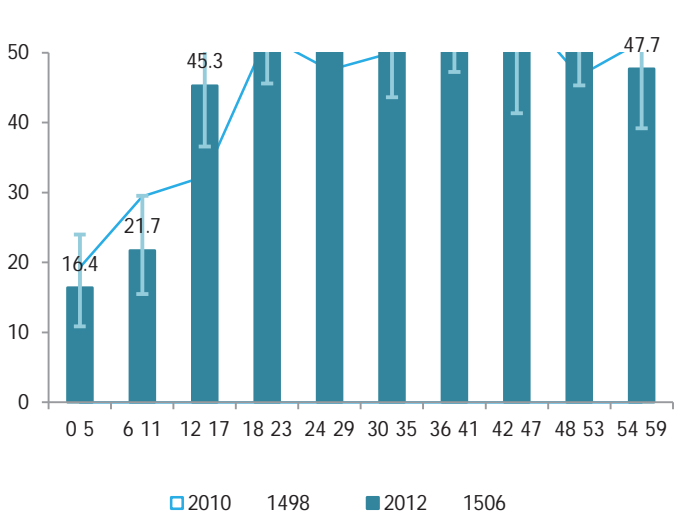
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



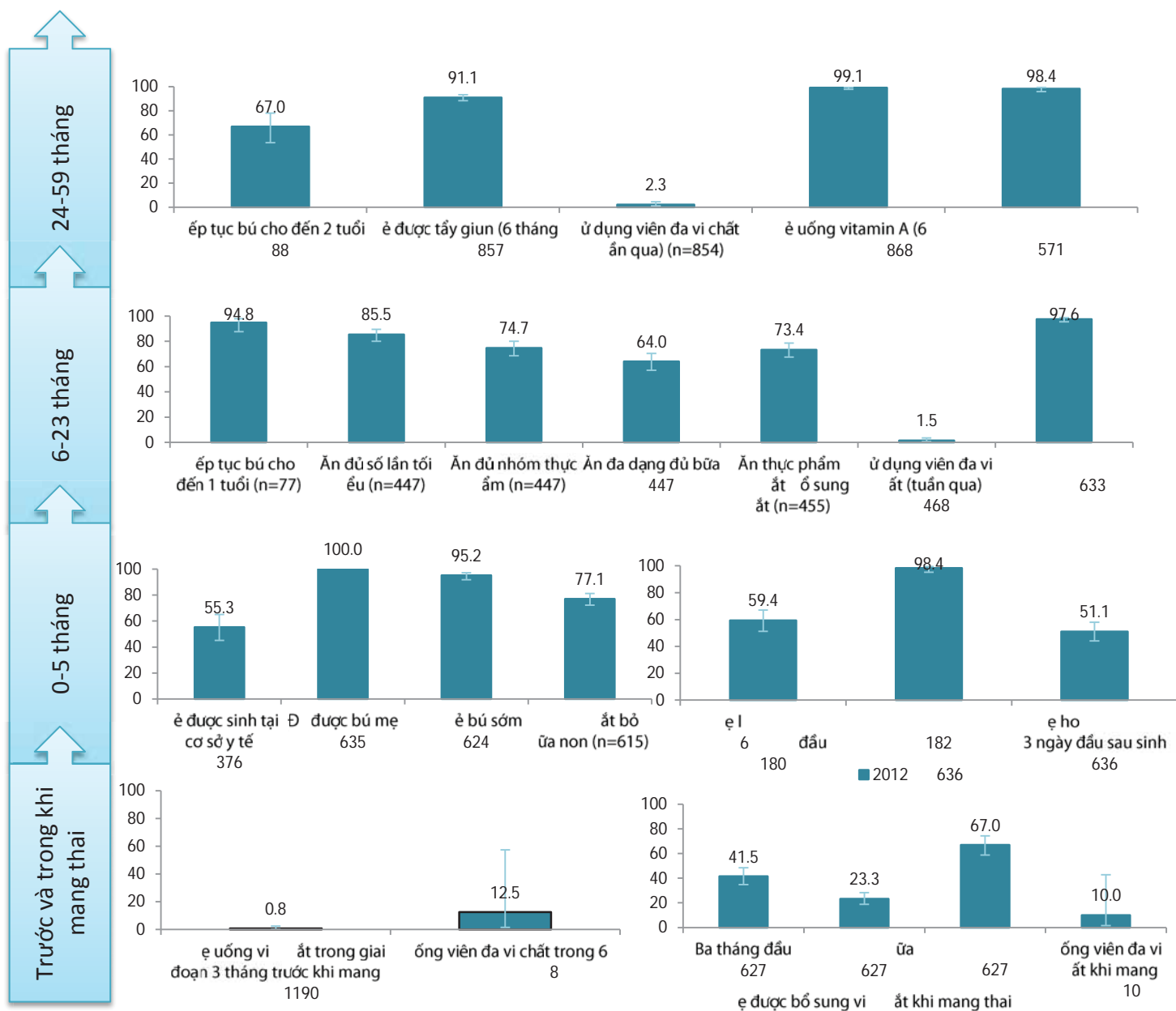
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



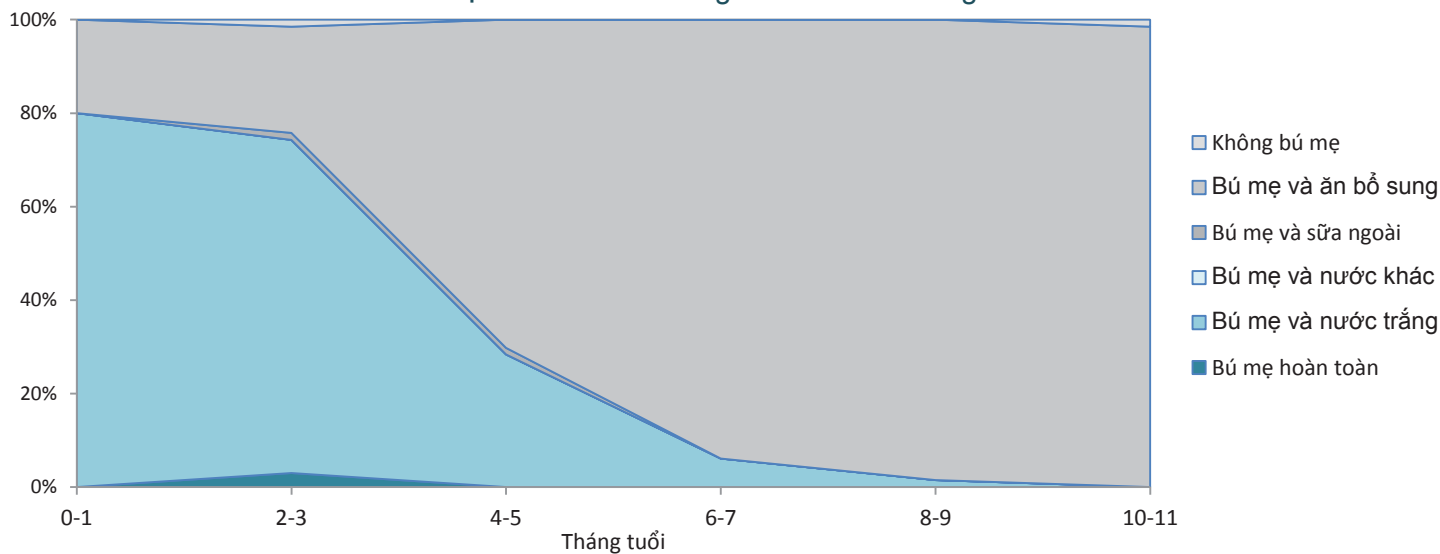
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. n.Tu

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



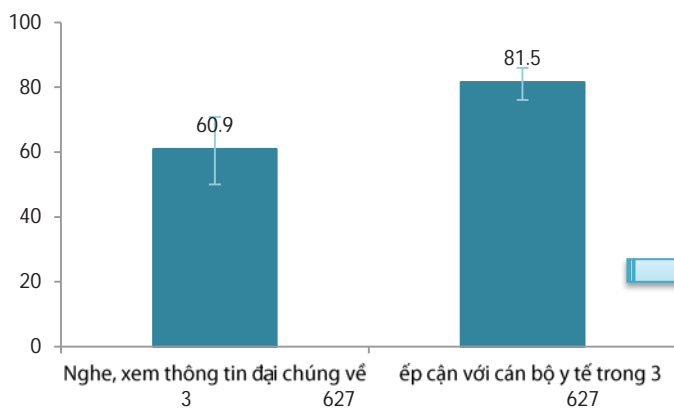
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



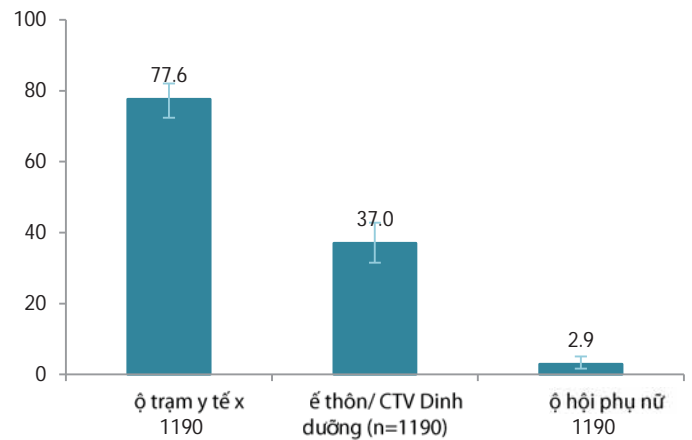
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
n Tu

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

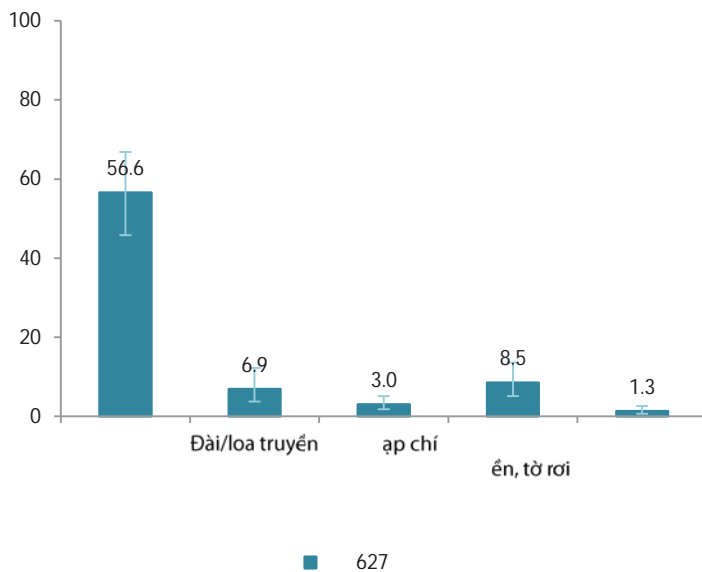
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



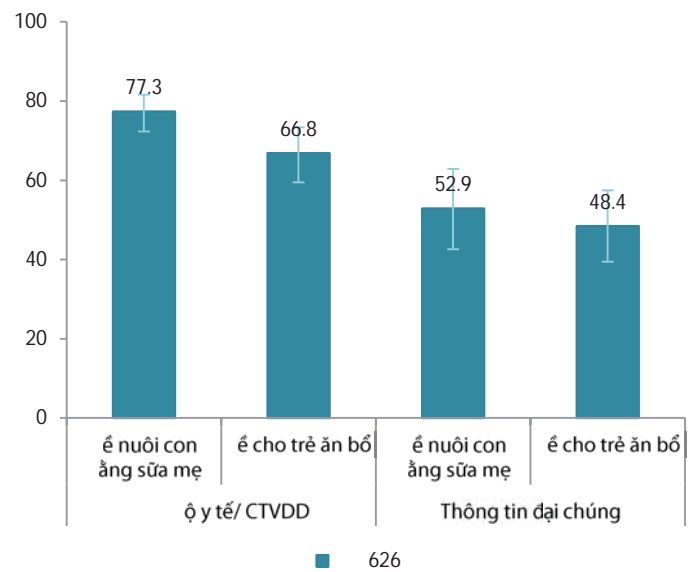
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



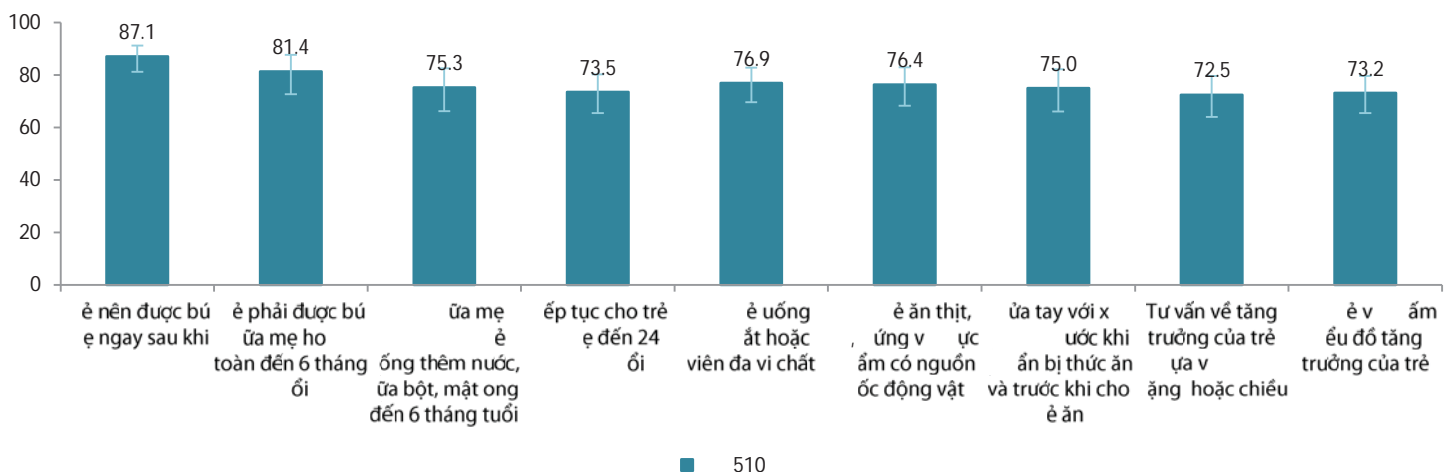
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 17.2%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 57.1% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 35.2%, nhẹ cân là 24.3% và gầy còm là 8.5%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 2.7%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 72.5%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 55.6% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 36.6%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 88.1%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 33.6%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 95.5%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

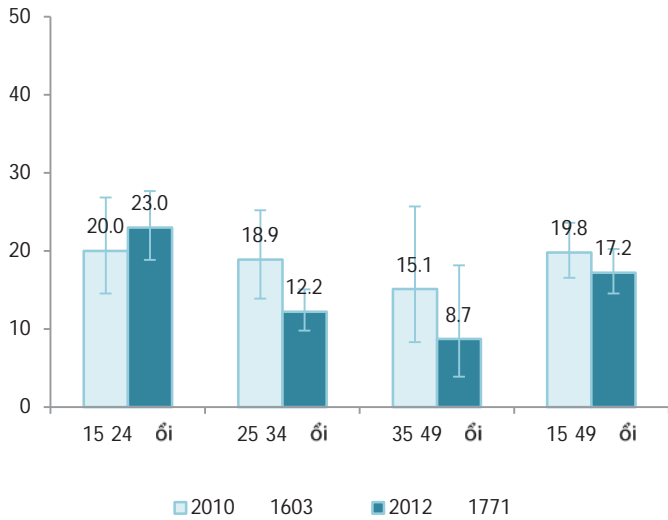
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 16 | Số bệnh viện | 20 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 222 | Số phòng khám đa khoa | 10 |
| Số thôn/bản | 2,047 | Số trạm y tế xã | 222 |
| Dân số | 1,315,940 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 132,460 | Số bác sỹ | 743 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 54,441 | Số y sỹ | 616 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,047 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 44.0% | Số nữ hộ sinh | 478 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 24.5% | Số y tế thôn bản | 1,848 |

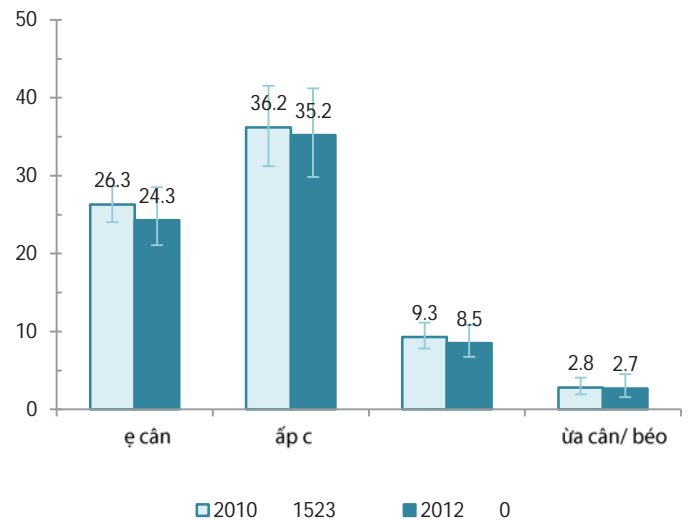
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

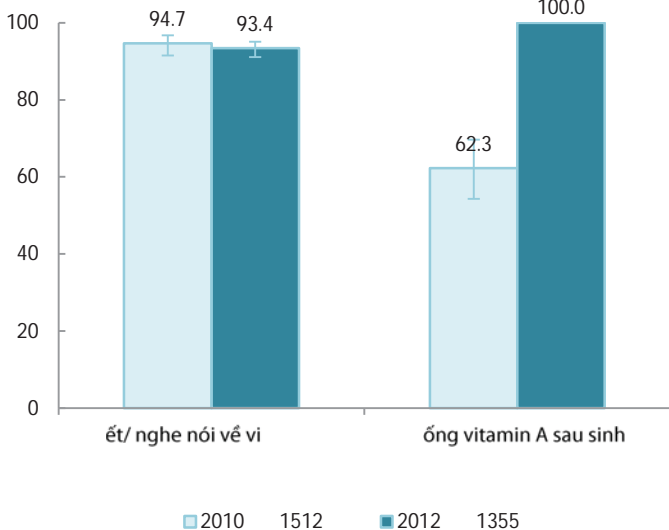
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



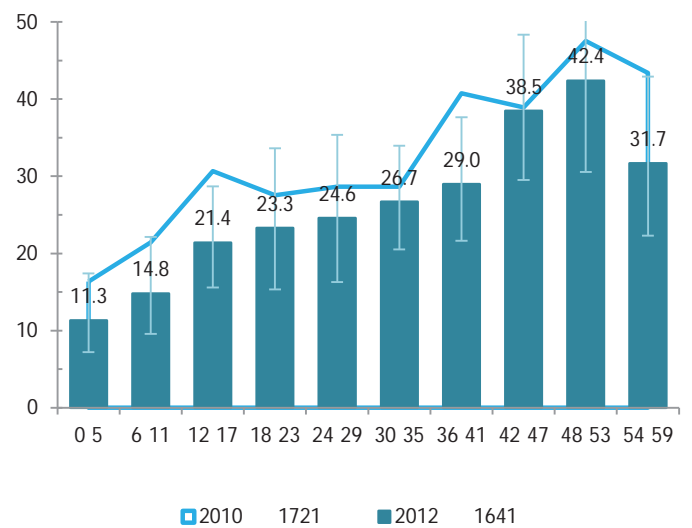
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



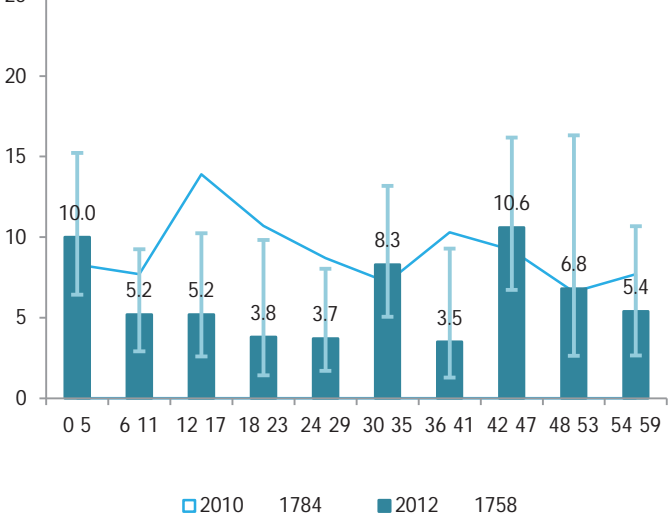
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



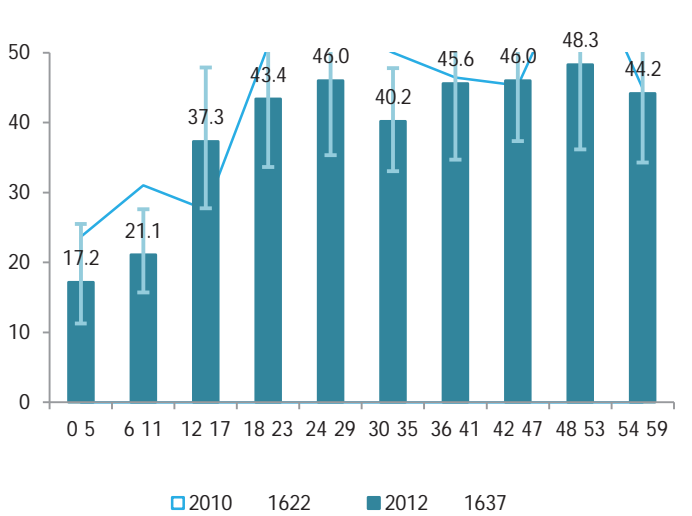
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



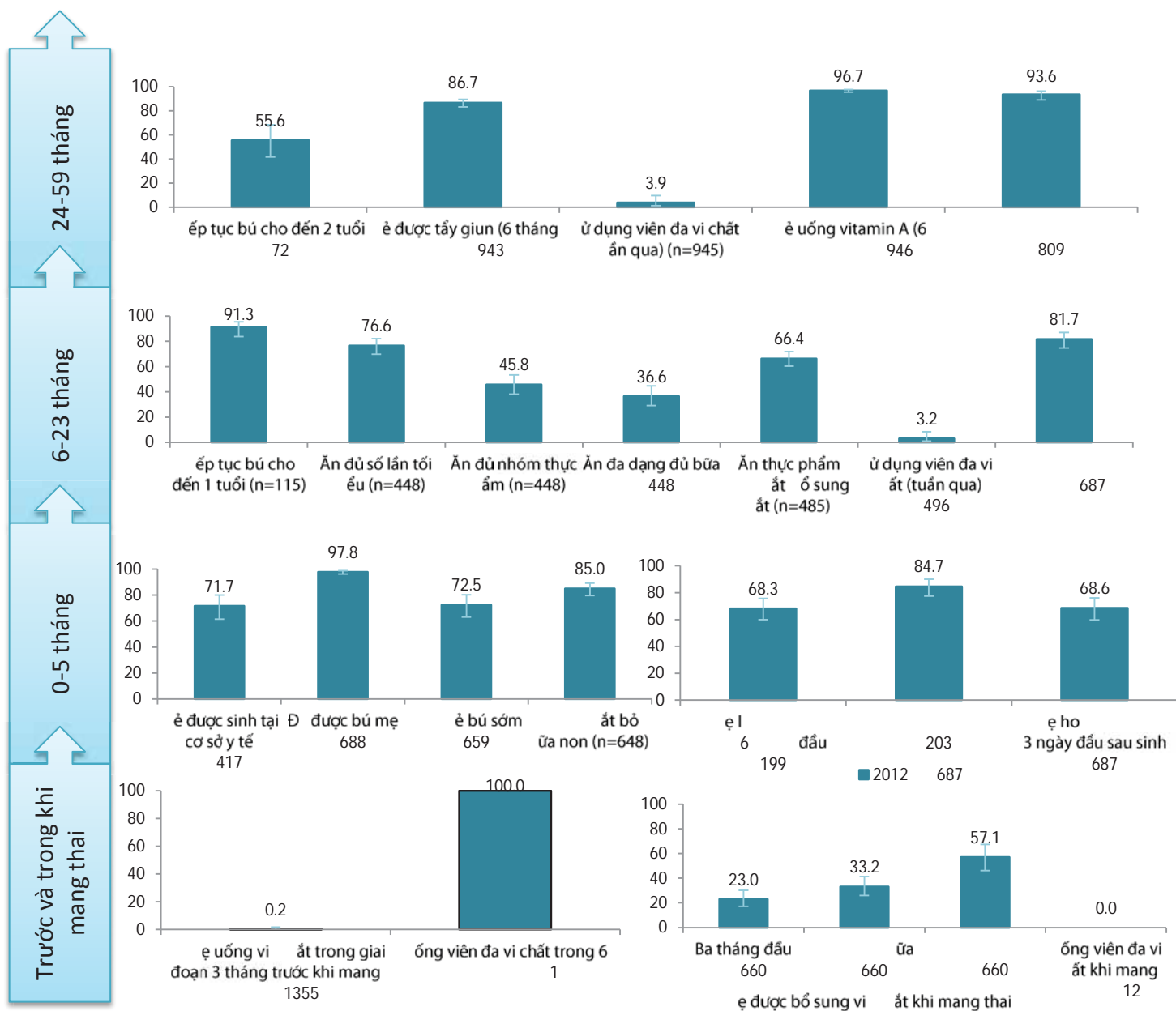
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



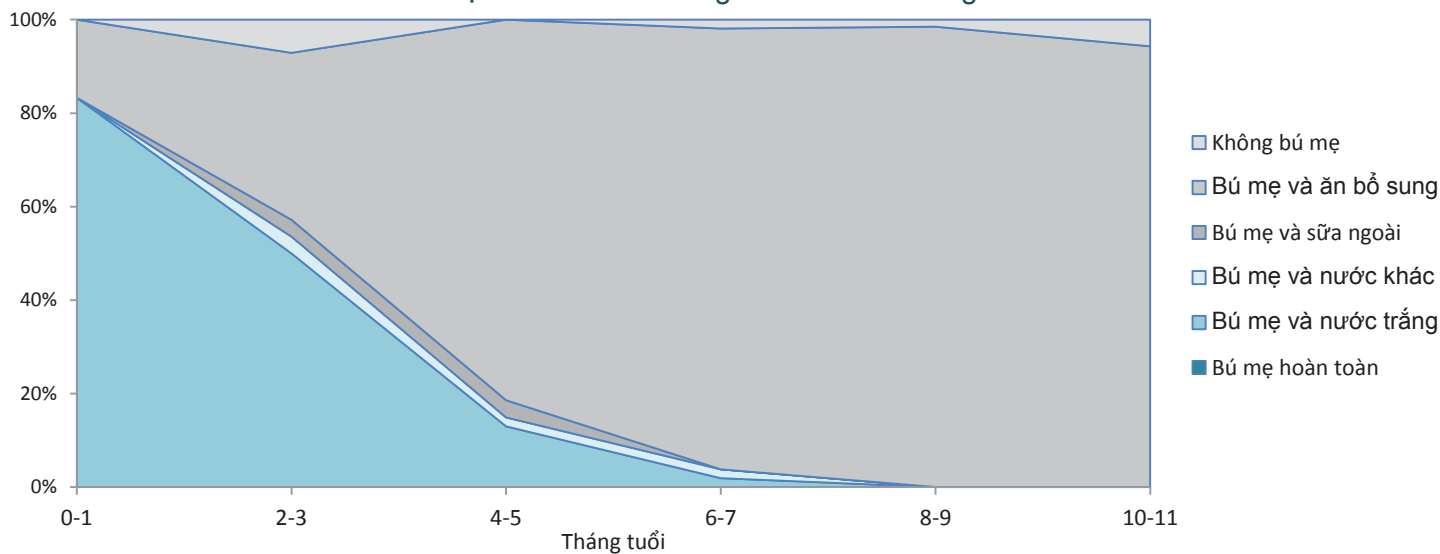
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2.

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



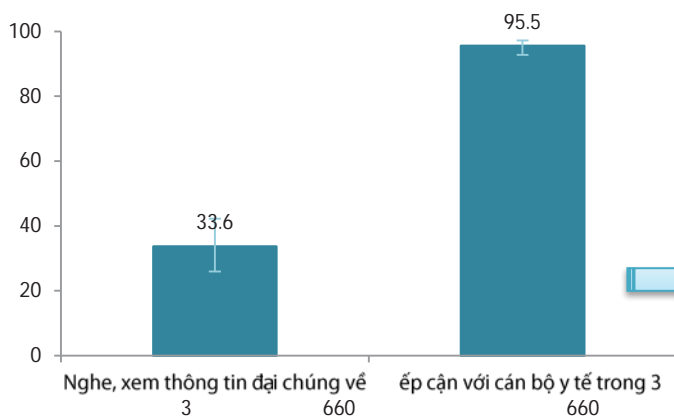
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



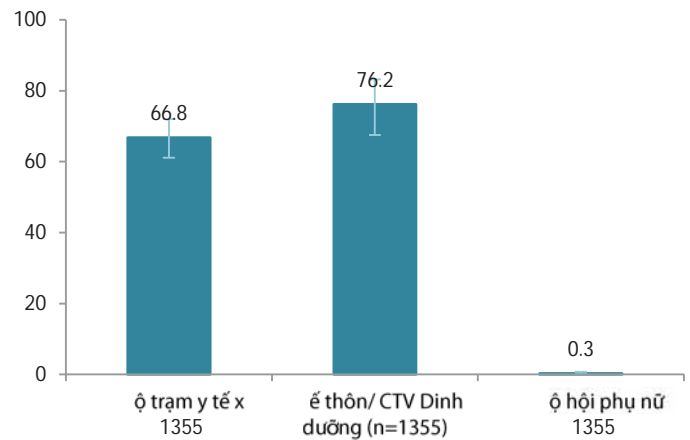
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

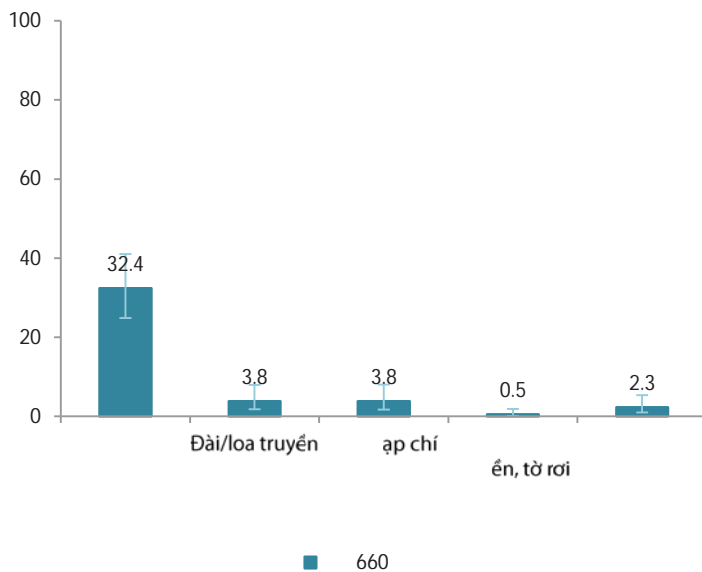
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



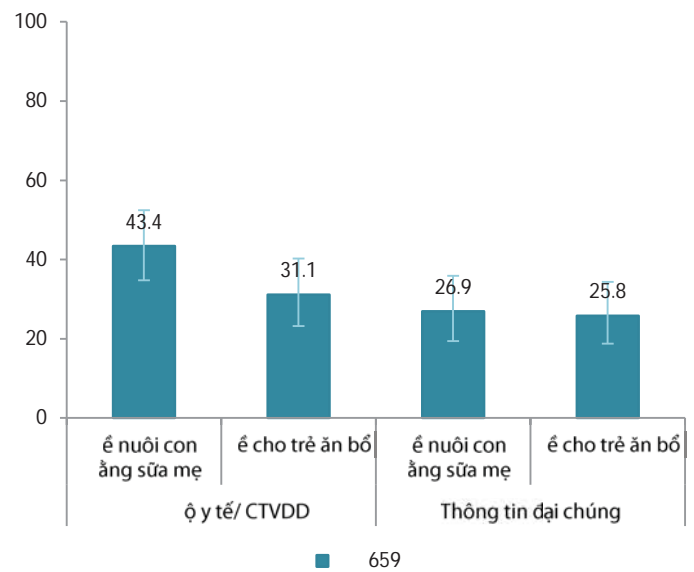
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



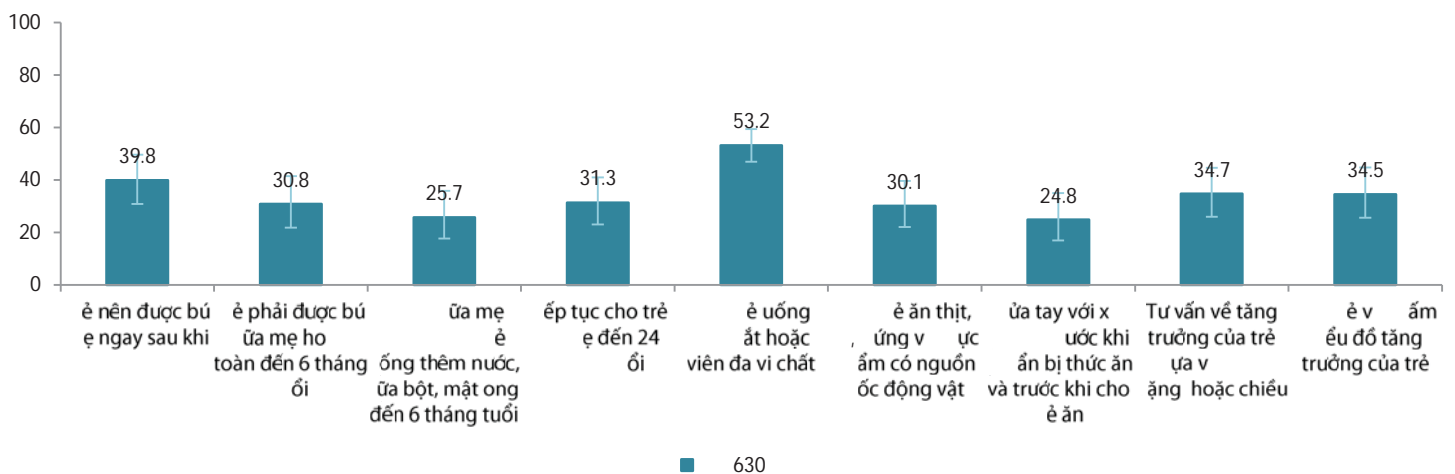
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Đắk Lắk

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 17.4%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 80.1% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 21.4%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 34.5%, nhẹ cân là 24.6% và gầy còm là 7.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 1.8%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 75.9%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 36.8% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 64.1%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 85.4%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 69.7%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 95.4%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

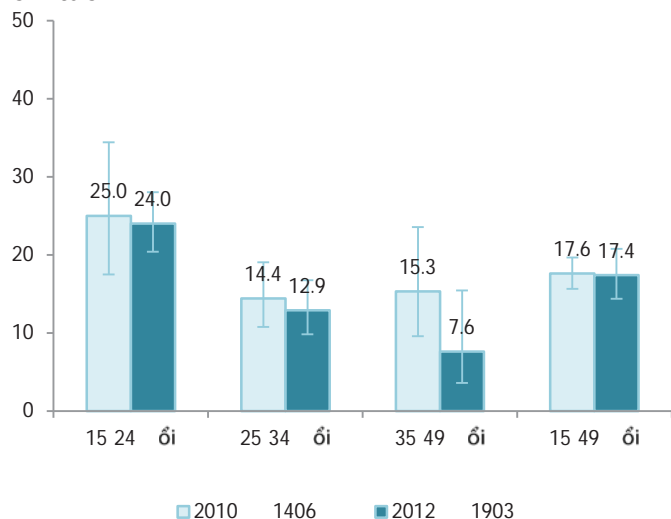
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 14 | Số bệnh viện | 21 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 184 | Số phòng khám đa khoa | 1 |
| Số thôn/bản | 2,413 | Số trạm y tế xã | 184 |
| Dân số | 1,768,333 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 153,032 | Số bác sỹ | 954 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 62,896 | Số y sỹ | 639 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,408 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 33.0% | Số nữ hộ sinh | 442 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 19.6% | Số y tế thôn bản | 2,394 |

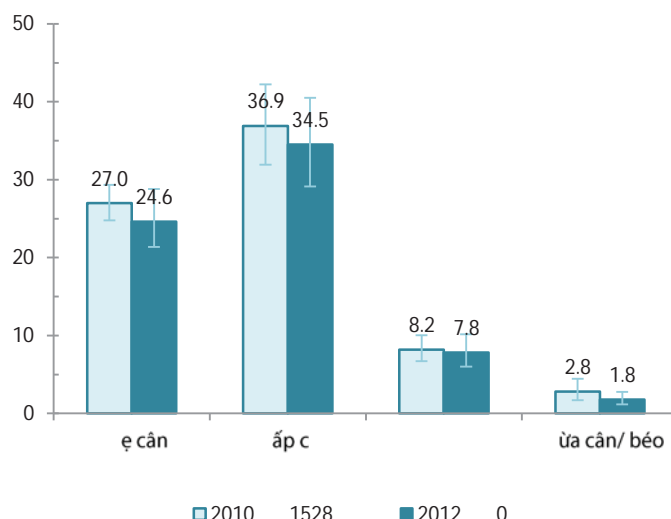
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

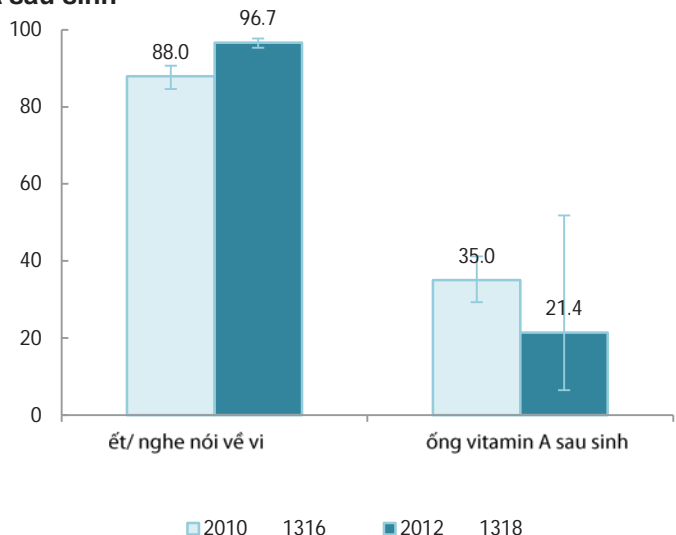
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



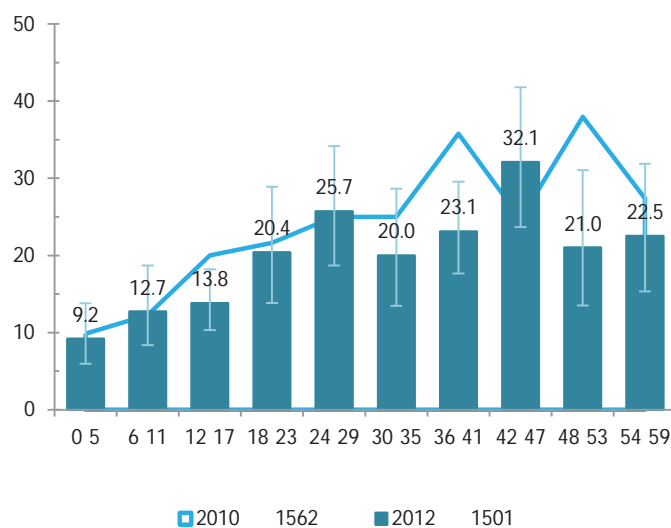
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



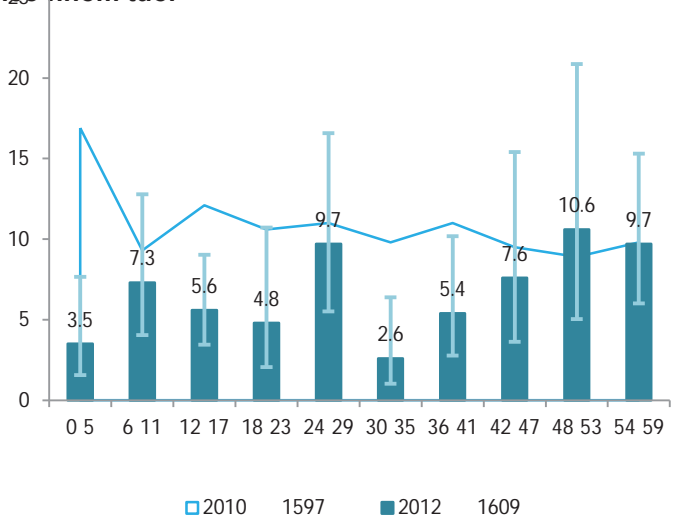
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



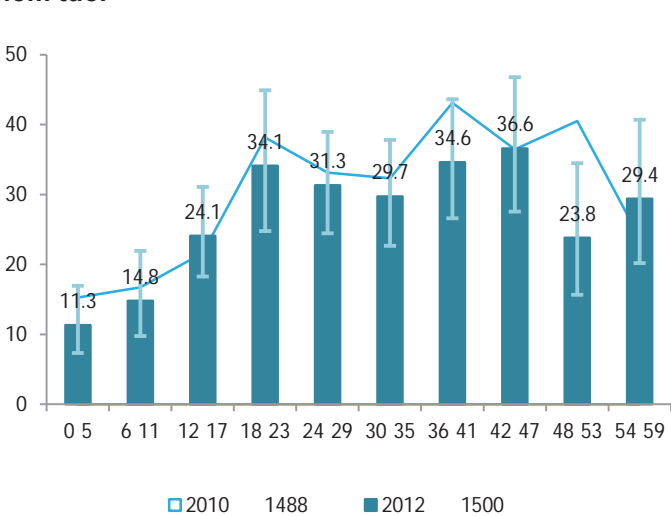
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



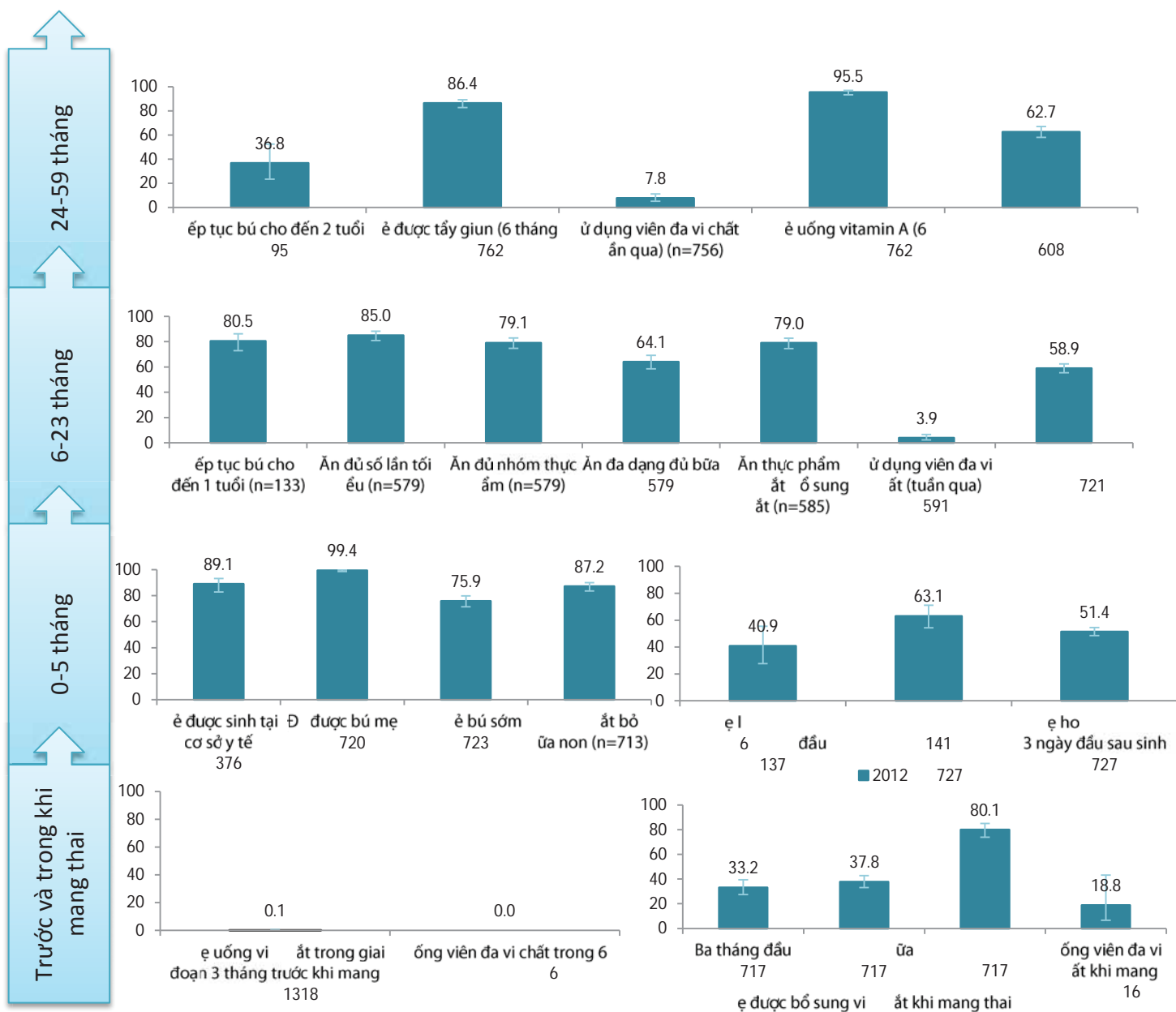
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



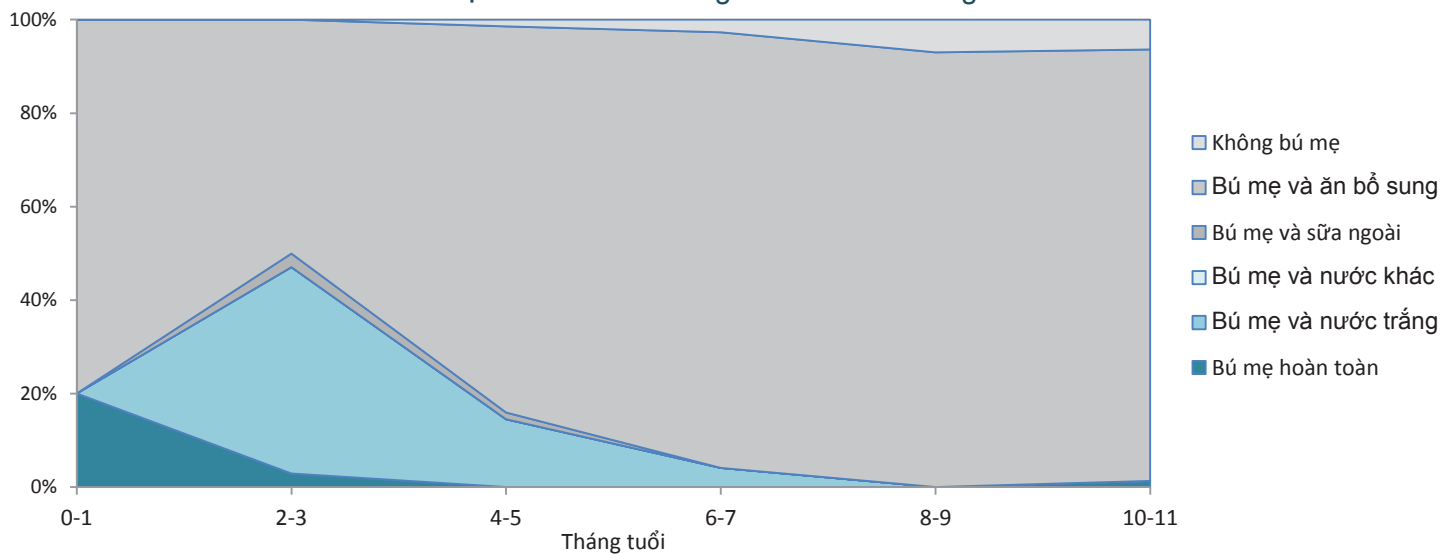
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

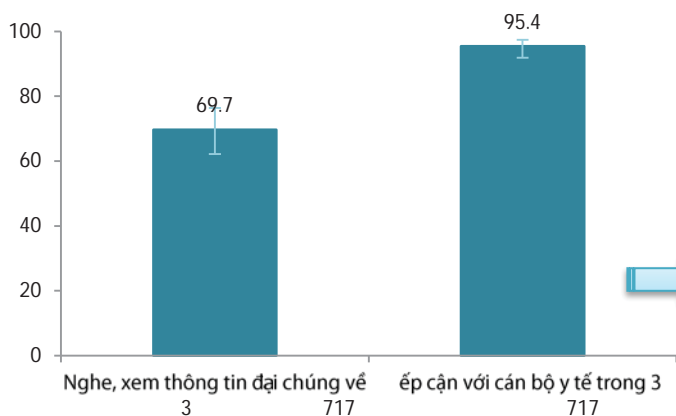


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

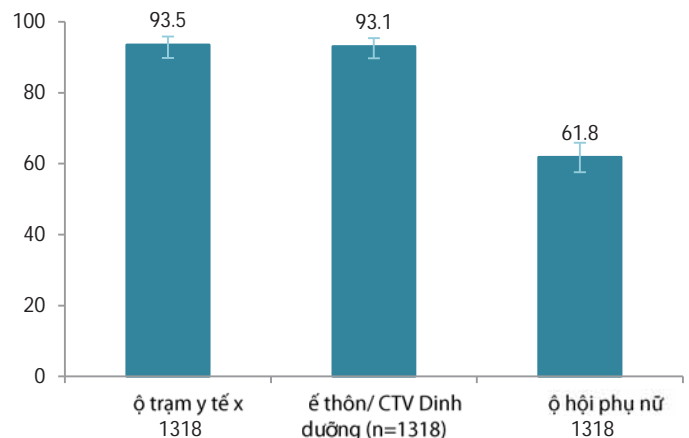
3 Đắk Lắk

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

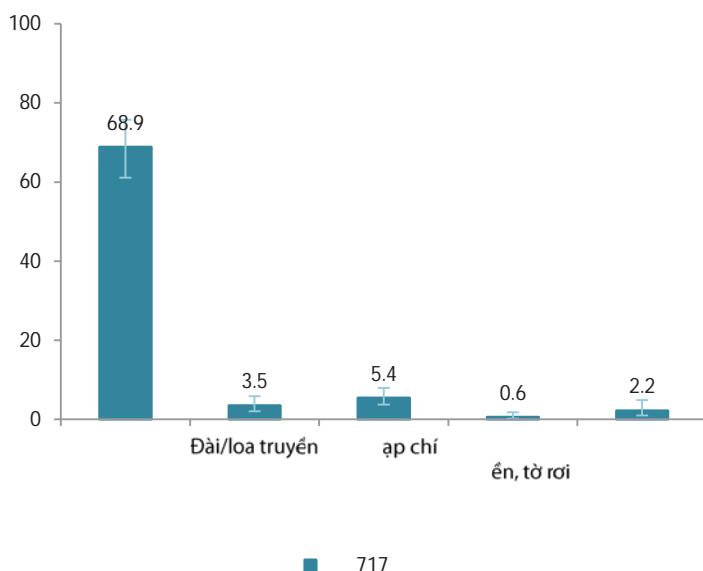
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



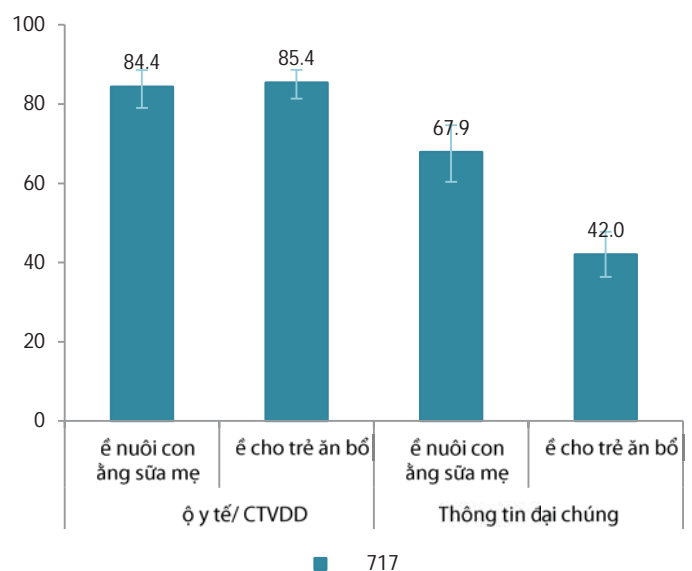
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



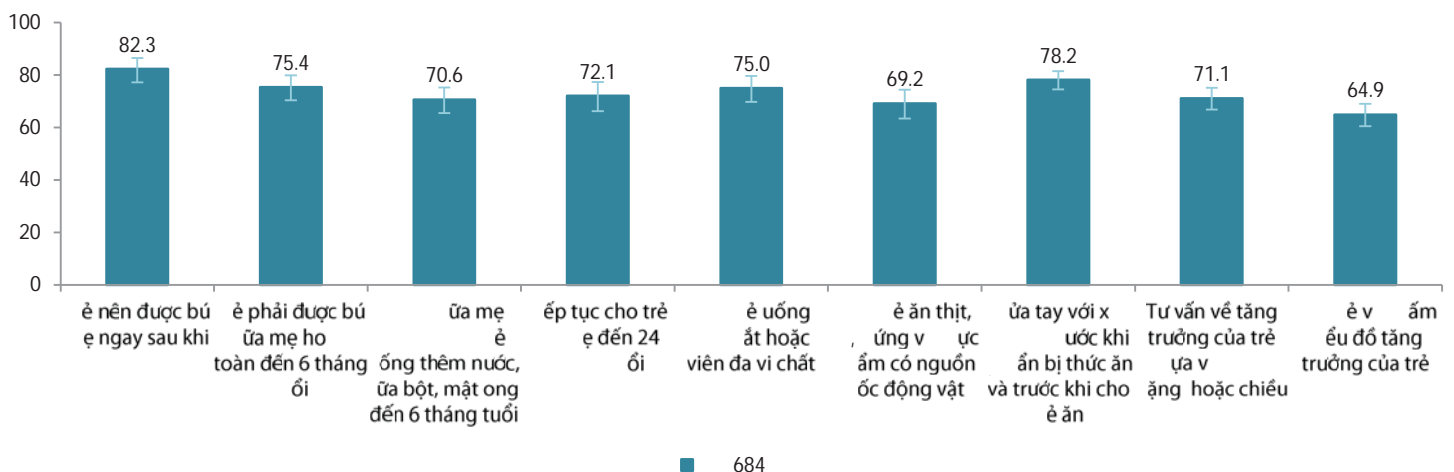
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

4. Đắc Lắc

Đắk Nông

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 14.3%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 74.7% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 82.4%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 35.1%, nhẹ cân là 24.8% và gầy còm là 7.6%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 3.2%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 54.9%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 20.4% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 84.4%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 94.8%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 81.5%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 94.1%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

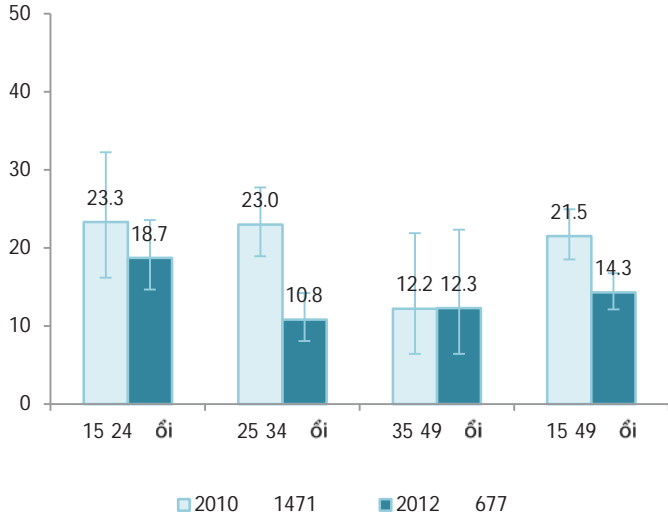
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 8 | Số bệnh viện | 8 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 71 | Số phòng khám đa khoa | |
| Số thôn/bản | 772 | Số trạm y tế xã | 70 |
| Dân số | 525,693 | Số nhà hộ sinh | 1 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 54,792 | Số bác sỹ | 227 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 22,520 | Số y sỹ | 331 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 322 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 32.1% | Số nữ hộ sinh | 146 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 26.5% | Số y tế thôn bản | 775 |

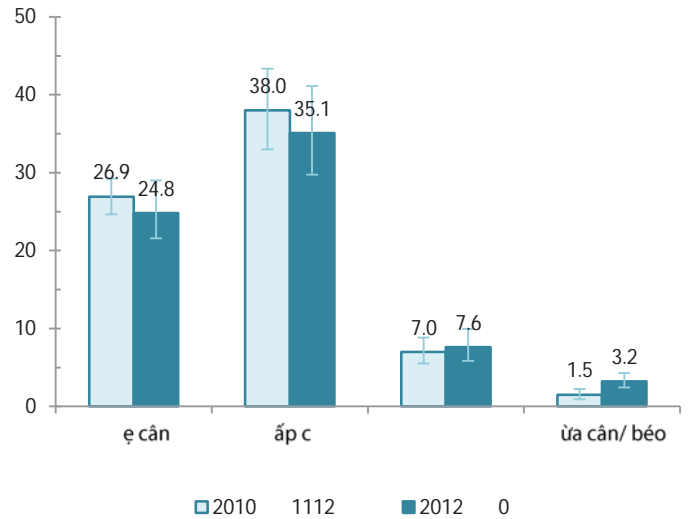
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

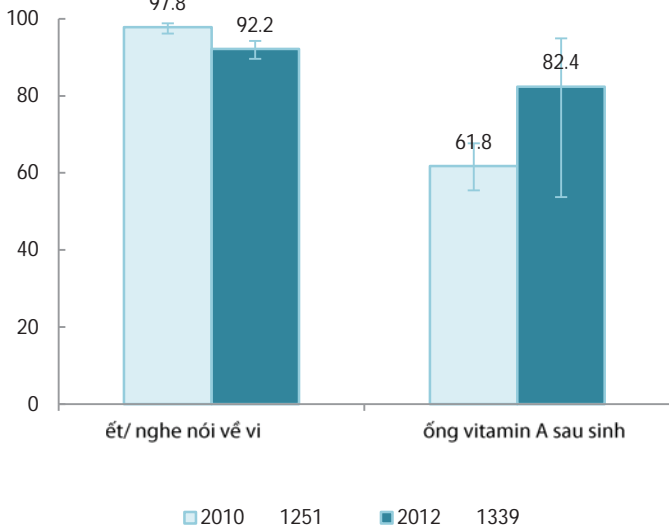
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



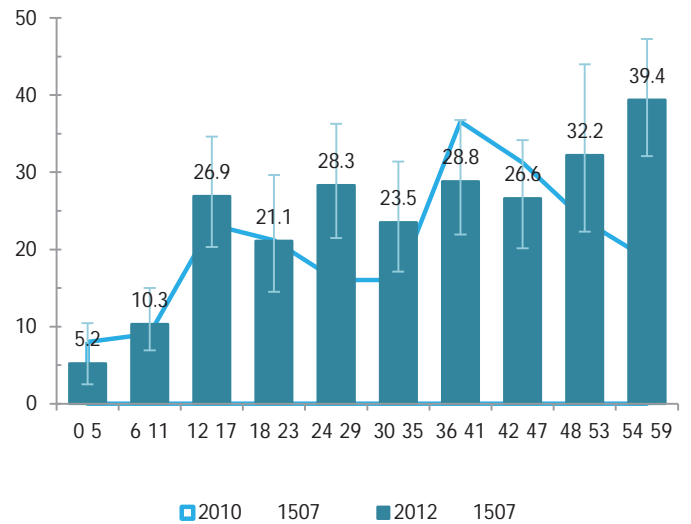
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



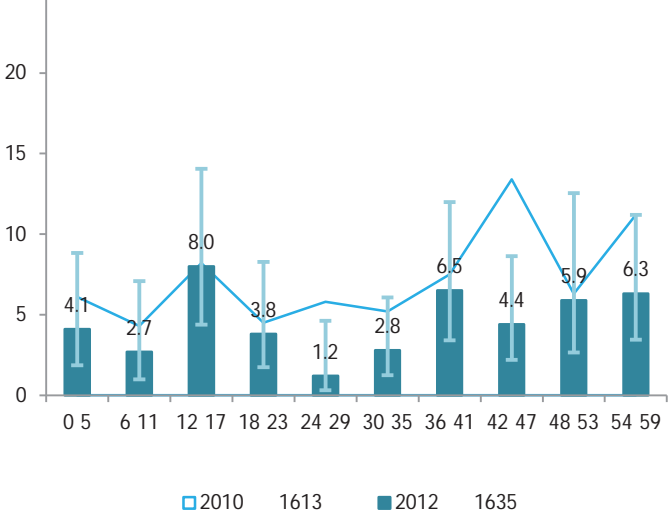
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



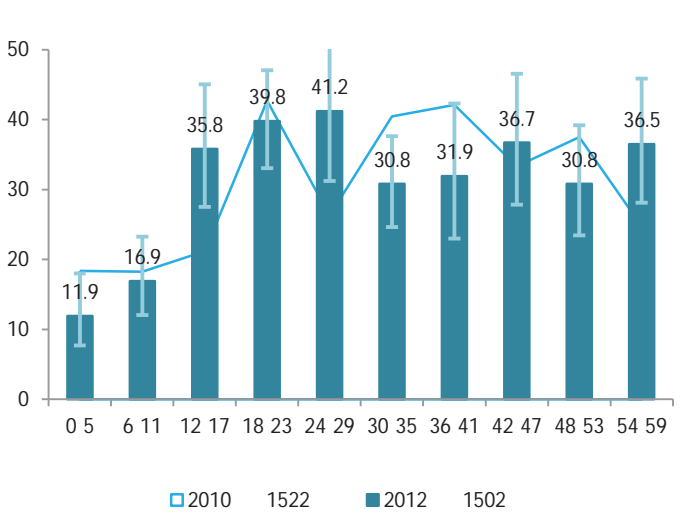
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



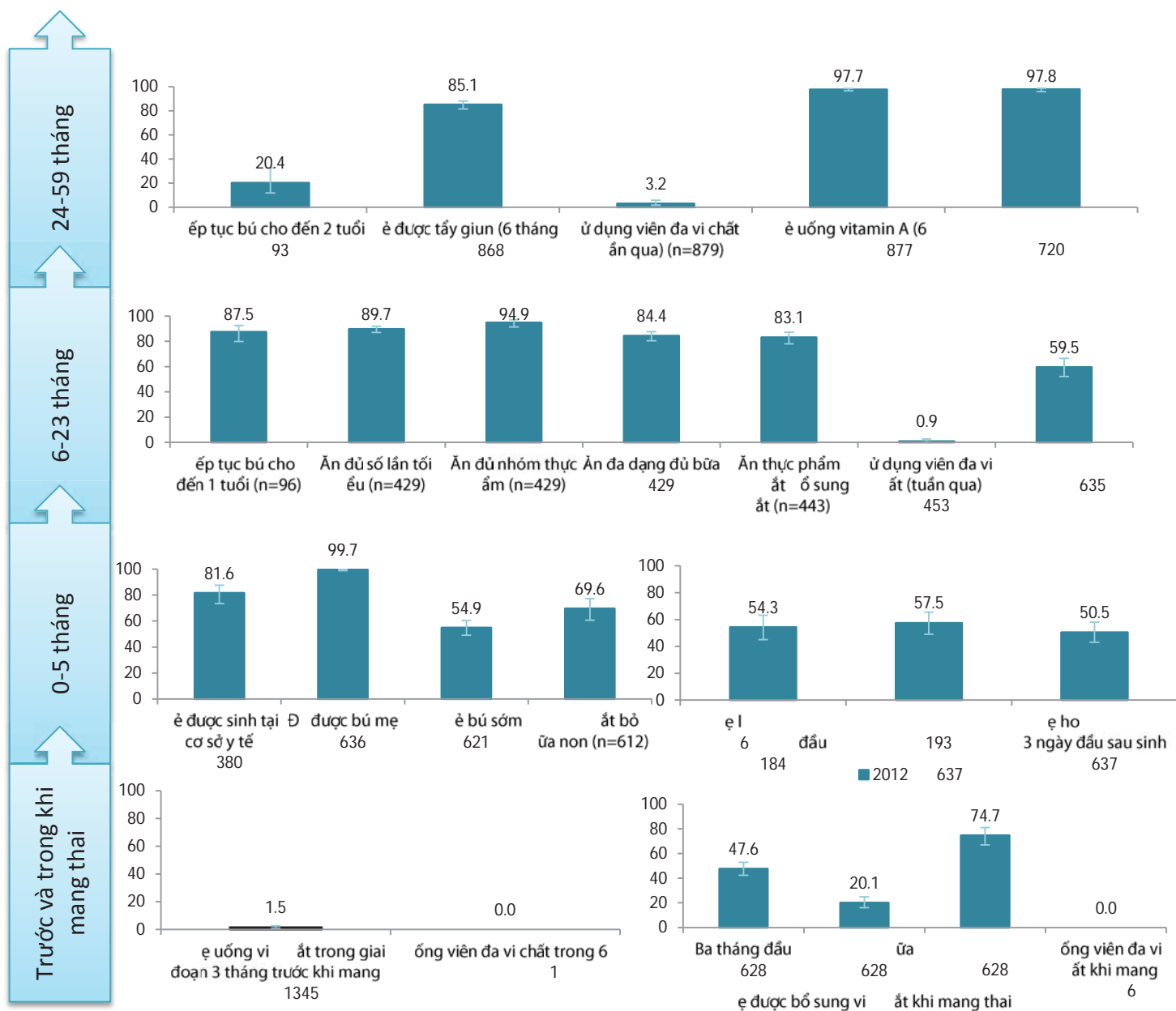
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



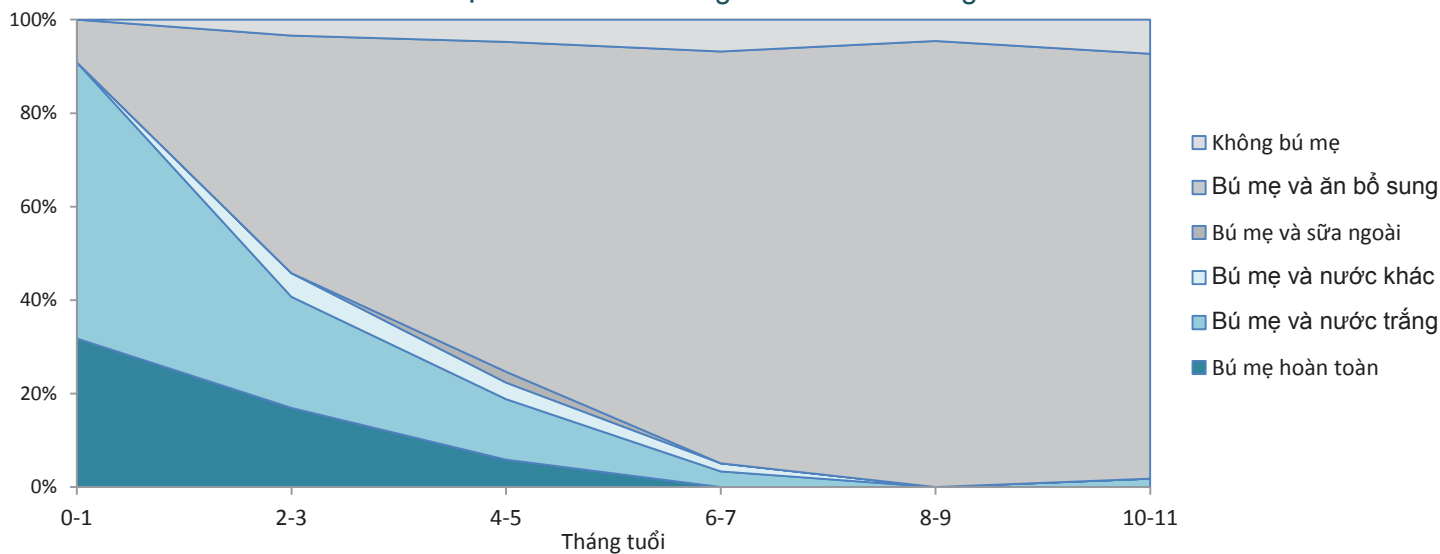
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

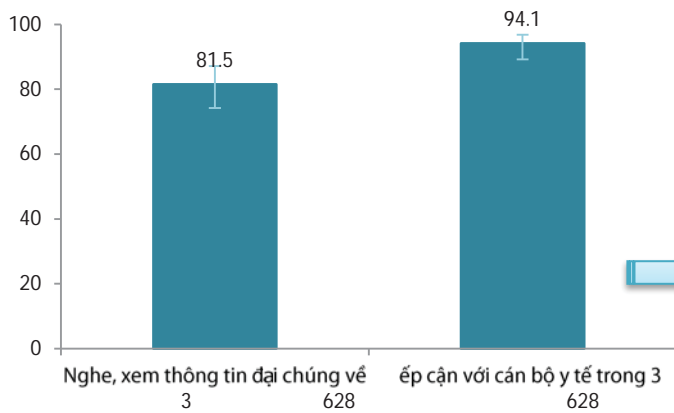


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

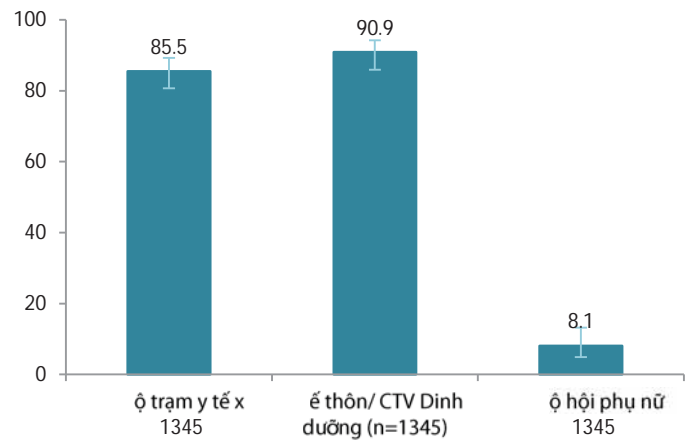
3 Đăk Nông

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

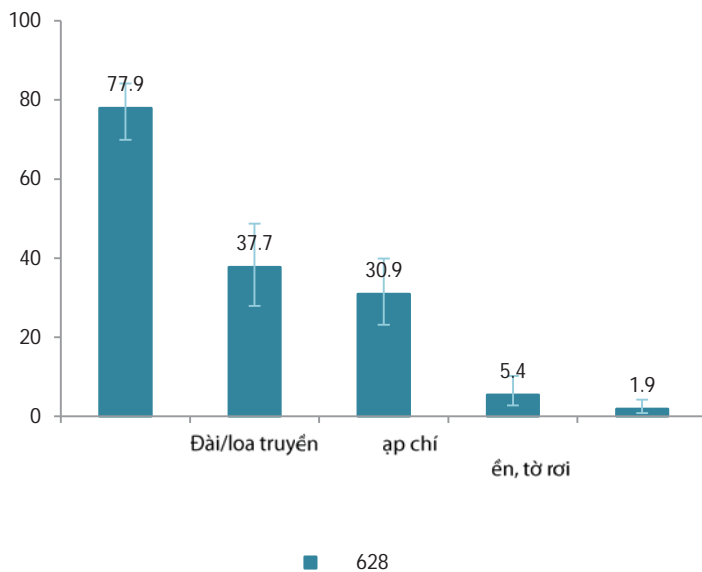
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



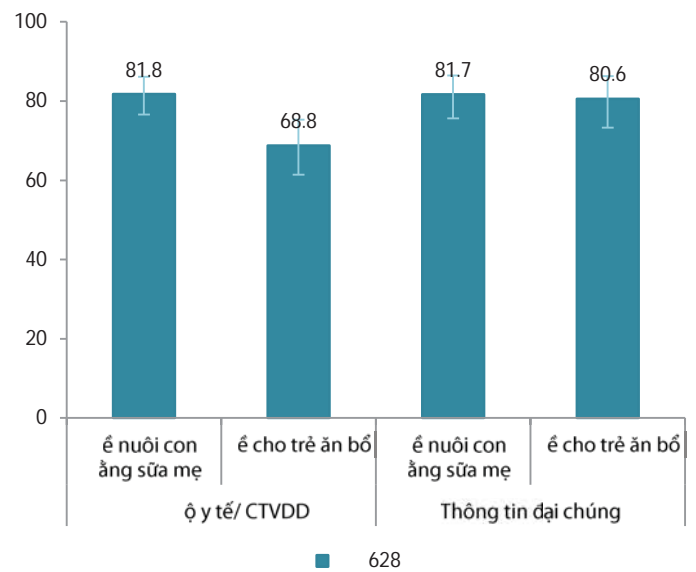
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



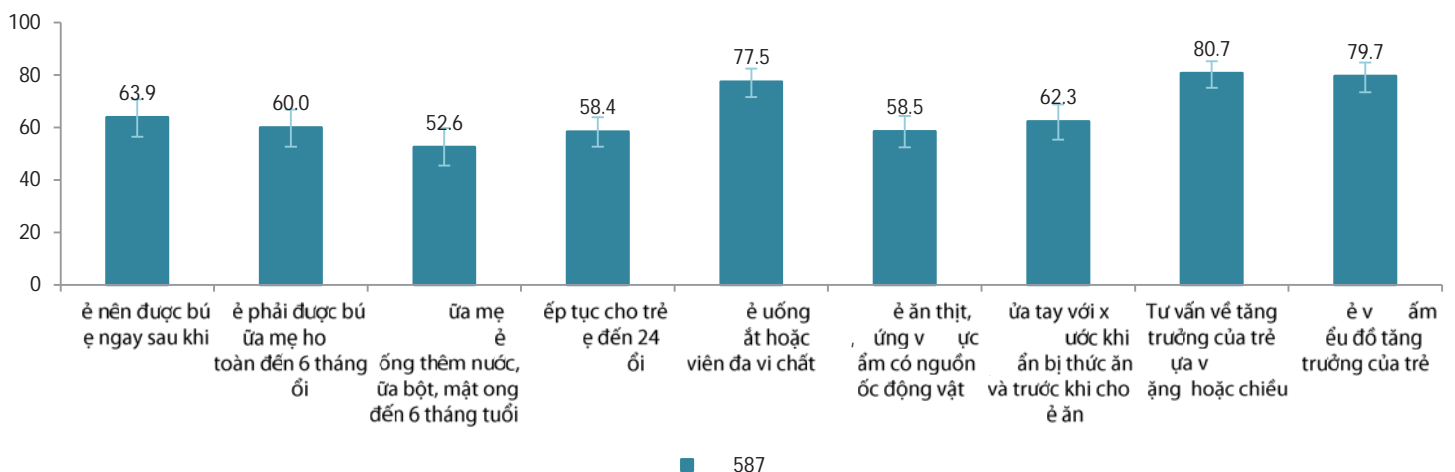
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



TP. Hồ Chí Minh

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 10.4%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 83.9% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 82.2%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 7.6%, nhẹ cân là 5.3% và gầy còm là 3.5%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 13.6%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 29.3%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 16% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 82%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 82.5%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 81.9%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 61.4%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

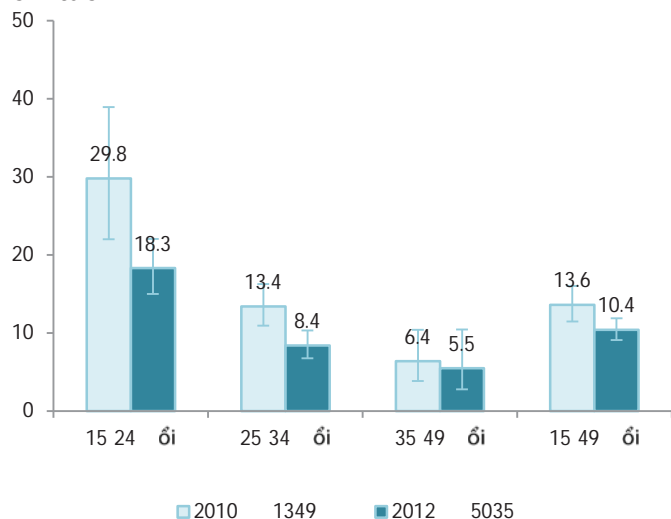
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 24 | Số bệnh viện | 56 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 322 | Số phòng khám đa khoa | 3 |
| Số thôn/bản | 19,313 | Số trạm y tế xã | 322 |
| Dân số | 7,549,341 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 492,275 | Số bác sỹ | 6,073 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 202,325 | Số y sỹ | 1,875 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 10,474 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 6.5% | Số nữ hộ sinh | 2,345 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 0.1% | Số y tế thôn bản | 8,635 |

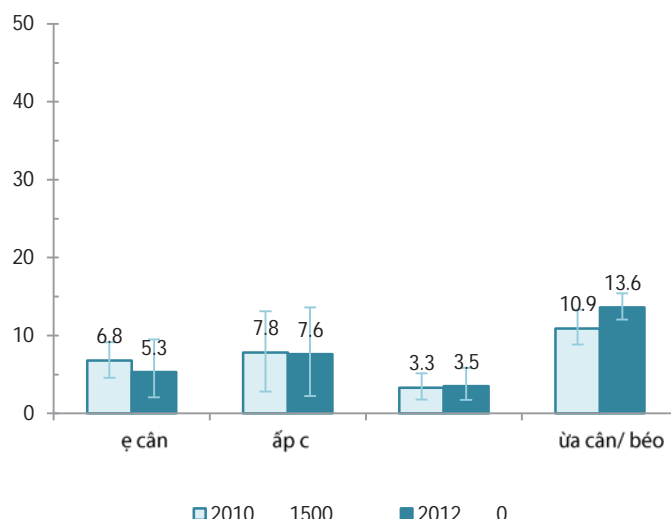
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

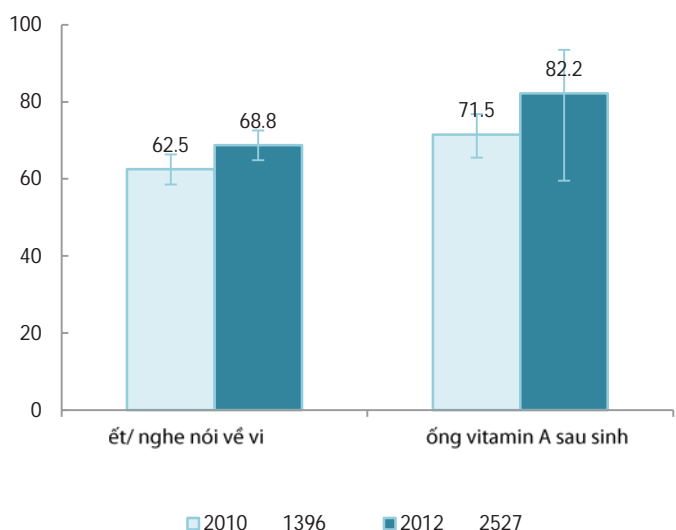
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



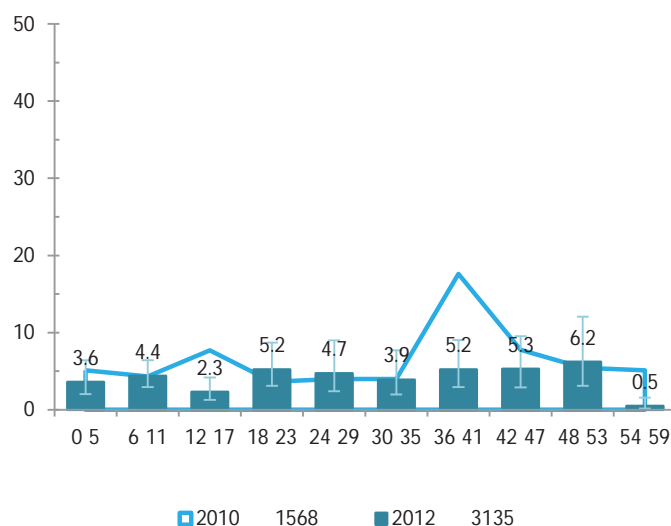
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



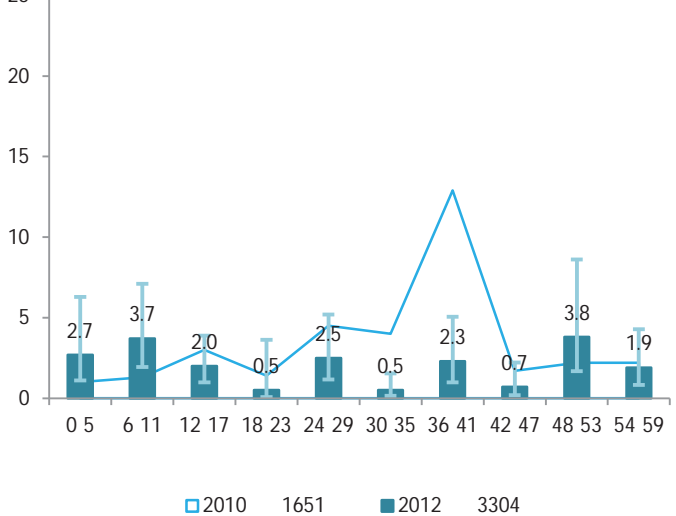
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



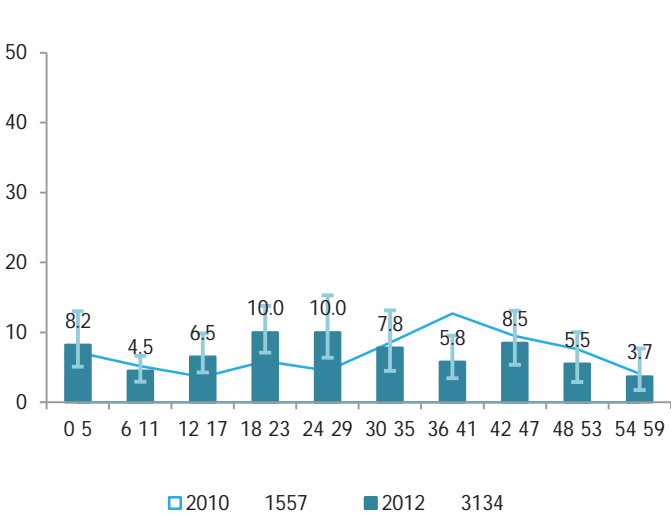
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



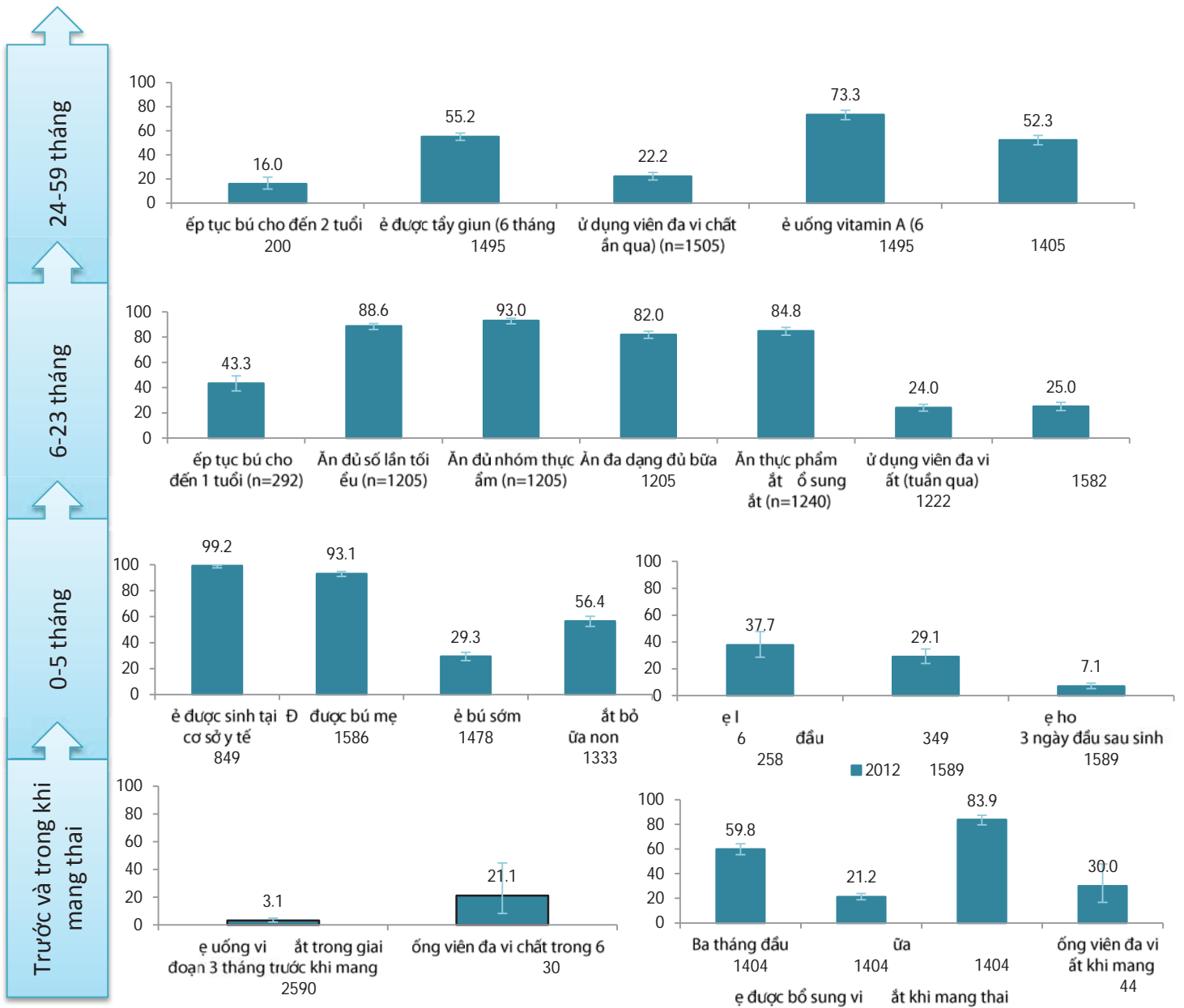
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



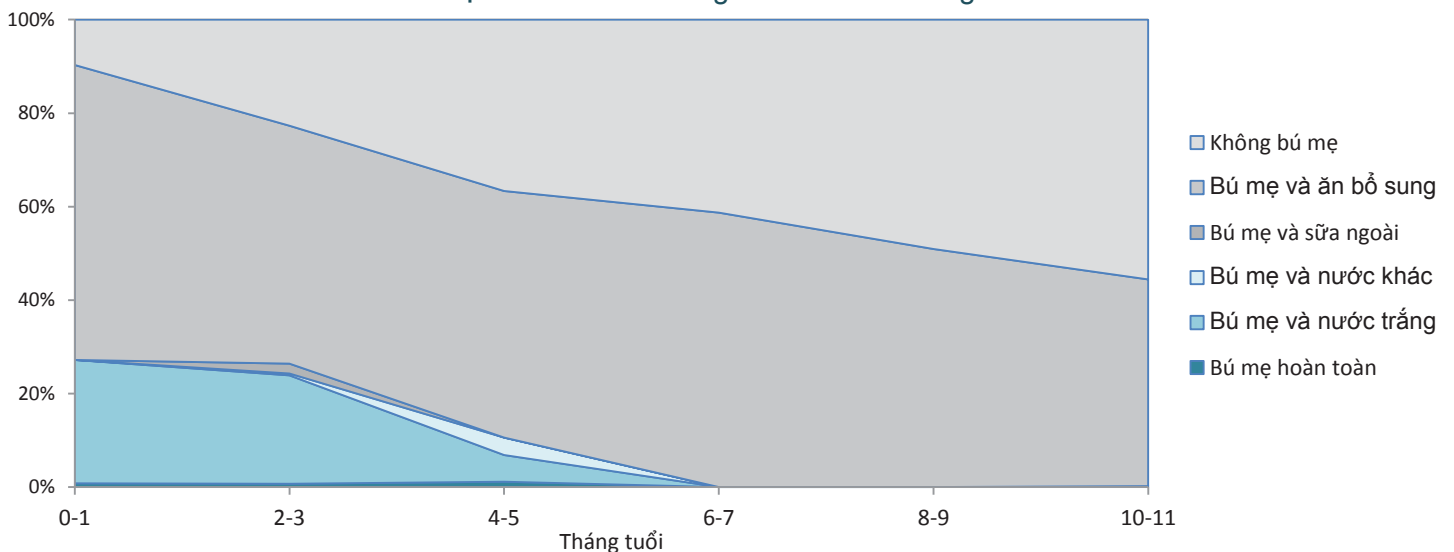
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

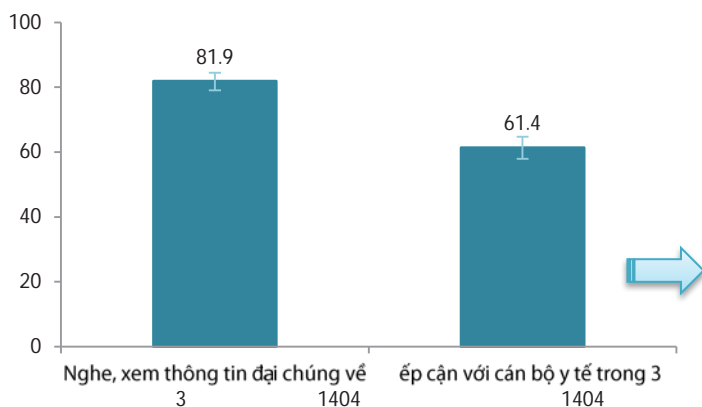


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

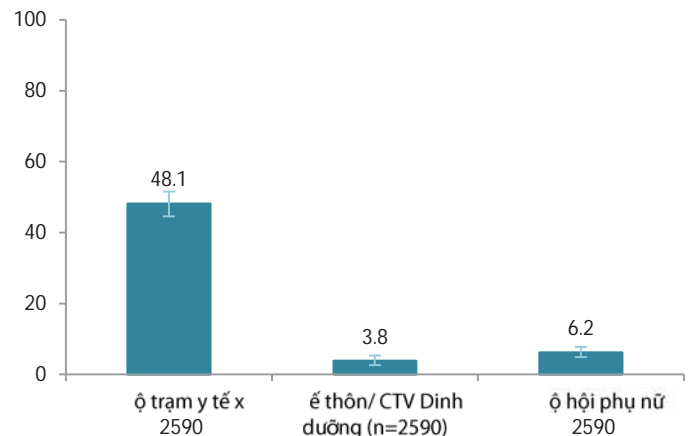
3 TP. Hồ Chí Minh

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

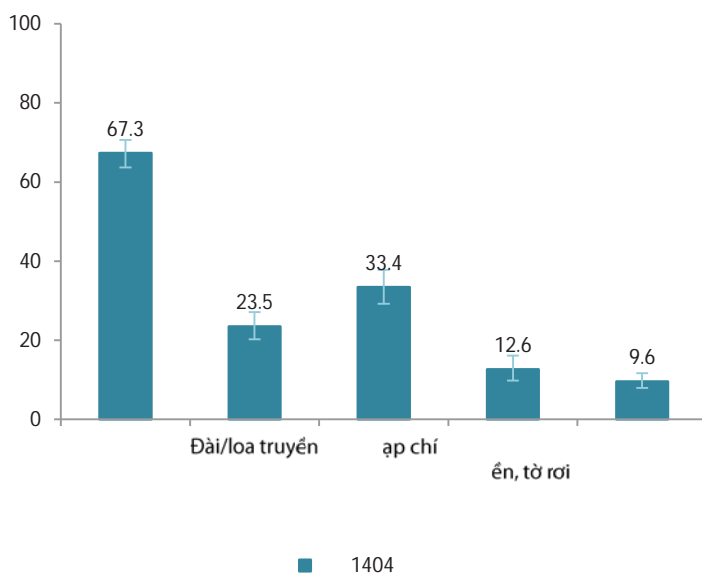
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



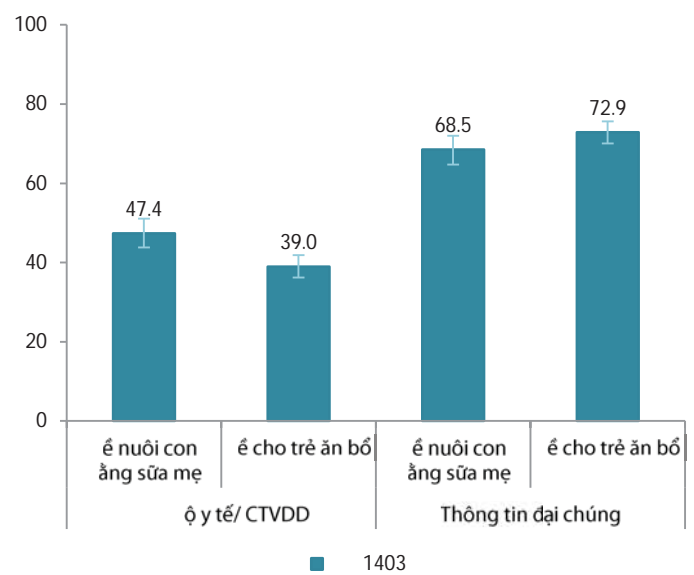
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



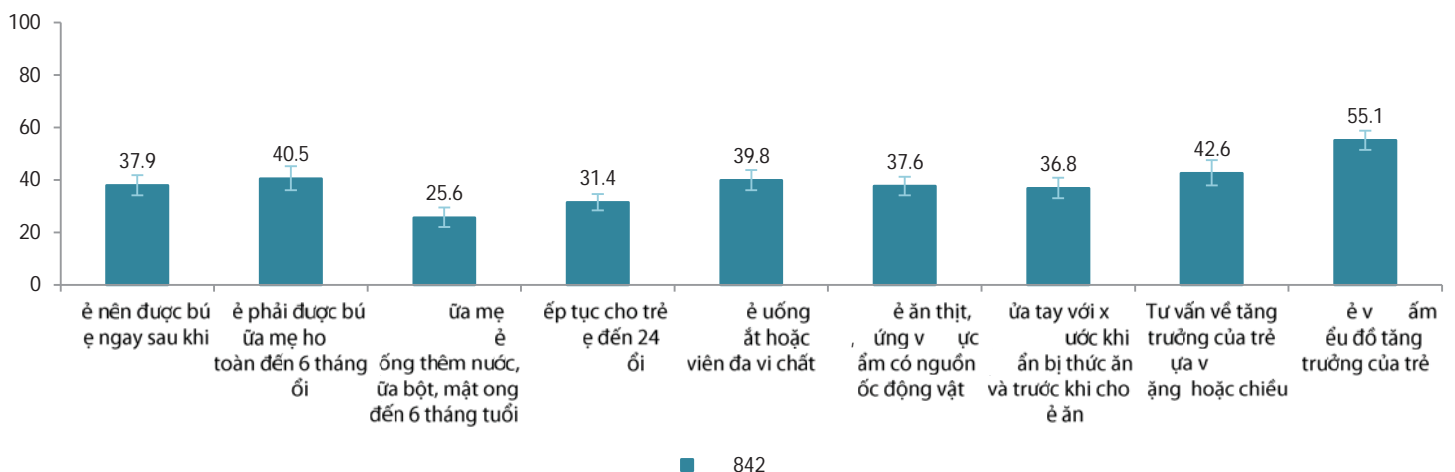
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Lâm Đồng

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 15.6%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 91.6% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 16.7%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 25%, nhẹ cân là 14.6% và gầy còm là 6.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 3.9%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 73.7%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 17.9% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 79%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 97.2%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 70.8%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 94.5%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

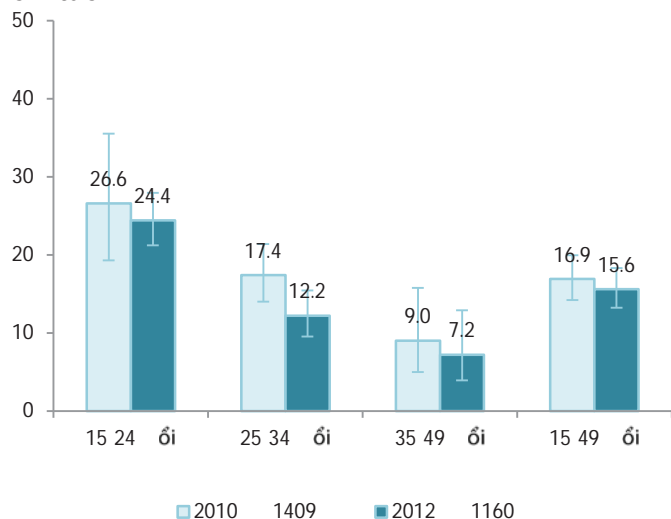
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 10 | Số bệnh viện | 14 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 148 | Số phòng khám đa khoa | 22 |
| Số thôn/bản | 1,276 | Số trạm y tế xã | 148 |
| Dân số | 1,216,526 | Số nhà hộ sinh | 1 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 106,678 | Số bác sỹ | 546 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 43,845 | Số y sỹ | 581 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 891 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 24.1% | Số nữ hộ sinh | 465 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 11.8% | Số y tế thôn bản | 1,128 |

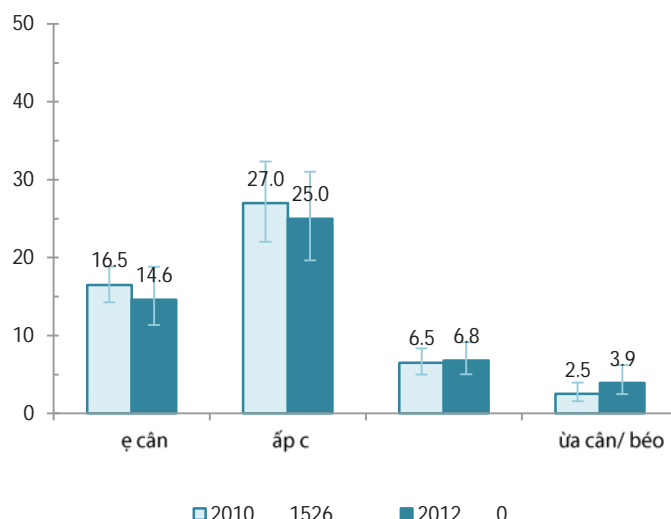
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

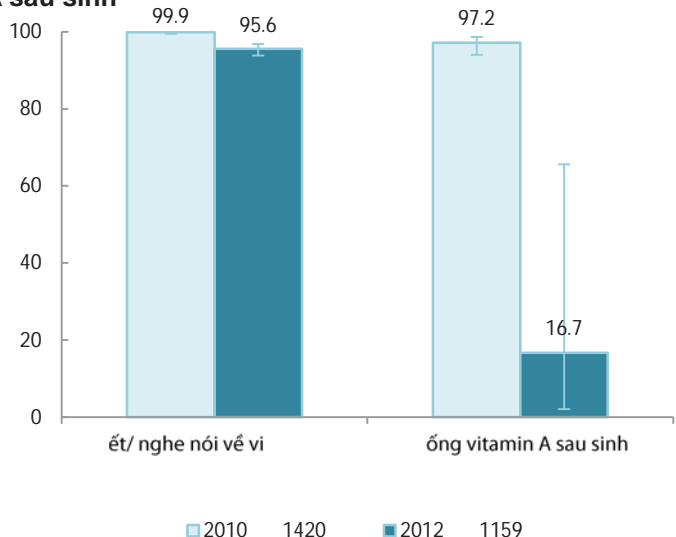
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



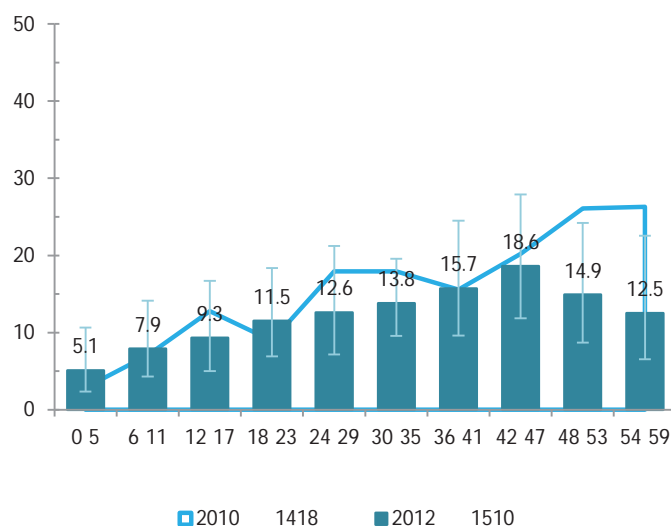
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



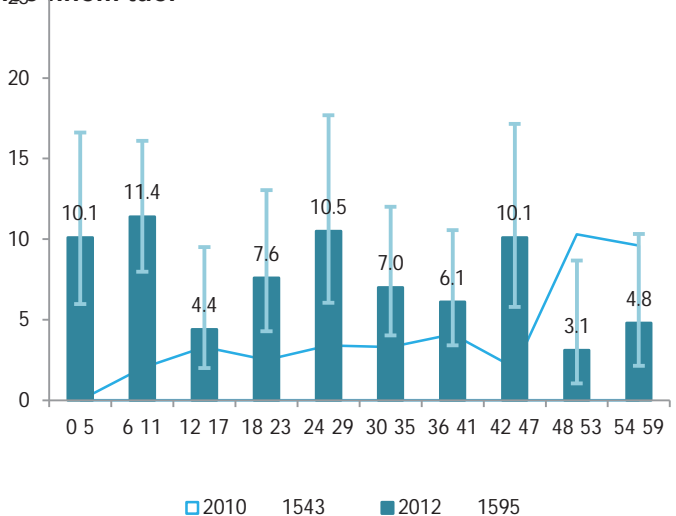
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



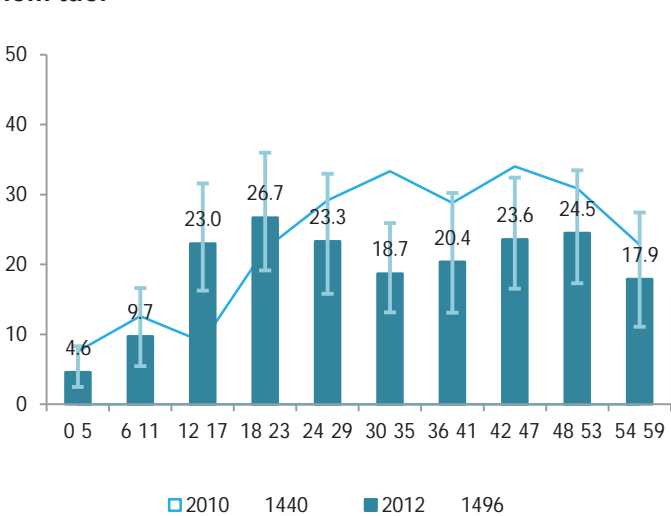
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



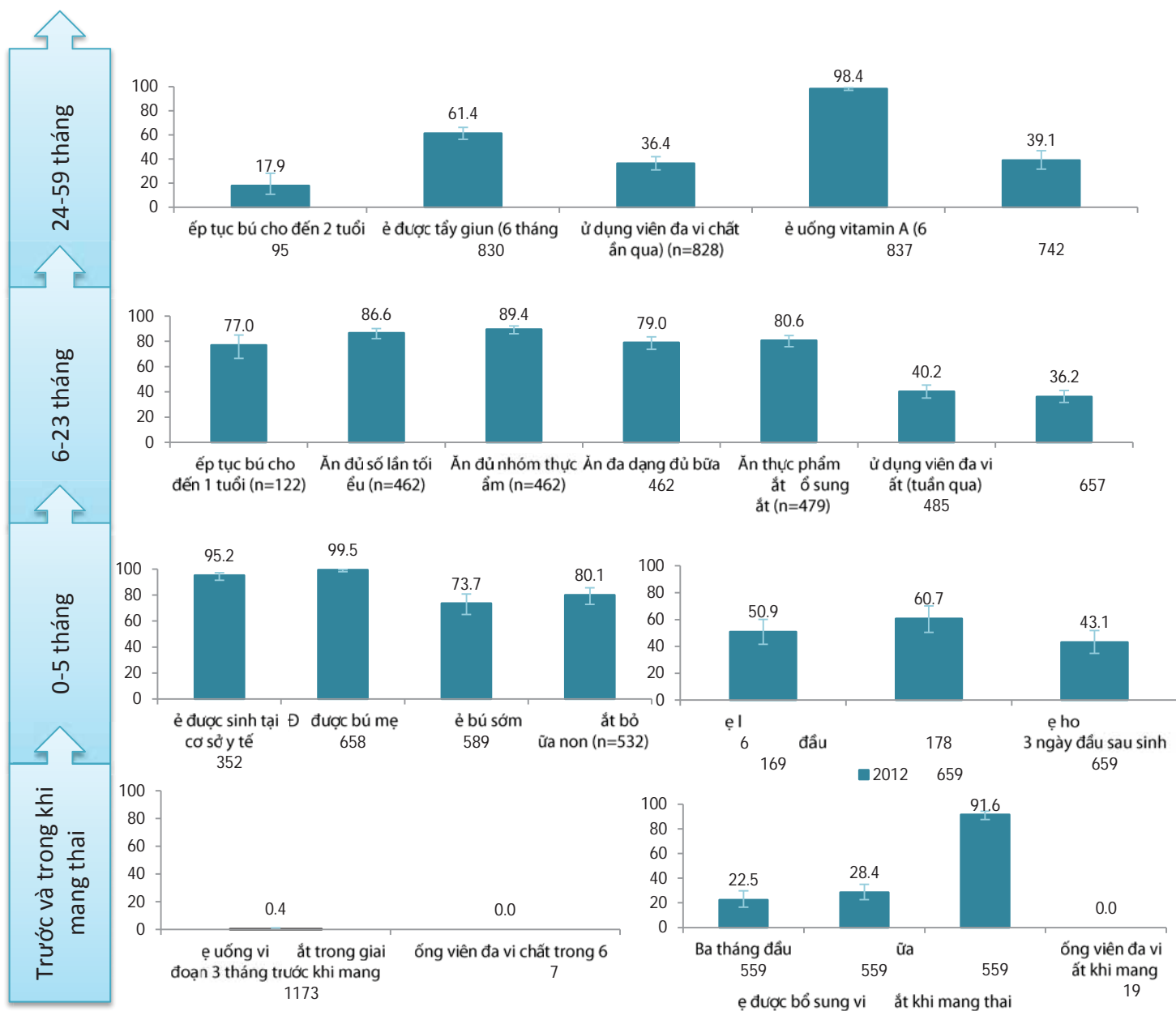
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



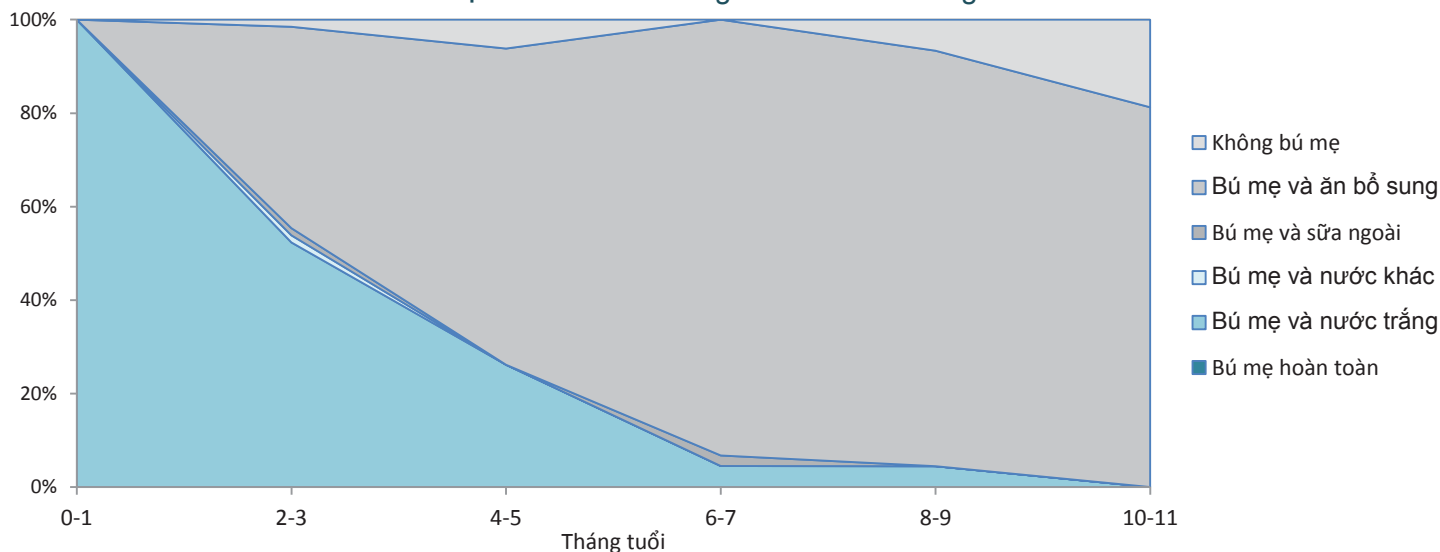
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



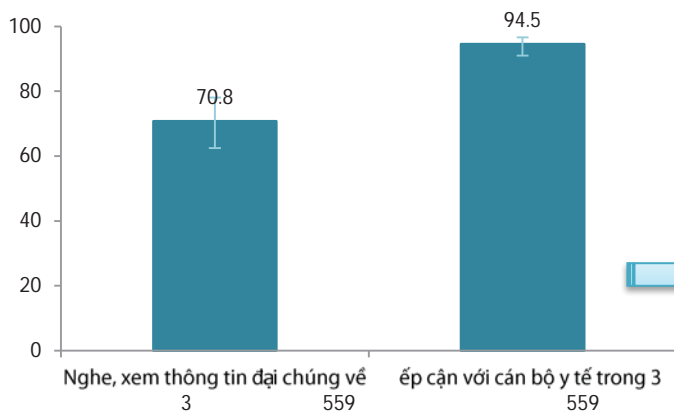
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



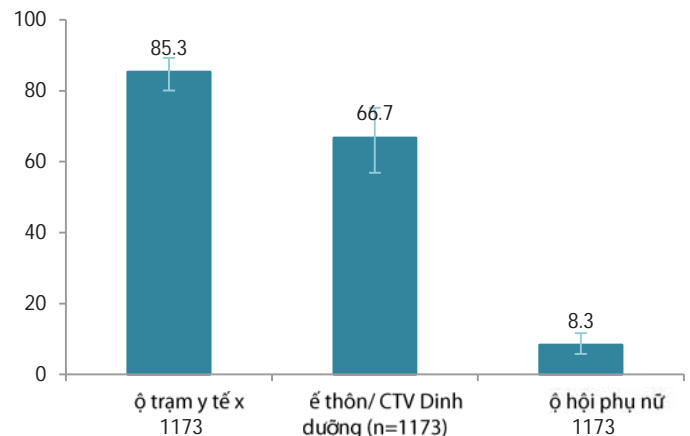
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Lâm Đồng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

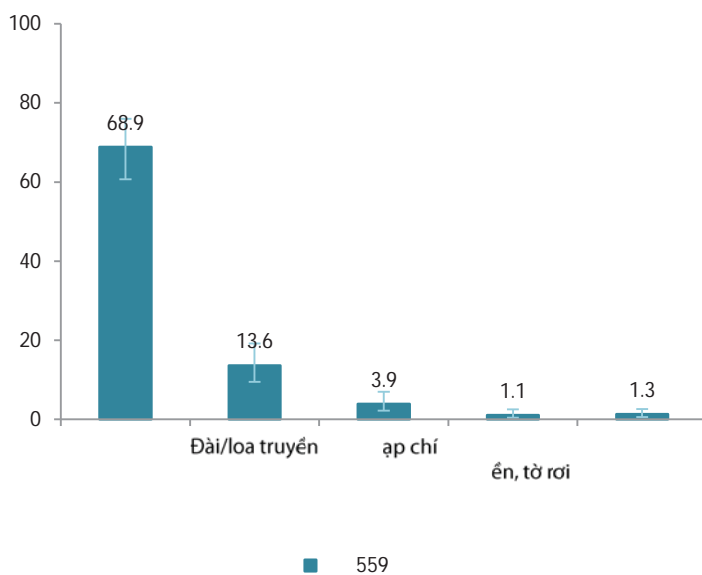
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



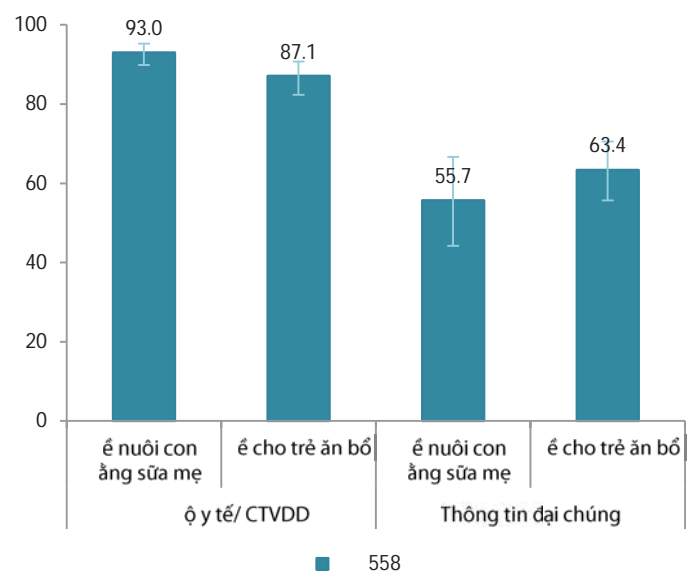
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



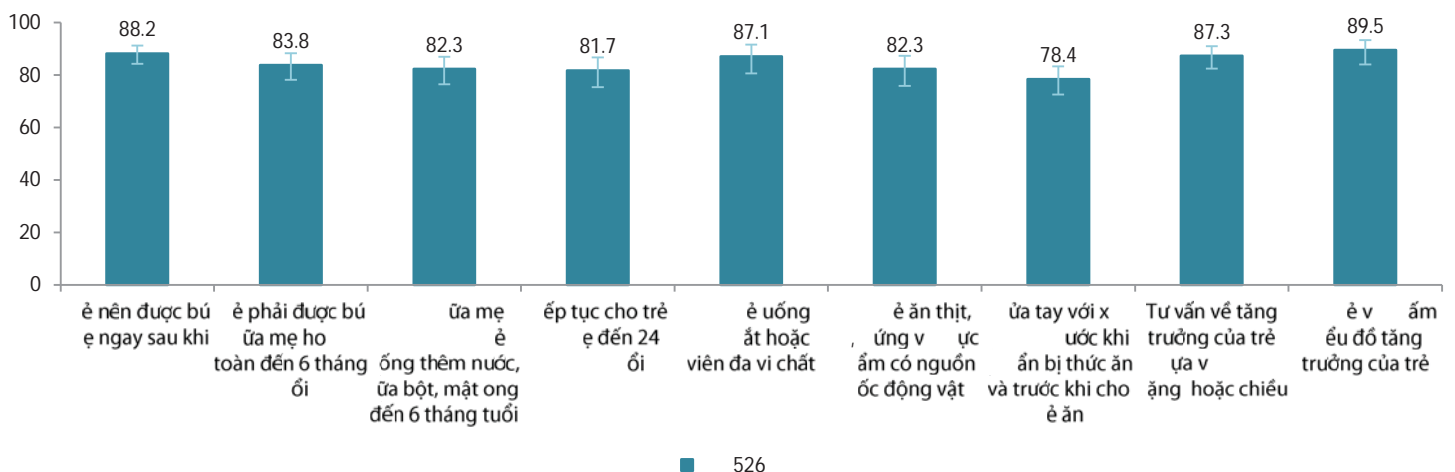
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Ninh Thuận

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 19.3%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 77.4% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 28.9%, nhẹ cân là 21.4% và gầy còm là 6.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 1.8%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 59.9%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 26.4% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 67.1%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 93%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 45.4%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 86.9%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

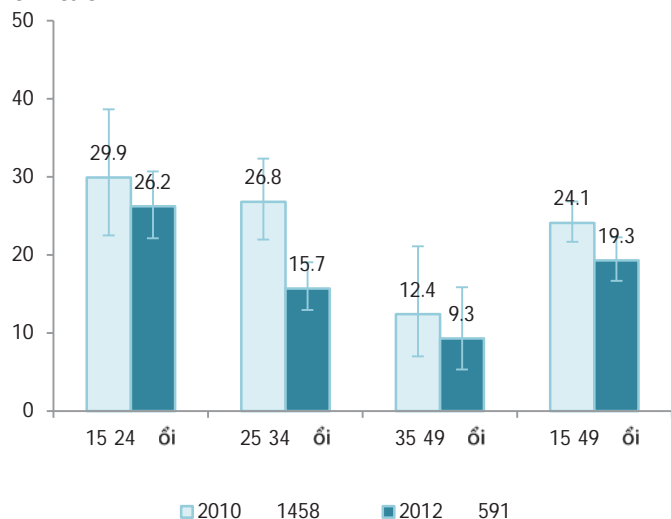
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 6 | Số bệnh viện | 7 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 65 | Số phòng khám đa khoa | 7 |
| Số thôn/bản | 383 | Số trạm y tế xã | 65 |
| Dân số | 573,251 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 48,351 | Số bác sỹ | 306 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 19,872 | Số y sỹ | 413 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 374 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 23.5% | Số nữ hộ sinh | 164 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 17.7% | Số y tế thôn bản | 385 |

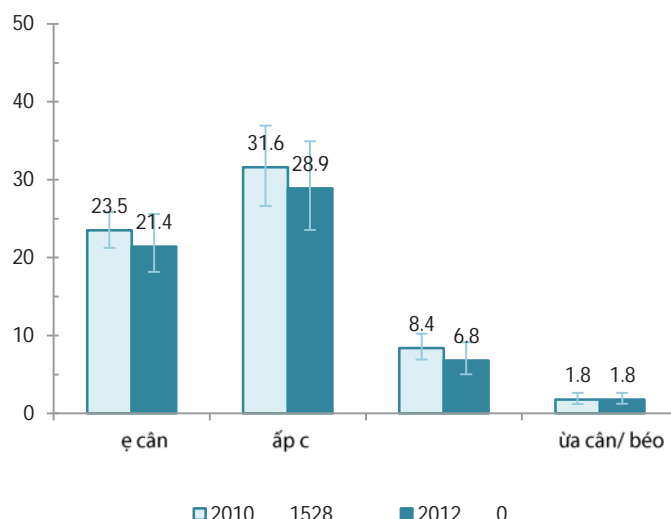
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

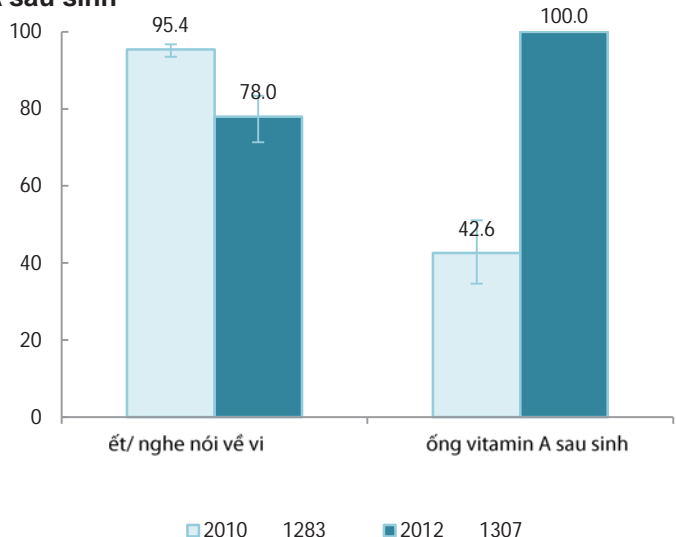
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



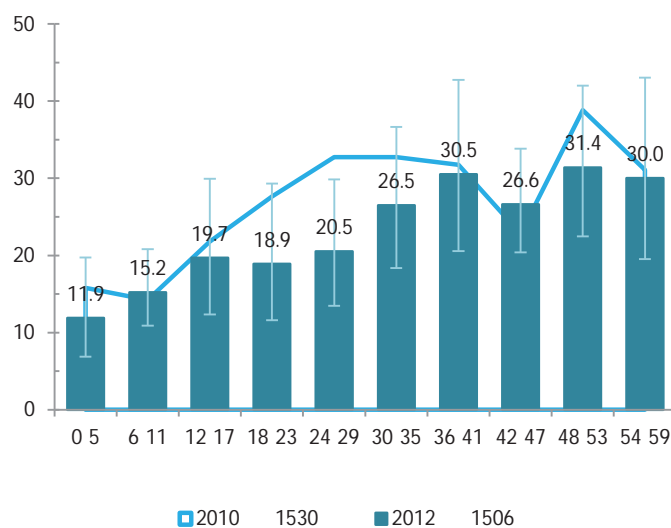
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



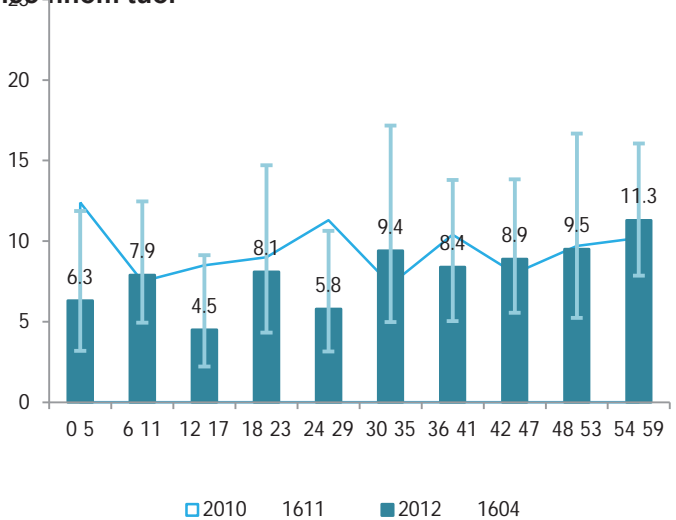
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



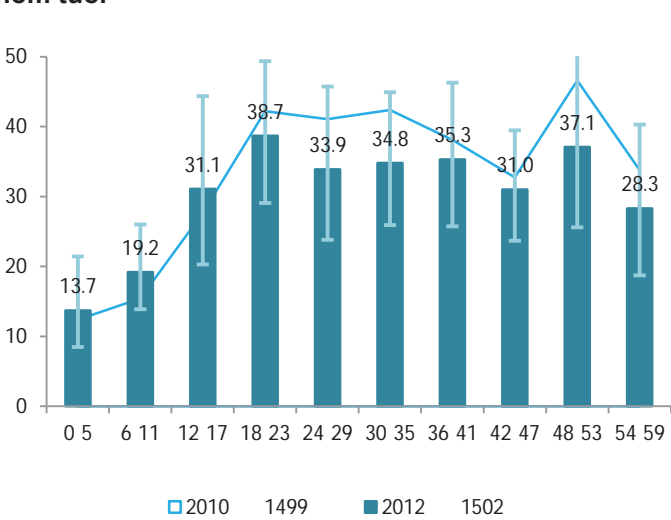
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



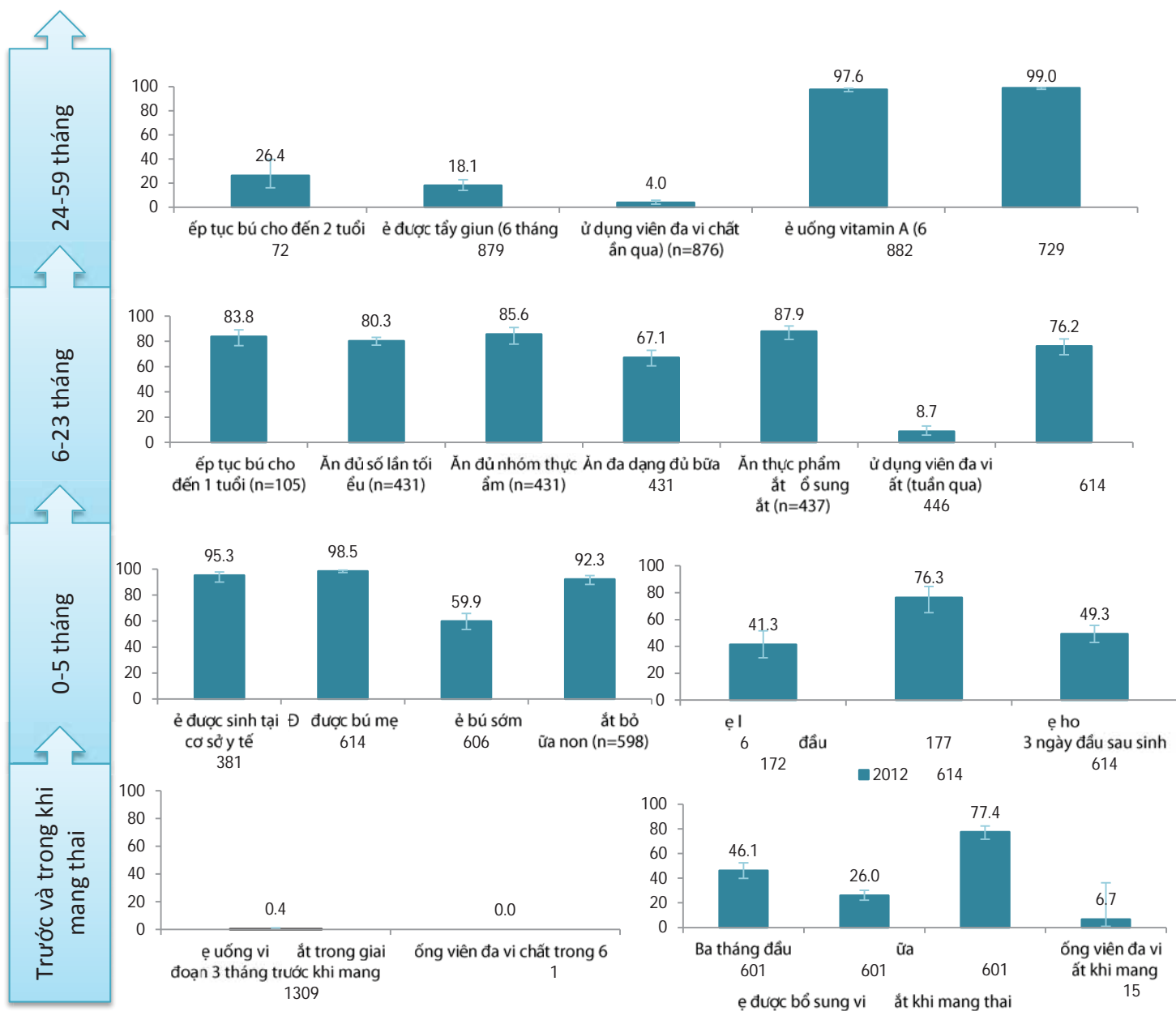
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



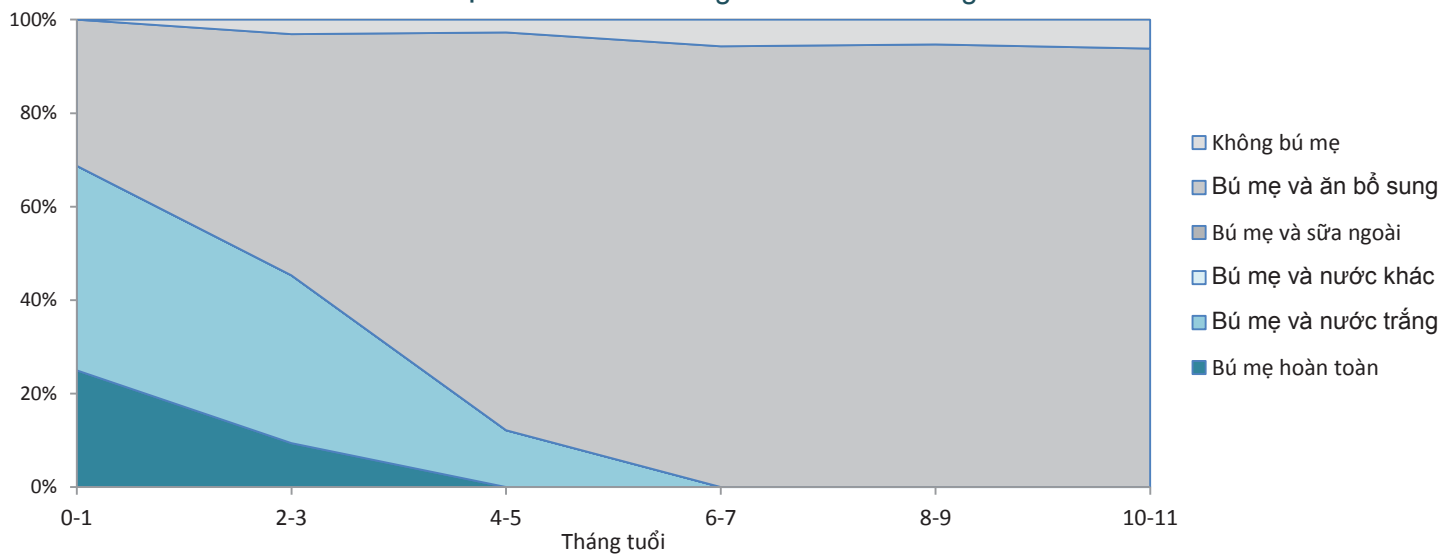
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



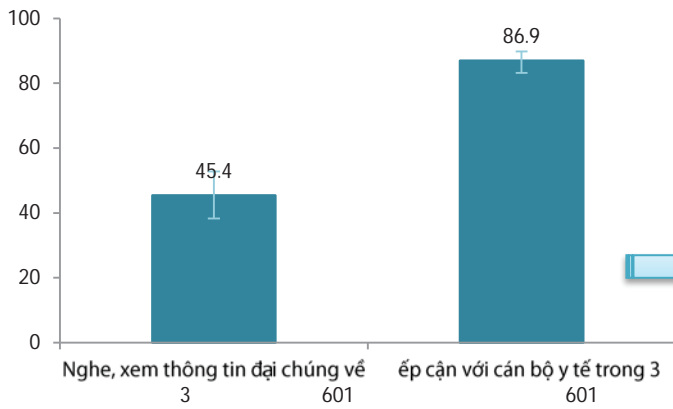
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



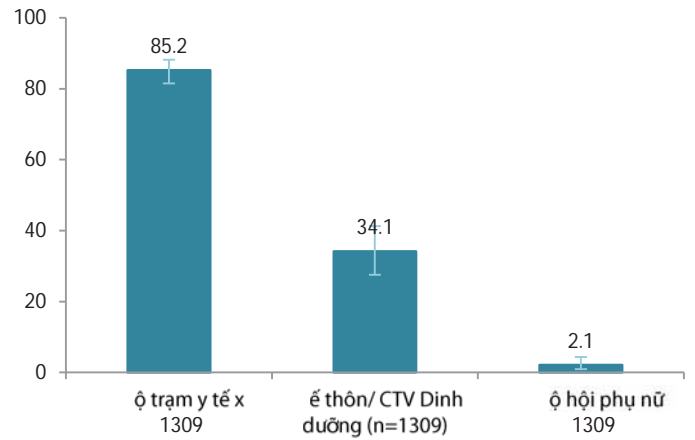
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Ninh Thuận

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

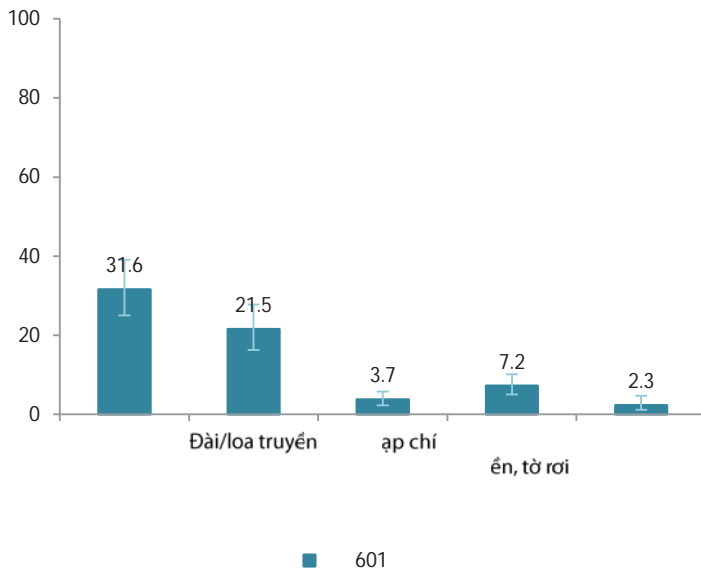
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



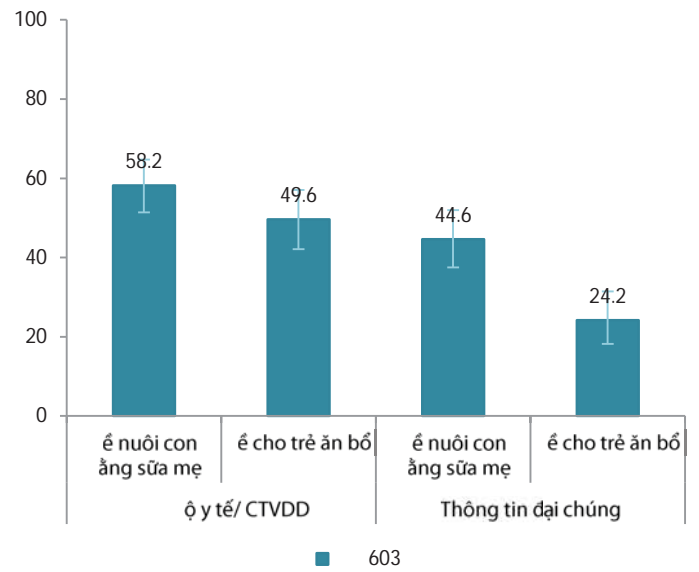
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



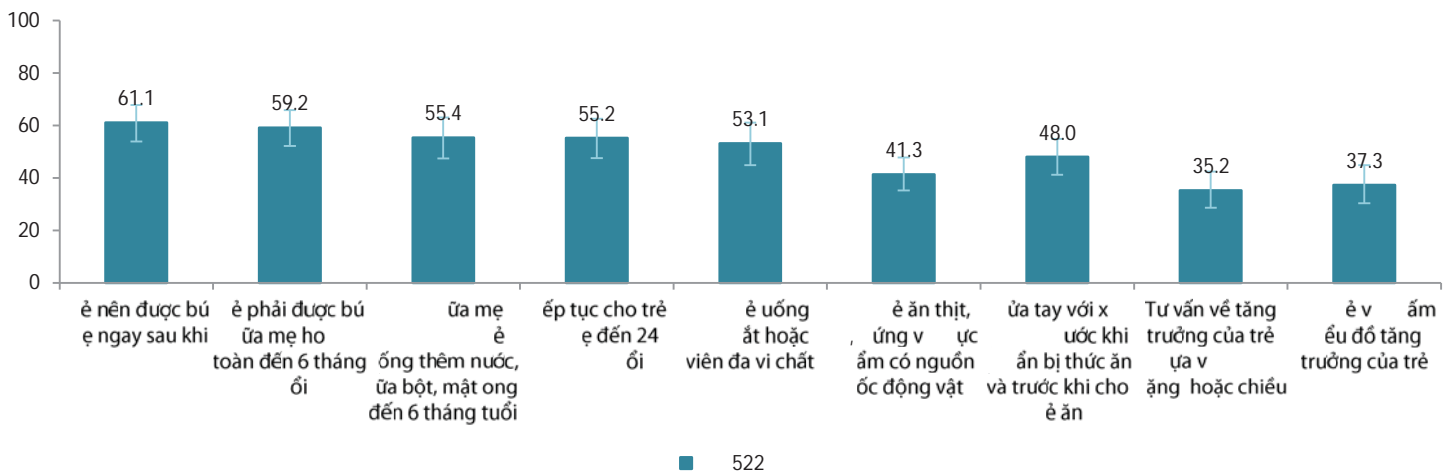
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Bình Phước

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 15.3%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 85% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 0%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 30.2%, nhẹ cân là 17.8% và gầy còm là 7.1%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 6.3%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 51.4%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 9.6% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 78.2%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 85.7%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 54.9%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 92.5%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

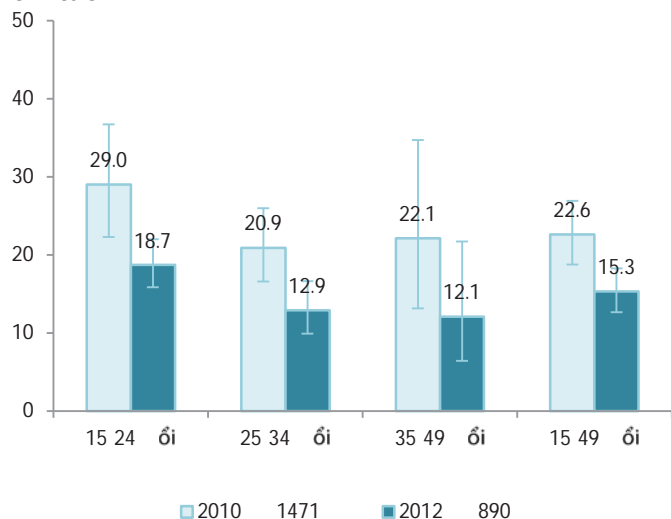
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 10 | Số bệnh viện | 9 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 111 | Số phòng khám đa khoa | 8 |
| Số thôn/bản | 1,028 | Số trạm y tế xã | 110 |
| Dân số | 907,308 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 79,896 | Số bác sỹ | 413 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 32,837 | Số y sỹ | 480 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 509 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 19.7% | Số nữ hộ sinh | 336 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 9.1% | Số y tế thôn bản | 1,036 |

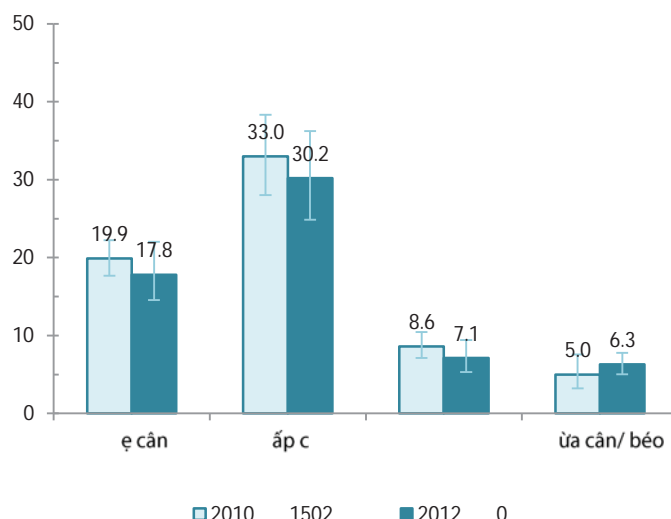
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

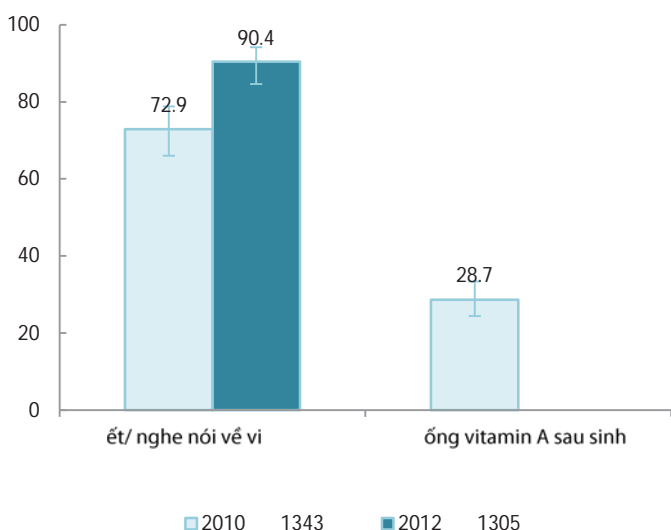
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



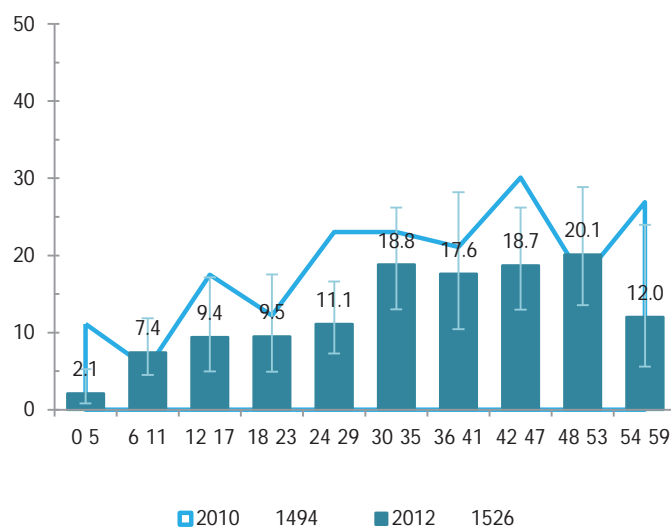
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



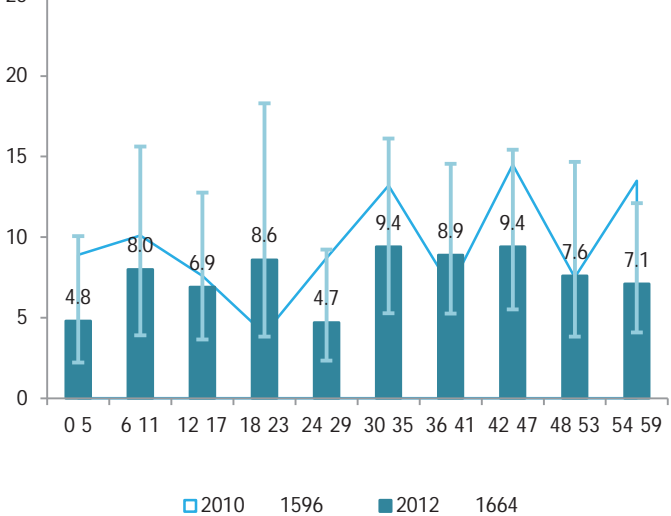
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



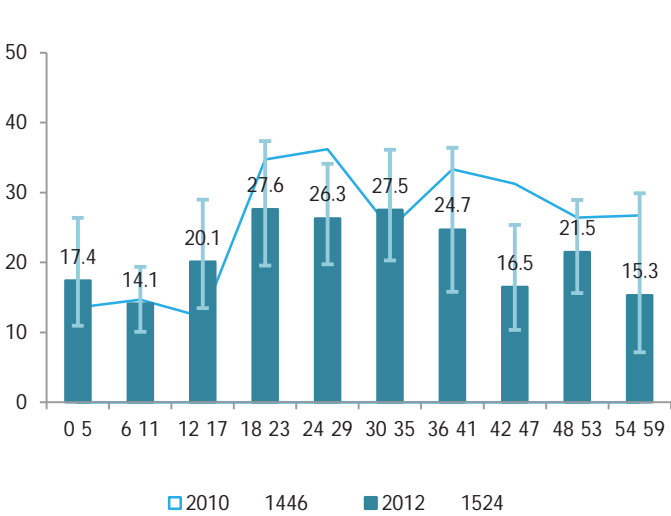
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



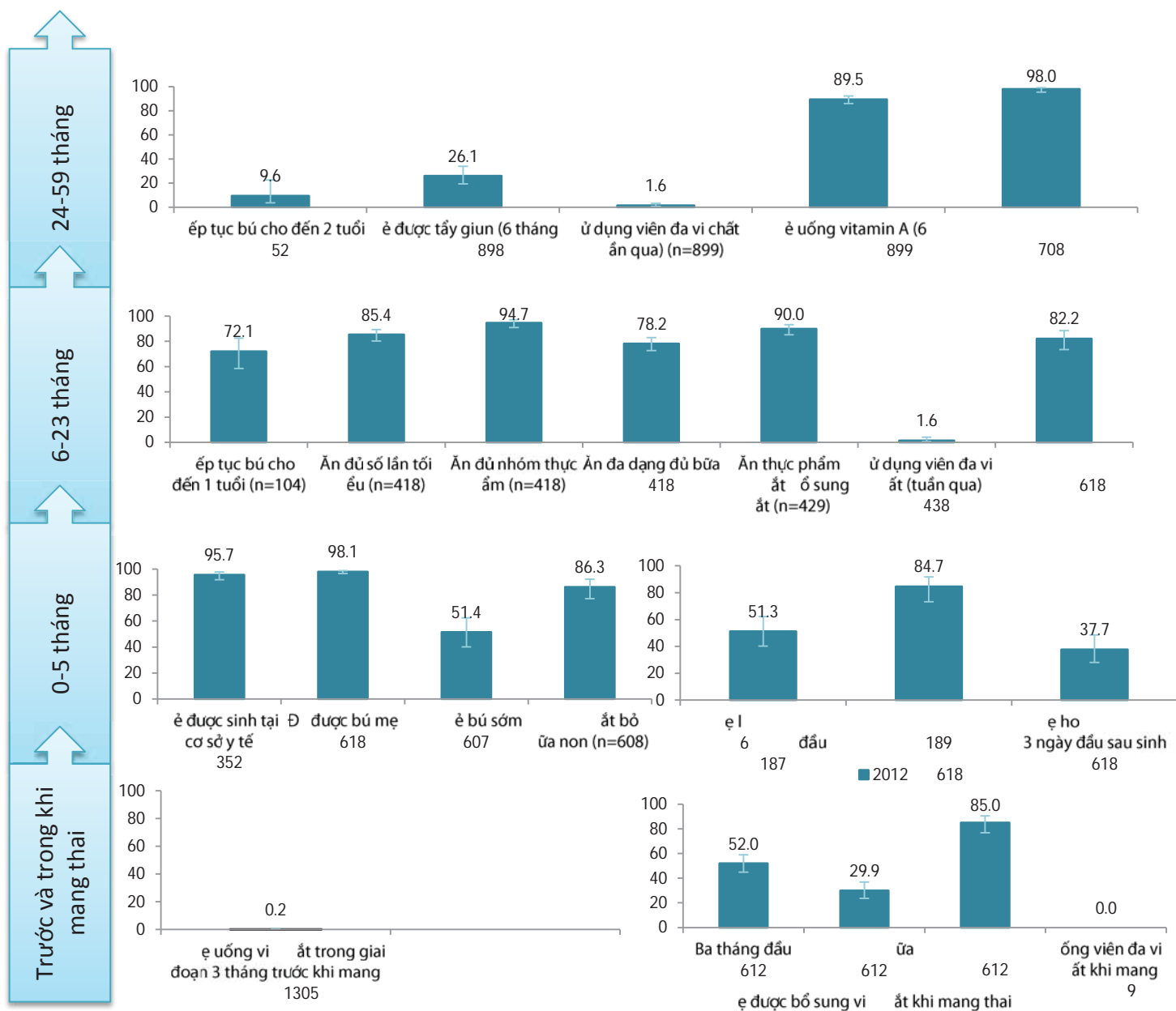
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



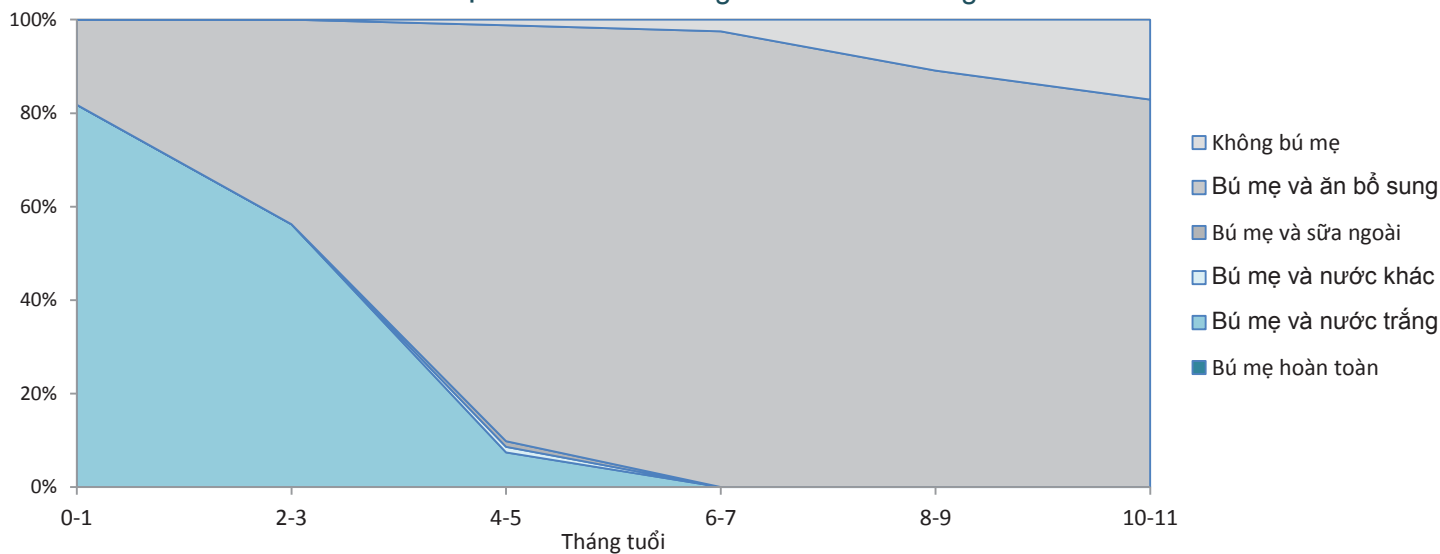
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



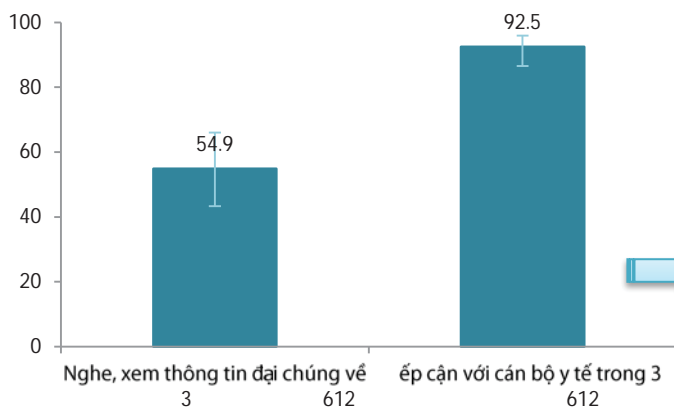
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



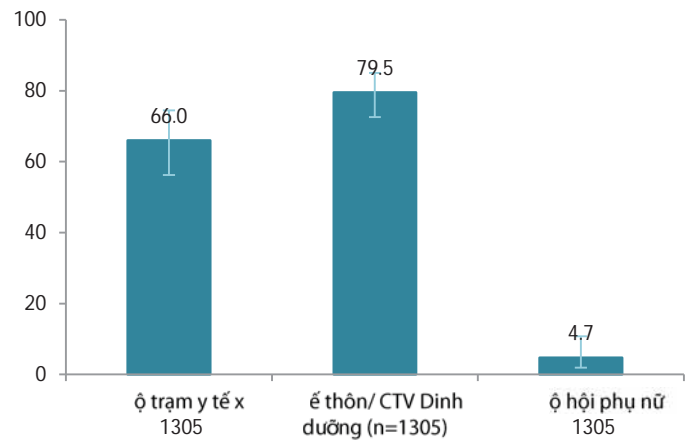
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Bình Phước

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

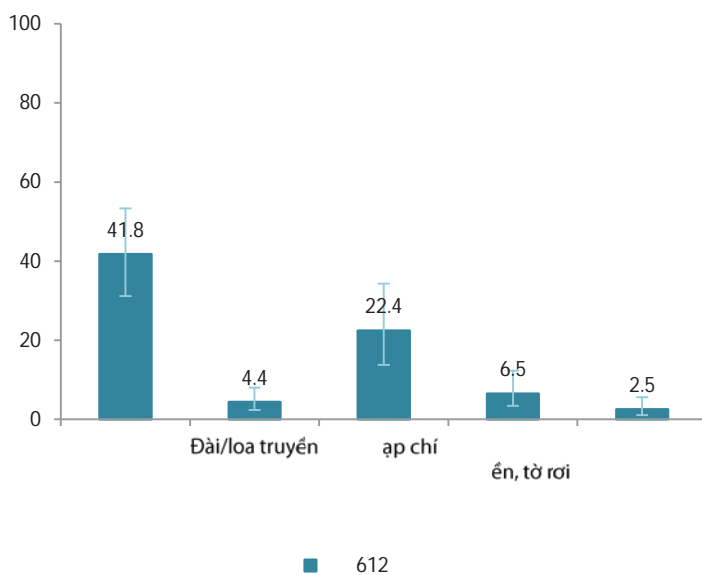
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



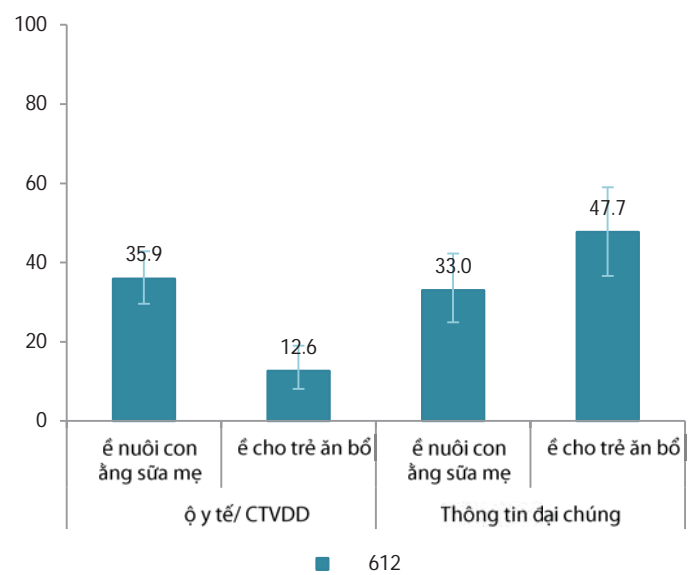
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



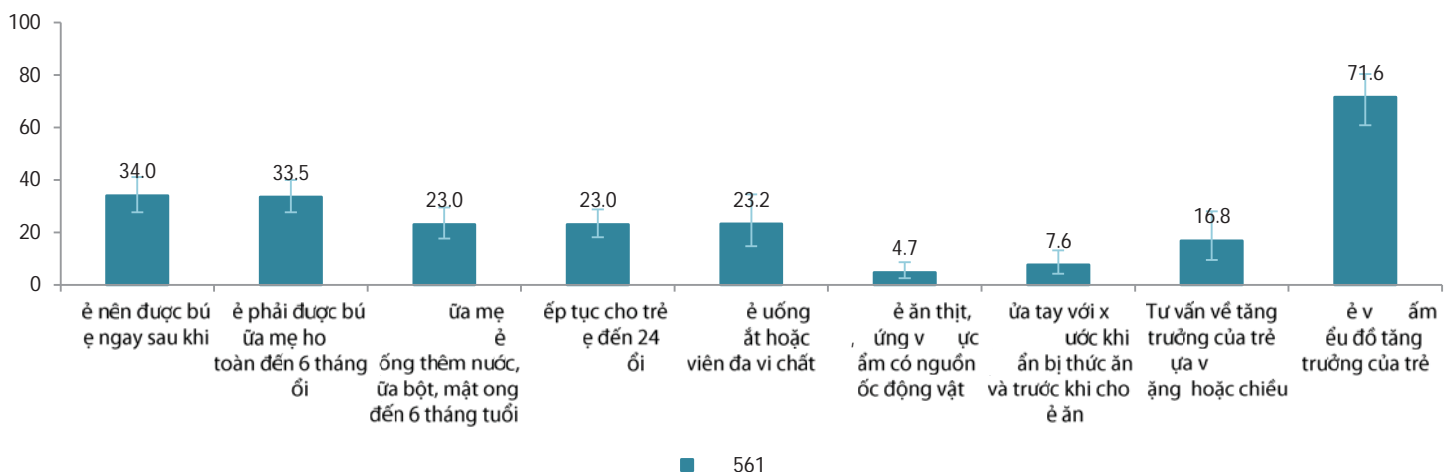
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 15.7%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 92.5% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 86.7%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 26%, nhẹ cân là 15.2% và gầy còm là 6.4%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 5.4%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 55.8%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 13.1% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 74.8%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 77.2%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 93.8%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 83.6%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

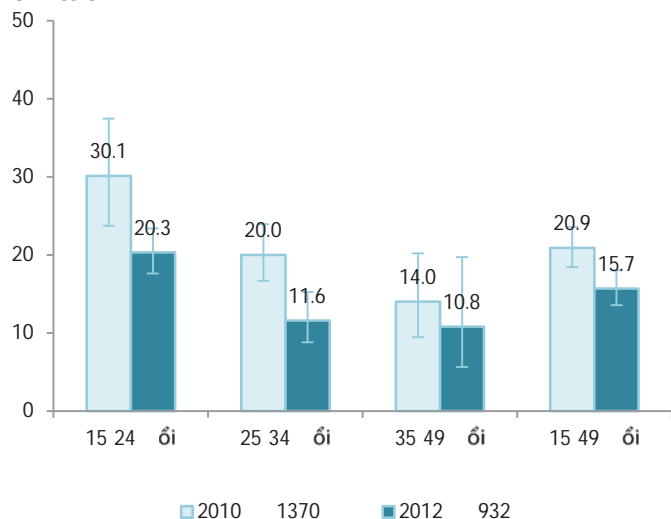
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 9 | Số bệnh viện | 12 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 95 | Số phòng khám đa khoa | 4 |
| Số thôn/bản | 504 | Số trạm y tế xã | 92 |
| Dân số | 1,081,403 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 81,592 | Số bác sỹ | 438 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 33,534 | Số y sỹ | 620 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 635 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 1.5% | Số nữ hộ sinh | 271 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 5.5% | Số y tế thôn bản | 520 |

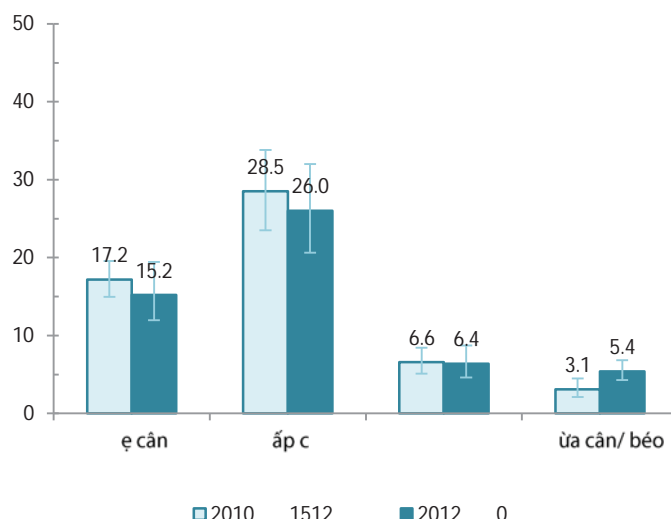
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

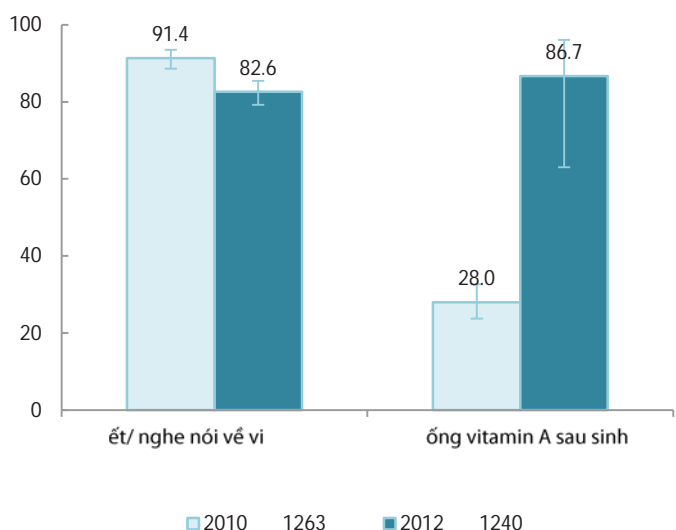
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



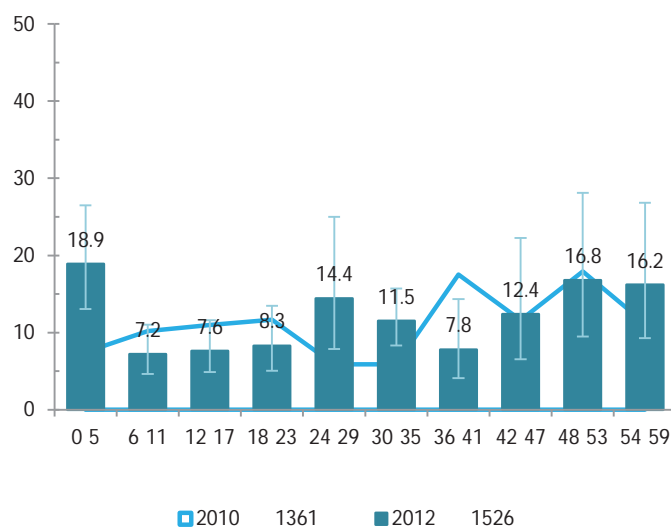
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



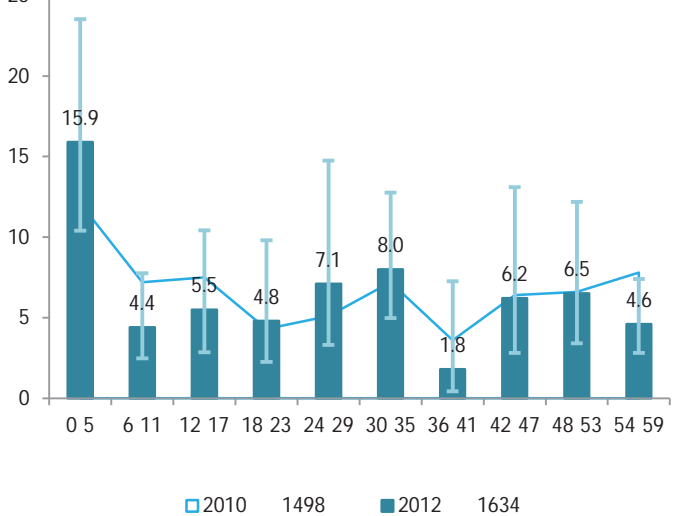
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



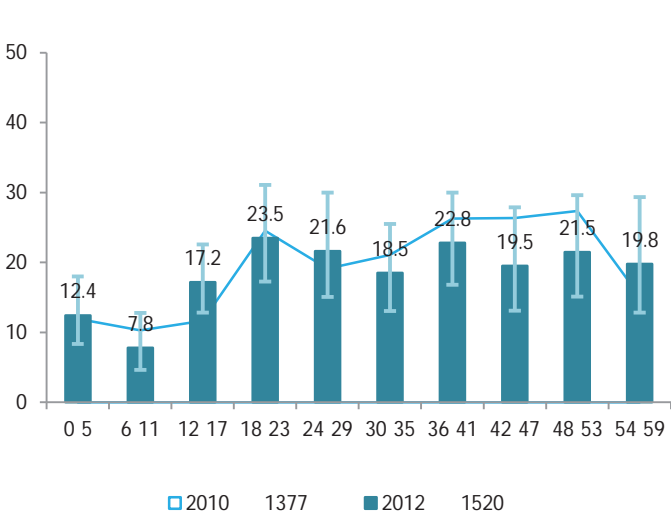
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



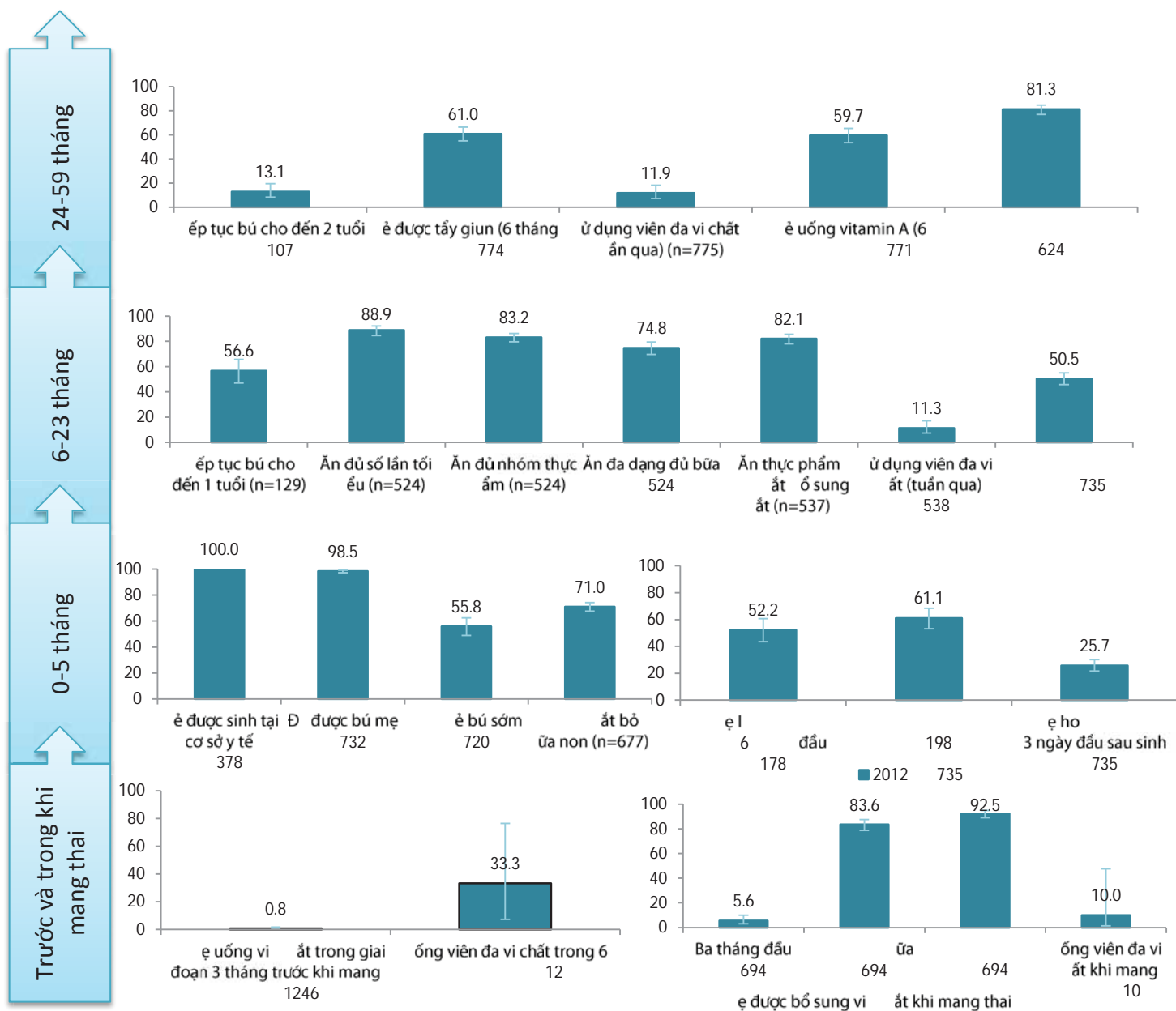
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



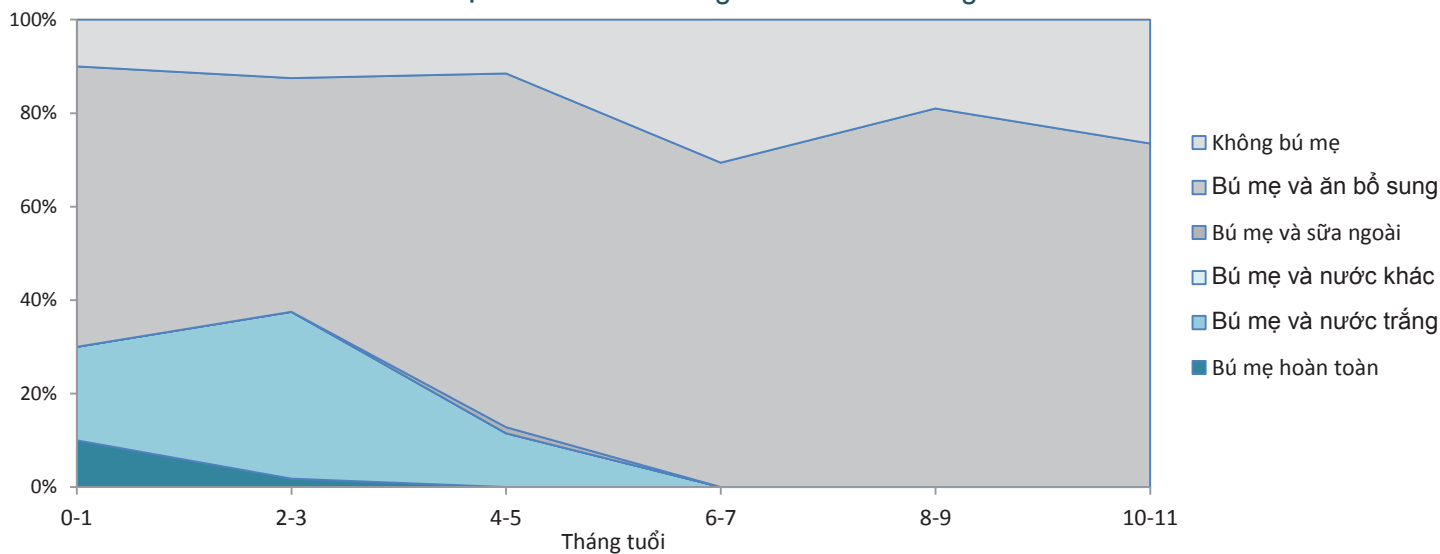
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. Tây n

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



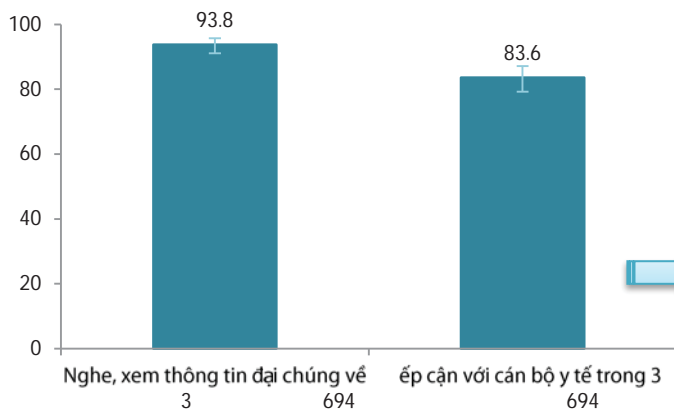
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



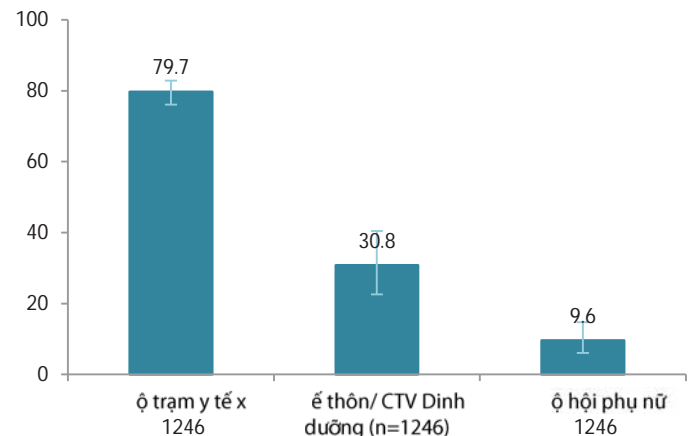
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
Tây n

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

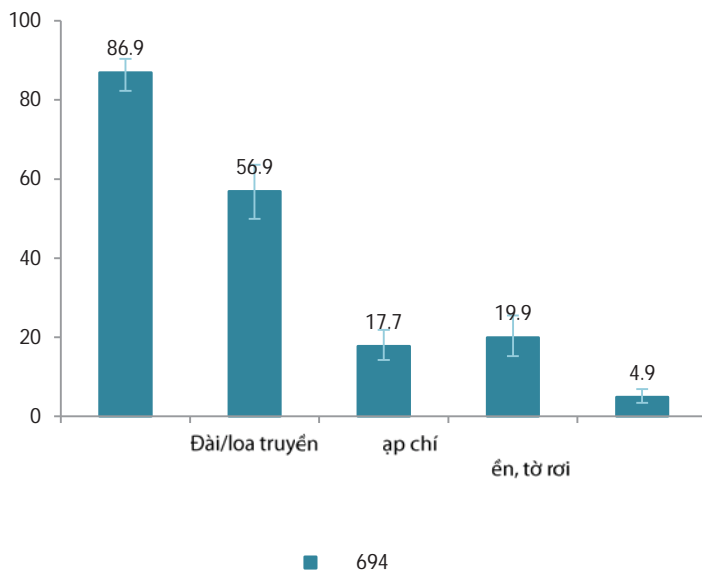
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



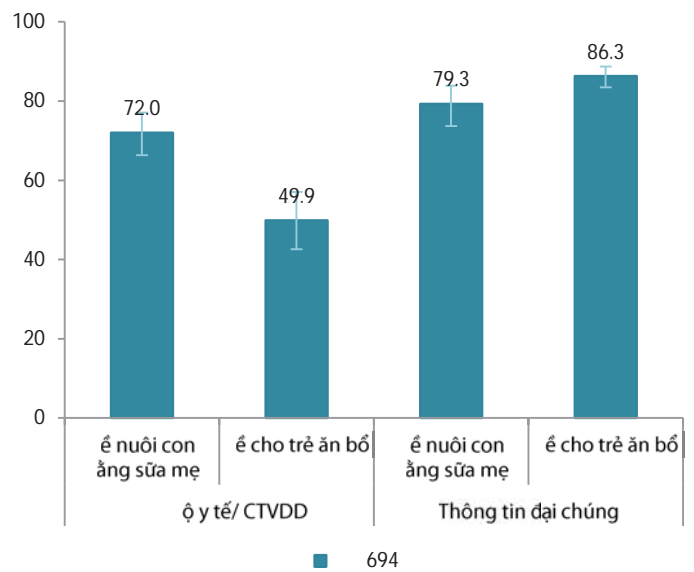
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



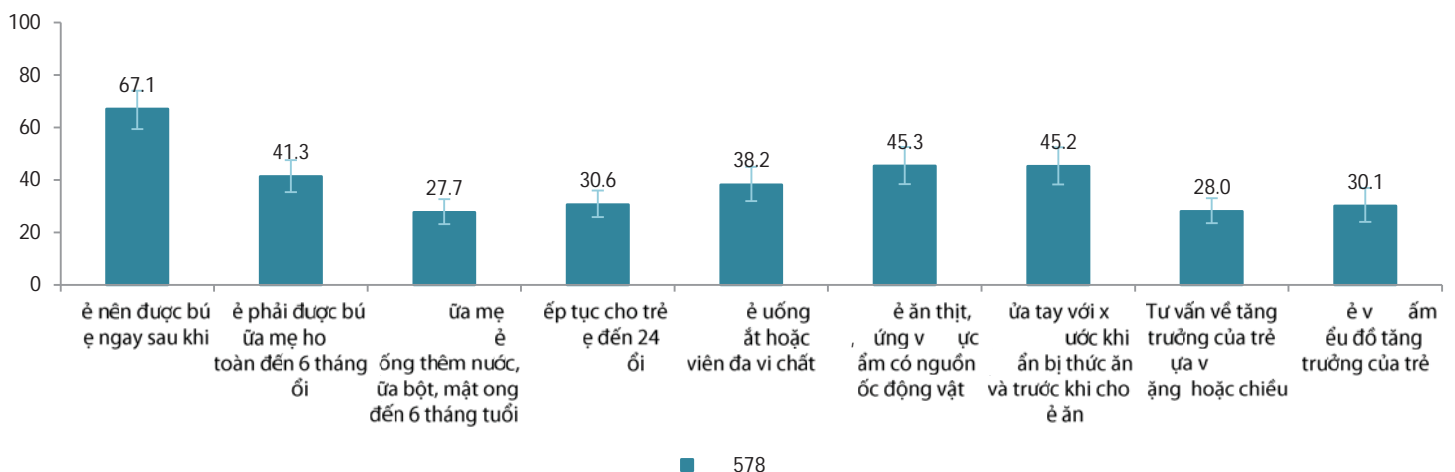
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Bình Dương

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 11.4%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 85.4% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 40%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 23.9%, nhẹ cân là 10.6% và gầy còm là 5.9%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 8.5%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 48.9%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 16.9% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 74.8%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 81.2%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 89.7%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 73.7%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

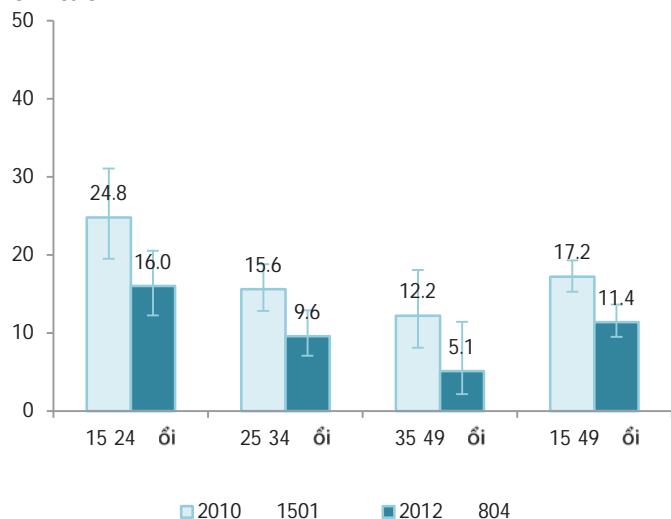
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 7 | Số bệnh viện | 10 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 91 | Số phòng khám đa khoa | 9 |
| Số thôn/bản | 566 | Số trạm y tế xã | 91 |
| Dân số | 1,705,283 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 138,382 | Số bác sỹ | 533 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 56,875 | Số y sỹ | 582 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 557 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 4.1% | Số nữ hộ sinh | 380 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 0.2% | Số y tế thôn bản | 567 |

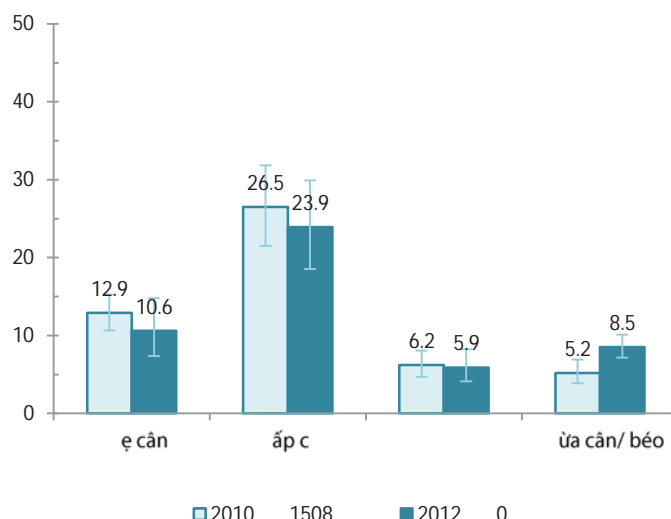
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

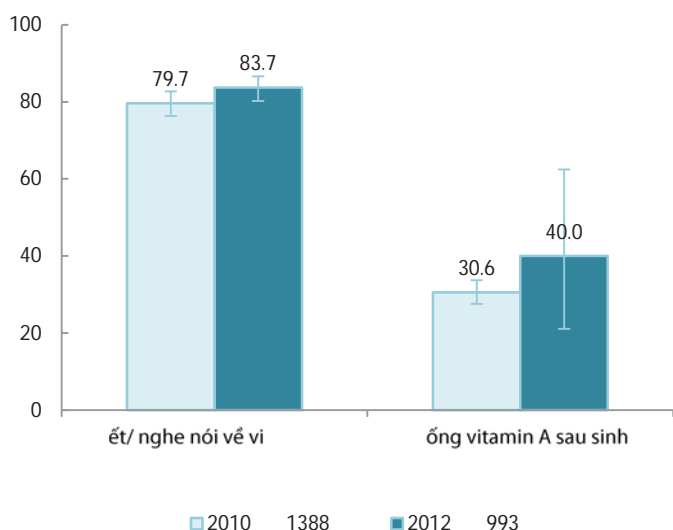
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



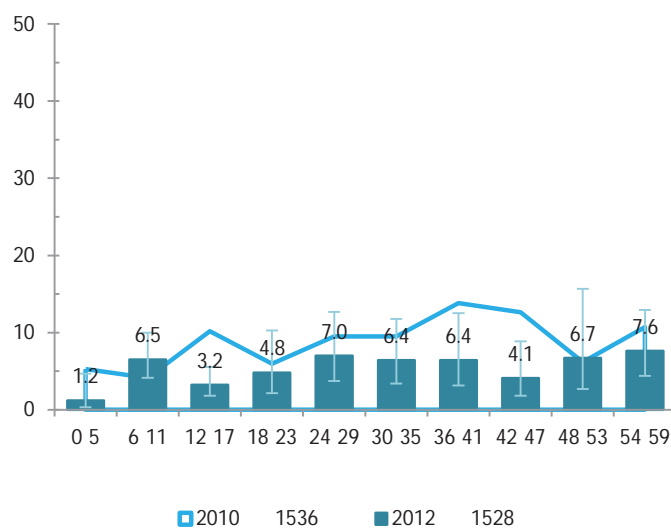
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



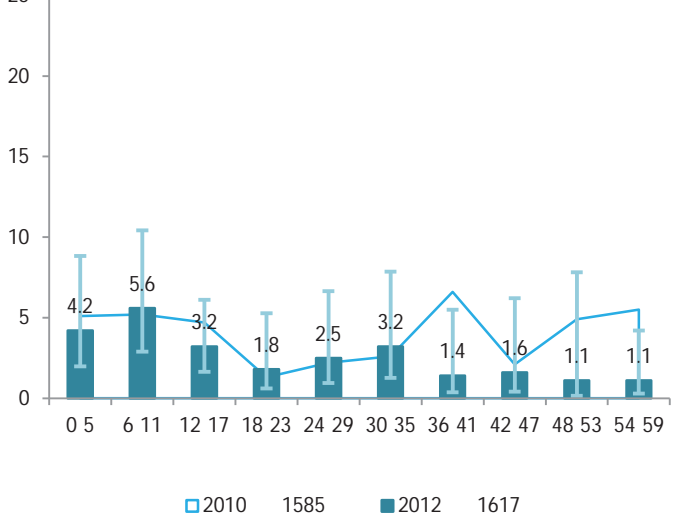
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



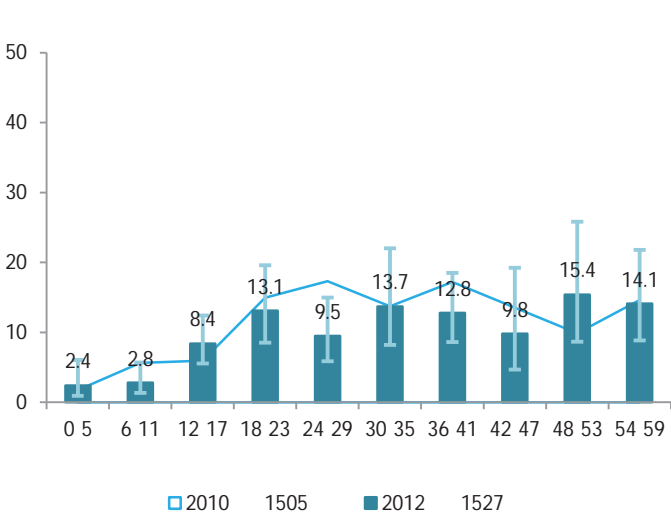
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



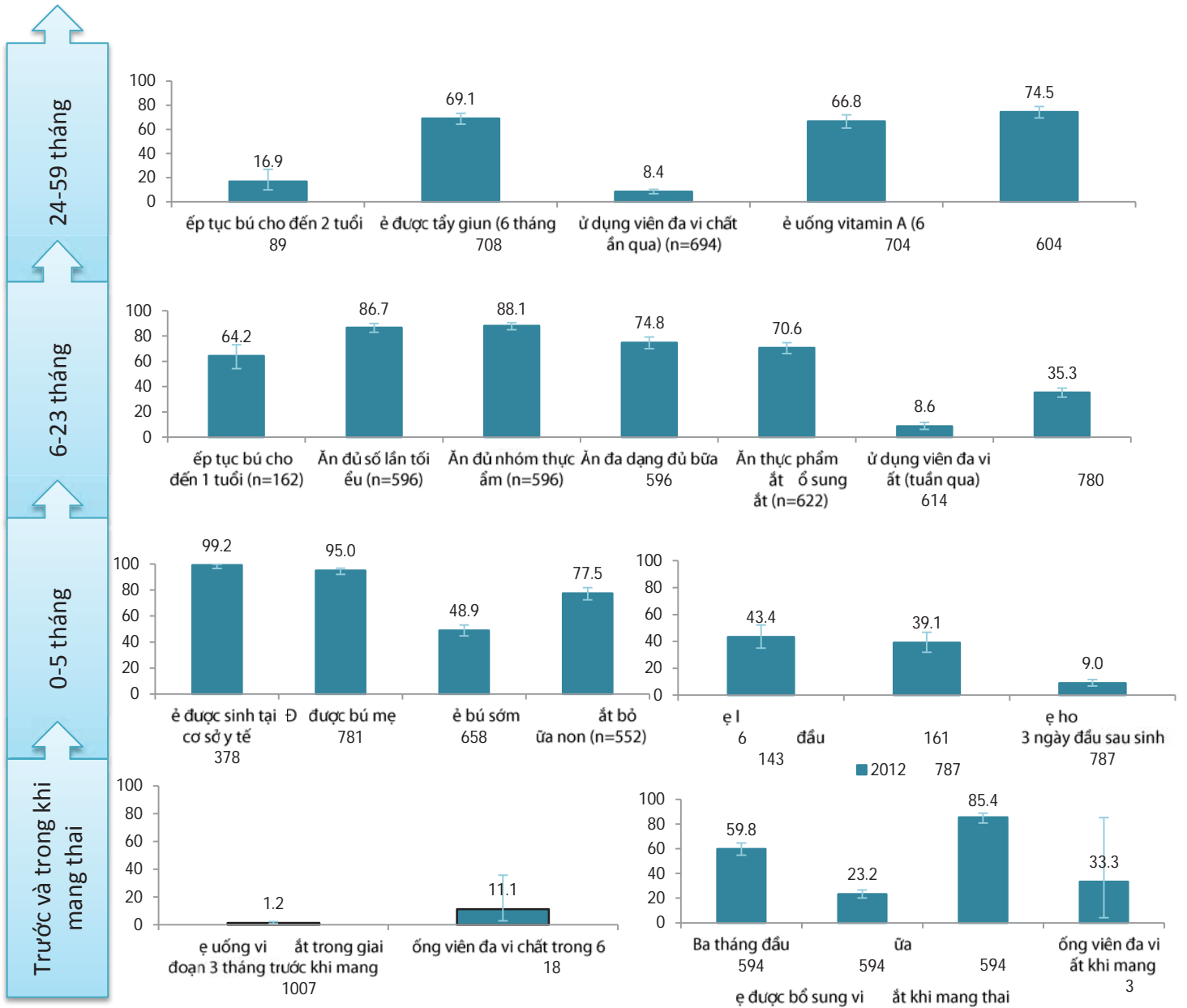
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



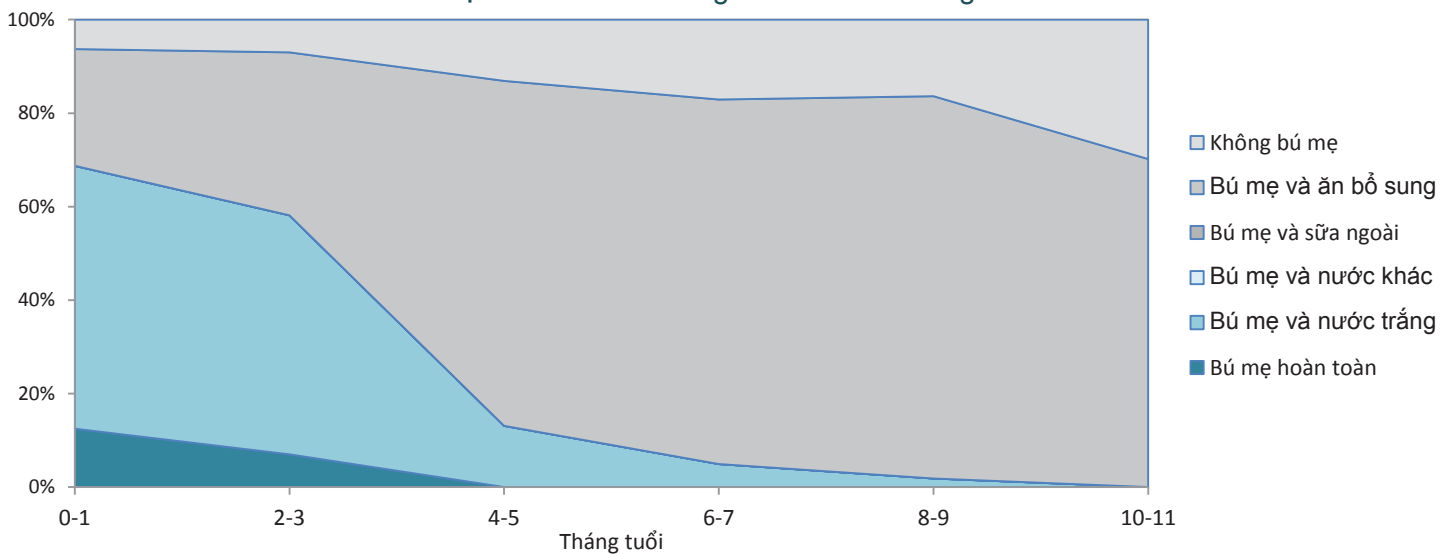
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



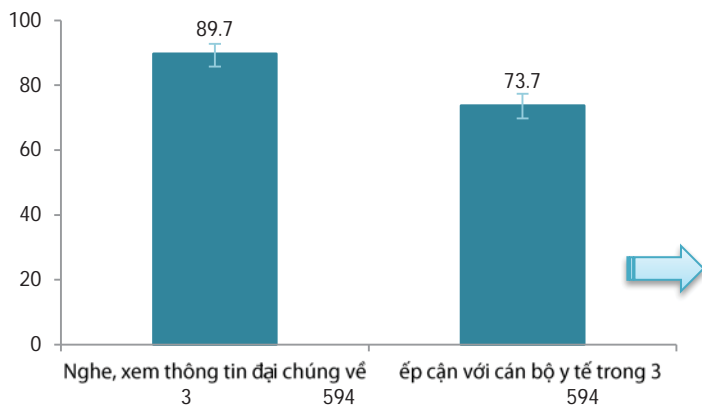
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



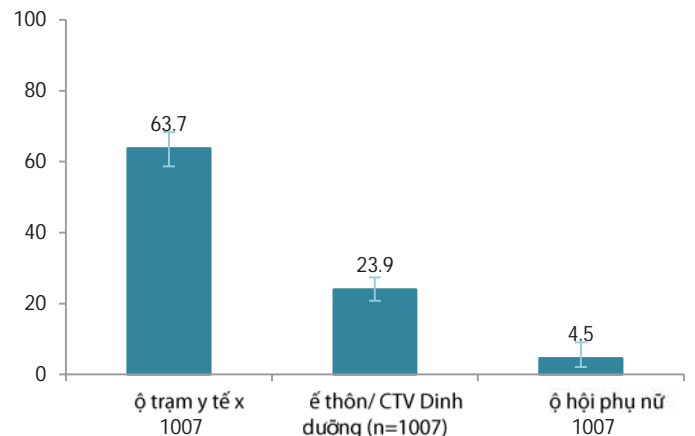
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Bình Dương

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

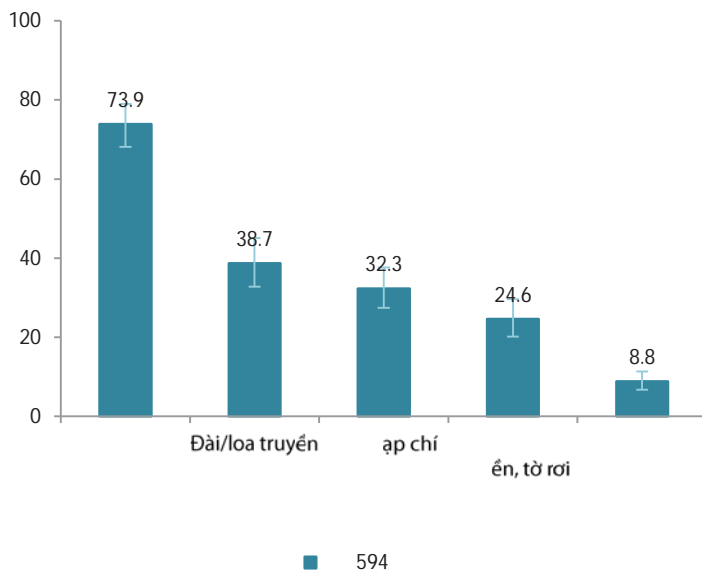
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



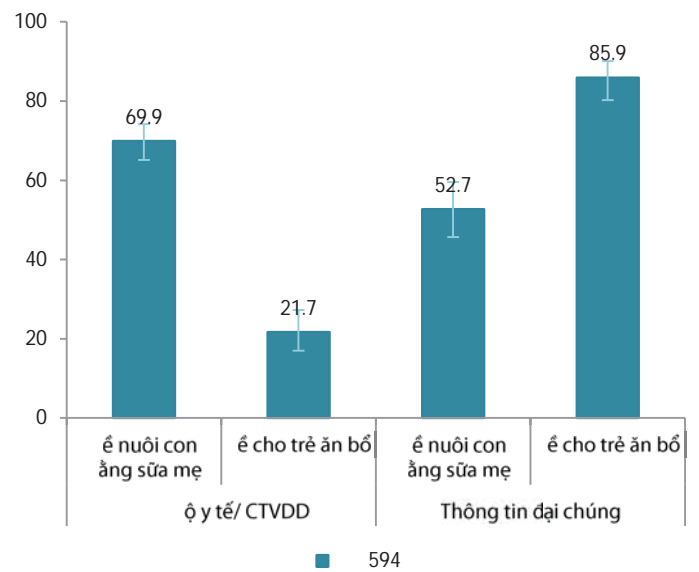
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



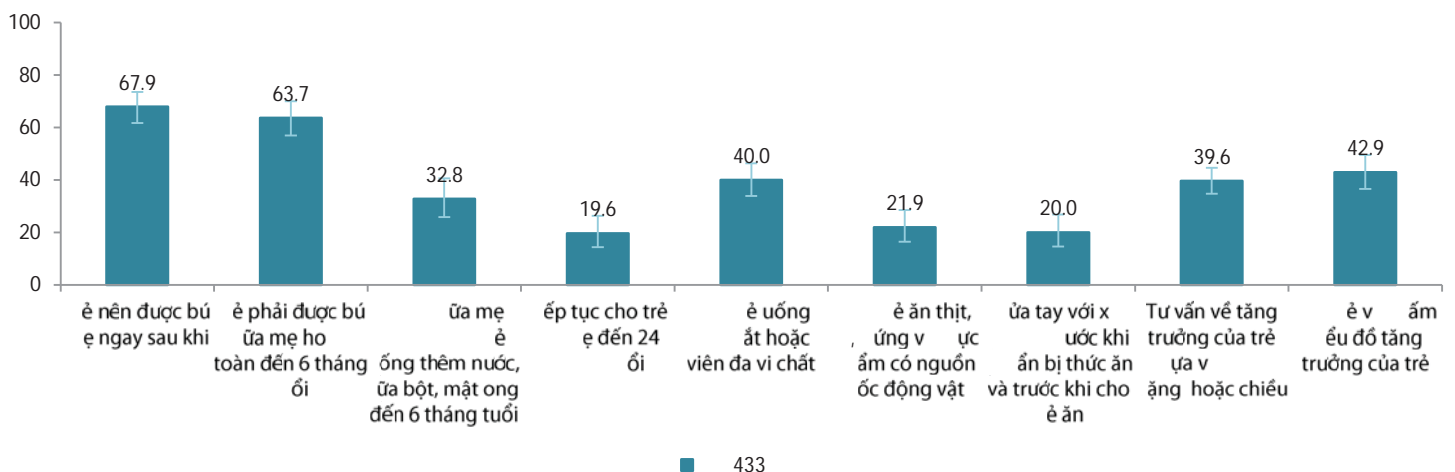
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Đồng Nai

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 18.7%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 64.5% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 65.6%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 28%, nhẹ cân là 11.5% và gầy còm là 6.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 8.8%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 61.9%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 20% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 73.4%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 85.4%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 78%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 92%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

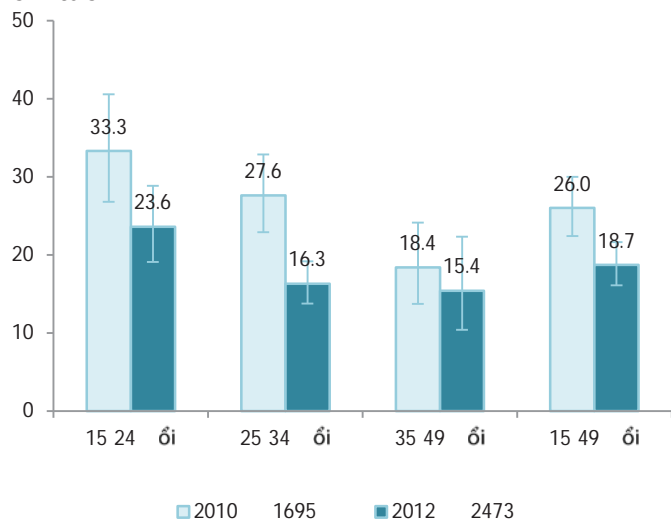
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 10 | Số bệnh viện | 17 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 171 | Số phòng khám đa khoa | 13 |
| Số thôn/bản | 245 | Số trạm y tế xã | 171 |
| Dân số | 2,622,770 | Số nhà hộ sinh | 1 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 206,704 | Số bác sỹ | 979 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 84,955 | Số y sỹ | 855 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,738 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 7.0% | Số nữ hộ sinh | 588 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 3.0% | Số y tế thôn bản | 911 |

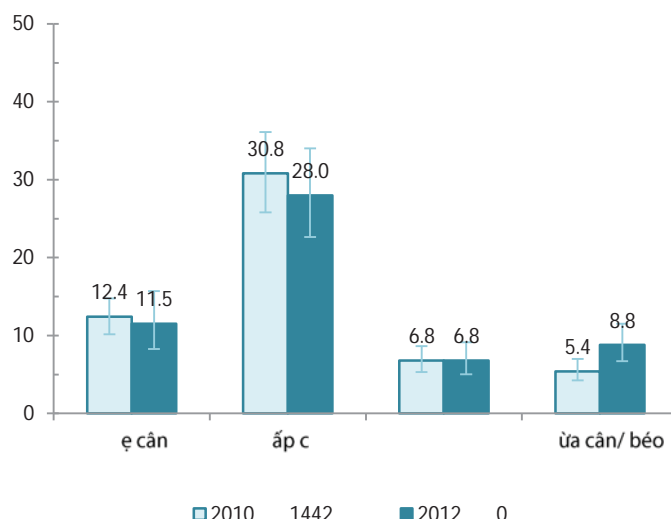
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

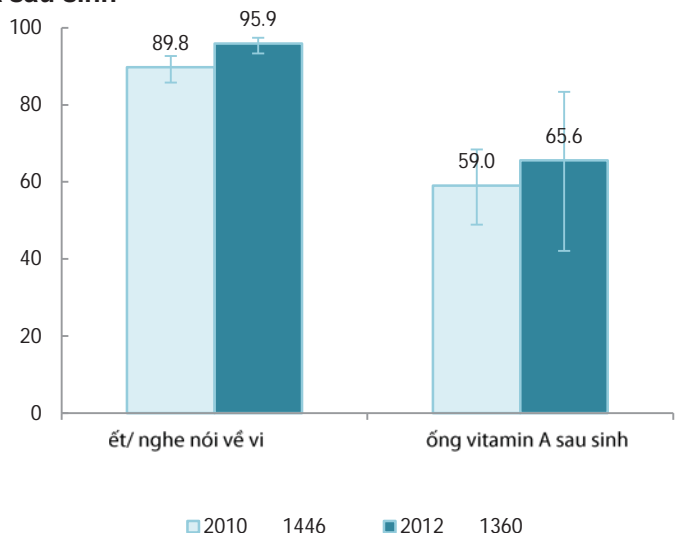
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



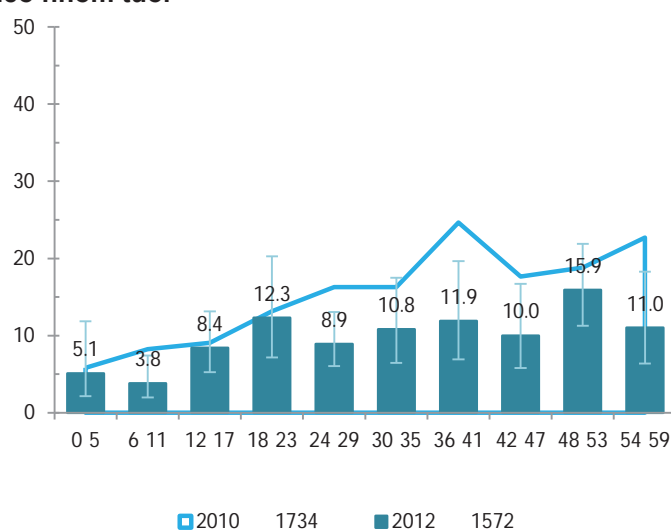
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



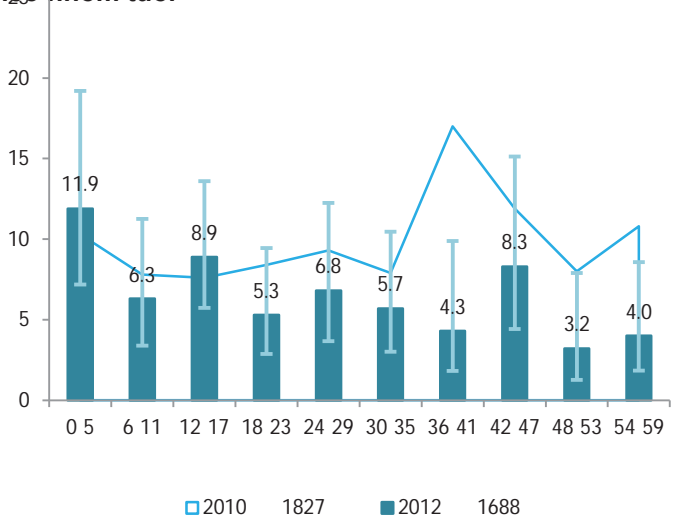
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



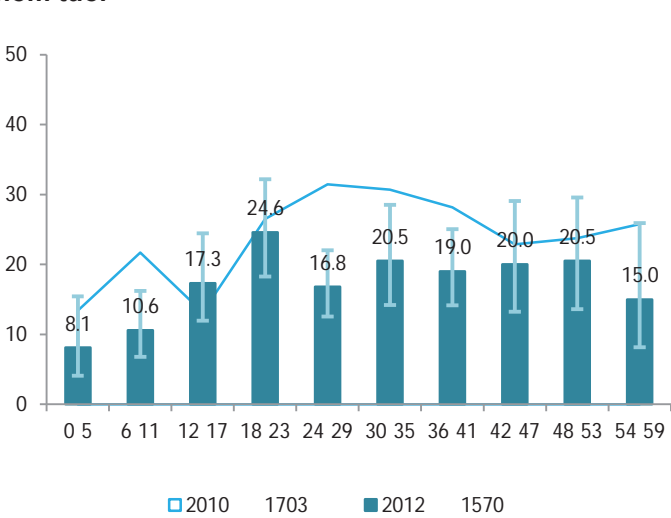
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



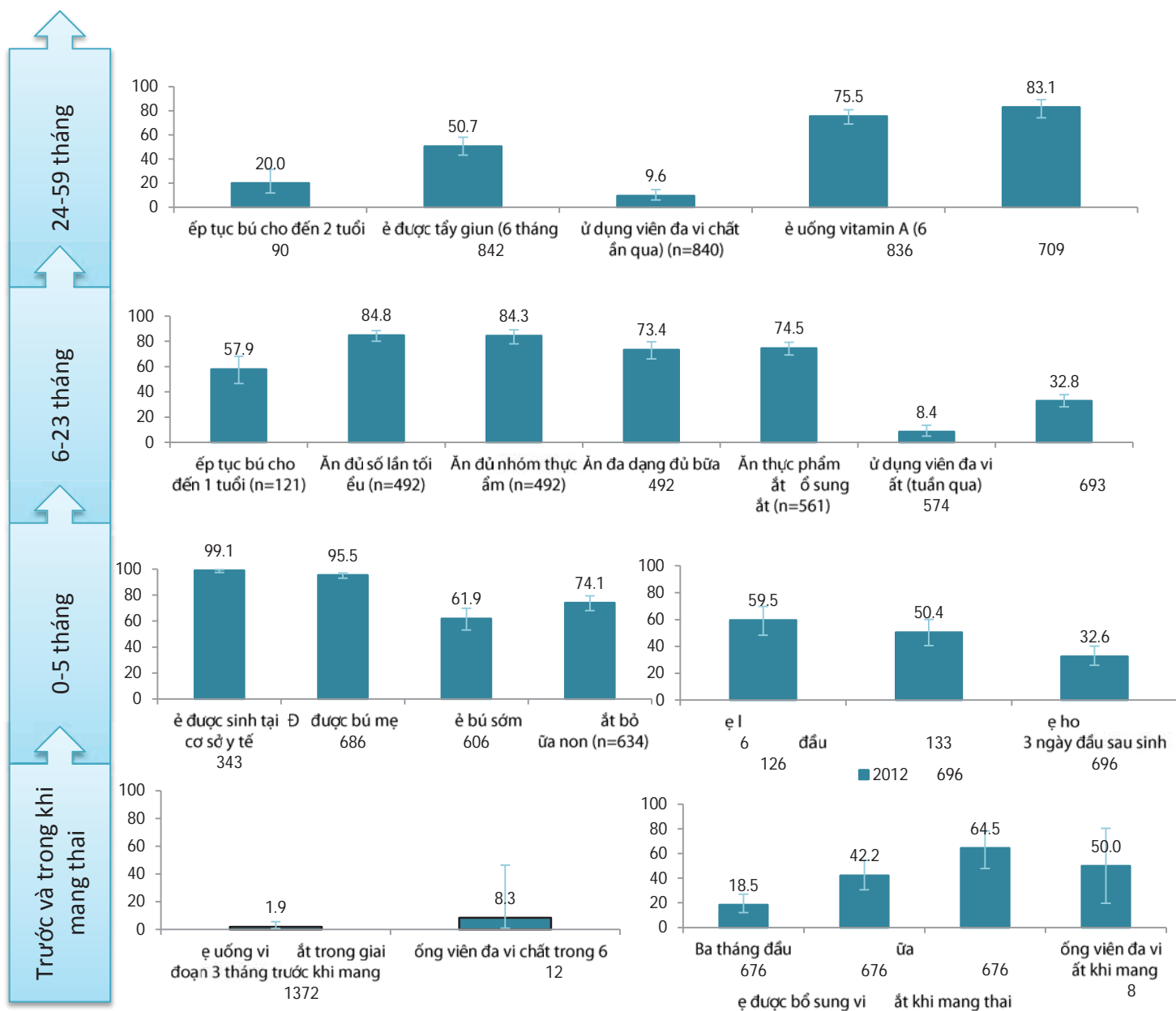
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



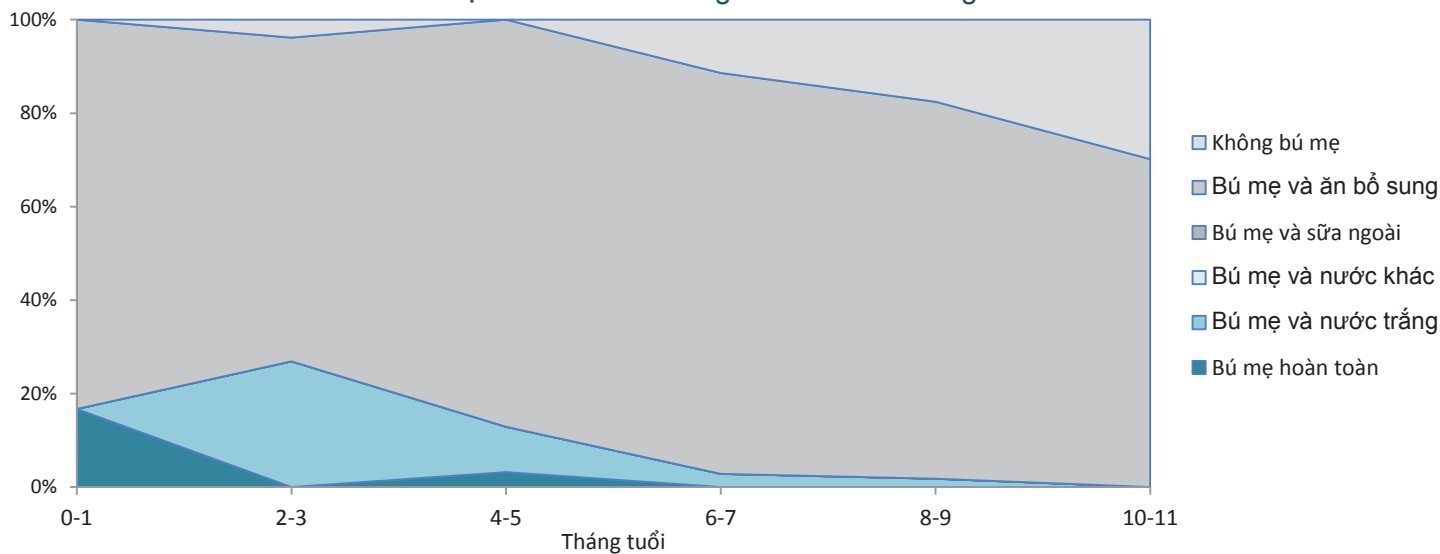
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

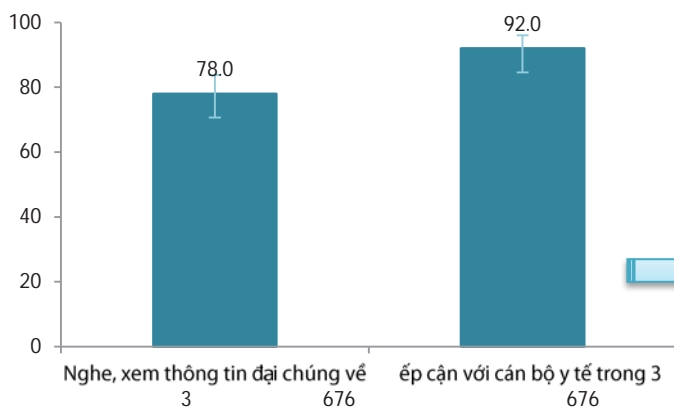


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

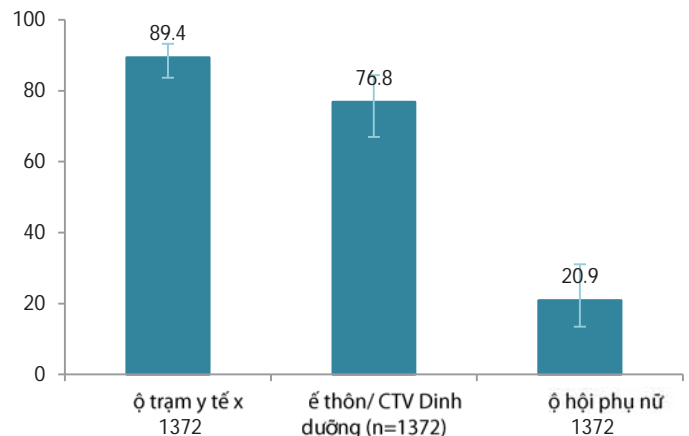
3 Đồng Nai

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

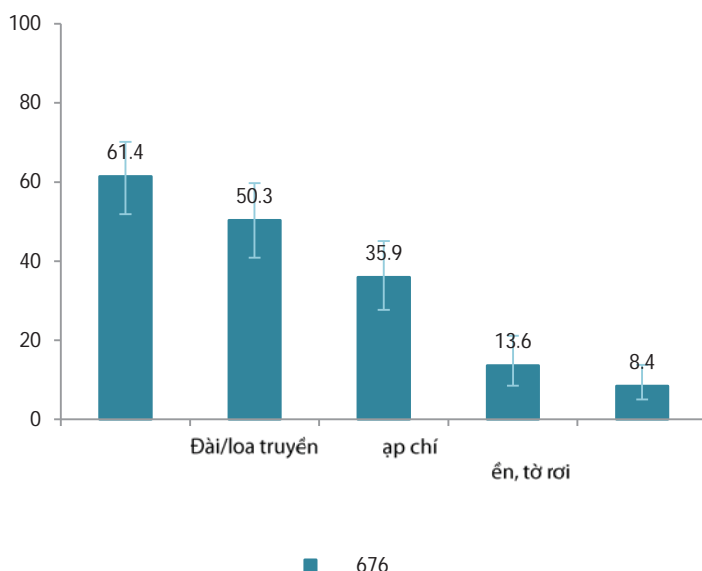
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



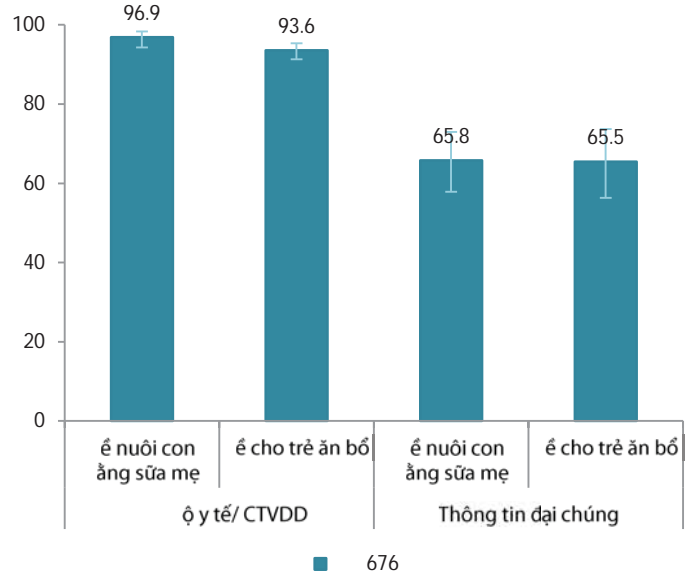
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



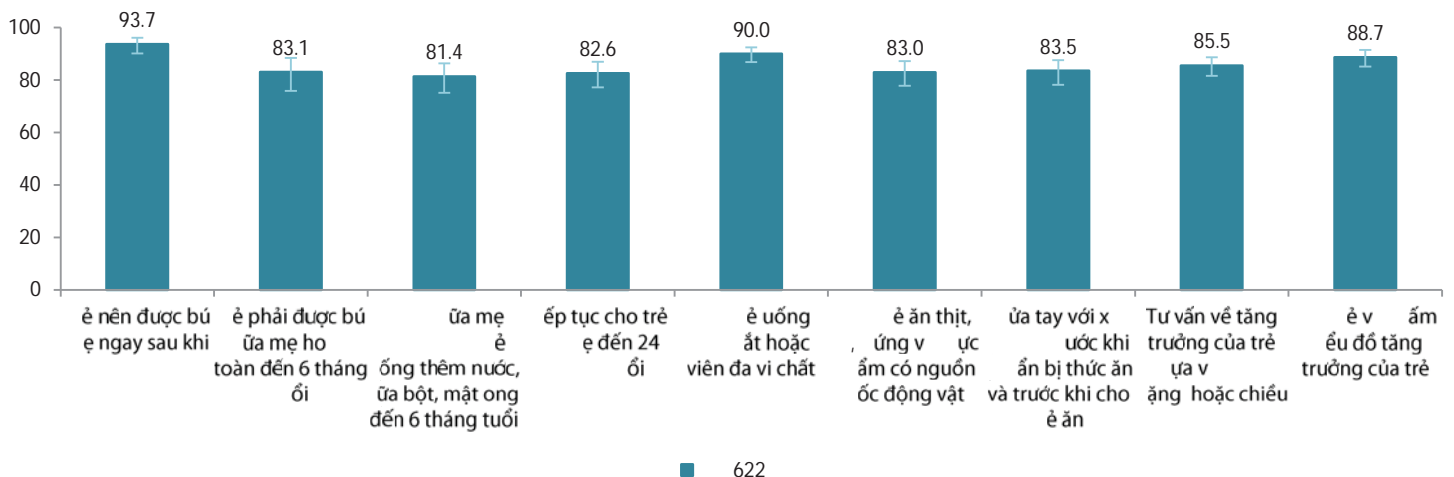
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Bình Thuận

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 14%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 98.7% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 31%, nhẹ cân là 17.6% và gầy còm là 6.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 2.5%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 65.2%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 30.3% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 96.8%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 93.1%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 97.6%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 99.2%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

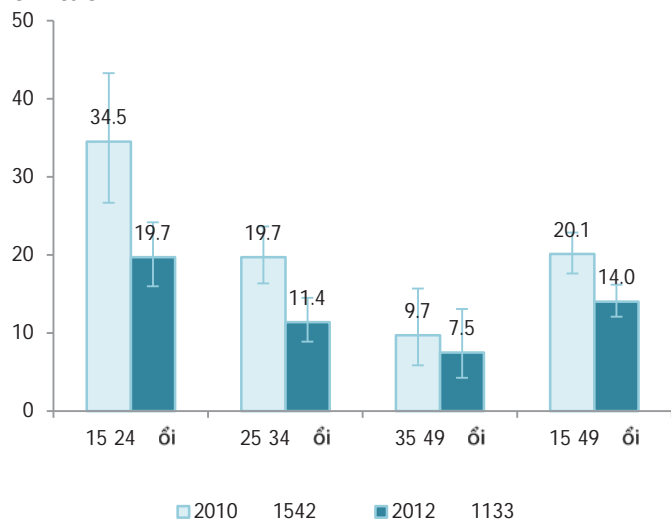
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 9 | Số bệnh viện | 13 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 127 | Số phòng khám đa khoa | 10 |
| Số thôn/bản | 667 | Số trạm y tế xã | 127 |
| Dân số | 1,182,428 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 89,997 | Số bác sỹ | 562 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 36,989 | Số y sỹ | 855 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 840 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 7.4% | Số nữ hộ sinh | 403 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 9.3% | Số y tế thôn bản | 877 |

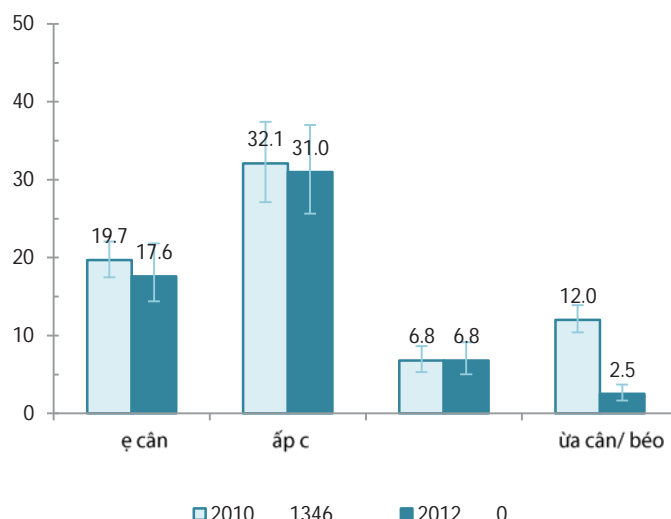
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

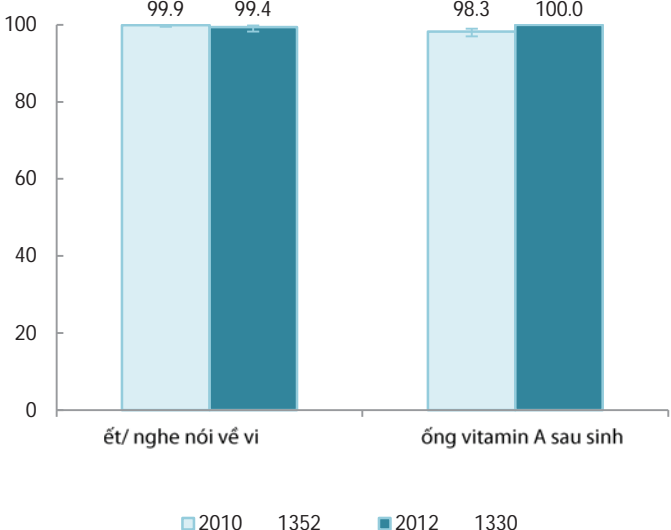
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



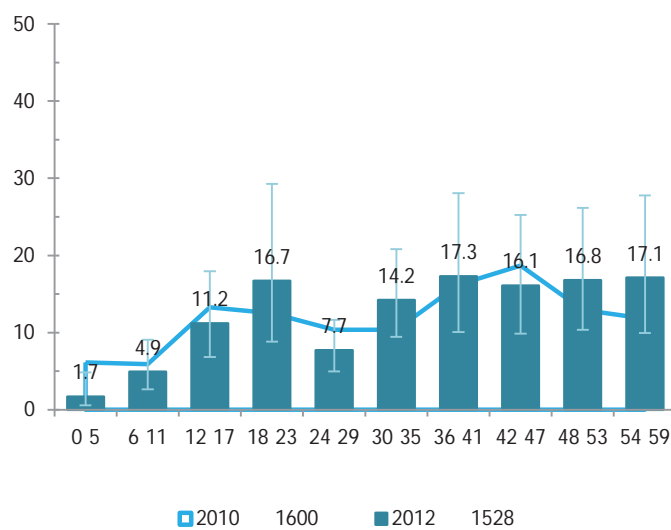
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



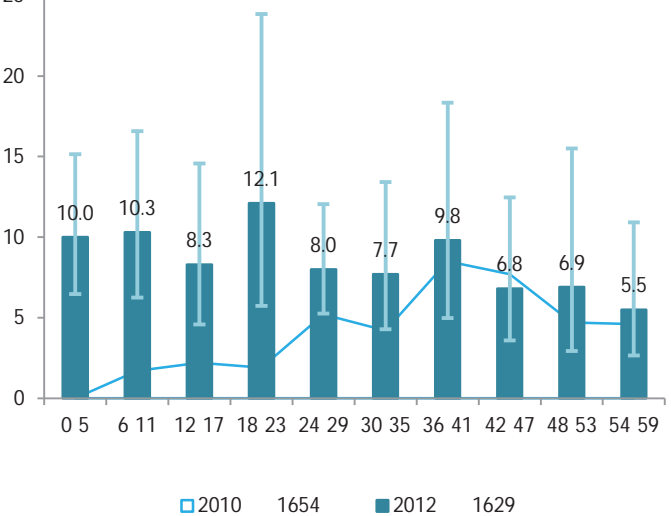
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



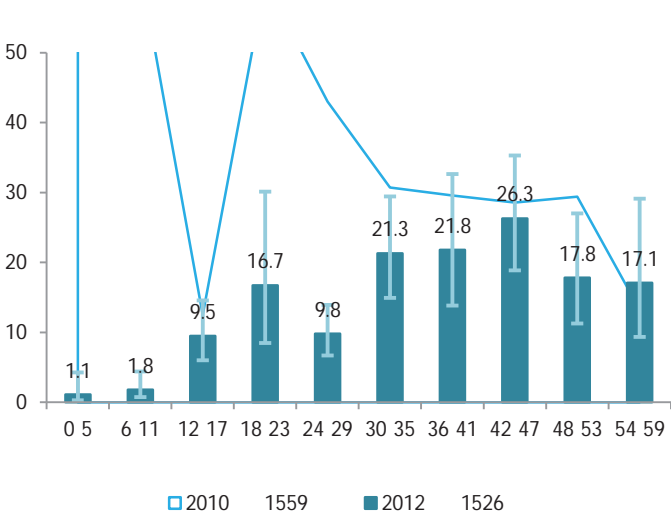
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



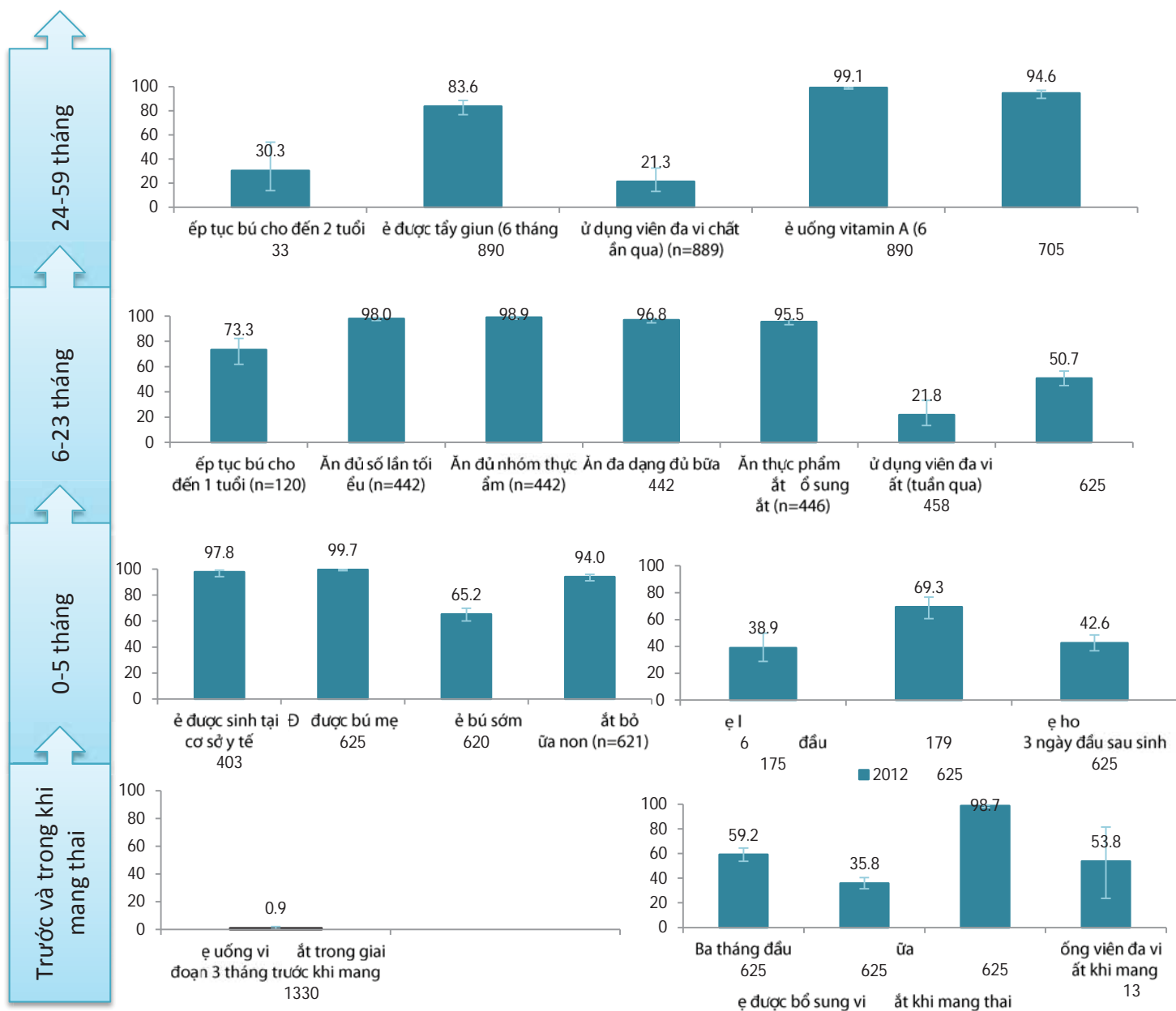
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



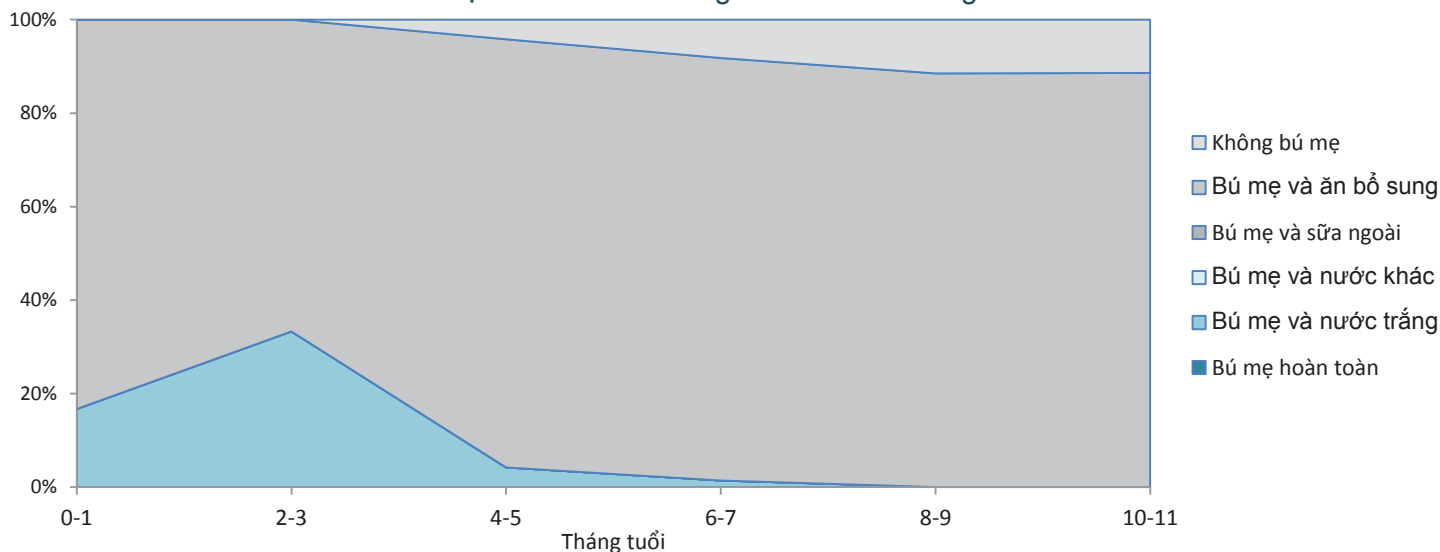
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



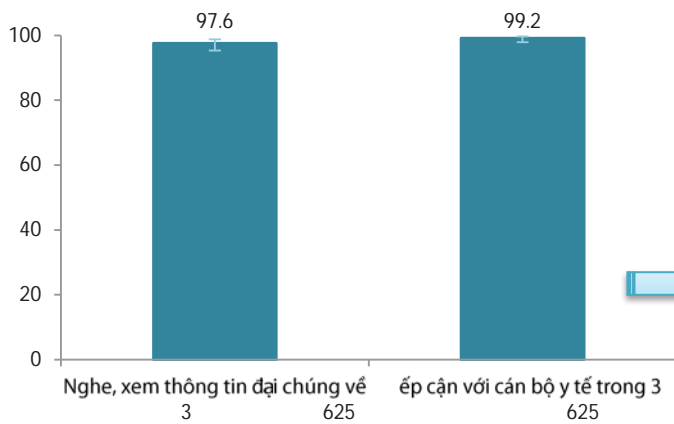
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



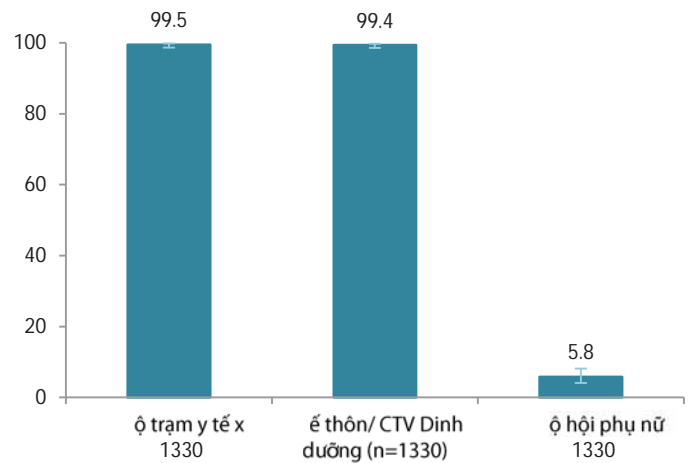
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Bình Thuận

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

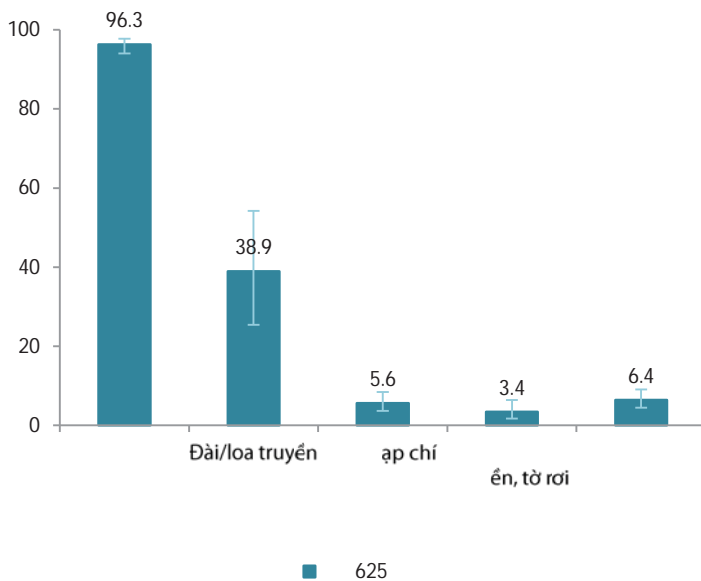
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



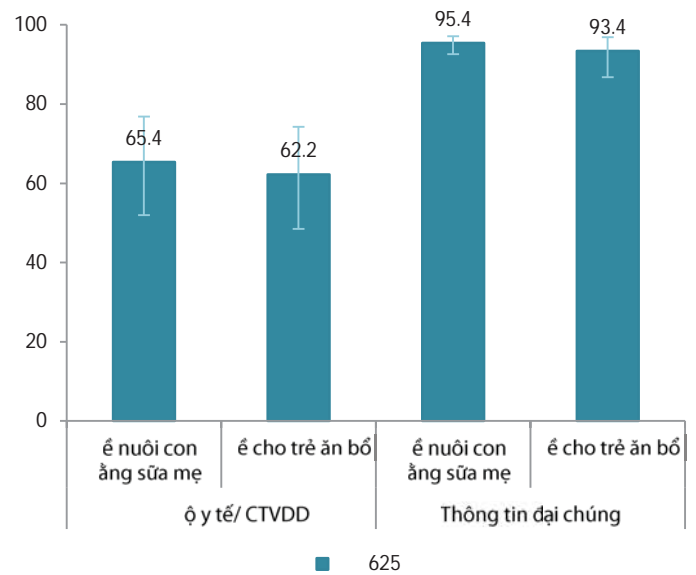
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



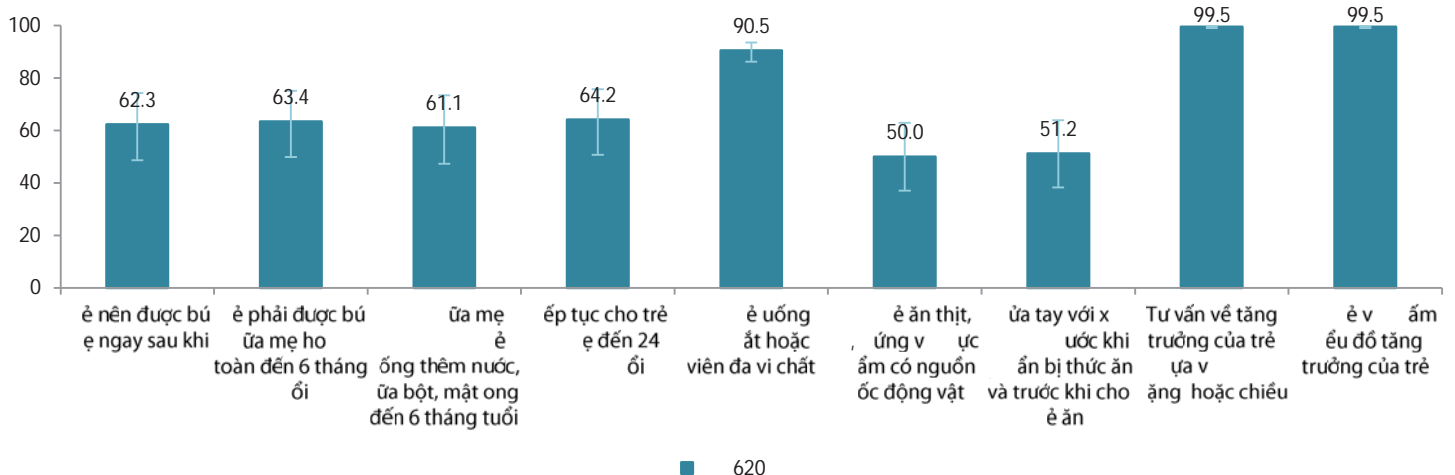
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Bà Rịa - Vũng Tàu

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 16.8%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 96.4% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 87.2%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 23.8%, nhẹ cân là 9.5% và gầy còm là 6.1%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 7.3%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 46.4%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 18.1% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 80.5%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 86.3%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 81.2%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 80.8%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

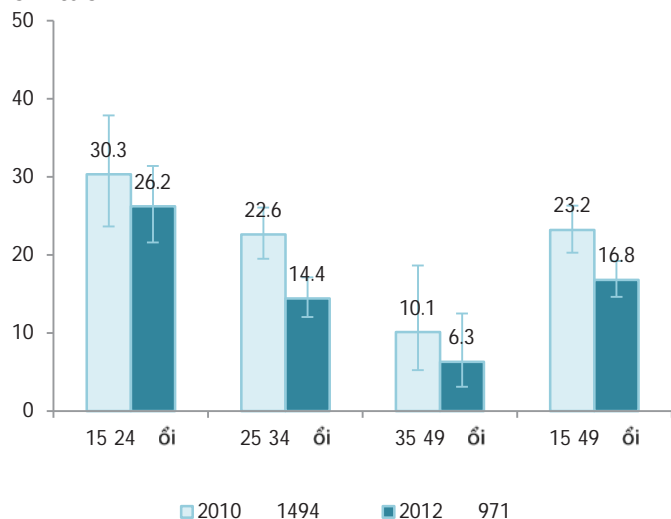
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 7 | Số bệnh viện | 10 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 82 | Số phòng khám đa khoa | 6 |
| Số thôn/bản | 560 | Số trạm y tế xã | 82 |
| Dân số | 1,022,044 | Số nhà hộ sinh | 21 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 75,134 | Số bác sỹ | 478 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 30,880 | Số y sỹ | 363 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 644 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 2.5% | Số nữ hộ sinh | 261 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 4.8% | Số y tế thôn bản | 958 |

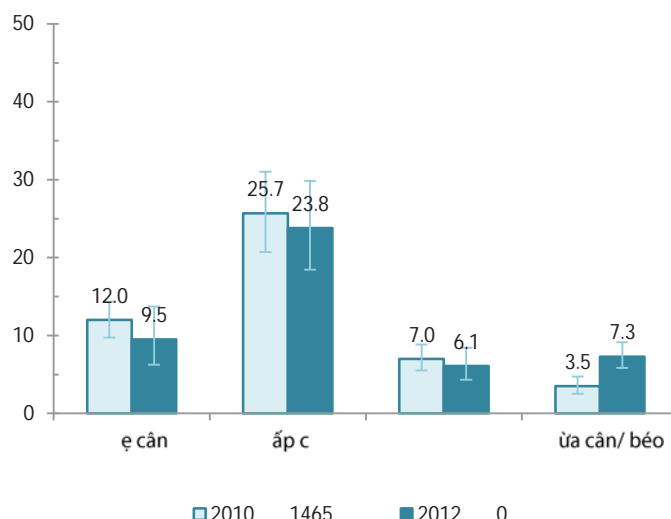
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

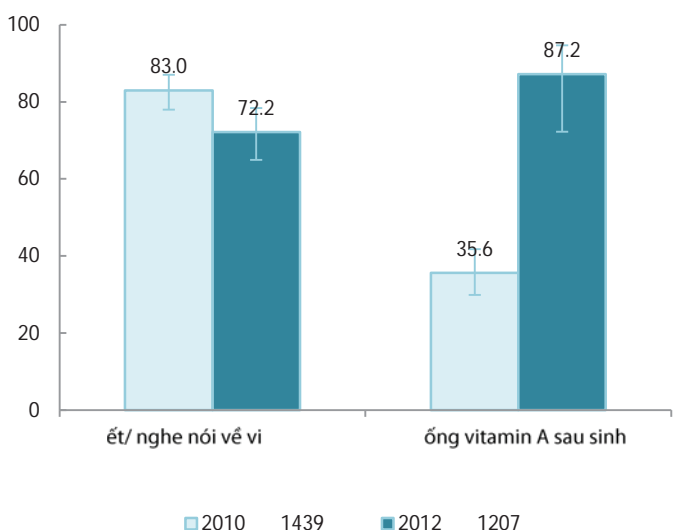
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



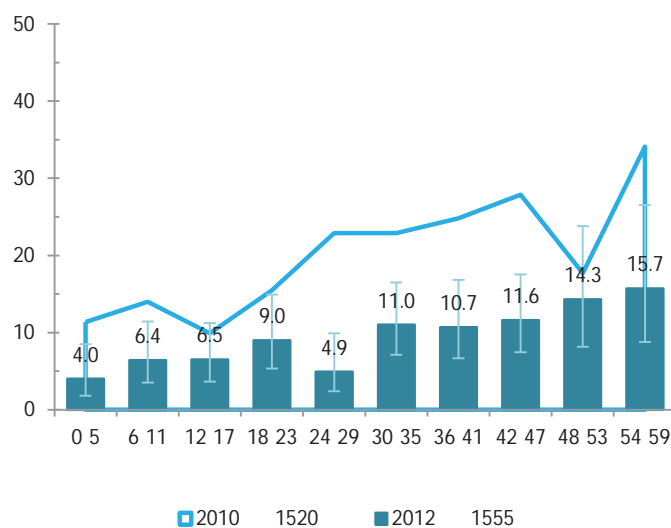
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



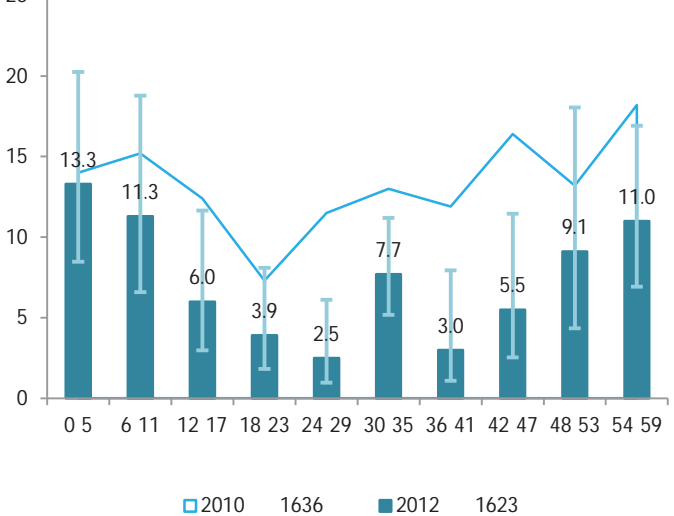
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



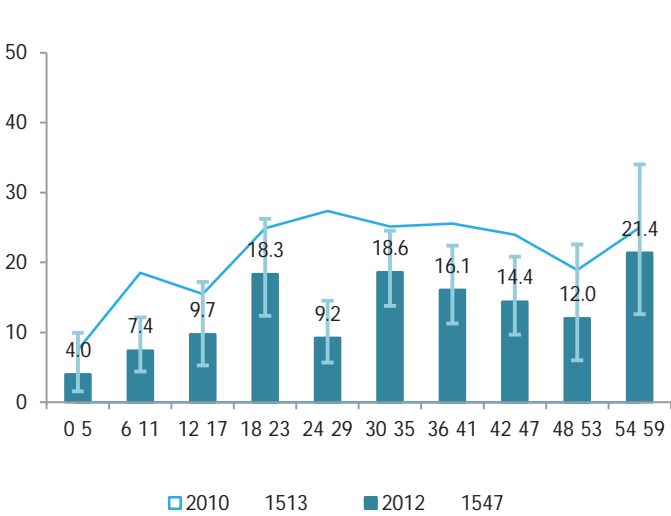
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



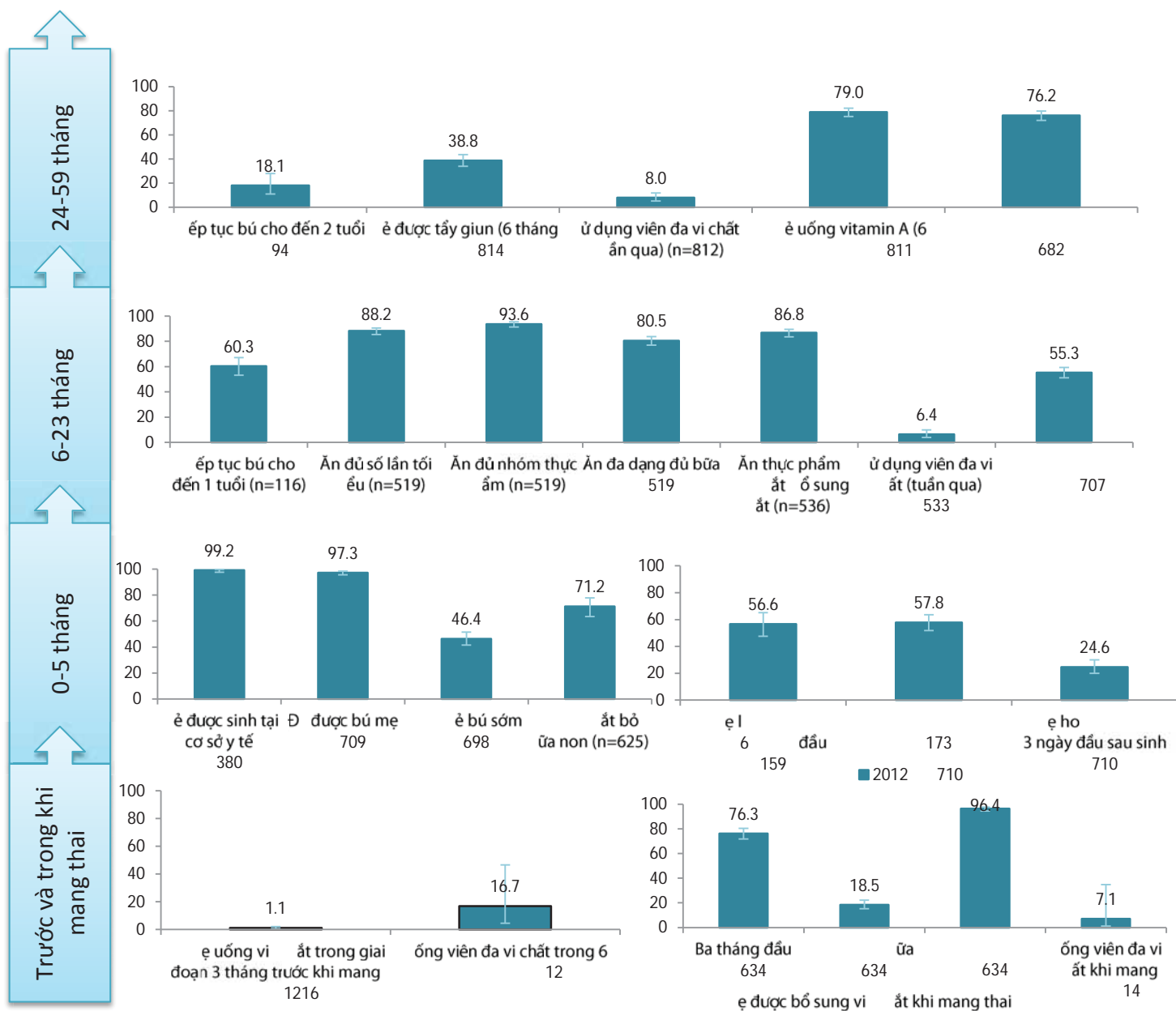
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



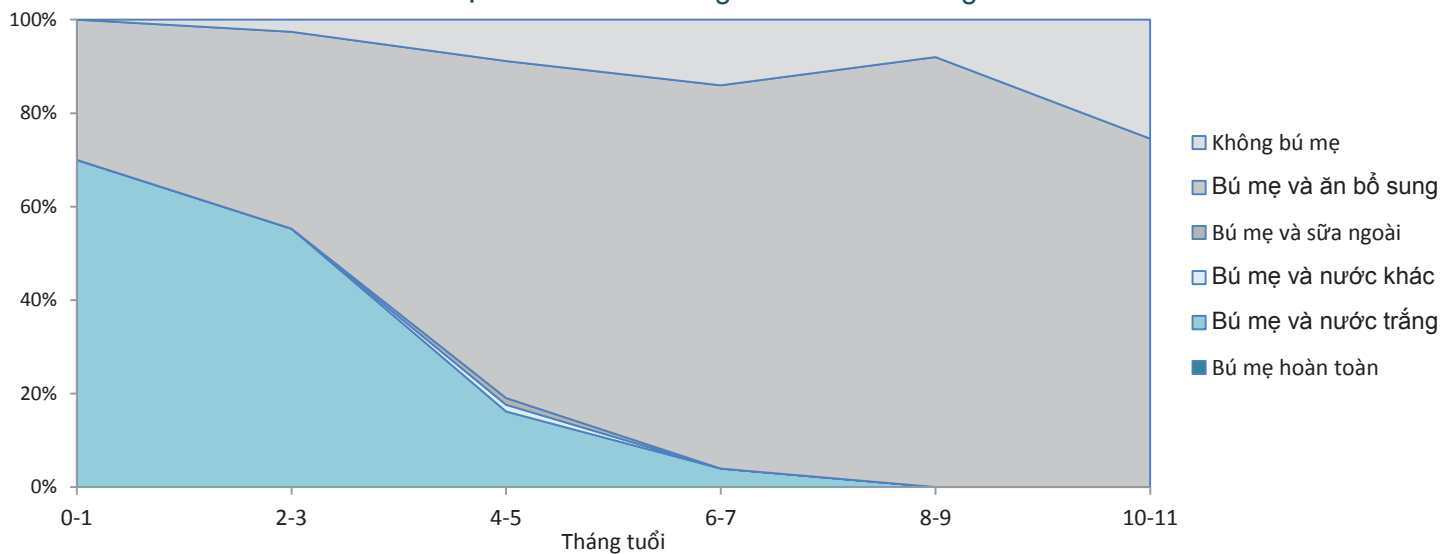
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



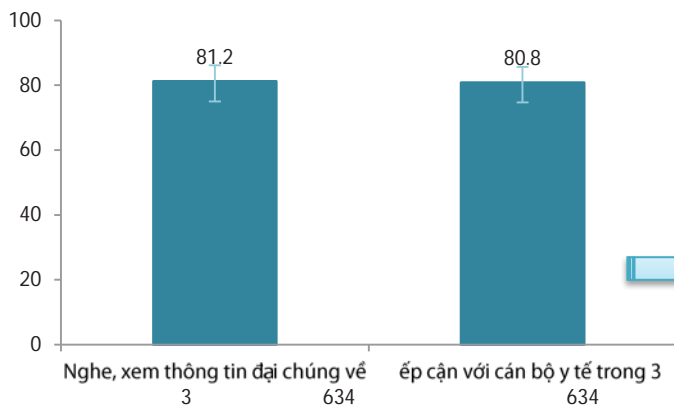
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



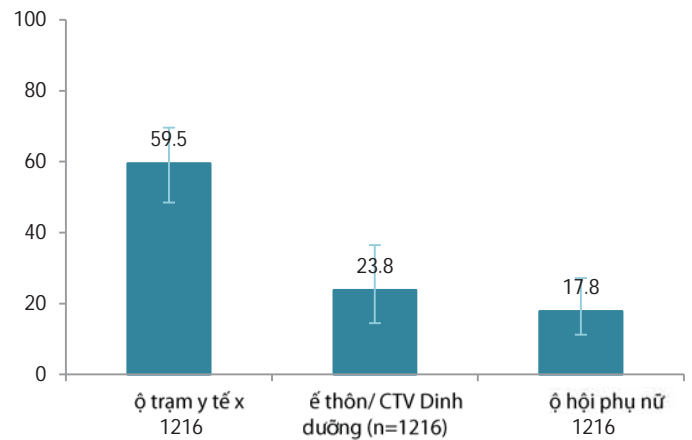
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Bà Rịa - Vũng Tàu

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

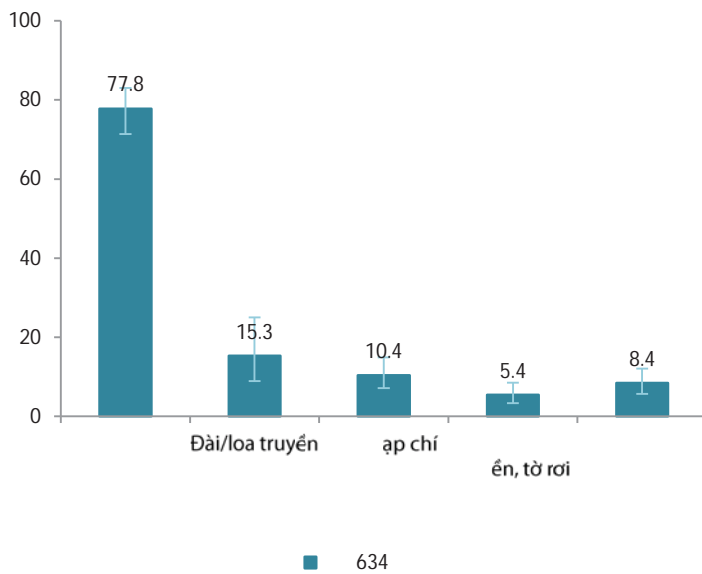
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



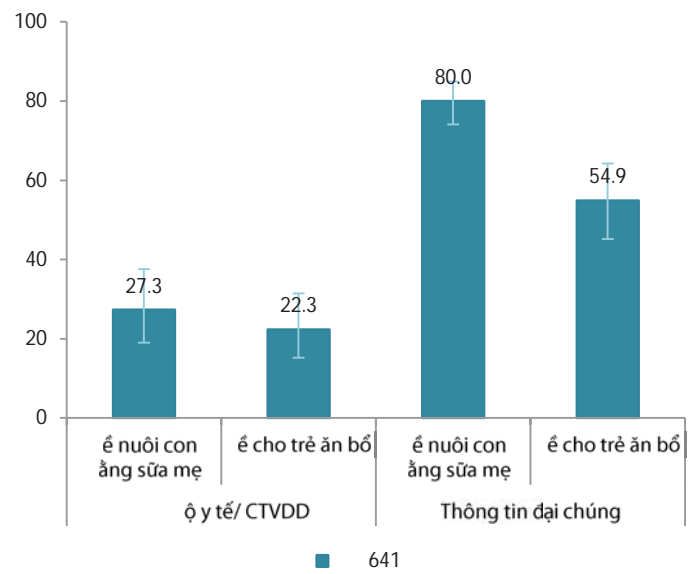
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



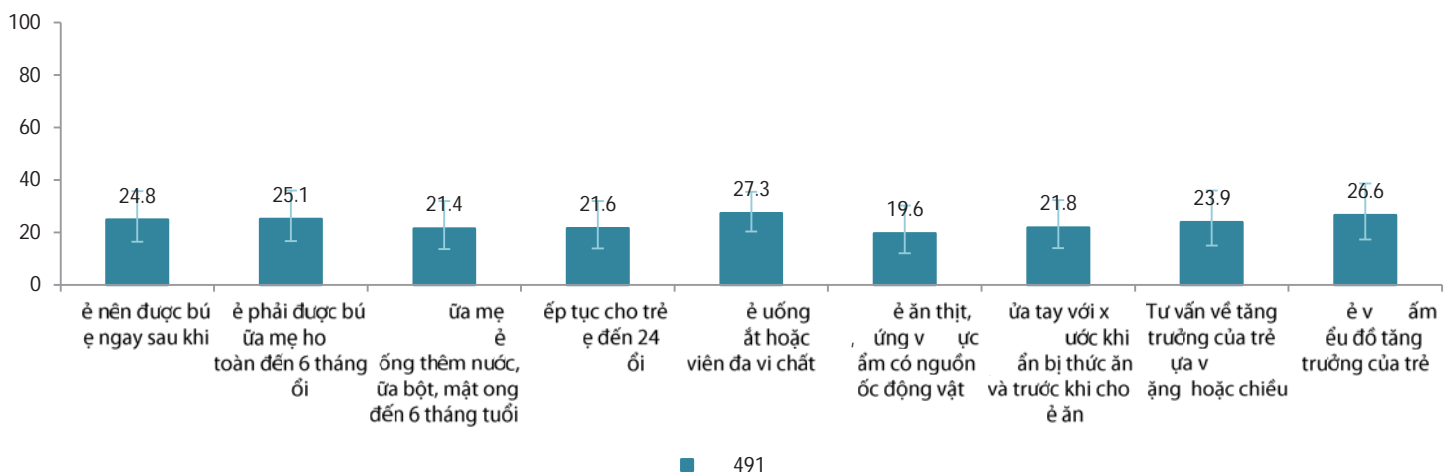
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 12.9%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 85.1% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 98.7%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 22%, nhẹ cân là 11.5% và gầy còm là 6.5%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 6.3%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 62.2%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 16.9% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 82.1%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 86.6%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 80.9%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 89%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

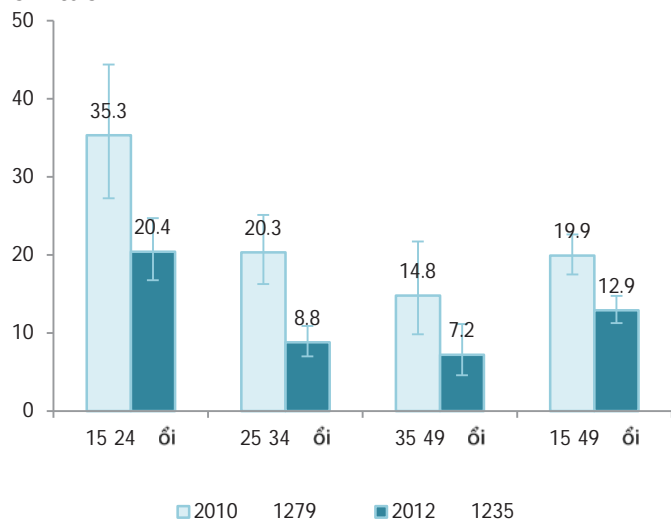
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 13 | Số bệnh viện | 16 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 190 | Số phòng khám đa khoa | 5 |
| Số thôn/bản | 1,485 | Số trạm y tế xã | 190 |
| Dân số | 1,453,600 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 108,240 | Số bác sỹ | 667 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 44,487 | Số y sỹ | 896 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 776 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 0.3% | Số nữ hộ sinh | 457 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 6.6% | Số y tế thôn bản | 983 |

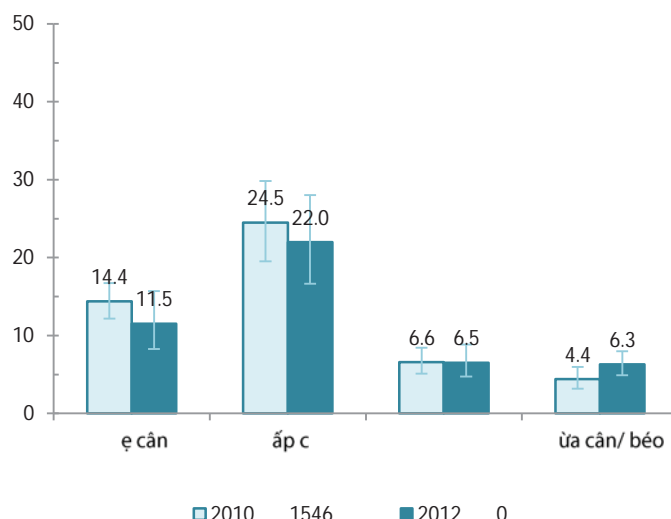
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

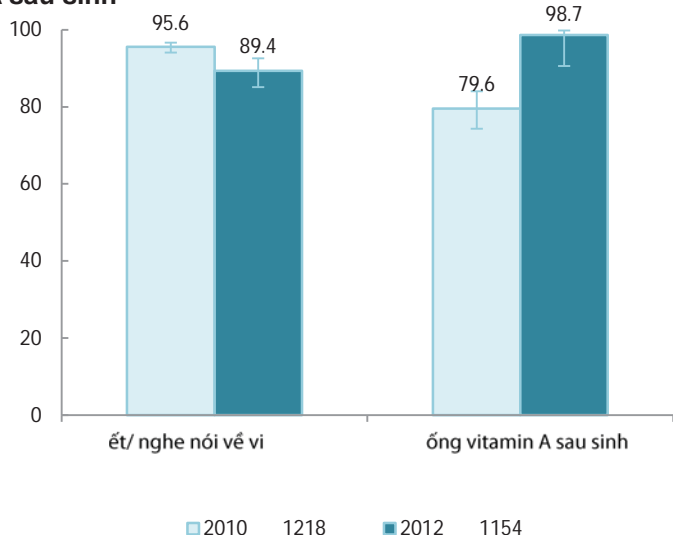
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



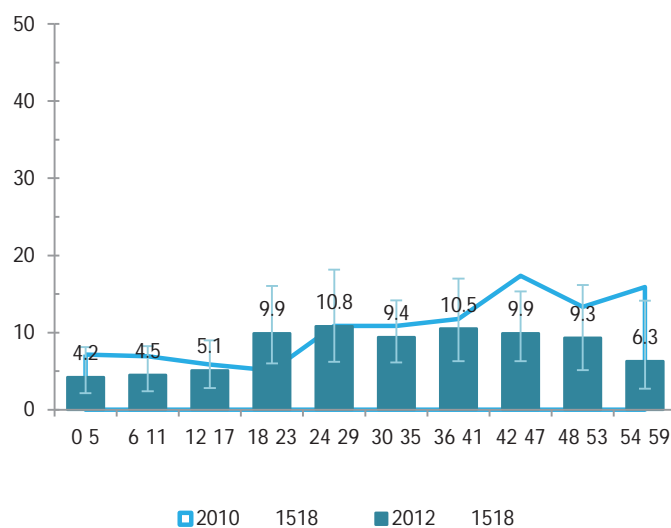
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



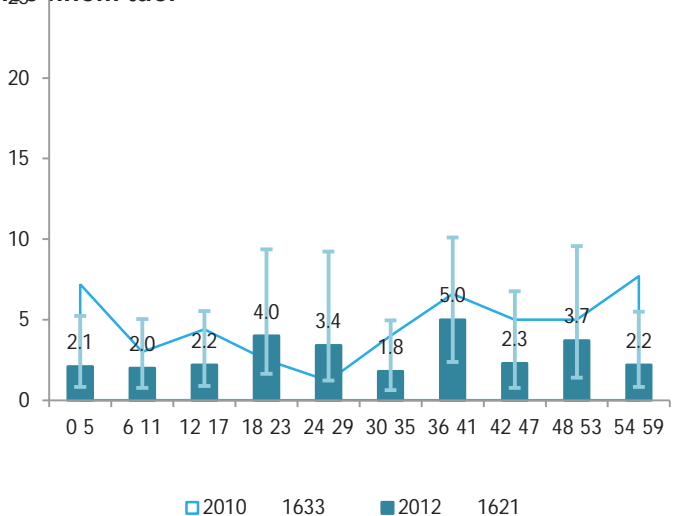
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



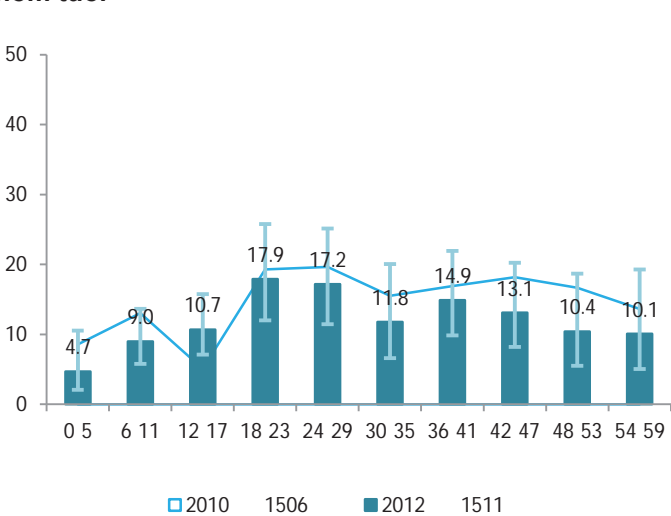
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



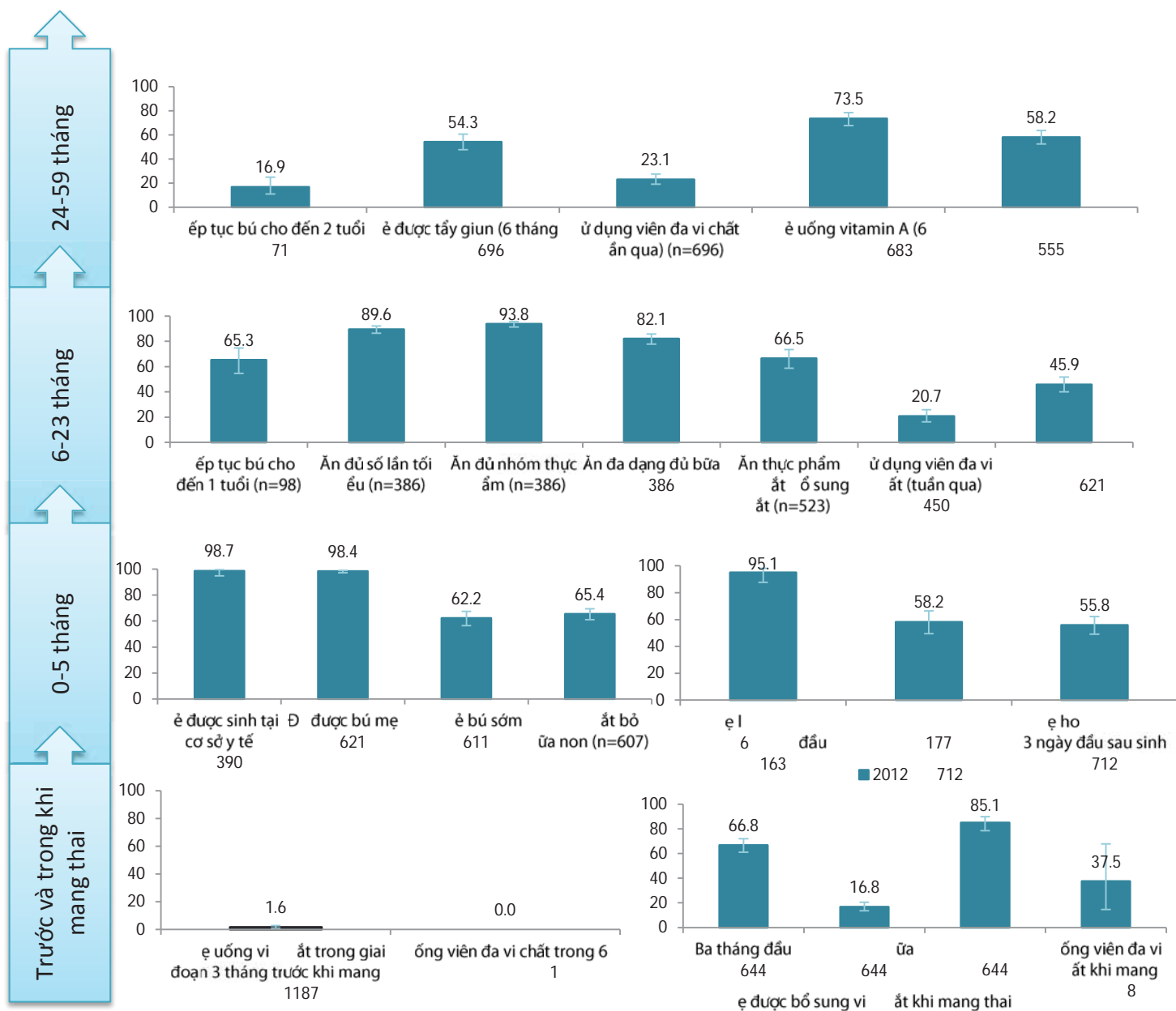
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



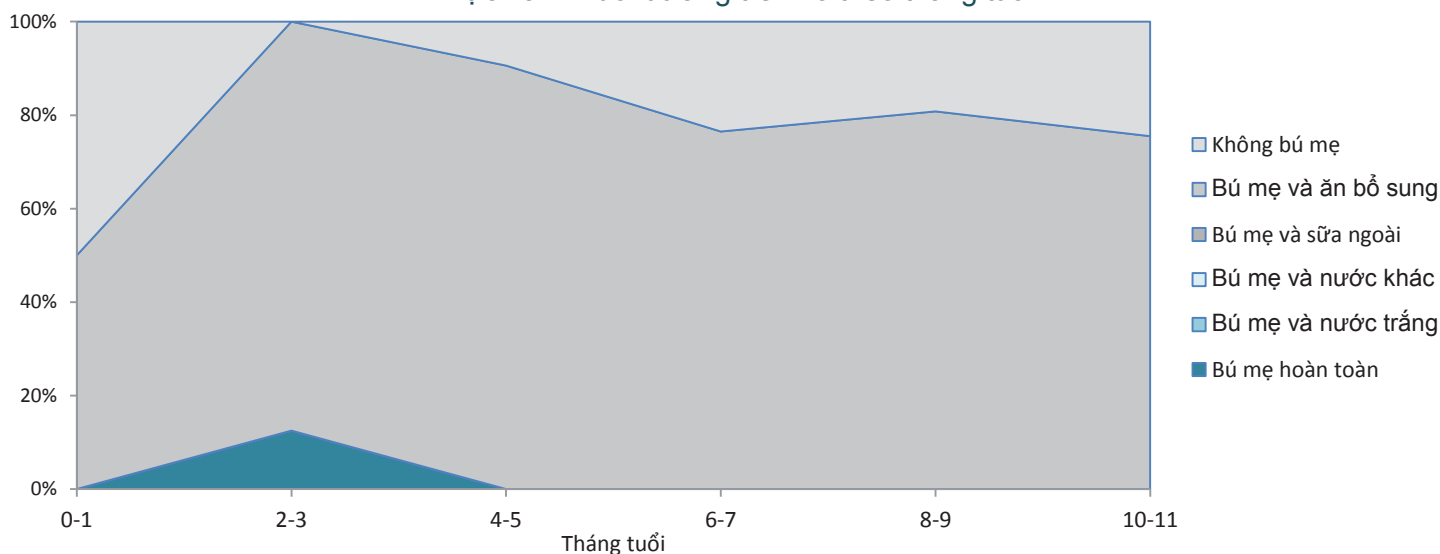
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. ng n

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

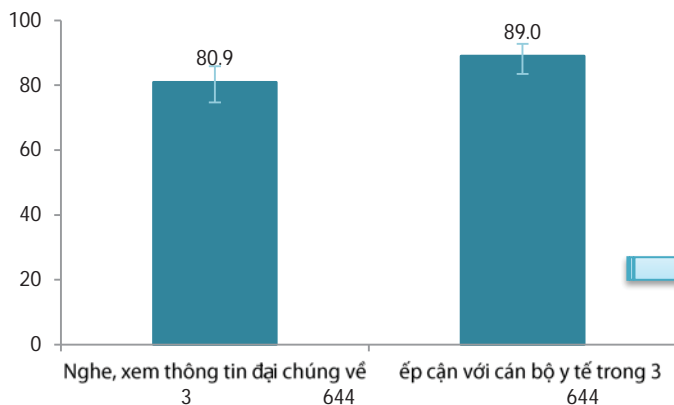


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

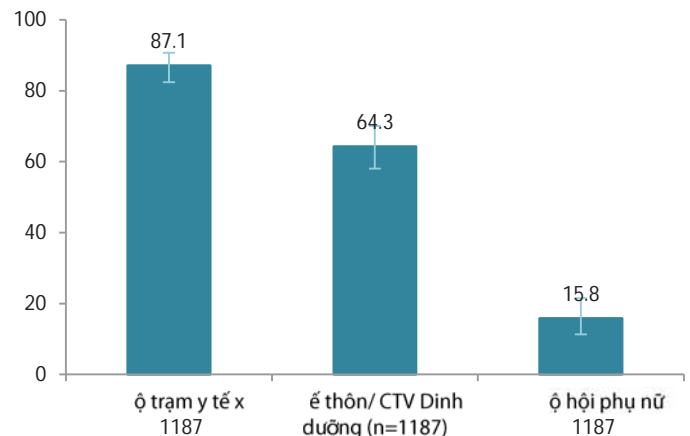
ng n

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

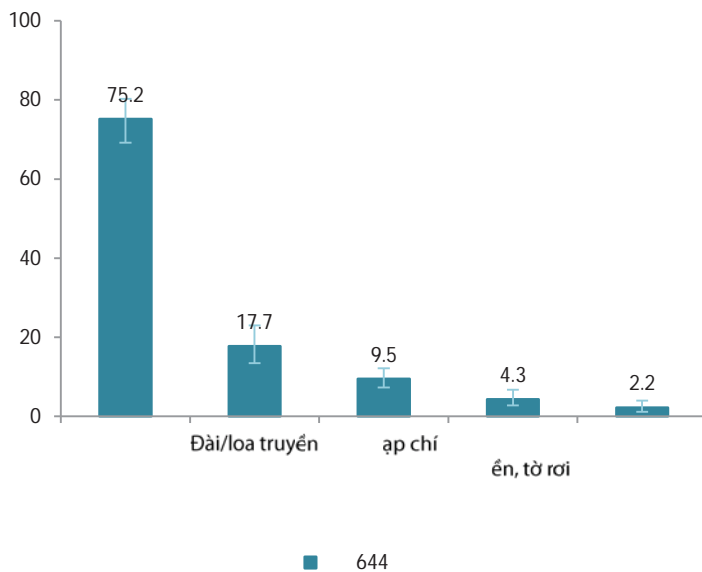
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



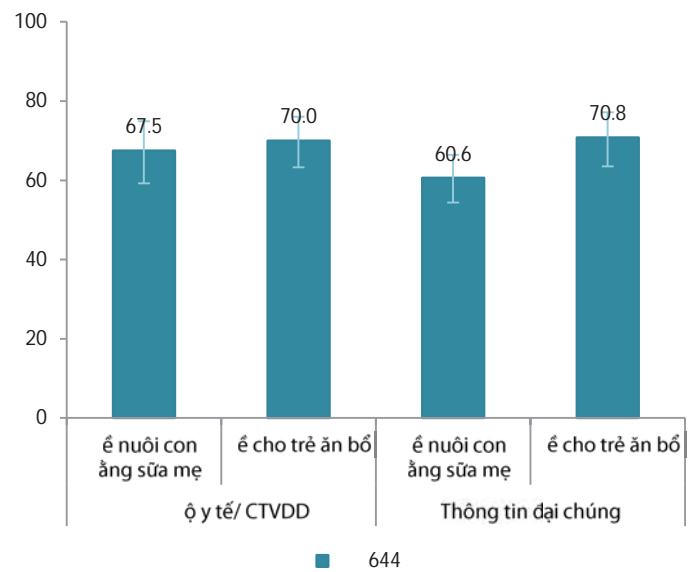
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



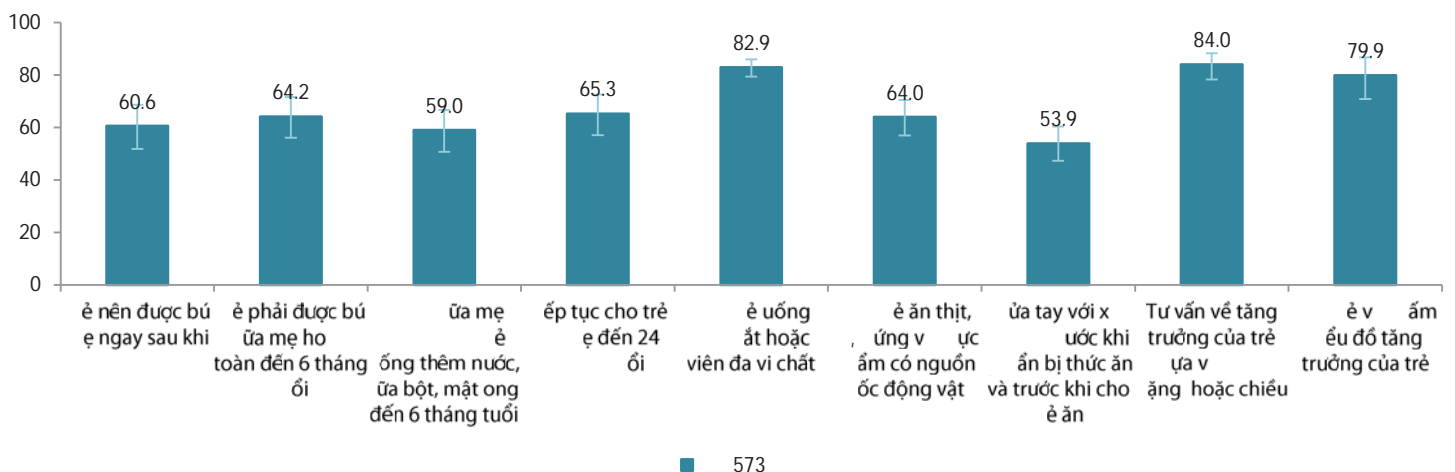
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Đồng Tháp

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 13.2%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 93.8% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 28%, nhẹ cân là 15% và gầy còm là 6.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.4%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 64.3%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 10.3% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 59.6%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 85.4%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 44.5%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 86%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

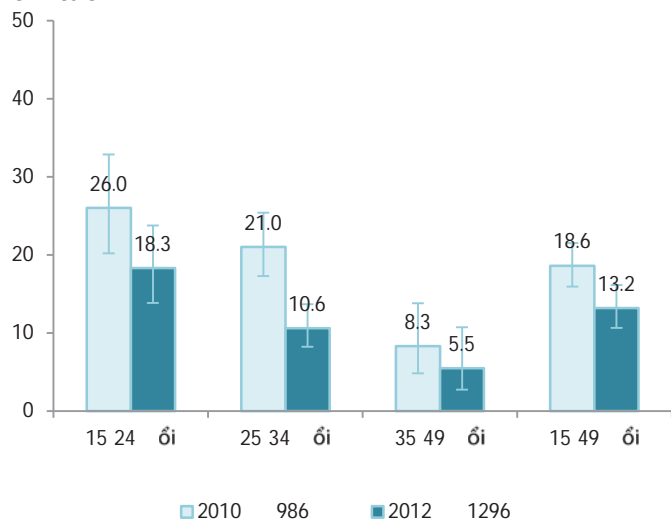
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 11 | Số bệnh viện | 15 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 144 | Số phòng khám đa khoa | |
| Số thôn/bản | 683 | Số trạm y tế xã | 146 |
| Dân số | 1,673,205 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 123,745 | Số bác sỹ | 799 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 50,859 | Số y sỹ | 1,068 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,389 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 0.2% | Số nữ hộ sinh | 495 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 12.9% | Số y tế thôn bản | 1,415 |

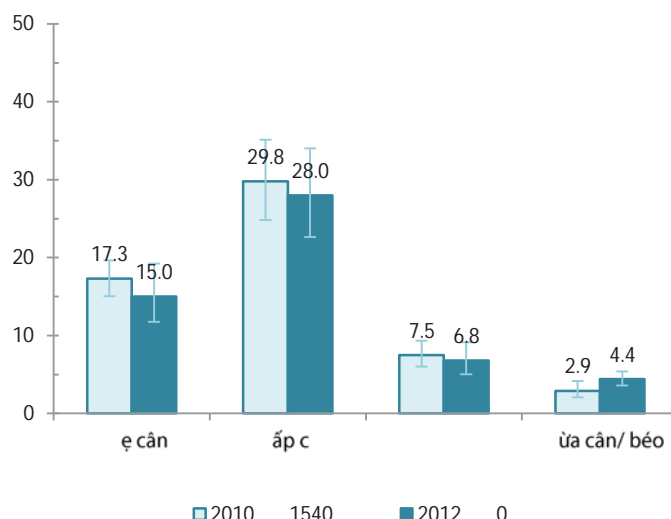
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

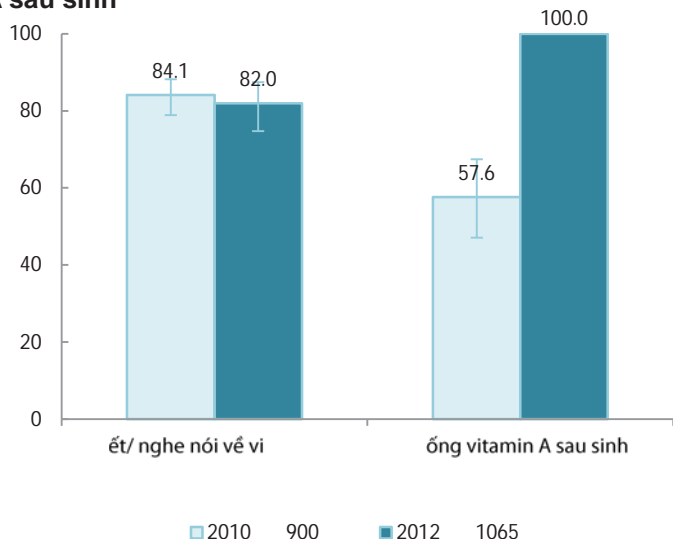
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



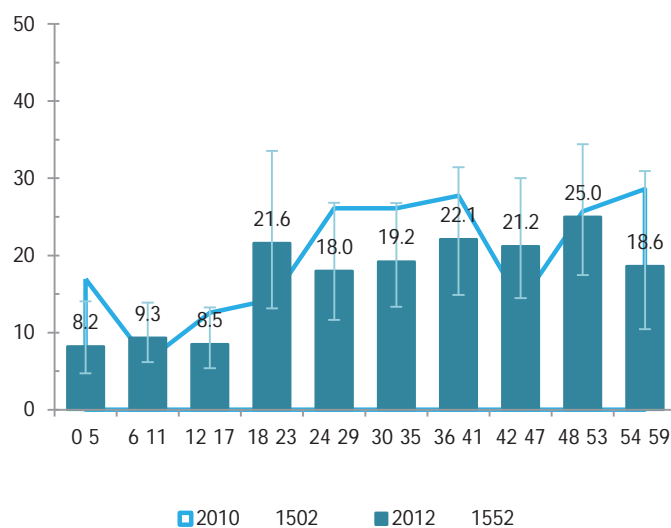
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



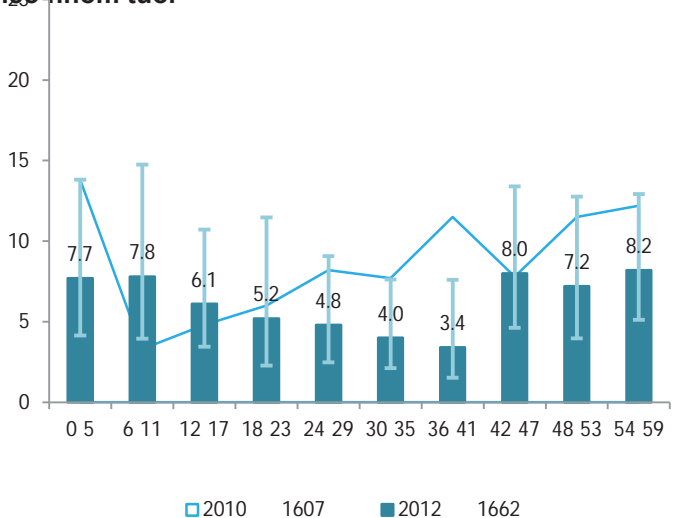
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



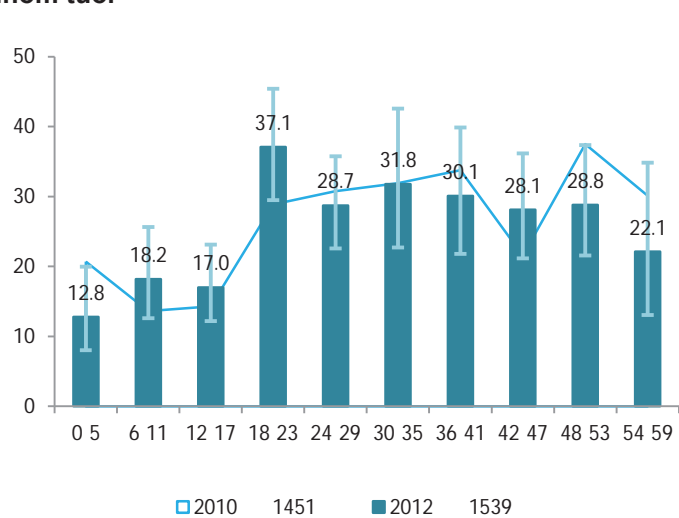
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



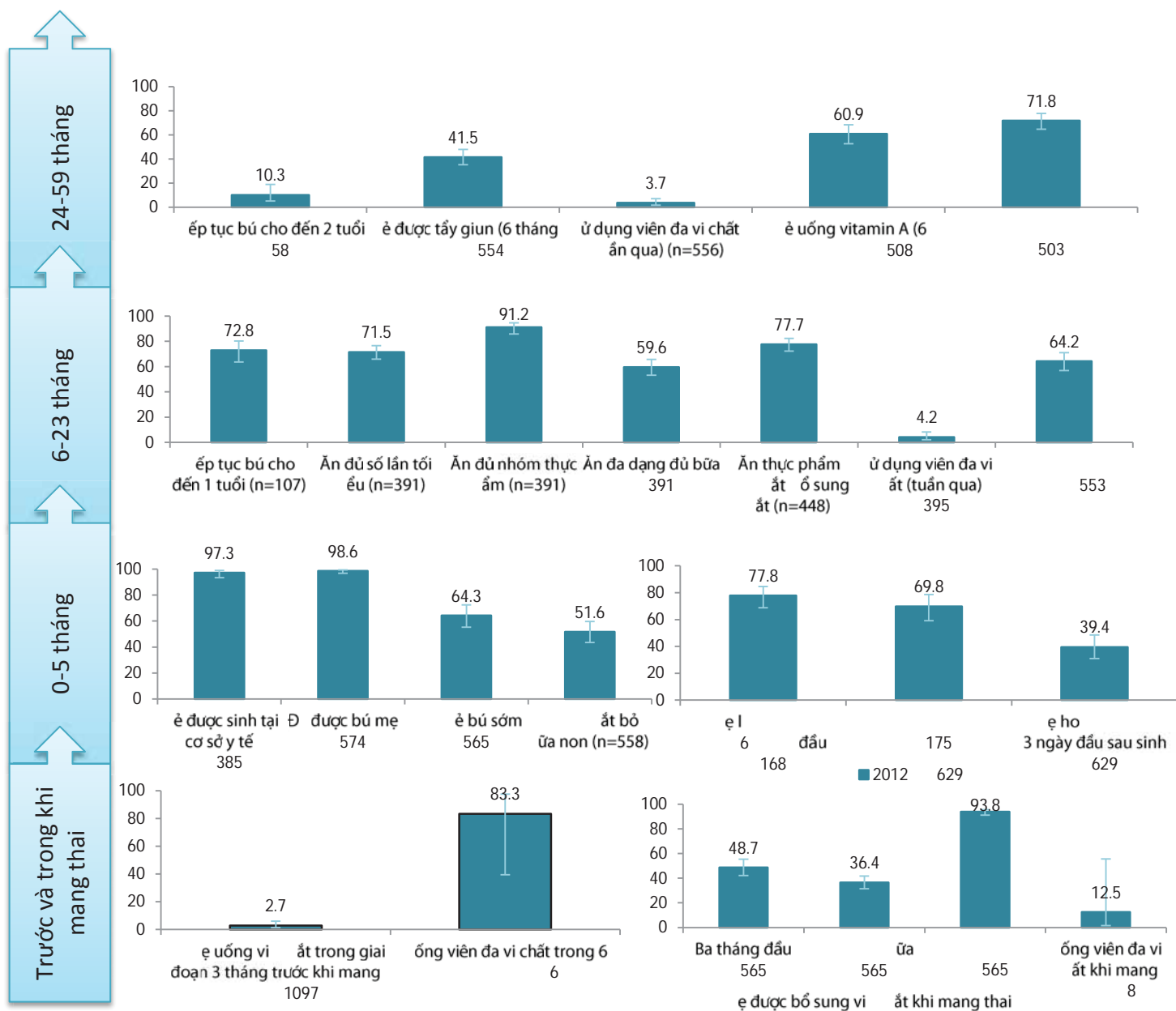
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



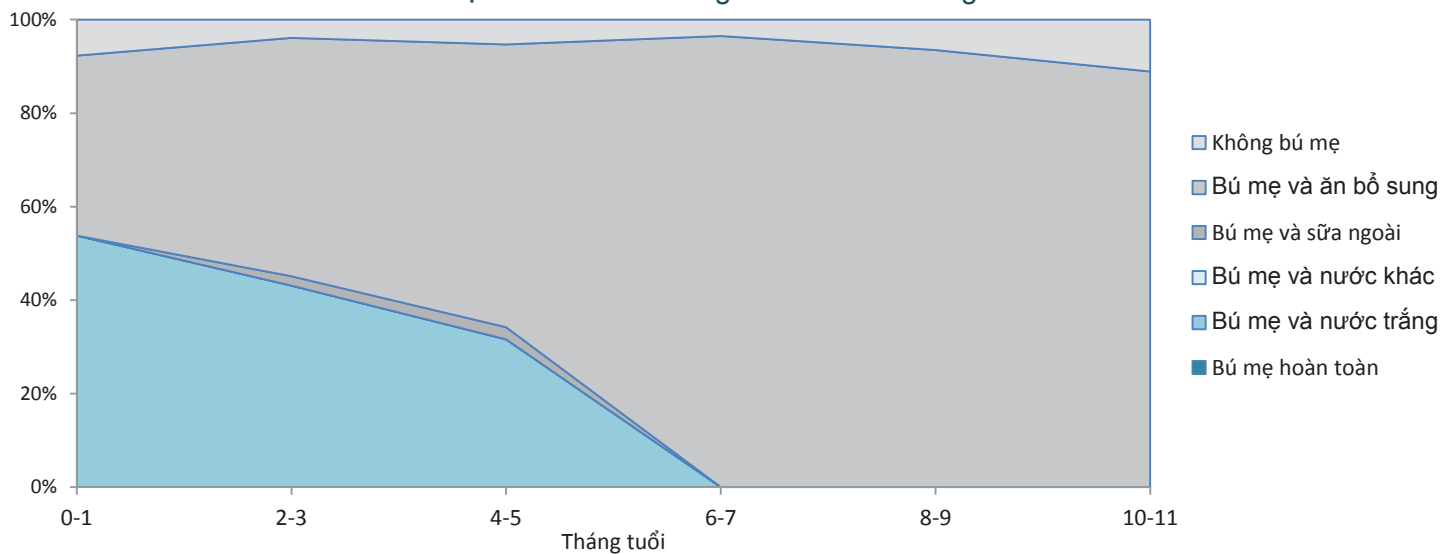
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



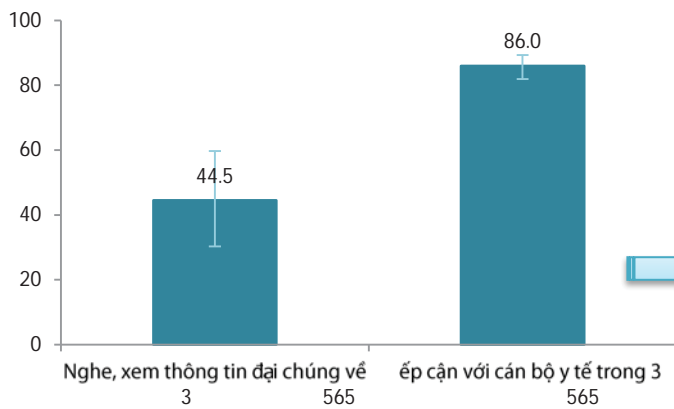
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



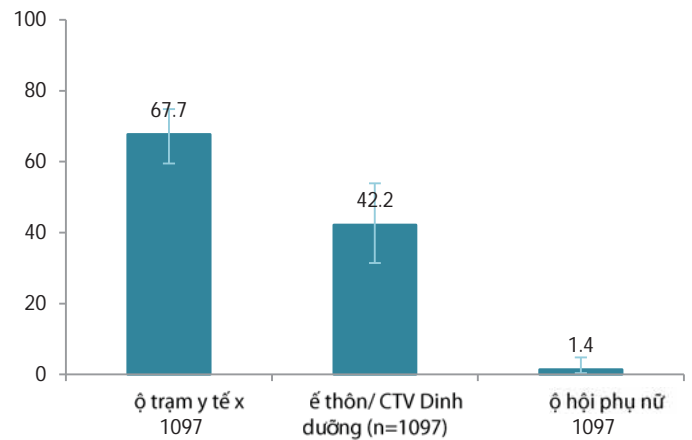
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Đồng Tháp

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

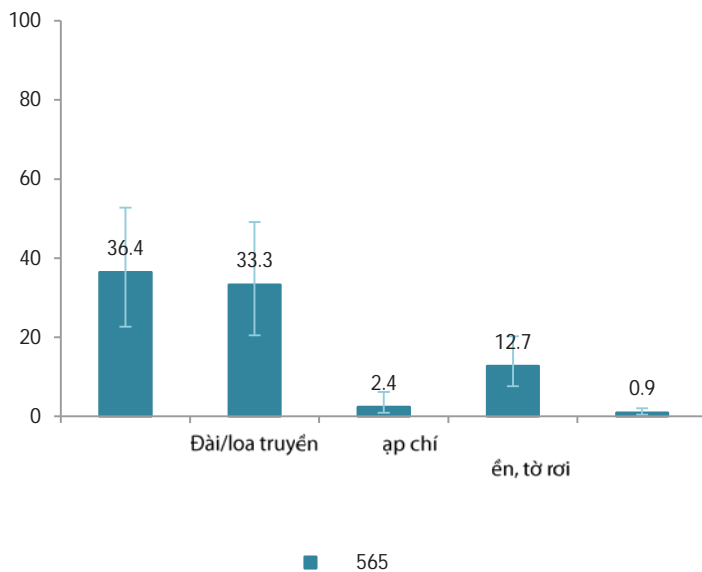
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



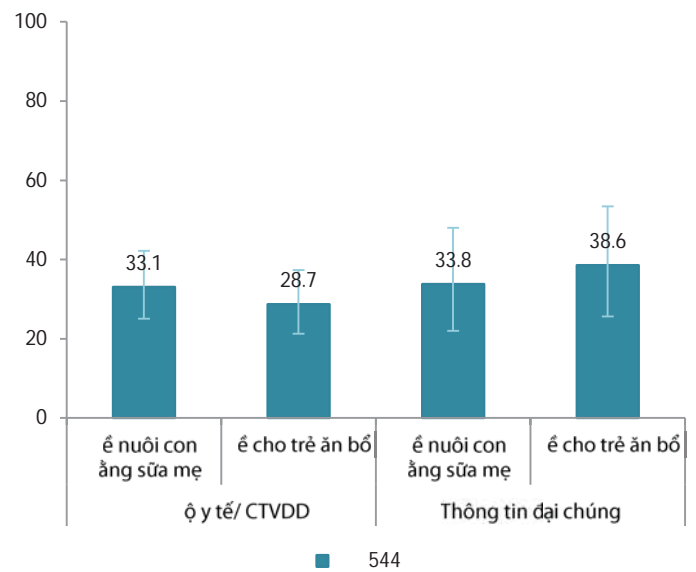
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



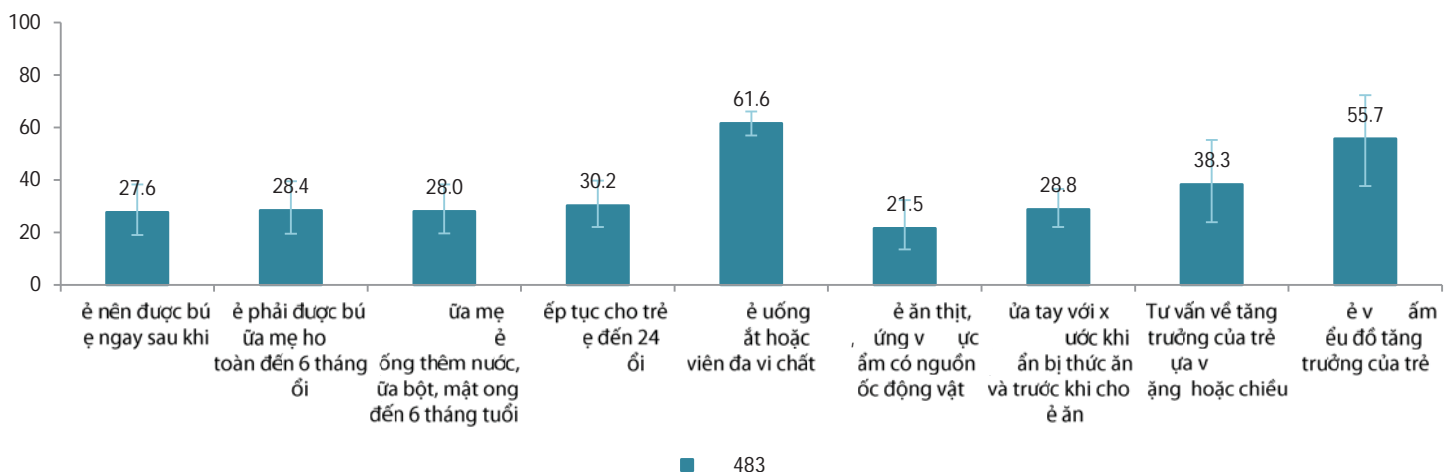
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn ($BMI < 18,5 \text{ kg/m}^2$) là 14.3%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 88.5% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 26%, nhẹ cân là 15.2% và gầy còm là 6.3%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.7%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 62.8%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 16.7% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 54.5%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 86.8%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 49.7%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 92.9%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

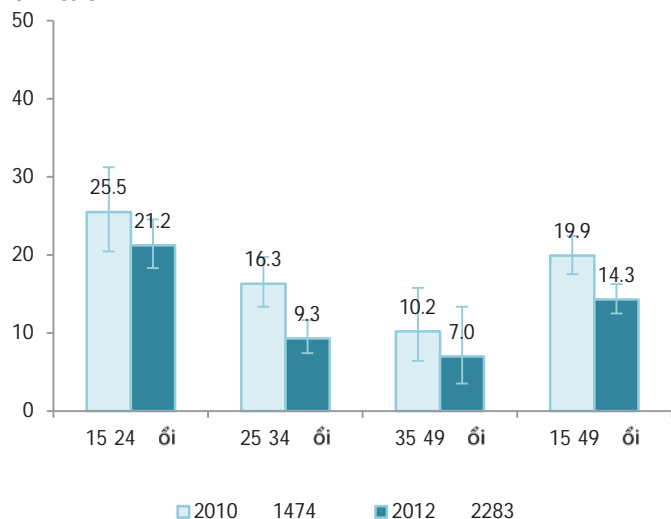
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 10 | Số bệnh viện | 15 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 156 | Số phòng khám đa khoa | 11 |
| Số thôn/bản | 852 | Số trạm y tế xã | 156 |
| Dân số | 2,150,594 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 181,083 | Số bác sỹ | 930 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 74,425 | Số y sỹ | 1,246 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,474 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 5.3% | Số nữ hộ sinh | 632 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 8.5% | Số y tế thôn bản | 852 |

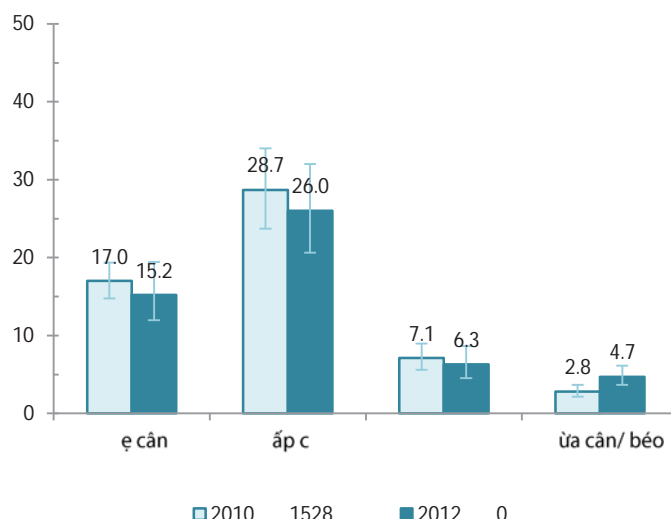
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

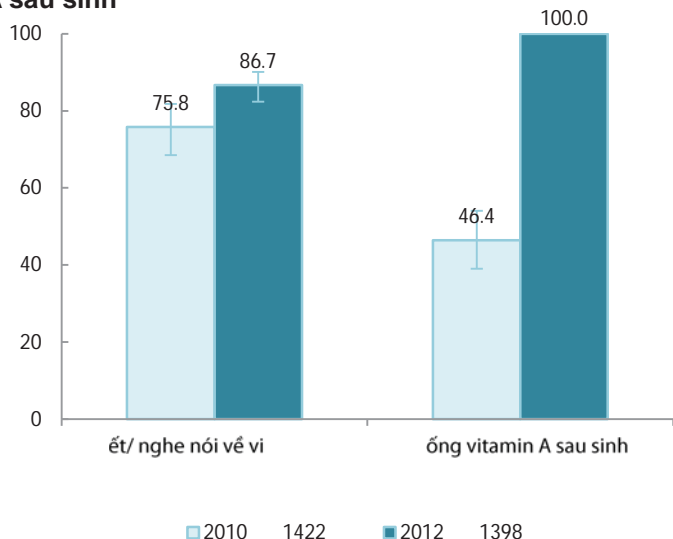
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



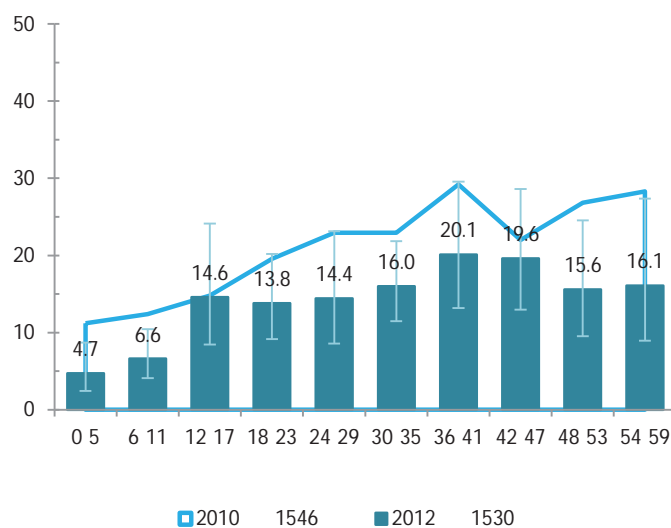
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



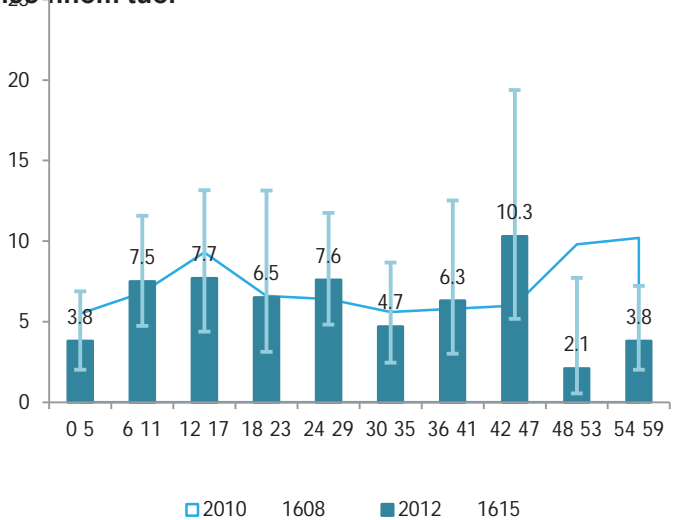
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



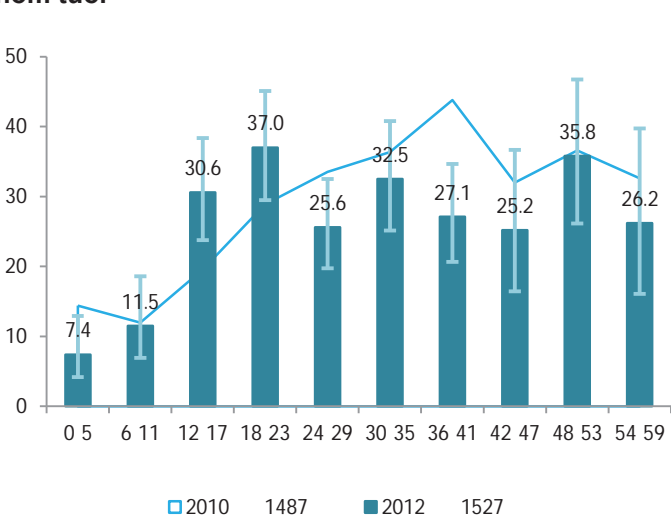
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



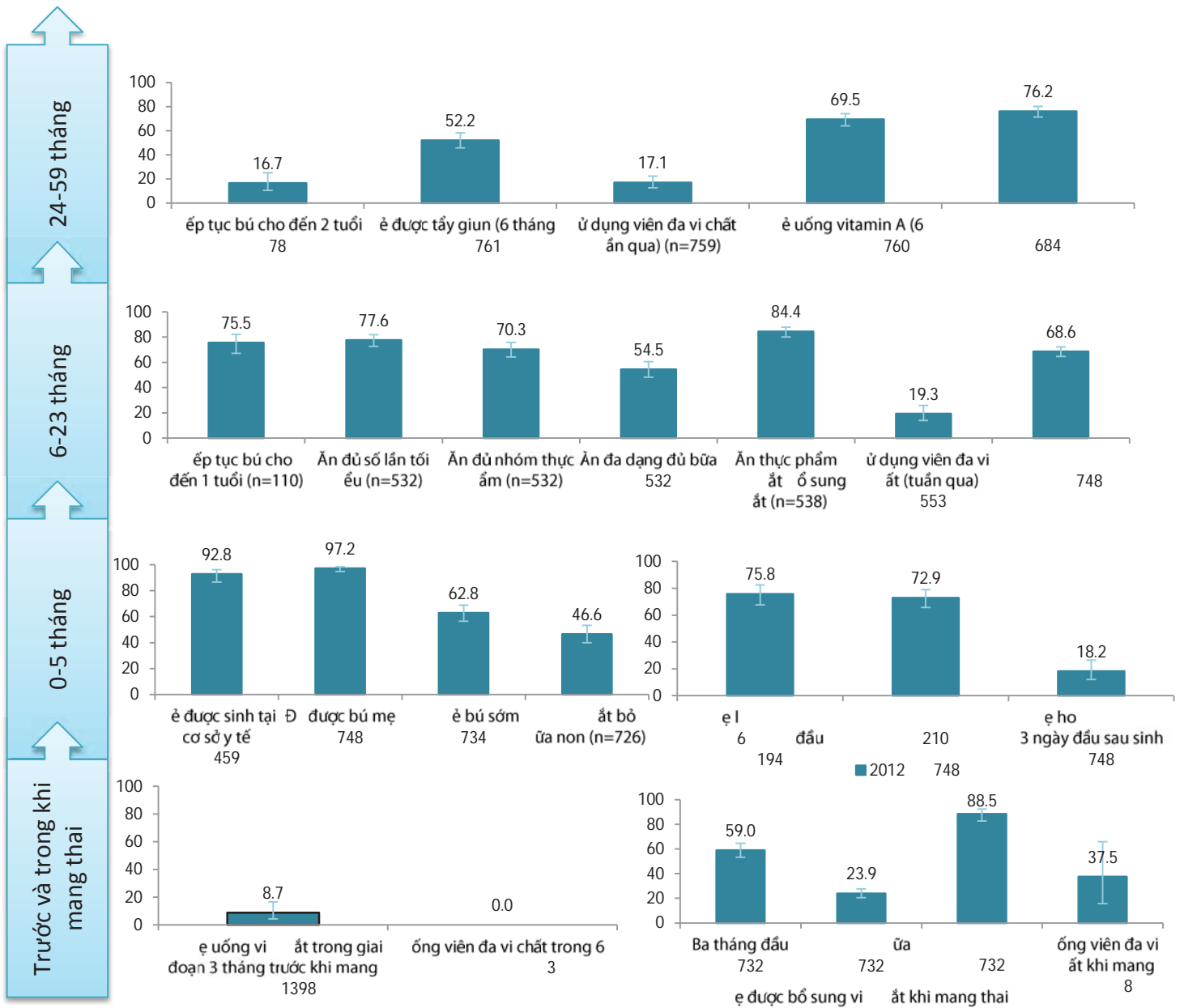
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



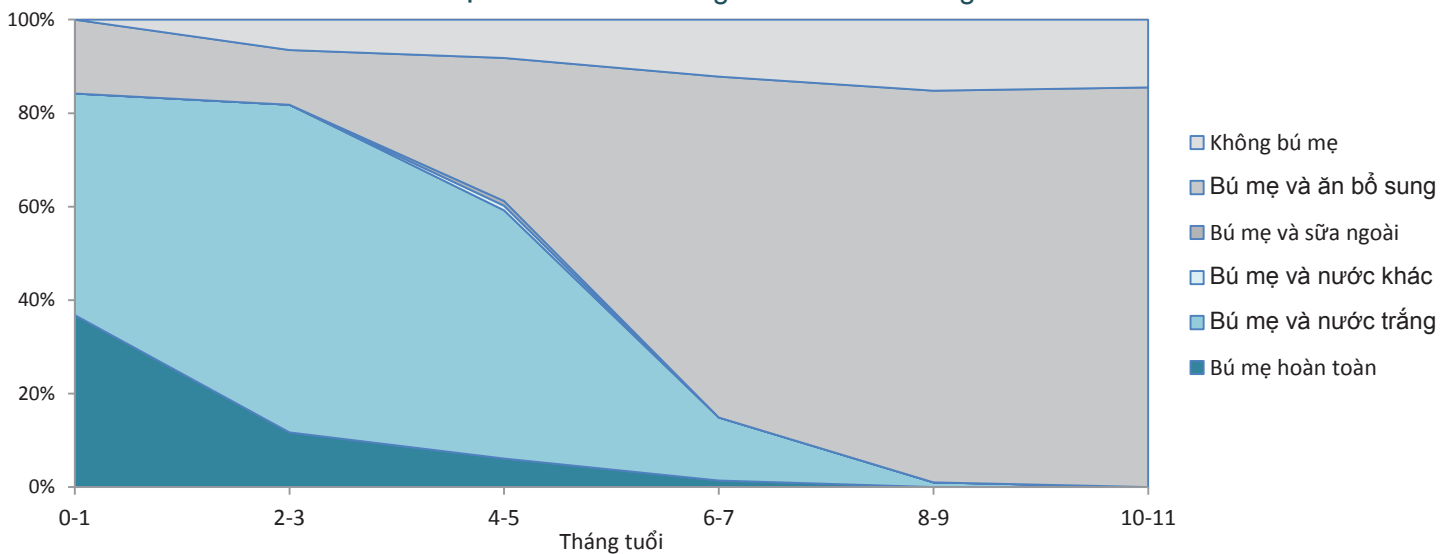
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. n ng

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

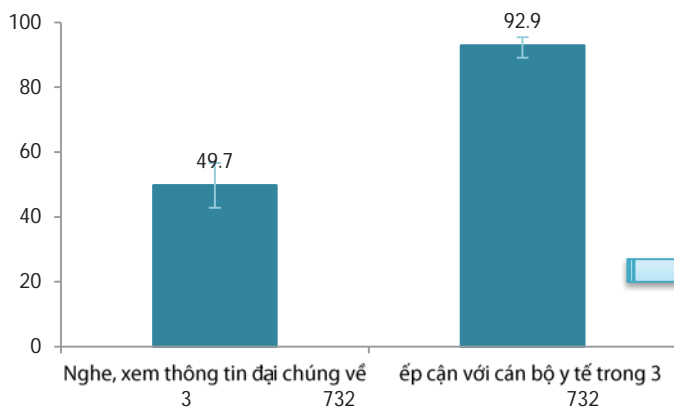


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

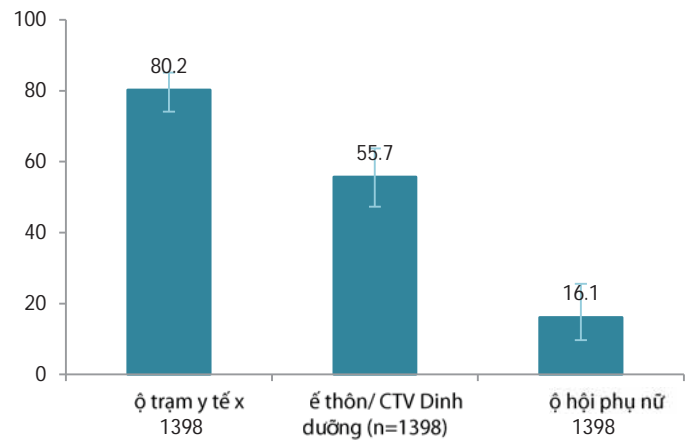
n ng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

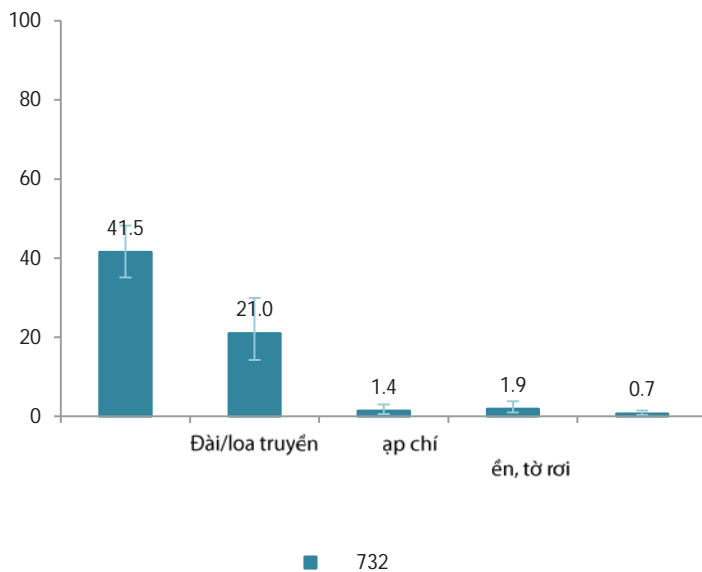
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



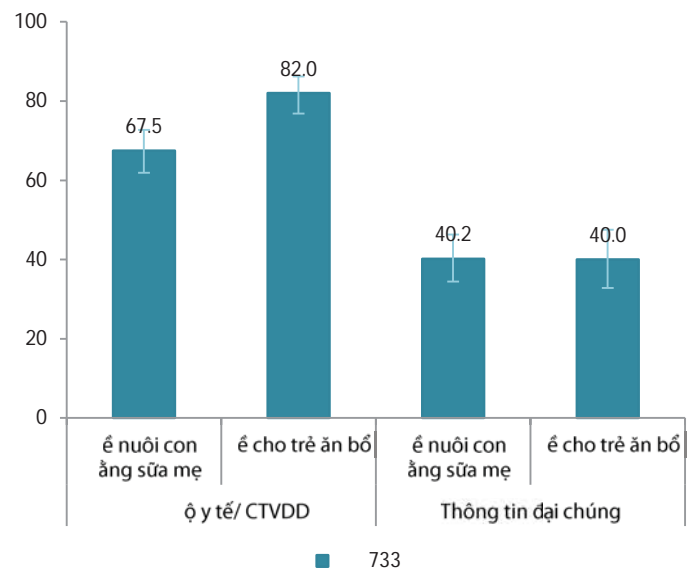
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



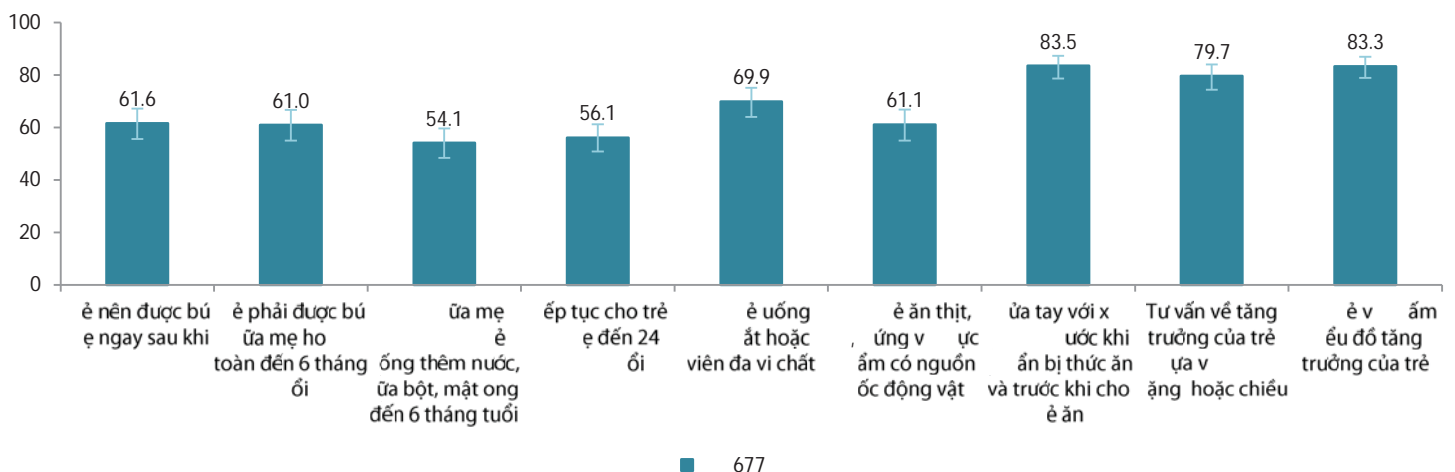
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Tiền Giang

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 17.7%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 99.1% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 26.4%, nhẹ cân là 13.9% và gầy còm là 6.9%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.2%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 56.6%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 10.7% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 81.3%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 81.6%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 60.5%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 77.2%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

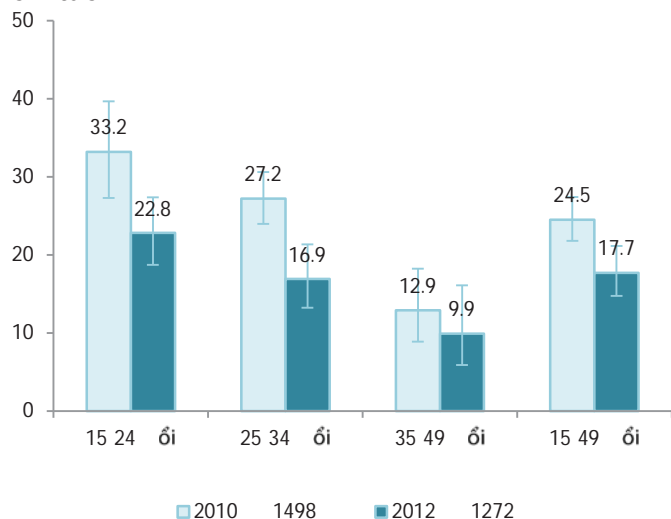
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 9 | Số bệnh viện | 11 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 169 | Số phòng khám đa khoa | 11 |
| Số thôn/bản | 1,009 | Số trạm y tế xã | 169 |
| Dân số | 1,679,902 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 118,696 | Số bác sỹ | 809 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 48,784 | Số y sỹ | 832 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,093 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 0.3% | Số nữ hộ sinh | 463 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 10.0% | Số y tế thôn bản | 1,181 |

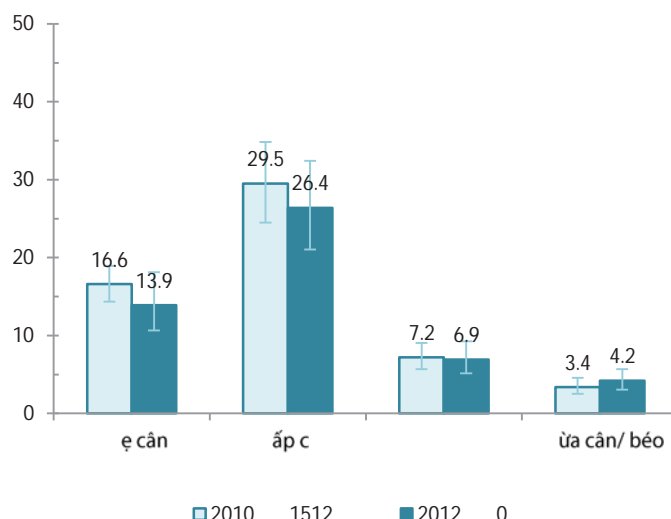
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

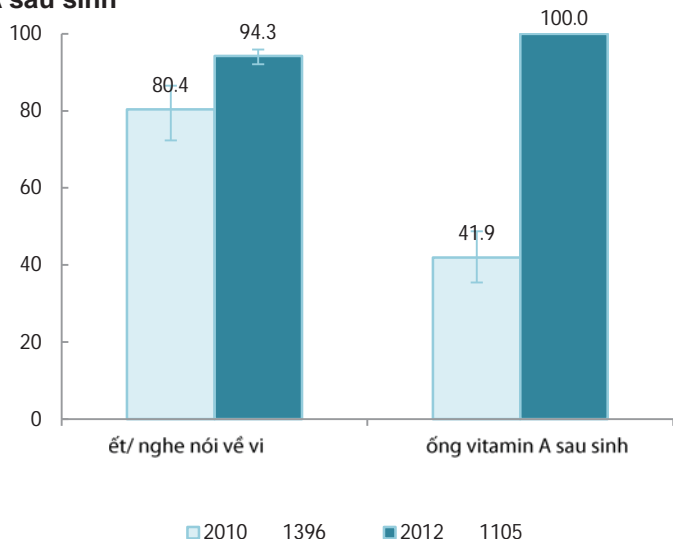
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



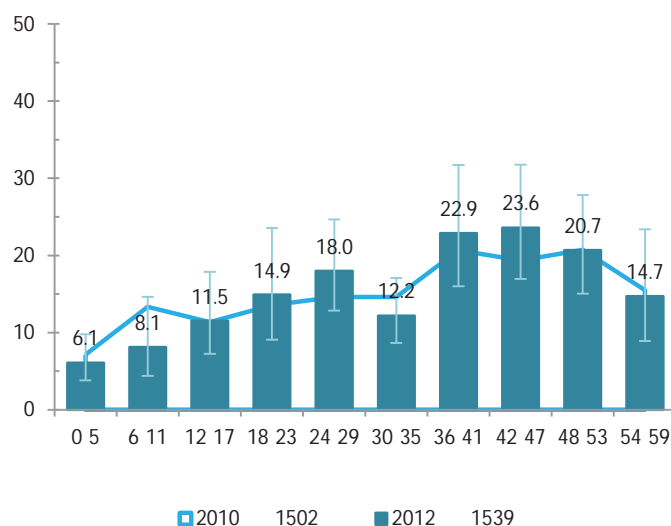
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



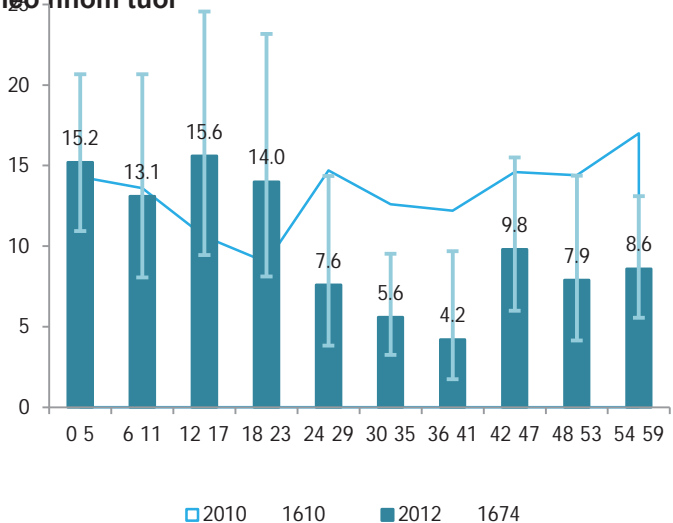
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



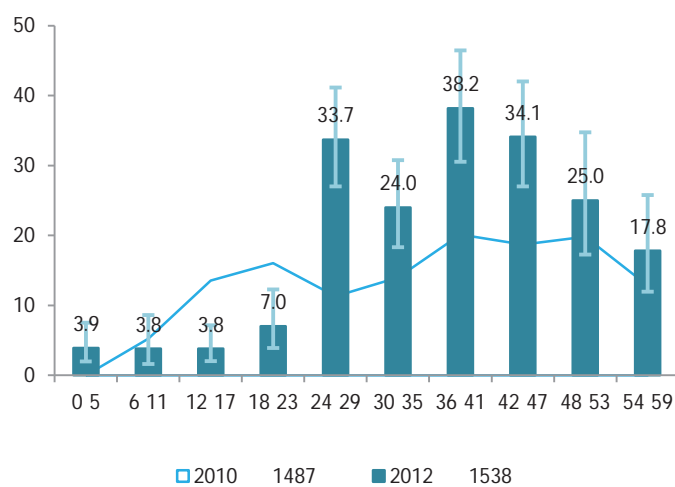
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



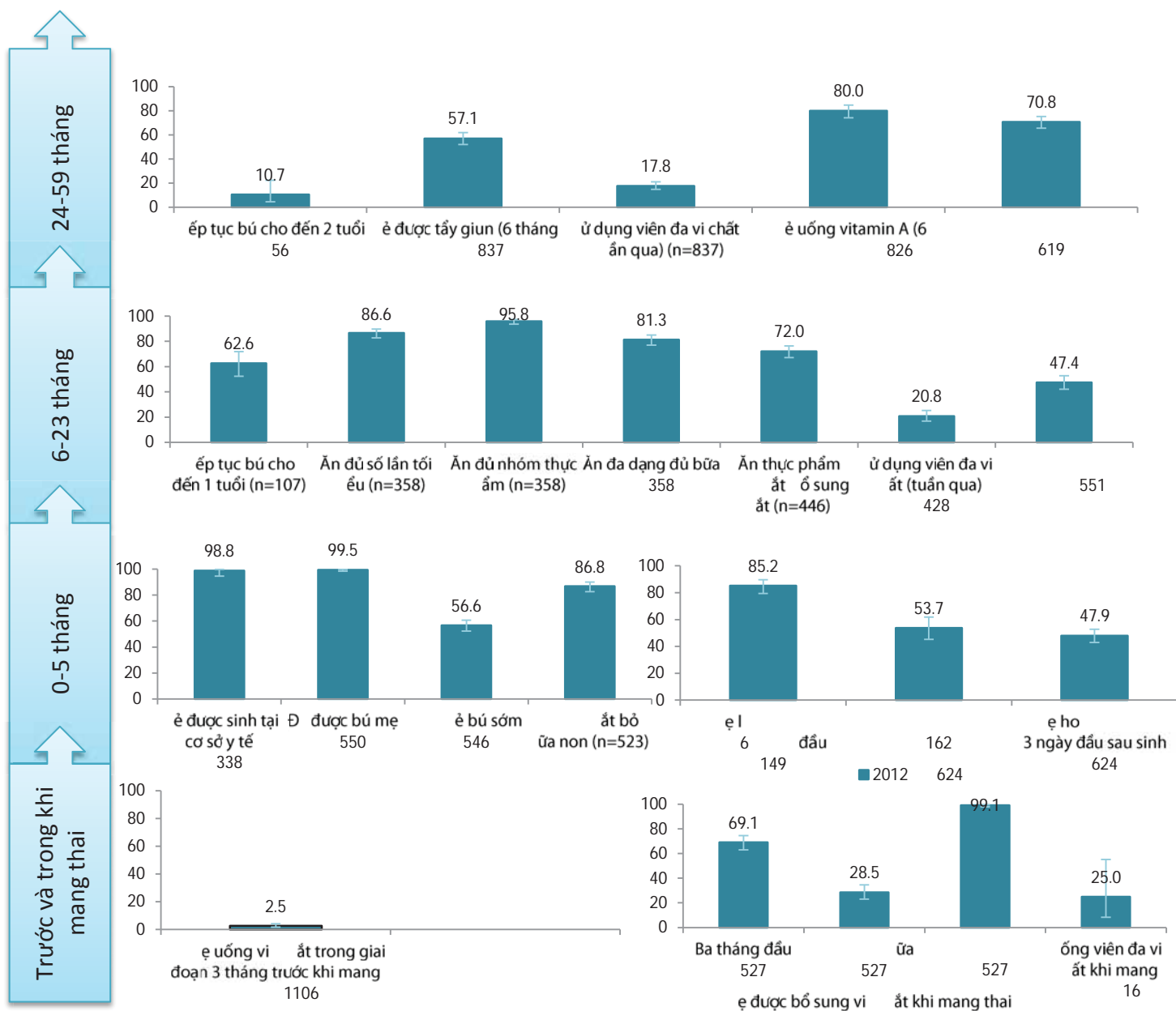
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



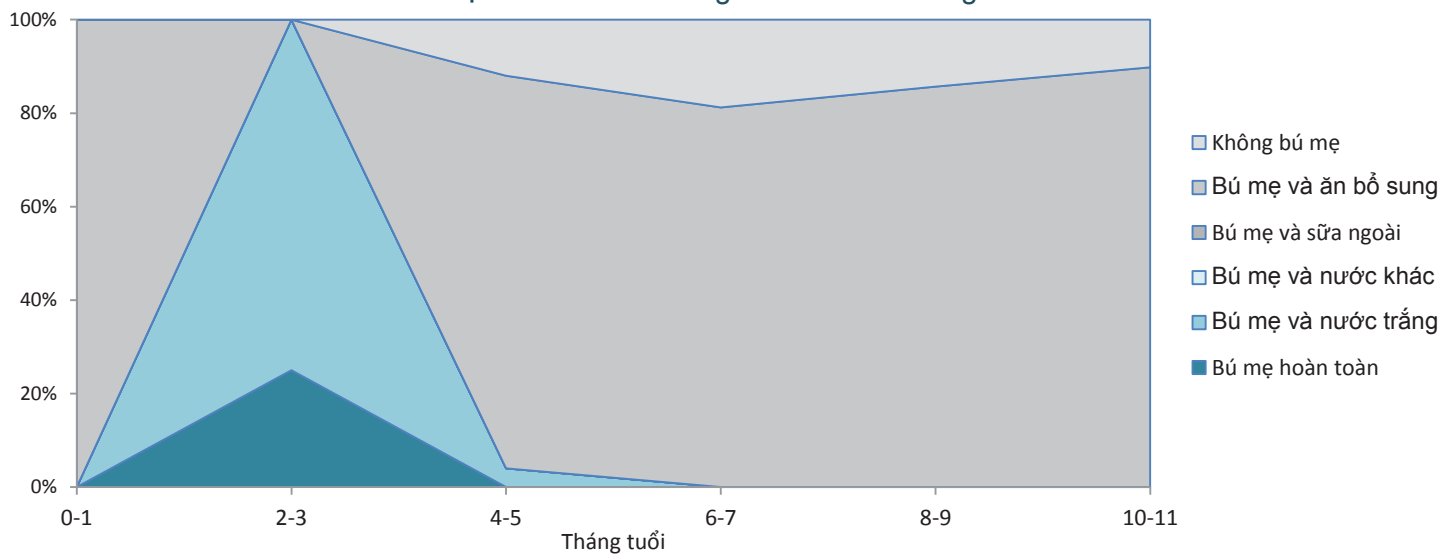
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



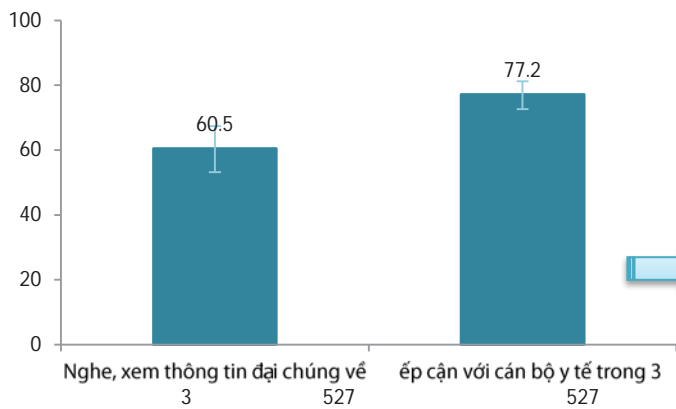
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



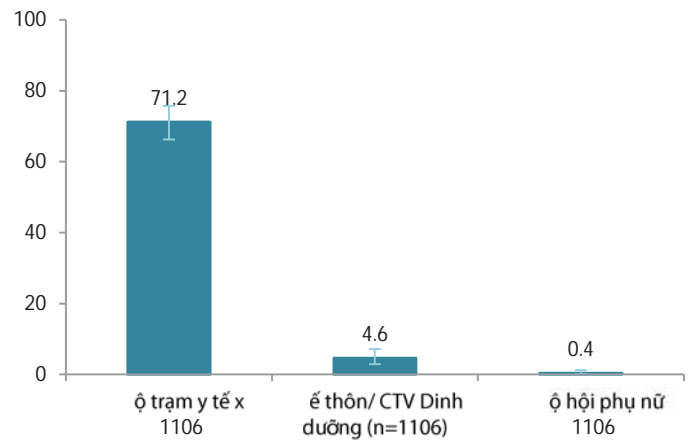
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Tiền Giang

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

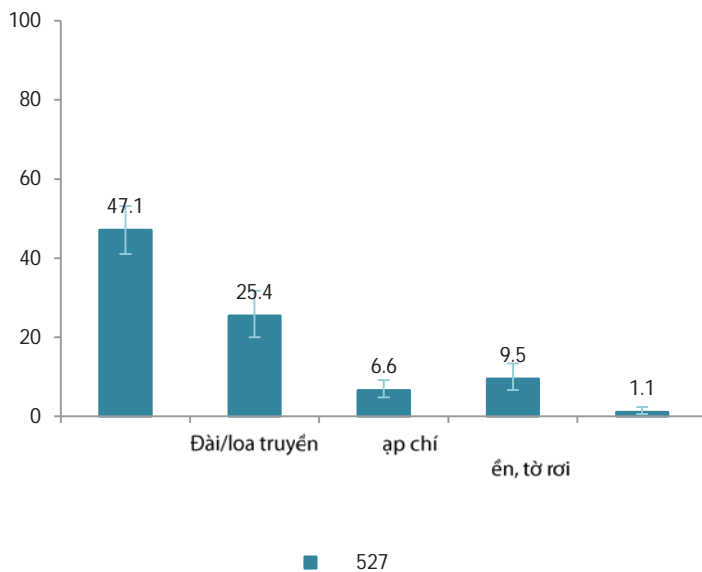
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



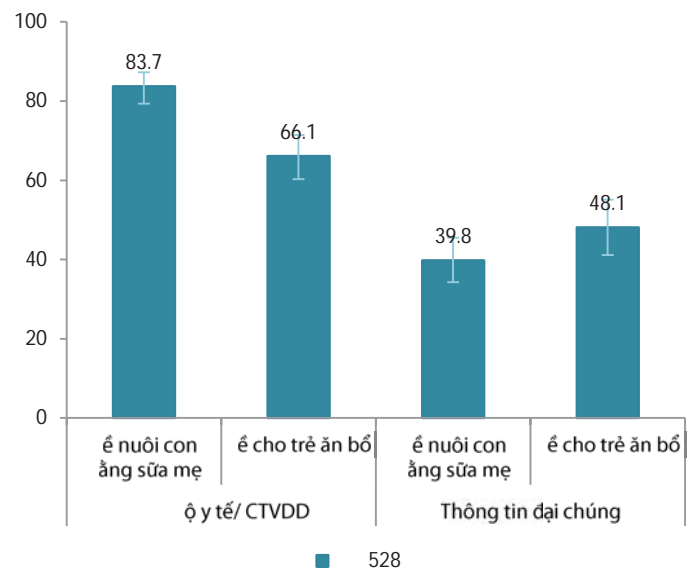
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



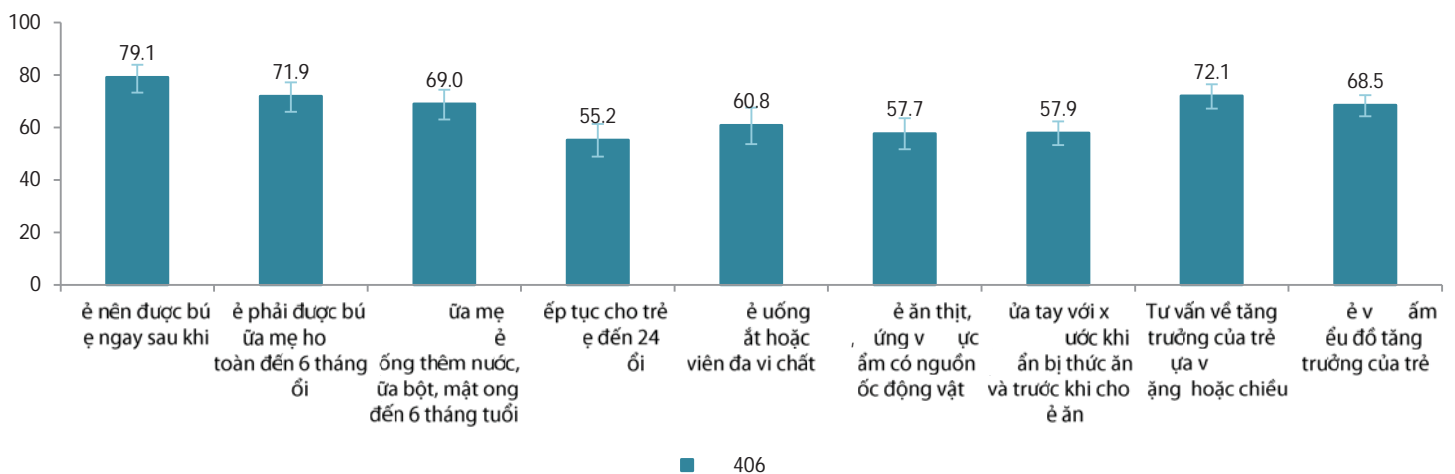
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Vĩnh Long

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn ($BMI < 18,5 \text{ kg/m}^2$) là 16.1%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 96.4% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 25.8%, nhẹ cân là 16.2% và gầy còm là 6.7%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.4%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 41.7%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 11.8% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 76.5%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 91.1%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 80%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 96.2%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

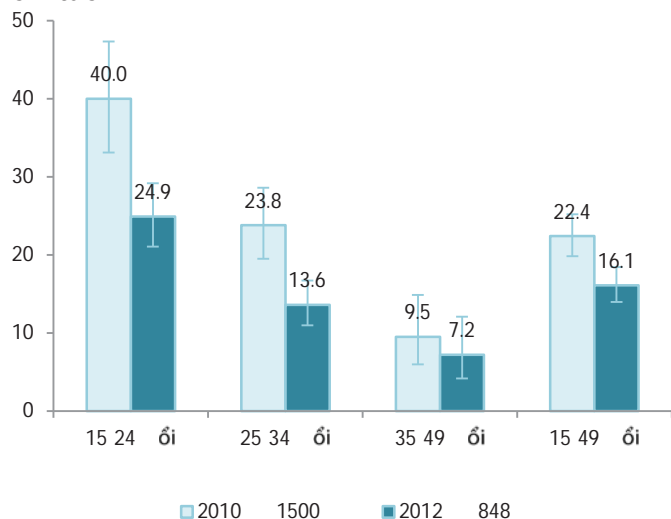
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 7 | Số bệnh viện | 9 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 107 | Số phòng khám đa khoa | 6 |
| Số thôn/bản | 842 | Số trạm y tế xã | 102 |
| Dân số | 1,027,468 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 69,899 | Số bác sỹ | 498 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 28,728 | Số y sỹ | 652 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 576 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 2.6% | Số nữ hộ sinh | 317 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 9.2% | Số y tế thôn bản | 802 |

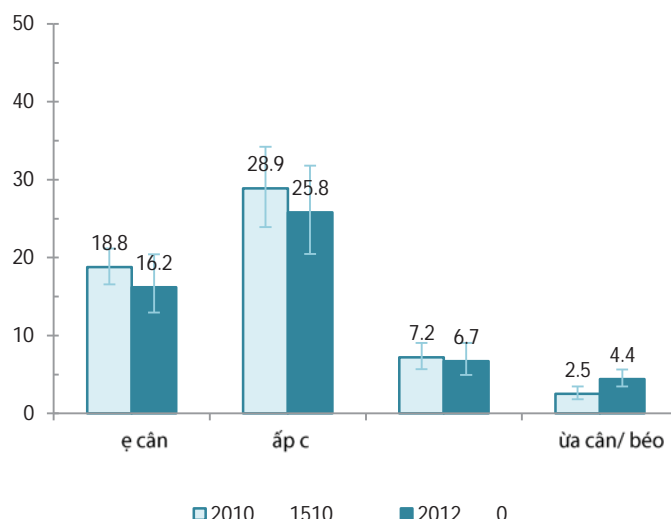
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

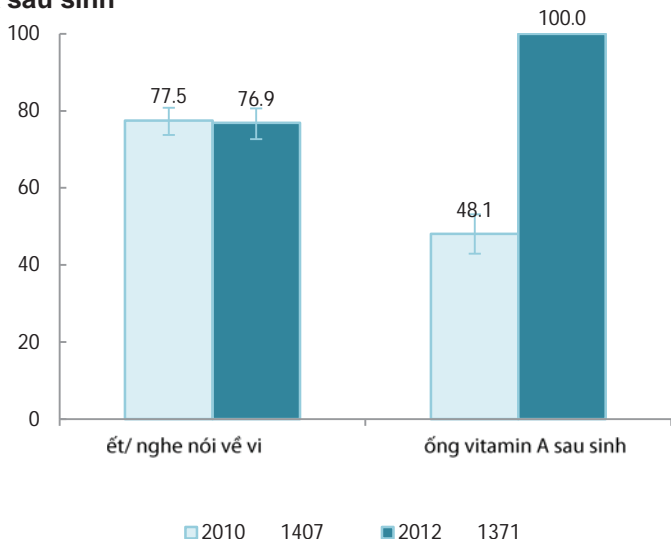
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



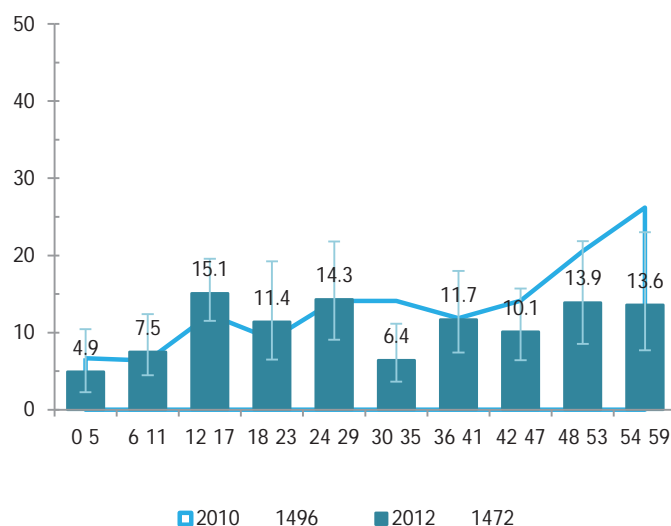
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



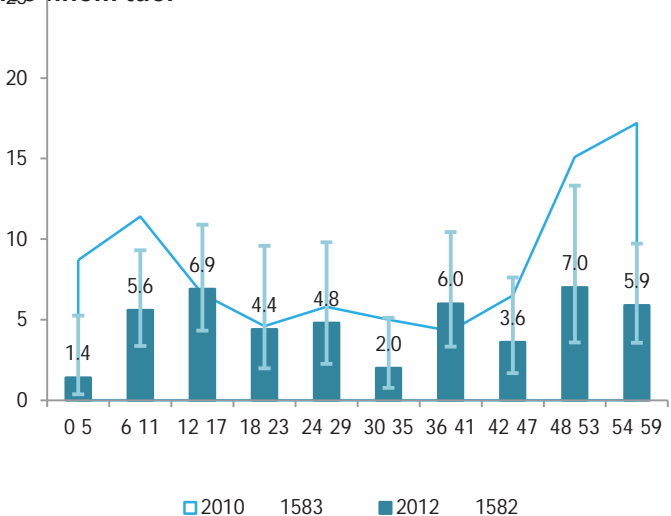
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



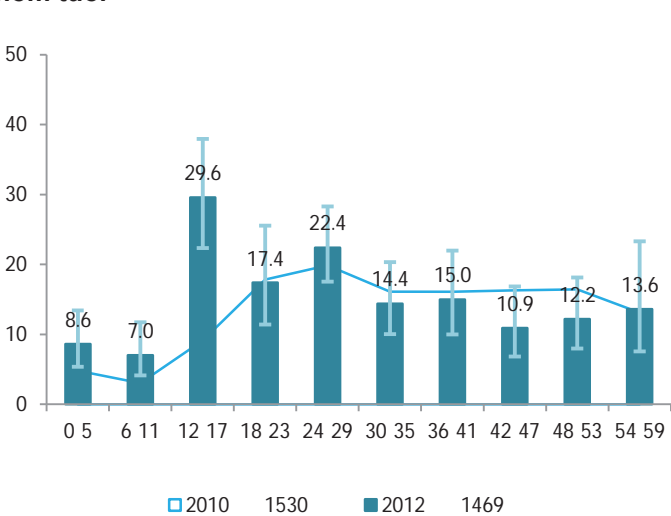
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



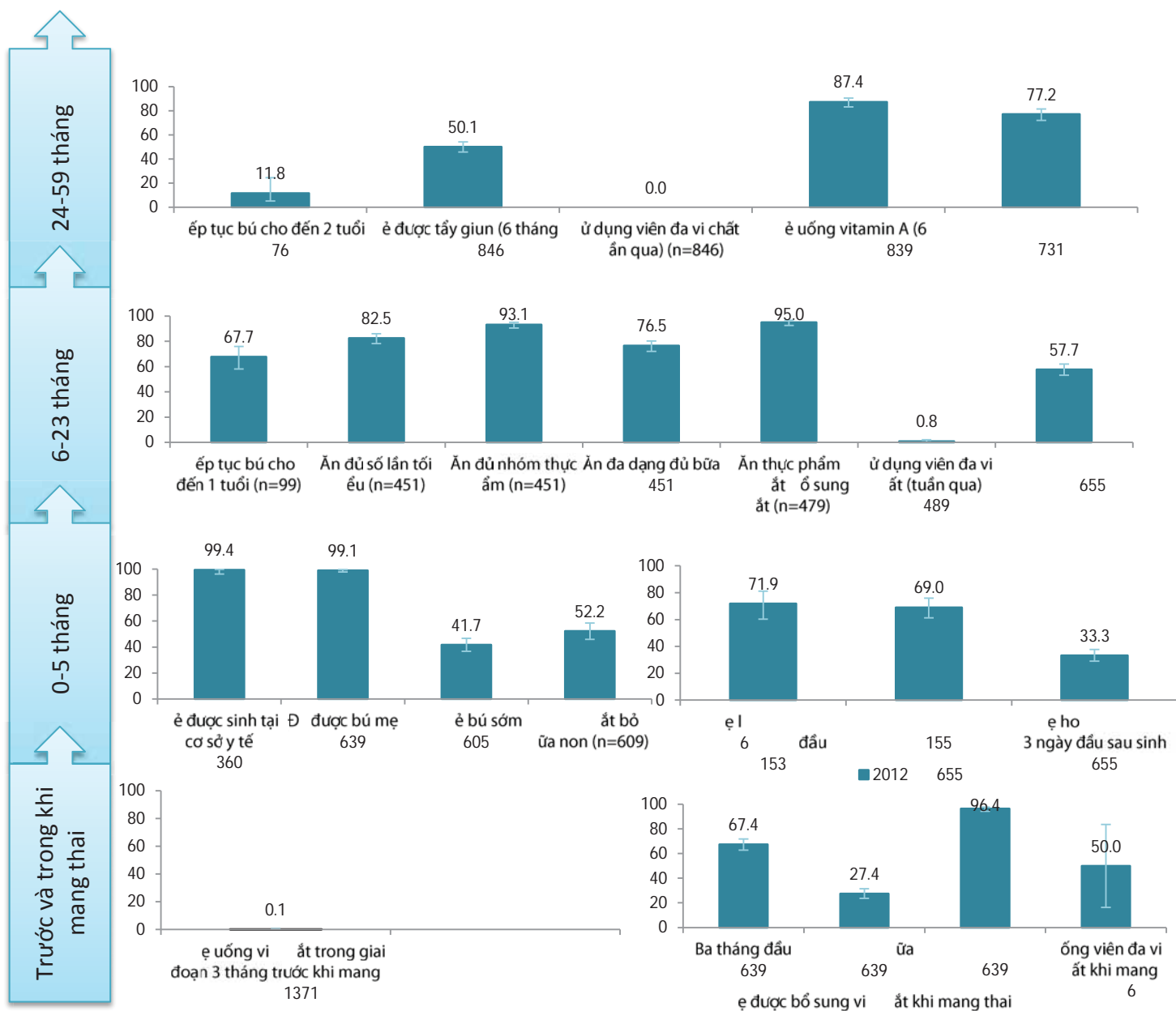
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



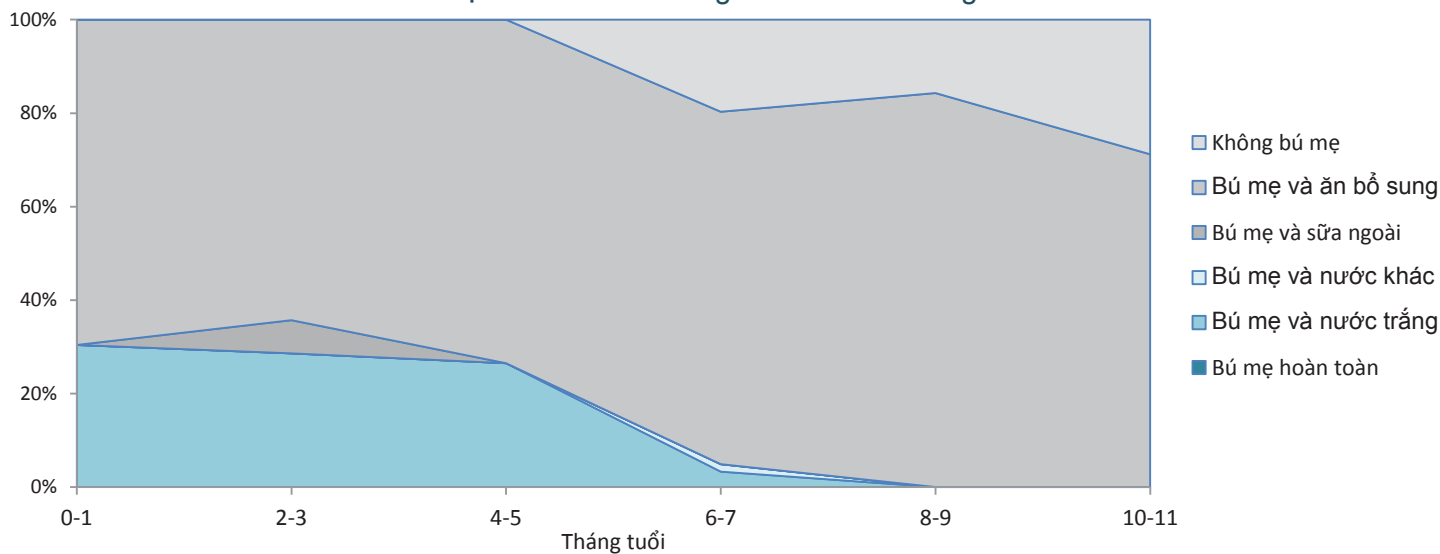
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



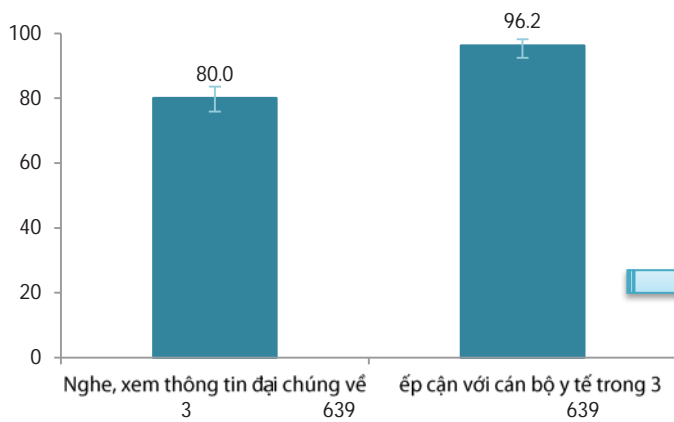
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



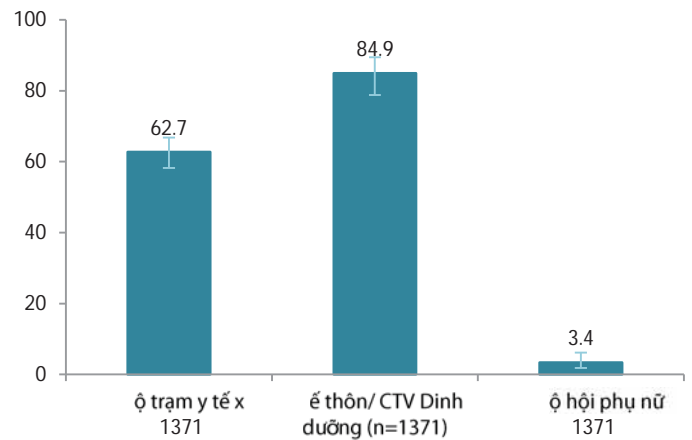
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Vinh Long

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

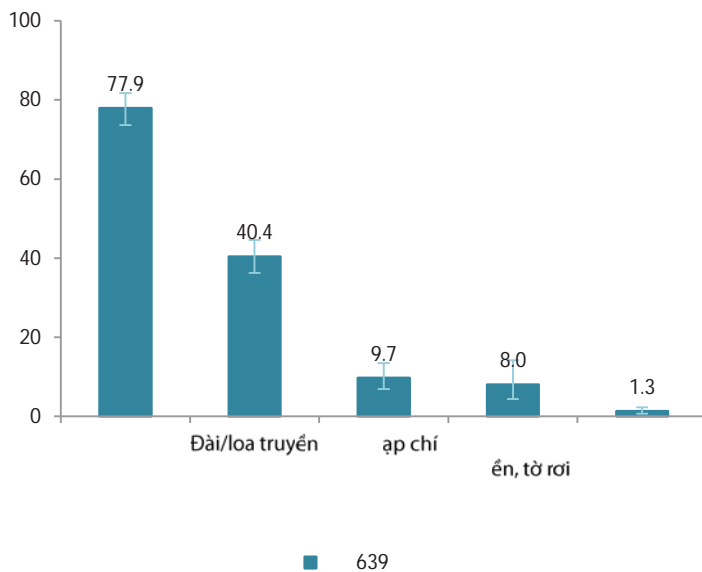
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



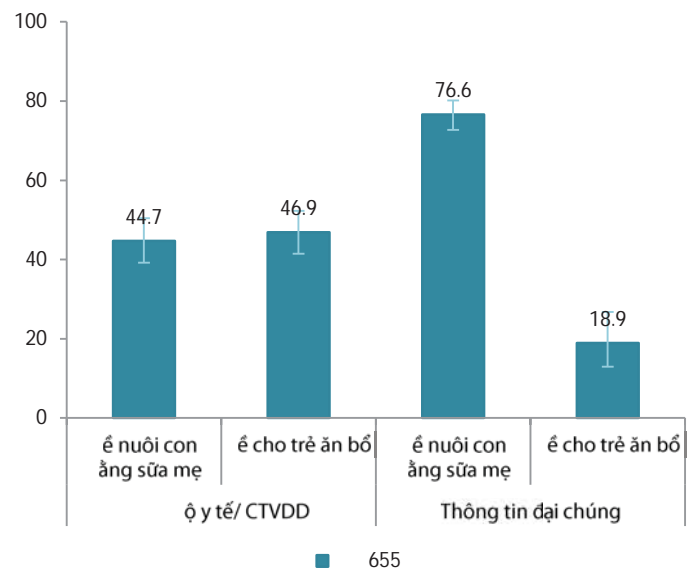
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



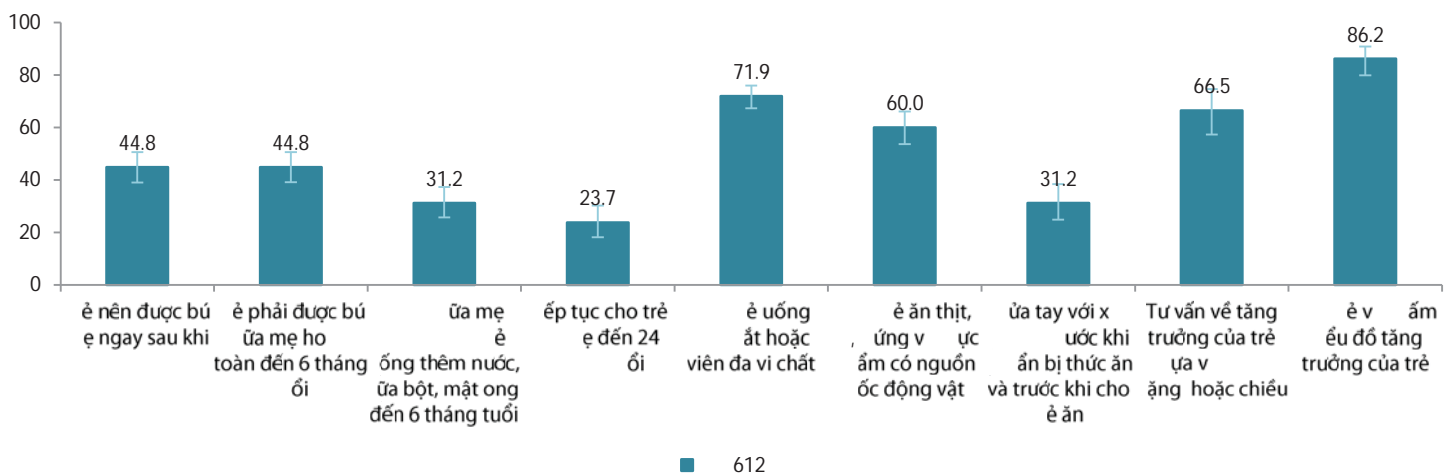
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Bến Tre

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 16.5%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 96.9% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 98.9%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 24.2%, nhẹ cân là 13.9% và gầy còm là 6.7%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 7.5%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 45.8%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 15.1% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 78.9%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 90.6%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 58.2%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 94.8%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

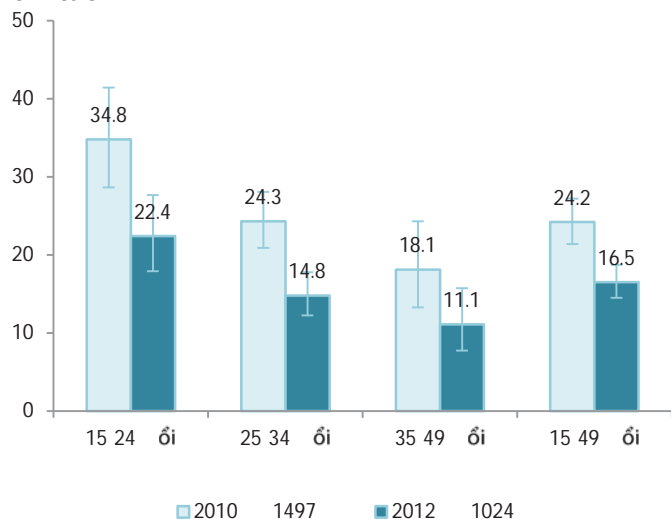
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 8 | Số bệnh viện | 11 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 164 | Số phòng khám đa khoa | 8 |
| Số thôn/bản | 996 | Số trạm y tế xã | 164 |
| Dân số | 1,257,210 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 77,724 | Số bác sỹ | 980 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 31,945 | Số y sỹ | 749 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 795 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 0.4% | Số nữ hộ sinh | 293 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 14.1% | Số y tế thôn bản | 842 |

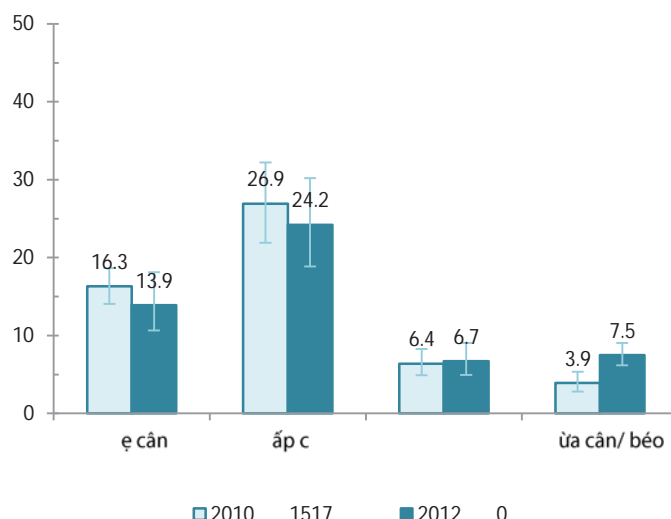
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

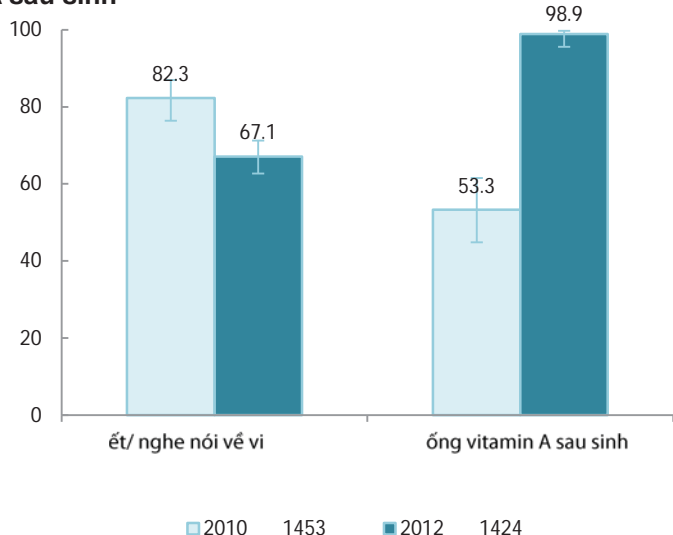
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



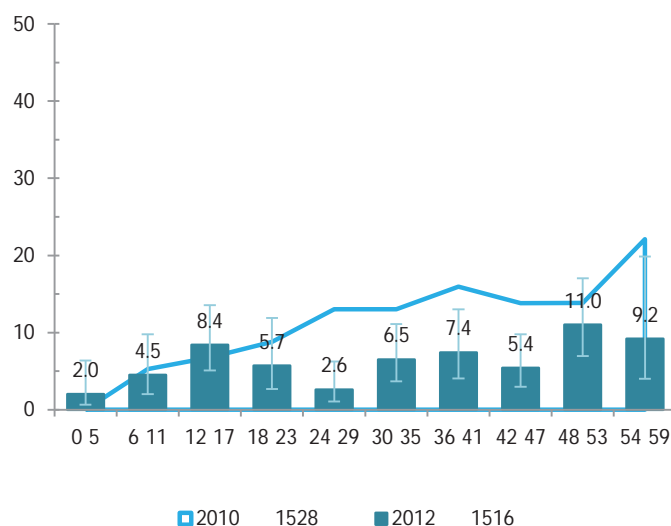
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



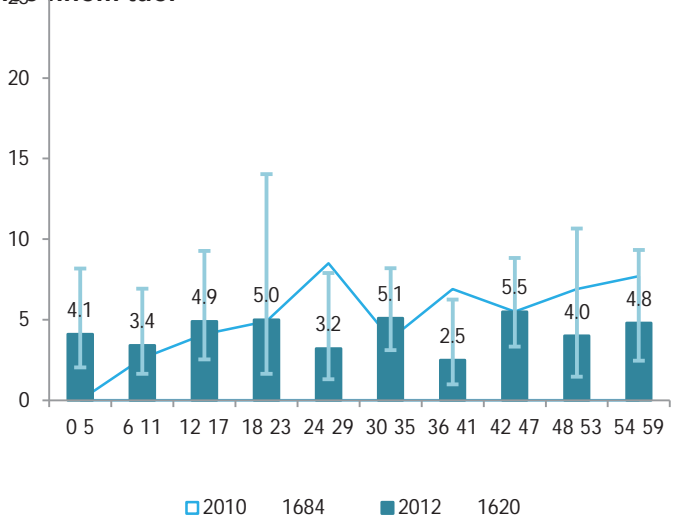
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



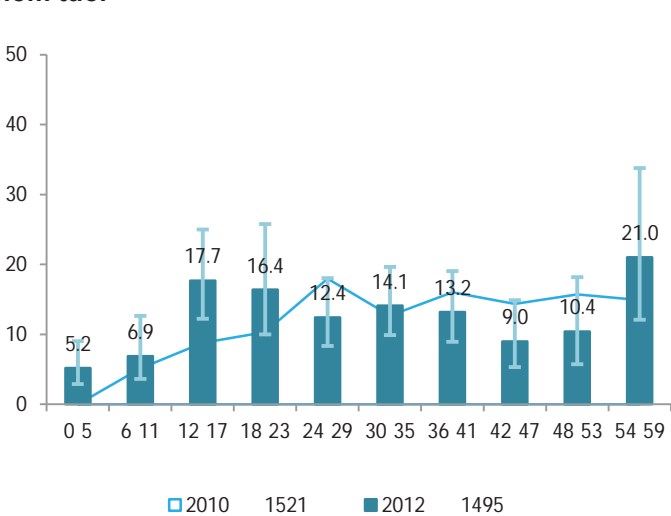
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



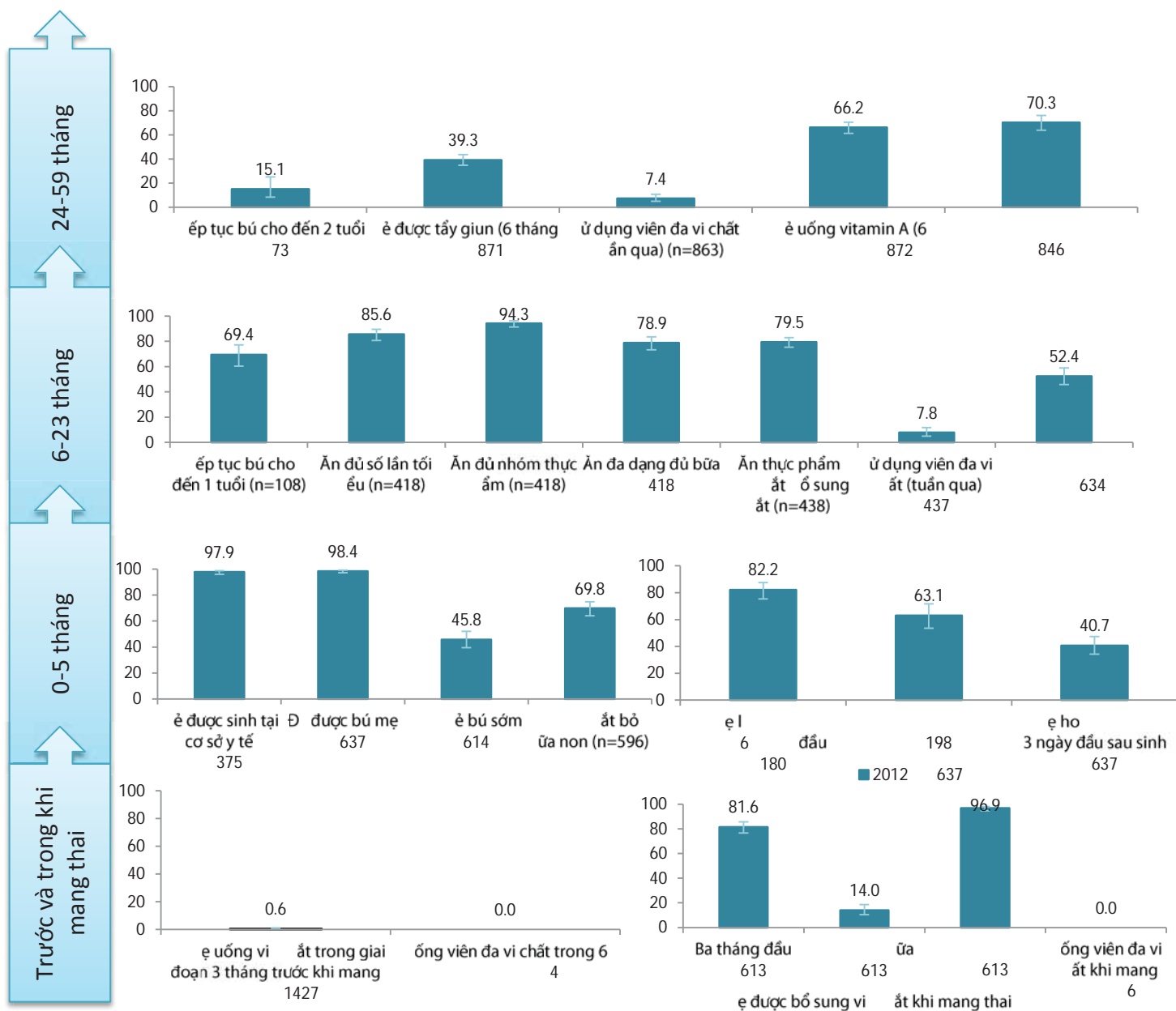
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



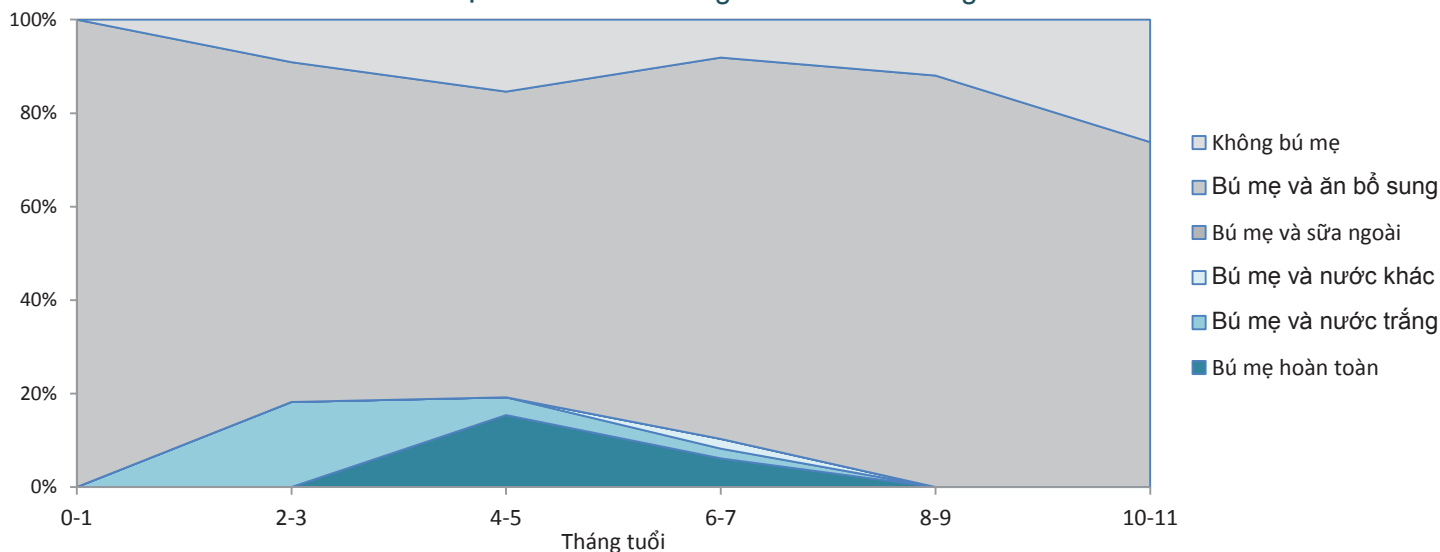
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

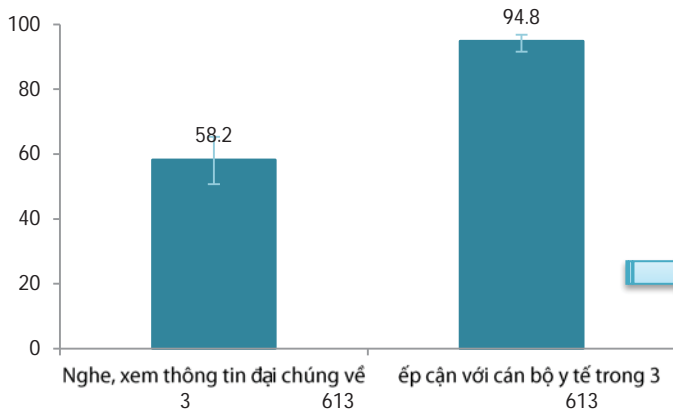


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

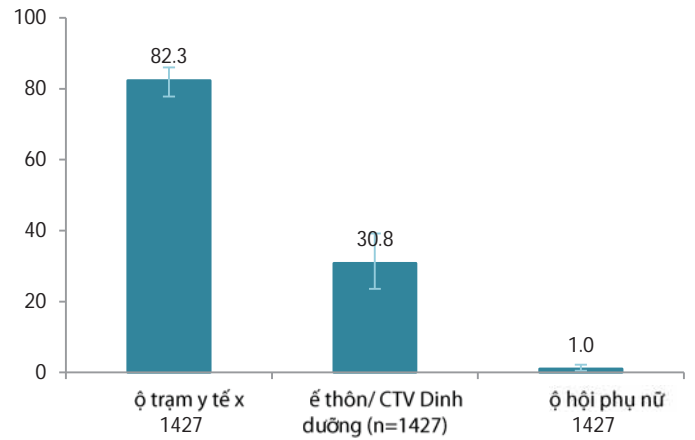
3 Bên Trẻ

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

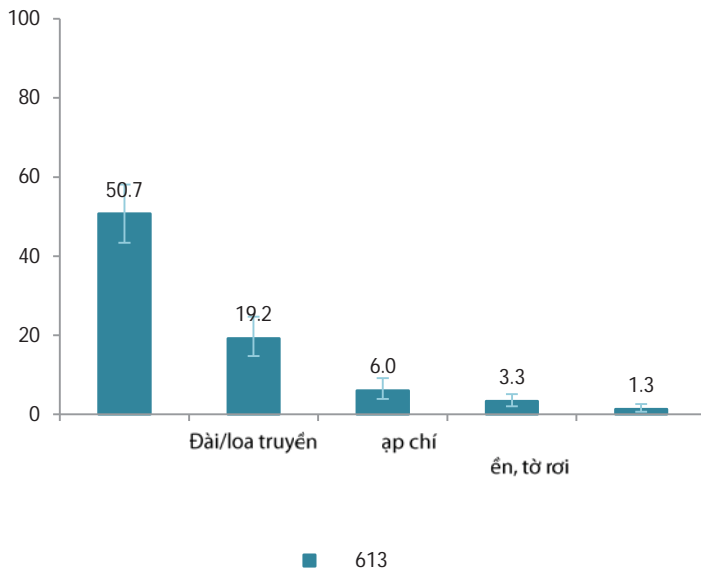
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



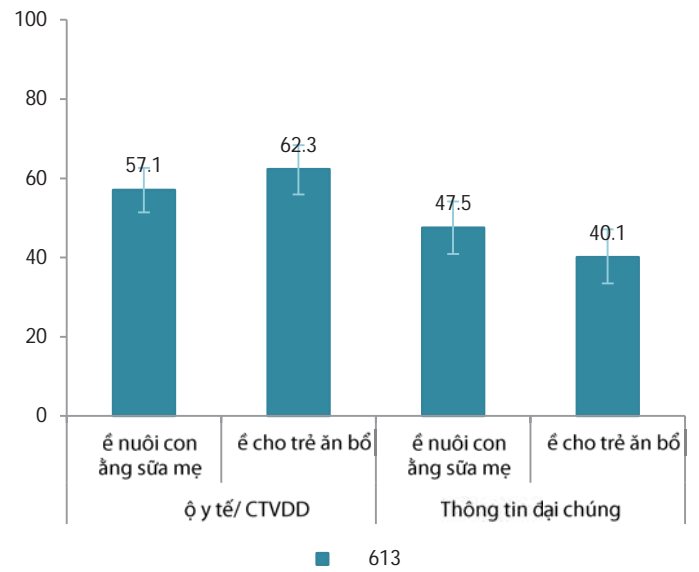
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



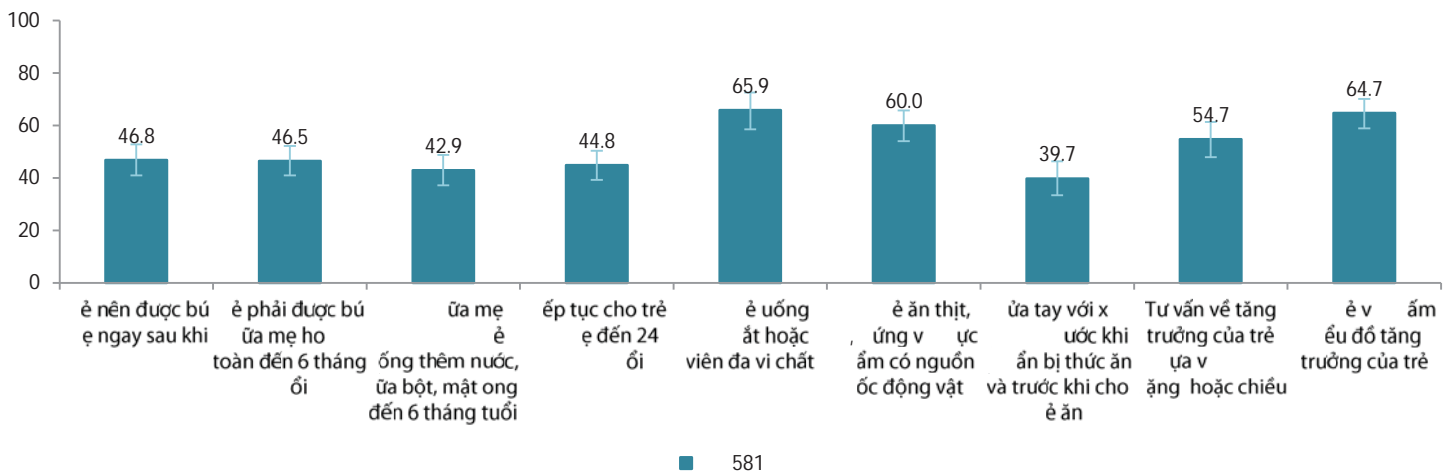
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 16.8%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 88.2% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 24%, nhẹ cân là 15.4% và gầy còm là 6.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.3%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 67.9%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 7.5% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 70.7%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 89.8%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 68.1%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 83.9%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

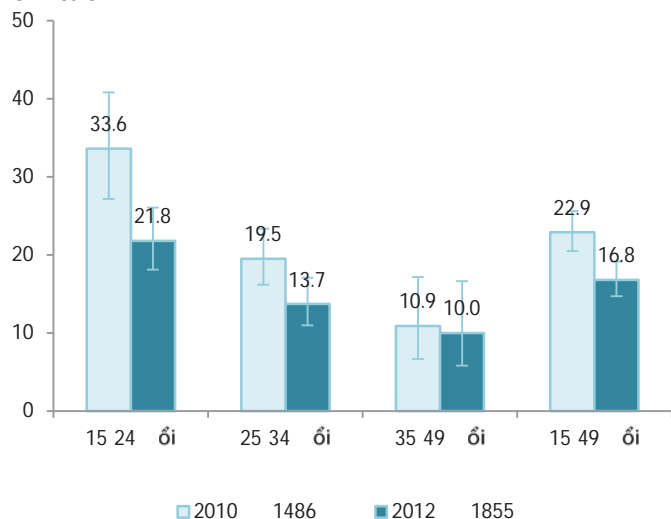
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 14 | Số bệnh viện | 13 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 145 | Số phòng khám đa khoa | 15 |
| Số thôn/bản | 2,372 | Số trạm y tế xã | 128 |
| Dân số | 1,714,624 | Số nhà hộ sinh | 11 |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 152,329 | Số bác sỹ | 826 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 62,607 | Số y sỹ | 1,323 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 1,154 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 14.3% | Số nữ hộ sinh | 585 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 8.1% | Số y tế thôn bản | 845 |

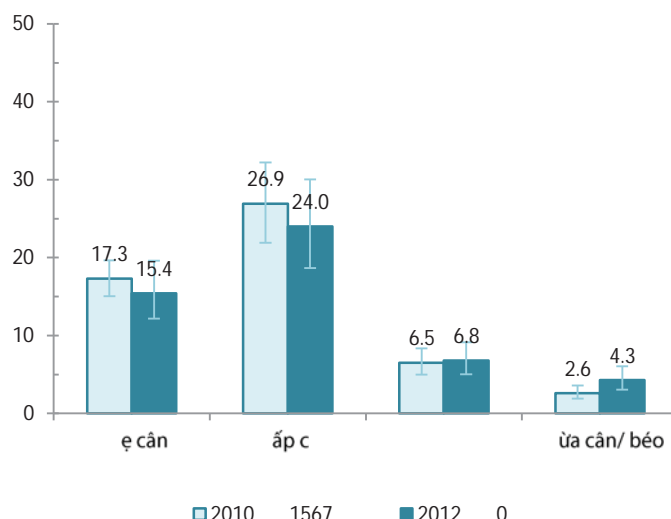
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

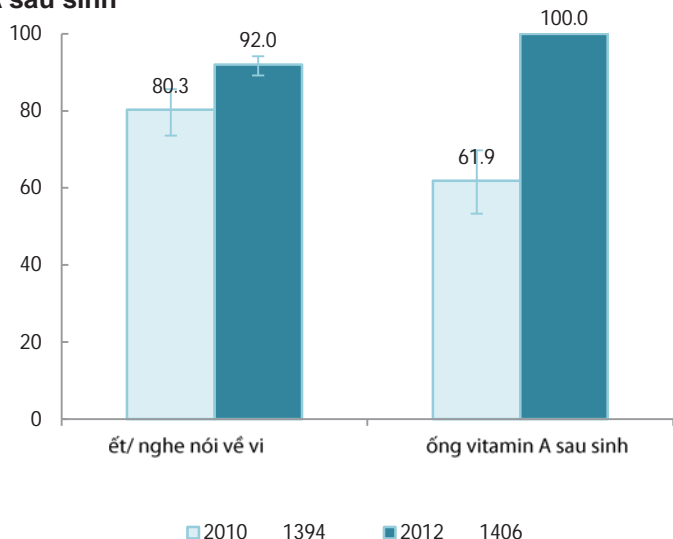
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



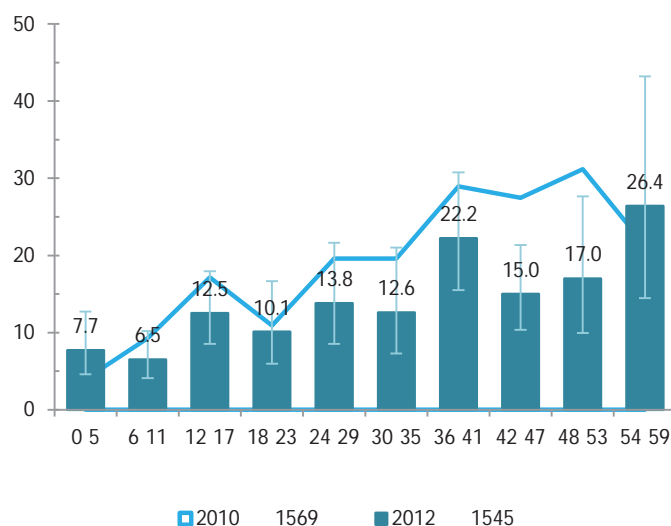
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



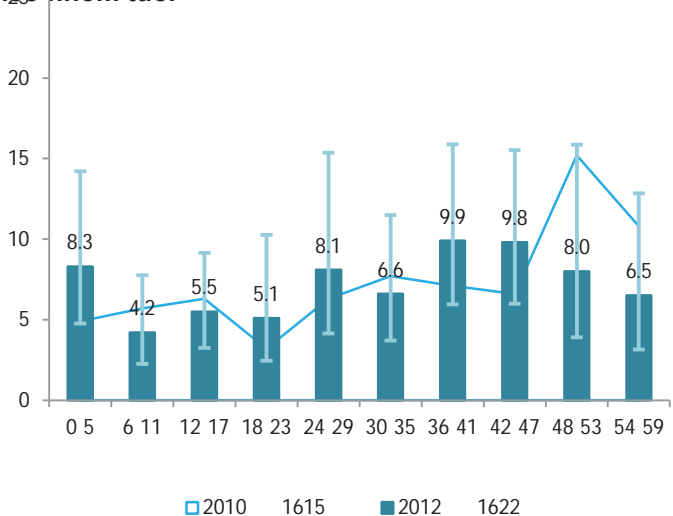
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



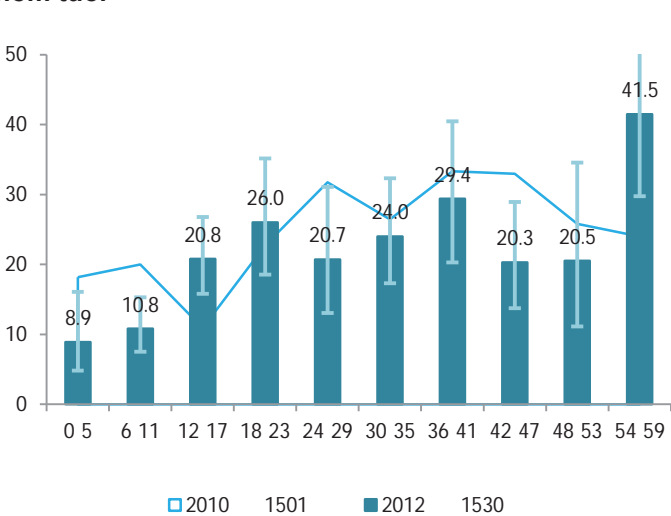
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



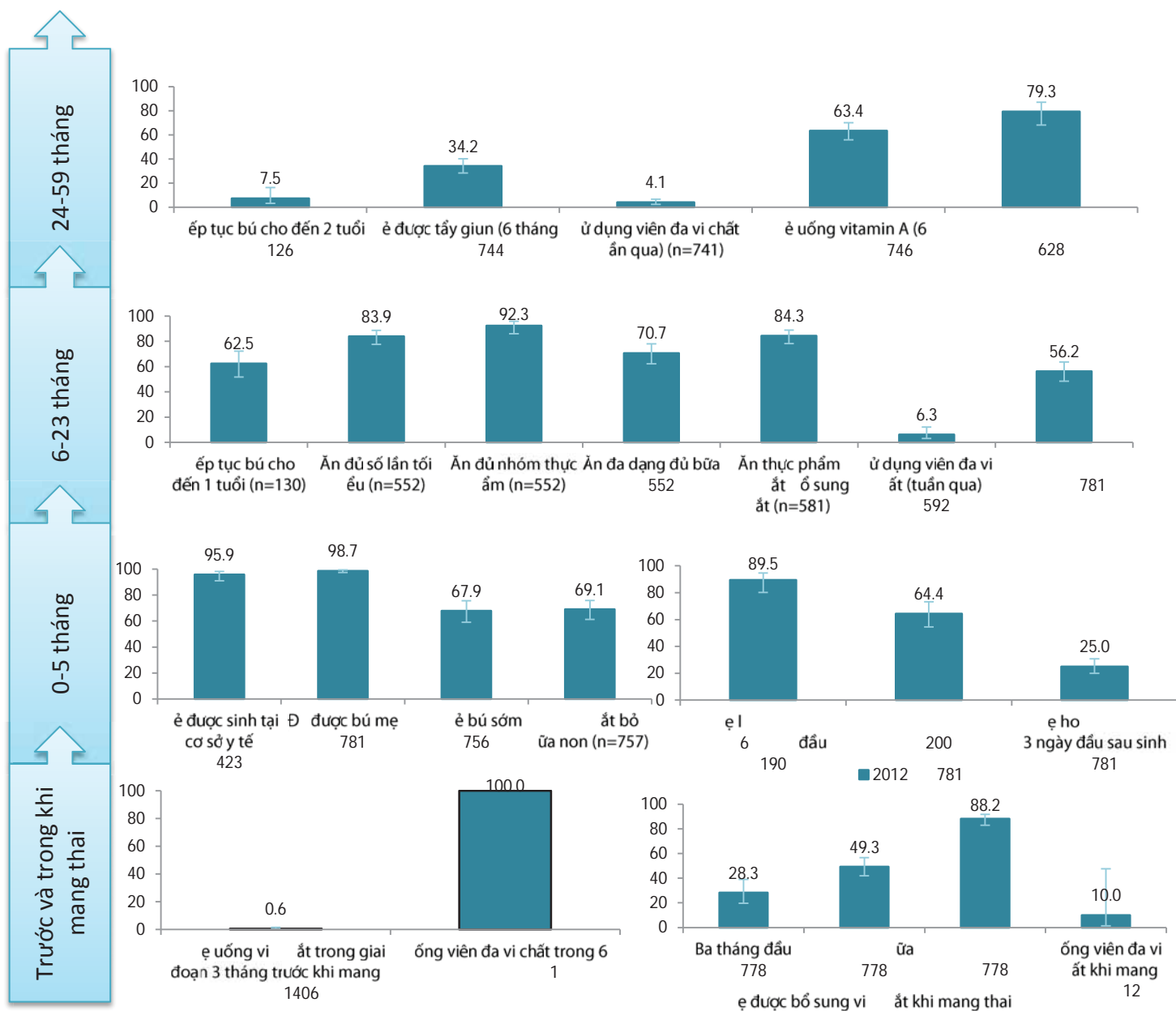
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



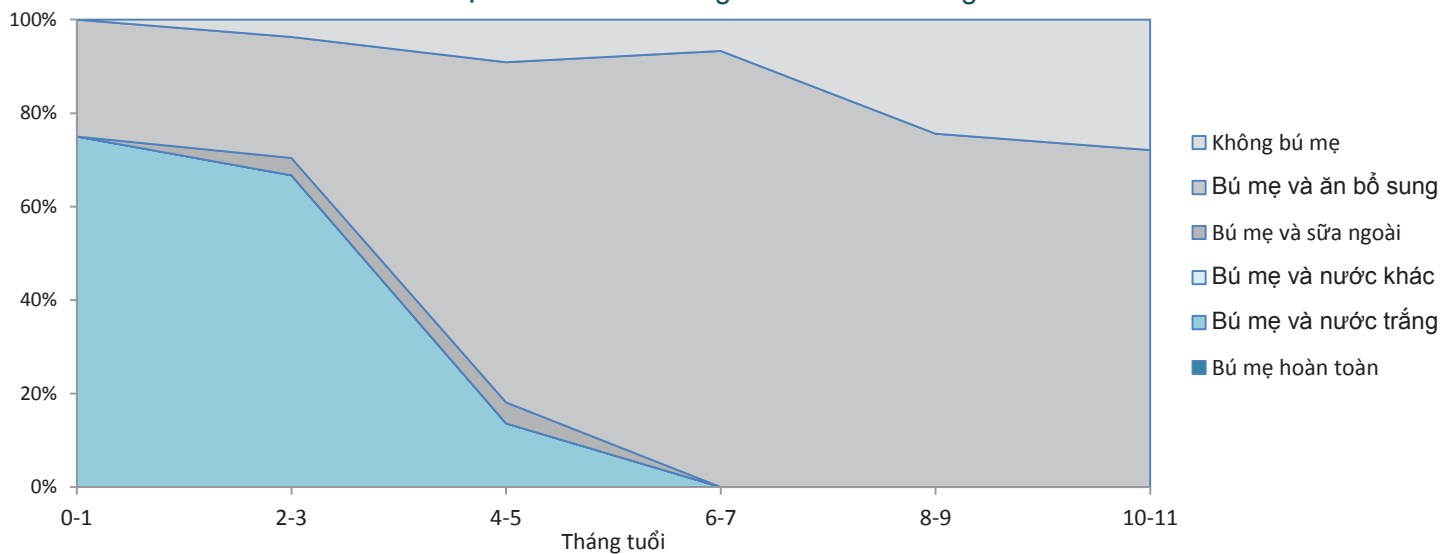
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. ền ng

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

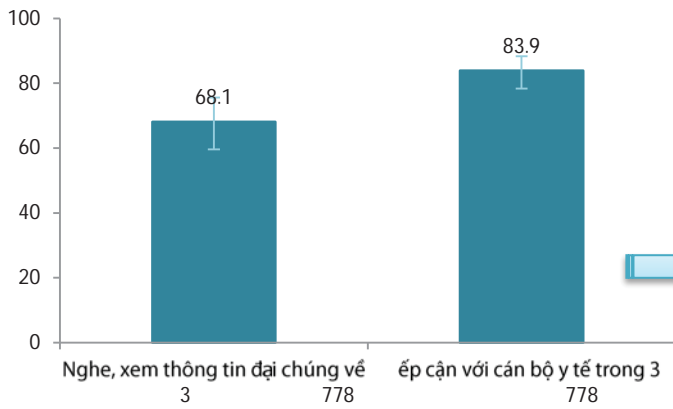


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

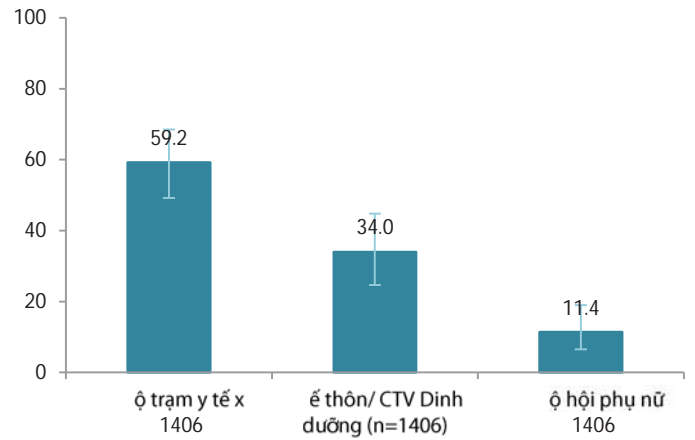
ên ng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

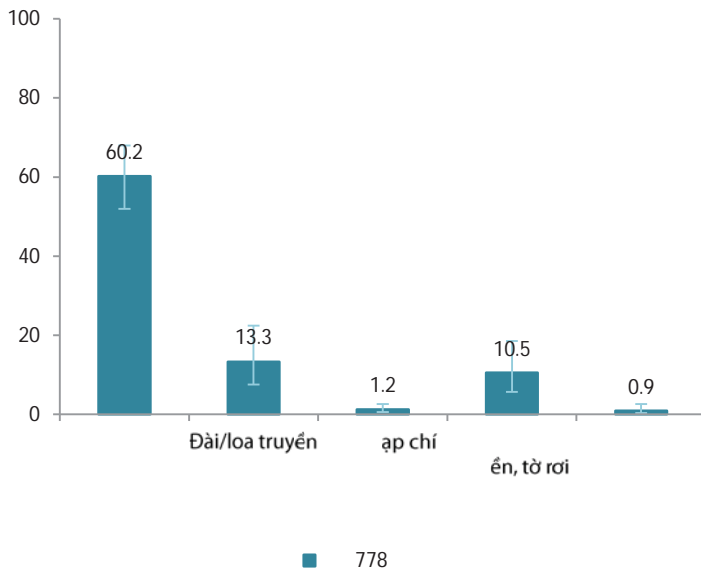
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



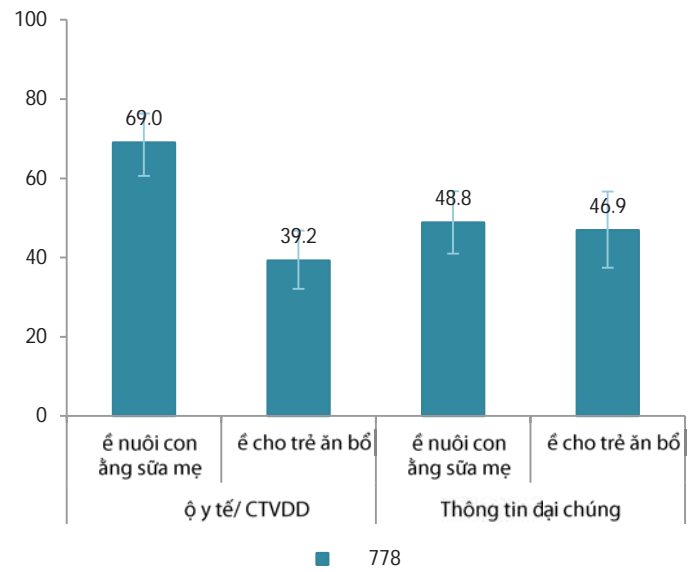
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



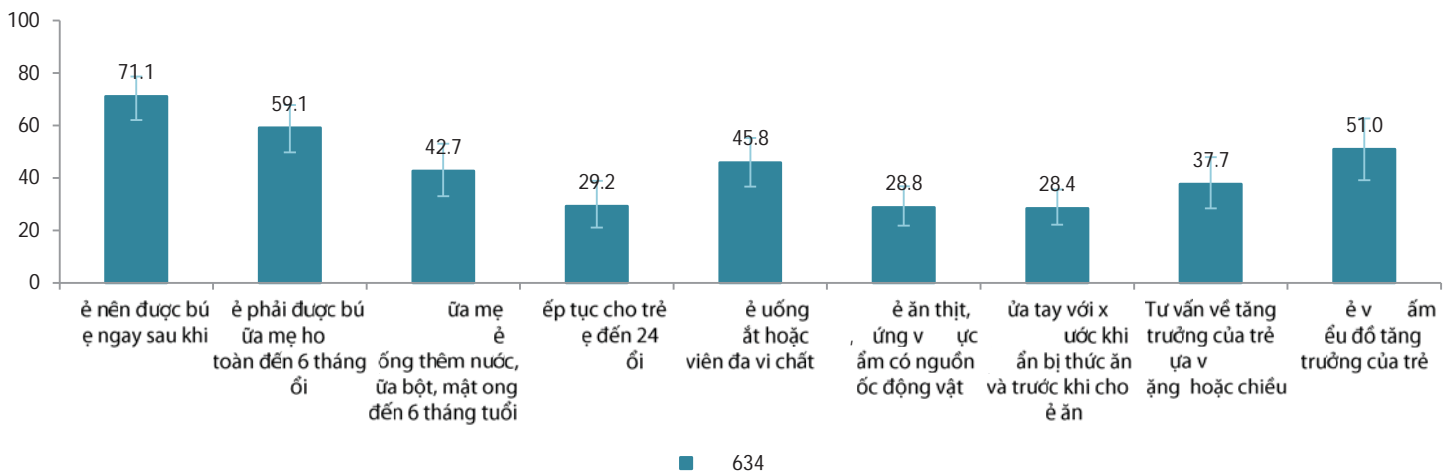
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Cần Thơ

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 12.7%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 91.7% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 24%, nhẹ cân là 13% và gầy còm là 7.2%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 5.2%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 25.4%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 13.5% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 68.4%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 65.1%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 64.8%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 59.1%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

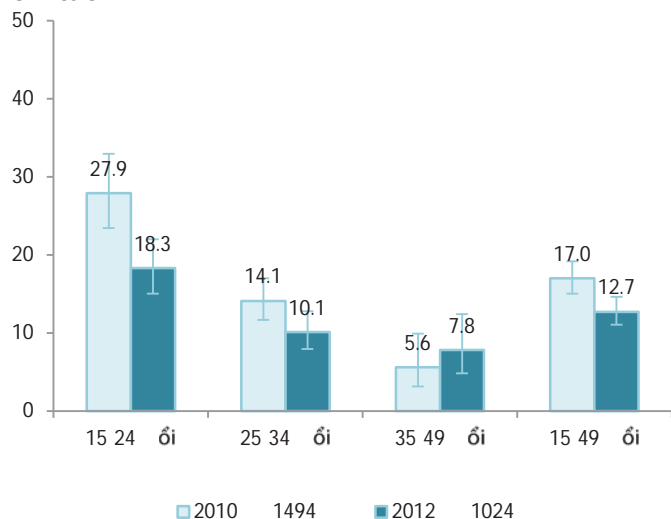
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 9 | Số bệnh viện | 17 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 85 | Số phòng khám đa khoa | 1 |
| Số thôn/bản | 971 | Số trạm y tế xã | 81 |
| Dân số | 1,203,325 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 84,085 | Số bác sỹ | 653 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 34,559 | Số y sỹ | 595 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 742 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 3.0% | Số nữ hộ sinh | 275 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 6.6% | Số y tế thôn bản | 589 |

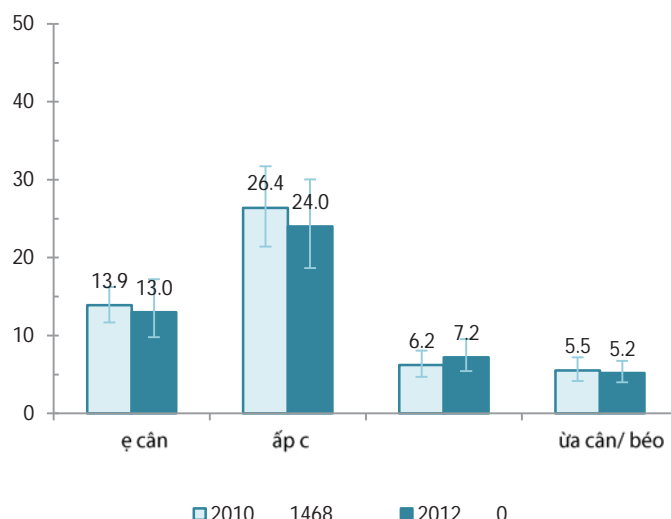
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

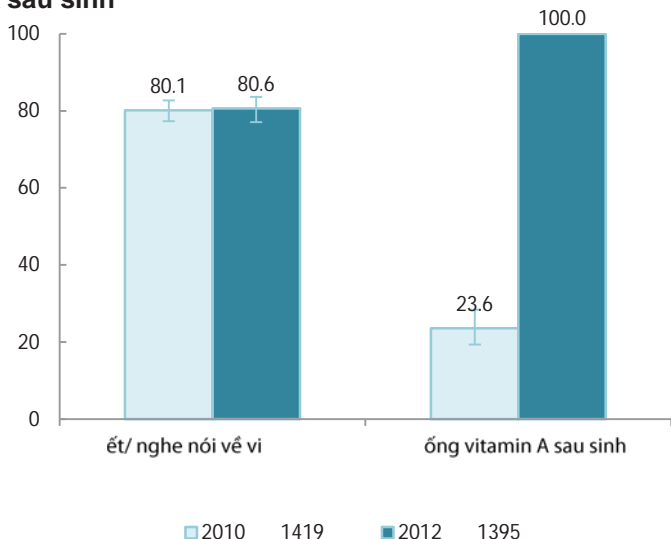
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



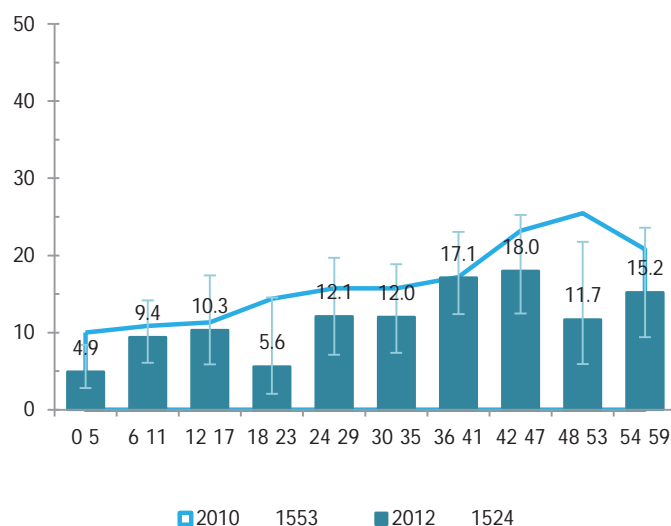
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



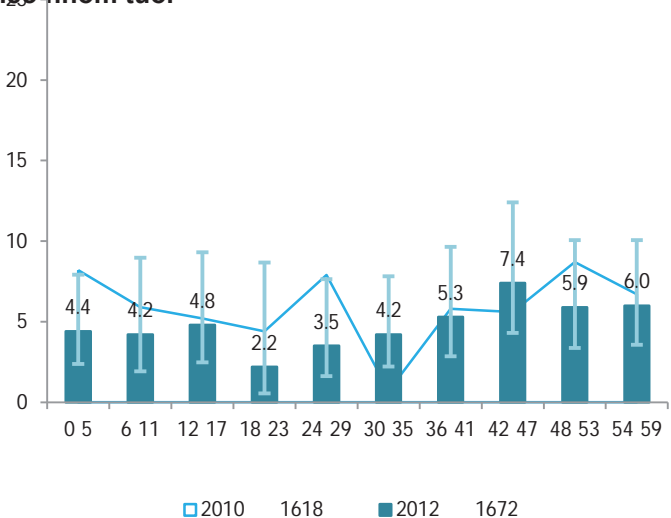
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



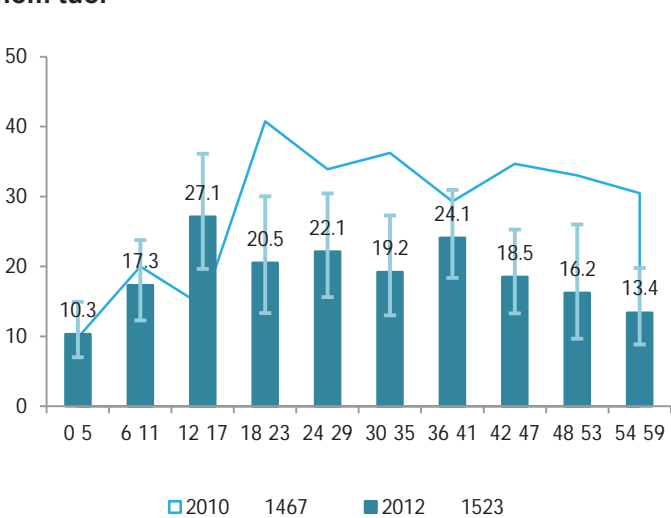
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



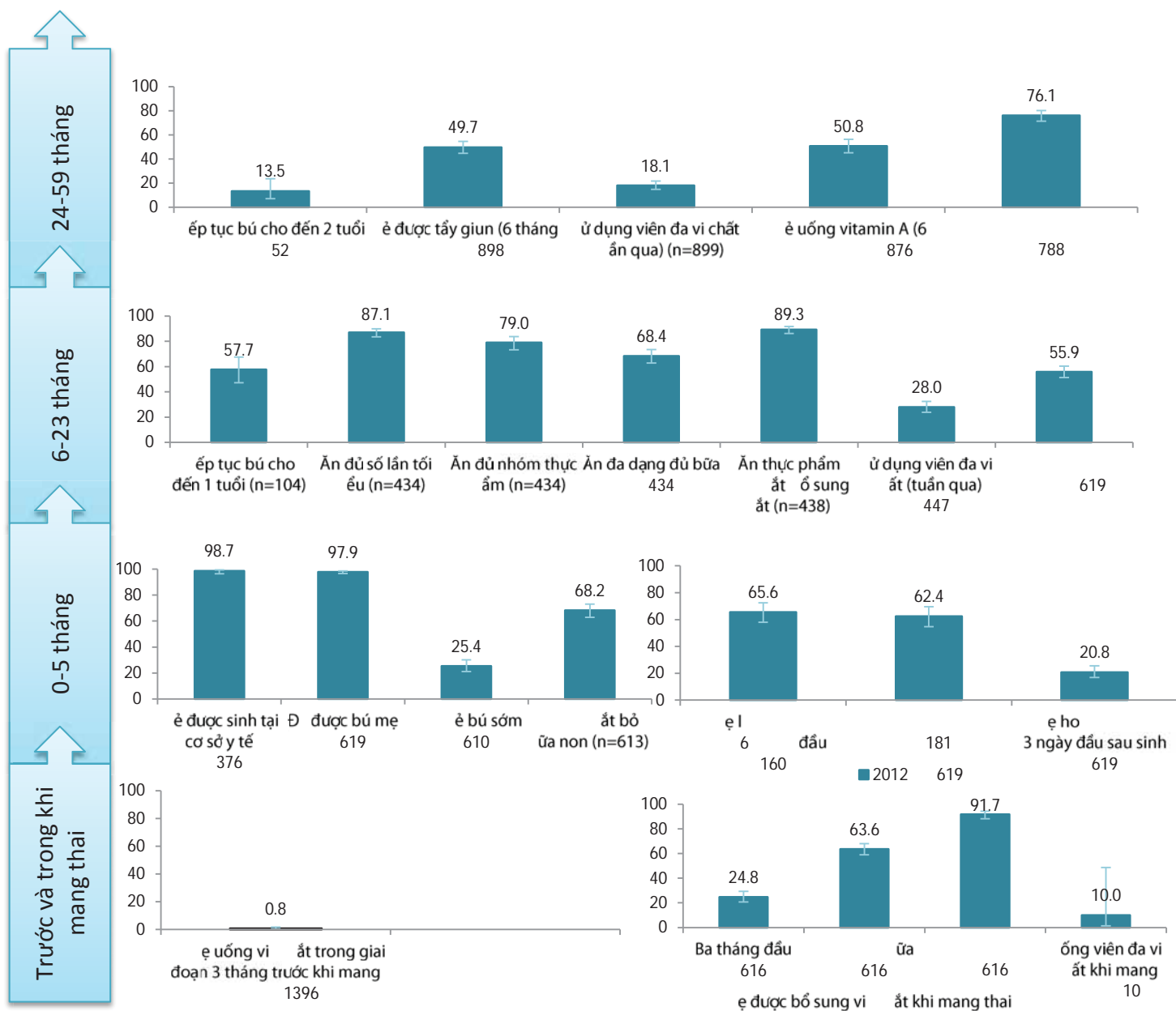
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



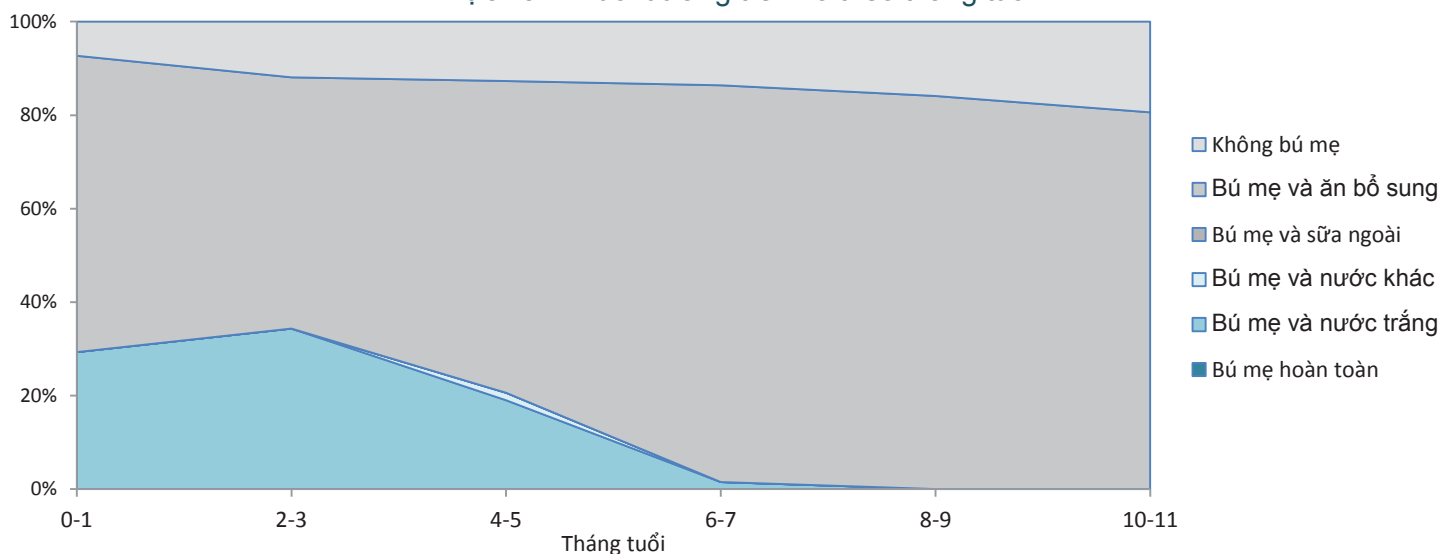
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

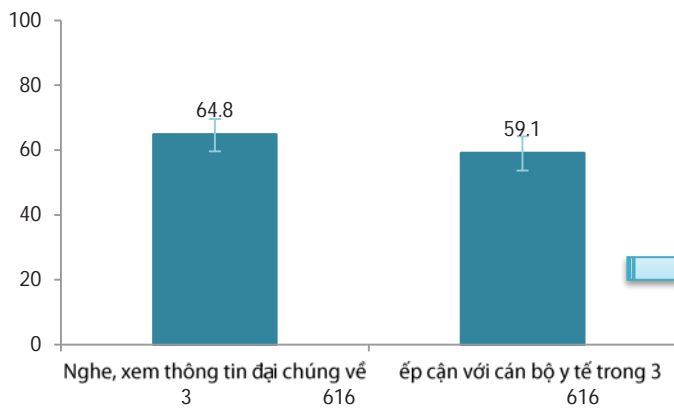


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

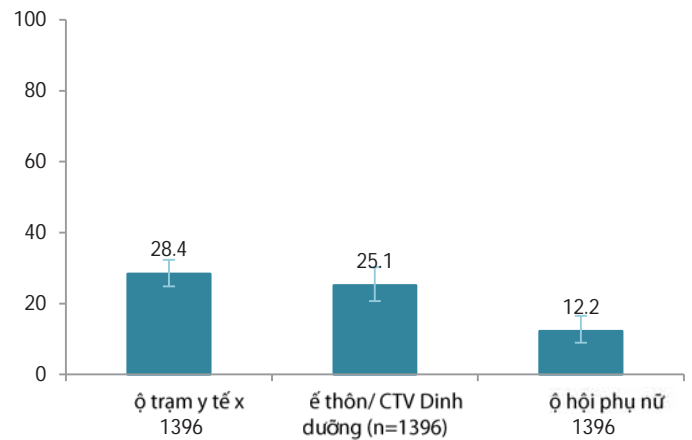
3 Cần Thơ

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

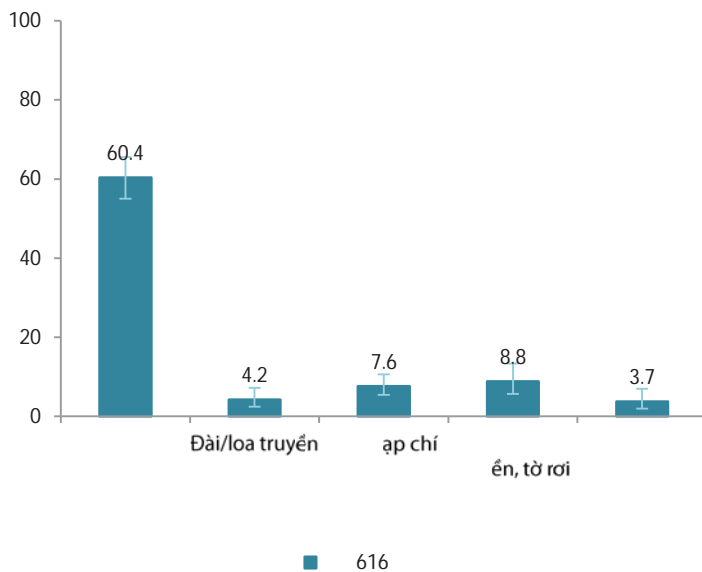
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



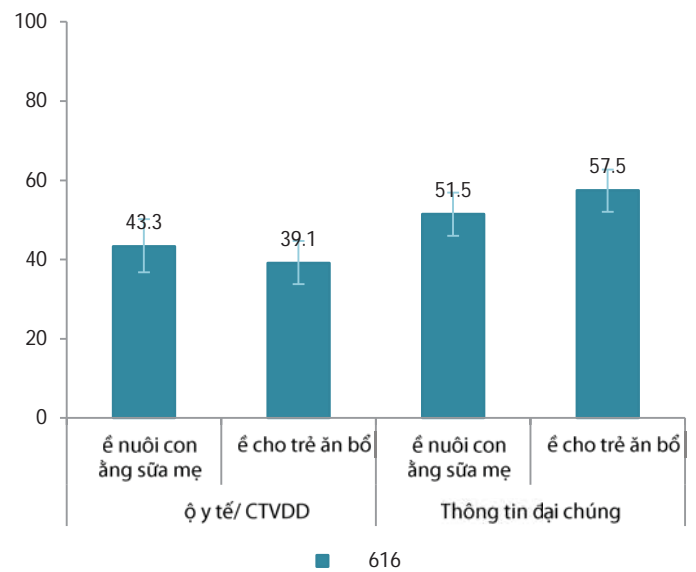
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



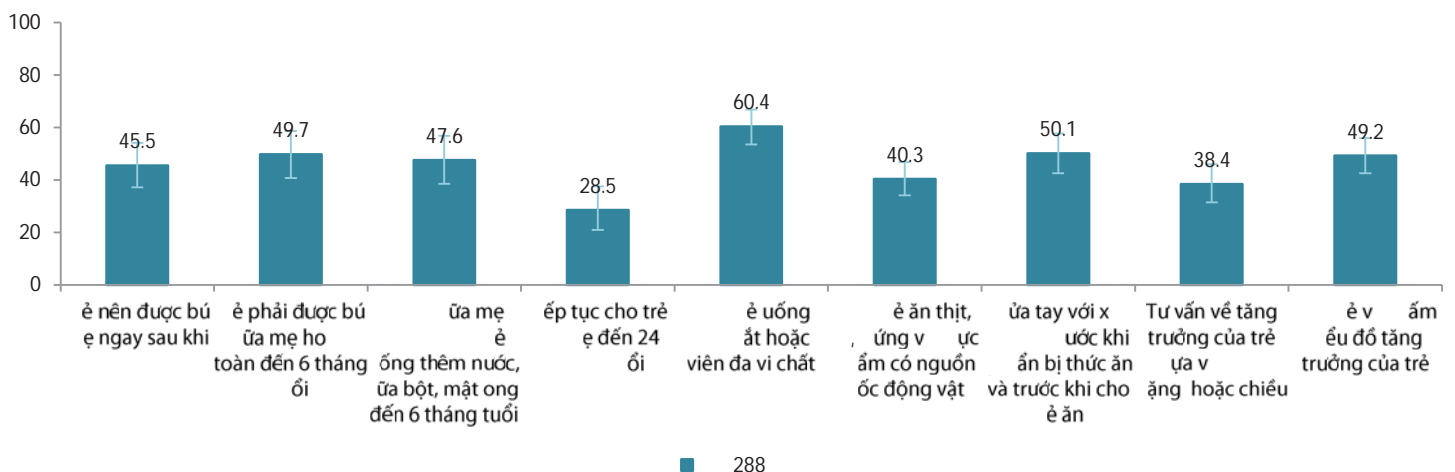
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn ($BMI < 18,5 \text{ kg/m}^2$) là 15.6%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 94.5% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 26.2%, nhẹ cân là 16.9% và gầy còm là 7.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.2%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 51.5%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 3.6% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 74.7%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 87.9%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 75.6%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 93.1%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

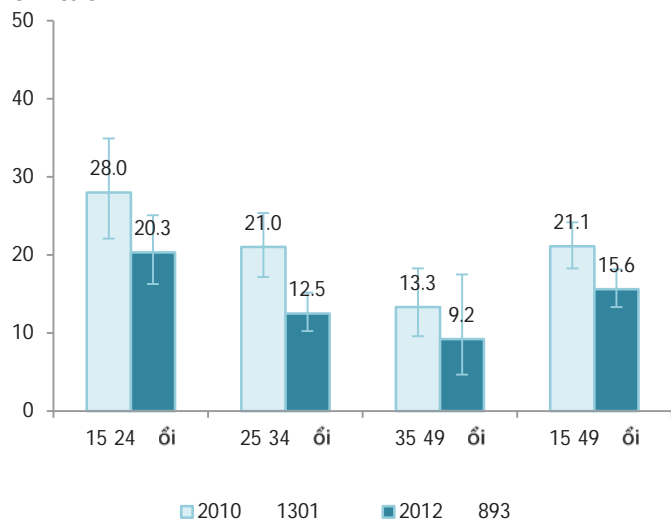
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 7 | Số bệnh viện | 9 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 104 | Số phòng khám đa khoa | 15 |
| Số thôn/bản | 870 | Số trạm y tế xã | 89 |
| Dân số | 1,007,770 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 75,957 | Số bác sỹ | 499 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 31,218 | Số y sỹ | 634 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 592 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 32.4% | Số nữ hộ sinh | 236 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 21.1% | Số y tế thôn bản | 797 |

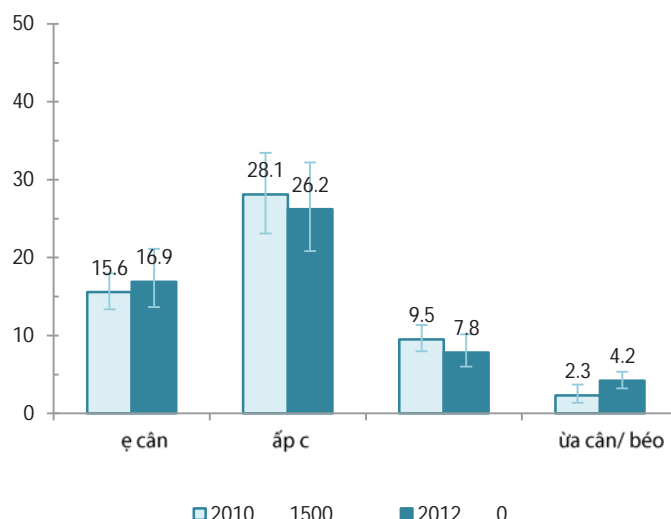
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

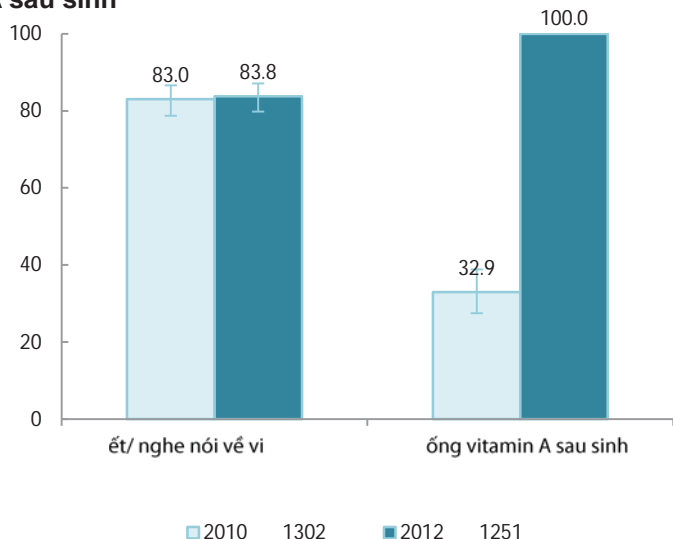
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



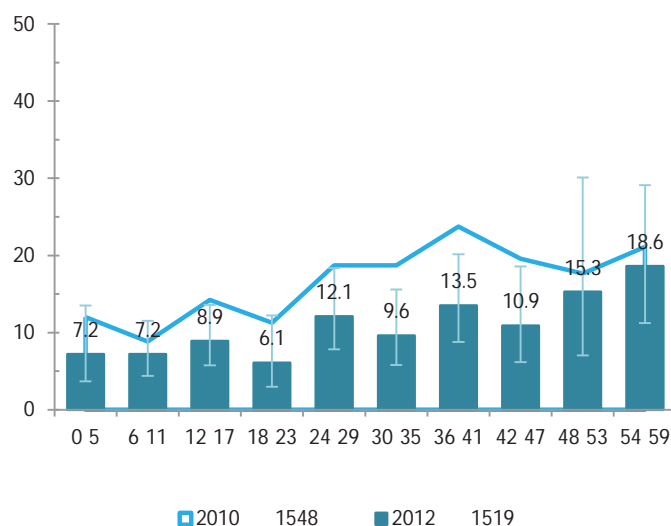
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



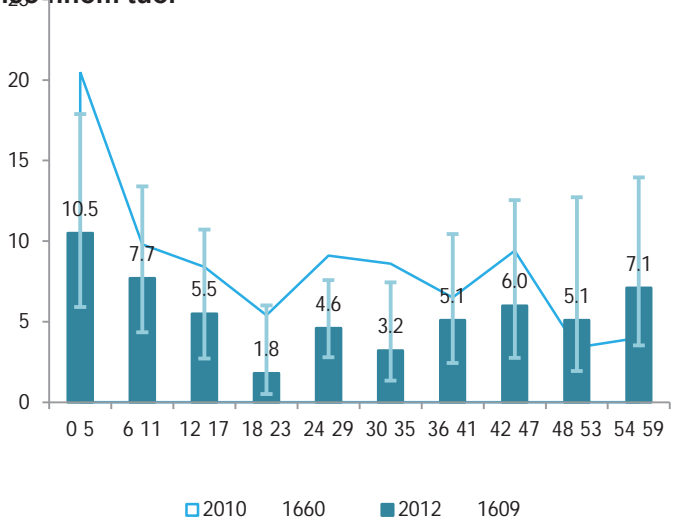
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



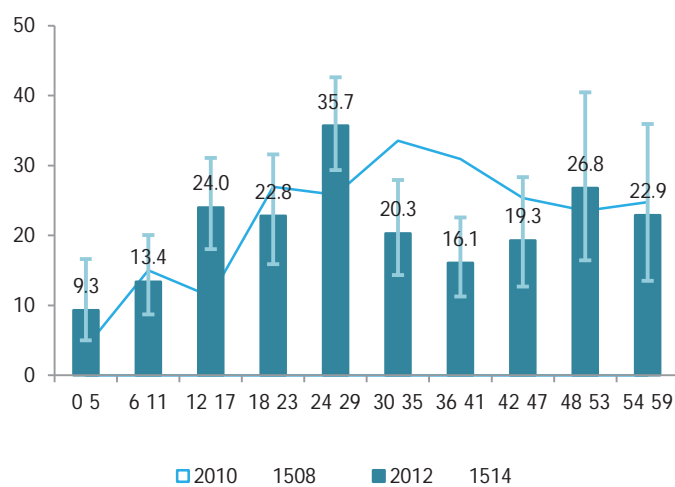
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



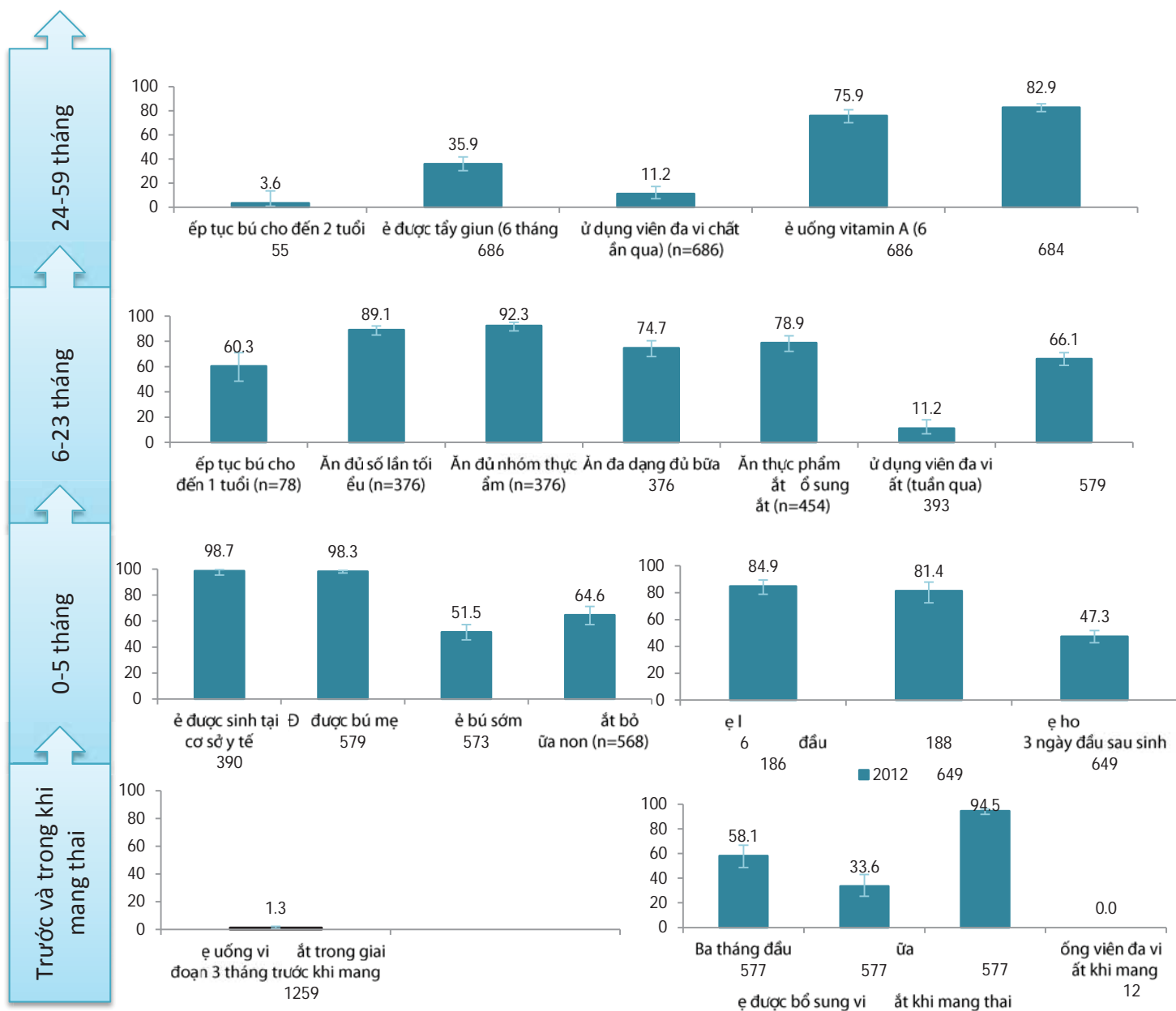
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



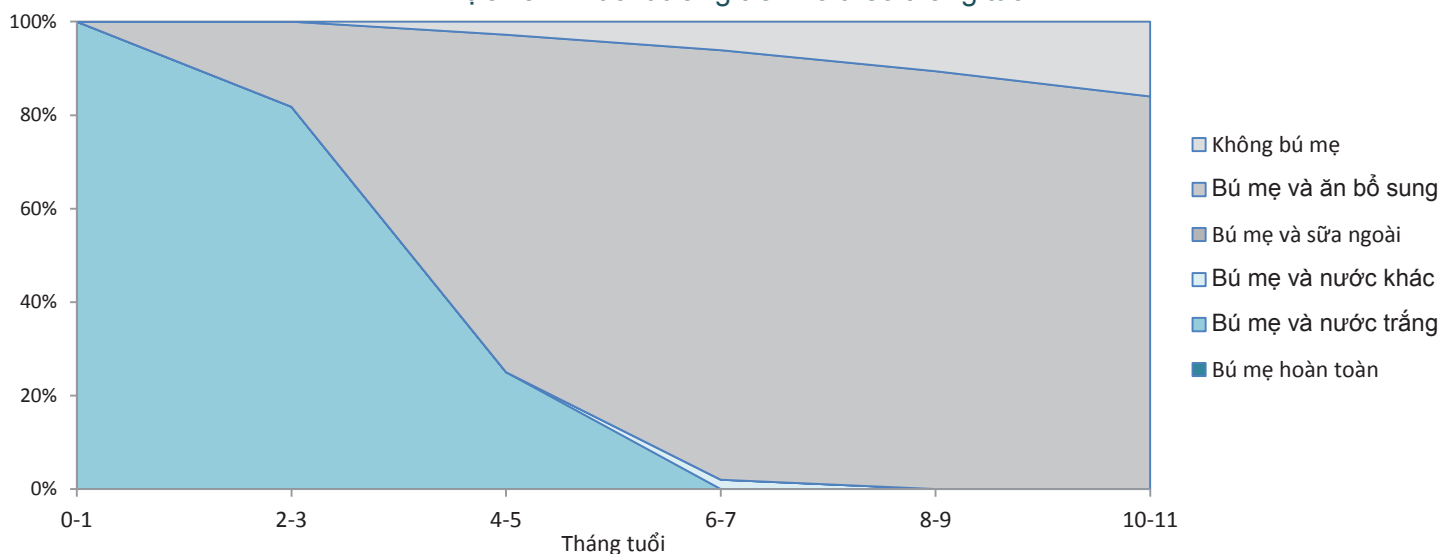
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. T n

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



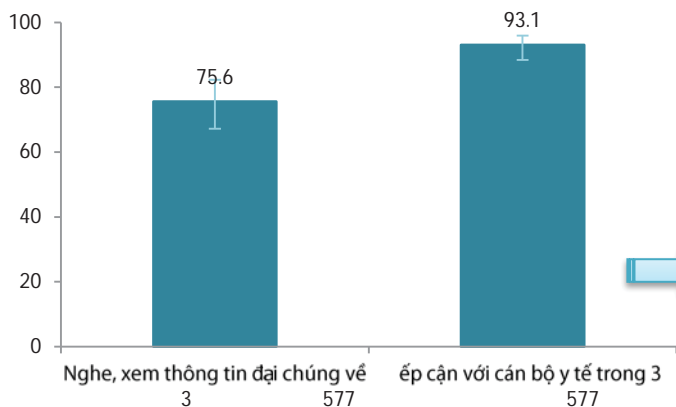
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



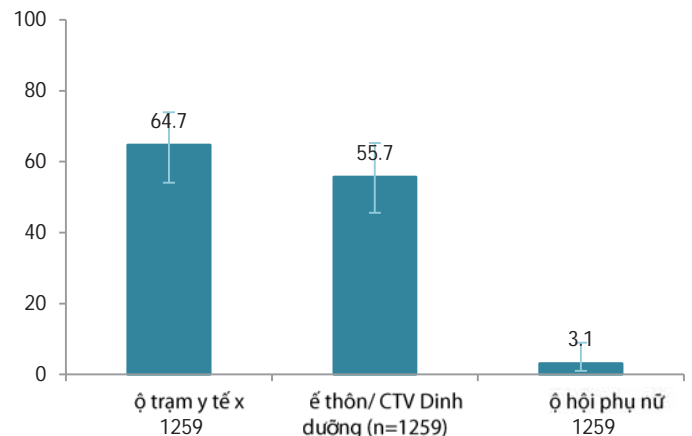
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

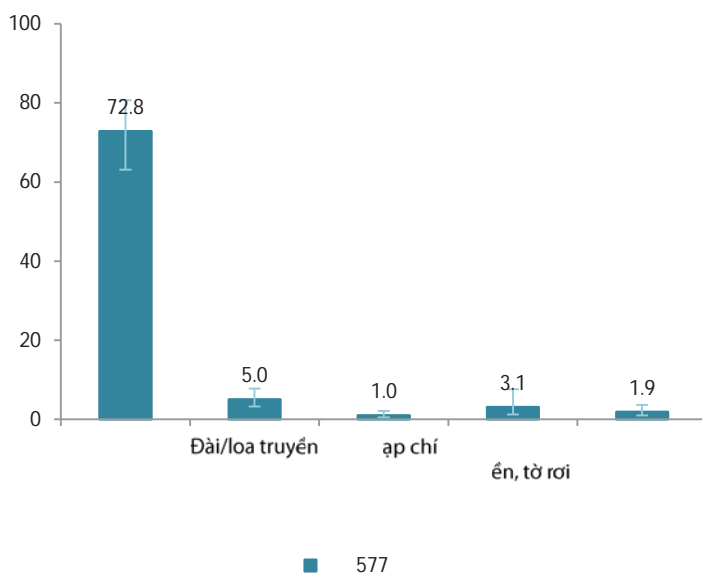
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



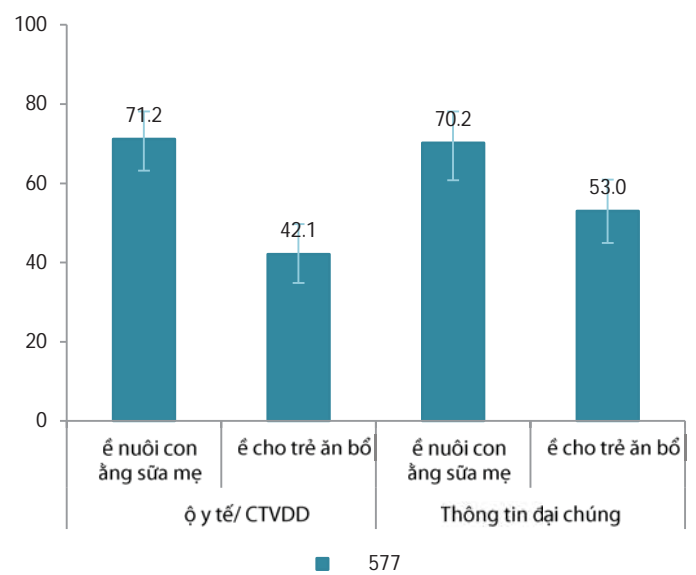
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



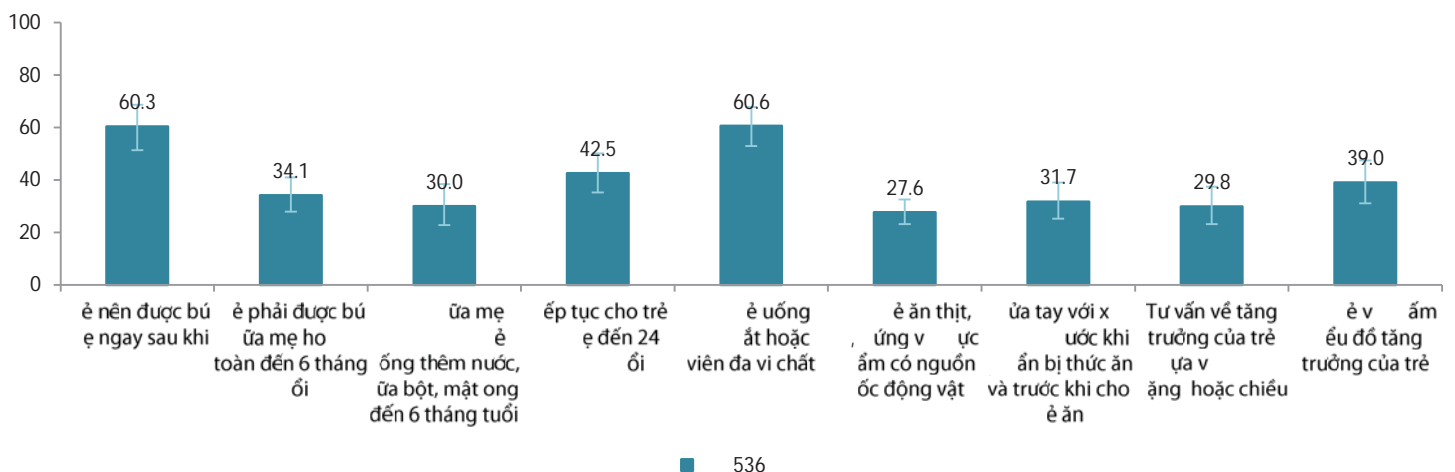
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Sóc Trăng

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 20%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 79.3% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 50%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 28.1%, nhẹ cân là 16.2% và gầy còm là 6.8%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 2%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 55.2%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 15.7% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 55.5%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 95.6%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 84.3%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 92.8%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

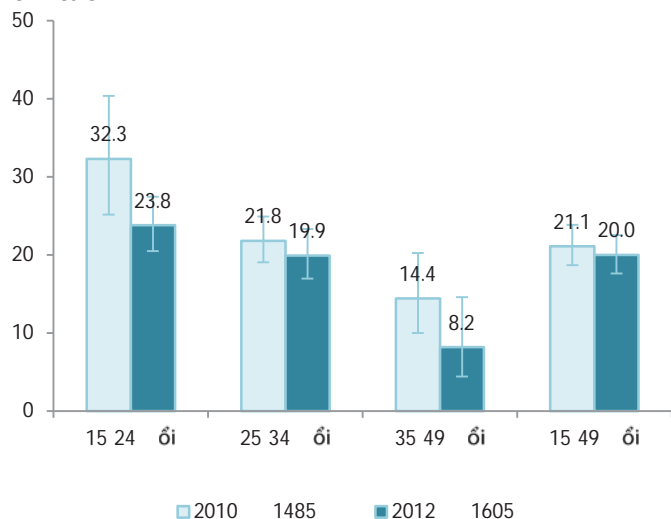
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 10 | Số bệnh viện | 11 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 109 | Số phòng khám đa khoa | 3 |
| Số thôn/bản | 809 | Số trạm y tế xã | 109 |
| Dân số | 1,306,458 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 96,116 | Số bác sỹ | 490 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 39,504 | Số y sỹ | 755 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 768 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 35.8% | Số nữ hộ sinh | 363 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 20.5% | Số y tế thôn bản | 802 |

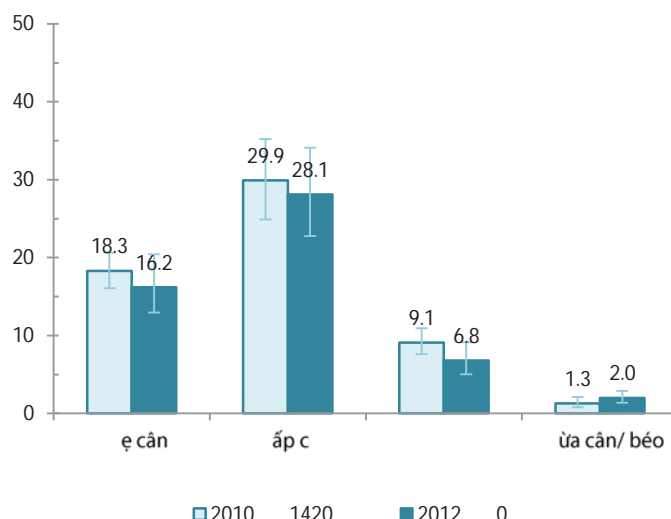
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

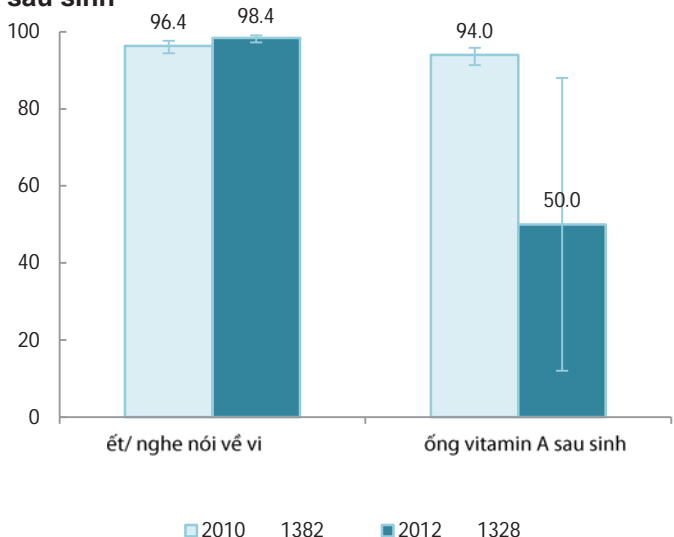
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



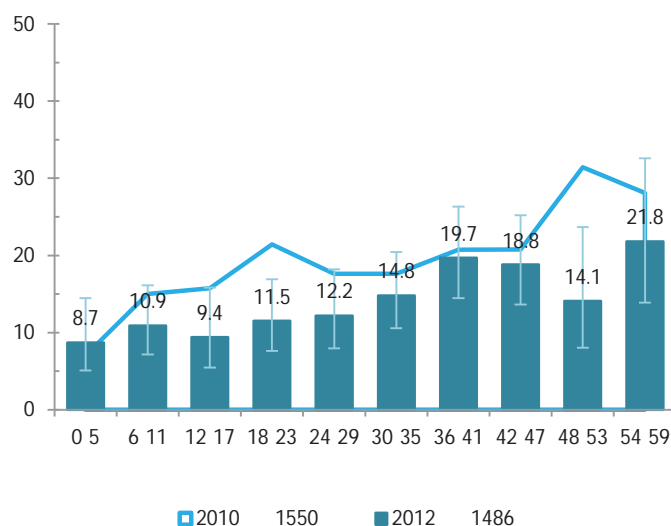
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



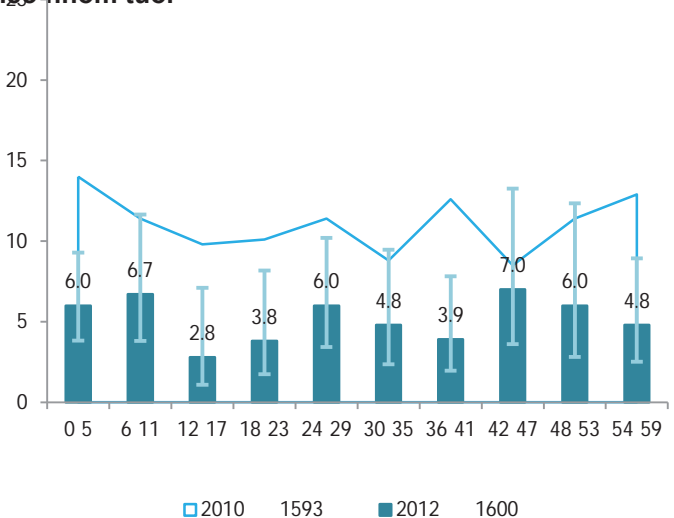
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



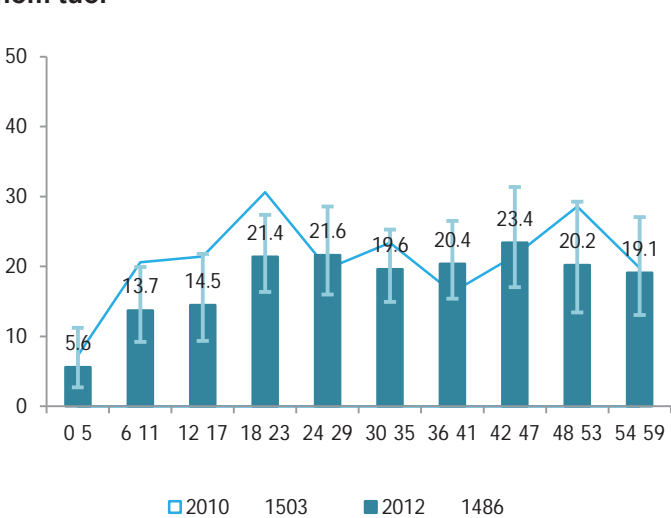
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



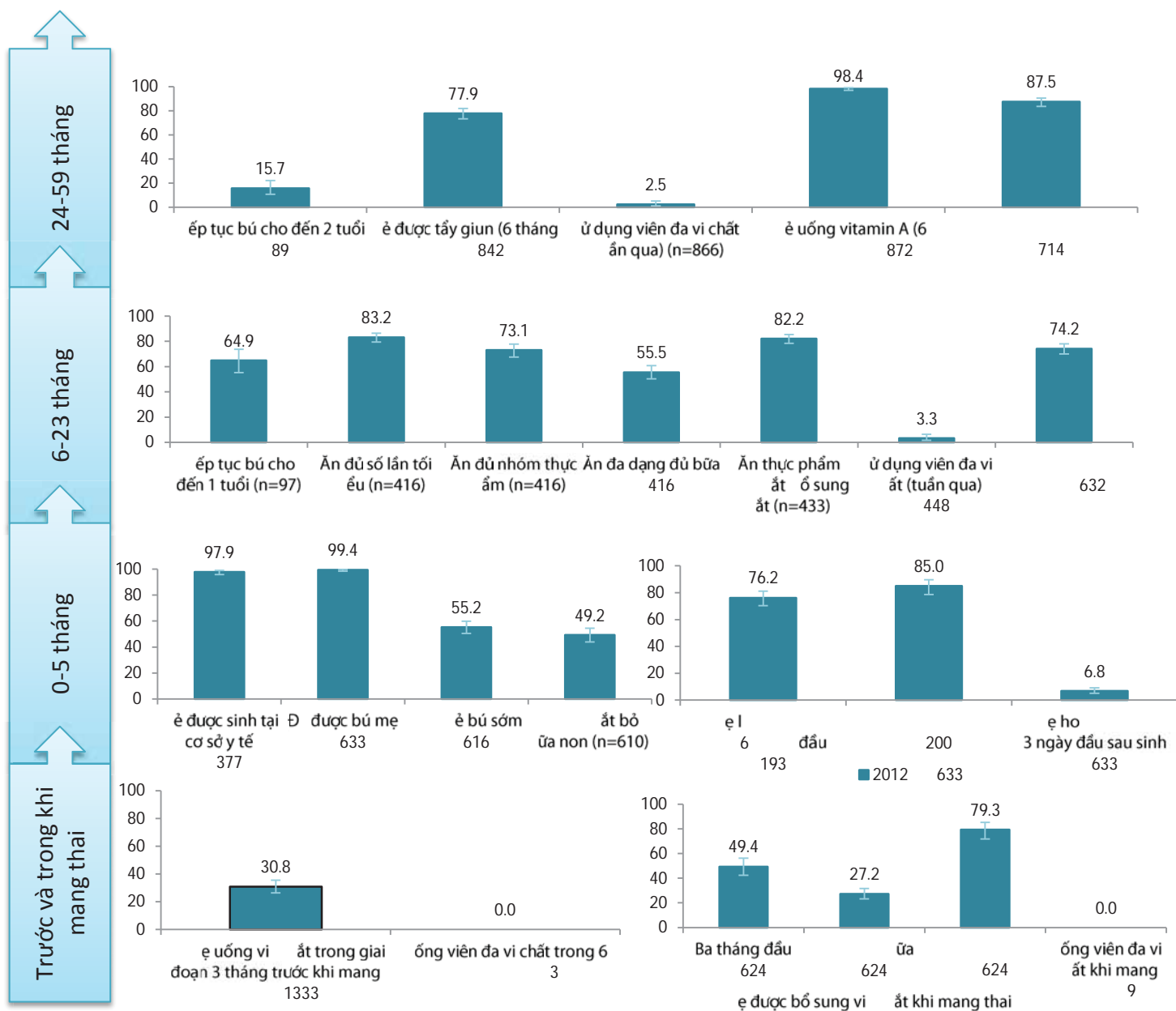
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



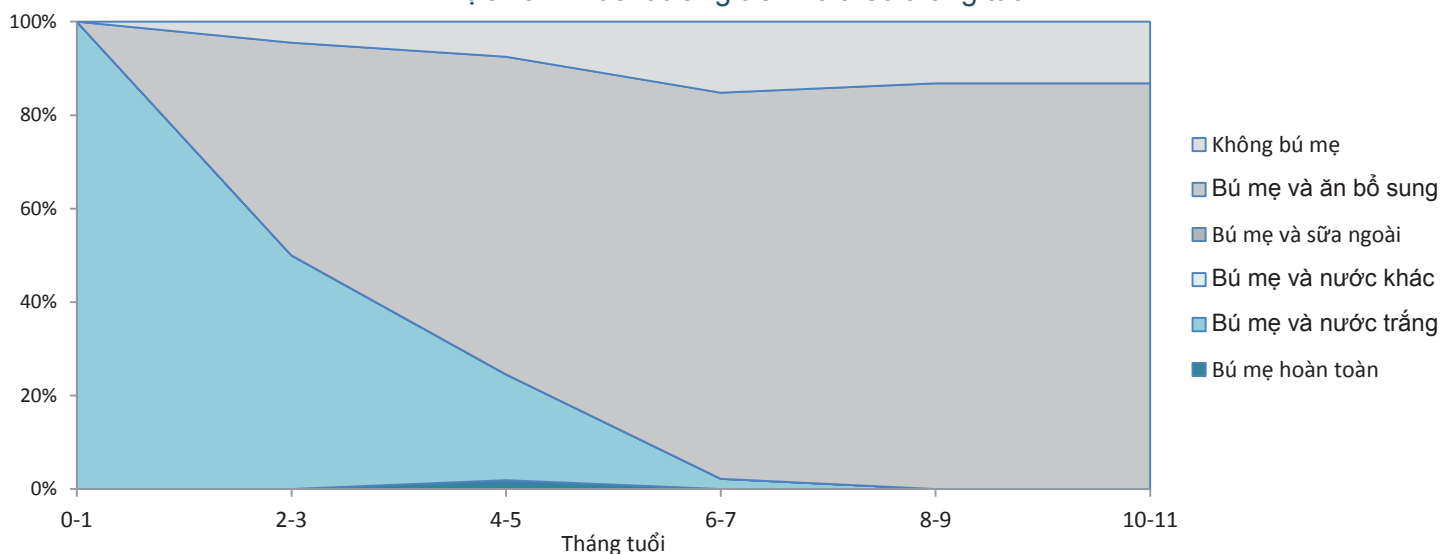
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

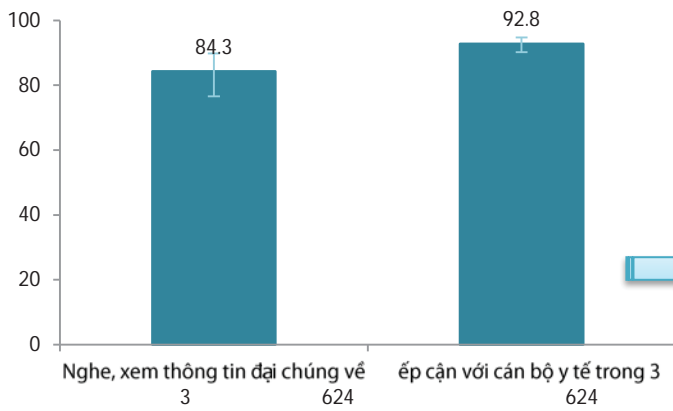


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

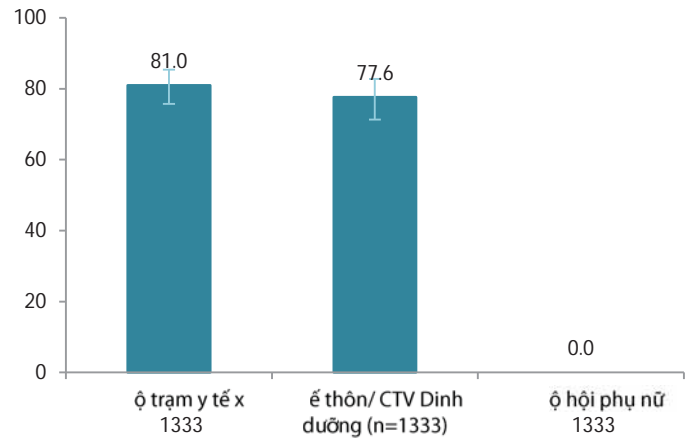
3 Sóc Trăng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

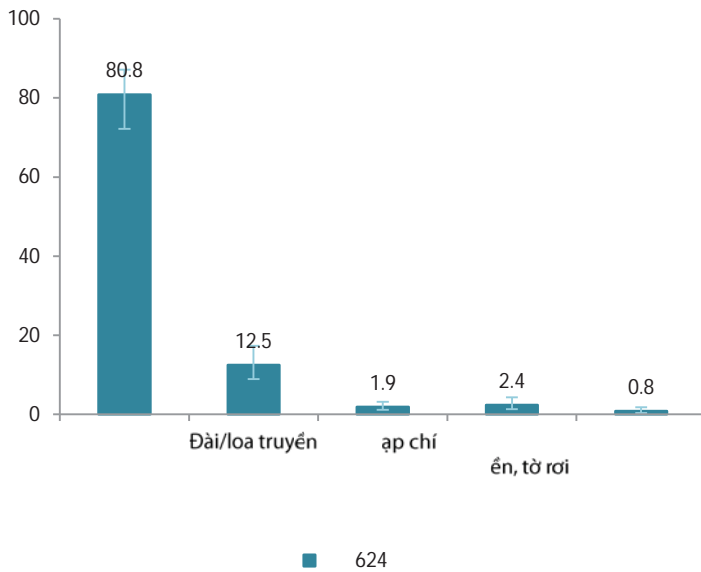
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



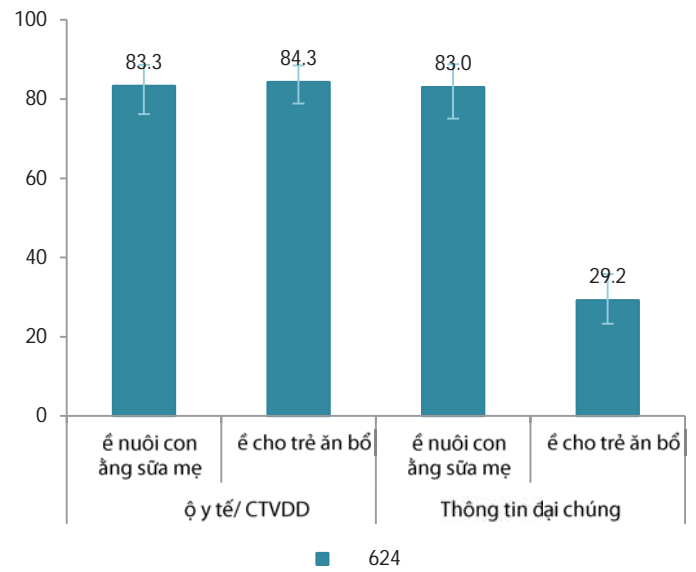
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



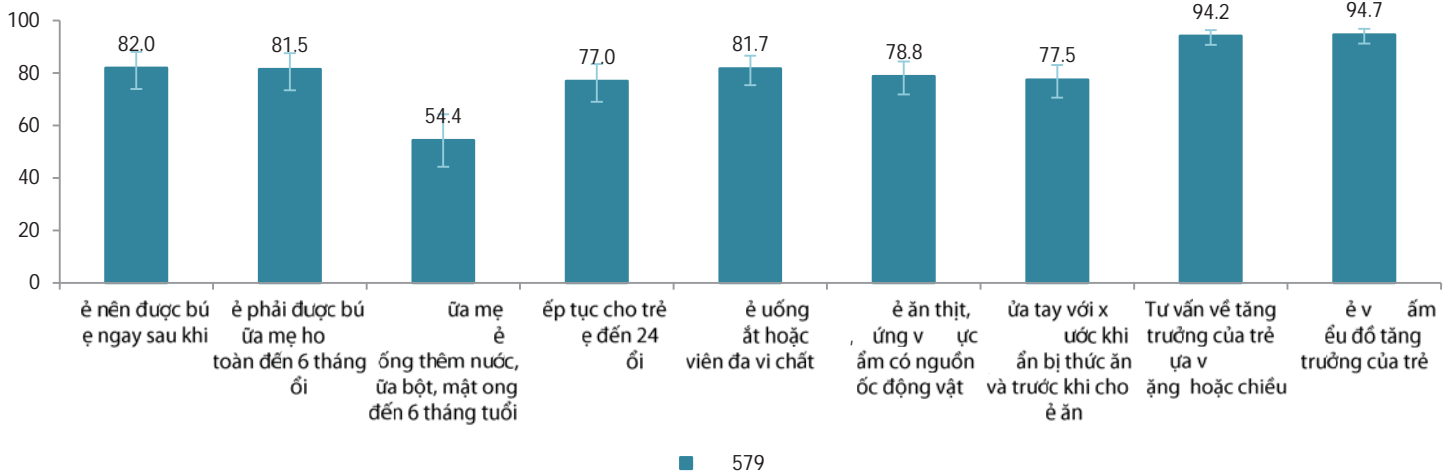
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Bạc Liêu

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 18.3%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 91.2% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 0%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 27%, nhẹ cân là 15% và gầy còm là 6.7%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.6%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 82.1%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 17.8% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 84%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 91.8%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 100%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 99.9%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 6 | Số bệnh viện | 7 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 64 | Số phòng khám đa khoa | 2 |
| Số thôn/bản | 518 | Số trạm y tế xã | 64 |
| Dân số | 875,984 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 54,967 | Số bác sỹ | 433 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 22,591 | Số y sỹ | 747 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 401 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 10.6% | Số nữ hộ sinh | 255 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 12.9% | Số y tế thôn bản | 1,032 |

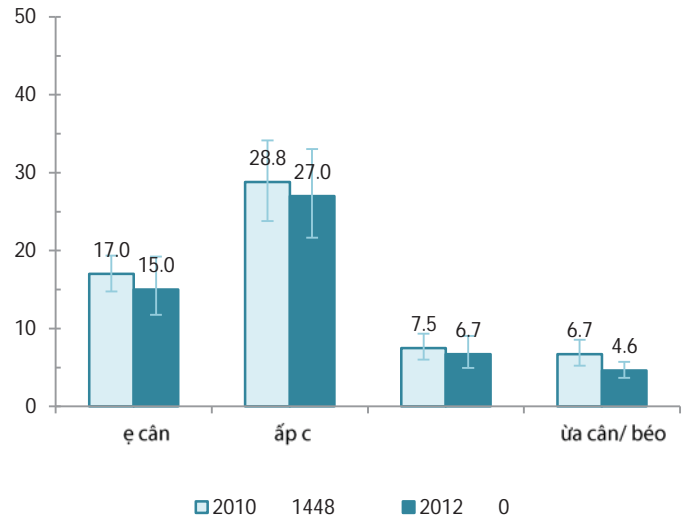
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

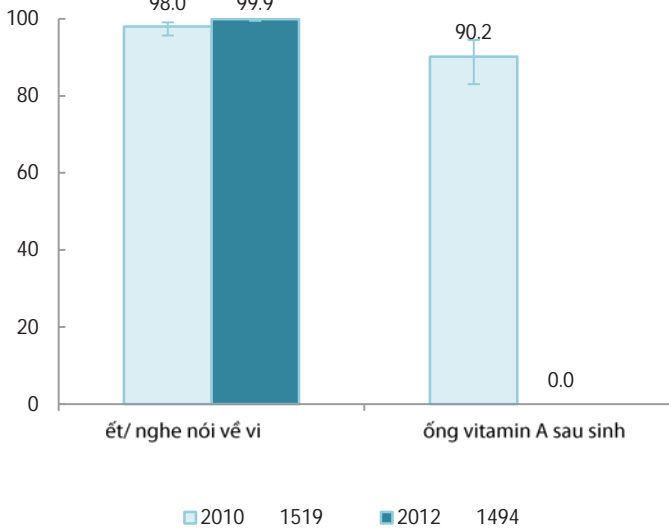
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



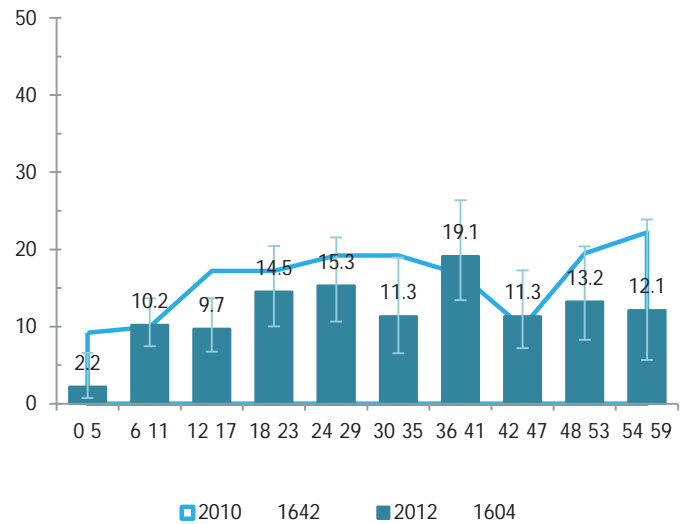
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



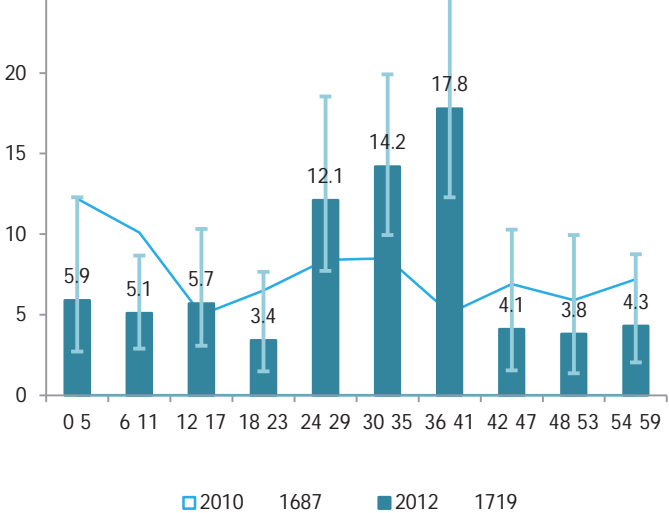
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



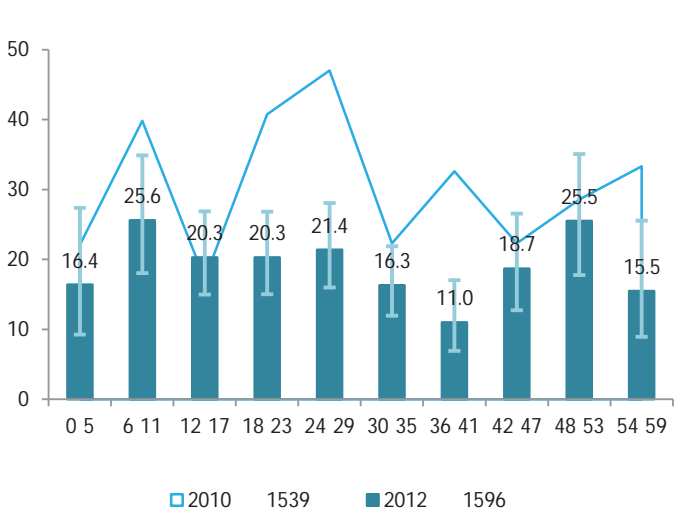
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



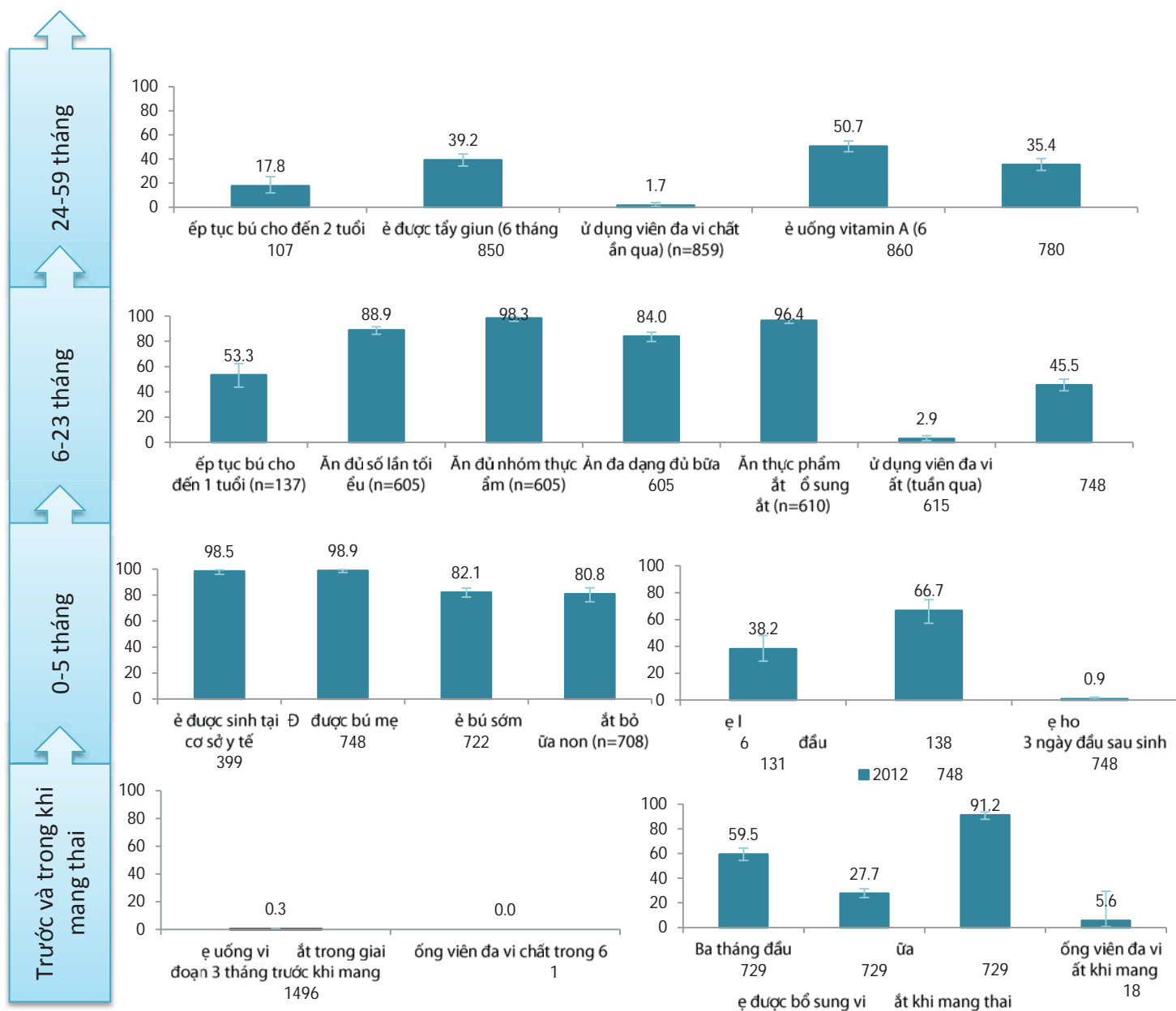
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



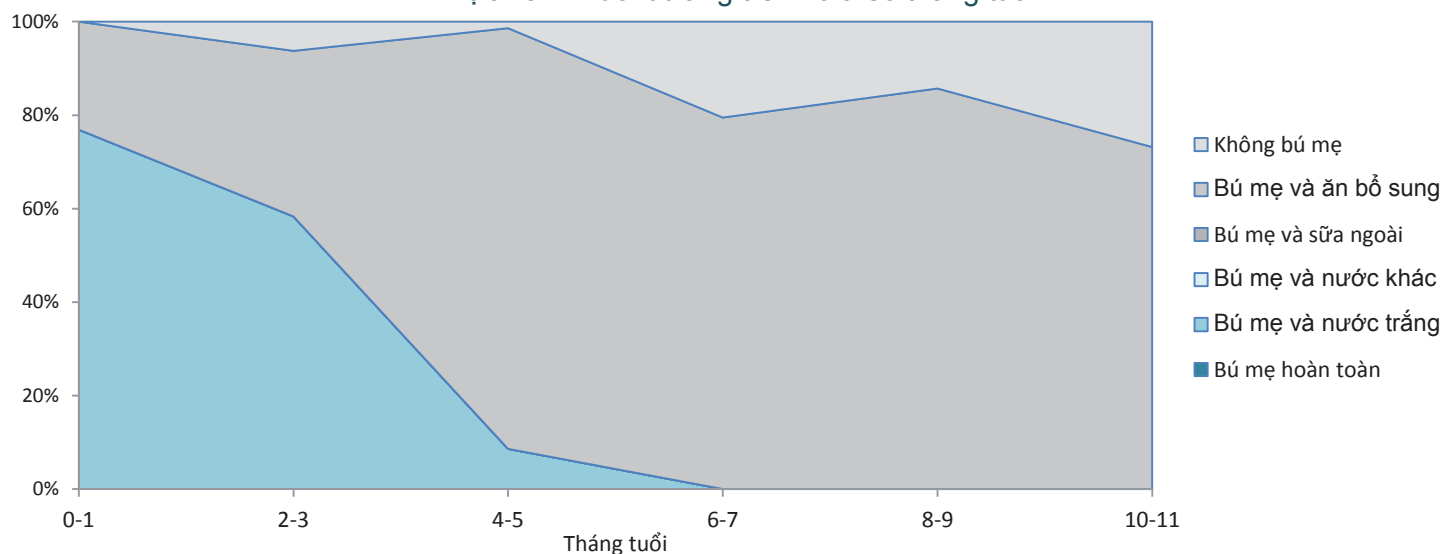
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

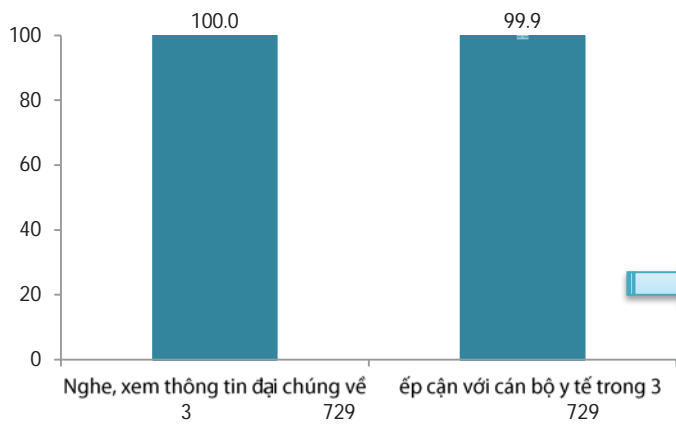


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

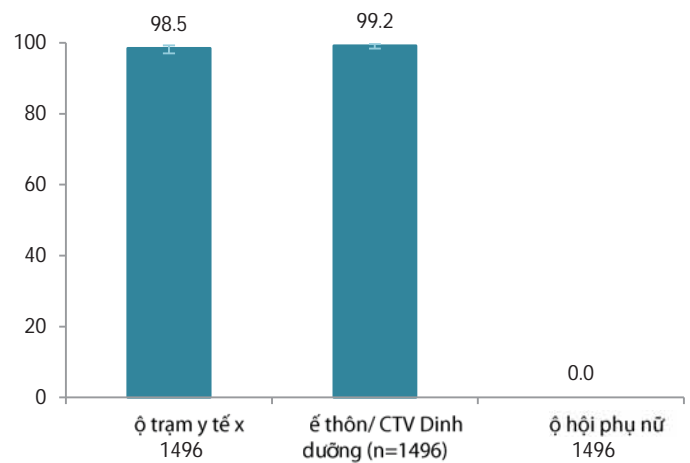
3 Bạc Liêu

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

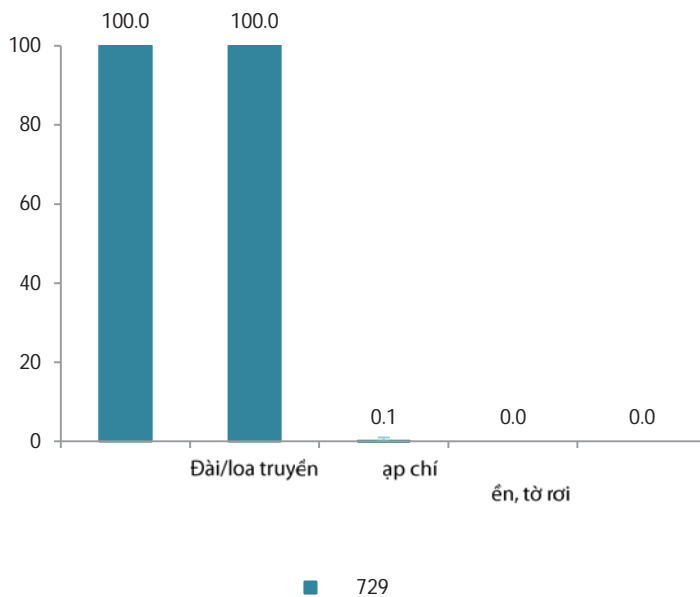
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



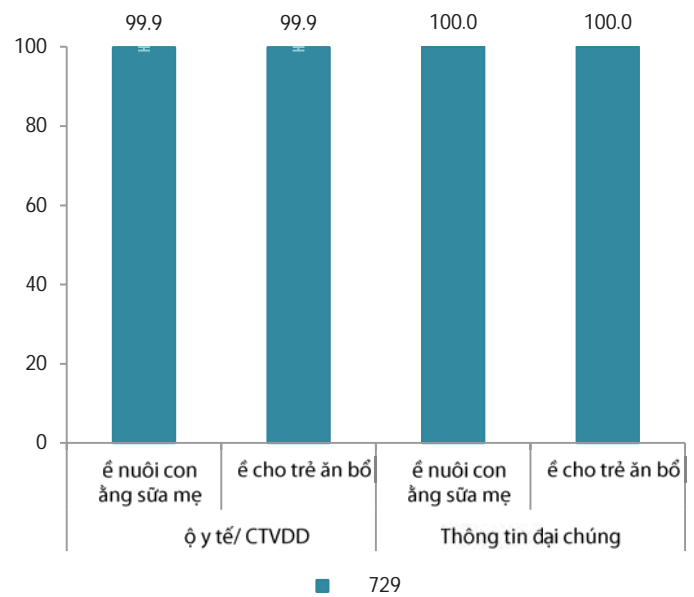
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



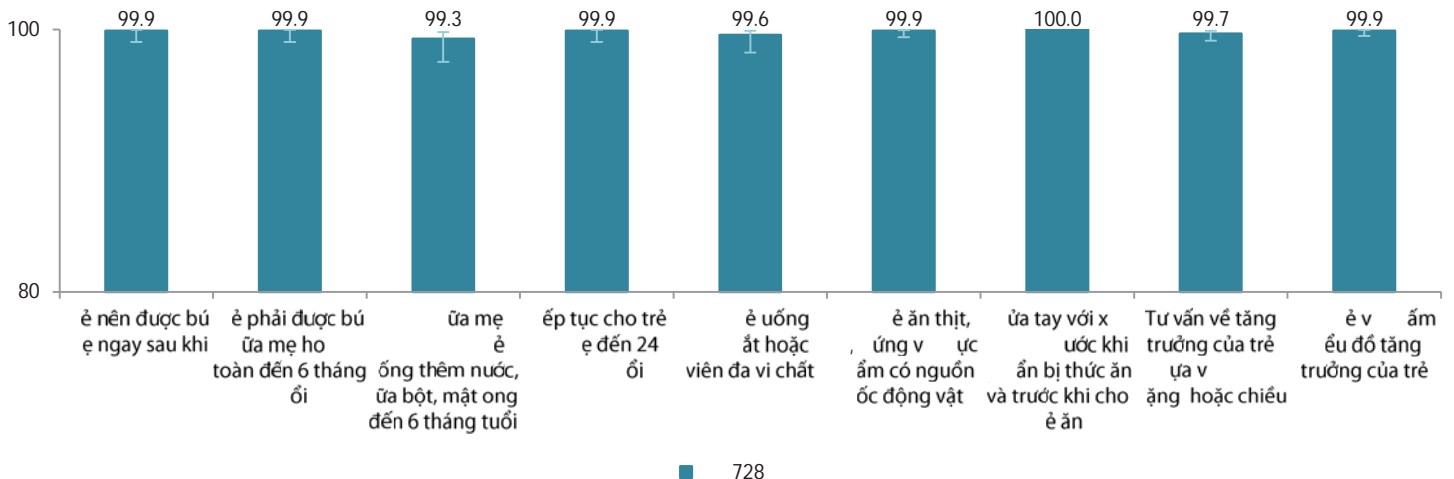
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

4. Bạc Liêu

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 15.6%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 69.3% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 26.1%, nhẹ cân là 15.1% và gầy còm là 7%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 5.3%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 79.6%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 2.7% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 57.5%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 74.8%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 45%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 75.1%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

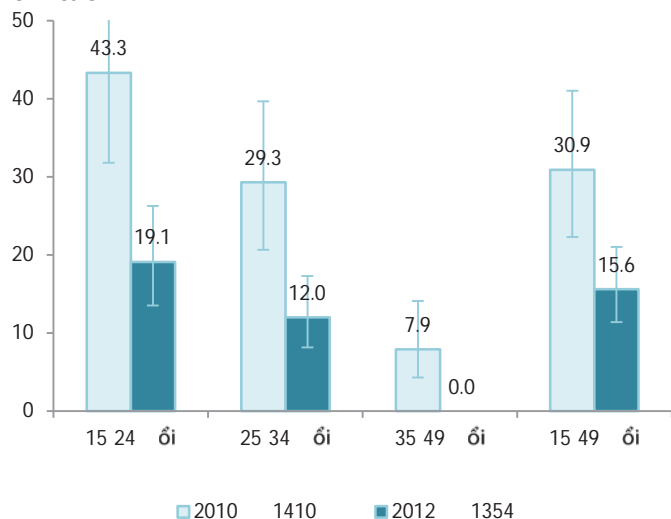
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|-----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 8 | Số bệnh viện | 12 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 101 | Số phòng khám đa khoa | 7 |
| Số thôn/bản | 868 | Số trạm y tế xã | 94 |
| Dân số | 1,215,694 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 83,449 | Số bác sỹ | 717 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 34,298 | Số y sỹ | 1,109 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 92 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 3.2% | Số nữ hộ sinh | 409 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 10.9% | Số y tế thôn bản | 1,062 |

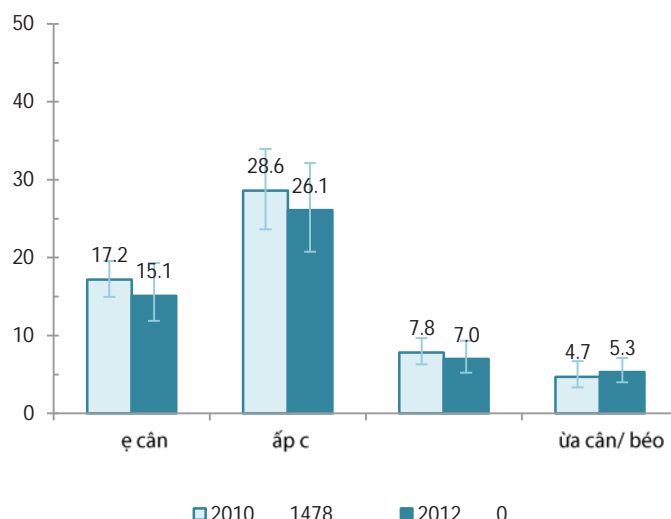
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

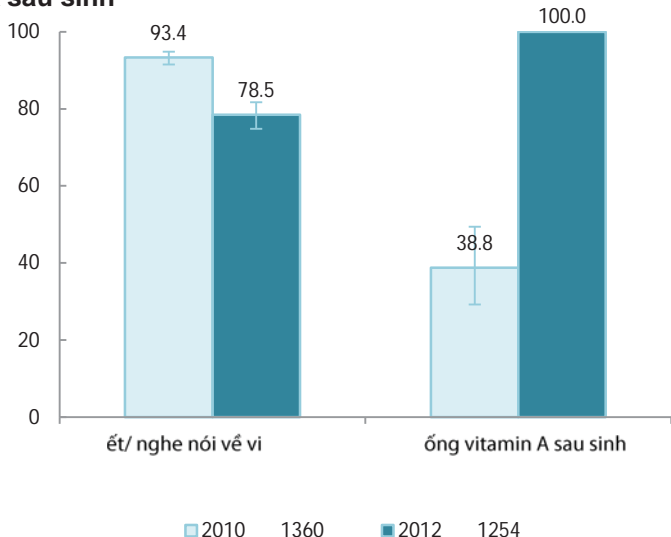
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



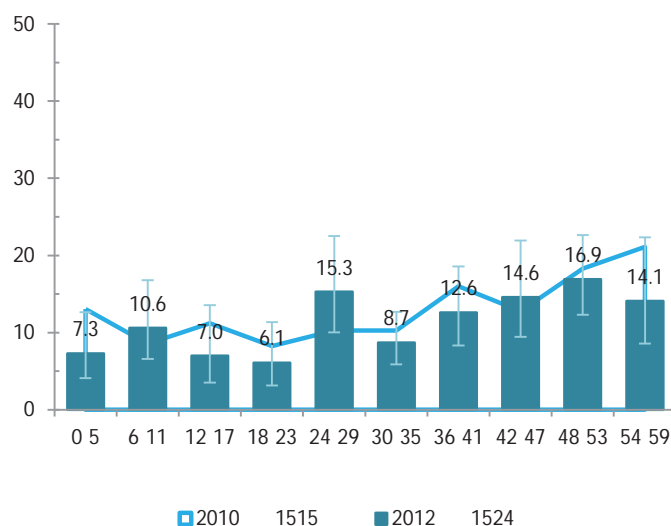
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



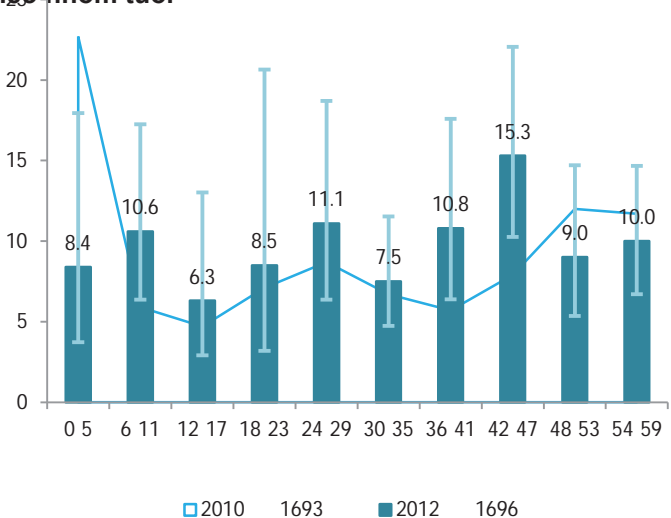
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



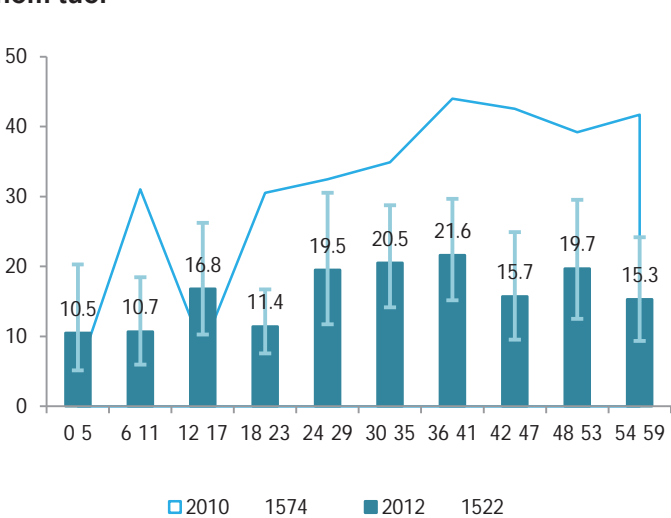
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



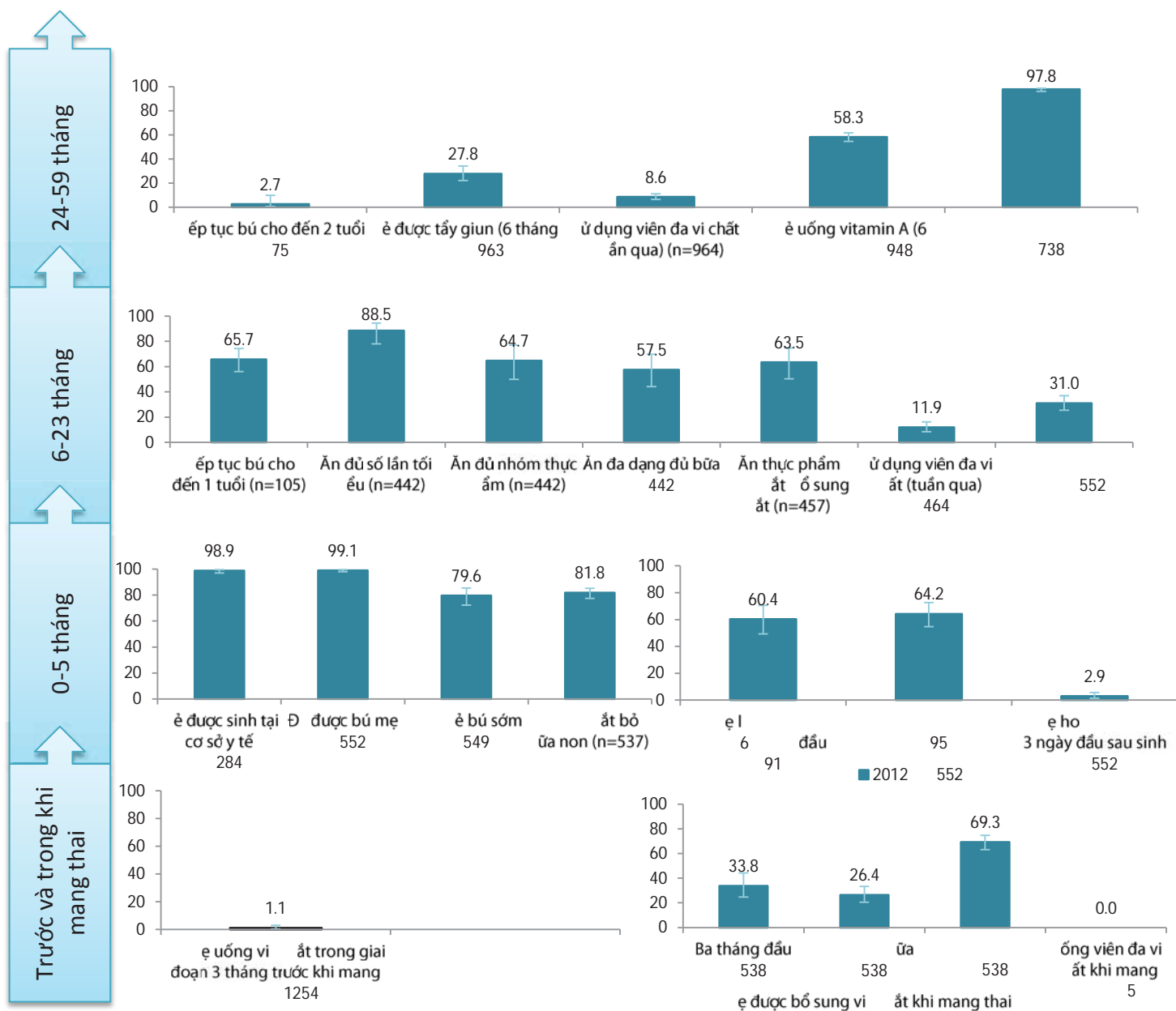
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



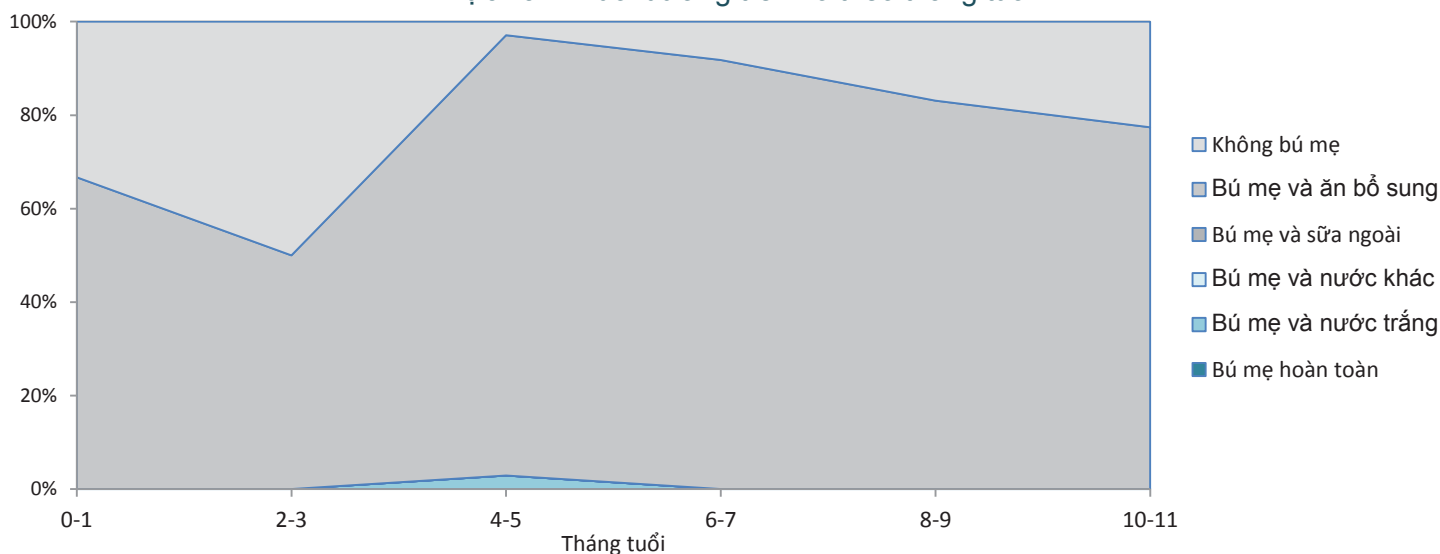
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

2. u

CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



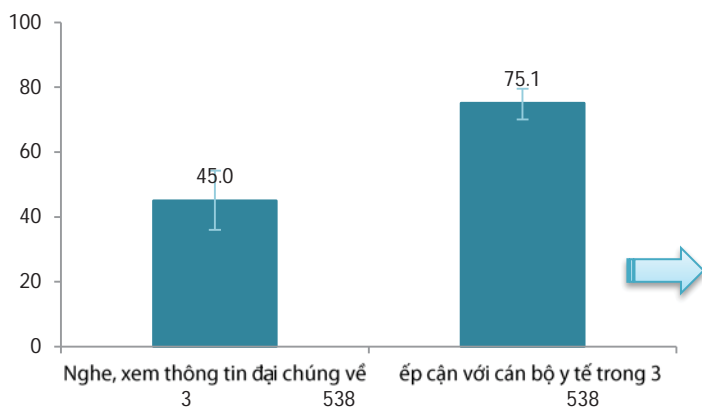
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



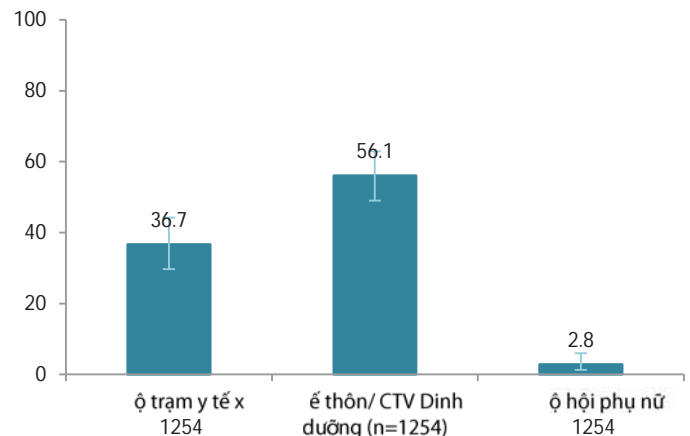
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

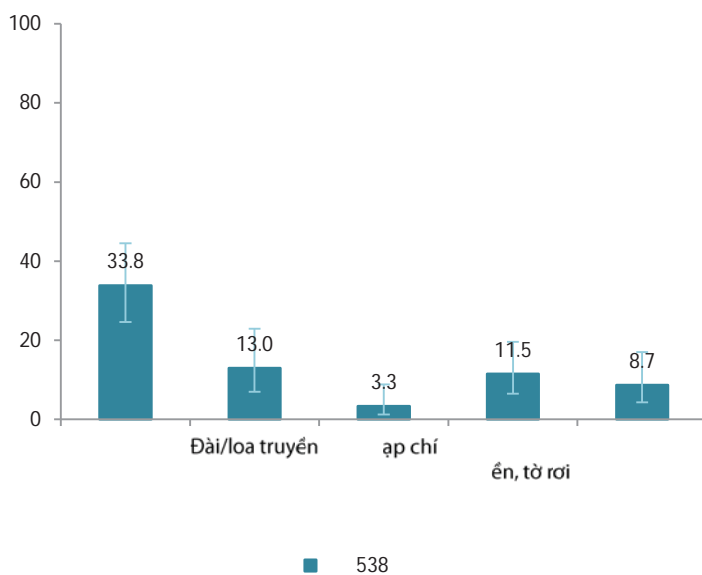
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



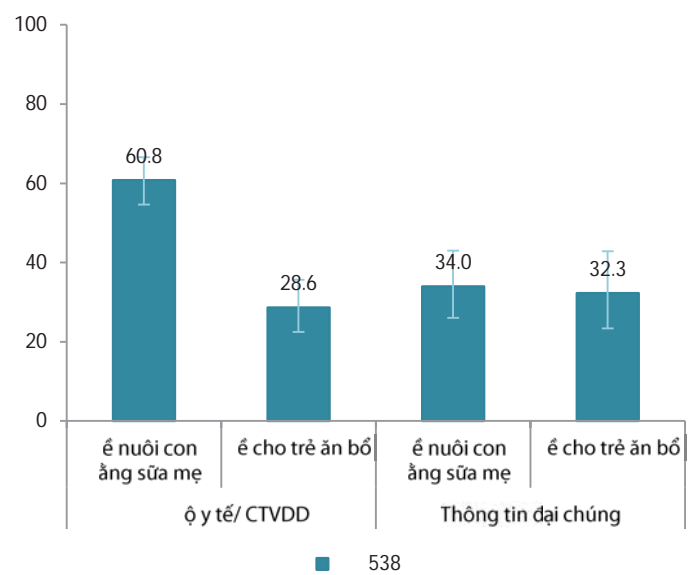
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



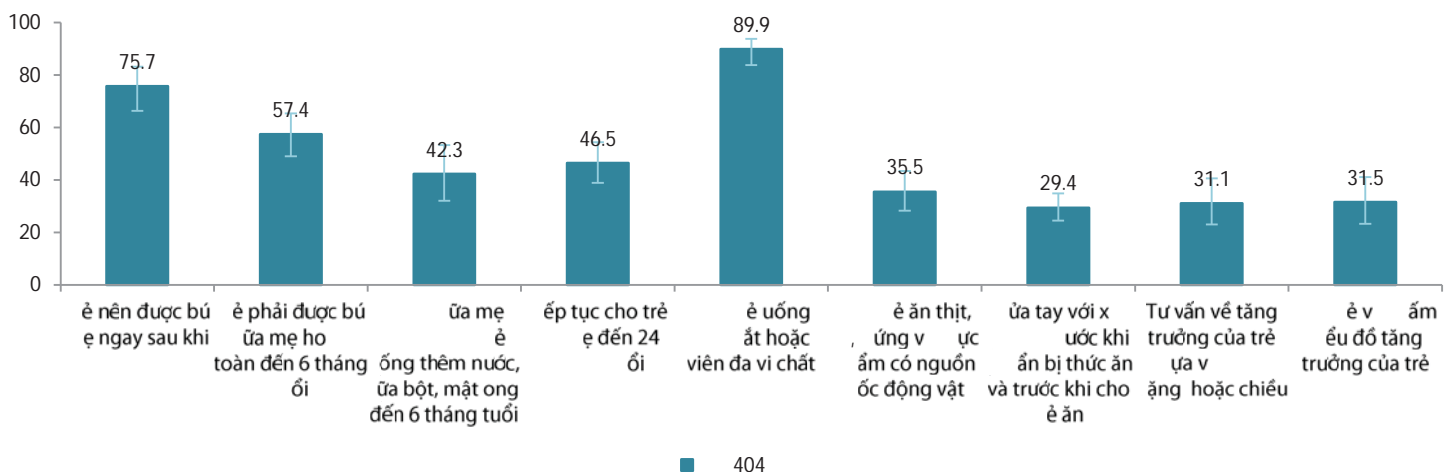
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Hậu Giang

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn (BMI < 18,5 kg/m²) là 16%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 93.3% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 98.4%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 26.8%, nhẹ cân là 15.3% và gầy còm là 6.9%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.6%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 51.1%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 16.9% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 66.9%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 87.6%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 78.6%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 86.6%.

Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

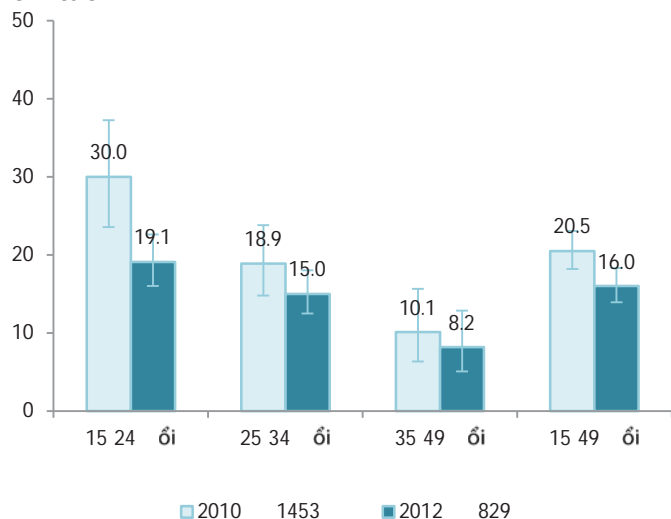
Các thông tin cơ bản ¹

| Chỉ số | Số lượng | Chỉ số | Số lượng |
|--|----------|-----------------------|----------|
| Số quận, huyện và thị xã | 6 | Số bệnh viện | 8 |
| Số phường, xã, và thị trấn | 73 | Số phòng khám đa khoa | 8 |
| Số thôn/bản | 524 | Số trạm y tế xã | 70 |
| Dân số | 759,333 | Số nhà hộ sinh | |
| Số trẻ dưới 5 tuổi | 59,821 | Số bác sỹ | 321 |
| Số trẻ dưới 2 tuổi | 24,586 | Số y sỹ | 644 |
| (ước tính bằng 41.1% số trẻ dưới 5 tuổi) | | Số y tá | 434 |
| Tỷ lệ người dân tộc ít người | 3.7% | Số nữ hộ sinh | 207 |
| Tỷ lệ hộ nghèo | 16.5% | Số y tế thôn bản | 421 |

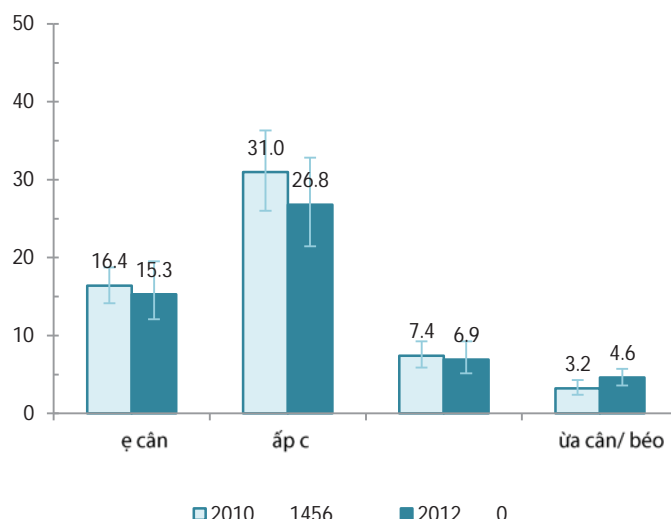
¹ Tổng cục Thống kê. Tổng Điều tra Dân số 2009 và Niên giám Thống kê 2010. Có tại: www.gso.gov.vn, Tham khảo ngày 10/2/2012

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2010 và 2012)

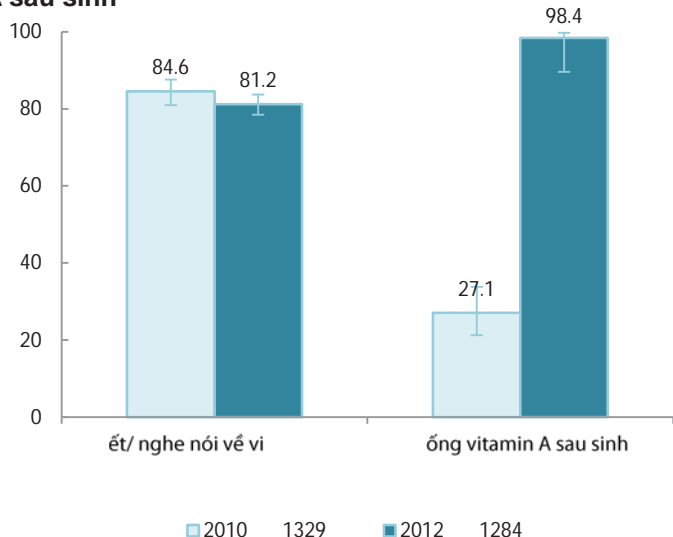
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



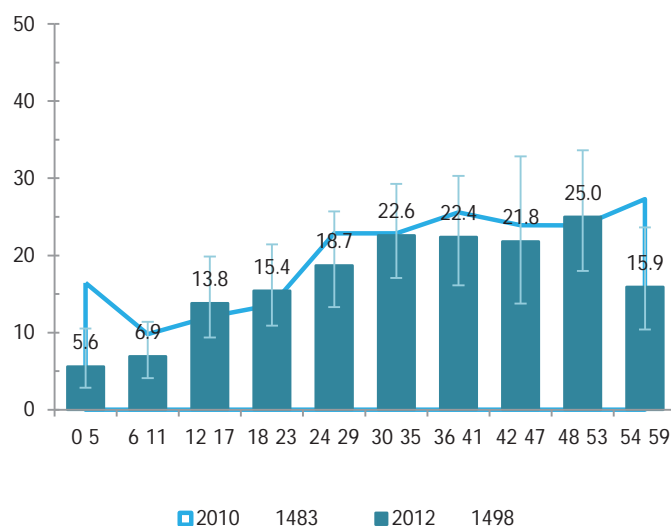
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



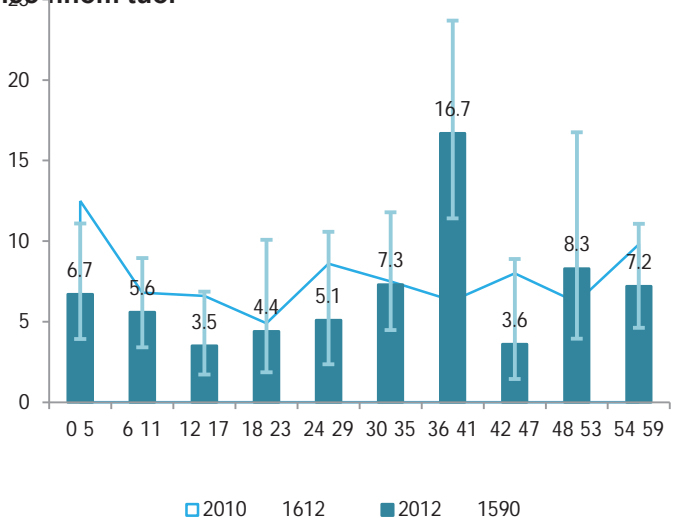
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



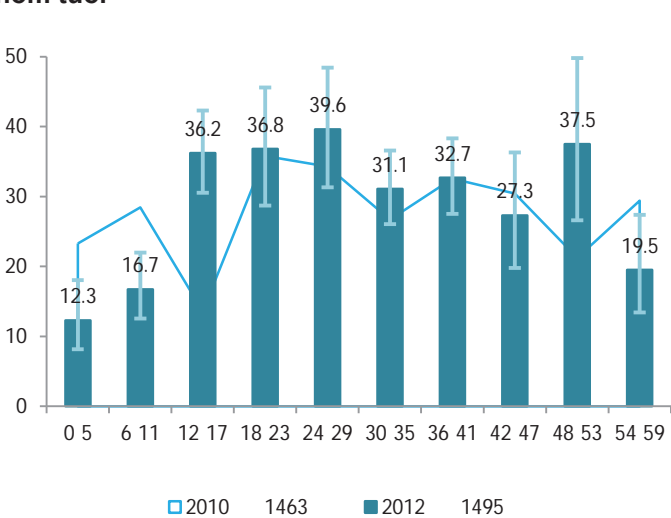
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



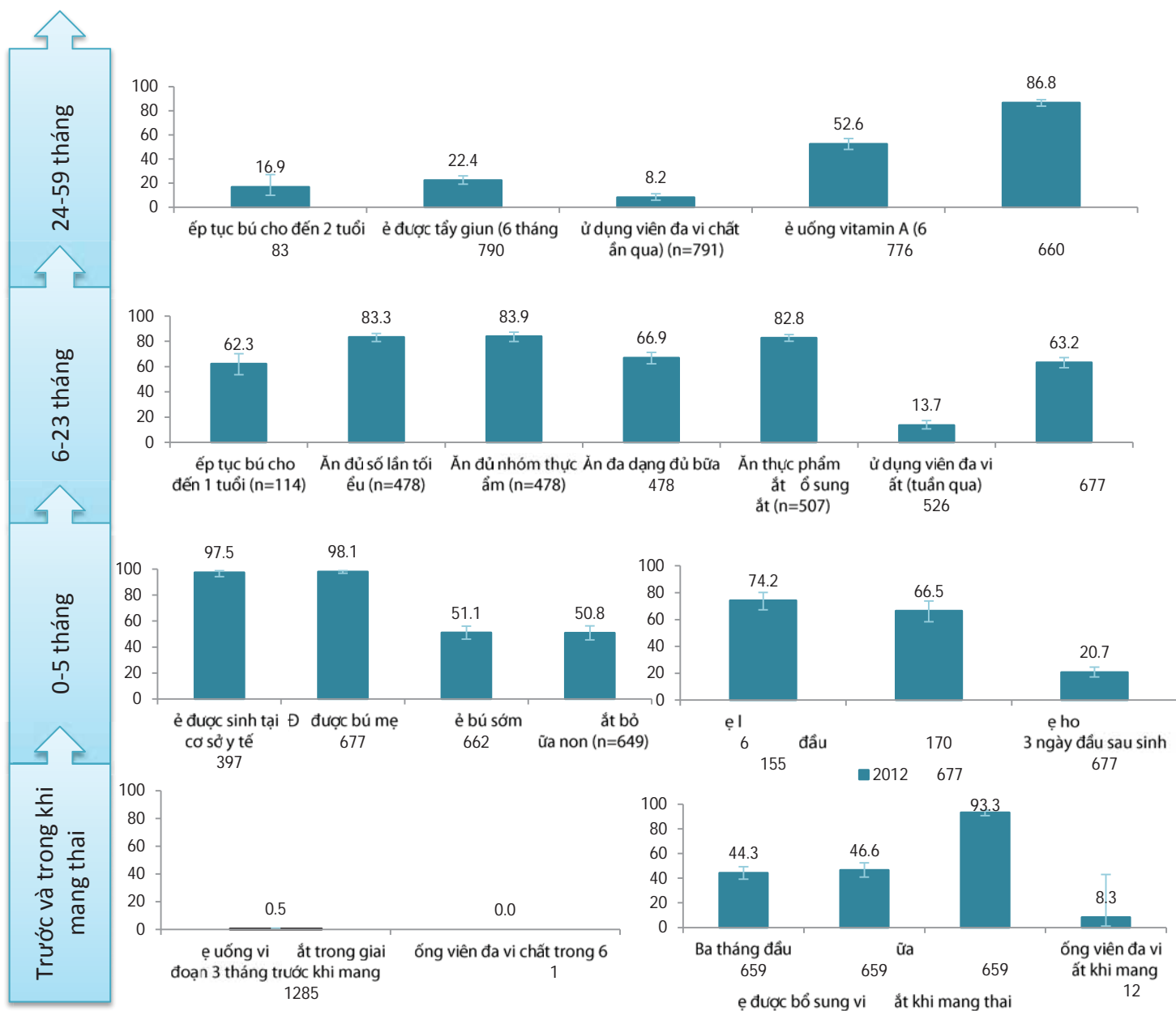
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



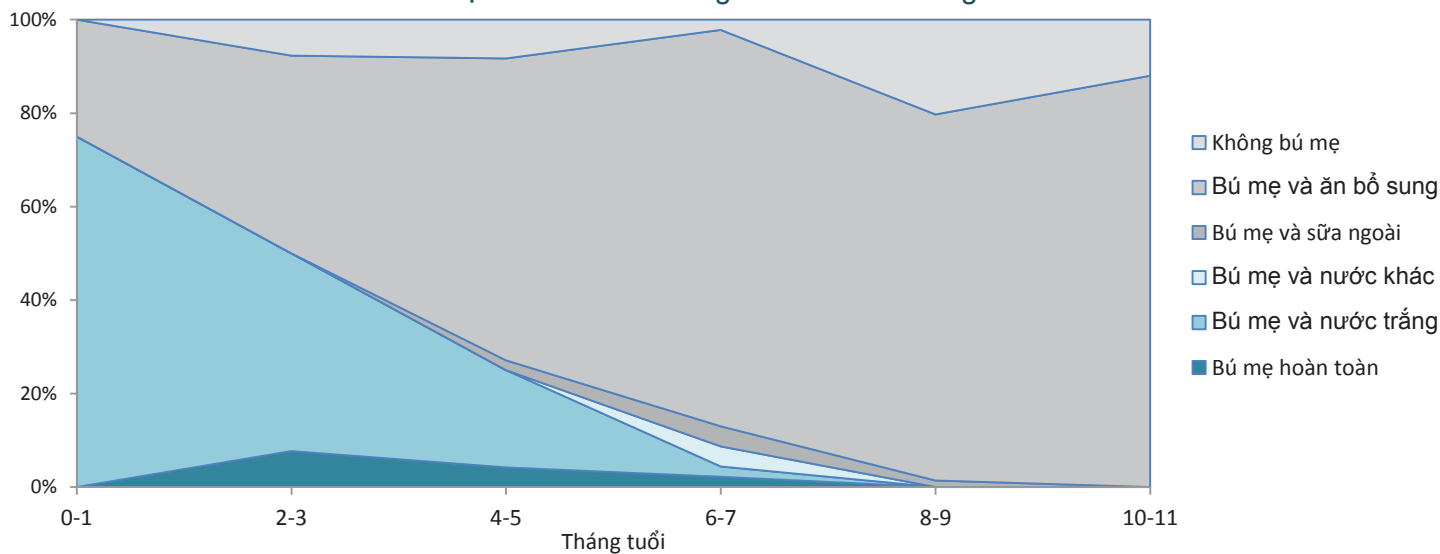
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



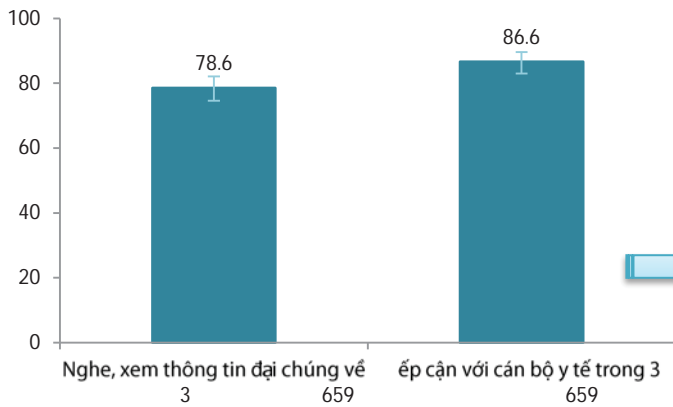
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



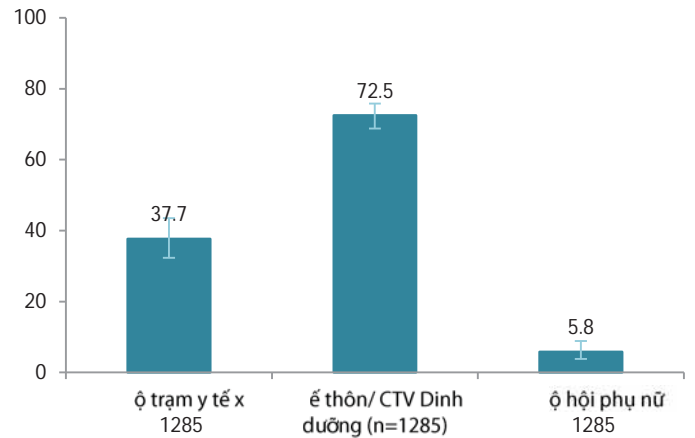
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng 3 Hậu Giang

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

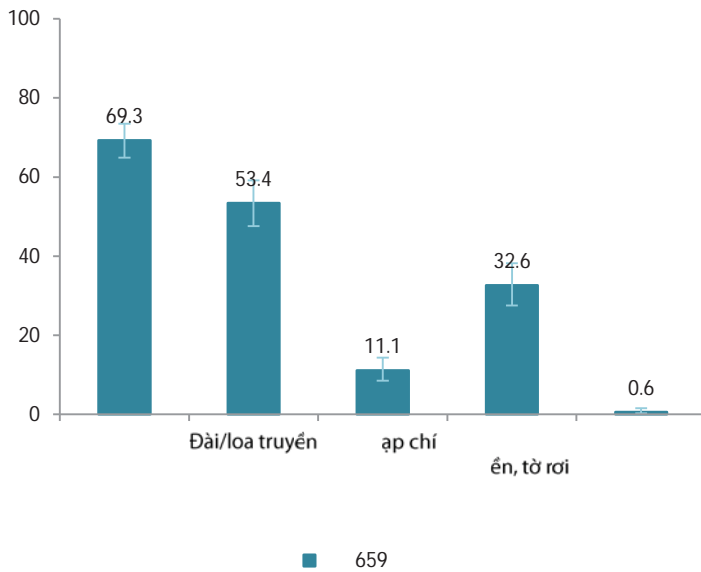
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



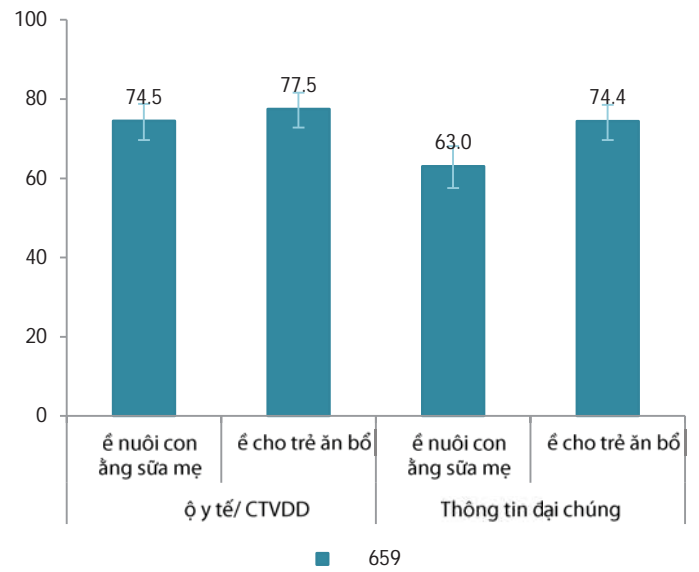
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



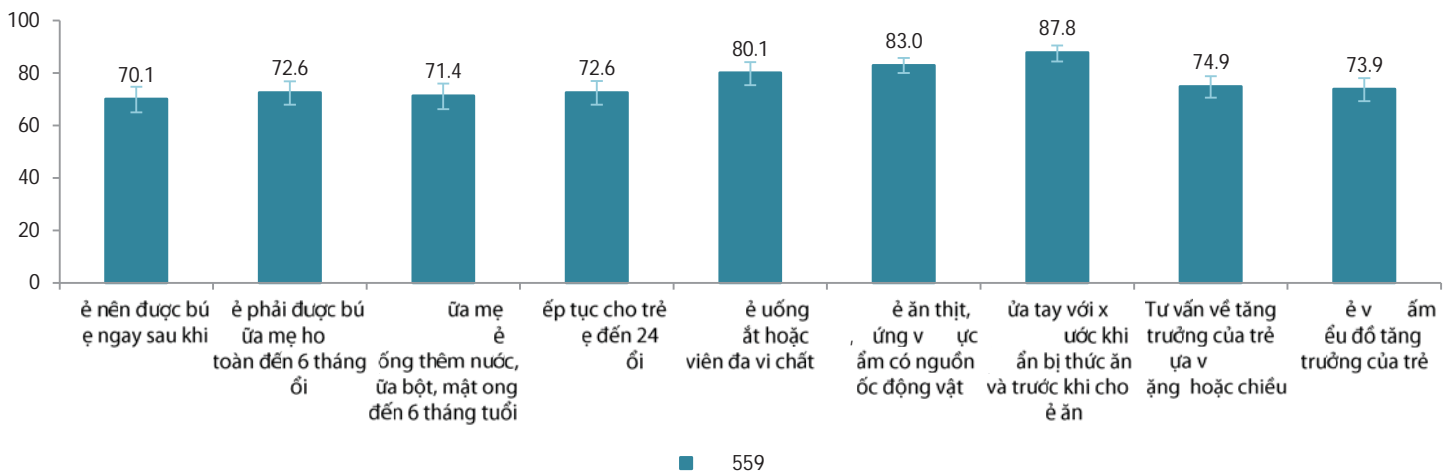
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Hà Nội - Thành thị

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

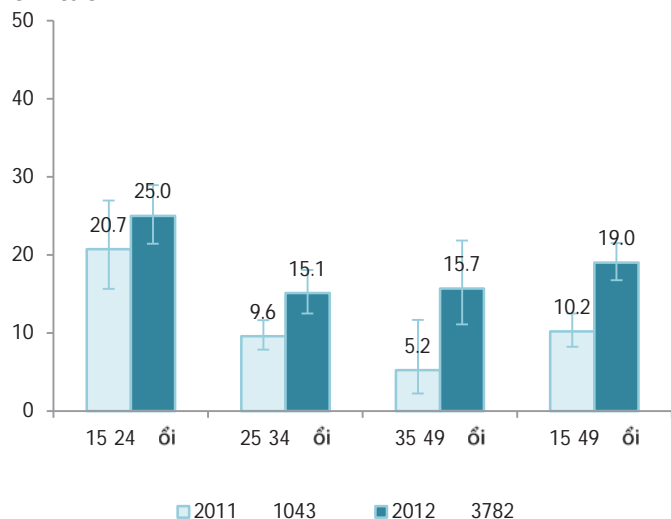
KẾT QUẢ CHÍNH

- a. Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn ($BMI < 18,5 \text{ kg/m}^2$) là 19%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 96.4% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- b. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 0%, nhẹ cân là 0% và gầy còm là 0%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 4.6%.
- c. Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 53.5%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 19.6% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 90.7%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 89%.
- d. Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 92.6%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 81%.

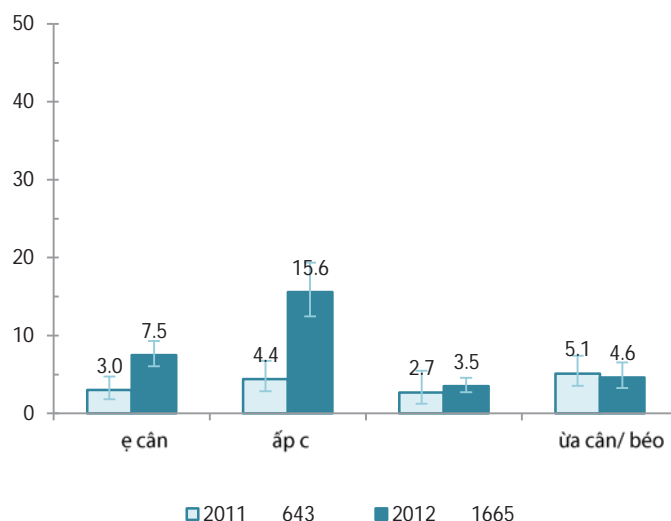
Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2011 và 2012)

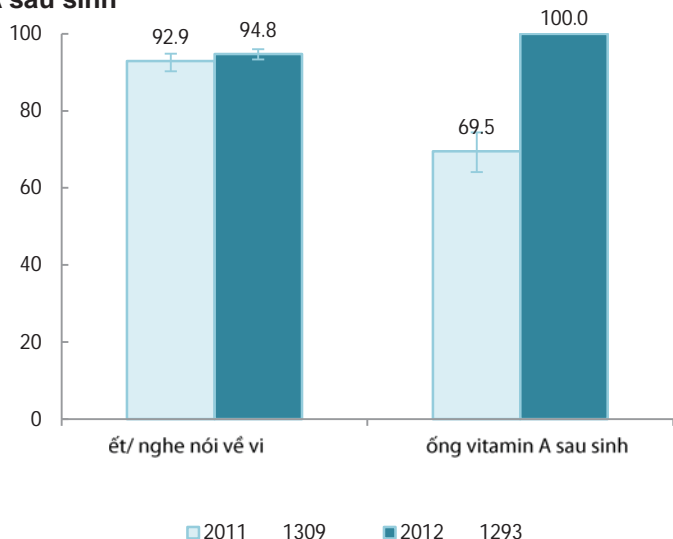
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



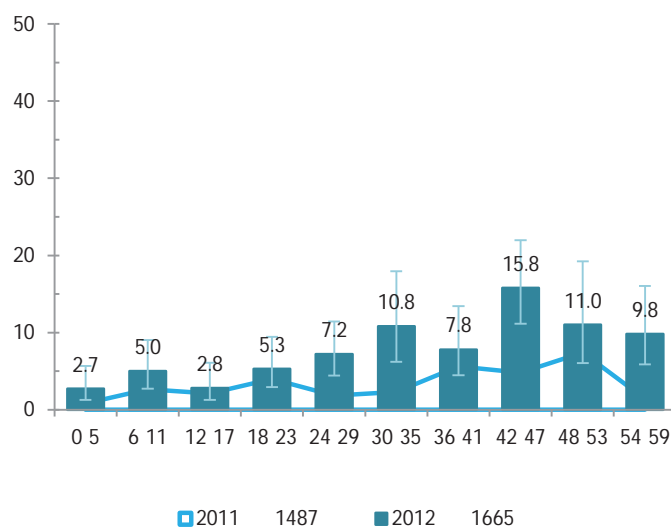
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



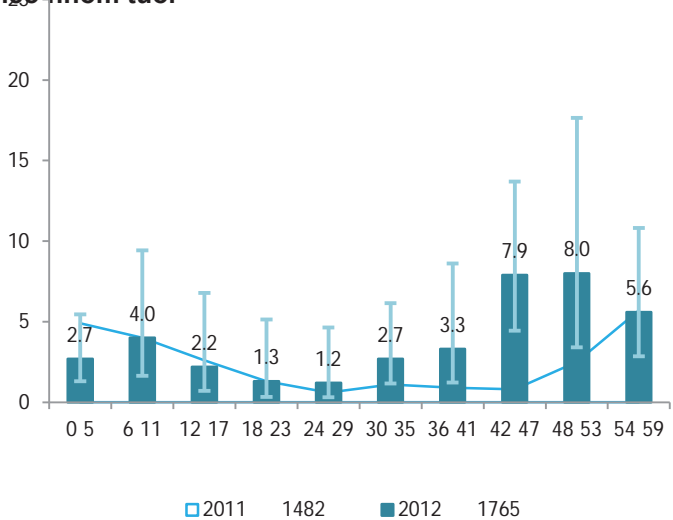
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



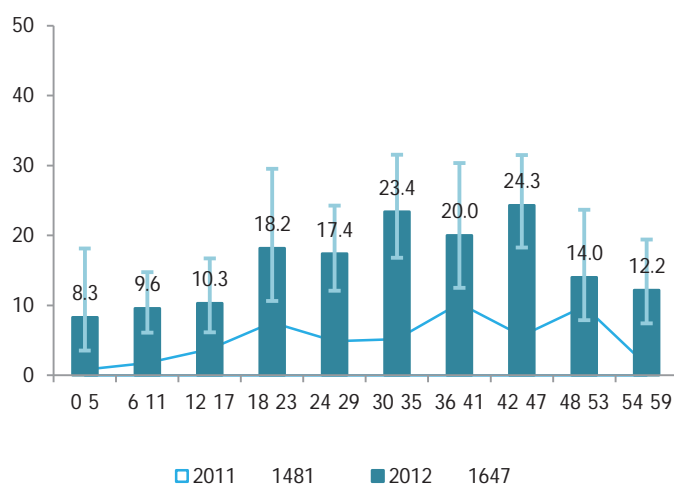
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



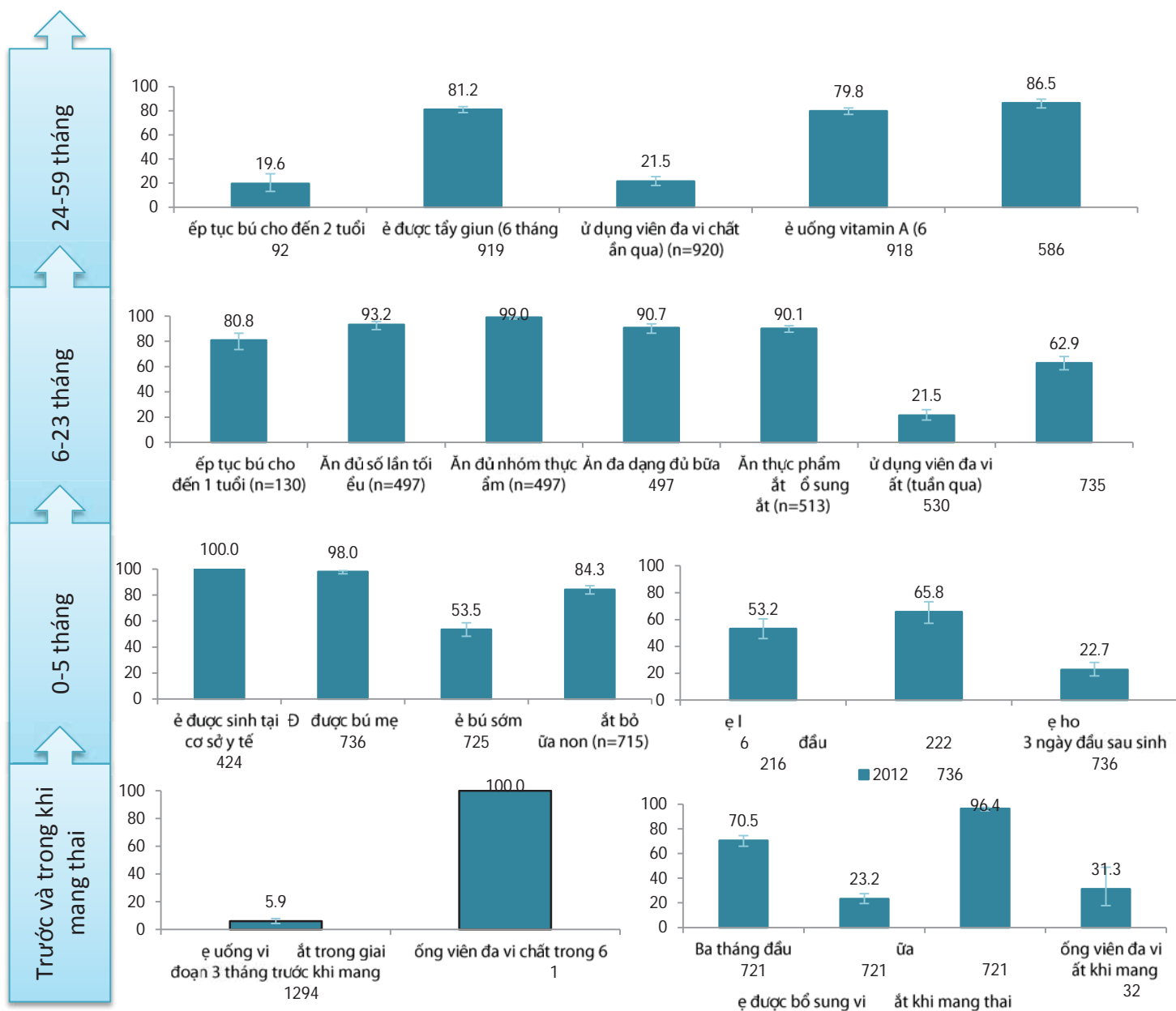
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



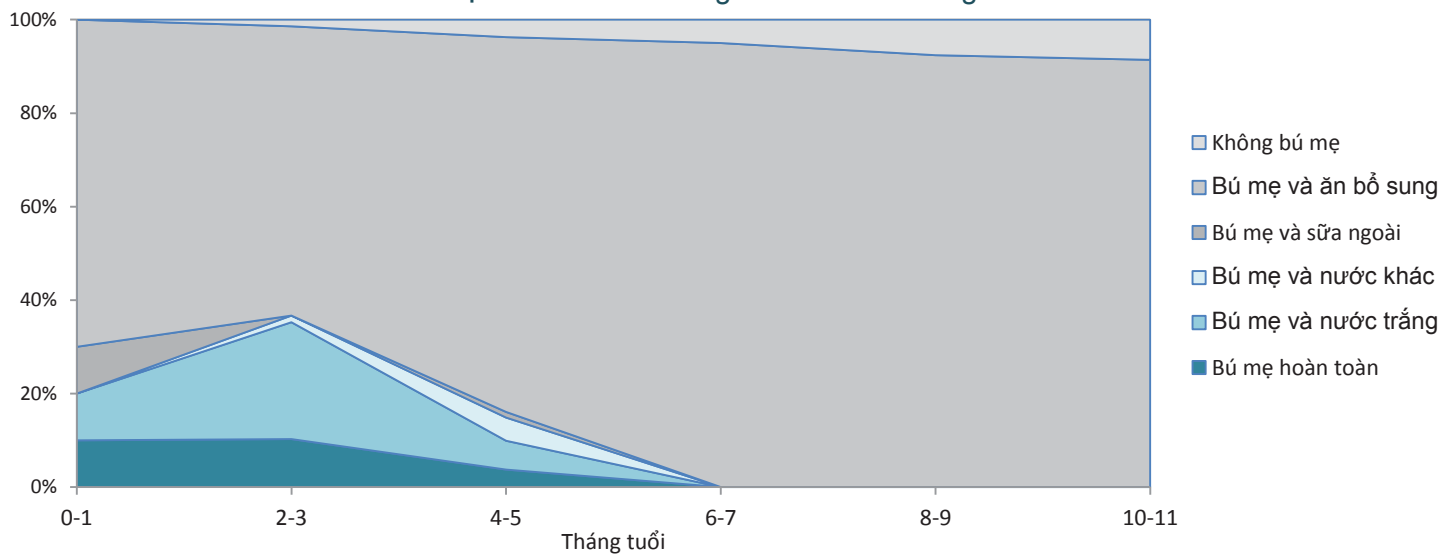
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



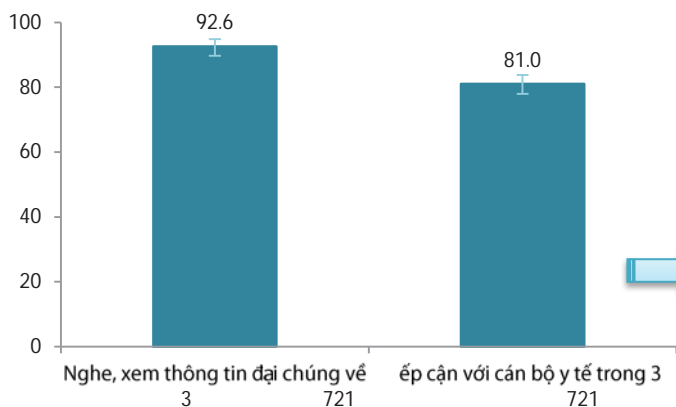
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



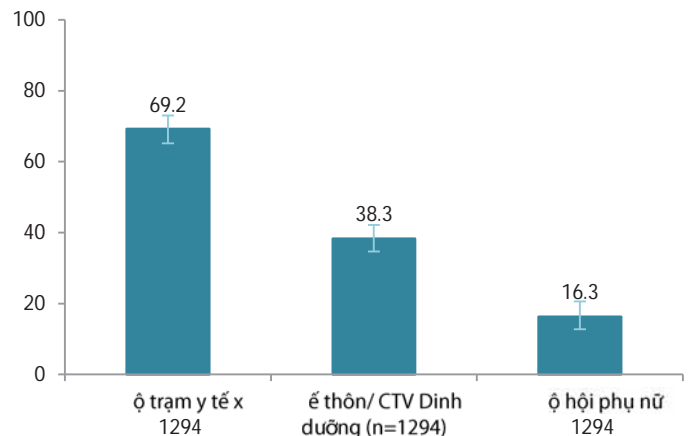
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Hà Nội - Thành thị

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

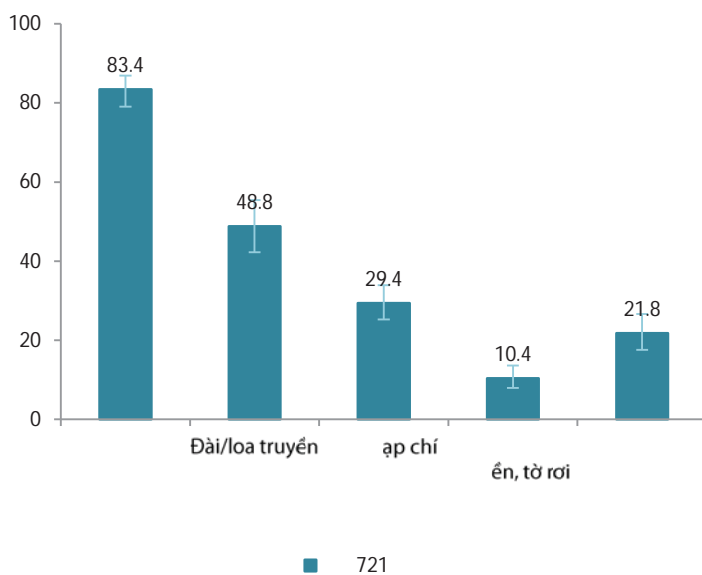
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



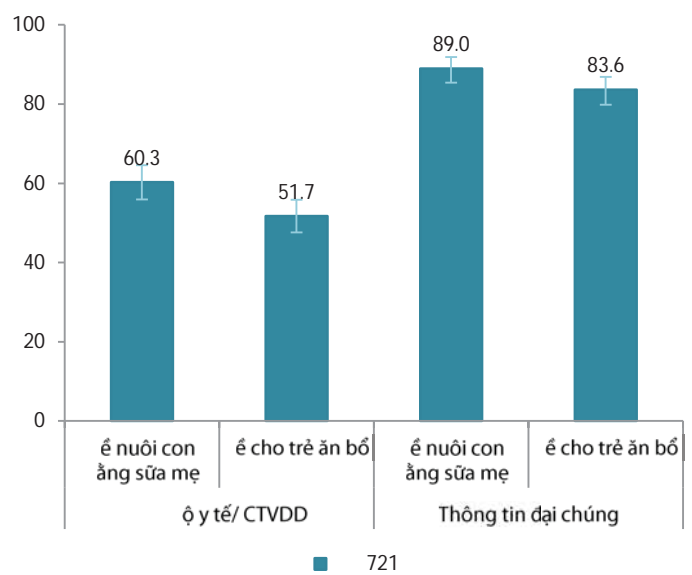
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



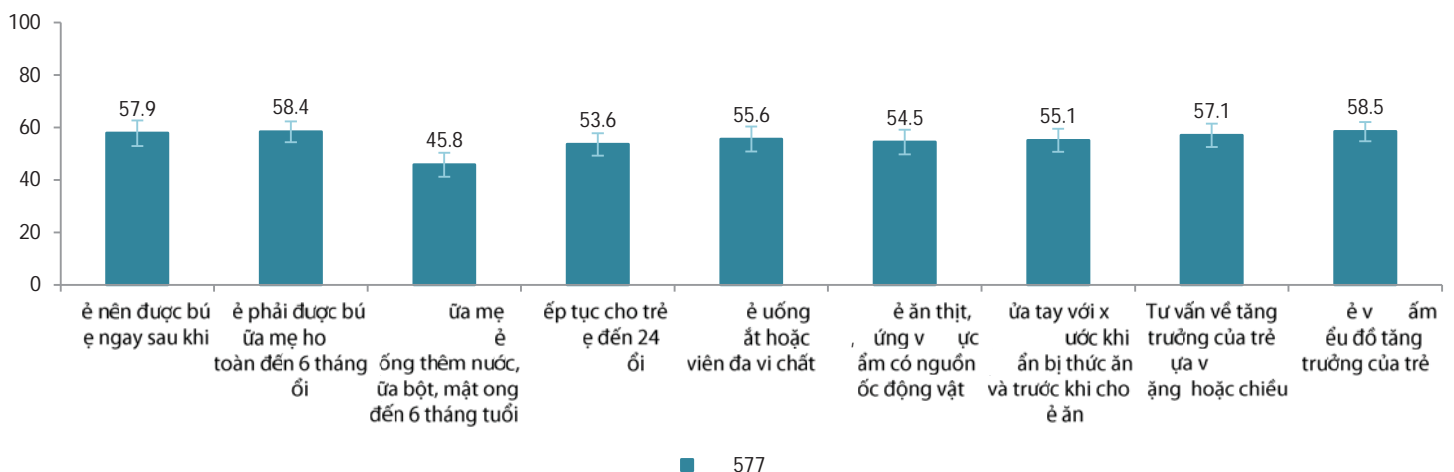
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



Hà Nội - Nông thôn

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

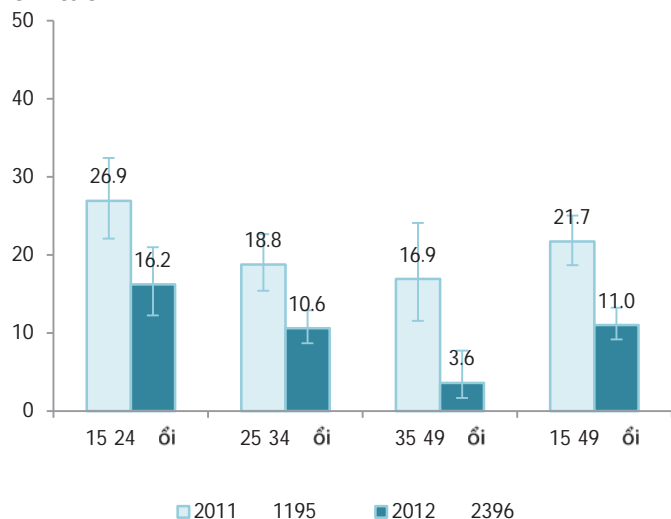
KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn ($BMI < 18,5 \text{ kg/m}^2$) là 11%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 95.2% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 0%, nhẹ cân là 0% và gầy còm là 0%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 6.7%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 36.6%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 18.4% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 88.5%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 89.5%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 95.1%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 73.3%.

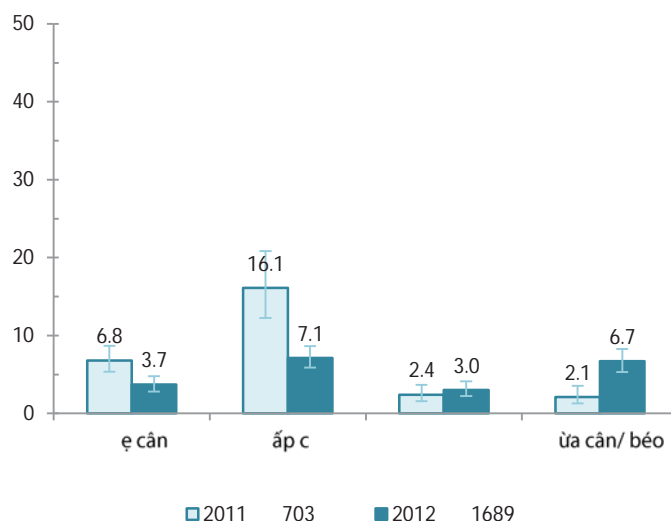
Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2011 và 2012)

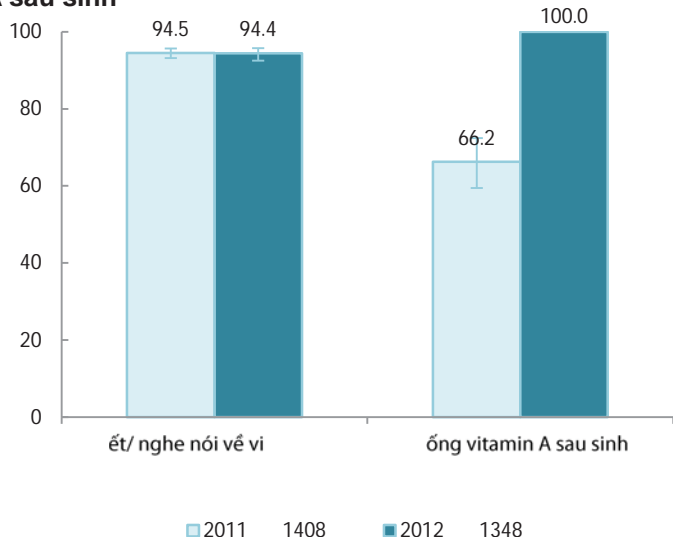
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



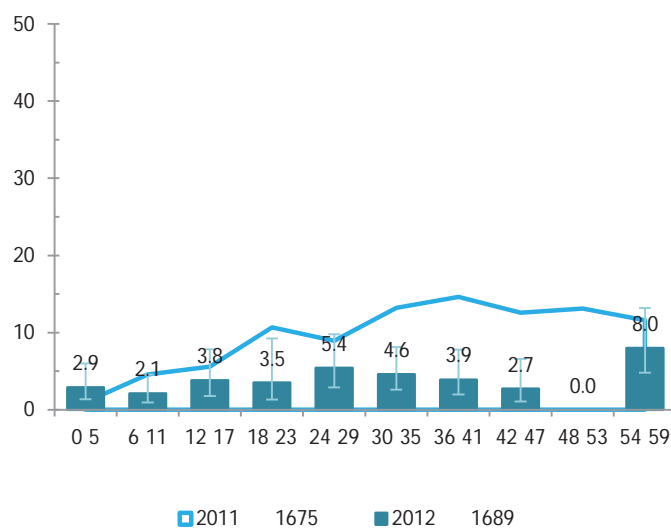
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



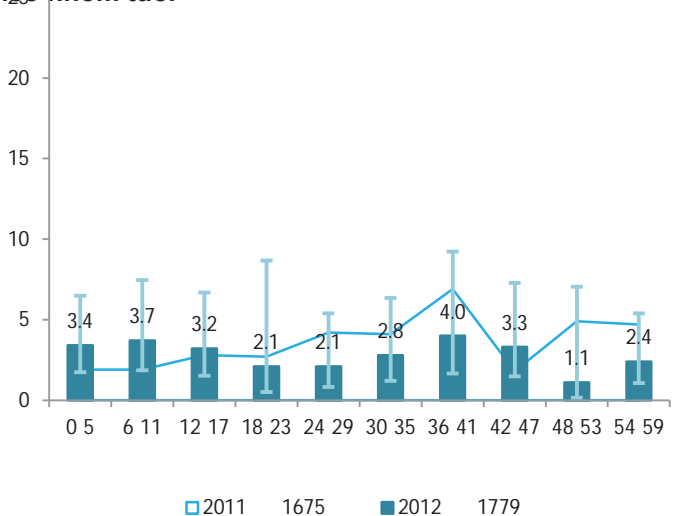
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



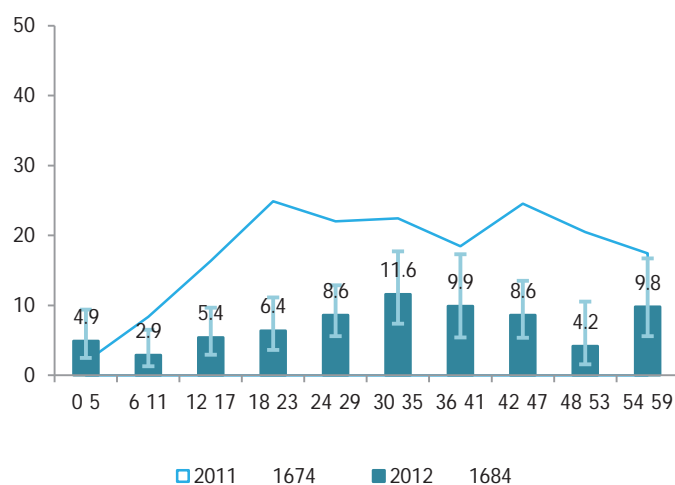
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



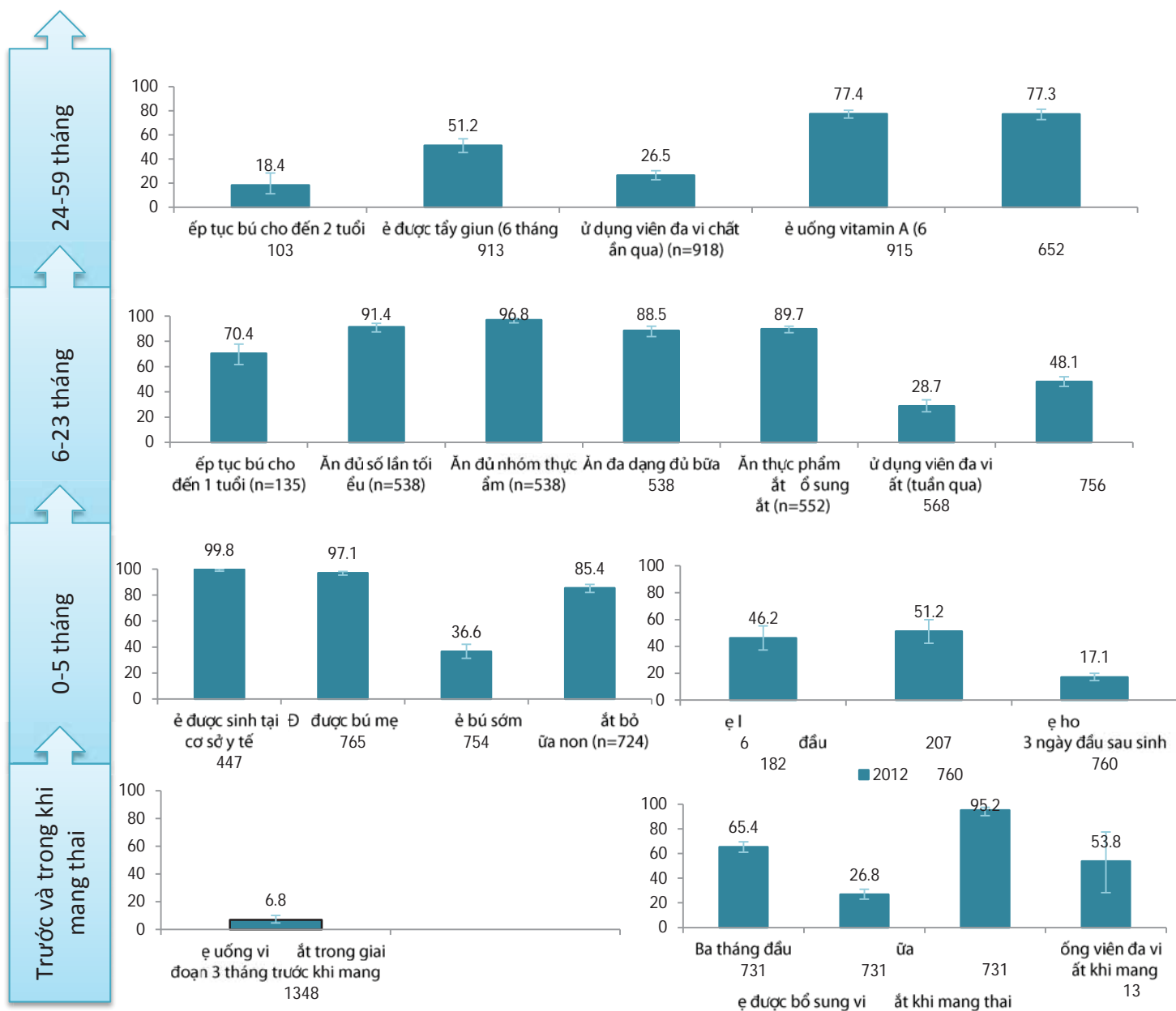
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



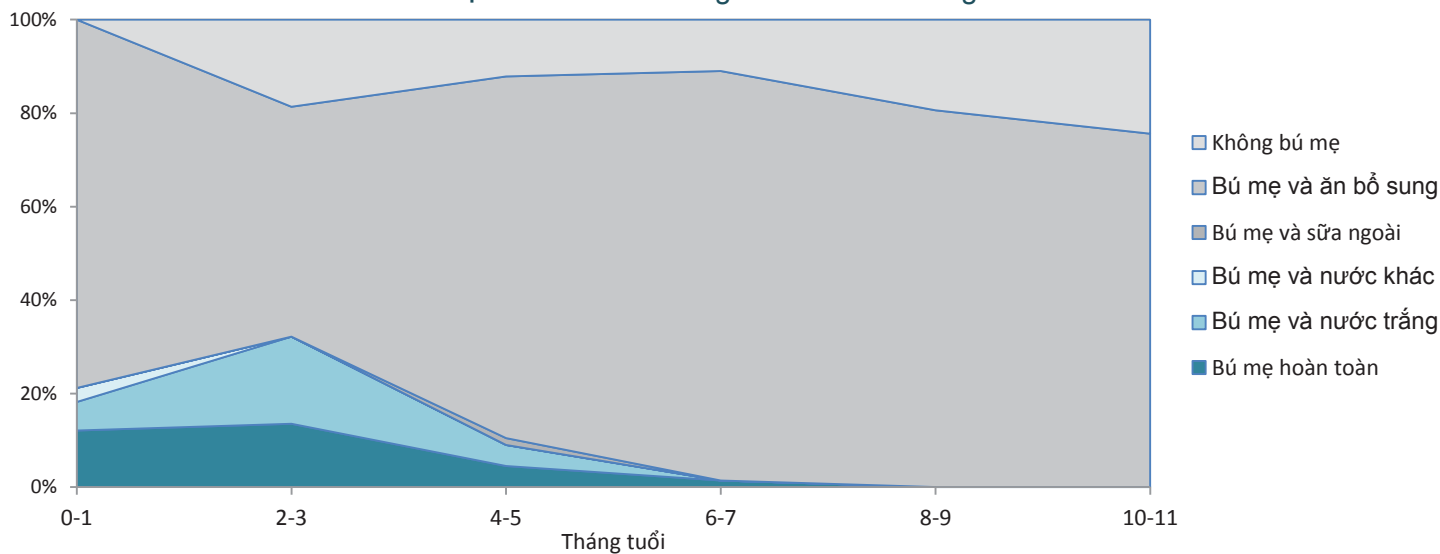
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



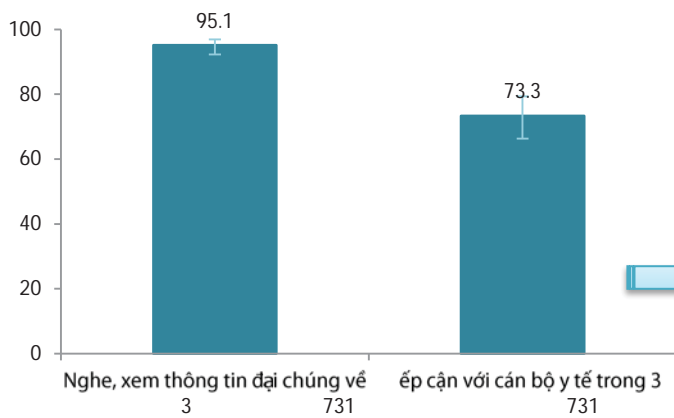
Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi



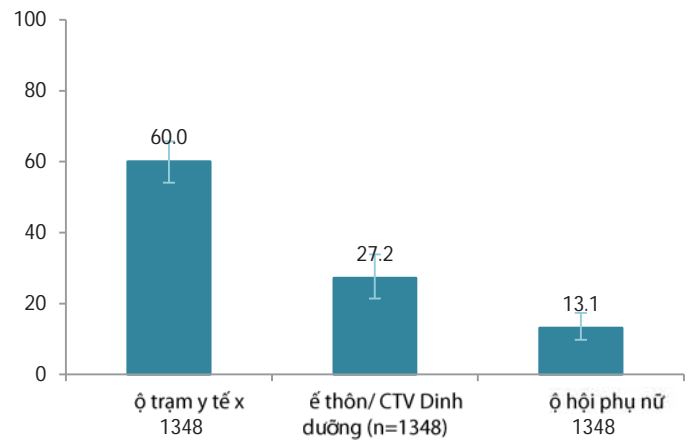
Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng
3 Hà Nội - Nông thôn

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

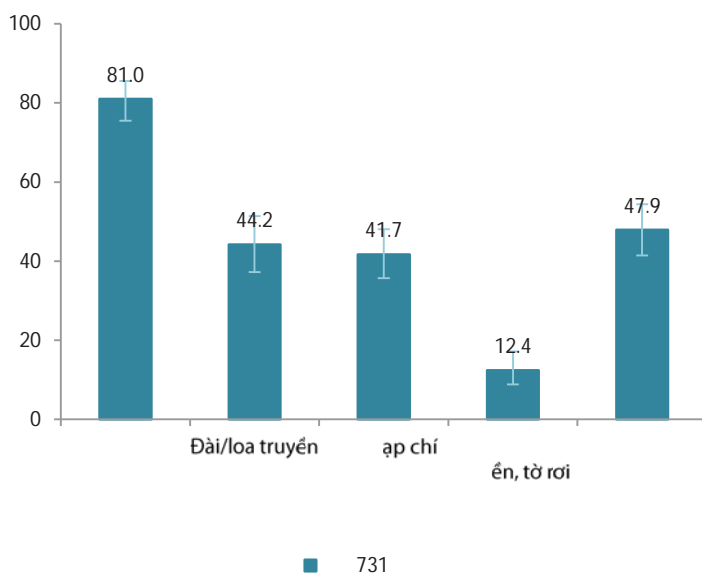
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



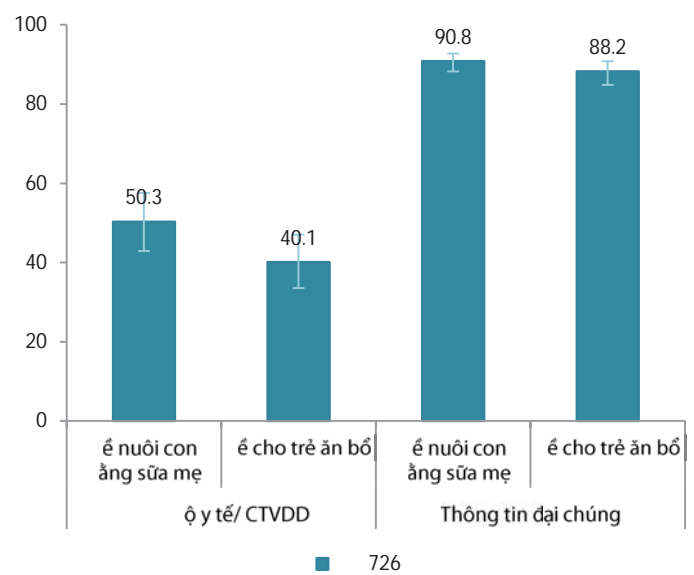
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



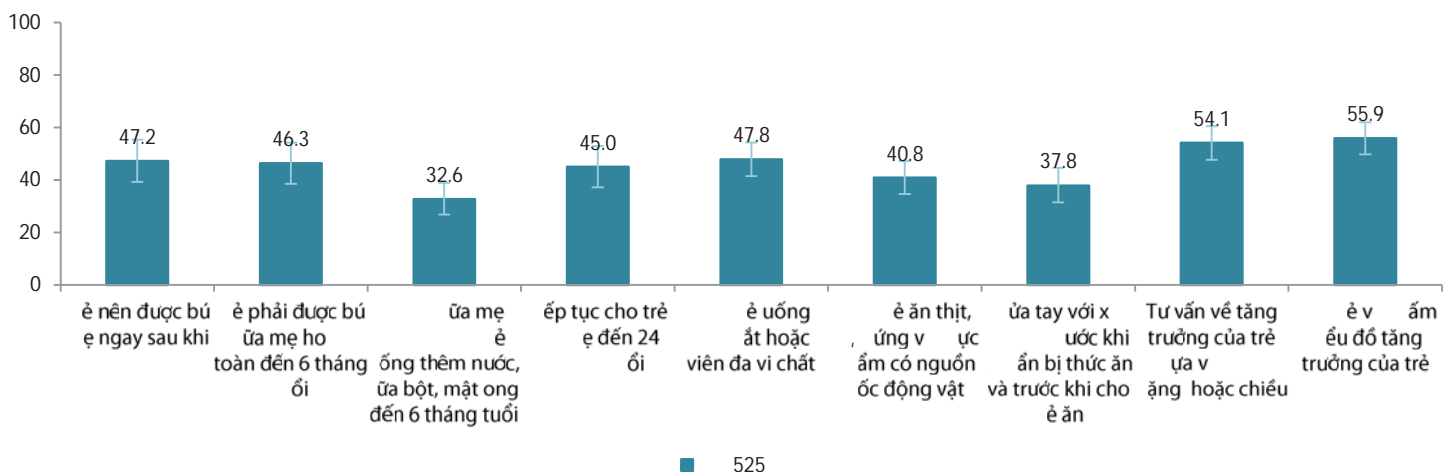
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



TP. Hồ Chí Minh - Thành thị

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

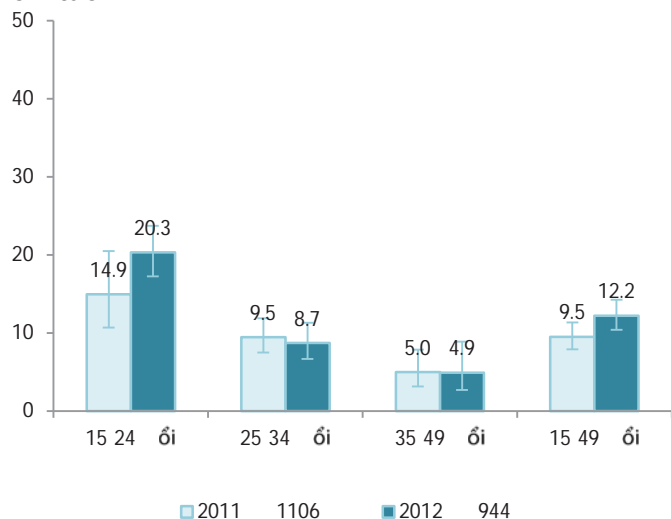
KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn ($BMI < 18,5 \text{ kg/m}^2$) là 12.2%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 84.1% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 78.1%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 0%, nhẹ cân là 0% và gầy còm là 0%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 8.7%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 36.3%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 19.6% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 79.7%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 80.6%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 79%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 61.6%.

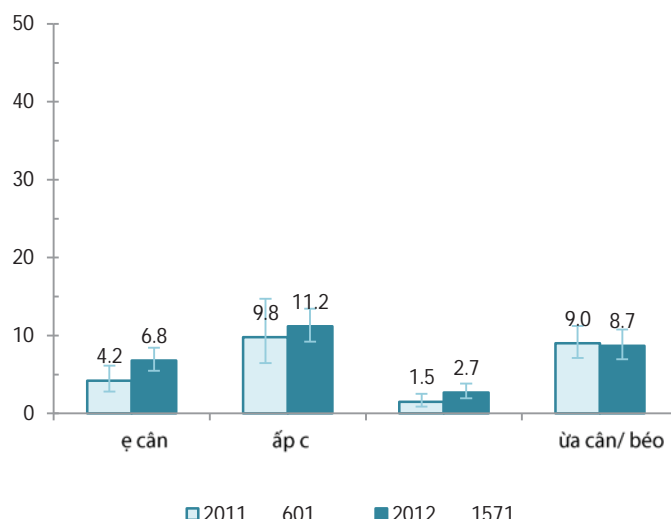
Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2011 và 2012)

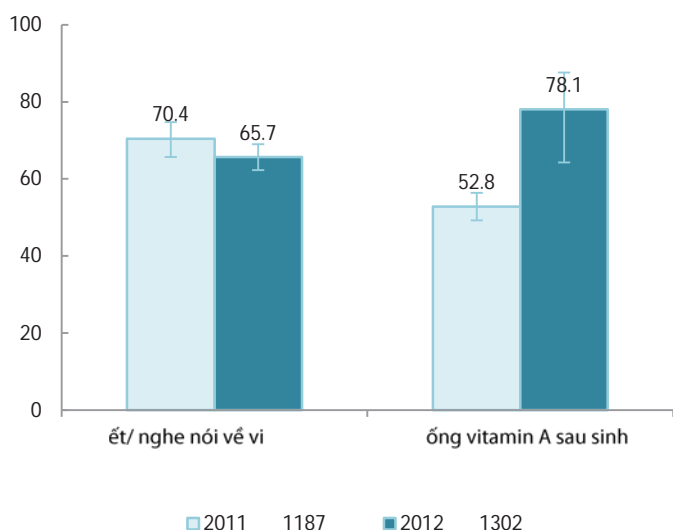
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



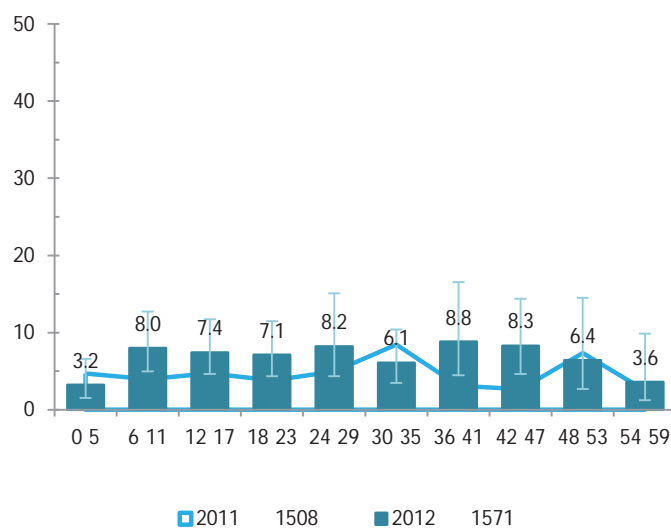
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



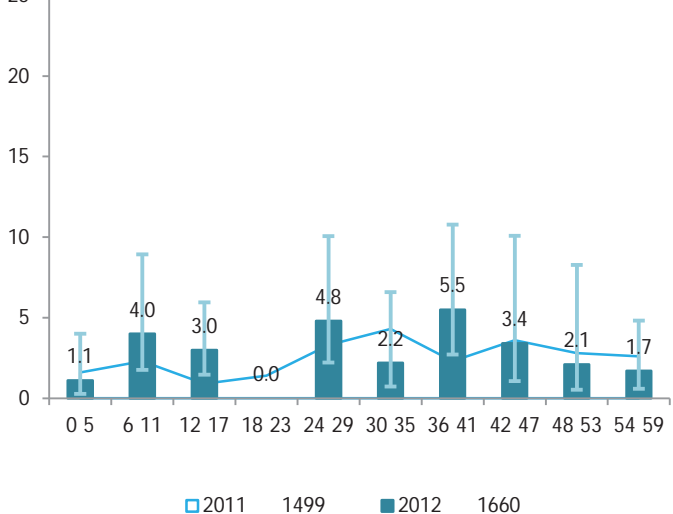
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



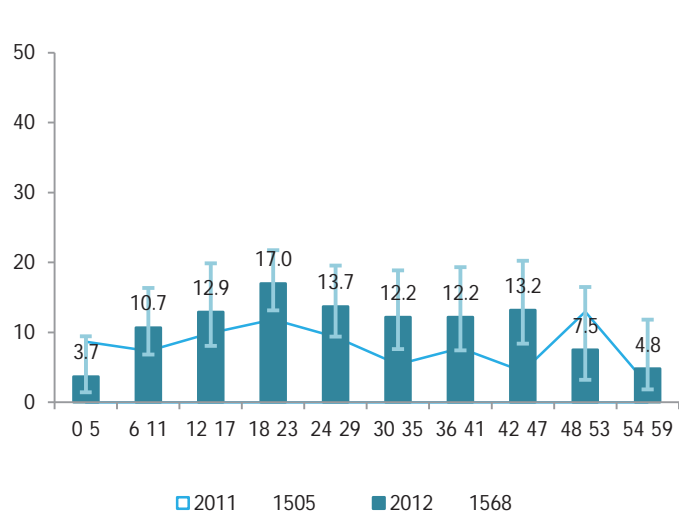
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



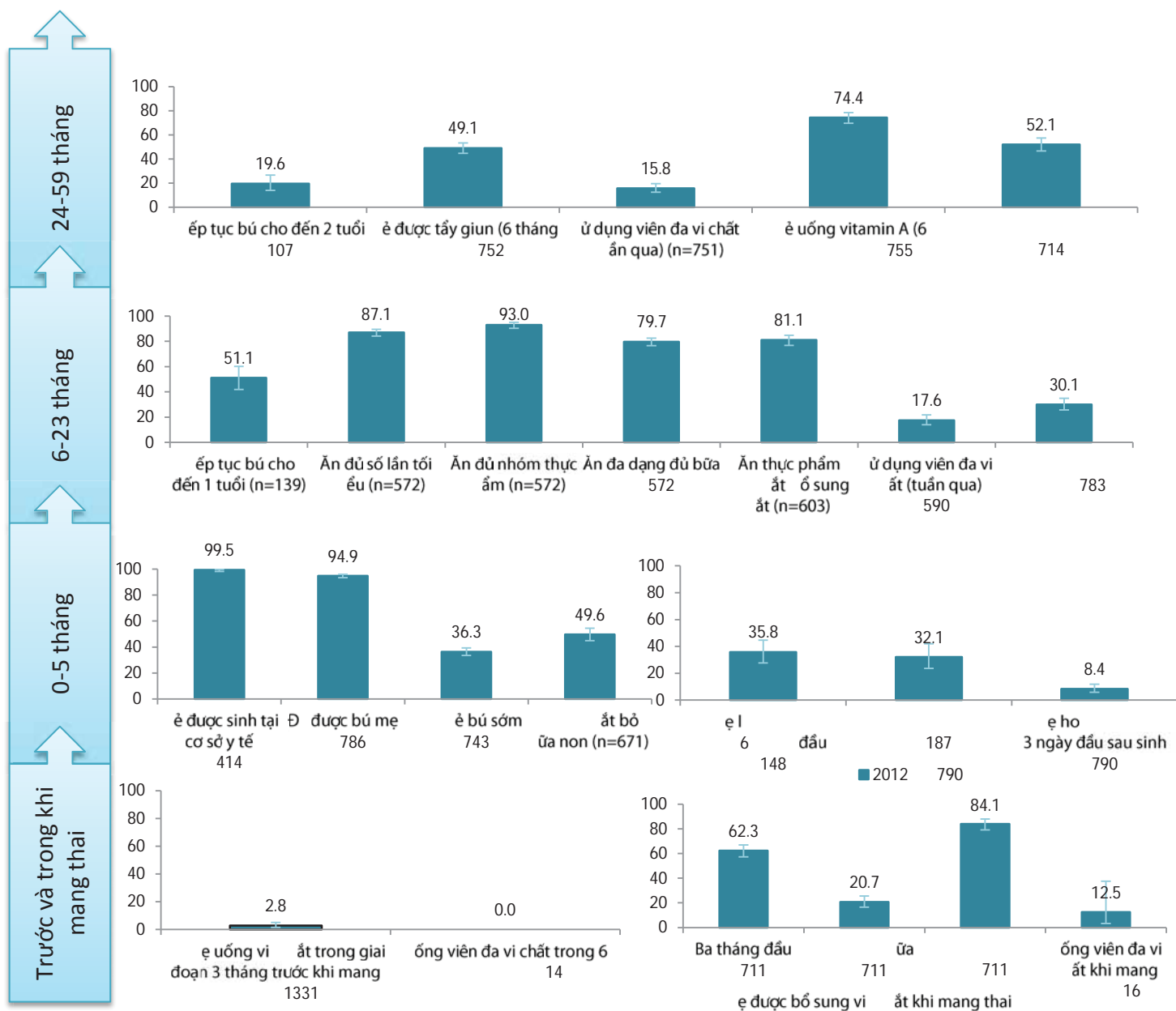
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



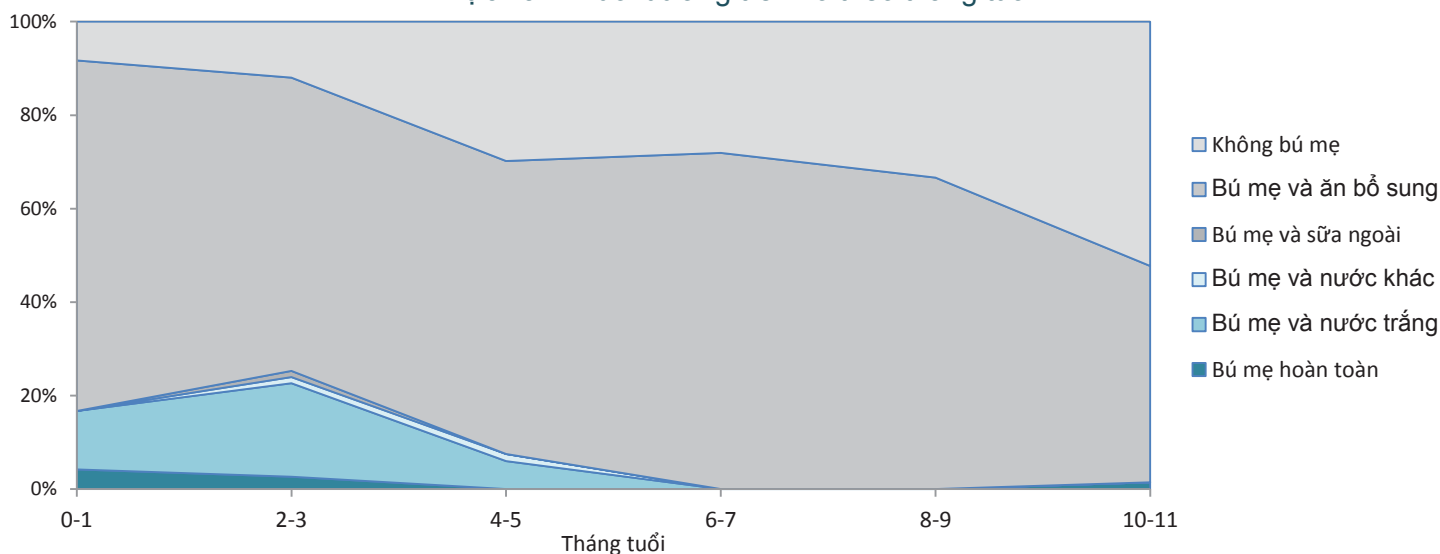
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

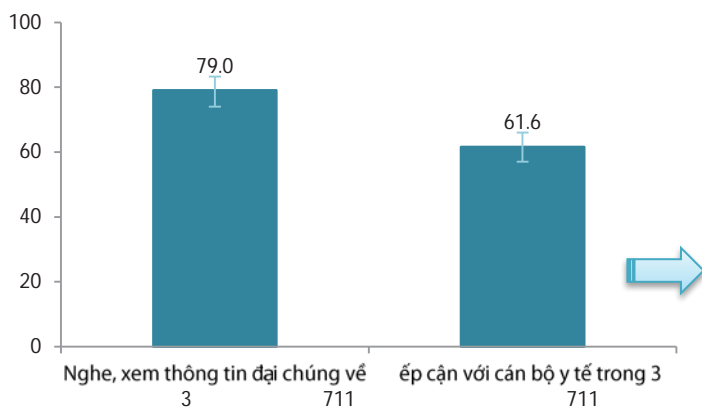


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

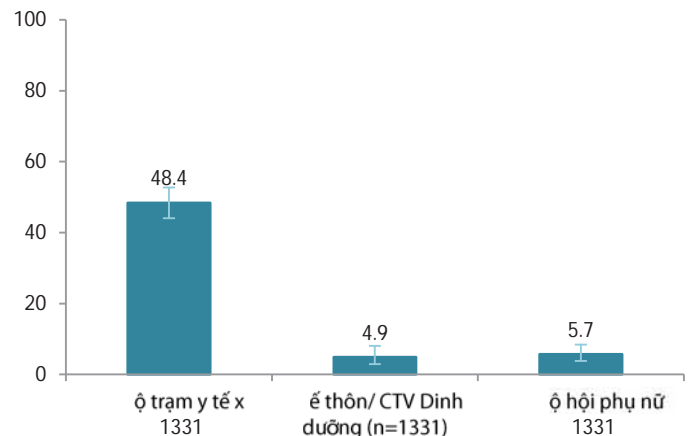
3 TP. Hồ Chí Minh - Thành Thị

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

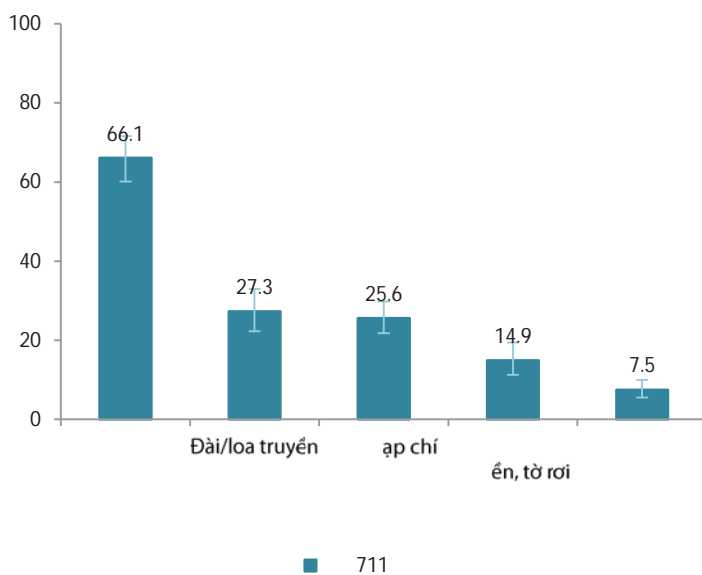
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



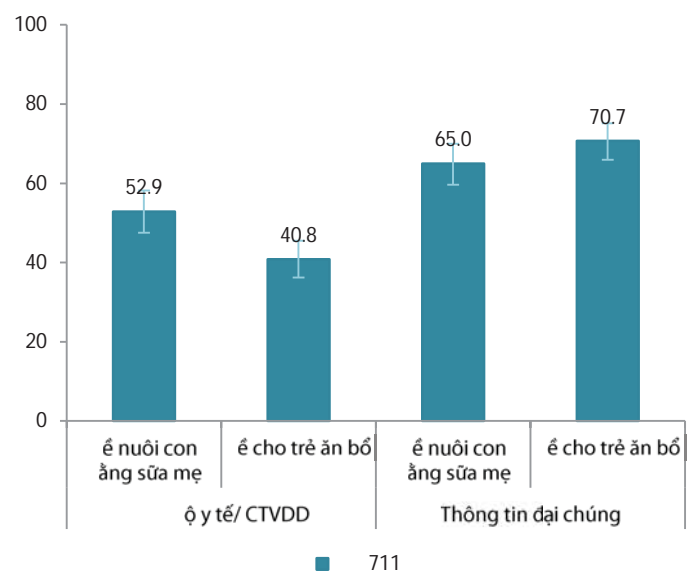
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



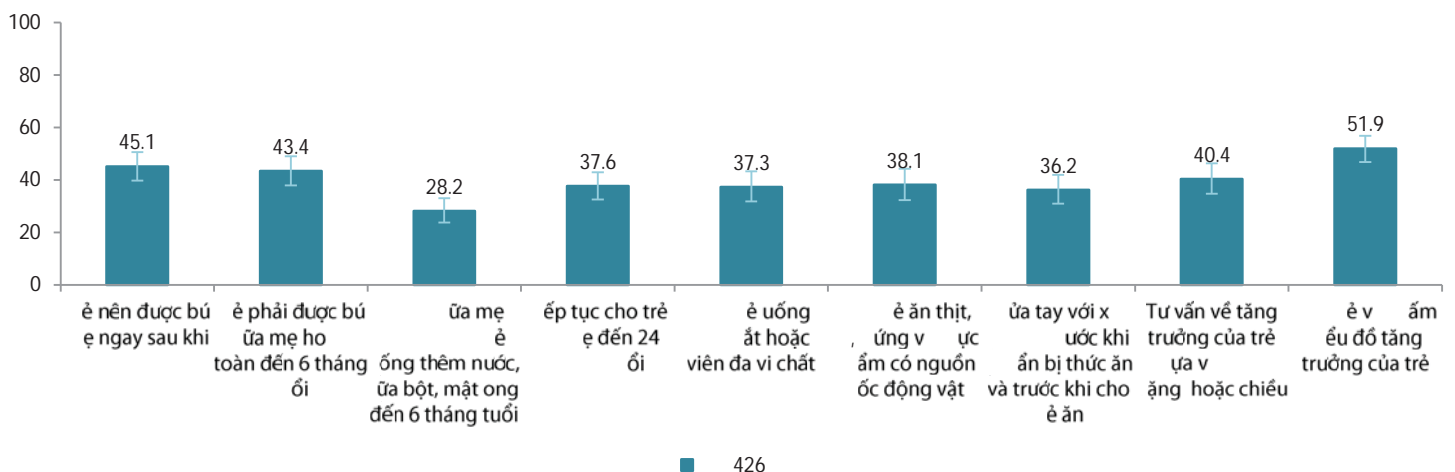
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



TP. Hồ Chí Minh - Nông

Thông tin giám sát dinh dưỡng năm 2012

Báo cáo này nằm trong khuôn khổ hoạt động giám sát dinh dưỡng hằng năm. Số liệu điều tra thường được thu thập từ tháng 6 đến tháng 9 dựa trên mẫu cụm điều tra do Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh tiến hành dưới sự chỉ đạo kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng.

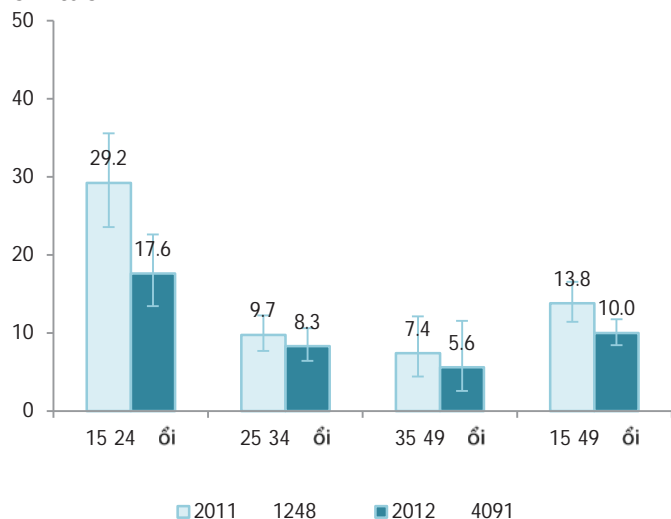
KẾT QUẢ CHÍNH

- Tỷ lệ phụ nữ 15-49 bị thiếu năng lượng trường diễn ($BMI < 18,5 \text{ kg/m}^2$) là 10%. Tỷ lệ bà mẹ có thai được uống viên sắt trong 3 tháng trước hoặc trong khi mang thai của trẻ nhỏ nhất là 83.8% và tỷ lệ bà mẹ sau đẻ được uống Vitamin A là 82.7%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi là 0%, nhẹ cân là 0% và gầy còm là 0%; trong khi đó tỷ lệ trẻ bị thừa cân và béo phì là 14.7%.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ sau sinh là 27.8%, tỷ lệ trẻ được tiếp tục cho bú đến 2 tuổi là 15.1% trong khi tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng bú bình còn khá cao. Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng và đủ là 82.5%. Tỷ lệ trẻ 6-35 tháng tuổi được bổ sung vitamin A là 83%.
- Tỷ lệ bà mẹ tiếp cận được các thông tin về nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong 3 tháng qua là 82.5%; phần lớn thông tin thu được từ các phương tiện thông tin đại chúng, cao nhất là TV. Tỷ lệ bà mẹ có tiếp cận với cán bộ y tế trong 3 tháng qua là 61.3%.

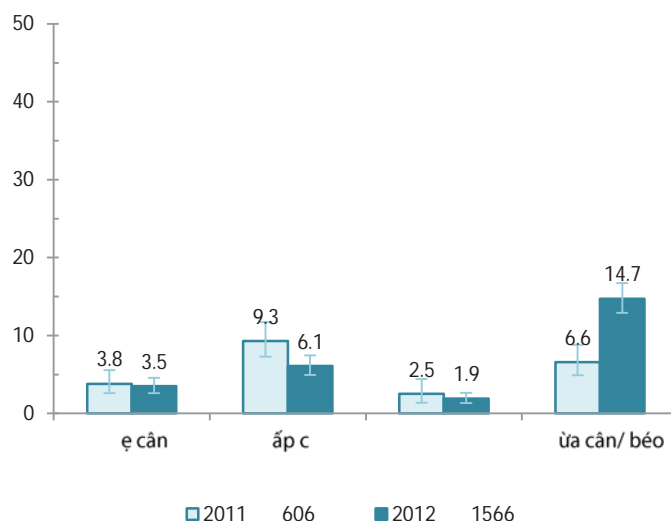
Chú ý: Các chỉ số liên quan tới nuôi dưỡng trẻ nhỏ mới được thêm vào hệ thống giám sát dinh dưỡng từ năm 2010, nên còn cần thời gian để được củng cố và ổn định chất lượng.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NĂM 2011 và 2012)

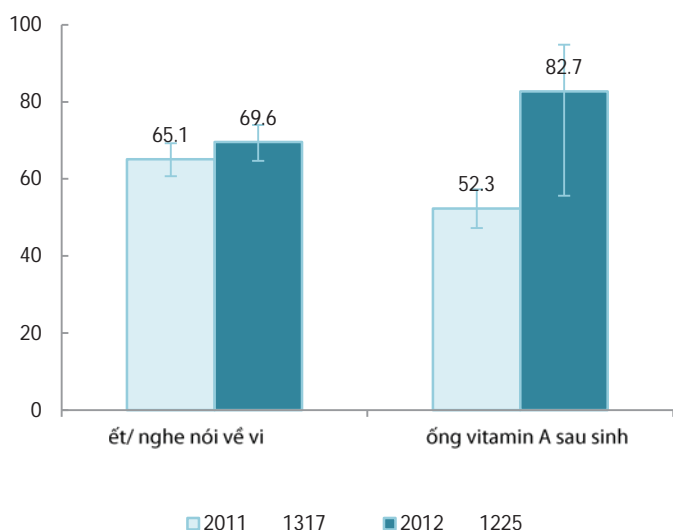
1. Tỷ lệ % bà mẹ thiếu năng lượng trường diễn theo nhóm tuổi



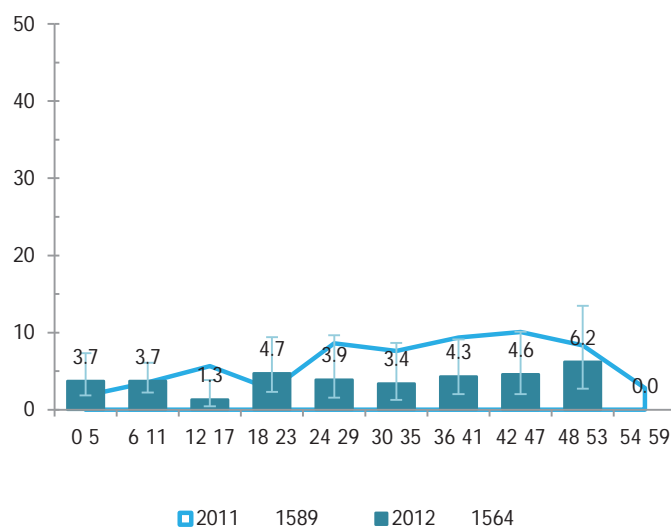
4. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi



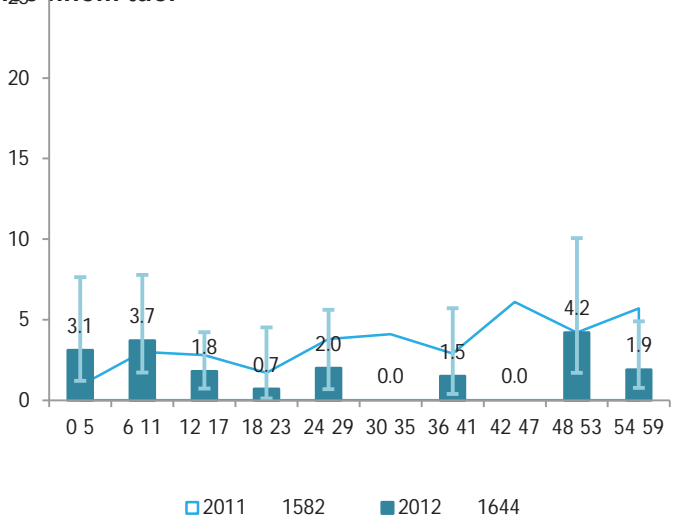
2. Tỷ lệ % bà mẹ biết và độ bao phủ bà mẹ uống vitamin A sau sinh



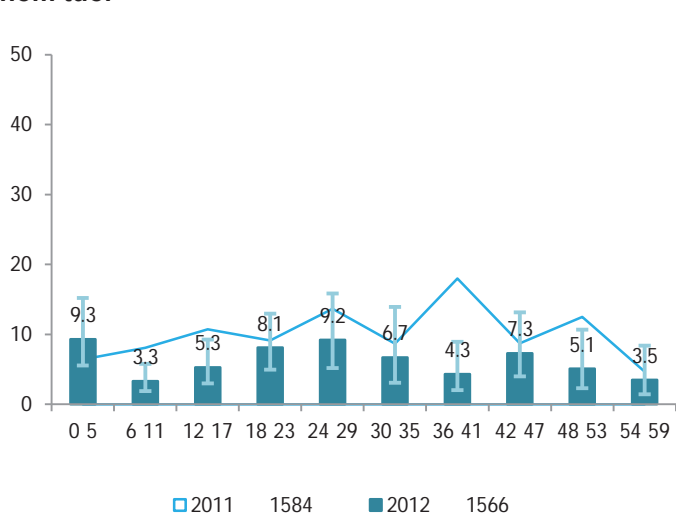
5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (CN/T<-2Z) theo nhóm tuổi



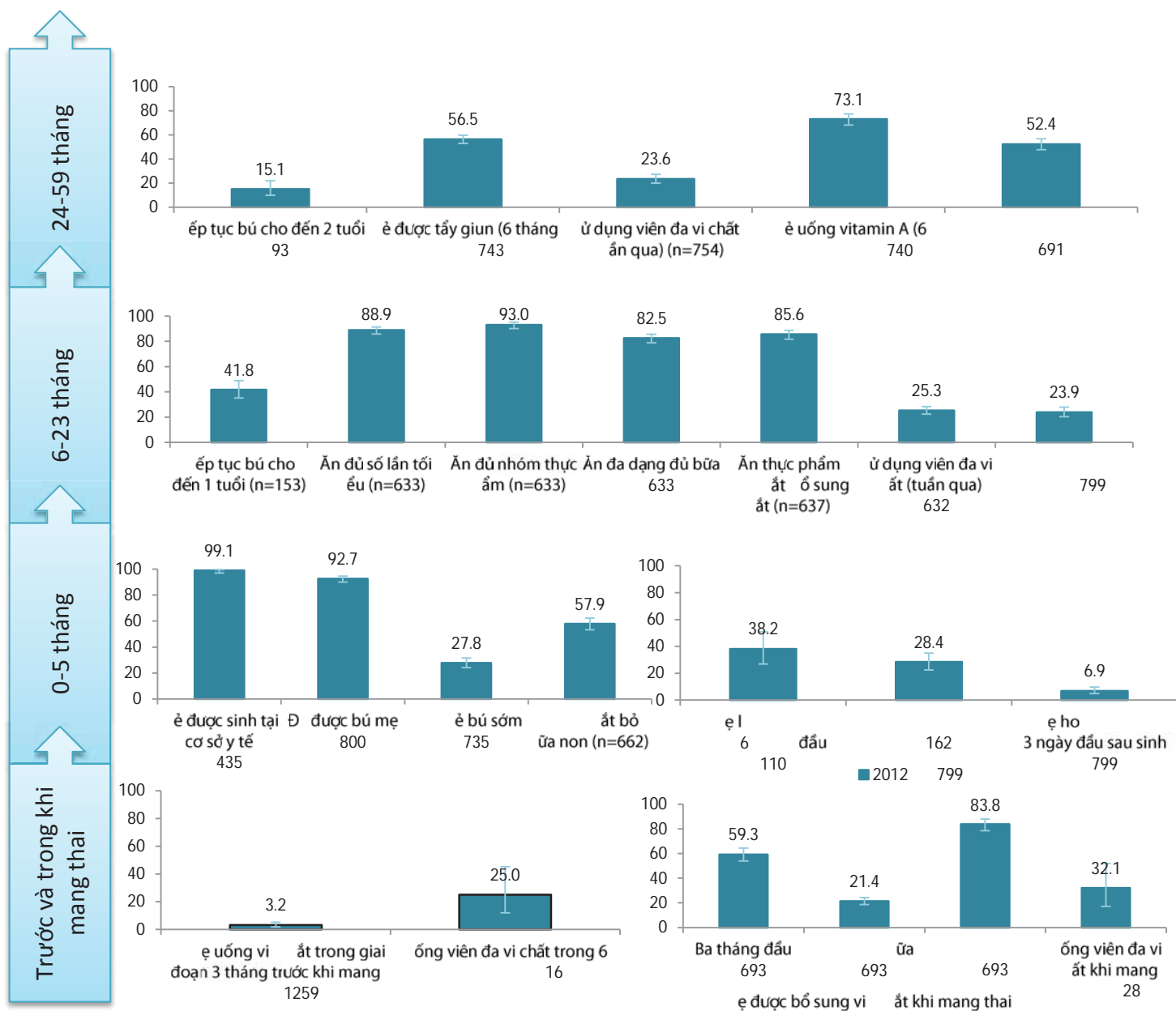
3. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC<-2Z) theo nhóm tuổi



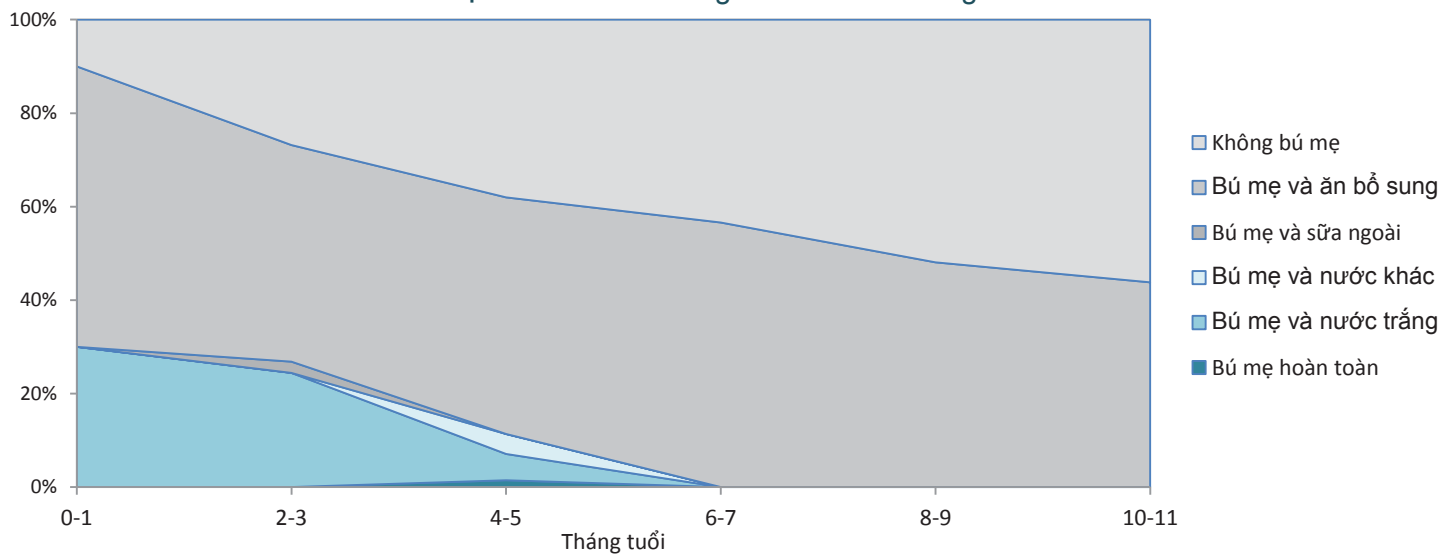
6. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi (CC/T<-2Z) theo nhóm tuổi



CÁC KẾT QUẢ CAN THIỆP DINH DƯỠNG CHÍNH TRONG VÒNG ĐỜI



Thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo tháng tuổi

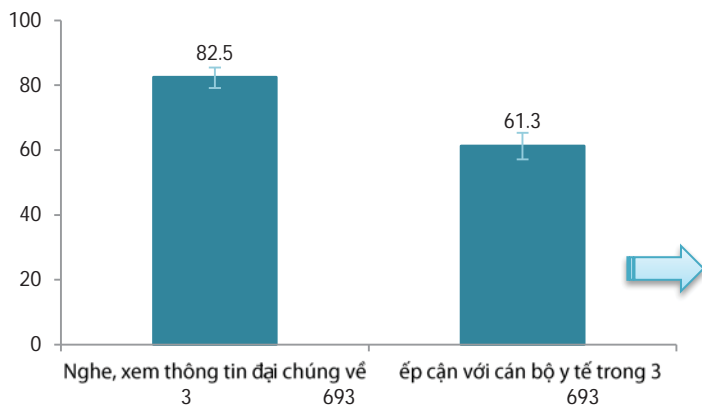


Nguồn thông tin: Hoạt động Giám Sát Dinh Dưỡng 2012 - Viện Dinh Dưỡng

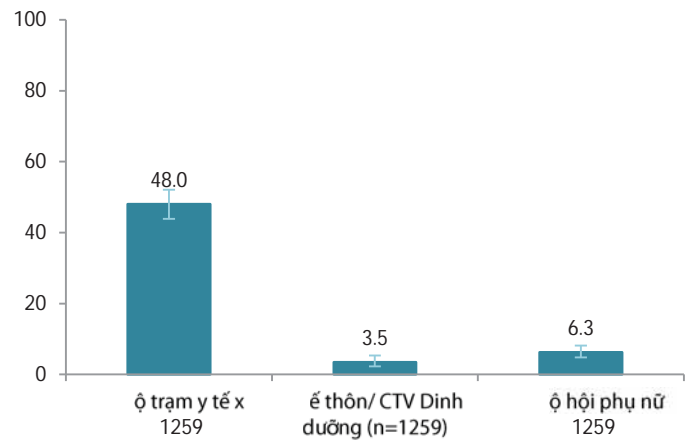
3 TP. Hồ Chí Minh - Nông thôn

THÔNG TIN DINH DƯỠNG CHO BÀ MẸ CÓ TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

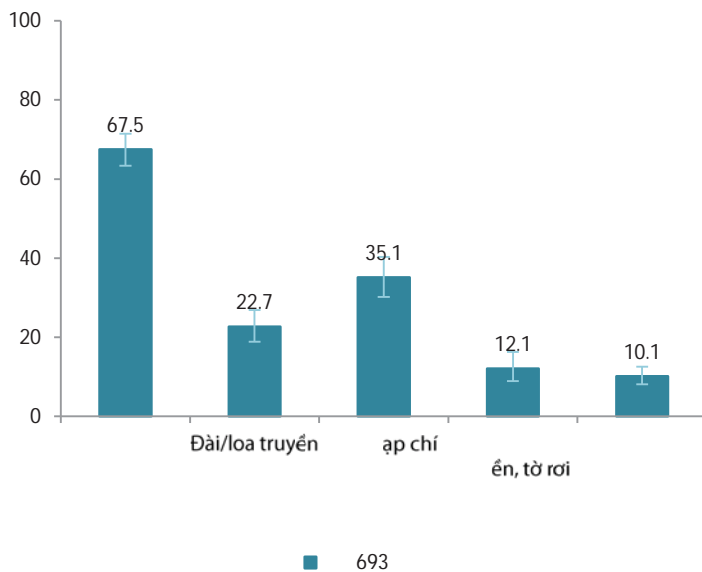
1. Tiếp cận thông tin dinh dưỡng (%)



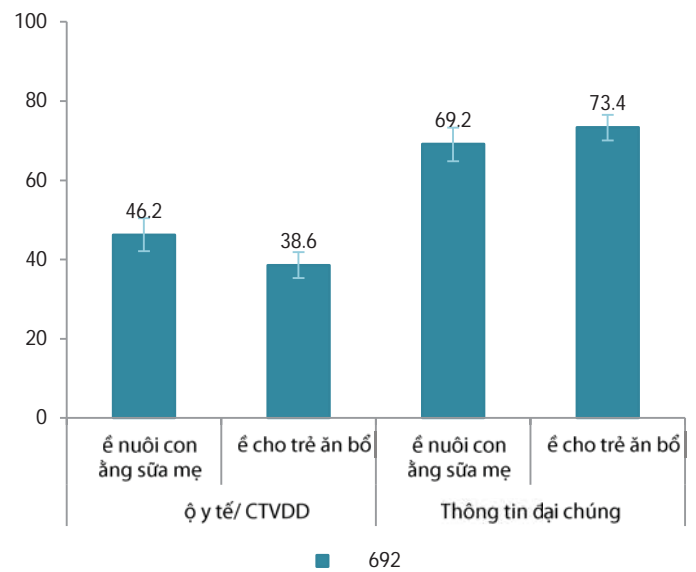
4. Nguồn tiếp cận trực tiếp (%)



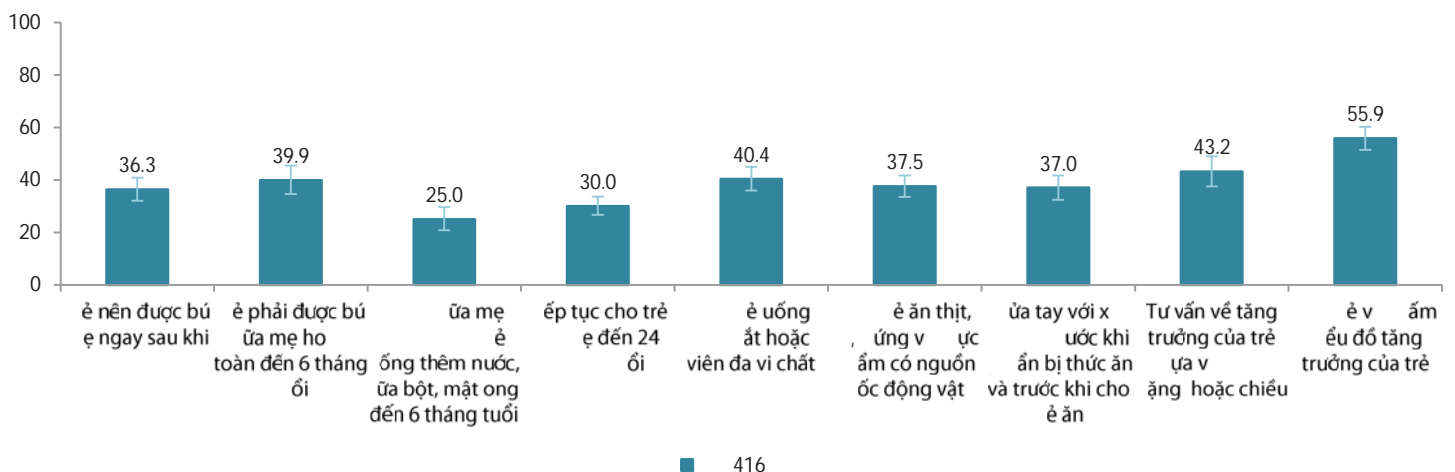
2. Nguồn từ thông tin đại chúng (%)



5. Nội dung thông tin về NCBSM & ABS



3. Chủ đề dinh dưỡng được nghe/ tư vấn (%)



ĐIỀU TRA GIÁM SÁT DINH DƯỠNG BÀ MẸ VÀ TRẺ EM DƯỚI 5 TUỔI NĂM 2012

| | | | | | | | | |
|---|--------------------------------------|---|---|---|--|--|---|--|
| I. TT xác định | 1.1 | Họ tên điều tra viên: | | 1.2 | Tỉnh/ T.phố: | | | |
| | 1.3 | Huyện/ Quận: | | 1.4 | Xã/ Phường: | | | |
| | 1.5 | Ngày điều tra: | ___/___/___ | 1.6 | Thôn/bản/tổ: | | | |
| II. Thông tin mẹ | 2.1 | Tên của mẹ: | | Số mã mẹ: | | | | |
| | 2.2 | Trình độ văn hóa của mẹ: | Không biết chữ: 0 Học hết lớp: ___ | T.cấp, CD 21 ĐH, sau ĐH 22 Không biết 77 | 2.3 | Số con mẹ hiện có: | | |
| | 2.4 | Nghề nghiệp chính của mẹ: | Nông dân 1 Làm công ăn lương 2 Tiểu thương 3 | Nội trợ 4 Khác 9 | 2.5 | Mẹ đang có thai/ cho bú: | Bình thường 0 <input type="checkbox"/> Mang thai 1 <input type="checkbox"/> Cho bú 2 <input type="checkbox"/> | |
| | 2.6 | Ai là người dẫn trẻ đến nơi điều tra: | Mẹ của trẻ 1 Người khác 2 | 2.7 | Dân tộc mẹ, mã số: | | | |
| Mẹ, trẻ nhỏ nhất ⇨ lớn nhất | | | Bà mẹ | Trẻ 1 (nhỏ nhất) | Trẻ 2 (trẻ lớn) | Trẻ 3 (lớn nhất) | | |
| III. Nhân trắc | 3.1 | Tên của trẻ | Chỉ hỏi trẻ ⇨ | | | | | |
| | 3.2 | Giới tính của trẻ | | Trai 1 Gái 2 | Trai 1 Gái 2 | Trai 1 Gái 2 | Trai 1 Gái 2 | |
| | 3.3 | Ngày sinh: Dương Âm lịch | 19 ___ | d ___/___/___ â ___/___/___ | d ___/___/___ â ___/___/___ | d ___/___/___ â ___/___/___ | d ___/___/___ â ___/___/___ | |
| | 3.4a | Trẻ được sinh ở TYT, BV hay ở đâu? | Chỉ hỏi trẻ ⇨ | TYT 1 Bệnh viện 2 Nhà, khác 3 | TYT 1 Bệnh viện 2 Nhà, khác 3 | TYT 1 Bệnh viện 2 Nhà, khác 3 | TYT 1 Bệnh viện 2 Nhà, khác 3 | |
| | 3.4b | Trẻ được đẻ bình thường hay can thiệp? | | Đẻ thường 1 Can thiệp 2 | Đẻ thường 1 Can thiệp 2 | Đẻ thường 1 Can thiệp 2 | Đẻ thường 1 Can thiệp 2 | |
| | 3.4c | Cân nặng trẻ khi sinh | | _____ g | _____ g | _____ g | _____ g | |
| | 3.5 | Cân nặng đo được | _____ kg | _____ kg | _____ kg | _____ kg | _____ kg | |
| 3.6 | Cách đo (đứng/nằm) Chiều cao đo được | _____ cm | d n _____ cm | d n _____ cm | d n _____ cm | d n _____ cm | | |
| Quan sát dấu hiệu lâm sàng | | | Khô mắt 1 <input type="checkbox"/> | Mắt 1 <input type="checkbox"/> Phù 2 <input type="checkbox"/> | Mắt 1 <input type="checkbox"/> Phù 2 <input type="checkbox"/> | Mắt 1 <input type="checkbox"/> Phù 2 <input type="checkbox"/> | Mắt 1 <input type="checkbox"/> Phù 2 <input type="checkbox"/> | |
| IV. Độ bao phủ Vitamin A và uống đa vi chất, viên sắt | 4.1 | Chị có biết viên nang vitamin A không? | Có 1 Không 2 | ⇨ Chỉ hỏi mẹ | | | | |
| | 4.2 | Trong 6 tháng qua, con chị có uống Vitamin A giống viên này không? | Chỉ hỏi trẻ ⇨ | Có 1 Không 2 Không biết 7 | Có 1 Không 2 Không biết 7 | Có 1 Không 2 Không biết 7 | Có 1 Không 2 Không biết 7 | |
| | 4.3 | Có ai nói cho chị biết ngày uống Vitamin A (Nhiều lựa chọn) | Không biết, không được ai báo 0 <input type="checkbox"/> | Nhân viên y tế 1 <input type="checkbox"/> Thư mời 2 <input type="checkbox"/> Họ hàng 3 <input type="checkbox"/> | Hàng xóm 4 <input type="checkbox"/> TV, đài, báo 5 <input type="checkbox"/> Khác 9 <input type="checkbox"/> | ⇨ Chỉ hỏi mẹ | | |
| | 4.4 | Trong 6 tháng qua, chị hay con chị có được tẩy giun không? | Có 1 Không 2 Không biết 7 | Có 1 Không 2 Không biết 7 | Có 1 Không 2 Không biết 7 | Có 1 Không 2 Không biết 7 | Có 1 Không 2 Không biết 7 | |
| | 4.5 | Chị hay con chị có bị quáng gà không? | Có 1 Không 2 Không biết 7 | Có 1 Không 2 Không biết 7 | Có 1 Không 2 Không biết 7 | Có 1 Không 2 Không biết 7 | Có 1 Không 2 Không biết 7 | |
| | 4.6 | Trong tuần qua, chị/ con chị có uống vitamin/ vi chất các loại không? | Có 1 Không 2 Không biết 7 | Có 1 Không 2 Không biết 7 | Có 1 Không 2 Không biết 7 | Có 1 Không 2 Không biết 7 | Có 1 Không 2 Không biết 7 | |
| | 4.7 | Lần mang thai gần đây nhất chị có uống viên sắt không? Uống từ khi nào? | Không uống 0 Không biết khi nào 7 Trước khi có thai 1 | Có, 3 tháng thai đầu 2 Có, 3 tháng thai giữa 3 Có, 3 tháng thai cuối 4 | Có 3 tháng thai đầu 2 Có 3 tháng thai giữa 3 Có 3 tháng thai cuối 4 | Trong vòng 3 tháng sau khi sinh trẻ 5 <input type="checkbox"/> | | |
| | 4.8 | Nếu CÓ uống, xin chị cho biết: | Số tháng uống: _____ | Số ngày TB/tháng: _____ | Mua/ được cấp viên sắt: Mua 1 <input type="checkbox"/> Được cấp 2 <input type="checkbox"/> Cho/biểu/khác 3 <input type="checkbox"/> | | | |

| Câu hỏi cho trẻ nhỏ nhất (Tên.....) | | Phương án trả lời | |
|--|---|--|------------------------------------|
| V. Bú mẹ | 5.1 Cháu (TÊN) có bị tiêu chảy hoặc ho/sốt trong 2 tuần qua không? (Cho phép nhiều lựa chọn) | Có, tiêu chảy trong 2 tuần qua 1 <input type="checkbox"/> Có, ho hoặc sốt trong 2 tuần qua 2 <input type="checkbox"/> Không tiêu chảy hoặc ho hoặc sốt 0 <input type="checkbox"/> | |
| | 5.2 Cháu (TÊN) đã bao giờ từng được bú sữa mẹ? <i>Kể cả bú trực, uống sữa mẹ vắt ra bình/chai, cốc, thìa...</i> | Có 1 Không 2 Không biết 7 | |
| | 5.3 Từ sáng hôm qua đến sáng hôm nay cháu (TÊN) có được bú mẹ không? <i>(24 giờ tính từ sáng ngày hôm qua cho đến sáng nay)</i> | Có 1 Không 2 Không biết 7 | |
| | 5.4 Từ sáng hôm qua đến sáng hôm nay cháu (TÊN) có uống nước hoặc sữa bằng bình/chai có núm vú không? | Có 1 Không 2 Không biết/Không nhớ 7 | |
| I ốt | 5.5 Gia đình chị có dùng muối hoặc bột canh có trộn I ốt khi nấu ăn không? | Có 1 Không 2 Không biết 7 | |
| 5.6 Điều tra viên xác định trẻ nhỏ nhất dưới 24 tháng <i>(Xác định trẻ <24 tháng bằng cách so ngày sinh với ngày điều tra. Chuyển câu 8.1 nếu trẻ >24 tháng)</i> | | Hôm nay: ___/___/___ Ngày sinh: ___/___/___ | Trên 24 tháng 1 Dưới 24 tháng 2 |
| VI. Trẻ dưới 2 tuổi bú mẹ và ăn bổ sung | 6.1 Sau khi cháu (TÊN) đẻ ra được bao lâu thì chị cho cháu bú (hoặc thử cho cháu bú)? <i>Nếu trong vòng 1 giờ đầu, khoanh tròn số 1 Nếu trong vòng 24 giờ đầu, khoanh tròn số 2 và ghi số giờ; Nếu khác 2 phương án trên, khoanh tròn số 3 và ghi số ngày.</i> | Cho bú ngay trong 1 giờ 1 Số giờ 2 ___ giờ Số ngày 3 ___ ngày | |
| | 6.2 Trong 3 ngày đầu sau khi sinh, cháu (TÊN) được cho uống ... (đọc từng lựa chọn bên phải) ... không? (Cho phép nhiều lựa chọn (Hỏi từng mục một, nếu không uống gì mới đánh dấu KHÔNG UỐNG GÌ) | Nước trắng 1 <input type="checkbox"/> Mật ong 2 <input type="checkbox"/> Nước pha đường 3 <input type="checkbox"/> Nước hoa quả 5 <input type="checkbox"/> Sữa dành cho trẻ sơ sinh 6 <input type="checkbox"/> Các loại sữa khác (không kể sữa mẹ) 7 <input type="checkbox"/> Trà/nước lá cây/ được thảo 8 <input type="checkbox"/> Khác 9 <input type="checkbox"/> Không uống gì 0 <input type="checkbox"/> | |
| | 6.3 Chị có vắt bỏ sữa non trước khi cho cháu (TÊN) bú lần đầu tiên không? | Có 1 Không 2 | |
| | 6.4 Hiện nay chị còn cho cháu (TÊN) bú mẹ không? | Có 1 Không 2 | |
| | 6.5 Chị đã cho cháu (TÊN) bú mẹ được bao nhiêu tháng? <i>(Nếu bà mẹ không trả lời số tháng chính xác, hỏi thêm để có con số ước đoán)</i> | Số tháng được bú mẹ: ___ tháng | |
| | 6.6 Ngày hôm qua từ lúc thức dậy cho đến trước khi đi ngủ , chị cho cháu (TÊN) bú bao nhiêu lần? <i>(Tính cả số lần vắt sữa cho trẻ uống. Nếu bà mẹ không biết chính xác, hỏi thêm để có con số ước đoán)</i> | Số lần cho trẻ bú mẹ ban ngày : ___ lần | |
| | 6.7 Đêm hôm qua (từ lúc đi ngủ cho đến khi thức dậy sáng hôm nay, chị cho cháu (TÊN) bú bao nhiêu lần? <i>(Tính cả số lần vắt sữa ra cho ăn bằng thìa. Nếu bà mẹ không biết chính xác, hỏi thêm để ước đoán)</i> | Số lần cho trẻ bú mẹ ban đêm : ___ lần | |
| | 6.8 Khi cho trẻ bú, chị có cho trẻ bú lần lượt hết một bên vú rồi mới chuyển sang vú bên kia không? | Có 1 Không 2 | |
| | 6.9 Từ sáng hôm qua đến sáng hôm nay chị cho cháu (TÊN) ăn đặc hoặc lỏng được bao nhiêu bữa chính? <i>Không tính nếu ăn vật, uống hoặc bú sữa.</i> | Số lần ăn chính trong ngày hôm qua: ___ lần | |
| | 6.10 Từ sáng hôm qua đến sáng hôm nay chị cho cháu (TÊN) ăn bao nhiêu bữa phụ (ăn vặt)? <i>(Á n quả chuối, miếng bánh kẹo, snack. Không tính snack nhỏ, ăn miếng nhỏ ví dụ như cắn 1-2 miếng đồ ăn của mẹ, anh/chị)</i> | Số lần ăn vật trong ngày hôm qua: ___ lần | |

| Câu hỏi cho trẻ nhỏ nhất (Tên.....) | | Phương án trả lời | | | | |
|-------------------------------------|--|--|-------|--|-------|------------|
| Biết trẻ ăn | 7.1 Chị có biết trong ngày hôm qua cháu (TÊN) được ăn uống những gì không? | Có 1 Không 2 | | | | |
| | 7.2 Xin chị cho biết cháu (TÊN) đã từng được ăn những thức ăn dưới đây không? Nếu đã từng thì ngày hôm qua cháu có được ăn những loại thức ăn đó không? | Trước đây | | Hiện tại | | |
| | | Trẻ đã từng được cho ăn/ uống...? | | Nếu có, ngày hôm qua trẻ có được ăn/uống ...? | | |
| | | Có | Không | Có / lần | Không | Không biết |
| Thực ăn lỏng | A Nước trắng hoặc nước đun sôi để nguội | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | B Nước hoa quả, dứa, cam thảo và lá cây | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | C Sirô/ nước pha thuốc bổ (vitamin, sắt, kẽm), ORS | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | D Các loại đồ uống khác (Trà, cà phê, Coca-cola, Sprite...) | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | E Nước cơm, cháo, nước súp, ninh hầm (xương, thịt) | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| Sữa các loại | F Sữa tươi, sữa nước hộp (Vinamilk, Cô gái Hà Lan...) | 1 | 0 | ___ lần | 0 | 77 |
| | G Sữa chua nước | 1 | 0 | ___ lần | 0 | 77 |
| | H Sữa trẻ em/sữa bột (Frisolac, Similac, Mama sữa non) | 1 | 0 | ___ lần | 0 | 77 |
| Thực ăn đặc, thức ăn mềm | I Cơm/ Cháo/ Bột/ bánh giò/ phở/ bún (TP từ gạo) | 1 | 0 | ___ lần | 0 | 77 |
| | J Mỳ ăn liền, bánh mỳ, bánh bao, bánh ngọt, bích qui (TP từ bột mỳ) | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | K Bí đỏ, cà rốt, mít, khoai lang hoặc các loại rau củ có màu vàng hoặc màu cam bên trong | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | L Khoai tây, khoai mỡ, sắn hoặc các loại củ khác (kể cả miến) | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | M Xoài chín, đu đủ, dưa hấu, cà chua, quýt, hồng hoặc các loại có có màu vàng, cam, đỏ bên trong | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | N Các loại rau có lá màu xanh đậm (muống, đay, ngót, dền) | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | O Các loại rau củ quả khác (Chưa được kể ở trên) | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | P Trứng gia cầm các loại (gà, vịt, ngan, ngỗng, chim cút) | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | Q Tim, gan, bầu dục hoặc các loại nội tạng khác | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | R Các loại thịt (bò, lợn, gà, vịt, cừu, dê....) | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | S Cá, tôm, cua, nghêu, sò, ốc, hến, lươn hoặc hải sản khác | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | T Nước mắm | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | U Đậu phụ, sữa đậu nành, tào phớ hoặc các sản phẩm khác từ đậu tương | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | V Các loại lạc, đậu đỗ , đậu Hà lan, hoặc các loại đậu hạt khác | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | W Sữa chua, bơ, pho mát, sữa đặc có đường, bánh sữa, kẹo sữa, caramen và các sản phẩm từ sữa khác | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | X Các loại dầu, mỡ, bơ ăn hoặc nấu cùng các món ăn | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | Y Các thực phẩm có chứa đường như sô cô la, kẹo cứng, kẹo mềm, bánh ngọt, bánh quy hoặc đồ ăn ngọt khác | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | Z Các loại thức ăn chưa được kể ở trên chị cho cháu (TÊN) ăn | 1 | 0 | 1 | 0 | 7 |
| | | Nếu CÓ thì hỏi rõ tên thức ăn/đồ uống đó | | | | |

| Câu hỏi | | Phương án trả lời | | | | | | | | | |
|---|---|---|------------------|---|--------------------|-------------|-----------|------------------|-----------|------|---|
| VIII. Tiếp xúc với chương trình dinh dưỡng | 8.1 Trong 3 tháng qua chị có gặp hay tiếp xúc với cán bộ sau đây không? Nếu có, số lần tiếp xúc trong 3 tháng qua? (Cho phép nhiều lựa chọn) (Nếu kiểm nhiệm thì chỉ chọn một) | Cán bộ trạm y tế xã 1 <input type="checkbox"/> ⇒ Số lần: _____ Y tế thôn/ CTV Dinh dưỡng 2 <input type="checkbox"/> ⇒ Số lần: _____ Cán bộ hội phụ nữ 3 <input type="checkbox"/> ⇒ Số lần: _____ Không biết 7 <input type="checkbox"/> Không gặp 0 <input type="checkbox"/> | | | | | | | | | |
| | 8.2 Trong 3 tháng qua, chị có được nghe, xem, tư vấn các thông tin sau không? Nếu có, chị được nghe, xem hoặc biết từ đâu? (Nhiều lựa chọn, hỏi từng mục) | KHÔNG | Nguồn có được | | | | | | | | |
| | A. Trẻ nên được bú mẹ ngay sau khi sinh | | Cán bộ y tế/CTVD | TV | Đài, loa truyền | Báo/tạp chí | Internet | Tranh TT, tờ rơi | Không nhớ | Khác | |
| | B. Trẻ phải được bú sữa mẹ hoàn toàn đến 6 tháng tuổi | | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 |
| | C. Ngoài sữa mẹ ra không cho trẻ uống thêm nước, sữa bột trẻ em, mật ong đến 6 tháng tuổi | | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 |
| | D. Tiếp tục cho trẻ bú đến 24 tháng tuổi | | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 |
| | E. Cho trẻ uống bổ sung viên sắt, vitamin A hoặc viên đa vi chất | | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 |
| | F. Cho trẻ ăn thịt, cá, trứng và thực phẩm có nguồn gốc động vật khác | | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 |
| | G. Rửa tay với xà phòng trước khi chuẩn bị thức ăn và trước khi cho trẻ ăn | | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 |
| | H. Tư vấn về tăng trưởng của trẻ dựa vào cân nặng hoặc chiều cao | | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 |
| I. Cân trẻ và chấm biểu đồ tăng trưởng của trẻ | 0 | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 | |
| J. Sử dụng muối iốt trong bữa ăn hàng ngày | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 | | |
| IX. An ninh thực phẩm | 9.1 Trong 12 tháng qua đã có giai đoạn nào gia đình chị phải giảm số bữa , hoặc phải giảm số lượng lương thực trong 1 bữa vì thiếu thực phẩm không? (Nhiều lựa chọn, không gọi ý tháng thiếu) | <u>Tháng thiếu</u> <u>ăn</u> Có 1 ⇒ Không 2 ⇨ | | Tháng 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> Tháng 4 <input type="checkbox"/> 5 <input type="checkbox"/> 6 <input type="checkbox"/> Tháng 7 <input type="checkbox"/> 8 <input type="checkbox"/> 9 <input type="checkbox"/> Tháng 10 <input type="checkbox"/> 11 <input type="checkbox"/> 12 <input type="checkbox"/> | | | | | | | |
| | 9.2 Trong năm qua, gia đình chị có nhận được hỗ trợ lương thực, tiền mua lương thực | Có, kể tên ⇨ 1 Không 2 | | | | | | | | | |
| | 9.3 Xin chị cho biết trong tuần qua gia đình chị có ăn [tên thực phẩm] không? Nếu có, bao nhiêu ngày trong tuần và nguồn thực phẩm đó từ đâu? | Số ngày | Nguồn có được | | | | | | | | |
| A. Gạo (com, bún, phở, mì gạo) | Nuôi/ trồng | | Mua về | Hái lượm | Trà công/ trao đổi | Vay/ mượn | Cho, biếu | Trợ cấp | Khác | | |
| B. Mỳ (Bánh mỳ, bánh bao, mỳ sợi...) | 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 9 | | |
| C. Ngũ cốc khác (Ngô, khoai, sắn, củ...) | 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 9 | | |
| D. Lạc, vừng, đậu đỗ các loại | 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 9 | | |
| E. Rau lá sẫm màu hoặc quả ruột đỏ/vàng/cam | 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 9 | | |
| F. Rau quả khác kể cả rau dại | 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 9 | | |
| G. Thịt các loại kể cả gia cầm | 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 9 | | |
| H. Trứng các loại | 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 9 | | |
| I. Hải sản (Cá, tôm, cua, ốc) | 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 9 | | |
| J. Sữa , sữa chua, foma và sản phẩm | 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 9 | | |
| K. Đồ ngọt (Đường, mật, kẹo bánh) | 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 9 | | |
| L. Dầu/ mỡ | 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 9 | | |
| M. Vitamin, thuốc bổ (chỉ tính bà mẹ hoặc trẻ) | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 9 | | | |